

THE #1 NEW YORK TIMES BESTSELLER

CLIVE CUSSLER



CƯỜNG VỌNG



CÔNG TY SÁCH THỜI ĐẠI & NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

CLIVE CUSSLER



CUỒNG VỌNG

Dịch giả: Phạm Đăng Phụng
Thực hiện ebook: page Duyên sách



Nhà xuất bản Hồng Đức

Contents

SỰ VA CHẠM KHỦNG KHIẾP 2

CHIẾC TÀU MA 8

CỨ ĐẾN GẦN ĐỊA NGỤC NẾU BẠN CÓ THỂ 24

NHỮNG DẤU VẾT CỦA NGƯỜI CỔ ĐẠI 90

CHIẾC TÀU CỨU NẠN THỂ KỶ HAI MUOI MỐT 191

THÀNH PHỐ DƯỚI BĂNG 310

TRO TAN, TRO TÀN, TẤT CẢ ĐỀU RƠI XUỐNG 430

PHÚC LÀNH SAU CÙNG 440

TÁI BÚT 446

SỰ VA CHẠM KHỦNG KHIẾP

Năm 7.120 trước Công nguyên sự va chạm đã tạo ra Vịnh Hudson tại Canada ngày nay.

Vật lạ đến từ một nơi nào đó trong không gian. Đó là một khối tinh vân rắn - một đám mây khổng lồ do nhiều khối băng, đá, bụi bặm và các loại khí kết tụ lại - có mặt cùng lúc với sự hình thành của vũ trụ, khi những hành tinh trong hệ thống mặt trời xuất hiện từ bốn tỉ sáu trăm triệu năm trước. Ngay sau khi những hạt li ti rời rạc của nó đông lại thành một khối cứng rắn có đường kính rộng một dặm, nó bắt đầu lặng lẽ di chuyển cực nhanh qua không gian trống trải, mênh mông, trên một quỹ đạo quanh mặt trời và những ngôi sao gần nhất, một hành tinh kéo dài nhiều ngàn năm từ lúc khởi đầu đến khi chấm dứt.

Phần lõi của sao chổi, còn gọi là hạt nhân, là một khối kết hợp gồm hơi nước đông đặc, carbon monoxide, khí mê tan và những tảng đá kim loại vỡ nát. Có thể mô tả chính xác nó là một quả bóng tuyết bẩn thỉu bị ném mạnh qua không gian của hệ thống mặt trời, hoặc sự bức xạ của mặt trời phản ứng lại với nhân của nó và xảy ra sự biến đổi hình dạng. Một con vệt con xấu xí nhanh chóng trở thành một vật xinh đẹp.

Khi nó bắt đầu hấp thụ nhiệt lượng và tia tử ngoại của mặt trời, một vệt dài hình thành và chậm chạp phát triển thành một cái đuôi lông lánh khổng lồ, cong và trải rộng ra phía sau cái lõi với một chiều dài đến chín mươi triệu dặm. Một cái đuôi ngắn hơn, màu trắng, do bụi tạo thành rộng hơn một triệu dặm cũng hình thành và nằm cong theo cái đuôi lớn giống như những cái vây trên mình một con cá.

Mỗi lần sao chổi đi qua mặt trời, nó mất đi một phần khối băng của nó và lõi cũng giảm bớt. Sau cùng, trong một thời gian hai trăm triệu năm, nó mất hết khối băng và vỡ vụn thành một khối mây bụi gồm vô số thiên thạch nhỏ. Tuy nhiên, sao chổi này không bao giờ lệch khỏi quỹ đạo của nó trong hệ thống mặt trời hoặc đi qua quanh mặt trời một lần nữa. Nó không được phép chết một cách chậm chạp và lạnh lẽo tại một nơi xa thẳm nào đó trong không gian tối tăm. Chỉ trong vài phút ngắn ngủi, sự sống của nó vụt tắt. Nhưng trên quỹ đạo cuối cùng của nó, sao chổi vẫn đi qua chín trăm

ngàn dặm của sao Mộc, và trọng lực rất lớn của sao này làm nó đổi chiều sang một hành trình khác và chạm mạnh vào một hành tinh thứ ba trong hệ thống mặt trời, một hành tinh mà cư dân của nó gọi là Trái Đất.

Lao vào bầu khí quyển của Trái Đất với vận tốc một trăm ba mươi ngàn dặm mỗi giờ theo một góc bốn mươi lăm độ, vận tốc của nó càng tăng thêm vì sức hút của trọng lực, sao chổi gây ra sự va chạm khủng khiếp và phát sáng với kích thước rộng mười dặm, và sức nặng bốn tỉ tấn của nó vỡ vụn vào lúc đó. Bảy giây sau, khối sao chổi méo mó trở thành một quả cầu lửa sáng rực, đập vỡ bề mặt Trái Đất với một sức công phá không thể tưởng tượng. Hậu quả tức thì từ vụ nổ làm thoát ra những năng lượng phá hủy khoét sâu vào vỏ Trái Đất tạo thành một lòng chảo rộng bằng hai lần diện tích đảo Hawaii khi nó bốc hơi và chiếm chỗ một khối khổng lồ gồm nước và đất đá.

Toàn bộ Trái Đất rung chuyển do sự va chạm, tạo ra một vụ động đất lên tới mười hai độ rít-te. Hàng triệu tấn nước các loại trồi tích và các thứ đồ nát bị tổng vào bầu khí quyển phía trên chỗ va chạm và xâm nhập vào tầng bình lưu, cùng với khối bụi nước khổng lồ bị phá hủy, khối đá bị cháy đỏ thoát ra và lao vào những quỹ đạo chung quanh trước khi rơi xuống lại trên mặt đất như những thiên thạch cháy sáng. Những trận bão lửa thiêu rụi những khu rừng trên khắp mặt đất. Những núi lửa đã ngủ yên hàng ngàn năm đột nhiên hoạt động trở lại, tổng vào các đại dương những dung nham lỏng lan rộng trên một triệu dặm vuông, phủ lên mặt đất một lớp dày đến trên một ngàn bộ. Vô số khói và bụi bị tổng vào tầng khí quyển, sau đó bị những trận gió khủng khiếp từ mặt trời thổi đến từng ngõ ngách trên Trái Đất và biến nó thành một nơi tối tăm kéo dài gần một năm. Khí hậu của Trái Đất đột ngột thay đổi khủng khiếp. Nhiệt độ trên những vùng băng tuyết mênh mông và những băng hà hoặc băng trôi ở phía bắc tăng lên cho tới khi chúng đạt đến chín mươi và một trăm độ Fahrenheit, gây ra sự bốc hơi nhanh chóng. Các chủng động vật từng quen với khí hậu nhiệt đới và những vùng ôn đới trở nên bị tuyệt chủng chỉ trong một đêm. Nhiều chủng loại như loài voi ma-mút có lông chết nhanh chóng đến nỗi cỏ và hoa trong dạ dày chúng vẫn chưa tiêu hóa kịp. Cây cối cùng với lá và trái của chúng nhanh chóng chín muồi. Chỉ vài ngày, cá trong các sông ngòi hồ ao đều nằm phơi bụng.

Những đợt sóng cao từ năm đến mười dặm tràn lên các lục địa, tàn phá tất cả những gì cản đường chúng. Nước tràn qua những bình nguyên

thấp dọc bờ biển, cuốn đi hàng trăm dặm vào trong đất liền. Vô số những trăn tích và các thứ cặn bã từ đáy những đại dương trải rộng trên những vùng đất thấp. Chỉ đến khi đợt trào dâng kinh khủng này đập vào chân những ngọn núi, dội lại và bắt đầu chậm chạp rút lui sau khi đã làm thay đổi dòng chảy những con sông, lấp đầy những chỗ trũng trên mặt đất - nơi trước kia không có sự sống - biến đổi những hồ ao rộng lớn thành những sa mạc.

Chuỗi phản ứng này có vẻ kéo dài bất tận.

Với những tiếng động ầm ầm phát triển thành tiếng gầm rú liên tục như tiếng sấm, những ngọn núi bắt đầu lắc lư như những cây cọ dưới một làn gió nhẹ. Những sa mạc và những đồng cỏ nhấp nhô khi những đợt tấn công dữ dội từ các đại dương lại tràn lên đất liền. Sự chấn động từ vụ va chạm của sao chổi đã tạo ra sự thay đổi vị trí hoàn toàn và nhanh chóng trên lớp vỏ mỏng của Trái Đất. Lớp ngoài cùng, dày chưa tới bốn mươi dặm, và mặt đất bao bọc cái lõi nóng chảy của Trái Đất trở nên vụn vụn như lớp vỏ của một trái táo bị bóc ra rồi ráp lại để nó có thể chuyển động quanh cái lõi của trái táo bên trong. Như được kiểm soát bởi một bàn tay vô hình, toàn bộ lớp vỏ Trái Đất chuyển động như một bộ phận duy nhất.

Toàn bộ các lục địa trôi nổi đến những vị trí mới. Những ngọn đồi nhô cao thành núi hoa. Những hòn đảo khắp Thái Bình Dương biến mất, trong lúc những đảo khác trỗi lên lần đầu tiên. Nam Cực, về phía tây Chi Lê, trượt dài hơn hai ngàn dặm về phía nam, tại đây nó nhanh chóng bị chôn vùi dưới những lớp băng mới thành hình. Khối băng khổng lồ từng trôi nổi trên Ấn Độ Dương và phía tây Úc châu giờ đây lạc lõng tại vùng ôn đới và nhanh chóng bắt đầu bốc hơi. Tình trạng đó cũng xảy ra tại nơi trước kia là Bắc Cực, lan rộng tới vùng bắc Canada. Địa cực mới nhanh chóng sản xuất ra một khối băng dày giữa một nơi trước kia là một đại dương rộng lớn.

Sự tàn phá thật khắc nghiệt. Sự chấn động và đổ nát tiếp tục xảy ra như thể chúng sẽ không bao giờ chấm dứt. Đó là lúc lớp vỏ mỏng của Trái Đất chùng chắt hết biến động này tới biến động khác. Sự bốc hơi đột ngột của những khối băng trước kia kết hợp với các băng hà và băng trôi bao phủ khắp các đại dương đột ngột trôi vào hoặc gần những vùng nhiệt đới, làm cho các đại dương dâng cao tới bốn trăm bộ, nhấn chìm những vùng đất đã bị tàn phá với những đợt sóng thủy triều khổng lồ phát sinh từ vụ va chạm của sao chổi. Chỉ trong một ngày, nước Anh, từng nổi liền với phần

còn lại của lục địa châu Âu bởi một bình nguyên khô ráo, lúc này biển thành một hòn đảo, trong lúc một sa mạc bị nhận chìm trở thành vịnh Ba Tư. Sông Nil từng chảy vào một thung lũng phì nhiêu mênh mông rồi đổ ra một đại dương ở phía tây lúc này lại kết thúc dòng chảy của nó tại một nơi đột ngột biến thành Địa Trung Hải.

Kỷ nguyên băng hà rộng lớn cuối cùng chấm dứt về mặt địa chất chỉ trong nháy mắt.

Sự thay đổi ngoạn mục trong các đại dương và sự lưu thông của chúng quanh Trái Đất làm cho các địa cực di chuyển, quấy nhiễu dữ dội sự quân bình cố hữu của Trái Đất. Trục Trái Đất tạm thời bị lệch hai độ, khi Bắc Cực và Nam Cực bị đổi chỗ đến những vùng địa lý mới, làm biến đổi lực hướng tâm quanh mặt ngoài của địa cầu. Vì chúng là lưu chất, các đại dương thay hình đổi dạng trước khi các địa cực ngừng rung lắc và trở nên ổn định quanh cái trục mới của chúng. Trong thời gian đó, mực nước biển cũng trở nên ổn định, cho phép nhiều bờ biển mới được hình thành trong khi những điều kiện khí hậu kỳ quặc tiếp tục được điều chỉnh dần. Những thay đổi trở nên thường xuyên. Thời gian nối tiếp giữa ngày và đêm thay đổi khi số ngày trong một năm giảm còn một nửa. Từ trường của Trái Đất cũng bị ảnh hưởng và di chuyển về hướng tây bắc hơn một trăm dặm.

Hàng trăm, có lẽ hàng ngàn những loài động vật và cá khác nhau nhanh chóng bị tuyệt chủng. Tại châu Mỹ, loài lạc đà một bướu, loài voi ma-mút, loài ngựa của kỷ nguyên băng hà và loài cu-li khổng lồ, tất cả đều biến mất. Loài cọp răng kiếm, loài chim khổng lồ với sải cánh dài đến hai mươi lăm bộ và nhiều loài thú khác có trọng lượng nặng cả trăm cân Anh hoặc hơn, phần lớn chết ngạt vì khói và các loại khí độc từ núi lửa thoát ra.

Các chủng loại thực vật trên mặt đất cũng không thoát khỏi thảm họa. Đời sống của thảo mộc nếu không biến thành tro thì cũng chết vì thiếu ánh sáng mặt trời, kể cả các loài rong tảo trong nước. Cuối cùng, trên tám mươi lăm phần trăm sự sống trên Trái Đất đều chết vì lụt lội, lửa, bão táp, tuyết lở, chất độc từ bầu khí quyển và thậm chí vì nạn đói.

Các xã hội loài người, đa số đã hoàn toàn tiến triển và vô số nền văn hoá đang trên ngưỡng cửa của một thời đại tiến hóa vàng son bỗng chốc đã bị tiêu hủy chỉ trong một ngày đêm. Hàng triệu đàn ông, phụ nữ và trẻ con trên Trái Đất đã chết một cách khủng khiếp. Mọi dấu vết về những nền văn minh đều tuyệt tích, và một số ít những kẻ sống sót sau thảm họa chẳng còn gì ngoài mơ ký ức u ám về quá khứ. Cổ quan tài đã nằm trên sự

tiến hóa to lớn nhất và không hề gián đoạn của nhân loại, kết thúc một chuyến hành trình dài mười ngàn năm từ những người Cro-Magnon hoang dã cho đến các bậc vua chúa, các kiến trúc sư, những thợ điêu khắc đá, những nghệ sĩ và chiến sĩ. Những công trình của họ và những tồ tàn tại chét chóc của họ đều bị chôn sâu dưới các đại dương và những biển mới, chỉ còn lưu lại một ít mẫu vật và những mảnh vụn của một nền văn hóa tiến bộ cổ đại. Nhiều quốc gia và thành phố chỉ đứng được vài giờ trước khi biến mất không để lại một dấu vết. Biến cố khủng khiếp này hầu như không lưu lại một bằng chứng nào về những nền văn minh ưu việt trước đó.

Trong số rất ít những người sống sót, hầu hết đều sống tại những vùng núi cao, họ có thể trú ẩn trong những hang động để trốn tránh những cơn giận của sự hỗn loạn. Không giống những người trong thời kỳ Đồ Đồng tiến hóa hơn, có khuynh hướng tập trung lại và xây dựng trên những bình nguyên thấp gần những con sông và bờ biển, những cư dân sống tại những vùng núi cao đều là dân du mục trong thời kỳ Đồ Đá. Những người tài giỏi nhất của họ về những ngành khác nhau trong kỷ nguyên của họ - những Leonardo da Vinci, những Picasso và những Einstein - đều bốc hơi không lưu lại vết tích. Chỉ còn lại trên mặt đất những kẻ săn bắn du mục, một hiện tượng tương tự như những gì đã xảy ra dành cho sự vinh quang của Hy Lạp và La Mã sau khi sự vinh quang đó bị ném sang một bên, trải qua những thế kỷ chỉ có sự ngu dốt và mê muội. Một thời kỳ Đồ Đá mới đen tối đã che giấu những nền văn minh có văn hóa cao từng có mặt trên Trái Đất, kỷ nguyên đen tối này kéo dài đến hai ngàn năm. Rất chậm chạp, sau cùng nhân loại cũng bước ra khỏi tình trạng đen tối đó để bắt đầu xây dựng và kiến tạo lại những thành phố và những nền văn minh tại Mesopotamia và Ai Cập.

Đáng tiếc, rất ít những nhà xây dựng có thực tài và những người có đầu óc sáng tạo còn sống sót từ những nền văn hóa bị thất lạc đạt tới trình độ cao. Nhận thấy nền văn minh của mình đã mất và không bao giờ phục hồi được, họ bắt đầu tìm tòi trong nhiều thế kỷ, để xây dựng những lăng mộ và những ngôi mộ đá huyền bí với những khối đá đồ sộ dựng đứng được tìm thấy trong nhiều vùng tại châu Âu, châu Á, tại quần đảo Pacific đến tận phía nam châu Mỹ. Về sau, ký ức về những ưu thế rực rỡ do tồ tàn nhân để lại trở nên lu mờ dần và trở thành huyền thoại, những kỷ niệm về sự tàn phá và chét chóc vẫn là những cảnh báo về sự hủy diệt các thế hệ trong tương lai. Nhưng trong một thiên niên kỷ, con cháu họ dần dà quên

hết những hoạt động xưa kia của tổ tiên để dung nạp kiểu sống của những bộ lạc du mục và chẳng còn biết gì về quá khứ văn minh của họ.

Nhiều thế kỷ sau vụ va chạm khủng khiếp đó, nhân loại vẫn còn sợ hãi, không dám mạo hiểm lìa bỏ vùng núi non để xuống sinh sống tại những vùng đất thấp và dọc bờ biển. Những xứ sở có kỹ thuật vượt trội về chuyện đi lại trên biển chỉ còn những ý niệm mơ hồ về quá khứ gần của họ. Kỹ thuật đóng tàu và vượt biển đã thất lạc, và phải đợi đến nhiều thế hệ sau đó mới xuất hiện trở lại.

Sự chết chóc và tàn phá này phát sinh do một khối băng bản thủ không lớn hơn một thảo nguyên trung bình. Sao chổi đã tàn phá mọi thứ không chút xót thương. Trái Đất chưa từng bị tàn phá dữ dội như thế từ khi một thiên thạch đâm vào nó sáu mươi lăm triệu năm trước đó trong một thảm họa đã hủy diệt loài khủng long.

Nhiều ngàn năm sau vụ va chạm, sao chổi được gắn kết với mê tín dị đoan về những sự cố gây tai họa và được xem như những điềm xấu báo trước những thảm kịch trong tương lai. Chúng bị kết tội đã gây ra chiến tranh và những đại dịch gây chết chóc và hủy diệt. Mãi cho tới lịch sử cận đại, sao chổi mới được xem như những hiện tượng lạ của thiên nhiên, như vẻ đẹp chói lọi của cầu vồng hoặc những đám mây được mạ vàng lúc mặt trời lặn.

Sự kiện đại hồng thủy được ghi lại trong Kinh Thánh và những truyền thuyết về các tai họa khác, tất cả đều gắn liền vào thảm kịch này. Những nền văn minh cổ đại của người Olmac, Maya và Aztec tại Trung Mỹ có nhiều truyền thống liên hệ tới một sự cố thảm họa xa xưa. Những bộ lạc người Da Đỏ Indian khắp Hoa Kỳ có truyền thuyết với những câu chuyện về nước lụt tràn ngập xứ sở của họ. Người Trung Hoa, người Polynesian và người Phi châu, tất cả đều nói về một thảm họa đã tàn sát phần lớn tổ tiên của họ.

Nhưng một truyền thuyết đã xuất hiện và phát triển qua nhiều thế kỷ, gợi ra sự huyền bí và gây ảnh hưởng nhiều nhất, đó là sự biến mất của lục địa và nền văn minh Atlantis.

CHIẾC TÀU MA

Ngày 30 Tháng Chín, 1858

Vịnh Stefansson, Nam Cực

Rosanna Mender biết nếu bà không tiếp tục đi tới, bà sẽ chết. Bà hầu như hoàn toàn kiệt sức và chỉ di chuyển với sức mạnh của ý chí. Nhiệt độ xuống rất thấp dưới số không. Nhưng chính những cơn gió lạnh buốt mới thực sự là những hàm răng khấp khiếp cắn xé da thịt bà. Cơn buồn ngủ chết người nhẹ nhàng len lỏi qua thân thể và chậm chạp gặm mòn ý chí cầu sinh của bà. Rosanna vẫn bước tới, một bàn chân nặng nề rớt xuống phía trước bàn chân kia, loạng choạng khi mất thăng bằng vì sự võ vụn bất chợt của lớp băng dưới chân. Hơi thở trở nên dồn dập, hỗn hển như một người leo núi đang tranh đấu với một chóp đỉnh trên rặng núi Hy mã Lạp Sơn mà không được trang bị bình dưỡng khí.

Tầm nhìn của bà không còn nữa khi những cơn gió giá buốt xoáy từ trước mặt, được bảo vệ bởi một khăn quàng dày bằng len quấn quanh cổ bên trong cái áo da thú có lông của người Eskimo. Dù Rosanna chỉ thỉnh thoảng nhìn qua kẽ hở của cái khăn quàng, đôi mắt bà cũng đau nhức và đỏ vì sự tấn công của những hạt tuyết li ti. Sự thất vọng cấu xé Rosanna khi bà nhìn lên và thấy bầu trời xanh lóng lánh và mặt trời chói lọi bên trên cơn bão tuyết. Những trận bão tuyết làm tối tăm mặt mũi dưới bầu trời quang đãng không phải là một hiện tượng bất thường tại Nam Cực.

Điều đáng ngạc nhiên là ít khi có tuyết rơi trong vùng Nam Cực. Thời tiết lạnh đến nỗi bầu khí quyển không thể chấp nhận hơi nước, vì vậy những hạt tuyết rơi xuống rất nhỏ. Mỗi năm lớp tuyết dày thêm không tới năm inch trên khắp bề mặt lục địa.

Một phần tuyết đã tích tụ trên mặt đất đã được nhiều ngàn tuổi. Mặt trời khô khan chiếu nghiêng lên mặt tuyết thành một góc lệch, và sức nóng của nó phản chiếu trở lại không gian làm tăng thêm sự lạnh lẽo khác thường của vùng địa cực.

Rosanna đã gặp may. Không khí lạnh không xâm nhập qua quần áo của bà. Thay vì mặc y phục chống lạnh của châu Âu, bà lại mặc những quần áo chồn bà đã mua khi giao dịch thương mại với người Eskimo trong những ngày đầu ông săn cá voi tại Bắc Cực. Y phục lót bên trong gồm một

áo chần, một quần soóc dài tới đầu gối và một đôi bít tất làm bằng lông thú mềm giữ ấm hai bàn chân. Nhiều lớp áo quần bên ngoài ngăn chặn khí hậu buốt giá thái quá. Cái áo khoác bằng da vừa khít cho phép thân nhiệt lưu chuyển và thoát ra ngoài không gây đổ mồ hôi. Nó được may bằng da chó sói, trong lúc cái quần dài bằng da tuần lộc. Đôi ủng cao và thẳng lót lông thú bên trong ôm sát đôi bít tất.

Nguy hiểm đáng sợ nhất của bà lúc này là để cho bị thương tại mắt cá hoặc ống chân trên lớp băng lởm chởm; và nếu bà sống sót vì một lý do nào đó, vẫn còn sự đe dọa của hiện tượng tê cóng. Dù thân thể được che chở, nhưng gương mặt vẫn làm bà lo lắng. Nếu hai bên má hoặc mũi bị ngứa, dù ít nhất, bà phải gãi mạnh lên da để máu lưu thông lại, và điều đó thật nguy hiểm. Bà đã quan sát sáu người trong đoàn thủy thủ của chồng bà bị tê cóng vì ngứa, hai trong số những người này bị mất những ngón chân và một người mất tai chỉ vì gãi.

Thật may mắn khi những cơn gió giá buốt đã chấm dứt và chấm dứt luôn sự hung dữ của nó, và sự di chuyển của Rosanna trở nên dễ dàng hơn một giờ trước đó, khi bà bắt đầu bị lạc vì ham đi dạo. Tiếng gió gào thét yếu dần trong tai bà và bà đã có thể nghe những âm thanh cọt két của những tinh thể băng dưới bàn chân mình.

Bà đến gần một ngọn đồi cao khoảng mười lăm bộ được tạo thành bởi những khối băng vĩnh cửu trên biển cọ xát nhau và đẩy những tảng băng nhô lên cao được gọi là gò hoặc đồi. Hầu hết tạo thành một bề mặt lởm chởm. Những cái gò này đã bị thời tiết bào mòn cho tới khi những góc cạnh của nó trở nên nhẵn thín. Khuyu xuống trên hai bàn tay và đầu gối, bà bò lên gò băng, duỗi hai chân ra mỗi khi leo được một quãng ngắn.

Sự cố gắng làm mất đi chút sức khỏe của Rosanna. Bà không biết bằng cách nào, cũng không nhớ đã tranh đấu như thế nào, nhưng bà đã lên tới đỉnh gò. Rã rời vì kiệt sức, tim đập loạn xạ, hơi thở đứt đoạn. Bà không biết mình đã nằm đó bao lâu, chỉ có cảm giác đầy biết ơn vì đôi mắt không còn nhức buốt bởi những cơn gió lạnh giá. Sau mấy phút, khi tim đã đập chậm lại và hơi thở bắt đầu ổn định, Rosanna tự nguyện rửa mình vì tình huống hiểm nghèo bà đã diện rồ gây ra. Bà không biết lúc này là mấy giờ. Không có đồng hồ đeo tay, bà không thể xác định bao nhiêu thời gian đã trôi qua từ lúc bà rời khỏi chiếc tàu săn cá voi của chồng, chiếc Paloverde.

Gần sáu tháng trước, chiếc tàu đã bị khóa chặt trong khối băng, và vì phải chịu đựng sự buồn chán, bà đã đi dạo hàng ngày, nhưng luôn giữ

khoảng cách để nhìn rõ chiếc tàu và đoàn thủy thủ của nó, những người luôn theo dõi bà. Sáng nay, bầu trời quang đãng khi bà rời chiếc tàu, nhưng sau đó, nó nhanh chóng trở nên xám xịt khi trận bão tuyết quét qua lớp băng, chỉ trong vài phút, chiếc tàu mất dạng, và bà Rosanna thấy mình bị lạc trên khối băng.

Theo tập quán, những tàu săn cá voi không bao giờ rời cảng khi có phụ nữ trên tàu. Nhưng nhiều bà vợ từ chối ngồi yên tại nhà trong ba hoặc bốn năm chồng họ vắng mặt. Bà Rosanna Mender không muốn trải qua hàng ngàn giờ cô đơn, một mình. Bà là một phụ nữ vững vàng, dù cơ thể nhỏ nhắn, chỉ đạt năm feet chiều cao và cân nặng không tới một trăm pound. Với đôi mắt màu nâu sáng và nụ cười cởi mở, bà là một phụ nữ xinh đẹp ít khi than phiền về những khó khăn buồn chán và rất ít khi bị say sóng. Trong cabin chật hẹp của mình, bà đã hạ sinh một cậu con trai và bà đặt tên là Samuel. Và dù chưa nói với chồng, bà đang mang thai khoảng hai tháng đứa con thứ nhì. Đoàn thủy thủ chấp nhận sự có mặt của bà trên tàu, dạy một số người học đọc, viết giúp những lá thư để họ gửi về nhà cho vợ con và gia đình, và hoạt động như một nữ y tá mỗi khi có ai bị thương hoặc đau ốm trên tàu.

Tàu Paloverde là một trong những tàu đánh bắt cá voi từ San Francisco trên bờ biển phía tây của đất nước. Đó là một chiếc tàu chắc khỏe, đặc biệt được thiết kế cho những chuyến đi đến địa cực trong mùa săn cá voi. Với một chiều dài một trăm ba mươi hai bộ, rộng ba mươi bộ, mớn nước mười bảy bộ, trọng tải của nó gần ba trăm ba chục tấn. Kích thước chiếc tàu cho phép nó vận chuyển một lượng dầu cá lớn và thích hợp với một thủy thủ đoàn gồm sĩ quan và nhân viên cho những chuyến đi có thể kéo dài đến ba năm. Sống tàu, khung và sườn ngang của nó đều làm bằng gỗ thông lấy từ những cánh rừng trong rừng núi Sierra Nevada. Khi tất cả những thứ đó đã vào đúng vị trí, những tấm ván dày 60 inch được đặt lên và gắn chặt bằng một loại đinh gỗ thường lấy từ những cây sồi.

Nó được trang bị với ba lớp vỏ tàu, những đường nét của nó rõ ràng, sống động và huênh hoang. Các phòng ốc trên tàu được trang trí thật gọn gàng với những đồ gỗ và panô bằng gỗ vân sam mua từ Washington. Cabin của thuyền trưởng được trang bị đặc biệt vì bà vợ ông nhất quyết cùng đi với chồng trong chuyến đi dài ngày. Hình chạm ở mũi tàu là một tác phẩm điêu khắc rất đẹp trên một loại cây chỉ có ở vùng tây nam, cây paloverde. Tên chiếc tàu trải rộng ngang qua thân sau của nó với những chữ cái chạm

trở và mạ vàng. Cũng tại thân sau tàu còn được trang hoàng với hình ảnh một con chim ưng sải cánh chạm trên thân tàu.

Thay vì đi về hướng bắc, qua biển Bering tới Bắc Cực - nơi có nhiều mặt biển hơn — để săn cá voi, ông bà Rosanna, thuyền trưởng Bradford Mender lại đưa chiếc Paloverde tiến về phía nam để đến Nam Cực. Ông tin rằng từ lúc vùng này không còn được lưu ý và ít được những người săn cá voi dừng cảm từ New England thăm viếng, nơi đây sẽ là một cơ hội bằng vàng để tìm thấy những ngư trường săn cá voi lý tưởng.

Ngay sau khi đến gần vịnh đại Nam Cực, đoàn thủy thủ đã bắn hạ sáu con cá mập lúc chiếc tàu đi qua vùng nước chưa có băng trôi. Sau đó, trong tuần lễ cuối cùng của Tháng Ba, nhằm vào mùa thu tại Nam Cực, họ bắt đầu vào một vùng có nhiều băng trôi, càng lúc càng dày đặc hơn cho đến lúc lớp băng cao đến gần bốn bộ. Chiếc tàu Paloverde vẫn còn có thể thoát ra vùng biển trống trải, nhưng một trận gió đột ngột gần rú kéo tới, đẩy chiếc tàu vào sâu trong vùng băng trôi dày đặc. Không còn khả năng nào để thoát ra vì băng càng lúc càng vây chặt chiếc tàu, đoàn thủy thủ tàu Paloverde chỉ có thể bất lực đứng yên và ngắm cái bẫy lạnh lẽo khép dần lại.

Khối băng nhanh chóng tấn công quanh chiếc tàu săn cá voi với một sức mạnh thô bạo, đẩy nó về phía địa cực như thể nó bị bóp chặt trong một nắm tay khổng lồ. Mặt biển còn trống trải quanh địa cực nhanh chóng bị băng trôi tràn ngập. Thuyền trưởng Mender và đoàn thủy thủ của ông bất lực chống chọi và sau cùng đành thả neo, giữ chiếc tàu cách bờ địa cực gần hai dặm. Nhưng trong nhiều giờ, chiếc tàu kẹt cứng trong khối băng tiếp tục dày thêm, và chẳng bao lâu, mọi dấu vết của mặt nước đều bị thay thế bởi khối băng trắng xóa. Mùa đông Nam Cực phủ chụp lên họ và thời gian của ban ngày bắt đầu rút ngắn lại. Chẳng còn hy vọng thoát khỏi, và thời tiết dịu dàng với nhiệt độ ấm áp hơn là những gì còn cách xa họ đến bảy tháng nữa.

Những cánh buồm đã khô, được kéo lên và tháo xuống sẽ lại được kéo lên vào mùa xuân, nếu định mệnh cho phép thời tiết trở nên ấm áp hơn và gia ơn cho chiếc tàu di chuyển tự do. Lúc này, biết trước sẽ bị cấn tù lâu ngày, nên mọi thực phẩm đều được thận trọng dè sẻn để cấn cự trong những tháng dài mùa đông. Thực phẩm trong các hầm chứa có thể duy trì đến lúc khối băng bắt đầu tan vào mùa xuân như mọi người suy đoán. Nhưng việc thả dây câu qua những lỗ trống trong khối băng đã cung cấp

nhều hơn mong mỏi của họ, và nhiều loài cá ngon được nhanh chóng đông cứng trong những thùng chứa trên boong. Và bầy chim cánh cụt vui nhộn với hàng triệu con cũng làm họ khuây khỏa. Chỉ có điếu đáng buồn là, dù đã tìm đủ mọi cách để sửa soạn bữa ăn, đầu bếp của chiếc tàu cũng bất lực trước những món ăn không hợp khẩu vị.

Nhưng nỗi sợ chính đoàn thủy thủ phải đối mặt là tình trạng giá buốt khủng khiếp và những chuyển động bất chợt của những tảng băng trôi. Nguy hiểm bị đông cứng giảm đi nhiều bằng cách đốt dầu cá voi chảy ra từ vết thương do phóng lao trước khi bị đông trong băng. Dầu cá họ lấy được lên tới hơn một trăm thùng lớn, quá đủ để giữ cho những lò sưởi đốt qua mùa đông tệ hại nhất tại Nam Cực.

Cho tới lúc này, những tảng băng trôi tương đối không quấy nhiễu họ. Nhưng thuyền trưởng Mender biết đó chỉ là vấn đề thời gian trước khi băng oằn xuống và trôi đi. Sau đó, tàu Paloverde dễ dàng nhận ra thân thể nó bị nhốt chặt trong khối băng vụn và nhọn, như thể cái khung bằng gỗ của nó có thể bị ép cho tới khi nó trở nên phẳng như một tờ giấy bởi sự dằn nén của khối băng khổng lồ. Thuyền trưởng Mender không thể cảm thấy thích thú khi nghĩ đến vợ ông và cái bào thai đứa bé đang tranh đấu để sống sót cho tới khi một chiếc tàu khác xuất hiện vào mùa hè. Và phép lạ đó chỉ có một phần ngàn khả năng xảy ra.

Lại còn sự đe dọa chết chóc do bệnh hoạn. Bảy người trong số đoàn thủy thủ đã có triệu chứng thiếu vitamin. Một số gián, bọ và chuột trên tàu đã chết vì không chịu nổi cái lạnh khắc nghiệt. Những đêm dài dằng dặc tại Nam Cực, những cơn gió lạnh buốt và đơn độc càng làm tình trạng của họ trở nên buồn tẻ đến độ lạnh lùng. Ông Mender chống lại tình trạng bức bối đó bằng cách tạo không khí bận rộn cho người của ông với đủ thứ công việc để đầu óc và cơ thể họ luôn hoạt động.

Ông đã ngồi tại bàn giấy trong cabin của mình để tính toán cả trăm lần mong tìm cách thoát khỏi tình huống kỳ quặc này. Nhưng ông bất lực không thể tìm ra giải pháp hoặc khả năng nào, bao giờ ông cũng bị đẩy vào ngõ cụt. Mọi cơ hội may mắn để thoát khỏi tình huống khốn đốn đến rõ ràng thật xa vời.

Trận bão tuyết chấm dứt cũng đột ngột như khi nó xảy ra. Và mặt trời đã trở lại. Nheo mắt nhìn xuống trên bề mặt lấp lánh của khối băng, bà Rosanna trông thấy cái bóng của mình thay vì sự hoang vắng bất tận vây quanh. Nhưng tim bà chỉ trở nên rộn ràng khi bà đưa mắt nhìn ra đường chân trời và bắt gặp hình dáng chiếc tàu Paloverde cách đó khoảng một dặm rưỡi. Thân tàu màu đen hầu như bị che kín bởi khối băng, nhưng bà có thể trông thấy lá cờ Mỹ đang tung bay giữa bầu không khí giá buốt chết chóc và nhận ra ông chèo đang lo sợ của mình đã treo cao nó trên cột buồm chính để làm tín hiệu cho bà dễ dàng nhận ra nó. Rosanna chợt thấy mình khó có thể tin được bà đã lạc xa đến thế. Trong đầu óc lộn xộn của mình, Rosanna đã nghĩ bà đang tiến gần đến chiếc tàu nhưng thực ra bà đã lạc xa nó.

Khối băng không hoàn toàn trống trải, Rosanna có thể nhìn thấy những đốm nhỏ chuyên động trên bề mặt của nó và bà nhận ra đó là chèo bà và những thủy thủ của ông đang đi tìm bà. Rosanna vừa nhੌm đứng lên để vẫy họ thì bất chợt bà thoáng thấy một thứ không hề chờ đợi - những cột buồm của một chiếc tàu khác lơ lửng hiện ra giữa hai khối băng đồ sộ nối liền nhau bên mép địa cực.

Ba cột buồm và xà nèo buồm cùng với những dây chèo, dây thừng để cột buồm có vẻ còn nguyên vẹn với những lá buồm cuộn lại. Một cơn gió mang theo không khí không lạnh lắm, bà tháo cái khăn quàng khỏi mặt và đôi mắt, và có thể nhìn thấy hầu hết thân chiếc tàu bị vây trong trong khối băng. Thân phụ bà Rosanna đã từng là thuyền trưởng chỉ huy những chiếc tàu buồm lớn buôn bán trà đến tận Trung Hoa; và lúc còn là một cô gái trẻ, bà đã từng thấy hàng ngàn chiếc tàu với đủ loại thiết bị đến và rời khỏi Boston, nhưng đây là lần đầu tiên bà trông thấy một chiếc tàu như con tàu này, bị đóng khung trong khối băng giống như một bức tranh treo trong nhà ông nội bà.

Chiếc tàu ma đã cũ, cũ lắm rồi, với phần thân sau đồ sộ của nó có nhiều cửa sổ và hành lang nằm lộ khỏi mặt nước. Chiếc tàu dài, hẹp và sâu. Chiều dài của nó đến một trăm bốn mươi bộ, rộng ba mươi lăm bộ, bà phỏng đoán. Giống như chiếc tàu bà đã thấy trong bức tranh, chiếc tàu này hẳn phải là tàu loại tám trăm tấn của Công ty Anh An cuối thế kỷ mười tám.

Bà quay khỏi chiếc tàu và vung vẫy cái khăn quàng để lôi kéo sự chú ý của chèo và đoàn thủy thủ. Một người trông thấy động tác đó trên mặt

băng qua khoe mắt, và báo động cho những người khác. Họ bắt đầu nhanh chóng chạy qua lớp băng vỡ về phía Rosanna, với thuyền trưởng Mender dẫn đầu. Hai mươi phút sau, cả đoàn thủy thủ của tàu Paloverde đã tới chỗ bà, vui vẻ hò reo khi nhận ra bà vẫn còn sống và an lành.

Vốn là một người trầm tĩnh và ít nói, nhưng ông Mender vẫn bộc lộ một xúc động sâu sắc khi ôm bà trong hai cánh tay, những giọt nước mắt đông lại trên hai gò má ông. Ông hôn bà thật lâu với tất cả thương yêu. “Ồ, lạy Chúa!” ông thì thầm, “Anh nghĩ em đã chết rồi. Em sống sót được quả là một phép lạ”.

Là một bậc thầy trong nghề săn cá voi ở lứa tuổi ba mươi sáu, Bradford Mender thực hiện chuyến đi săn lần thứ mười này, và tàu của ông bị vây hãm trong khối băng tại Nam Cực. Là một người Anh cứng cỏi, tháo vát, ông cao đến sáu feet và trông đầy đà, cân nặng đến hai trăm hai mươi lăm cân Anh. Ông có một đôi mắt màu xanh sắc bén, mái tóc màu đen, bộ râu chạy dài từ thái dương đến cằm. Nghiêm khắc nhưng công bằng, ông chưa bao giờ có vấn đề với các sĩ quan và đoàn thủy thủ khiến ông phải xử sự thiếu hiệu quả và thành thật. Là một người săn cá voi vừa là một hoa tiêu lịch lãm, ông Mender còn là một doanh nhân sắc sảo, nên ông không những là chủ nhân chiếc tàu mà còn là chủ nhân của những người trên tàu.

“Nếu anh đã không khẩn khoản yêu cầu em mặc những quần áo của người Eskimo anh đã tặng em, chắc chắn em đã đông cứng và chết từ nhiều giờ trước”.

Ông buông bà ra và quay sang sáu người thủy thủ đang vây quanh họ và hét mừng vợ ông thuyền trưởng đã được tìm thấy còn sống.

“Chúng ta hãy đưa bà Mender trở lại tàu thật nhanh và ăn một ít súp nóng”.

“Không, chưa được”, bà nói, vừa chộp cánh tay ông và chỉ. “Em mới phát hiện một chiếc tàu khác”.

Mọi người đàn ông đều quay nhìn, mắt họ dõi theo cánh tay đuổi ra của bà.

“Một chiếc tàu Anh, tôi nhận ra những đường nét của nó từ một bức tranh trong phòng khách nhà ông nội tôi tại Boston. Nó có vẻ là một chiếc tàu vô chủ”.

Ông Mender chăm chú nhìn vật vừa phát hiện, nó trắng một cách ma quái dưới năm m ô băng tuyết của mình. “Anh hoàn toàn tin em nói đúng.

Rõ ràng nó có những đường nét của một chiếc tàu buôn rất cũ từ những năm 1770”.

“Tôi đề nghị chúng ta tìm hiểu nó, thưa Thuyền trưởng”, sĩ quan thứ nhất của tàu Paloverde, Nathan Bigelow, nói. “Có thể nó còn chứa lương thực đủ giúp chúng ta sống sót tới mùa xuân”.

“Số lương thực đó ít ra cũng đã trải qua tám mươi năm”, giọng ông Mender thật nặng nề.

“Nhưng chúng được bảo quản trong băng giá mà”, Rosanna nhắc ông.

Ông dịu dàng nhìn bà, “Em vừa trải qua những khó khăn, em thân yêu. Anh sẽ nhờ một trong các thủy thủ của anh giúp đưa em trở lại tàu Paloverde”.

“Không, anh yêu”, Rosanna nói với giọng quả quyết, về một nhọc của bà biến đâu mất. “Em có ý định sẽ xem những gì phải xem”. Trước khi ông thuyền trưởng có thể ngăn cản, bà đã leo lên con dốc của ngọn đồi dẫn tới khối băng và hướng về phía chiếc tàu bị bỏ rơi.

Ông Mender nhìn toán thủy thủ của mình và nhún vai. “Tôi không muốn nhọc công hơn thua với một phụ nữ tò mò”.

“Một con tàu ma”, Bigelow thì thầm. “Thật đáng thương khi nó bị nhốt kín vĩnh viễn trong khối băng, hoặc chúng ta có thể đưa nó về và yêu cầu được hưởng quyền lợi dành cho người trục vớt nó”.

“Nó quá cũ, chẳng đáng giá mấy”, ông Mender nói.

“Tại sao các ông còn đứng đó trong giá rét và nói vớ vẩn chứ?” Rosanna nói, giọng hối thúc của bà có vẻ mất kiên nhẫn. “Chúng ta phải nhanh lên trước khi một cơn bão khác kéo tới”.

Leo lên gò băng thật nhanh cho đến khi tới chỗ chiếc tàu bỏ hoang, họ nhận ra khối băng đã dòn cao dựa vào thân tàu, giúp họ dễ dàng leo lên thành tàu phía trên và leo qua lan can tàu. Rosanna, ông thuyền trưởng và toán thủy thủ nhận ra họ đang đứng trên sàn lái tại boong trên cùng, đã bị phủ một lớp băng mỏng.

Ông Mender nhìn quanh, ngắm cảnh hoang vắng rồi lắc đầu với vẻ bối rối. “Tôi lấy làm lạ tại sao thân tàu không bị băng ép và làm nó vỡ”.

“Tôi chưa bao giờ nghĩ mình sẽ đứng trên boong một chiếc tàu Anh và Đông An Công ty”, một trong các thủy thủ nói khẽ, đôi mắt anh ta tỏ ra e dè. “Chắc chắn không có chiếc nào được đóng trước khi ông nội tôi chào đời”.

“Nó có một kích thước thật tuyệt”, ông Mender chậm rãi nói. “Trọng tải của nó khoảng chín trăm tấn, tôi đoán thế. Dài một trăm năm mươi bộ và rộng bốn mươi bộ”.

Hạ thủy từ một xưởng đóng tàu trên sông Thames, chiếc tàu buôn của Anh quốc cuối thế kỷ mười tám này được bán cho Công ty Anh và Đông An. Nó được đóng theo tiêu chuẩn một tàu chở hàng, nhưng vì lúc đó vẫn là thời điểm hoạt động của bọn cướp biển và những tàu chiến chuyên việc cướp bóc của những kẻ thù của nước Anh, vì vậy nó được trang bị với hai mươi tám khẩu đại liên nặng mười tám cân Anh. Ngoài ra nó còn được đóng để vận tải hàng hóa và thích hợp với những cabin dành cho hành khách. Vì thế, nó là một chiếc tàu lai căn. Mọi thứ trên boong vẫn nằm đúng chỗ, đều bị tuyết phủ, như thể nó đang đợi chờ một đoàn thủy thủ ma. Những khẩu súng đứng im lặng trên những giá đỡ, những phao cứu sinh vẫn còn buộc vào những thanh lan can tàu và những cửa sập vẫn còn đủ.

Có một vẻ kỳ lạ gì đó đầy dọa nạt và quái đản nơi những chiếc tàu cũ kỹ, một sự tò mò nham hiểm không thuộc Trái Đất này mà thuộc về một thế giới khác. Một cảm giác sợ hãi vô cớ xâm chiếm các thủy thủ đang đứng trên boong tàu như thể có một sinh vật gớm ghiếc, già cỗi đang chờ đợi để chào đón họ. Thủy thủ là những kẻ rất mê tín, và không một người nào - trừ Rosanna đang phấn khích bằng nhiệt tình của một phụ nữ - lại không cảm thấy sợ hãi sâu sắc và mơ hồ.

“Lạ thật”, Bigelow nói. “Có vẻ như đoàn thủy thủ đã bỏ tàu trước khi nó bị giam hãm trong khối băng”.

“Tôi không nghĩ thế”, ông Mender nói. “Phao cứu sinh vẫn còn đủ”.

“Chỉ có Chúa biết chúng ta sẽ thấy gì tại những boong bên dưới”.

“Vậy hãy xuống xem đi”, giọng bà Rosanna xôn xao.

“Không có em đâu, em yêu. Anh nghĩ tốt nhất em nên ở lại đây”.

Rosanna ném cho chồng một cái nhìn kiêu hãnh, và chậm chạp lắc đầu. “Em sẽ không chờ đợi một mình trong lúc có những con ma đi loanh quanh”.

“Nếu có con ma nào”, Bigelow nói, “thì tới lúc này chúng cũng đã đông cứng rồi”.

Ông Mender ra lệnh cho người của mình. “Chúng ta sẽ chia thành hai nhóm tìm kiếm. Bigelow, cậu hãy đem theo ba người và xem xét khu dành cho thủy thủ và hầm chứa hàng. Nhóm còn lại chúng tôi sẽ lục soát khu hành khách và sĩ quan tàu”.

Bigelow gật đầu, “Vâng, thưa Thuyền trưởng”.

Tuyết và băng đã tụ cao thành một ngọn núi nhỏ quanh cánh cửa dẫn vào những cabin ở đuôi tàu, vì vậy ông Mender đẩy Rosanna và người của mình đi về phía đuôi cao của boong tàu; tại đây họ tìm cách nâng cái nắp đây hần tàu bị tuyết lấp kín. Đẩy nó sang một bên, họ thận trọng leo xuống cầu thang dẫn vào bên trong. Rosanna bám sát phía sau ông Mender, bầu chặt dây thắt lưng quanh cái áo khoác dày cộm. Màu da mặt trắng trẻo bình thường của bà trở nên đỏ hồng vì phấn khích và hồi hộp.

Bà không ngờ mình sắp đi vào một cơn ác mộng đông cứng.

Tại cánh cửa cabin thuyền trưởng, họ trông thấy một con chó Đức, loại chó chăn cừu cao lớn, nằm cuộn mình trên một tấm thảm nhỏ. Đối với Rosanna, con chó có vẻ đang ngủ. Nhưng ông Mender lấy mũi giày đẩy nhẹ nó, và sự chạm nhẹ đó cho ông biết con vật đã chết cứng.

“Nó cứng như một tảng đá”, ông Mender nói.

“Con vật đáng thương”, Rosanna buồn bã thì thào.

Ông Mender gật đầu về phía cánh cửa đóng dẫn tới cuối hành lang. “Cabin của thuyền trưởng. Tôi rùng mình khi nghĩ đến chuyện chúng ta có thể tìm thấy cái gì trong căn phòng đó”.

“Có thể chẳng tìm thấy gì”, một thủy thủ nói, giọng căng thẳng. “Mọi người đều có thể rời bỏ chiếc tàu và lội bộ dọc bờ biển đi về phía bắc”.

Rosanna lắc đầu. “Tôi không thể tưởng tượng ai đó có thể bỏ lại một con vật xinh đẹp như thế để nó chết cô độc trên tàu”.

Những người đàn ông dùng sức mạnh mở toang cánh cửa phòng thuyền trưởng và bước vào một khung cảnh ghê rợn. Một phụ nữ, với bộ trang phục trong thời kỳ giữa đến cuối thế kỷ mười bảy, ngã trong một cái ghế, đôi mắt màu đen của bà ta mở rộng và buồn bã nhìn cái hình dáng của một đứa bé nhỏ nhắn nằm trong cái giường cũi của trẻ con. Bà ta bị đông cứng cho đến chết trong lúc đau buồn sâu sắc vì mất mát một thứ có vẻ là con gái bé bỏng của mình. Trong lòng bà là một cuốn Thánh Kinh mở rộng tại chương Psalms.

Cảnh tượng thê lương làm tê cóng Rosanna và nhóm thủy thủ tàu Paloverde. Sự hào hứng của bà phút chốc tan biến trong cảm giác đau đớn. Bà đứng đó, im lặng cùng với những người khác, hơi thở dồn dập của họ làm mờ căn phòng giống như một nấm mồ đó.

Ông Mender trở ra, và bước vào một cabin khác kế đó và tìm thấy người thuyền trưởng của chiếc tàu, và ông biết ngay đó là chồng của

người đàn bà đã chết. Người đàn ông này đang ngồi tại bàn làm việc, lọt thỏm vào một cái ghế. Mái tóc màu đỏ của ông ta phủ đầy băng, và gương mặt trắng bệch. Một bàn tay vẫn nắm chặt một cây bút làm bằng lông ngỗng. Một tờ giấy nằm trên bàn trước mặt ông ta. Ông Mender phủ lớp giá trên tờ giấy và đọc những dòng chữ:

Ngày 26 Tháng Tám, 1779

Đã trải qua năm tháng từ khi chúng tôi bị vướng vào nơi đáng nguyên rủa này sau khi cơn bão đã đẩy chúng tôi lạc khỏi hành trình về phía nam của chúng tôi. Lương thực cạn sạch. Không ai được ăn gì từ mười ngày qua. Phần lớn thủy thủ đoàn và hành khách đã chết. Con gái bé bỏng của tôi chết hôm qua, người vợ đáng thương của tôi chỉ một giờ trước. Nếu ai đó tìm thấy xác chúng tôi, xin vui lòng báo cho các giám đốc của Công ty Thương mại Skylar Croft tại Liverpool về số mệnh của chúng tôi. Tất cả đã tới lúc kết thúc. Tôi sẽ sớm gặp lại vợ và con gái yêu dấu của mình.

Leigh Hunt Thuyền trưởng tàu Madras

Cuốn nhật ký bọc da của tàu Madras nằm một bên bàn giấy của thuyền trưởng Hunt. Ông Mender thận trọng gạt lớp băng phủ trên bìa cuốn nhật ký xuống sàn tàu và nhét cuốn sổ vào trong áo khoác. Sau đó ông rời khỏi cabin thuyền trưởng và đóng cửa lại.

“Anh tìm thấy gì?” Rosanna hỏi.

“Xác ông thuyền trưởng”.

“Tất cả đều khủng khiếp quá”.

“Anh tưởng tượng sẽ còn những chuyện tệ hơn”.

Câu nói đã trở thành lời tiên tri. Họ chia nhau vào các phòng, từ nơi này đến nơi khác. Khu vực dành cho hành khách rõ ràng tệ nhị và đầy đủ phương tiện hơn. Hành khách được đáp ứng nhu cầu bài trí nơi ở của họ với đi-văng, giường, ghế và những phương tiện chống lại thời tiết khắc nghiệt. Những hành khách giàu có thường đem theo những đồ dùng cá nhân như bàn viết, kệ sách và nhạc cụ, kể cả piano và đàn harp. Tại đây, những người tìm kiếm phát hiện gần ba chục thi thể trong các tư thế chết khác nhau. Một số chết ngồi, một số nằm trên giường trong lúc những người khác nằm sổng soài trên sàn tàu. Có vẻ như tất cả đều chết trong lúc họ đang lơ mơ ngủ trong trạng thái thanh thản.

Rosanna thực sự bị sốc trước những xác chết với đôi mắt mở lớn. Màu sắc của tròng đen trong mắt họ có vẻ như được tăng cường bởi gương

mặt trắng trẻo bao quanh chúng. Bà co rúm lại khi một thủy thủ của tàu Paloverde bước lại gần và đưa tay vuốt mái tóc của một trong những phụ nữ. Mái tóc đông cứng phát ra một tiếng động khô khan kỳ lạ và vỡ rời ra trong bàn tay người thủy thủ.

Căn phòng lớn sang trọng hơn trên boong phía dưới trông càng giống một nhà xác sau một thảm họa. Ông Mender thấy có rất nhiều xác chết, hầu hết là đàn ông, nhiều người trong số họ là sĩ quan quân đội Anh trong bộ đồng phục. Cuối cùng là khu hành khách bình dân, cũng có rất nhiều những xác chết đã đông cứng nằm trên những cái võng treo lủng lẳng cùng những hành lý của họ.

Tất cả những người có mặt trên tàu Madras ngày đó đều chết an lành. Không hề có tình trạng lộn xộn. Không một đồ vật nào bừa bãi. Tất cả mọi thứ đều ngăn nắp, gọn gàng. Nhưng, theo những ghi chép cuối cùng của thuyền trưởng Hunt, có vẻ như thời gian đã ngừng lại và tất cả đều chết bình an như lúc họ còn sống. Những gì Rosanna và ông Mender trông thấy đều không bị vụn vẹo hoặc tỏ ra kinh hoàng mà chỉ đơn thuần là một bất hạnh không chống lại được. Những người này đã chết bảy mươi chín năm và đã bị thế giới quên lãng. Thậm chí những người đã thắc mắc về số phận của họ và đau buồn về sự mất tích của họ cũng đã chết từ lâu rồi.

“Em không hiểu”, Rosanna nói, “Bằng cách nào tất cả bọn họ đã chết?”

“Những người không chết vì đói thì cũng chết lạnh”, chằng bà trả lời.

“Nhưng họ có thể bắt cá qua lớp băng và săn bắn chim cánh cụt như chúng ta đã làm, và đốt dần từng phần của chiếc tàu để giữ ấm”.

“Những ghi chép cuối cùng của ông thuyền trưởng cho thấy chiếc tàu của ông ta trôi giạt quá xa lộ trình xuôi về phía nam của họ. Anh đoán là họ bị kẹt vào khối băng khi còn cách bờ xa hơn chúng ta lúc này, và ông thuyền trưởng vì tin họ cuối cùng sẽ thoát được nên đã tuân thủ luật hàng hải, cấm đốt lửa trên tàu vì sợ hỏa hoạn, cho đến khi mọi sự trở nên quá trễ”.

“Vì vậy, người này nối tiếp người kia, tất cả đều chết”.

“Sau đó, khi mùa xuân đến và băng tan, thay vì được dòng chảy mang ra khỏi nơi đó để vào vùng nam Thái Bình Dương như một chiếc tàu vô chủ, những trận gió nghịch lại đẩy chiếc tàu vào bờ và nó nằm yên ở đó từ đầu thế kỷ trước”.

“Tôi nghĩ ngài nói đúng, thưa Thuyền trưởng”, sĩ quan thứ nhất Bigelow nói, từ mũi tàu tiến lại. “Phán đoán qua quần áo trên những xác chết, những kẻ đáng thương đó không hề nghĩ chuyển đi sẽ đưa họ vào những vùng nước lạnh lẽo. Hầu hết bọn họ đều mặc quần áo dành cho khí hậu nhiệt đới. Chắc chắn họ đã rời Ấn độ để tới Anh quốc”.

“Đúng là một thảm kịch khủng khiếp”, Rosanna thở dài, “Không một thứ gì có thể cứu sống những kẻ bất hạnh này”.

“Chỉ có Thượng đế”, ông Mender thì thào, “chỉ có Chúa”. Rồi ông quay sang Bigelow. “Họ đã chở loại hàng hóa gì?”

“Tôi không tìm thấy vàng hoặc bạc mà chỉ thấy một lượng trà lớn, những đồ sứ Trung Hoa lén chọt trong những thùng gỗ, và những súc lụa cùng với đủ loại cây mây, gia vị và long não. Và, ồ vâng, tôi còn tìm thấy một kho chứa hàng nhỏ, được khóa bằng dây xích lớn, nằm ngay bên dưới cabin thuyền trưởng”.

“Cậu đã xem qua chưa?” ông Mender hỏi.

Bigelow lắc đầu. “Chưa, thưa ngài. Tôi nghĩ chỉ ngài mới thích hợp cho công việc đó. Tôi đã để lại những người của tôi để tháo xích”.

“Có thể nơi đó chứa những thứ quý giá”, Rosanna nói, màu hồng hiện ra trên hai gò má.

Viên sĩ quan thứ nhất dẫn họ xuống một cái thang dẫn tới phòng chứa hàng hóa đặc biệt. Căn phòng nằm đối diện với một khẩu đại pháo nặng mười tám cân Anh phủ kín băng. Hai trong số các thủy thủ tàu Paloverde đang tấn công cái khóa kìm sù nối hai đầu sợi xích hàn dính vào cánh cửa và vách tàu. Họ dùng một cái búa chẻ và một cái đục tìm thấy trong kho dành cho thợ mộc để tấn công cái khóa cho tới lúc nó bung ra, và đẩy cánh cửa vào phía trong.

Căn phòng hiện ra lờ mờ qua những tia sáng đến từ một cửa thông gió trên thành tàu. Những thùng gỗ trong phòng vẫn nằm ngổ ngập trên những kệ gắn liền nhau. Ông Mender bước tới một thùng gỗ lớn và dễ dàng nâng một mép nắp thùng lên.

“Những thùng này không được đóng hàng cẩn thận và được đưa lên tàu tại cảng bởi các thương gia”, ông điềm tỉnh nói. “Theo tôi, hình như các thủy thủ cũng đã cầu thả xếp chúng vào kho vào một lúc nào đó trong chuyến đi, rồi căn phòng được khóa lại theo lệnh của thuyền trưởng”.

“Đừng đứng đó nữa, ông chằng yêu quý”, Rosanna ra lệnh, bốn chân vì tò mò. “Mở chúng đi nào”.

Trong lúc toán thủy thủ đứng bên ngoài căn phòng chứa hàng, ông Mender và Bigelow bắt đầu mở những thùng gỗ. Hầu như không ai còn quan tâm đến cái lạnh khủng khiếp. Họ đều không thể chống lại cảm giác nôn nóng chờ đợi sẽ tìm thấy một kho tàng lớn với vàng bạc và đá quý. Nhưng khi ông Mender cầ n lên một trong những món hàng chứa trong một thùng gỗ, những hy vọng của họ nhanh chóng tan vỡ.

“Một bình trà bằng đồng đỏ”, ông nói và đưa nó cho Rosanna, bà đưa cao nó lên tới chỗ có nhiều ánh sáng hơn trong phòng. “Nó được chạm trổ thật đẹp. Có lẽ là phong cách Hy Lạp hoặc La Mã, nếu em nhận xét đúng về đồ cổ”.

Bigelow lấy ra nhiều vật dụng điêu khắc và đưa chúng qua cánh cửa mở. Hầu hết là những vật chạm trổ nhỏ bằng đồng đỏ mang hình thù những con thú trông có vẻ lạ lùng với những cặp mắt gắn bằng đá opal màu đen.

“Những con thú đẹp thật”, Rosanna thì thầm, vừa chiêm ngưỡng những thiết kế được chạm khắc bằng đục hoặc bằng a-xít ăn sâu vào khối đồng. “Chúng hoàn toàn không giống bất kỳ loại vật nào chúng ta thấy trong sách”.

“Chúng hoàn toàn lạ lùng đối với chúng ta ngày nay”, ông Mender đồng ý.

“Liệu chúng có giá trị gì không?” Bigelow hỏi.

“Đối với một người sưu t ầm đồ cổ hoặc với một viện bảo tàng thì có đấy”, ông Mender trả lời. “Nhưng tôi thực sự không tin bất kỳ ai trong chúng ta có thể giàu có với những thứ này”. Ông dừng lại khi cầ n lên một vật có hình dạng và kích thước giống như một xương sọ người màu đen, lấp lánh trong thứ ánh sáng lò mờ. “Lạy Chúa, cái gì thế này?”

“Nó có vẻ đe dọa...”, Bigelow nói khẽ.

“Như thế nó được điêu khắc bởi bàn tay của quỷ Satan vậy”, một thủy thủ lắp bắp với vẻ sợ sệt.

Hoàn toàn bình thản, Rosanna nhận vật đó từ tay ông ch ông và chăm chú nhìn vào hai hốc mắt trông rỗng của cái sọ. “Nó có vẻ được tạo ra từ thủy tinh đen. Nhìn con r ông lộ ra giữa hai hàm răng nó xem”.

“Tôi đoán nó được làm từ đá dung nham”, ông Mender nói, vừa ngẫm nghĩ cái sọ, “nhưng tôi không thể hiểu nó được chạm trổ bằng cách nào...”

Câu nói bị bỏ lửng vì một âm thanh răng rắc thật lớn khi khối băng quanh phần đuôi tàu trồi lên và vỡ ra.

Một trong các thủy thủ nhảy xuống từ cầu thang boong trên và hét lớn, giọng anh ta lạnh lạnh rất khó nghe. “Thuyền trưởng, chúng ta phải rời tàu thật nhanh! Một vụ vỡ băng lớn đang lan rộng khắp khối băng và tạo ra nhiều hồ nước! Tôi sợ nếu không thoát thật gấp, chúng ta sẽ bị kẹt tại đây!”

Ông Mender không phí thì giờ để hỏi thêm. “Trở lại tàu Paloverde ngay!” Ông ra lệnh. “Nhanh lên!”

Rosanna bọc cái sợ người vào khăn quàng của bà và kẹp nó dưới một cánh tay.

“Không còn thì giờ cho những vật kỷ niệm đâu”, ông Mender cầu nhàu vợ. Nhưng bà phớt lờ ông chững và không chịu bỏ cái xương sợ lại.

Đẩy Rosanna đi trước, nhóm đàn ông vội vã leo lên cầu thang dẫn tới boong chính rồi nhảy xuống khối băng. Họ hoảng hốt khi nhìn thấy cả một cánh đồng băng cứng rắn lúc này đã rạn nứt và vỡ thành như ao nước. Những vết nứt biến thành những dòng chảy ngoằn ngoèo và những sông nhỏ, khi nước biển tràn qua lớp băng trên những khối băng trôi. Không ai trong số họ có ý nghĩ khối băng lại có thể tan rã nhanh như vậy.

Chạy dọc theo mép những khối băng vỡ, một số cao tới bốn chục bộ, và nhảy qua những khe nứt trước khi chúng mở rộng đến mức độ không thể nhảy qua. Đoàn thủy thủ và Rosanna chạy như thể lũ quỷ đói ở địa ngục đang đuổi theo sau lưng họ. Những âm thanh rùng rợn không thể tả của những khối băng nghiền vào nhau làm tăng cảm giác khủng khiếp trong đầu họ. Sự di chuyển làm hao tổn rất nhiều sức lực. Mỗi bước chân họ đều ngập dưới lớp tuyết đến sáu inch cho tới khi bàn chân chạm lên khối băng bên dưới.

Gió bắt đầu nổi lên trở lại, và thật không ngờ, nó gây cảm giác ấm áp, thứ không khí ấm áp nhất họ được cảm nhận từ lúc chiếc tàu bị kẹt trong khối băng. Sau khi chạy được một dặm rưỡi, mọi người đã sẵn sàng sụp đổ vì kiệt sức. Những tiếng hét lớn của các thủy thủ trên tàu Paloverde nài nỉ họ nhanh hơn, thúc giục họ cố gắng nhiều hơn. Rồi, thật bất ngờ, có vẻ như sự phấn đấu của họ để vượt tới chiếc tàu cuối cùng đã trở nên vô ích. Sự rạn vỡ lần chót của khối băng trước khi họ được an toàn trên tàu Paloverde gần như đã đánh gục họ. Nó mở rộng đến hai mươi bộ, quá xa

để họ có thể nhảy qua, và nó càng rộng thêm với tốc độ một bộ trong ba mươi giây.

Nhận thấy tình huống khó khăn của họ, viên sĩ quan thứ hai của tàu Paloverde, Asa Knight, ra lệnh những thủy thủ trên tàu hạ thủy một chiếc xuồng dùng để gom cá voi săn được, về một bên hông tàu và họ chèo bằng tay vượt qua chỗ nứt lúc này đã rộng tới gần ba chục bộ. Tận lực chèo chiếc xuồng nặng nề, nhóm thủy thủ tranh đấu để cứu sống vị thuyền trưởng, vợ ông ta và những đồng nghiệp của họ trước khi quá trễ. Sau một nỗ lực hết sức vất vả, họ tới được mép bên kia của đường rãnh. Cho tới lúc đó, ông Mender, Rosanna và những người khác đang đứng trong nước sâu đến đầu gối do nước biển trào lên khối băng.

Chiếc xuồng nhanh chóng được đẩy ra ngoài, và những người đàn ông chèo nó vượt qua con sông đang nhanh chóng mở rộng.

Rosanna được kéo lên qua lan can tàu đầu tiên, tiếp theo là những thủy thủ và ông Mender lên sau cùng.

“Chúng tôi nợ cậu rất nhiều, Asa”, ông Mender nói, vừa bắt tay người sĩ quan thứ hai của ông ta. “Cậu dám táo bạo cứu sống chúng tôi. Tôi đặc biệt cảm ơn cậu, nhân danh vợ tôi”.

“Nhân danh đứa bé nữa chứ”, Rosanna thêm vào, trong lúc hai thủy thủ bọc bà trong một cái chăn.

Ông nhìn bà. “Con của chúng ta đang an toàn trên tàu mà”.

“Em đâu có nói về bé Samuel”, bà nói qua hai hàm răng đang run cầm cập.

Ông Mender nhìn bà chăm chú hơn. “Em sắp nói với anh là em lại sắp có con à, cô vợ yêu quý?”

“Em nghĩ có lẽ khoảng hai tháng”.

Ông Mender thật sự bị sốc. “Em ra ngoài trên khối băng trong một cơn bão khi biết mình đang mang thai?”

“Lúc em ra ngoài đâu có bão”, bà nói và cười gượng gạo.

“Lạy Chúa”, ông thở dài, “anh phải làm gì với em đây?”

“Nếu ông không cần bà ấy, thưa Thuyền trưởng”, Bigelow vui vẻ nói, “tôi sẽ rất hạnh phúc được nhận bà”.

Bất chấp sự kiện đang buốt thấu xương, ông Mender phì cười và ôm siết bà vợ, chặt đến nỗi bà gần tắt thở. “Chớ có xúi dại, Bigelow, chớ xúi dại tôi”.

Nửa giờ sau khi lên tàu Paloverde, trong những trang phục khô ráo, Rosanna ng ẩ trước cái lò sưởi lớn xây bằng gạch và kim loại dùng để thắng mỡ cá voi. Ch ồng bà và đoàn thủy thủ không phí chút thì giờ nào dành cho những tiện nghi đối với bản thân họ. Những lá bu ồm nhanh chóng được đem ra khỏi kho chứa, nơi chúng được xếp đặt gọn ghẽ và nhanh chóng được buộc vào dây kéo bu ồm. Sau khi bu ồm được giương, những chiếc neo cũng được kéo từ đáy biển lên, và, với ông Mender đứng trước bánh lái, chiếc tàu Paloverde bắt đầu mở đường xuyên qua vùng nước biển vừa tan giữa những khối băng trôi khổng lồ, hướng về phía đại dương mênh mông.

Sau khi phải chịu đựng sáu tháng lạnh lẽo và suýt bị chết đói, ông thuyền trưởng và đoàn thủy thủ thoát khỏi những khối băng và hướng về nhà, nhưng trước khi đó, họ đã chứa đầy một ngàn tám trăm cái thùng lớn của họ với dầu cá voi.

Cái xương sọ lạ lùng bằng đá dung nham bà Rosanna đã lấy từ chiếc tàu bị đông cứng Madras được đặt trên mặt lò sưởi của gia đình tại San Francisco. Ông Mender bận rộn giao dịch thư từ với những chủ nhân lúc đó của Công ty Thương mại Skylar Croft tại Liverpool được đi đầu hành dưới một cái tên mới, và ông gửi cuốn nhật ký của tàu Madras cho họ, thông báo vị trí nơi ông tìm thấy chiếc tàu vô chủ trên bờ biển Dellingshausen.

Di tích chết chóc và khủng khiếp của quá khứ còn lại trong sự cô độc lạnh lẽo. Một cuộc thám hiểm với hai chiếc tàu đã lên đường từ Liverpool năm 1862 để thu h ữ chiếc tàu chở hàng Madras, nhưng chẳng ai trông thấy chiếc tàu nào trở lại, và người ta cho rằng chúng đã bị lạc trong vùng băng trôi khổng lồ quanh Nam Cực.

Một trăm bốn mươi bốn năm nữa trôi qua trước khi có những người lại phát hiện một lần nữa chiếc tàu Madras và đặt chân lên những boong của nó.

CÚ ĐẾN GẦN ĐỊA NGỤC NẾU BẠN CÓ THỂ

*Ngày 22 Tháng Ba, 2001
Thị trấn Pandora, bang Colorado*

Những ngôi sao yếu ớt trong bầu trời lúc sáng sớm giống như một cái lều lớn dùng làm rạp hát được nhìn từ độ cao chín ngàn bộ so với mặt biển. Nhưng chỉ có mặt trăng ngắm nhìn quang cảnh đó lúc ông Luis Marquez bước ra khỏi căn nhà nhỏ bằng gỗ của mình. Quanh mặt trăng xuất hiện một vòng tròn lạ lùng mà ông chưa bao giờ trông thấy trước đây. Marquez ngắm hiện tượng kỳ lạ đó một lúc trước khi đi qua sân đến cái xe tải nhỏ không mui hiệu Chevy Cheyenne 4x4 của mình.

Ông ta mặc bộ quần áo làm việc và im lặng ra khỏi nhà để không làm bà vợ và hai cô con gái thức giấc. Vợ ông, Lisa, cảm thấy vui thích khi dậy sớm để chuẩn bị bữa ăn sáng cho chồng và làm sẵn bánh mì sandwich cho bữa ăn trưa của ông. Nhưng Marquez bảo, bốn giờ sáng là quá sớm với bất kỳ ai phải thức dậy lo chuyện ăn uống.

Ông Marquez và gia đình sống rất giản dị. Với hai bàn tay, ông đã sửa sang lại căn nhà được xây dựng từ năm 1882. Các con ông học tại trường Telluride gần nhà, và những gì ông và Lisa không thể mua được tại thị trấn nghỉ dưỡng và trượt tuyết trù phú, họ sẽ mang về nhà từ những lần đi mua sắm hàng tháng tại Montrose, một cộng đồng lớn hơn cách đó sáu mươi bảy dặm về hướng bắc.

Thói quen hằng ngày của ông không bao giờ chấm dứt cho tới lúc ông nấn ná ngồi uống cà phê ngoài quán và nhìn quanh quất ngắm mọi thứ đang diễn ra như những hình ảnh ma quái. Dưới ánh sáng quang phổ của quầng mặt trăng, những tòa nhà cao tầng lẻ loi đứng lặng lẽ trông chẳng khác gì những nấm mộ trong một nghĩa địa.

Sau khi phát hiện những khối đá có mạch vàng từ năm 1874, những người thợ mỏ đổ về Thung lũng San Miguel và xây dựng thị trấn mà họ gọi là Pandora, dựa theo huyền thoại về một cô gái xinh đẹp và cái hộp của cô chứa đầy những linh hồn bí ẩn. Một ngân hàng tại Boston đã mua lại quyền khai thác mỏ, cấp vốn cho việc khai mỏ và xây dựng một nhà máy lọc quặng to lớn cách thị trấn mỏ nổi tiếng Telluride hai dặm.

Họ gọi nơi này là mỏ Paradise (Vườn Địa đàng), và chẳng mấy chốc, Pandora trở thành một thị trấn nhỏ gồm hai trăm công dân với trạm bưu điện của nó. Mọi căn nhà đều được sơn phết, với những bãi cỏ cắt xén gọn ghẽ và những hàng rào gỗ sơn trắng. Và dù Pandora được dựng lên trong một hẻm núi chỉ có một con đường duy nhất để ra vào, nó vẫn không bị cô lập. Con đường dẫn tới Telluride được bảo vệ tốt và Công ty Đường sắt phía nam Rio Grande đã thành lập một đường nhánh dẫn vào thị trấn để chở hành khách và các thiết bị cho khu mỏ và chở quặng đã tinh lọc qua vùng Continental Divide để tới Denver.

Có người bảo khu mỏ đã bị nguyền rủa. Cái giá sinh mạng con người phải trả để có được năm mươi triệu đô la từ số vàng khai thác được trong thời gian hơn bốn mươi năm là quá cao. Tổng cộng có hai mươi tám thợ mỏ kiên cường đã chết trong những hầm mỏ tối tăm - mười bốn người trong một thảm họa duy nhất - và gần một trăm người bị thương tật suốt đời vì những tai nạn bất thường và những vụ sập hầm.

Trước khi những người ngày xưa tạo ra con đường và đến định cư tại Telluride chết, họ tuyên bố là họ có thể nghe tiếng rên rỉ của hồn ma một người thợ mỏ đã chết vang xa đến mười dặm trong những hầm mỏ bỏ trống chẳng chịt như tổ ong trải dài gần mười ba ngàn bộ đến tận Colorado.

Cho đến năm 1931, tất cả số vàng có thể tạo lợi nhuận từ quặng mỏ đã cạn kiệt. Vì vậy mỏ Paradise ngưng hoạt động. Hơn sáu mươi năm sau, nó chỉ còn là một ký ức và là một vết sẹo đã lành một cách chậm chạp trong toàn khu vực. Và mãi tới năm 1996, những đường hầm và hầm mỏ hoang phế của nó mới được nghe lại tiếng bước chân và tiếng cuộc chim lanh lảnh.

Ông Marquez đưa mắt nhìn lên những ngọn núi. Trận bão kéo dài bốn ngày đã đến rồi đi trong tuần lễ trước, tăng thêm bốn bộ trên lớp tuyết đã bao phủ những sườn núi. Hiện tượng nhiệt độ không khí tăng lên trong mùa xuân biến đổi tuyết thành một thứ bùn lỏng giống như bột khoai tây hầm nhừ. Đây là thời điểm khởi đầu mùa tuyết lở. Tại những vùng cao, việc di chuyển trở thành hành động liều lĩnh và những người trượt tuyết được cảnh báo chớ đi lang thang bên ngoài những đường băng đã được thành lập. Theo chỗ ông Marquez biết, chưa có vụ tuyết lở nào xâm phạm tới thị trấn Pandora. Ông an tâm khi biết gia đình vẫn bình yên, nhưng lại phớt lờ chuyện an nguy bản thân mỗi lần ông lái xe lên con đường dốc phủ

tuyết trong mùa đông và làm việc một mình trong những hang sâu trong lòng núi. Cùng với những ngày ẩm áp bắt đầu, một vụ tuyết lở là một sự kiện người ta chờ đợi sẽ xảy ra.

Ông Marquez đã một lần thấy cảnh tuyết lở trong những năm ông ở trên núi. Sức mạnh và vẻ đẹp thực sự lớn lao của nó chính là lúc nó quét sạch những tảng đá, cây cối và tuyết xuống thung lũng, cùng với những thứ đó là âm thanh ầm ĩ của sấm, là một thứ gì đó ông không bao giờ quên được.

Sau cùng, ông đội cái nón cứng lên đầu, ngó vào sau tay lái của chiếc xe tải không mui Chevy và khởi động máy, để máy nổ khoảng hai phút chờ động cơ nóng lên. Rồi ông bắt đầu thận trọng lái xe lên con đường hẹp không có lề đường, dẫn tới khu mỏ đã có lần là nơi sản xuất dẫn đầu về số vàng của bang Colorado. Những vỏ bánh xe tạo những đường rãnh sâu trên lớp tuyết sau cơn bão vừa qua. Ông càng thận trọng lái khi con đường ngoằn ngoèo cao hơn về phía đỉnh núi. Tuyết lở thật nhanh dọc theo mép đường kéo dài vài trăm bộ đến chân núi. Một vụ tuyết lở không kiểm soát được và những nhân viên cứu hộ có thể sẽ tìm thấy thân thể ông Marquez dập nát vì những mảnh kim loại của chiếc xe tải trên đồng đá lởm chởm nằm tít dưới kia.

Những người dân địa phương nghĩ ông đã điên khùng khi mua lại khu mỏ Paradise. Còn chút vàng nào đáng công khai thác thì cũng đã cạn sạch từ lâu. Và, ngoại trừ một chủ nhà hàng tại Telluride, không ai có thể mơ tưởng hành động đầu tư của ông Marquez đã đem lại sự giàu có cho ông. Lợi tức từ khu mỏ nói lên sự đầu tư khôn ngoan vào các bất động sản tại địa phương. Và với sự bùng nổ của khu nghỉ mát và trượt tuyết, ông đã kiếm được gần hai triệu đô la.

Ông Marquez không quan tâm đến vàng. Suốt mười năm, ông đã lang bạt khắp nơi để tìm kiếm đá quý. Tại các bang Montana, Nevada và Colorado, ông đã tìm kiếm những mỏ vàng và bạc bị bỏ phế để gom góp các tinh thể khoáng sản có thể cắt thành những viên đá quý. Trong đường hầm của khu mỏ Paradise, ông phát hiện một mạch tinh thể hồng ngọc tại những nơi mà các thợ mỏ xưa kia đã xem là loại đá không có giá trị. Thứ đá quý này đang trong tình trạng tự nhiên của nó, ông Marquez biết rõ đi đâu đó, là một tinh thể đẹp mắt được tìm thấy tại nhiều nơi trên thế giới trong dạng màu hồng và đỏ sẫm.

Loại đá quý này ít khi được thấy bị cắt hoặc mài thành nhiều mặt. Những tinh thể lớn được những nhà sưu tập rất ưa chuộng, và họ không muốn thấy chúng bị cắt thành từng mẫu nhỏ. Những viên đá sáng và tinh khiết được khai thác từ mỏ Paradise đã được cắt thành những viên ngọc không tì vết nặng đến mười tám ca ra đầu có giá rất cao. Ông Marquez biết đã tới lúc ông có thể rút lui và dành quãng đời còn lại cho cuộc sống mẫu mực, nhưng chừng nào mạch máu còn tiếp tục chảy, ông quyết định vẫn góp nhặt những quặng đá quý từ loại đá granite cho đến lúc chúng cạn kiệt.

Ông đậu chiếc xe tải cũ với những thanh cản trầy trụa và móp mép, bước xuống xe, đến một cánh cửa sắt lớn rỉ sét có bốn sợi xích gắn liền với bốn ổ khóa khác nhau. Với những chìa khóa lớn cỡ lòng bàn tay, ông mở các ổ khóa và tháo những sợi dây xích. Rồi ông dùng cả hai bàn tay đẩy cánh cửa đồ sộ mở ra. Những tia sáng từ mặt trăng, tràn qua một khoảng trống ngắn, đổ xuống một hầm mỏ thoải làm lộ ra hai đường ray nằm song song chạy sâu vào trong bóng tối.

Ông khởi động cái máy phát điện xách tay rồi kéo cái cần gạt trên hộp phát điện. Hầm mỏ bất chợt sáng lên dưới một dãy những bóng đèn, xuyên qua căn hầm đến cả trăm mét trước khi thu hẹp lại dần cho đến lúc chúng chỉ còn là một chùm sáng nhỏ. Một cái xe chở quặng nằm trên hai đường ray được buộc dính vào một sợi cáp dẫn tới một trục cuộn. Chiếc xe được lắp đặt để sử dụng lâu dài, chỉ có một dấu hiệu khó sử dụng đó là cái thùng chứa của nó đã rỉ sét nhiều.

Ông Marquez leo vào bên trong cái thùng chứa rồi bấm một cái nút trên bộ điều khiển từ xa. Cái trục cuộn bắt đầu kêu vo ve và nhả sợi cáp ra, cho phép chiếc xe chở quặng chạy xuống dưới sâu trên hai đường ray; nó chuyển động chỉ nhờ vào sức hút của trọng lực, không do một lực nào khác. Đi xuống lòng đất không phải là một công việc dành cho những ai nhát gan hoặc yếu tim, hoặc bị ám ảnh bởi nỗi sợ hãi nào đó. Căn hầm hạn chế, chỉ đủ chỗ trống cho chiếc xe chở quặng hoạt động. Những thanh xà rầm bằng gỗ và các thanh, chống gạn kết nhau giống như những khung cửa, được sắp đặt cách nhau vài feet để chống đỡ mái hầm tránh sụp lở. Nhiều thanh gỗ đã mục nát, nhưng những thanh khác vẫn còn chắc chắn và có âm thanh giống như ngày chúng được những người thợ mỏ đặt vào chỗ, và những thợ mỏ đó đầu đã chết từ lâu. Chiếc xe đi xuống đường hầm dốc thoải với một tốc độ nhanh, tới một nơi sâu đến một ngàn hai trăm bộ

thì dừng lại. Ở độ cao này lúc nào cũng có nước chảy nhỏ giọt từ mái đường hầm xuống.

Lấy một cái túi đeo lưng và một cái xô, ông Marquez leo ra khỏi chiếc xe và đi vào một đường hầm khác rất dốc dẫn xuống những khoang rộng hơn phía dưới khu mỏ Paradise cho tới khi nó đạt tới độ sâu hai ngàn hai trăm bộ. Tại đây, lộ trình chính và nơi những đường hầm gặp nhau, mở rộng vào lớp đá granite trông như những nan hoa trên một bánh xe. Theo những ghi chép cũ và những bản đồ dưới lòng đất, hầu như có đến một trăm dặm đường hầm bên dưới và quanh thị trấn Pandora.

Ông Marquez thả một hòn đá xuống bóng tối tỏa rộng. Hai giây sau, một tiếng động do va chạm vọng lại.

Ngay sau khi khu mỏ đóng cửa và những cái bơm từ trạm bơm dưới chân núi được tháo ra, những độ cao bên dưới dần ngập nước. Theo thời gian, nước dâng cao tới mười lăm bộ tại độ cao một ngàn hai trăm bộ. Ông Marquez làm việc tại độ cao ướt át này. Mực nước dâng chậm, và không khí quá ẩm ướt cho ông biết chỉ còn vài tuần lễ nữa, mực nước sẽ dâng tới nóc căn hầm cũ này rồi bắt đầu tràn vào đường hầm chính và chấm dứt chương trình khai thác mỏ đá quý của ông.

Ông Marquez đổ hết tâm trí vào việc gọt nhặt tối đa những viên đá trong thời gian ngắn còn lại dành cho ông. Những ngày của ông trở nên dài hơn trong lúc ông phấn đấu khai thác những tinh thể đó chỉ với cây cuốc chim của thợ mỏ và một cái xe cút-kít để chở quặng tới cái thùng chứa đặt trên chiếc xe chở quặng rồi dùng trục cuộn kéo nó lên và đưa tới tận lối vào mỏ.

Lúc vượt qua đường hầm, ông đi quanh những chiếc xe chở quặng rỉ sét và những máy khoan do các thợ mỏ bỏ lại khi họ rời khỏi khu mỏ. Không thấy có chuyện mang đi những thiết bị còn lại, vì những khu mỏ sát nhau này nối nhau đóng cửa trong cùng một thời gian. Vì vậy, người ta chỉ việc vứt bỏ tất cả những thứ đã dùng sang một bên rồi bỏ đi.

Vượt qua được khoảng bảy chục mét trong đường hầm, ông tới một khe nứt hẹp trên vách đá, vừa đủ chỗ cho ông lách qua. Cách chỗ đó gần hai chục bộ là nơi ông đang khai thác mỏ. Một bóng đèn đã đứt dây tóc còn lủng lẳng từ trên nóc khe hở được ông thay thế bằng một bóng đèn khác lấy từ cái túi đeo lưng. Rồi ông cầm cái cuốc chim lên và bắt đầu tấn công mạch quặng có đá quý. Trong trạng thái tự nhiên, những tinh thể đá có màu đỏ mờ đục, trông giống những trái dâu khô trên cái bánh xốp.

Một khối đá nằm lơ lửng ngay trên đỉnh khe nứt có vẻ rất nguy hiểm. Nếu muốn tiếp tục làm việc an toàn không bị đá rơi trúng, ông Marquez không còn lựa chọn nào khác ngoài việc phải tống khứ nó đi nơi khác. Dùng một cái máy khoan bằng khí nén xách tay, ông khoét một cái lỗ vào lớp đá. Sau đó ông chèn một lượng nhỏ thuốc nổ vào lỗ khoan, nối bằng dây dẫn điện tới một kíp nổ. Sau khi đi quanh góc khe nứt vào trong đường hầm chính để ẩn nấp, ông bấm nút kích hoạt kíp nổ. Một tiếng nổ trầm đục dội lại qua đường hầm, theo sau là tiếng đá rơi và một màn bụi cuốn vào đường hầm chính.

Ông Marquez đợi vài phút cho bụi lắng lại trước khi thận trọng đi vào khe nứt tự nhiên. Khối đá lơ lửng đã biến mất. Trên mặt sàn chật hẹp là một đồng đất đá ngổn ngang. Ông sửa chữa lại cái trục cuộn và bắt đầu chuyển đồng đồ nát ra ngoài đường hầm chỉ cách đó một quãng. Khi khe nứt đã quang đãng, ông ngược nhìn lên để tin chắc không sự đe dọa nào còn sót lại.

Ông ngạc nhiên nhìn chăm chú vào một lỗ thủng bất chợt mới hiện ra trên mái khe nứt. Ông hướng chùm tia sáng trên cái nón bảo hộ của mình về phía lỗ thủng. Chùm ánh sáng tiếp tục lọt qua cái lỗ vào nơi có vẻ là một hang động. Thật đột ngột, bị thôi thúc vì tò mò, ông Marquez chạy trở lại đường hầm chính khoảng năm mươi mét, tại đây ông tìm thấy một cái thang sắt rỉ sét dài khoảng sáu bộ còn sót lại trong đám những thứ trang bị. Quay lại chỗ khe nứt, ông dựng cái thang và leo lên, rứt bỏ mọi viên đá từ mép lỗ thủng cho tới khi cái lỗ đủ rộng để ông chui qua. Ông chui nửa thân trên qua lỗ thủng rồi quay đầu từ vai này sang vai kia, quét chùm tia sáng từ cái nón bảo hộ trên đầu vào bóng tối trong hang.

Ông Marquez nhận ra mình đang quan sát một căn phòng được khoét sâu vào trong đá. Căn phòng có vẻ là một khối hình hộp, đáy vuông vức hoàn chỉnh, mỗi bề xấp xỉ mười lăm bộ, chiều cao từ sàn lên trần căn phòng cũng chừng đó. Những dấu hiệu được khắc sâu vào các vách đá thẳng đứng, trơn láng. Đây rõ ràng không phải là công việc của những thợ mỏ trong thế kỷ mười chín. Và, thật đột ngột, chùm tia sáng trên cái nón bảo hộ của ông chiếu lên một cái bệ bằng đá và soi sáng món đồ vật được cái bệ nâng đỡ.

Ông Marquez đông cứng vì sửng sốt trước hình ảnh khủng khiếp của một cái xương sọ màu đen, hai hốc mắt sâu hoắm, trống rỗng đang trừng trừng chiếu thẳng vào ông.

Viên phi công nghiêng cánh chiếc máy bay hai động cơ Beechcraft của hãng Hàng Không Hoa Kỳ quanh hai đám mây trắng nõn như bông và bắt đầu chuẩn bị đáp xuống đường bay ngắn trên một sườn dốc phía thượng nguồn sông San Miguel. Dù đã bay vào và ra phi trường nhỏ Telluride hàng trăm lần, nhưng anh ta vẫn hết sức tập trung lúc hạ cánh chiếc máy bay để không đáp nhầm chỗ trên rừng núi tuyết phủ San Juan. Vẻ đẹp sắc sảo của những ngọn núi và sườn núi, lởm chởm như răng cưa, bị tuyết phủ kín dưới bầu trời xanh ngắt sống động, làm người ta nghẹt thở.

Lúc chiếc máy bay xuống thấp hơn về phía thung lũng, những sườn núi, về cả hai mặt, trỗi lên thật đường bệ. Chúng có vẻ gần đến nỗi hành khách có cảm giác như thể cánh máy bay chạm vào những cây phi lao mọc trên vách núi. Rồi những còng đáp hạ xuống, và một phút sau, các bánh xe ló ra và rít lên khi chúng chạm đường băng hẹp trải nhựa.

Chiếc Beechcraft chỉ chở mười chín hành khách, và họ nhanh chóng rời khỏi máy bay. Patricia O'Connell là người cuối cùng đặt chân lên nền đất. Tuân thủ lời khuyên của bạn bè đã từng bay đến thị trấn nghỉ dưỡng để trượt tuyết, cô đã yêu cầu được ngồi tại dãy ghế sau đuôi máy bay để có thể hứng thú ngắm nhìn cảnh đẹp mà không bị cản trở tầm mắt bởi một trong hai cánh máy bay.

Ở độ cao chín ngàn bộ, không khí trở nên loãng nhưng tinh khiết và mát mẻ đến độ khó tin. Patricia hít vào thật sâu khi cô đi từ máy bay đến tòa nhà đón đưa hành khách. Lúc cô bước qua cánh cửa, một người đàn ông - thấp, to bè, râu cằm cạo sạch sẽ, chỉ còn hàng ria mép màu nâu sẫm — đi thẳng tới chỗ cô.

“Tiến sĩ Patricia O'Connell?”

“Vui lòng gọi tôi là Pat”, cô trả lời. “Chắc ông là Tiến sĩ Thomas Ambrose”.

“Xin gọi tôi là Tom”, ông ta nói với một nụ cười ấm áp. “Chuyến bay từ Denver tốt đẹp chứ?”

“Rất tuyệt. Những ngọn núi có vẻ hơi hỗn độn, nhưng quang cảnh xinh đẹp dễ dàng bù lại bất kỳ sự thiếu tiện nghi nào”.

“Thị trấn Telluride là một địa phương đáng yêu”, ông ta nói với vẻ tiếc rẻ. “Nhiều lần tôi đã có ý định sẽ sống tại đây”.

“Tôi không tưởng tượng được là có nhiều khu khảo cổ để cho một người giàu kinh nghiệm như ông nghiên cứu”.

“Trên độ cao này không có đâu”, ông ta nói. “Những di tích đồ nát của người Da đỏ Indian nằm tại những cao độ thấp hơn nhiều”.

Tiến sĩ Thomas Ambrose có thể không hợp với khuôn mẫu một nhà nhân loại học lỗi lạc, nhưng ông ta là một trong những người được kính trọng nhất trong phạm trù này. Một giáo sư đã về hưu tại đại học Arizona State, là một nhà nghiên cứu có kỹ năng, rất quan tâm đến những phúc trình viết tay về những nghiên cứu của Tiến sĩ Ambrose. Lúc này, vào lứa tuổi gần năm mươi - Pat đoán ông ta trẻ hơn mười tuổi - ông ta có thể tự hào về ba mươi năm dành cho việc theo đuổi dấu vết những người cổ đại và nền văn hóa của họ trải rộng khắp miền Tây Nam Hoa Kỳ.

“Tiến sĩ Kidd tỏ ra rất bí ẩn trên điện thoại. Hầu như ông ta chẳng tiết lộ thông tin nào về chuyên phát hiện”.

“Và tôi cũng sẽ như thế”, Ambrose nói. “Tốt nhất là bà nên đích thân chờ xem”.

“Bằng cách nào ông dính vào việc phát hiện này?” Cô hỏi.

“Chỉ là do đúng nơi và đúng lúc. Trong khi tôi đang nghỉ ngơi và trượt tuyết với một cô bạn gái cũ thì nhận được một cú điện thoại từ một đồng nghiệp tại Đại học Colorado, yêu cầu tôi xem qua những cổ vật nhân tạo được một thợ mỏ tìm thấy. Sau khi khảo sát nhanh tại chỗ, tôi nhận ra những thứ đó vượt khỏi chuyên môn của mình”.

“Tôi không tin một chuyên gia tên tuổi như ông lại cảm thấy khó khăn trong chuyện này”.

“Thật không may, phạm trù chuyên môn của tôi không bao gồm Khoa nghiên cứu chữ chạm khắc. Và thế là bà phải tới đây. Người duy nhất tôi biết, với tư cách cá nhân, có chuyên môn đặc biệt trong việc giải mã những chữ chạm khắc cổ là Tiến sĩ Jerry Kidd tại Stanford. Không phải bất tài, nhưng ông ấy đã hết lòng đề nghị bà thế chỗ ông ấy”.

Ambrose quay lại khi những cánh cửa bên ngoài dẫn tới khu nhận hành lý mở ra và những nhân viên giao hành lý bắt đầu đưa những chiếc va ly lên đường băng dốc bằng kim loại. “Cái va ly lớn màu xanh lục là của tôi”, Pat nói với người đàn ông khuôn vác. Anh ta nhấc lên vai cái va ly nặng năm mươi cân Anh chứa toàn những sách tham khảo.

Ambrose lăm bằm gì đó nhưng không nói gì khi nhận cái va ly nặng từ người phu khuân vác và đi về phía chiếc xe jeep hiệu Chero Kee của ông ta tại bãi đậu xe bên ngoài phòng hành khách. Pat có vẻ chần chừ trước khi vào chiếc xe để dành thì giờ ngắm những rừng thông và phi lao chạy dài xuống sườn núi Wilson và Sunshine xuyên qua thung lũng. Trong lúc Pat đứng và bị mê hoặc trước cảnh đẹp hùng vĩ, Ambrose nhân cơ hội đó ngắm nhìn cô.

Mái tóc Pat màu đỏ sáng và buông thõng xuống tận eo lưng. Đôi mắt cô màu xanh lục với nét tinh tế, sắc sảo. Cô đứng như một pho tượng được điêu khắc bởi một nghệ nhân tài hoa, trọng lượng thân thể dồn lên chân bên phải trong lúc đầu gối chân trái hơi xoay vào phía trong. Hai vai và cánh tay gợi cảm giác về một thân hình có nhiều cơ bắp săn chắc hơn phần đông các phụ nữ khác, chứng tỏ Pat đã dành nhiều giờ dài để luyện tập tại một phòng thể dục thẩm mỹ. Ambrose đoán cô phải cao tới năm feet tám inch và cân nặng cỡ một trăm ba mươi lăm cân Anh. Pat là một phụ nữ xinh đẹp, không sôi nổi và kích thích, nhưng ông ta tưởng tượng cô trông rất gợi cảm khi mặc những trang phục quyến rũ hơn những quần jean và áo khoác da này.

Tiến sĩ Kidd tuyên bố không có nhân vật nào tuyệt hơn Patricia O'Connell để giải mã những loại chữ viết cổ. Ông ta đã gửi fax về tiểu sử của cô, và Ambrose bị gây ấn tượng mạnh mẽ. Ba mươi lăm tuổi, với một bằng tiến sĩ về các ngôn ngữ cổ đại tại Đại học Pennsylvania. Pat đã viết ba cuốn sách rất được hâm mộ về những loại chữ viết cô đã giải mã trên đá được tìm thấy tại nhiều địa điểm khác nhau trên thế giới. Kết hôn với một luật sư rã ly dị, cô lãnh phần nuôi dưỡng đứa con gái của họ, mười bốn tuổi. Là một người kiên định, cô chấp nhận lý thuyết cho rằng các nền văn hóa lan truyền từ nền văn hóa này đến nền văn hóa khác không phát sinh một cách lệ thuộc; cô cũng kiên trì tin rằng những người đi biển đã viếng thăm các bờ biển của châu Mỹ nhiều trăm năm trước Columbus.

“Tôi sẽ đưa bà đến một chỗ trọ tốt trong thị trấn”, Ambrose nói. “Nếu bà muốn, tôi sẽ đợi một giờ hoặc hơn để bà săn sóc bản thân”.

“Không, cảm ơn ông”, Pat nói và mỉm cười. “Nếu ông không ngại, tôi thích đi thẳng tới nơi đó”.

Ambrose gật đầu, rút cái điện thoại cầm tay từ túi áo khoác ra và bấm số. “Tôi sẽ báo cho ông Luis marquez, chủ nhân khu mỏ và cũng là người đã phát hiện căn phòng đó, là chúng ta đang tới”.

Họ im lặng trong lúc lái xe qua trung tâm thị trấn Telluride. Pat đưa mắt nhìn lên sườn núi phủ tuyết của ngọn Mountain Village chạy dài về phía nam và trông thấy những người trượt tuyết đang lao xuống đường băng rất dốc dẫn xuống vành đai thị trấn. Họ đi qua những tòa nhà cổ được bảo quản suốt thế kỷ trước, được tu sửa và nay là các cửa hiệu bán lẻ thay vì là những quán rượu. Ambrose chỉ về phía một tòa nhà bên trái ông ta. “Đó là nơi Butch Cassidy cướp ngân hàng đầu tiên của hắn”.

“Thị trấn Telluride chắc hẳn phải có một lịch sử rất phong phú*.

“Đúng vậy”, Ambrose trả lời. “Ngay trước mặt khách sạn Sheridan là nơi William Jennings Bryan đã phát biểu bài diễn thuyết “thánh giá vàng” nổi tiếng của ông ta. Và xa hơn về phía Thung lũng South Fork là nhà máy phát điện đầu tiên của thế giới để cung cấp luân phiên các dòng điện cho những khu mỏ. Những thiết bị của nhà máy được Nikola Tesla thiết kế”.

Ambrose tiếp tục lái xe qua Thị trấn Telluride lúc nào cũng bận rộn với sự xâm lược của những người trượt tuyết, rồi hướng về hẻm núi nơi có con đường có vỉa hè, kết thúc tại khu mỏ Pandora. Pat tò mò ngắm những vách đá dựng đứng bao quanh thị trấn mỏ cổ, tạo nên những thác nước Bridal Veil với dòng chảy từ lượng nước do tuyết tan, khởi đầu một mùa xuân ấm áp.

Họ đến một con đường nhánh dẫn tới nơi đổ nát của nhiều tòa nhà cũ. Một chiếc xe van và một xe jeep sơn màu ngọc lam đậu gần đó. Hai người đàn ông mặc những quần áo ướt đầm và đang cởi lớp áo - mà theo Pat - là thứ trang bị dành cho thợ lặn. “Những thợ lặn thì có chuyện gì để làm tại nơi trung tâm những rừng núi của bang Colorado nhỉ?” Cô hỏi vu vơ.

“Tôi đã dừng lại và nói chuyện với họ hôm qua”, Ambrose trả lời. “Họ là những người của NUMA, Bộ phận Hàng hải và Hoạt động Dưới Nước của Quốc gia”.

“Từ biển tới đây quá xa, phải không?”.

“Tôi được họ báo cho biết là họ đang thám hiểm một hệ thống đường thủy cũ phức tạp đã có lần lấy nước từ sườn phía tây của rừng núi San Juan. Có một mê cung gồm những hang động lớn nối liền với những đường hầm trong khu mỏ cũ”.

Lúc con đường dẫn lên cao chừng nửa dặm, Ambrose đi qua một vỉa quặng khổng lồ bị bỏ hoang, tại đây một xe tải và một xe romoóc đậu bên bờ sông San Miguel, dưới miệng một hầm mỏ cũ bỏ hoang khác. Những

căn lều đã được dựng lều quanh những chiếc xe, và họ có thể trông thấy nhiều đàn ông đang đi dạo quanh đó. Hai bên hông xe romoóc được sơn những chữ quảng cáo cho Tổ hợp Khoa học Địa lý Dưới Mặt Đất, có văn phòng đặt tại Phoenix, bang Arizona.

“Đó là một nhóm những nhà khoa học khác”, Ambrose giải thích, không cần được hỏi. “Một đội các nhà địa lý học địa chất, nghiên cứu khắp những hẻm mỏ với những thiết bị hiệu quả để xâm nhập lòng đất nhằm phát hiện bất cứ mạch vàng nào bị những thợ mỏ trước kia bỏ sót”.

“Họ sẽ tìm thấy cái gì chứ?” Pat hỏi.

Ambrose nhún vai. “Tôi không tin. Những núi này đã bị đào bới kỹ lắm rồi”.

Một lúc sau, Ambrose đến trước một ngôi nhà nhỏ xinh xắn và đậu xe cạnh một xe tải nhỏ không mui. Ông Marquez và vợ, Lisa, được báo cho biết họ đã tới, bước ra chào đón họ và được Ambrose giới thiệu với Pat.

“Tôi ganh tị với ông bà đấy”, Pat nói. “Hai người sống trong một khung cảnh quá đẹp như thế này mà”.

“Tôi rất buồn nói rằng”, Lisa trả lời, “chỉ sau một năm cô sẽ không quan tâm tới nó nữa”.

“Tôi không nghĩ một ngày nào đó tôi sẽ dừng dừng với quang cảnh ở đây”.

“Tôi có thể mời hai vị uống cái gì nhỉ? Một tách cà phê hoặc một vai bia?”

“Không ạ”, Pat trả lời. “Tôi muốn xem phát hiện của ông Marquez càng sớm càng tốt”.

“Không thành vấn đề”, ông Marquez nói. “Chúng ta còn những năm tiếng đồng hồ trước khi mặt trời lặn. Quá đủ thời gian để cô đến xem căn phòng đó và trở về trước lúc sắp tối”.

“Tôi sẽ chờ các vị về dùng bữa tối”, Lisa nói. “Tôi nghĩ các vị sẽ thích thú với món thịt nai nướng”.

“Nghe có vẻ tuyệt lắm”, Pat trầm trồ với cảm giác đói bụng.

Ông Marquez gạt đầu về phía chiếc xe tải cũ. “Có lẽ chúng ta sẽ dễ dàng hơn nếu lên khu mỏ với chiếc xe jeep của ông, thưa tiên sĩ”.

Mười lăm phút sau, họ đã ngồi trong cái xe chở quặng bắt đầu đi xuống cửa hầm dẫn vào khu mỏ Paradise. Đây là một kinh nghiệm mới dành cho Pat. Cô chưa bao giờ đặt chân vào một hầm mỏ.

“Trong này ấm hơn nhiều”, ông Marquez nói, “nhiệt độ tăng lên năm độ mỗi khi ta xuống sâu hơn một trăm bộ. Tại những cao độ thấp hơn trong khi mỏ hiện đang ngập nước, nhiệt độ đã có lúc lên tới trên một trăm độ”.

Chiếc xe chở quặng đến một chỗ dừng. Ông Marquez bò ra và lục lọi trong một cái rương gỗ chứa dụng cụ. Ông trao cho Pat và Ambrose mỗi người một cái nón bảo hộ.

“Để phòng vệ đá rơi?” Pat hỏi.

Ông Marquez phì cười. “Hầu như để bảo vệ đầu cô khi va đụng những cột gỗ chống sụp hầm”.

Những bóng đèn sáng tù mù gắn trên những thanh xà rầm trên đầu, lúc họ đi qua đường hầm ẩm thấp với ông Marquez dẫn đầu. Khi một người nào đó trong nhóm nói, giọng nói dội vào những chỗ lõm trên các vách đá đường hầm. Hơn một lần, Pat vấp chân trên những thanh tà vẹt nối hai đường ray rỉ sét của chiếc xe chở quặng, nhưng cô giữ thăng bằng lại được. Cô đã không nhận ra, lúc thay đổi y phục sáng sớm hôm nay trước khi bay tới Telluride, cô đã khôn ngoan quyết định mang một đôi giày loại dùng để đi dã ngoại. Sau một lúc tưởng như một giờ nhưng thực ra chỉ mười phút, họ tới một khe nứt dẫn vào căn phòng, và theo sau ông Marquez đi qua cái hành lang hẹp.

Ông ta dừng lại chỗ cái thang rỗ leo lên tới chỗ cái bóng đèn sáng mờ mờ gắn trên trần hầm trống. “Tôi đã kéo dây điện tới đây sau khi ông đến vào hôm qua. Những vách tường nhả thín hoạt động chẳng khác gì những gương phản xạ, vì vậy các vị sẽ không gặp trở ngại khi khảo sát những chữ khắc”. Rồi ông đứng sang một bên và giúp Pat leo lên thang.

Không được báo trước sẽ gặp điều gì nên Pat thực sự choáng váng. Cô có cảm giác giống như Howard Carter khi lần đầu tiên ông trông thấy ngôi mộ của Vua Tut. Ngay lập tức, đôi mắt cô dán chặt vào cái sọ người màu đen, và cô cung kính đến gần cái bệ đặt nó, chăm chú nhìn bề mặt bóng loáng của nó lấp lánh dưới ánh sáng đèn.

“Nó đẹp sắc sảo lạ lùng”, cô thán thỉ nói với giọng ngưỡng mộ trong lúc Ambrose vừa lọt vào căn phòng và đứng bên cạnh cô.

“Một tác phẩm bậc thầy”, ông ta nói, “được điêu khắc từ nham thạch”.

“Tôi đã thấy cái sọ người bằng đá của người Maya được tìm thấy ở Belize. Nhưng cái sọ này thú vị hơn nhiều. Cái kia quá thô nếu so sánh với

nó. Họ bảo cái xương sọ Maya tỏa ra một vầng hào quang, và người ta nghe những âm thanh lạ từ vật đó phát ra”.

“Tôi chẳng có cảm giác gì lúc khảo sát nó”, Pat nói, và mỉm cười. “Nó chỉ ngời im và trừng mắt nhìn”.

“Tôi không thể tưởng tượng sau bao nhiêu năm - hầu như bao nhiêu thế hệ, hoàn toàn không có những dụng cụ hiện đại - để đánh bóng một tác phẩm mỹ thuật như thế từ một khoáng sản rất dễ vỡ. Chỉ với một cái gõ nhẹ bằng búa, nó có thể bị vỡ vụn thành hàng ngàn mảnh”.

“Bề mặt của nó rất mịn, và nó không có một tí vết nào”, Pat nhẹ nhàng nói.

Ambrose quét một bàn tay quanh phòng. “Toàn bộ căn phòng này cũng thật lạ lùng. Những chữ viết trên các bức tường và trần phòng đòi hỏi ít nhất phải có năm người dành trọn cả đời để khắc chúng lên đá, chưa nói đến những nỗ lực phi thường được dùng để đánh bóng các mặt tường và trên trần. Chỉ căn phòng thôi cũng phải mất nhiều năm để đục và chuyển loại đá granit quá cứng ở đây đến nơi khác tại một độ sâu như nơi này. Tôi đã đo căn phòng. Bốn vách tường, trần và sàn phòng là một khối vuông vức hoàn hảo. Nếu các mặt bên trong không thẳng hàng và lệch đường dây dọi, thì sự chênh lệch đó cũng ít hơn một milimét. Giống như trong tiểu thuyết huyền bí cổ xưa, chúng ta cũng có một sự kiện đầy kịch tính diễn ra trong một căn phòng không có cửa và cửa sổ”.

“Vậy chỗ mở ra trên sàn phòng?” Pat hỏi.

“Được ông Luis Marquez khai thông trong thời gian tìm kiếm đá quý”, Ambrose trả lời.

“Vậy bằng cách nào họ đã tạo ra căn phòng này nếu không có cửa để ra vào?”

Ambrose chỉ lên trần.

“Gợi ý duy nhất tôi có thể tìm thấy là một vết nứt rất nhỏ quanh các mép trên trần. Tôi chỉ có thể thú nhận là bất cứ ai đã dựng nên căn phòng hình khối vuông vức này cũng đã đào từ trên cao xuống rồi sau đó khắc chữ lên đá”.

“Vì mục đích gì?”

Ambrose mỉm cười. “Đó là lý do tại sao bà có mặt tại đây để tìm ra câu trả lời”.

Pat lấy một sổ ghi chép, một cây cọ nhỏ và một kính phóng đại từ cái túi đeo ngang thắt lưng. Cô bước lại gần một bức tường, nhẹ nhàng quét

sạch lớp bụi phủ trên vách đá qua nhiều thế kỷ, và chăm chú nhìn những chữ khắc qua cái kính lúp. Cô miệt mài khảo sát những chữ chạm khắc khá lâu trước khi ngược lên nhìn trần phòng. Rồi cô quay lại nhìn Ambrose, trên nét mặt không biểu lộ dấu hiệu gì. “Hình ảnh trên trần có vẻ là một bản đồ vị trí các ngôi sao. Những biểu tượng...”, cô ngẩn ngơ rồi dừng dừng nhìn Ambrose. “Đây chắc hẳn là một sự lừa đảo do những thợ mỏ đã đào đường hầm tạo ra”.

“Điều gì khiến bà nghĩ như vậy?” Ambrose hỏi.

“Những biểu tượng này không có dấu hiệu gì trông giống bất kỳ thứ chữ viết cổ nào tôi từng nghiên cứu”.

“Bà có thể giải mã ký hiệu nào trong những chữ viết này không?”

“Tất cả những gì tôi có thể nói với ông là ở đây không có chữ tượng hình hoặc những ký hiệu tốc ký diễn tả ngôn ngữ con người. Cũng chẳng có ký hiệu nào gợi ý ngôn ngữ hoặc âm tiết do lời nói thốt ra. Có vẻ như đây chỉ là những chữ cái”.

“Vậy thì chúng là một kết hợp những âm thanh đơn độc”, Ambrose gợi ý.

Pat gật đầu đồng ý. “Đây có thể là một loại mật mã viết tay hoặc một hệ thống chữ viết của một nền văn minh rất cao”.

Ambrose nhìn cô chăm chú. “Tại sao bà nghĩ tất cả những thứ này là một trò lừa đảo?”

“Những chữ viết không khớp với bất kỳ mô hình nào đã được con người biết tới và truyền lại qua lịch sử”, Pat nói với giọng bình tĩnh và đầy uy lực.

“Bà vừa nói đến một nền văn minh rất cao”.

Pat đưa cho Ambrose cái kính phóng đại. “Ông tự tìm hiểu xem. Những biểu tượng ở đây có vẻ đơn giản rất đáng lưu ý. Việc sử dụng những hình ảnh có tính hình học trong sự so sánh với những đường nét đơn độc là một hệ thống rất hiệu quả của sự thông tin bằng chữ viết. Điều đó giải thích tại sao tôi không thể tin bất kỳ cái gì ở đây đến từ một nền văn hóa cổ đại”.

“Có thể mã hóa các biểu tượng này không?”

“Tôi đã biết sau khi tôi sao chép chúng và xử lý qua phòng thí nghiệm vi tính tại đại học. Hầu hết những chữ viết cổ hầu như không rõ ràng và khác biệt như những thứ ở đây. Những biểu tượng có vẻ có một cấu trúc được xác định rõ mục đích. Vấn đề chính là chúng ta không có

một địa điểm có chữ khắc tương ứng tại một nơi nào khác trên thế giới để hướng dẫn chúng ta hành động. Tôi đang giẫm chân trên một vũng nước xa lạ cho đến khi máy tính có thể tạo ra sự đột phá”.

“Các vị đang làm gì trên đó?” ông Marquez hỏi lớn từ kẽ nứt bên dưới.

“Đã xem tất cả”, Pat trả lời. “Trong thị trấn có cửa hàng văn phòng phẩm nào không?”

“Có hai cửa hàng”.

“Tốt. Tôi cần mua một ram giấy mờ đục để đồ lại những chữ viết này và một cuộn băng giấy...”. Cô chột im lặng khi một tiếng động ầm ầm từ đường hầm yếu ớt vọng lại, và sàn hầm vuông vức rung nhẹ dưới chân họ.

“Một vụ động đất?” Pat gọi xuống ông Marquez.

“Không”, ông ta trả lời qua lỗ trống. “Tôi đoán là một vụ tuyết lở ở đâu đó trên núi. Bà và tiến sĩ Ambrose cứ tiếp tục công việc của mình. Tôi sẽ chạy lên trên đó kiểm tra xem”.

Lại một chấn động nữa làm rung chuyển căn hầm với cường độ lớn hơn lần trước.

“Có lẽ chúng tôi nên đi với ông”, Pat nói với vẻ lo lắng.

“Những thanh gỗ chống đỡ trong đường hầm đã quá cũ và đa số đã mục”, ông Marquez cảnh báo. “Chuyển động quá mạnh của đá có thể làm gãy những thanh gỗ và làm sập hầm. Sẽ an toàn hơn nếu hai vị đợi ở đây”.

“Đừng đi lâu đấy”, Pat nói. “Tôi sợ bị nhốt ở đây lắm”.

“Tôi sẽ quay lại trong mười phút”, ông Marquez trấn an cô.

Ngay sau khi tiếng bước chân của ông Marquez lặng bật từ căn hầm bên dưới, Pat quay sang Ambrose. “Ông đã không cho tôi biết sự đánh giá của ông về cái xương sọ. Ông nghĩ nó là một cổ vật hoặc vật mới được làm ra?”

Ambrose chăm chú nhìn cái hộp sọ, một tia nhìn mơ hồ hiện ra trong mắt ông ta. “Phải cần đến phòng thí nghiệm để xác định xem nó được điêu khắc và đánh bóng bằng tay hoặc bằng những dụng cụ hiện đại. Sự kiện duy nhất chúng ta biết chắc chắn là căn phòng này không được khai quật và tạo ra bởi các thợ mỏ. Phải có một giải thích nào đó về một dự án lớn như thế này chứ. Ông Marquez bảo đảm với tôi rằng những phức tạp về khu mỏ Paradise và những bản đồ đường hầm chẳng cho thấy điều gì cho biết có một đường hầm thẳng đứng dẫn xuống một căn phòng dưới lòng

đất trong khu vực đặc biệt này. Vì vậy, chắc chắn nó phải được tạo ra trước năm 1850”.

“Hoặc trễ hơn nữa”.

Ambrose nhún vai. “Tất cả những vụ khai thác mỏ đầu chấm dứt trong năm 1931. Một chiến dịch khai thác quan trọng như khu mỏ này không thể kết thúc mà không gây chú ý từ lúc đó. Tôi rất không muốn đặt tiếng tăm của mình lên vụ này, nhưng tôi sẽ tuyên bố không chút ngần ngại rằng tôi thực sự tin căn phòng này và cái hộp sọ kia đã có trên một ngàn tuổi, có thể còn lâu hơn”.

“Có lẽ những người Indian có liên quan”, Pat tỏ ra kiên trì.

Ambrose lắc đầu. “Không thể. Nhưng những người Mỹ sơ khai đã xây dựng một số công trình kiến trúc phức tạp bằng đá, nhưng một công việc khó khăn có tầm vóc lớn như thế này thì vượt quá khả năng của họ. Và còn những chữ khắc dành cho bà nữa. Đó là một công việc hết sức khó khăn đối với những người không có một ngôn ngữ viết”.

“Chắc chắn đây là bằng chứng xác nhận về một trình độ văn minh cực cao”, cô dịu dàng nói, mấy đầu ngón tay vuốt nhẹ lên những biểu tượng trên mặt đá granit.

Với Ambrose bên cạnh, Pat bắt đầu sao chép những ký hiệu bất thường vào một cuốn sổ ghi chép nhỏ cho đến khi cô có thể đếm tất cả là bốn mươi hai ký hiệu. Sau đó, cô đo chiều sâu của những chữ khắc và khoảng cách giữa những hàng với các ký hiệu. Càng quan sát những chữ khắc, cô càng thấy rối óc. Có một logic bí ẩn về những chữ viết mà chỉ có sự phiên dịch tỉ mỉ mới có thể giải quyết được. Cô đang bận bịu với việc chụp ảnh bằng flash những ký hiệu chữ viết và ngôi sao trên trần thì ông Marquez bò vào qua lỗ hổng trên sàn.

“Có vẻ như chúng ta phải ở đây một lúc”, ông ta thông báo.

“Một vụ tuyết lở đã lấp lối vào khu mỏ”.

“Ô, lạy Chúa”, Pat lắp bắp.

“Xin đừng quá lo lắng”, ông Marquez nói với một nụ cười gượng gạo. “Trước đây vợ tôi đã đi qua nơi này. Cô ấy sẽ rõ tình huống khó khăn của chúng ta và sẽ kêu gọi sự giúp đỡ. Một toán cứu hộ từ thị trấn sẽ sớm lên đường với những trang bị nặng để đưa chúng ta ra ngoài”.

“Chúng ta sẽ kẹt ở đây bao lâu?” Ambrose hỏi. 1

“Khó nói, nếu không biết khối tuyết lấp miệng hẻm núi hay ít. Có thể chỉ vài giờ. Có thể phải mất một ngày. Nhưng họ sẽ làm việc cật lực

cho tới khi dọn sạch tuyết. Ông có thể cá đi đầu đó”.

Một cảm giác nhẹ nhõm xâm chiếm Pat. “Tốt, vậy thì chừng nào những bóng đèn còn hoạt động, tôi đề nghị tiến sĩ Ambrose và tôi dùng thời gian để ghi lại những chữ viết này”.

Những tiếng nói vừa rời khỏi môi Pat thì một chuỗi tiếng động khủng khiếp dội lại từ một nơi nào đó rất sâu phía dưới căn phòng. Kế đó là âm thanh rầm rắc của những thanh gỗ chống bị gãy, và tiếp theo là những tiếng thình thịch của những tảng đá rơi dội lại từ đường hầm. Một luồng không khí hung dữ với những âm thanh gầm rú tràn qua đường hầm vào căn phòng đẩy cả bọn họ lăn xuống sàn.

Rồi tất cả những bóng đèn tắt ngấm.

Những âm thanh đổ vỡ trong núi vọng tới chỗ họ như báo hiệu những bất trắc. Chúng lan khắp những đường hầm rồi yếu dần và sau cùng dứt hẳn, trong lúc từ những nơi tối tăm không thấy được, bụi bặm do vụ sụp đất đá khuấy động tràn qua đường hầm, qua khe nứt rồi lọt vào căn phòng qua lỗ trống như được dẫn dắt bởi một bàn tay vô hình. Tiếp theo là những tiếng ho sặc sụa do bụi lọt vào mũi và miệng; đất, cát nhanh chóng bám vào răng và lưỡi họ.

Ambrose là người đầu tiên thốt ra một câu mạch lạc. “Nhân danh Chúa, cái gì đã xảy ra thế này?”

“Hầm mỏ bị sập”, ông Marquez trả lời. “Mái đường hầm đổ xuống”.

“Pat!” Ambrose hét lớn, quờ quạng trong bóng tối. “Bà bị thương phải không?”

“Không”, cô cố dần lại giữa hai cơn ho, “tôi chỉ khó thở, nhưng không sao cả”.

Ông ta chạm được bàn tay Pat và giúp cô đứng lên. “Đây, bà hãy dùng khăn tay của tôi che mặt”.

Pat đứng im lặng cố lấy lại một hơi thở trong lành. “Tôi có cảm giác như thể quả đất nổ tung dưới chân”.

“Tại sao bỗng nhiên đá lại rơi?” Ông tiến sĩ hỏi ông Marquez dù không nhìn thấy ông này.

“Tôi cũng không biết, nhưng tôi nghe hình như có tiếng mìn nổ”.

“Không phải đây là dư hưởng của vụ tuyết lở làm sập hầm mỏ chứ?” Ambrose lại hỏi.

“Thề có Chúa, đúng là chất nổ”, ông Marquez nói: “Tôi biết rõ chuyện đó. Tôi đã dùng chất nổ trong nhiều năm đủ để nhận ra âm thanh.

Tôi luôn luôn dùng chất nổ có dây dẫn cháy chậm để giảm tối đa hiện tượng nền đất bị rung chuyển mạnh. Có ai đó đã dùng chất nổ để phá sập một trong những đường hầm dưới căn phòng này, nếu phán đoán theo những gì vừa xảy ra”.

“Nhưng khu mỏ này đã bị bỏ hoang mà”.

“Đúng thế. Trừ vợ tôi và tôi, không ai khác đặt chân vào đây từ nhiều năm nay”.

“Nhưng bằng cách nào..”

“Không phải bằng cách nào, mà tại sao?” Ông Marquez chạm phải cẳng chân nhà nhân loại học lúc ông bò bốn chân để tìm cái nón bảo hộ của mình.

“Ông bảo có kẻ nào đó đã dùng chất nổ với mục đích phá sập hầm mỏ à?” Pat hỏi, không giấu được sự bàng hoàng qua giọng nói.

“Chắc chắn tôi sẽ tìm ra nơi đó nếu chúng ta thoát khỏi nơi này”, ông Marquez đã tìm thấy cái nón, đội lên mái tóc phủ đầy bụi rồi bật sáng cái bóng đèn nhỏ trên nón. “Đây, có vẻ khá hơn rồi”.

Chùm ánh sáng nhỏ chỉ làm căn hầm đủ sáng từ mù. Bụi còn chưa lắng xuống, tạo cho căn hầm như chìm trong một màn sương mù. Mọi người trông chẳng khác gì những pho tượng bị phủ bụi, mặt mũi quần áo họ trở nên xám xịt như màu đá granit.

“Tôi không quan tâm cái lối nói “nếu” của ông”.

“Tùy thuộc vào sự việc đường hầm bị sập ở mặt nào. Nếu nó nghiêng về phía trong mỏ, chúng ta sẽ thoát ra dễ dàng. Nhưng nếu mái đường hầm rơi xuống tại một nơi nào đó giữa khu này và đường hầm dẫn ra ngoài là chúng ta có vấn đề đấy. Để tôi đi xem thử”.

Trước khi Pat có thể nói thêm, ông thợ mỏ đã chui qua lỗ trống, và căn hầm lại trở nên hoàn toàn tối tăm. Ambrose và Pat đứng im lặng trong bóng tối, những cảm giác ban đầu về sự khủng khiếp và kinh hoàng đang thấm vào đầu óc họ. Không đầy năm phút sau thì ông Marquez quay lại. Họ không thể nhìn thấy gương mặt ông ta vì ánh sáng từ cái nón của ông này làm chói mắt họ, nhưng họ cảm nhận được ông ta vừa nhìn thấy và chạm phải sự chết chóc.

“Tôi e rằng mọi tin tức đều rất xấu”, ông Marquez chậm rãi nói. “Vụ tuyết lở chỉ xảy ra tại một khoảng cách ngắn dưới đường hầm về phía lò mỏ. Tôi phán đoán vụ tuyết lở chỉ xảy ra trong một chiều dài chừng ba

chục mét hoặc hơn chút đỉnh. Phải mất nhiều ngày, có thể vài tuần để những người cứu họ dọn sạch những thứ đồ nát”.

Ambrose nhìn người thợ mỏ chăm chú, cố tìm một tia hy vọng. Khi chẳng thấy gì, ông ta nói, “Nhưng họ sẽ đưa chúng ta ra ngoài trước khi chúng ta chết đói chứ?”.

“Vấn đề của chúng ta không phải là chuyện chết đói”, ông Marquez nói, giọng ông không giấu được sự thất vọng sâu sắc. “Nước đang dâng lên trong đường hầm. Nó đã bị ngập đến ba bộ rưỡi”.

Pat nhìn thấy ống quần ông Marquez bị ướt đầm tới đầu gối. “Vậy chúng ta bị nhốt trong cái địa ngục này không có đường ra?”

“Tôi không nói thế!” người thợ mỏ nhấn mạnh. “Có thể có một may mắn là nước sẽ đổ vào một đường hầm khác tại nơi những đường hầm gặp nhau trước khi nước tràn vào căn phòng này”.

“Nhưng ông không tin chắc chắn mà”, Ambrose nói.

“Chúng ta sẽ biết rõ trong vài giờ nữa”, ông Marquez thoái thác trả lời.

Gương mặt Pat trắng bệch và hơi thở trở nên chậm lại qua cặp môi đầy bụi. Cô trở nên bị vây phủ bởi cảm giác sợ hãi lạnh lẽo khi nghe những âm thanh đầu tiên của nước xoáy tròn bên ngoài căn hầm. Lúc đầu tiếng động không lớn, nhưng nó tăng lên nhanh chóng. Đôi mắt cô bắt gặp tia nhìn của Ambrose. Ông ta cũng không thể che giấu sự sợ hãi hiện rõ trên nét mặt.

“Tôi có cảm giác”, cô thì thầm, “như bị nhận nước”.

Những phút trôi qua như những năm, và hai giờ đồng hồ sau đó bò chậm như hàng thế kỷ trước khi nước dâng lên cho đến lúc nó trào lên qua lỗ trống chảy vào căn hầm và đọng lại quanh chân họ. Tê liệt vì khủng khiếp, Pat đứng dựa lưng và vai vào bức tường, cố gắng một cách vô ích như muốn làm chậm lại sự công phá khắc nghiệt của nước. Cô im lặng cầu mong có một phép lạ làm mực nước dừng lại trước khi nó bò lên quá vai họ.

Nỗi khủng khiếp sẽ chết trong lòng đất sâu hàng ngàn bộ, ngạt thở trong bóng tối phiền muộn, là một cơn ác mộng quá rùng rợn không thể chấp nhận. Cô nhớ đã đọc những mô tả về những thân thể của những

người thợ lặn bị lạc trong các hang động ngập nước được tìm thấy với những ngón tay mất hết thịt, lõi xương vì họ đã cào cấu vào lớp đá cứng rắn để tìm đường thoát ra.

Hai người đàn ông đứng im lặng với tâm trạng u ám vì bị chôn vùi trong đơn độc. Ông Marquez không thể tin có một nhóm vô danh nào đó đã tìm cách giết họ. Không có lý do gì để gây ra hành động đó, cũng không có động cơ nào. Những ý nghĩ đen tối về sự đau khổ chẳng bao lâu nữa sẽ chụp xuống gia đình ông.

Pat nghĩ đến con gái và cảm nhận được ý nghĩa sâu sắc của sự cô độc, biết rằng cô sẽ không có mặt ở đó để nhìn thấy đứa con duy nhất của mình khôn lớn và trưởng thành. Thật không công bằng chút nào nếu cô phải chết ở dưới sâu, trong lòng đất tại căn hầm lạnh lẽo, ma quái này, sẽ không bao giờ thân xác cô được tìm thấy. Cô muốn khóc, nhưng nước mắt không chịu trào ra.

Mọi trao đổi bằng lời nói chấm dứt khi nước lên tới đầu gối họ. Nó tiếp tục dâng cao cho đến hông. Nước lạnh công và châm chích da thịt họ như hàng ngàn móng vuốt nhỏ. Pat bắt đầu rùng mình, hai hàm răng liên tục va đập nhau không sao kiểm soát được. Ambrose cảm nhận thân nhiệt của cô có dấu hiệu giảm xuống nên choàng hai cánh tay quanh người cô. Đó là một hành động đầy thiện chí và có suy nghĩ, và cô cảm thấy được an ủi. Cô nhìn trừng trừng trong cơn kinh hãi vào làn nước đen ngòm gồm ghiếc đang quay cuồn dưới chùm ánh sáng vàng ệch từ cây đèn của ông Marquez hắt ra, phản chiếu lại trên mặt nước lạnh lẽo tối tăm. Nhưng bất chợt Pat nghĩ cô đã nhìn thấy một thứ gì đó, rõ ràng nó hoạt động. “Tắt đèn đi”, cô nói khẽ với ông Marquez.

“Cái gì?”

“Tắt đèn đi. Tôi nghĩ có cái gì đó dưới nước”.

Hai người đàn ông tin rằng sự sợ hãi đã gây ra ảo giác nơi cô, nhưng ông Marquez vẫn gật đầu và tắt ngọn đèn trên cái nón bảo hộ. Ngay lập tức căn phòng chìm trong bóng tối ma quái.

“Bà nghĩ bà đã nhìn thấy gì?” Ambrose nhẹ nhàng hỏi.

“Một ánh sáng đỏ”, cô thề thào.

“Tôi chẳng thấy gì cả”, ông Marquez nói.

“Ông phải thấy chứ”, cô có vẻ kích động. “Một ánh sáng đỏ yếu ớt trong nước”.

Tiến sĩ Ambrose và ông Marquez nhìn chăm chú vào khối nước đang dâng lên nhưng chẳng thấy gì ngoài một màu đen mê muội. “Tôi đã thấy nó. Thề có Chúa, tôi đã thấy ánh sáng lóe lên trong lỗ hổng dưới hần”.

Ambrose giữ cô chặt hơn. “Chỉ có chúng ta thôi”, ông ta nói yếu ớt. “Có ai khác đâu”.

“Kìa!” cô hồn hên. “Các ông không thấy sao?”

Ông Marquez úp mặt xuống dưới mặt nước và mở mắt ra. Và rồi, ông cũng thấy nó. Một ánh sáng đỏ yếu ớt từ hướng đường hần chiếu lại. Lúc ông nín hơi chăm chú nhìn, nó bắt đầu sáng lên như thể nó đang tới gần ông hơn. Ông ngóc đầu lên khỏi mặt nước và hét lớn, giọng ông có pha lẫn sự khủng khiếp. “Có cái gì dưới đó. Con ma. Nó chỉ có thể là con ma người ta đã nói nó đi lang thang trong các hần mỏ. Không một người nào có thể di chuyển qua một đường hần ngập nước”.

Chút sức mạnh còn lại trong người họ chợt tan biến. Họ kinh hoàng nhìn xuống trong lúc thứ ánh sáng đó hình như trỗi cao lên qua lỗ trống dẫn vào căn hần. Ông Marquez lại bật sáng bóng đèn trên nón bảo hộ trong lúc họ đứng như đông cứng, đôi mắt trừng trừng nhìn con ma chập chờn trỗi lên khỏi mặt nước, đội một cái nón trùm đầu màu đen.

Rồi một bàn tay từ dưới nước ló lên, tháo cái khóa đi đầu chỉnh không khí rồi đẩy cái mặt nạ thợ lặn lên trán. Một cặp mắt màu xanh lục sinh động lóng lánh lộ ra dưới ánh sáng đèn của người thợ mỏ, trong lúc đôi môi mở rộng thành một nụ cười tươi tắn để lộ hai hàm răng trắng bóng.

“Có vẻ như”, một giọng nói thân mật thốt lên, “tôi đã đến đúng lúc”.

Pat không thể không tự hỏi liệu đầu óc cô, đã tê cứng vì sợ hãi và sự đau đớn thể xác vì thứ nước giá buốt, có lừa dối cô không. Tiến sĩ Ambrose và ông Marquez chỉ trơ mắt nhìn, không thể nói gì. Cơn sốc của họ dần dần được thay thế bởi một cảm giác tin tưởng đầy thuyết phục bất chợt xâm chiếm họ, và cùng lúc, họ hiểu kẻ xa lạ mới đến là gạch nối giữa họ và thế giới trên kia. Cơn sợ hãi lạnh buốt bỗng chốc tan biến, thay vào đó là niềm hy vọng đầy phấn khởi.

“Nhân danh Chúa, ông đến từ đâu thế?” ông Marquez phấn khích thốt lên.

“Từ khu mỏ Buccaneer bên cạnh”, người lạ trả lời, chiếu cây đèn lặn của anh lên các bức tường căn phòng trước khi hướng chùm ánh sáng lên cái hộp sọ bằng nham thạch. “Nơi này là gì thế, một lăng tẩm à?”

“Không”, Pat trả lời, “một nơi bí ẩn”.

“Tôi nhận ra ông”, Tiến sĩ Ambrose nói. “Chúng ta đã nói chuyện với nhau sáng sớm hôm nay. Ông là người của NUMA”.

“Tiến sĩ Ambrose phải không? Tôi muốn nói thật thích thú lại được gặp ông”. Người lạ nhìn ông thờ mỗ. “Chắc đây là ông Luis Marquez, chủ nhân khu mỗ. Tôi đã hứa với bà nhà sẽ trả ông về cho bà ấy đúng lúc ăn tối”. Rồi nhìn Pat, anh ngoác miệng cười ranh mãnh. “Và phu nhân lộng lẫy này là Tiến sĩ O’Connell phải không?”

“Ông biết tên tôi?”

“Bà Mary có nói về cô”, người thờ lặn chỉ nói đơn giản.

“Bằng cách ma quỷ nào ông đã đến đây thế?” Pat hỏi, vẫn còn bàng hoàng.

“Sau khi được ông Cảnh sát trưởng thị trấn báo lối vào khu mỗ của quý vị bị tuyết lở bao phủ, đội các kỹ sư NUMA của tôi quyết định tìm cách đến chỗ các vị qua một trong các đường hầm dẫn từ khu mỗ Buccaneer đến khu mỗ Paradise. Chúng tôi chỉ mới vượt qua vài trăm mét thì một tiếng nổ làm rung chuyển hòn núi. Khi thấy mực nước dâng lên trong các hầm và ngập cả hai khu mỗ, chúng tôi biết chỉ còn một cách để tới chỗ các vị là lặn qua các đường hầm”.

“Ông bơi tới đây từ khu mỗ Buccaneer à?” ông Marquez ngờ vực hỏi. “Quãng đường này gần nửa dặm đấy”.

“Đúng thế. Tôi có thể đi bộ nhiều đoạn trước khi vào trong nước”, người lạ giải thích. “Thật không may, tai họa nặng nề hơn tôi chờ đợi. Tôi kéo theo sau tôi trên đường đi một cái túi không thấm nước chứa thực phẩm và một số thuốc men, nhưng cái túi bị cuốn đi sau khi dòng nước ném tôi vào một giàn khoan”.

“Ông có bị thương không?” Pat hỏi với vẻ lo âu.

“Chỉ những vết bầm không đáng quan tâm”.

“Thật kỳ diệu khi ông tìm ra được lối đi trong một mê cung chằng chịt những đường hầm để tới đúng chỗ chúng tôi”, ông Marquez nói.

Người lạ đưa ra một cái máy định vị nhỏ, màn hình của nó lấp lánh một màu xanh lục. “Một máy điện toán dùng dưới nước, được lập trình từng hầm mỗ, những chỗ giao nhau và đường hầm trong hẻm núi Telluride. Vì đường hầm của các vị bị phủ kín do đất sập, tôi phải đi vòng xuống một độ cao dưới thấp và đi từ hướng ngược lại. Trong lúc bơi qua đường hầm, tôi bắt gặp chùm tia sáng từ mù từ cây đèn thờ mỗ của ông. Và tôi có mặt ở đây”.

“Vậy không ai trên mặt đất biết chúng tôi bị đánh vào một vụ sụp h ần”, ông Marquez nhận xét.

“Họ biết chứ”, người thợ lặn trả lời. “Đội NUMA của tôi gọi ông Cảnh sát trưởng ngay sau khi chúng tôi biết chuyện gì xảy ra”.

Trên nét mặt Tiến sĩ Ambrose hiện ra một màu xanh bệnh hoạn. Ông ta không sao bày tỏ được nhiệt tình như những người kia. “Có một thành viên khác trong đội lặn của ông theo sau ông à?” ông ta chậm rãi hỏi.

Người thợ lặn khẽ lắc đầu. “Chỉ một mình tôi. Chúng tôi chỉ còn hai bình hơi cuối cùng. Tôi nghĩ thật quá li ều lĩnh nếu có thêm một người nữa tìm cách đến chỗ các vị”.

“Có vẻ như ông đã phí thời giờ và cố gắng để thực hiện chuyến đi. Tôi thấy quá ít khả năng ông có thể cứu chúng tôi”.

“Tôi có thể làm ông ngạc nhiên đấy”, người thợ lặn bình thản nói.

“Cái bình dưỡng khí của ông không chứa đủ khí để đưa cả bốn người chúng ta trở lại qua mê cung những đường h ần ngập nước đến với thế giới trên kia. Và vì chúng ta hoặc sẽ chết vì thân nhiệt bị giảm đi trong một giờ nữa, hoặc ông sẽ không có đủ thời gian để đi gọi người quay lại cứu chúng tôi”.

“Ông rất sắc sảo, thưa tiến sĩ. Hai người có thể quay lại khu mỏ Buccaneer, nhưng chỉ hai người thôi”.

“Vậy ông phải đem quý bà này đi”.

Người thợ lặn mỉm cười châm biếm. “Ông tỏ ra rất cao thượng, ông bạn, nhưng trên tàu Titanic không có phao "hi sinh”.

“Xin vui lòng”, ông Marquez nài nỉ. “Nước vẫn đang dâng lên. Xin hãy đưa bà Tiến sĩ O’Connell đến nơi an toàn.

“Nếu đi ầu đó khiến ông cảm thấy hạnh phúc”, người thợ lặn lạnh lùng nói. Anh ta nắm tay Pat. “Cô đã sử dụng bình khí nén của thợ lặn bao giờ chưa?”

Cô lắc đầu.

Anh ta hướng ngọn đèn lặn về phía hai người đàn ông. “Còn hai ông?”

“Đi ầu đó có quan trọng không?” Ambrose hỏi.

“Với tôi thì có đấy”.

“Tôi là một thợ lặn có hạng”.

“Tôi đoán thế. Còn ông?”

Ông Marquez nhún vai. “Tôi chỉ biết bơi thôi”.

Người thợ lặn quay sang Pat đang thận trọng gói cái máy ảnh và cuốn sổ ghi chép trong một tấm nylông. “Cô bơi bên cạnh tôi và chúng ta sẽ thở chung cái bình dưỡng khí bằng cách chuyển qua chuyển lại cái che miệng của bình khí cho người kia. Tôi hít một hơi thở rồi chuyển nó cho cô. Cô sẽ hít một hơi thở rồi trả nó lại cho tôi. Ngay sau khi chúng ta rời khỏi căn hầm này, cô hãy nắm chặt dây thắt lưng của tôi và thả lỏng người”.

Rồi anh ta quay sang Ambrose và ông Marquez. “Rất tiếc phải để các ông chờ đợi. Nhưng nếu các ông nghĩ mình sẽ chết thì quên ý nghĩ đó đi. Tôi sẽ quay lại với các ông trong mười lăm phút nữa”.

“Mong ông giữ lời”.

Nắm bàn tay Pat, người đàn ông của NUMA thả mình xuống nước rồi mất hút trong khối nước đen ngòm.

Giữ cho chùm sáng của cây đèn lặn hướng thẳng về phía trước mặt trong đường hầm, người thợ lặn theo dõi một trong những đường chiếu sáng trên màn hình cái máy tính định vị nhỏ của mình. Ngược mắt nhìn lên, anh hướng chùm ánh sáng thẳng vào đường hầm và bơi về phía bóng tối găm ghiếc trước mặt. Nước đã dâng tới nóc đường hầm, và những kinh nghiệm anh đã trải qua trong lúc tìm tới căn hầm của những người bị nạn trở nên vô dụng. Anh vừa phải đối phó với dòng nước, vừa phải kéo Pat bám sát phía sau.

Liếc nhanh ra sau, anh bắt gặp đôi mắt cô nhắm kín, hai bàn tay bám chặt đai lưng của anh. Đôi mắt không hề mở ra ngay cả lúc họ chuyển cho nhau cái chụp miệng nối với bình dưỡng khí.

Quyết định của anh khi chọn cái mặt nạ dành cho thợ lặn của Công ty u. s. Divers Aquarius, thay vì dùng cái mặt nạ Mark II đã lỗi thời, tỏ ra là một quyết định khôn ngoan. Chùm ánh sáng từ cái nón lặn giúp anh dễ dàng hơn trong việc bơi gần nửa dặm qua một mê cung những đường hầm từ khu mỏ Buccaneer với nhiều chỗ bị nghẽn vì đá và những thanh gỗ chống rơi xuống. Cũng có những hành lang khô ráo mà nước không tràn tới được, tại những nơi này anh đã bò hoặc đi bộ qua. Rõ là một công việc nhọc nhằn khi phải vượt qua những đường ray, những thanh nối và những đồng đá rơi trong lúc phải đeo cái bình khí cồng kềnh với những phụ tùng

của nó, cái máy định vị, con dao bấm và một đai lưng bằng chì để dò độ sâu quả thật không dễ dàng chút nào. Nước lạnh thấu xương, nhưng anh vẫn ấm trong bộ quần áo khô ráo hiệu OUI của Na Uy khi phải bơi qua những hành lang ngập nước. Anh đã chọn quần áo lặn của Na Uy vì nó giúp cho những cử động được dễ dàng hơn nhiều khi anh ra khỏi nước.

Nước đục ngầu và chầm sáng từ ngọn đèn lặn — cắt một đường thẳng ngang qua thứ chất lỏng bẩn thỉu - chỉ thâm nhập khoảng mười bộ vào khối nước đen kịt. Anh đếm những thanh gỗ chống lúc họ bơi, cố đo xem chiều dài quãng đường họ đã vượt qua được bao nhiêu. Sau cùng, đường hầm tới một chỗ rẽ ngoặt và chấm dứt trong một hành lang dẫn vào một hầm mở dốc đứng. Anh bơi vào căn hầm và có cảm giác như bị nuốt chửng bởi một con quái từ một thế giới khác ở dưới sâu kia. Hai phút sau, họ trồi lên khỏi mặt nước, và anh hướng chùm sáng của ngọn đèn vào phía bóng tối trên đầu. Một đường hầm nằm ngang dẫn tới một độ cao khác gần đó trong khu mỏ Paradise cao tới bốn chục bộ.

Pat vuốt những sợi tóc vương trên mặt và nhìn anh với đôi mắt mở lớn. Lúc này anh mới nhìn thấy đó là một đôi mắt màu xanh ôliu nhạt thật đẹp. “Chúng ta thoát rồi”, cô hôn hển, ho và phun nước trong miệng ra. “Ông biết căn hầm này à?”

Đưa cái máy tính định vị lên, anh nói. "Vật nhỏ quý giá đã dẫn đường đây". Anh đặt hai bàn tay cô lên những thanh ngang của cái thang rỉ sét dẫn lên trên cao. "Cô có thể tự lên trên đó chứ?"

“Tôi sẽ cố nếu phải làm đi đâu đó”, Pat trả lời, cô thấy vui vì đã thoát khỏi căn hầm ma ám đó và biết mình vẫn còn sống với may mắn, dù là sự may mắn ít ỏi, nhưng cuối cùng cô vẫn còn sống.

“Trong lúc leo lên thang, cô hãy đu người dọc theo hai trụ đứng và nhớ đừng giẫm lên những thanh ngang của cái thang ngay chính giữa. Chúng đã quá cũ và có thể mục một nửa vì rỉ sét. Vì vậy, hãy rất thận trọng”.

“Tôi sẽ nhớ làm theo lời ông. Ông đã mang tôi tới đây mà”.

Anh đưa cho cô một cái bật lửa nhỏ đốt bằng khí hóa lỏng. “Giữ lấy cái này, cô tìm một ít gỗ khô từ những thanh chống và gây lửa. Cô đã ngâm mình trong nước lạnh quá lâu rồi*.”

Lúc anh kéo cái mặt nạ lặn phủ lên gương mặt trở lại và chuẩn bị thả người vào khối nước, bàn tay cô bất chợt nắm chặt quanh cổ tay anh. Đôi

mắt màu xanh ôliu lộ ra vẻ lo lắng. “Ông sẽ quay lại đây sau những người kia phải không?”

Anh gạt đầu và mỉm cười để khích lệ cô thêm can đảm. “Tôi sẽ đưa họ ra khỏi nơi đó. Chớ lo lắng, vẫn còn đủ thì giờ”.

“Ông chưa bao giờ cho tôi biết ông là ai”.

“Tên tôi là Dirk Pitt”, anh nói. Rồi chụp cái che miệng lên mặt, vẫy tay và mất hút trong khối nước tối tăm.

Nước đã lên tới vai hai người đàn ông trong căn hầm cổ. Nỗi khủng khiếp vì sợ bị nhốt dường như tăng lên theo mực nước. Rồi sự hoảng loạn giảm dần khi ông Marquez và Ambrose bình thần chấp nhận số phận trong cái địa ngục sâu hút dưới lòng đất này. Trong lúc Tiến sĩ Ambrose im lặng chờ đợi cái chết ngoạn cố thì ông Marquez chọn sự phấn đấu cho đến hơi thở cuối cùng. Ông quyết định sẽ bơi qua khe nứt vào đường hầm và tiếp tục bơi cho đến khi hai buồng phổi ông vỡ ra.

“Anh ta sẽ không quay lại phải không?” ông Marquez lắp bắp.

“Có vẻ anh ta sẽ không quay lại đâu, hoặc anh ta sẽ quay lại trễ. Có thể anh ta nghĩ tốt nhất là mặc chúng ta hy vọng hảo huyền”.

“Không đúng. Tôi có một cảm giác thuộc loại bản năng, là chúng ta có thể tin tưởng anh chàng này”.

“Có lẽ thế”, Ambrose nói, vừa chăm chú nhìn một vật giống như một con đom đóm dưới nước đang đến gần họ.

“Tạ ơn Chúa!” ông Marquez thở hào hển khi chùm ánh sáng từ ngọn đèn lặn khúc xạ và nhảy múa trên trần và những bức tường căn hầm, ngay trước khi đầu Pitt trồi lên mặt nước. “Ông đã quay lại!”

“Đã nghi ngờ phải không?” Pitt nhẹ nhàng hỏi.

“Pat đang ở đâu?” Ambrose hỏi, trong lúc mắt Pitt bắt gặp mắt ông ta qua tấm gương của chiếc mặt nạ lặn.

“An toàn rồi”, Pitt nói nhanh. “Có một căn hầm khô ráo khoảng tám mươi bộ bên trên đường hầm”.

“Tôi biết chỗ đó”, ông Marquez nói, tỏ ra nắm vững sự việc, “Nó dẫn tới một nơi cao hơn trong khu mỏ Paradise”.

Nhận ra những dấu hiệu rõ ràng thân nhiệt bị giảm cùng với trạng thái ngủ gật và rối loạn của người thợ mỏ, Pitt quyết định sẽ đưa ông này

đi thay vì Ambrose còn đang có vẻ khá hơn trong hai người. Anh phải thật nhanh chóng, vì cái lạnh khủng khiếp đang siết chặt móng vuốt của nó và đang lôi kéo sự sống ra khỏi thân thể họ. “Ông là người tiếp theo, ông Marquez”.

“Tôi có thể trở nên hoảng loạn và hôn mê khi ở trong nước”, ông Marquez rên rỉ.

Pitt bấu chặt vai ông ta, “Hãy tưởng tượng ông đang bơi trên bãi biển Waikiki”.

“Chúc may mắn”, Ambrose nói.

Pitt bật cười và thân mật vỗ vai nhà nhân loại học. “Đừng đi lung tung nhé”.

“Tôi sẽ ở yên tại đây”.

Pitt gật đầu với ông Marquez. “Được rồi, ta đi”.

Chuyến đi sẽ trôi nổi, Pitt nghĩ. Anh dùng hết sức lực để tới cái hầm mở càng nhanh càng tốt. Anh có thể thấy đi đâu đó, trừ phi người thợ mỏ bị hôn mê. Đối với một người vốn sợ nước, ông Marquez trở nên tê liệt. Ông hít vào một hơi thật sâu từ bộ phận đi đầu chỉnh khí rồi trả nó lại cho Pitt, không để lỡ một nhịp.

Khi họ tới chỗ cái thang, Pitt giúp ông Marquez leo lên những nấc thang đầu tiên cho tới khi ông ta hoàn toàn ra khỏi khối nước lạnh. “Ông có thể tự mình lên tới đường hầm kế cận chứ?”

“Tôi tin có thể được”, ông Marquez lập bập trả lời, cố chống lại cái lạnh đang len lỏi vào gân cốt. “Tôi sẽ không bỏ cuộc đâu”.

Pitt để mặc ông ta và quay lại với Ambrose, lúc này bắt đầu tái nhợt như một xác chết sau thời gian nỗ lực chống chọi với khối nước lạnh buốt. Cái lạnh khủng khiếp làm thân nhiệt ông ta hạ thấp chỉ còn hơn ba mươi độ C. Chẳng mấy chốc ông ta sẽ hôn mê. Chỉ khoảng hơn năm phút nữa, và lúc đó sẽ trở nên quá trễ, mực nước sẽ ngập quá đầu ông ta, lúc này nó chỉ còn cách trần căn hầm chừng vài inch. Pitt không phí thì giờ để trao đổi, anh ấn cái nắp che miệng lên miệng nhà nhân loại học và kéo ông ta xuống nước, qua lỗ trống, lọt vào đường hầm.

Mười lăm phút sau, tất cả bọn họ quây quần quanh một đồng lửa Pat đã tạo nên từ mớ gỗ vụn cô tìm thấy trong một lối đi gần chỗ những đường hầm giao nhau cách đó một quãng ngắn. Nhìn quanh, Pitt nhanh chóng nhận ra nhiều thanh gỗ đã sập xuống còn khô sau nhiều năm khu mỏ bị bỏ hoang. Sự kiện này xảy ra chưa lâu trước khi đường hầm biến thành một

nơi sưởi ấm sáng sủa và những người sống sót từ căn hầm ngập nước bắt đầu cảm thấy ấm áp. Ông Marquez đã trông có vẻ là một con người trở lại. Pat đã phản ứng nhanh nhẹn và đã lấy lại bản chất lạc quan khi cô xoa bóp hai chân tê cứng của Tiến sĩ Ambrose.

Trong lúc họ thưởng thức sự ấm áp của đồng lửa, Pitt bận bịu với cái máy vi tính lập trình một lối đi vòng qua khu mỏ lên tới mặt đất trên kia. Thung lũng Telluride thực sự là một cấu trúc như hình tổ ong với những khu mỏ cũ. Những hầm mỏ, những chỗ đường hầm giao nhau, những đồng đồ nát và những đường hầm cộng lại đến hơn ba trăm sáu mươi dặm. Pitt không khỏi tự hỏi tại sao thung lũng không đổ sập xuống như một miếng bọt biển đắm nước. Anh để mọi người nghỉ ngơi và sưởi khô quần áo gần một tiếng đồng hồ trước khi nhắc nhở là họ vẫn chưa thoát khỏi nguy hiểm.

“Nếu chúng ta muốn nhìn thấy lại bầu trời xanh, chúng ta phải tuân theo một kế hoạch tẩu thoát”.

“Gấp gáp làm gì?” ông Marquez nhún vai. “Tất cả những gì chúng ta phải làm là đi theo đường hầm này đến một căn hầm là lối vào, và sau đó chờ những người cứu hộ phá thùng lớp tuyết lở”.

“Tôi không thích là người phải báo những tin tức xấu”, Pitt lạnh lùng nói, “nhưng, không những nhóm người cứu hộ đã bất lực trong việc đưa những trang bị nặng nề của họ qua khối tuyết dày hai mươi bộ lên khỏi miệng khu mỏ trên một lối đi hẹp, họ còn bất lực tìm kiếm vì nhiệt độ ngoài trời tăng lên tạo điều kiện thích hợp cho những vụ tuyết lở khác tiếp theo. Không thể nói phải mất bao nhiêu ngày hoặc bao nhiêu tuần lễ để họ dọn sạch con đường dẫn tới lối vào khu mỏ”.

Ông Marquez nhìn đồng lửa trừng trừng, tưởng tượng trong đầu những tình huống đang xảy ra trên kia. “Mọi thứ đều có vẻ bất lợi đối với chúng ta”, ông đi đến tận nói.

“Chúng ta được sưởi ấm và có nước uống, duy chỉ phải chịu đựng sự dơ bẩn”, Pat nói. “Chắc chắn chúng ta có thể tồn tại một thời gian dù không có thực phẩm”.

Ambrose mỉm cười yếu ớt. “Sáu mươi đến bảy mươi ngày là thời gian người ta có thể nhịn đói cho tới lúc chết”.

“Hoặc là chúng ta có thể đi bộ ra ngoài trong lúc vẫn còn khỏe”, Pitt nói.

Ông Marquez lắc đầu. “Ông biết rõ hơn ai hết, đường hầm duy nhất dẫn từ khu mỏ Buccaneer đến Pandora đã ngập nước. Chúng ta không thể đi qua con đường ông đã tới đây”.

“Chắc chắn không thể nếu không có những dụng cụ lặn thích hợp”, Ambrose nói thêm.

“Đúng”, Pitt thừa nhận. “Nhưng dựa vào bản đồ đường đi được lập trình trên máy tính, tôi phỏng đoán ít nhất có hai tá đường hầm và hầm mỏ khô ráo khác tại những độ cao bên trên mà chúng ta có thể sử dụng để lên tới mặt đất”.

“Nghe được đấy”, ông Marquez nói. “Trừ trường hợp phần lớn những đường hầm này bị sập đổ sau chín mươi năm đã qua”.

“Chưa hết đâu”, Ambrose nói, “còn bao chuyện khác không ai đoán được đang chờ đợi chúng ta”.

“Tôi đứng về phía ông”, Pat nói. “Chỉ trong một ngày, căn hầm của chúng ta chẳng đầy ắp nước là gì”.

Câu nói của cô khiến Pitt bước nhanh tới mép căn hầm và nhìn xuống. Những ngọn lửa chập chờn từ đồng lửa phản chiếu trên mặt nước lúc này đã dâng cao lên ba bộ so với mặt sàn đường hầm. “Chúng ta không còn chọn lựa nào khác. Nước sẽ tràn ngập căn hầm này trong hai mươi phút nữa”.

Ông Marquez bước đến bên anh và đưa mắt nhìn xuống mặt nước đục ngầu. “Thật quái gở”, ông lầm bầm. “Sau chừng đó năm mới thấy nước dâng ngập lên tới độ cao này. Có lẽ những ngày săn lùng đá quý của tôi đã tới lúc chấm dứt rồi”.

“Một trong những đường đi của dòng nước dưới dãy núi chắc chắn đã vỡ, và nước tràn vào khu mỏ trong lúc động đất”.

“Không có chuyện động đất”, ông Marquez giận dữ nói. “Đó là một vụ đặt chất nổ”.

“Ông bảo chất nổ đã gây ngập nước và làm sập hầm mỏ?” Pitt hỏi.

“Tôi chắc chắn”, ông ta nhìn Pitt rồi bất chợt đôi mắt nhíu lại. “Tôi dám cá có ai đó đang có mặt trong khu mỏ”.

Pitt nhìn vào khối nước đầy đe dọa. “Nếu đúng như thế”, anh nói, giọng trầm xuống, “thì có kẻ nào đó đã muốn cả ba vị đầu chết”.

“Ông dẫn đường”, Pitt nói với ông Marquez. “Chúng tôi sẽ đi theo chùm ánh sáng ngọn đèn thợ mỏ của ông cho tới khi nó hết sáng. Sau đó chúng ta sẽ đi theo ánh sáng ngọn đèn lặn của tôi”.

“Leo lên những độ cao bên trên qua những căn hần là một công việc rất vất vả”, người thợ mỏ nói. “Chúng ta đã may mắn cho tới lúc này. Chỉ vài căn hần có thang. Tại hầu hết những hần khác, người ta phải dùng dây hoặc ròng rọc để vận chuyển thợ mỏ và quặng”.

“Chúng ta sẽ giải quyết chuyện đó khi sự việc xảy ra”, Pitt nói.

Đồng hồ chỉ năm giờ chiều khi họ ra khỏi đường hần, rẽ về bên trái theo hướng dẫn từ máy vi tính định vị của Pitt. Trông anh thật kỳ cục lúc đi qua đường hần với bộ quần áo khô ráo, găng tay và đôi giày lặn Servus với chân vịt bằng thép. Anh chỉ đem theo cái máy vi tính, một la bàn, một đèn lặn dưới nước và con dao bấm bên ống chân phải. Anh bỏ lại những thứ khác bên đồng lửa đang tàn lụi.

Đường hần không có đất đá đổ xuống và họ di chuyển dễ dàng trong một trăm mét đầu tiên. Ông Marquez dẫn đường, theo sau là Pat và Ambrose, sau cùng là Pitt. Có đủ khoảng trống để đi bộ giữa cái xe chở quặng và vách đường hần, nên họ không cần phải bước lên hoặc nhảy qua những thanh nối hai đường ray. Họ vượt qua một căn hần, rồi hai căn, cả hai đều trống trơn, không có bất kỳ phương tiện gì giúp họ leo lên độ cao bên trên. Sau đó, họ đến một hành lang nhỏ mở ra ba đường hần chìm trong bóng tối.

Pitt tìm chỉ dẫn từ cái vi tính đáng tin cậy của anh. “Đi thẳng đường hần giữa”.

Được năm chục mét, họ gặp một đồng đá sập. Số lượng những tảng đá không nhiều, và những người đàn ông dọn dẹp để lấy khoảng trống bò qua. Sau một giờ mười lăm phút đồ mồ hôi, họ khoét được một lối đi đủ rộng để mọi người bò qua như những con rắn. Đường hần dẫn vào một căn hần khác có một khe nứt dẫn tới một cái ròng rọc cũ. Pitt chiếu ngọn đèn của anh vào đường hần dốc đứng. Trông nó giống một ống thông gió. Đỉnh của nó ở xa hơn chùm ánh sáng có thể chiếu tới. Nhưng xem ra lối đi này có vẻ hứa hẹn. Một cái thang còn dính vào một vách đá, và những sợi cáp từng hạ thấp và nâng cao những cái lồng chứa người và quặng vẫn còn nằm đúng chỗ.

“Thứ này xem ra còn tốt chán”, Pitt nói.

“Tôi hy vọng cái thang còn tốt”, Ambrose nói và nắm một bên thang, lắc thử. Nó rung một lúc rồi đứng im. “Những ngày leo dây bằng hai tay của tôi đã qua lâu rồi”.

“Tôi sẽ lên đầu tiên”, Pitt nói, vừa đi đầu chỉnh cái đèn lặn.

“Hãy cẩn thận bước chân đầu tiên”, Pat nói với một nụ cười yếu ớt.

Pitt nhìn vào mắt cô và thấy rõ sự quan tâm chân thành. “Bước chân cuối cùng mới làm tôi lo lắng nhất”.

Anh bấu chặt cái thang, leo lên vài nấc rồi chần chừ vì cái thang lắc dữ dội. Anh hít sâu vào, đưa mắt nhìn những sợi dây cáp treo lủng lẳng cách anh chỉ một cánh tay. Nếu cái thang bị gãy, ít nhất anh cũng có thể với tay chộp lấy một trong những sợi cáp để không bị rơi xuống. Anh chậm rãi leo lên, mỗi lúc một nấc thang, kiểm tra cẩn thận trước khi giẫm lên một nấc mới với toàn bộ sức nặng của mình. Pitt có thể di chuyển nhanh hơn nhiều, nhưng anh phải an tâm về chuyện an toàn của những người nối gót anh.

Khi cách những người đang hẫ hẫ ngược mắt nhìn anh khoảng năm mươi bộ, Pitt dừng lại và chiếu ngọn đèn lên căn hầm phía trên. Cái thang đột ngột chấm dứt khi anh còn cách đỉnh của nó khoảng sáu bộ và cách sàn hầm phía trên khoảng mười tám bộ. Leo thêm hai nấc thang, Pitt duỗi một cánh tay ra chộp lấy một trong những sợi cáp. Đường kính sợi cáp dày khoảng năm phần tám inch nên rất dễ bám. Anh buông mình khỏi cái thang và, tay này sau tay kia, leo lên sợi cáp cho tới khi vượt khỏi sàn đường hầm phía trên chừng bốn bộ. Sau đó, anh đu đưa qua lại theo một hình đường vòng cung dài khoảng hai bộ mỗi lần đong đưa, trước khi nhảy xuống sàn đường hầm vững chắc.

“Thế nào?” ông Marquez hỏi vọng lên.

“Cái thang bị gãy tại dưới đường hầm, nhưng tôi có thể kéo mọi người lên từ chỗ thang gãy. Để Tiến sĩ O’Connell lên trước”.

Lúc Pat leo lên về phía ánh đèn của Pitt, vì anh chiếu chùm ánh sáng xuống căn hầm, cô có thể nghe anh đập một hòn đá lên một vật gì đó. Cho đến khi cô lên tới nấc thang cuối cùng, Pitt đã khoét được hai chỗ để bám bàn tay trên một thanh gỗ và hạ thấp thanh gỗ xuống mép hầm.

“Cô bám chặt hai bàn tay vào thanh gỗ để tôi kéo lên”.

Cô làm theo yêu cầu không chút ngần ngại và nhanh chóng được kéo lên căn hầm. Mấy phút sau, ông Marquez và Ambrose đã đứng trong hầm bên cạnh cô. Pitt chiếu ngọn đèn của anh lên đường hầm tới chỗ chùm tia sáng có thể xâm nhập tới và nhìn thấy có nhiều tảng đá sập. Rồi Pitt tắt đèn để tiết kiệm năng lượng.

“Tôi theo ông, ông Marquez”, anh nói.

“Tôi đã thăm dò căn hần này ba năm trước. Nếu tôi nhớ chính xác thì nó dẫn thẳng tới lối vào hần khu mỏ Paradise”.

“Không thể ra bằng lối này vì tuyết lở”, Ambrose nói.

“Chúng ta có thể đi bên cạnh nó”, Pitt nói, mắt nhìn màn hình máy định vị. “Nếu chúng ta theo giao lộ kế bên và đi chừng một trăm năm mươi mét, chúng ta sẽ gặp một đường hần dẫn tới một khu mỏ có tên Sao Phương Bắc”.

“Giao lộ là cái gì?” Pat hỏi.

“Là chỗ những đường hần gặp nhau theo những hướng thẳng góc tới một đường hần đang hoạt động. Chúng được dùng để thông gió và liên lạc giữa những hần mỏ đang khai thác”, ông Marquez giải thích, vừa nhìn Pitt với ánh mắt ngờ vực. “Tôi chưa bao giờ thấy một lối đi như vậy, không có nghĩa là nó không có, nhưng có thể nó đã bị lấp hoàn toàn”.

“Vậy ông hãy nhìn kỹ dọc theo vách đá đường hần phía bên trái ông”, Pitt khuyến cáo.

Ông Marquez im lặng gật đầu và đi vào bóng tối, chùm ánh sáng từ cây đèn thợ mỏ của ông soi rõ lối đi. Đường hần mở rộng và có vẻ kéo dài vô tận. Tới một điểm, ông dừng lại và yêu cầu Pitt chiếu ngọn đèn sáng hơn của anh vào một đồng đá bít kín giữa những thanh gỗ chống.

“Nơi này trông có vẻ giống thứ chúng ta muốn tìm”, ông ta nói, và chỉ vào một mái vòm bằng đá granit bên trên đồng đá.

Ngay lập tức, những người đàn ông bắt tay dọn dẹp đồng đồ nát. Sau vài phút, họ xong việc. Pitt nghiêng đầu vào và chiếu chùm ánh sáng vào một hành lang vừa đủ rộng để họ đi qua. Sau đó, anh kiểm tra cái la bàn. “Nó hướng về bên phải. Chúng ta cứ tiếp tục đi tới”.

Đường hần này hẹp hơn những đường khác, và họ phải bước trên những thanh nối hai đường ray của xe chở quặng, nên di chuyển rất chậm và vất vả. Sau một giờ đi liên tục không nghỉ trong bóng tối tù mù, chỉ với một ngọn đèn thợ mỏ lấp lánh, làm họ cạn kiệt sức lực còn sót lại. Mọi người đặt chân trên những thanh tà vẹt không bằng phẳng và phải nhảy bước một mỗi khi gặp một thanh gãy.

Một đồng đồ nát khác có vẻ không thể dễ dàng dọn sạch làm tiêu tốn của họ đến hai giờ đồng hồ. Sau cùng, họ có thể đi qua một đường hần thoải thoải dốc hướng lên trên trước khi chấm dứt tại một hành lang rộng.

Sự nỗ lực trong những giờ vừa qua bắt đầu tác động lên ông Marquez. Ông ta trông vẫn còn vẻ vạm vỡ với lứa tuổi của mình, nhưng

vẫn không chịu đựng nổi sự nhọc mệt và căng thẳng sau nhiều giờ qua. Tiến sĩ Ambrose trông có vẻ khá hơn như vừa đi dạo trên một lối đi trong công viên. Ông ta có vẻ bình thản lạ lùng và vững vàng như một giáo sư đang giảng bài. Riêng Pat không để lộ đi đâu gì, vẫn lần lần bước tới.

Vì đi sau cùng nên Pitt không thể thấy nét mặt họ trong bóng tối tù mù, nhưng anh biết mỗi người trong bọn họ rất bình tĩnh, và đi đâu đó giúp họ tiếp tục đi tới chừng nào ngã xuống mới thôi, và họ cũng không muốn là người đầu tiên đề nghị dừng lại nghỉ ngơi. Anh nhận thấy hơi thở của họ đã trở nên nặng nề hơn nhiều. Dù vẫn còn cảm thấy khỏe khoắn, anh bắt đầu thở hổn hển khá to đủ để những người kia có thể nghe rõ.

“Tôi đuối lắm rồi. Dừng lại nghỉ một lúc nhé?”

“Nghe được đấy”, ông Marquez nói, nhẹ nhõm vì có người khác đã đề nghị đi đâu đó.

Ambrose dựa vào một vách đá. “Tôi đề nghị chúng ta đi tiếp cho đến khi ra khỏi nơi này”.

“Ông sẽ không được lá phiếu ủng hộ của tôi đâu”, Pat nói. “Hai chân tôi đang kêu gào đình công đây này. Chúng ta đã phải bước lên hàng ngàn thanh tà vẹt rồi”.

Mãi cho tới lúc cả bọn họ ngất bệt xuống sàn hầm trong lúc Pitt vẫn bình thản đứng vững, họ mới biết mình đã bị lừa. Không ai trong nhóm họ phàn nàn, ai cũng thích thú thư giãn, xoa bóp cổ chân và đầu gối mỗi như của họ.

“Có ai biết còn xa chừng nào không?” Pat hỏi.

Pitt đã quan sát màn hình cái máy tính hàng trăm lần. “Tôi không thể xác định một cách tuyệt đối, nhưng nếu chúng ta có thể bò lên hai độ cao nữa và không bị nhốt bởi một căn hầm bị sập khác thì chúng ta có thể ra khỏi chỗ này trong một giờ nữa”.

“Ông ước tính chúng ta sẽ thoát ra tại nơi nào?” ông Marquez hỏi.

“Theo tôi, đó là một vị trí ngay bên dưới thị trấn Telluride”.

“Có thể nơi đó là khu O'Reilly Claim. Đó là một hầm mỏ đã sập không xa trạm xe được kéo bằng dây cáp chở du khách lên núi để trượt tuyết tại dốc Mountain village. Tuy vậy, ông có vấn đề đấy”.

“Sao?”

“Khách sạn New Sheridan và nhà hàng của nó nằm ngay trên nóc lối vào khu mỏ”.

Pitt ngoác miệng cười. “Nếu ông nói đúng thì hôm nay chúng ta sẽ không được ăn tối”.

Họ im lặng suốt hai phút sau đó, chìm trong ý nghĩ của mình. Chỉ có những âm thanh do hơi thở của họ tạo ra và tiếng những giọt nước do hơi ẩm đọng lại và rơi xuống từ trên nóc đường hầm. Sự nản lòng khiến họ mất hết hy vọng. Khi biết sự kết thúc có lẽ chỉ là chuyện trước mắt, họ càng cảm thấy mệt mỏi hơn bao giờ hết.

Pitt luôn nghĩ rằng phụ nữ luôn nghe chính xác hơn đàn ông nhiều, vì nhiều lần những cô bạn đã viếng thăm căn hộ của anh thường phàn nàn âm thanh phát ra từ cái TV quá ồn ào. Và ý nghĩ đó càng được củng cố khi Pat nói, “Tôi nghĩ tôi có nghe tiếng động cơ xe mô tô”.

“Một chiếc Harley-Davidson hay một chiếc Honda?”, ông Marquez hỏi và lần đầu tiên từ lúc rời khỏi nhà, ông phì cười.

“Không, tôi nói nghiêm chỉnh đấy”, Pat khẳng định. “Tôi thề đó là những âm thanh giống như tiếng động cơ xe mô tô”.

Rồi Pitt cũng nghe có âm thanh lạ. Anh quay lại và nhìn về phía đường hầm họ vừa đi qua và khum hai bàn tay quanh hai vành tai. Anh nhận ra đúng là tiếng động cơ nổ tối đa của xe mô tô. Anh quay sang ông Marquez, “Dân địa phương thường chạy mô tô loanh quanh trong những hầm mỏ cũ để tìm cảm giác mạnh à?”.

Ông Marquez lắc đầu, “Không bao giờ. Họ sẽ bị lạc trong mê cung đường hầm nếu không đâm đầu xuống những hang động sâu cả ngàn bộ. Chưa nói đến tiếng động cơ còn gây sập hầm chôn vùi họ. Không, ông bạn, theo tôi biết thì không ai điên khùng đến mức làm chuyện đó đâu”.

“Vậy những tiếng động này từ đâu đến chứ?” Pat hỏi, không đặc biệt nhắm vào người nào.

“Từ một khu mỏ khác có thể vẫn còn tới được. Chỉ có Chúa mới biết bằng cách nào những âm thanh đó lại lọt vào tới đây?”

“Một sự trùng khớp thật lạ lùng”, Pitt nói và nhìn lên đường hầm. Anh có một cảm giác thật nặng nề. Tại sao? Anh không rõ. Anh đứng im, không một cơ bắp nào cử động, lắng nghe những âm thanh lụp bụp của những ống xả khói khi chúng vang lớn hơn. Đó là những tiếng động lạ trong khu mỏ chẳng chịt. Anh vẫn đứng im khi chùm tia sáng đầu tiên lóe lên từ xa chiếu xuống đường hầm.

Pitt chưa thể nói chỉ có một chiếc mô tô hoặc nhiều hơn đang tới đường hầm. Hình như chỉ có một giả thuyết hợp lý là anh sẽ phải giải thích

một hay nhiều, gã lái mô tô này là một đe dọa dành cho bọn anh. An toàn bao giờ cũng tốt hơn hối tiếc. Câu tục ngữ này xưa và nhàm chán thật, nhưng nó đầy ý nghĩa, và bản chất thận trọng của Pitt đã hơn một lần cứu anh thoát khỏi hiểm nghèo.

Anh xoay người và thông thả đi qua Ambrose và ông Marquez. Bị lôi cuốn bởi những tiếng động và ánh sáng đang tới gần, họ đứng im và không chú ý lúc Pitt men theo một vách đá đường hầm, đi về phía những kẻ lái xe. Chỉ có Pat chăm chú theo dõi Pitt lúc anh kín đáo lén vào bóng tối đến một hốc đá hẹp giữa những thanh gỗ chống rồi mất dạng như một bóng ma.

Có đến ba gã lái mô tô. Trước đầu xe của chúng là một mạng với vô số bóng đèn cháy sáng làm lóa mắt những kẻ sống sót đang lấy bàn tay che mắt và quay nơi khác khi những động cơ chậm lại và hộp số lui về số không. Hai trong ba kẻ xâm nhập xuống xe và đến gần họ. Thân hình chúng in bóng trên sàn vì những tia sáng hắt lại từ sau lưng chúng. Cả hai trông giống như những sinh vật lạ từ những hành tinh khác trong những cái nón trùm đầu đen đúa, bóng loáng và những áo chèn hai mảnh dưới cái áo giáp bảo vệ ngực. Những đôi giày boots cao đến đầu gối và những bàn tay trong những găng tay màu đen. Gã thứ ba còn ngồi yên trên chiếc mô tô của hắn trong lúc hai gã kia đến gần những người sống sót vừa nâng những tấm kính che mắt từ những nón bảo hộ lên.

“Các ông không biết chúng tôi hạnh phúc như thế nào khi được nhìn thấy các ông đâu”, Pat nói với giọng phấn khích.

“Chúng tôi lẽ ra đã có thể được các ông giúp đỡ sớm hơn”, Ambrose mết mỏi nói.

“Tôi có lời khen các người đã đến tận căn hầm này”, cái bóng bên phải nói, giọng hằn trằn và nham hiểm. “Bọn này tưởng các người đã phải chết chìm trong căn hầm Amenes rồi chứ?”.

“Amenes?” Pat lặp lại với vẻ bối rối.

“Các ông đến từ đâu?” ông Marquez hỏi.

“Không thành vấn đề”, gã lái mô tô nói, như thể một giảng viên từ chối trả lời một câu hỏi vô nghĩa của sinh viên tại giảng đường đại học.

“Các ông biết chúng tôi bị nhốt trong căn hầm đó sau vụ sập hầm và nước dâng à?”.

“Đúng thế”, hắn lạnh lùng trả lời.

“VẬY mà các ông chẳng làm gì cả?” ông Marquez nói, có vẻ không tin. “Các ông không tìm cách cứu chúng tôi hoặc gọi người giúp đỡ?”.

“Không”.

Rõ là một tay ăn nói lời cuốn, Pitt nghĩ. Nếu như anh đã có một chút nghi ngờ sớm hơn, thì lúc này anh đã hoàn toàn bị thuyết phục là ba gã đàn ông này không phải là những tay liều lĩnh nông cuồng trong chuyến phiêu lưu cuối tuần của chúng. Bọn này là những tên giết người, và chúng được trang bị kỹ. Anh không biết lý do tại sao, nhưng anh biết rõ bọn chúng không tới đây để giúp đỡ họ sống và thoát khỏi khu hầm mỏ này. Đã tới lúc hành động, và tính bất ngờ là ưu thế của a Pitt rút con dao bấm ra khỏi vỏ bọc và nắm chặt cán dao. Đó là thứ vũ khí duy nhất anh có, và nó phải tạo tác dụng. Anh nhẹ nhàng và chậm rãi hít vào vài hơi thở sâu rồi co duỗi những ngón tay. Lúc này hoặc không bao giờ.

“Chúng tôi đến căn phòng đó được vài phút thì xảy ra vụ sập hầm”, Pat nói. Cô tự hỏi không biết Pitt đang tính toán chuyện gì. Cô bắt đầu thắc mắc, không biết anh có phải là một gã hèn nhát đang tìm cách trốn tránh nguy hiểm không.

“Bọn này biết cả. Đó là một âm mưu”.

“Âm mưu? Âm mưu gì chứ?”

“Tất cả các người đều phải chết”, gã cười mô tô bình thản nói.

Câu nói của hắn được tiếp nhận trong sự im lặng bàng hoàng sửng sốt của ba người sống sót. “Thật không may, các người đã thoát được vụ sập hầm và nước ngập”, gã lái mô tô nói tiếp. “Bọn này không tiên liệu được sự kiên trì của các người. Nhưng đi đâu đó cũng không thành vấn đề. Các người chỉ đâm đầu vào một kết thúc không thể tránh”.

“Vụ nổ mìn”, ông Marquez lẩm bẩm trong cơn sốc. “Các ông làm chuyện đó phải không?”

Câu trả lời thật dứt khoát, “Đúng, chính bọn này đã đặt chất nổ”.

Pat bắt đầu trông giống một con nai đang chăm chú nhìn những chùm ánh sáng trước đầu một chiếc xe tải đang tới gần. Cô biết những gã lái mô tô này không nhận ra sự có mặt của Pitt, vì vậy, cô hành động như thể anh không tồn tại trên đời này. Ông Marquez và Ambrose đều biết Pitt đang đứng im lặng phía sau họ, và có lẽ cũng đang sửng sốt như họ.

“Tại sao các ông muốn giết chúng tôi?” cô hỏi, giọng run rẩy. “Tại sao những kẻ xa lạ nào đó lại muốn sát hại chúng tôi?”.

“Các người đã nhìn thấy cái xương sọ đó và những chữ khắc”.

Trông ông Marquez giống như một người bị xâu xé giữa sợ hãi và giận dữ. “Nếu thế thì sao?”, ông gằn gừ.

“Những phát hiện của các người không được phép phổ biến ra ngoài phạm vi khu mỏ này”.

“Chúng tôi chẳng làm gì sai trái”, Ambrose nói, điềm tĩnh, một cách lạ lùng. “Chúng tôi là những nhà khoa học đang nghiên cứu những hiện tượng lịch sử. Chúng tôi không quan tâm đến những kho tàng mà chỉ chuyên chú vào những cổ vật. Nếu vì vậy mà bị mưu hại thì quả là điên rồ”.

Gã lái mô tô nhún vai “Đó là điềm không may mắn, nhưng các người đã dính vào những sự việc vượt quá hiểu biết của mình”.

“Làm sao các ông có thể biết chuyện chúng tôi vào căn hầm đó?” ông Marquez hỏi.

“Chúng tôi được thông tin. Đó là tất cả những gì các người cần biết”.

“Ai thông tin? Không có hơn năm người biết chúng tôi đến căn hầm đó”.

“Chúng ta đang phí phạm thì giờ”, gã thứ hai càu nhàu, “Chúng ta hãy kết thúc nhiệm vụ và ném chúng xuống lò hầm gần nhất”.

“Đây là một hành động điên rồ”, Ambrose lầm bầm, giọng nói không để lộ điềm gì.

Pitt im lặng di chuyển ra khỏi hốc đá. Không một âm thanh nào của những bước chân nào bị phát giác vì chúng lẫn vào tiếng động cơ xe và anh tiến lại gần sau lưng gã còn ngẫ trên mô tô đang bị phân tâm bởi câu chuyện giữa những người kia. Pitt chẳng lạ lùng gì với chuyện giết chóc, nhưng chưa bao giờ anh phải đâm sau lưng một người khác, dù đó là một tên đại ác. Anh trở cán con dao bấm và dùng hết sức mạnh nện cán dao lên gáy tên lái mô tô ngay dưới cái nón bảo hộ. Cú đánh không phải là một đòn chí tử nhưng vẫn là một cú làm chết người. Gã lái mô tô đổ xuống tại chỗ ngẫ, ngã ngửa ra sau vào thân hình Pitt, không kịp thốt ra một tiếng rên nhỏ. Pitt thu mình thấp xuống, nhanh chóng vươn hai cánh tay quanh thân thể gã lái mô tô, giữ yên cái xác một lúc rẫ hạ thấp cái xác cùng chiếc mô tô xuống, dựa vào cái xe chở quặng trong lúc động cơ chiếc mô tô vẫn hoạt động.

Thật nhanh, anh đẩy cái áo giáp che ngực của hắn sang một bên, tháo cái túi bao súng dưới nách hắn, rút khẩu súng lục tự động P.10 nòng 45 ra.

Anh hướng nòng súng về phía tên đứng bên tay phải anh và kéo cái búa kích hỏa của khẩu súng về phía sau. Anh chưa từng sử dụng loại súng P10 này, nhưng do cảm nhận, anh biết băng đạn đã lấp đầy đạn và khẩu súng có hầu hết đặc điểm của khẩu Colt 45 cũ kỹ đáng tin cậy của anh, đang nằm trong chiếc xe của NUMA mà anh đã lái tới Colorado từ thủ đô Washington.

Ánh sáng những ngọn đèn chiếu của những chiếc mô tô lấp loáng trên thân thể hai kẻ giết người hoàn toàn không nhận biết cái bóng đang giấu mình ngay sau lưng chúng. Nhưng lúc Pitt đến gần hơn, anh phải đi qua trước ánh đèn của tên thứ ba đang nằm dựa trên cái xe chở quặng. Và Ambrose đã nhận ra anh.

Nhà nhân loại học nhìn Pitt vừa hiện ra, lén đến sau lưng hai gã lái mô tô nên buột miệng hỏi “Vì sao ông quay lại? “.

Khi câu nói thốt ra, Pitt thận trọng nhắm và ngón tay trở anh vuốt lên cò súng.

“Anh nói với ai thế?”, gã lái mô tô thứ nhất hỏi.

“Vớ với tôi”, Pitt bình tĩnh lên tiếng.

Những gã này đều là những tên giết người chuyên nghiệp. Chúng không hề có dấu hiệu ngạc nhiên đột ngột. Không tranh luận vô ích. Không một câu hỏi thừa. Không chần chừ hoặc làm một cử động thừa thãi. Giác quan thứ sáu của chúng cùng lúc hoạt động. Phản ứng của chúng nhanh như một tia chớp. Với một động tác thuần thục, chúng rút những khẩu P.10 tự động từ những bao da và vung tay ra chỉ trong một giây, nét mặt chúng đánh lại, vẻ lạnh lùng không thể lay chuyển.

Pitt không hoàn toàn đối mặt với hai gã giết người theo kiểu đầu gối gập xuống, khẩu súng nắm chắc trong lòng hai bàn tay, chĩa thẳng ra trước mặt, theo cách họ dạy trong trường đào tạo cảnh sát hoặc thường thấy trên phim ảnh. Anh thích thế đứng cổ điển hơn, thân mình nghiêng sang một bên, cặp mắt liếc nhìn qua vai, một bàn tay chĩa thẳng khẩu súng ra. Như thế, không những anh đã không bỏ sót đối tượng mà đường nhắm càng chính xác hơn. Anh biết những tay súng miền Tây có thể sống đến già không phải vì họ là những kẻ rút súng nhanh nhất mà vì họ là những người bắn chính xác nhất, họ đã có đủ thời gian để nhắm trước khi siết cò.

Phát đạn đầu tiên của Pitt xuyên qua gáy tên lái mô tô đứng bên phải. Khẩu P.10 chuyển động nhẹ, hầu như không thể nhận ra, lúc anh bóp cò lần thứ nhì, và gã lái mô tô đứng bên trái nhận một viên đạn vào ngực hầu như

cùng lúc khẩu súng của hắn lóe sáng trên cái bóng của Pitt. Anh không thể tin hai gã này có thể phản ứng cùng lúc và chỉ trong một nháy mắt như thế. Nếu chỉ chậm hai giây, chắc chắn cái xác Pitt đã đổ sập xuống sàn đá granit của đường hầm.

Những tiếng súng chát chúa chẳng khác gì đạn súng cối nổ dội lại những vách đá trong đường hầm. Trong mười giây, có lẽ hai mươi, có vẻ dài như một giờ, Pat, Ambrose và ông Marquez nhìn những xác chết dưới chân họ, mắt họ mở lớn và đờ ra. Sau cùng, niềm hy vọng lại bắt đầu mong manh xuất hiện khi họ nhận ra mình vẫn còn sống.

“Nhân danh Chúa, đi đâu gì đang xảy ra thế?”, Pat hỏi, giọng cô thấp và mơ hồ. Rồi cô ngược nhìn Pitt. “Ông đã giết họ?” Đó là một nhận xét hơn là một câu hỏi.

“Bọn họ đáng chết hơn các bạn chứ”, Pitt nói và choàng cánh tay quanh vai cô. “Chúng ta vừa trải qua một cơn ác mộng, nhưng bây giờ hầu như nó đã kết thúc”.

Ông Marquez bước qua những thanh ray và cúi xuống những xác chết. “Bọn này là ai nhỉ?”

“Một bí ẩn dành cho các cấp có thẩm quyền bên tư pháp giải quyết”. Ambrose trả lời. Ông ta đưa một bàn tay ra, “Tôi muốn bắt tay ông, thưa ông...”, ông ta dừng lại và có vẻ bối ngỡ. “Thậm chí tôi còn không biết tên người đã cứu sống tôi”.

“Đó là Dirk Pitt”, Pat nói.

“Tôi nợ ông sâu sắc”, Ambrose tiếp tục. Ông ta có vẻ kích động hơn là nhẹ nhõm.

“Tôi cũng vậy”, ông Marquez thêm vào và vỗ lưng Pitt.

“Ông nghĩ bọn chúng từ hẻm mỏ nào vào đây?” Pitt hỏi ông Marquez.

Người thợ mỏ nghĩ ngợi một lúc. “Chắc chắn là khu mỏ Paradise”.

“Nghĩa là chúng cố ý để bị kẹt lại sau khi đặt chất nổ làm tuyết lở”, Ambrose nhận xét.

Pitt lắc đầu. “Không có chủ ý đâu. Chúng biết có thể lên lại mặt đất từ một lối đi khác. Nhầm lẫn lớn của chúng là đã dùng một lượng chất nổ quá lớn. Chúng không dự trù hiện tượng động đất, chuyện đường hầm bị sập và những khe nứt dưới lòng đất mở ra, dẫn đường cho nước dâng lên và tràn ngập đường hầm”.

“Có vẻ như vậy”, ông Marquez đồng ý. “Vì chúng có mặt tại phía đối diện nơi hầm lò sập, nên chúng có thể dễ dàng cõng mô tô lên hầm lò thoải thoải dốc cho tới lối vào. Khi nhận ra nơi đó đã bị tuyết lở bít kín, chúng bắt đầu dò dẫm những đường hầm để tìm lối ra...”.

“Và sau khi bị lạc nhiều giờ trong những hầm lò, sau cùng chúng đã tới đây”, Ambrose kết luận.

Pitt gật đầu. “Từ lối vào khu mỏ Paradise lái mô tô tới độ cao ở đây, chúng tránh được chuyện phải bò qua những đường hầm dốc đứng mà chúng ta đã vất vả nỗ lực vượt qua”.

“Có vẻ như chúng tìm đến chúng ta”, ông Marquez lầm bầm.

Pitt không nói ý nghĩ của anh cho những người kia, nhưng anh biết chắc chắn một khi những tên lái mô tô lên được tầng trên để thoát khỏi nước ngập, rõ ràng chúng phải lần theo dấu chân bốn người bọn họ.

“Tất cả đều điên rồ”, Pat nói, mắt nhìn những xác chết. “Người đàn ông kia ngụ ý gì khi nói “đỉnh đến những vấn đề vượt quá sự hiểu biết của chúng ta”?”.

Pitt nhún vai. “Chuyện đó để những người khác giải quyết. Câu hỏi trong đầu tôi là ai đã phái chúng tôi? Chúng đại diện cho ai? Vượt khỏi những câu hỏi đó thì tôi chỉ là một kỹ sư hàng hải đang ướt và lạnh nên chỉ muốn một miếng sườn nướng hơi tái kiểu Colorado và một cốc rượu tequilla của Mexico”.

“Là kỹ sư hàng hải”, tiến sĩ Ambrose nói vừa phì cười, “vậy mà ông sử dụng súng thật khéo”.

“Có gì đáng nói khi bắn một người từ sau lưng”, Pitt thản nhiên.

“Chúng ta làm gì với gã đó”, ông Marquez hỏi, chỉ vào tên lái mô tô bị Pitt nện bất tỉnh.

“Chúng ta không có dây để trói hắn lại, vì vậy phải lột đôi boots của hắn. Hắn không thể đi xa với đôi chân trần qua những đường hầm nham nhở này”.

“Ông muốn bỏ hắn lại? “.

“Chẳng ý nghĩa gì khi lôi theo một cái xác tro lì. Chỉ mong là cho tới lúc chúng ta báo cho ông Cảnh sát trưởng và ông ta phái các phụ tá tới đây, tên giết mướn kia vẫn còn bất tỉnh”. Rồi Pitt dừng lại và hỏi, “Ai trong các vị biết lái mô tô? “.

“Tôi đã có một chiếc Harley trong mười năm”, ông Marquez nói.

“Còn tôi có một chiếc Honda CBX Super sport của cha tôi”, Pat nói.

“Cô có bao giờ lái nó chưa?”

“Mỗi lần đến trường đại học. Ngoài ra tôi còn thả rông trên đường trong những ngày cuối tuần”.

Pitt nhìn Pat với cảm giác khâm phục mới tìm thấy. “Vậy thì cô là một phụ nữ có đôi-mông-cứng-trên-yên-da rồi còn gì”.

“Ấy là ông nói thế”, cô vui vẻ trả lời.

Rồi anh quay sang Ambrose, “Còn ông, ông tiến sĩ?”

“Cả đời chưa đặt mông lên một chiếc xe hai bánh. Tại sao ông hỏi?”

“Vì chúng ta sẽ sử dụng ba chiếc Suzuki RM 125 hoàn hảo này, và tôi thấy không có lý do gì chúng ta không mượn và cõi chúng ra khỏi khu mỏ”.

Hai hàm răng ông Marquez lộ ra qua nụ cười. “Tôi đứng về phía ông”.

“Tôi sẽ đợi ở đây cho tới khi ông Cảnh sát trưởng tới”, Ambrose nói.

“Các vị cứ đi trước. Tôi không muốn có mặt quá lâu bên cạnh một gã giết người và hai cái xác chết”.

“Tôi không muốn để ông ở lại một mình với gã giết mướn này, Tiến sĩ ạ. Tôi chỉ muốn ông ngồi sau lưng tôi cho tới khi chúng ta thoát khỏi nơi này”.

Ambrose vẫn khẳng khái. “Những chiếc mô tô này chẳng có vẻ gì là muốn chở hành khách. Tôi không chịu được nếu ngồi lên một chiếc. Và lại, ông phải lái xe qua những đường ray, nó xóc không khác gì địa ngục đâu”.

“Tùy ông vậy”, Pitt nói với nhà nhân loại học bướng bỉnh.

Pitt cúi xuống, lấy những khẩu P10 tự động khỏi những xác chết. Dù là một kẻ sẵn sàng giết người lúc cần, Pitt vẫn không tránh được cảm giác bứt rứt, dù chỉ một phút trước, những kẻ này đã định giết hai ba người vô tội chúng chưa hề biết, một hành động anh không bao giờ cho phép xảy ra trong bất kỳ tình huống nào.

Anh đưa một khẩu súng cho Ambrose. “Ông hãy đứng xa gã đó ít nhất hai chục bộ”. Anh cũng đưa cho ông ta cây đèn lặn. “Những cục pin có thể cung cấp ánh sáng cho tới khi ông Cảnh sát trưởng đến”.

“Tôi nghĩ tôi không thể nổ súng vào một người nào khác”, Ambrose chống chế, nhưng giọng nói của ông ta nghe thật lạnh.

“Chớ xem những gã này là những con người. Chúng là những tên giết mướn có máu lạnh, có thể cắt đứt cổ họng phụ nữ rồi ngay sau đó ngồi ăn kem. Tôi cảnh báo ông, Tiến sĩ, nếu hấn liếc mắt nhìn ông, hãy nện cái sọ hấn với một hòn đá”.

Những chiếc Suzuki vẫn còn nổ máy, và họ mất không đầy một phút để làm quen với hộp số, thắng, kiểm soát độ cứng bánh xe. Vẫy tay tạm biệt Ambrose, Pitt rút ga vọt lên đầu tiên. Vì không có đủ khoảng trống giữa đường ray bên ngoài và vách đường hầm để phóng xe qua mà không va phải những chỗ lồi ra trên vách đá granit nhám nhở, Pitt phải lái xe trên những thanh nối giữa hai đường ray. Pat và ông Marquez bám sát phía sau. Bị nảy mạnh trên những thanh tà vẹt, hai hàm răng họ đánh vào nhau và rất khó khăn trong việc điều khiển chiếc xe. Pat có cảm giác như thể các cơ quan nội tạng của cô rối tung lên như quần áo trong cái máy giặt đang hoạt động. Pitt khám phá ra một trò là nếu chạy đúng tốc độ thích hợp, sự rung động sẽ giảm nhiều. Nếu chạy xe với vận tốc hai mươi lăm dặm — giờ, một vận tốc có vẻ chậm và an toàn trên một đường đất nhưng lại rất nguy hiểm trong một hầm mỏ chật hẹp.

Những tiếng động dội lại từ vách đá cứng tạo những tiếng vang trong tai họ như những đợt sóng. Những chùm ánh sáng từ những đèn chiếu trước đầu xe trồi lên hụp xuống, quét lên những đường ray và những xà gỗ trên cao giống như những ánh chớp. Pitt suýt đâm vào một chiếc xe chở quặng một phần nằm trên đường ray một phần nằm lọt ra ngoài gần vách đá. Sau khi lái xe lên một hẻm lò thoải thoải dốc, họ đến một nơi cao hơn dẫn vào một hẻm mở có tên “The Citizen” (Công dân) trên màn hình máy vi tính định vị của Pitt. Anh tiếp tục lên tới đỉnh dốc, tại đây đường hẻm gặp một đường hẻm khác, và Pitt lại tham khảo cái máy vi tính.

“Chúng ta bị lạc à?” Pat hỏi.

“Cách đây khoảng hai trăm mét về bên trái đường hẻm có lẽ là điểm kết thúc, ông bảo nơi đó nằm ngang dưới khách sạn New Sheridan phải không?”

“Đúng. Đó là lối vào khu mỏ O'Reilly Claim đã bị lấp”, ông Marquez nói. “Chúng ta không thể thoát ra theo con đường đó”.

“Cứ xem thử, có sao đâu”, Pitt nói, rồi gài số và phóng chiếc Suzuki tới. Chỉ hai phút sau, anh lại thắng gấp chiếc xe khi bất thành linh bị chặn ngang bởi một bức tường gạch vững chắc bít kín lối vào khu mỏ. Chiếc xe dừng lại đột ngột và trượt vào một thanh chống. Pitt nhìn bức tường qua ánh sáng ngọn đèn chiếu.

“Chúng ta phải tìm một lối đi khác”, ông Marquez nói, vừa giữ chiếc xe còn tiếp tục chạy tới cuối dốc, rồi đặt hai chân xuống sàn hẻm để giữ thăng bằng. “Chúng ta đang ở dưới móng bức tường khách sạn”.

Có vẻ như Pitt không nghe người thợ mỏ nói. Như thể đầu óc anh đang ở một nơi nào đó cách xa hàng ngàn dặm. Anh chậm rãi bước đến bức tường và rà bàn tay trên những viên gạch nung khô màu đỏ. Anh quay lại lúc Pat dừng chiếc xe của cô và tắt động cơ.

“Bây giờ ta đi đâu?” cô hỏi, giọng nói cho thấy cô rất mệt.

Pitt nói, không nhìn cô. “Chỗ kia”, anh trả lời mà không chuẩn bị trước và chỉ tay về phía bức tường gạch. “Đề nghị hai bạn đưa những chiếc xe của mình sát hai bên vách đường hẻm”.

Cả Pat và ông Marquez đều không hiểu Pitt muốn gì. Họ vẫn đứng im sau khi Pitt lại ngẩng lên chiếc Suz, khởi động động cơ, quay đầu xe chạy ngược về phía đường hẻm. Một phút sau họ nghe tiếng động cơ nổ lớn hơn và trông thấy chùm ánh sáng ngọn đèn chiếu của chiếc Suz nhảy múa điên cuồng trên những xà ngang và cột chống.

Tới lúc này thì ông Marquez đã biết Pitt định làm gì, khi anh lao chiếc xe tới với vận tốc ba mươi dặm - giờ, hai chân duỗi ra và gót chân trượt trên hai thanh ray nằm song song. Và khi chỉ còn cách bức tường gạch chừng mười mét, Pitt buông tay khỏi tay lái xe, đứng thẳng lên, để mặc chiếc Suz bên dưới anh tiếp tục lao tới. Ngửa người về phía sau để giữ thăng bằng với đà lao tới nên anh vẫn ổn định bước tới khoảng hai mươi bộ trước khi trượt chân khỏi hai đường ray và ngã xuống sàn hầm như một quả bóng.

Chiếc mô tô vẫn lao tới trên hai bánh của nó rồi đâm sầm vào bức tường gạch. Anh đứng im lấy lại hơi thở và chờ đợi cơn đau từ vết bầm tím trên xương sườn và cái vai trật khớp lắng dịu lại, trong lúc ông Marquez bắt đầu gỡ những viên gạch lung lay trên mép lỗ thủng do chiếc mô tô tạo ra, để mở rộng lối đi.

Ông Marquez nhìn quanh bức tường vỡ rồi chiếu ngọn đèn thợ mỏ của mình vào bên trong. Sau mấy giây, ông quay đầu lại và nói, “Tôi nghĩ chúng ta gặp rắc rối to rồi”.

“Sao?” Pat hỏi. “Chúng ta không thể thoát ra bằng lối đó à?”

“Có thể thoát”, ông thợ mỏ đáp, “nhưng phải mất rất nhiều thì giờ?”

“Lý do?”

Pitt bước lại lỗ thủng trong cơn đau và nhìn vào trong. “Ồ, không”, anh rên rỉ.

“Cái gì thế?” Pat hỏi với vẻ bức tức.

“Cái xe mô tô”, Pitt nói. “Nó đâm vào hầm rượu của nhà hàng khách sạn. Hàng trăm chai rượu vang vỡ chảy lai láng khắp sàn phòng”.

Cảnh sát trưởng James Eagan J.R. đang chỉ huy đội cứu hộ tại khu mỏ Paradise thì ông nhận được cú gọi từ nhân viên văn thư thông báo ông Marquez đang bị giam giữ theo lệnh ông phó quận trưởng tại khách sạn New Sheridan vì đã gây đổ vỡ và xâm nhập nơi này. Ông Eagan không tin có chuyện đó. Làm sao có thể như thế chứ? Bà vợ ông Marquez đã quả quyết báo tin chằng mình và hai người nữa đều bị kẹt trong khu mỏ sau vụ tuyết lở.

Sau khi ngẫm nghĩ, ông Eagan chấm dứt chiến dịch cứu hộ và lái xe xuống núi, về phía khách sạn.

Đi đâu cuối cùng ông chờ đợi là nhìn thấy một chiếc xe mô tô F1 nhàu nát nằm giữa một đống những chai rượu vỡ, và rượu vang lênh láng khắp nơi. Sự ngạc nhiên của ông ta càng lớn khi bước vào phòng họp khách sạn để đối mặt những kẻ bị buộc tội và nhận ra ba con người ướm nhẹp, bần thủ và lời thôi lếch thếch gồm hai đàn ông và một phụ nữ. Một người trong bọn họ mặc bộ quần áo thợ lặn rách nham hờ. Cả ba đều bị còng và bị hai nhân viên của thị trấn giám sát với nét mặt nghiêm nghị đến lạnh lùng. Một trong hai người hất đầu về phía Pitt.

“Gã này đang mang cả một khẩu súng”.

“Anh thu vũ khí của anh ta chưa?” ông Eagan hỏi với giọng nghề nghiệp.

Người phụ tá gật đầu và đưa ra ba khẩu Para — Ordance nòng 45 ly tự động.

Hài lòng, ông Eagan dồn sự chú ý vào ông Luis Marquez, “Bằng cách ma quỷ nào ông thoát khỏi khu mỏ và bị gió thổi tới đây?” ông ta hỏi, không giấu được ngạc nhiên cao độ.

“Chuyện đó không thành vấn đề”, ông Marquez trả lời nhất gừng. “Ông và các phụ tá của ông phải xuống đường hầm. Các ông sẽ thấy có hai xác chết và một ông giáo sư đại học, Tiến sĩ Ambrose, mà chúng tôi để lại để canh giữ một gã sát nhân”.

Một cảm giác thật sự chán ngán, hời như hoàn toàn nghi ngờ, xâm chiếm ông Cảnh sát trưởng khi ông ta ngó xuống cái ghế, hai chân duỗi thẳng và rút ra một cuốn sổ ghi chép từ túi ngực áo sơ mi. “Đề nghị ông thuật lại đúng những gì đang xảy ra ở đây”.

Ông Marquez gượng gạo vẫn tất thuật lại vụ tuyệt lộ, hầm mỏ bị sập và bị nước ngập, sự xuất hiện ngẫu nhiên của Pitt, việc họ thoát khỏi căn hầm bí ẩn, sự xâm nhập của ba tên giết mướn và sau cùng là vụ phá vỡ bức tường gạch rồi lọt vào hầm rượu khách sạn.

Lúc đầu, những chi tiết được tường thuật chậm chạp, vì ông Marquez còn dành thì giờ để lấy lại sức sau những nỗ lực quá độ. Sau đó ông nói nhanh hơn khi cảm nhận được sự ngờ vực rõ ràng của người Cảnh sát trưởng. Sự thất vọng giảm dần và được thay thế bằng lời nài nỉ khi ông Marquez khẩn cầu ông Eagan giải cứu Tiến sĩ Ambrose. “Nào, Jim, đừng bướng bỉnh nữa. Hãy chấm dứt vạ hỏi và đích thân đến đó”.

Cảnh sát trưởng Eagan biết rõ và kính trọng ông Marquez là một người liêm chính, nhưng câu chuyện của ông này quá hoang đường và

không có chứng cứ rõ ràng. “Những cái xương sọ nhám thạch màu đen, những chữ viết không thể giải mã trong một căn h ần được khoét sâu hàng ngàn bộ dưới lòng núi, những gã sát nhân lao xe mô tô trong những h ần mỏ. Nếu những gì ông nói với tôi đầu là sự thực, thì chính ba người các ông có lẽ đã bị giết r ồi”.

“Ông Marquez đã nói với ông sự thật trung thực nhất”, Pat thông thả nói, lần đầu tiên cô lên tiếng. “Tại sao ông không tin ông ấy chứ?”

“Còn cô là ai?”

“Patricia O’Connell”, cô mệt mỏi trả lời. “Tôi làm việc tại Đại học Pennsylvania”.

“Lý do khiến cô có mặt trong khu mỏ?”.

“Phạm trù của tôi là môn cổ ngữ. Tôi được yêu c ầu đến Telluride để giải mã những chữ viết lạ mà ông Marquez đã phát hiện trong mỏ của ông ấy”.

Ông Eagan nhìn người phụ nữ một lúc. Chắc hẳn cô ta cũng xinh đẹp khi ăn mặc chỉnh t ề và trang điểm. Ông ta không dễ dàng tin cô là một Tiến sĩ Khoa cổ ngữ. Cô ng ẩng đầu với mái tóc uốn rối beng và gương mặt loang lỗ bùn sinh, trông giống một mụ ăn xin vô gia cư.

“Tất cả những gì tôi biết rõ”, ông Eagan chậm rãi nói, “là các người đã phá hỏng một xe mô tô có lẽ là vật ăn cắp và phá hoại một h ần rượu của khách sạn”.

“Quên chuyện đó đi”, ông Marquez nài nỉ. “Hãy cứu Tiến sĩ Ambrose ngay”.

“Chỉ khi nào tôi biết rõ sự việc sau khi người của tôi vào khu mỏ”.

Jim Eagan trở thành Cảnh sát trưởng quận San Miguel được tám năm và làm việc rất hòa hợp với những quan chức trong thị trấn Telluride. Những chuyện giết người rất hiếm khi xảy ra trong quận này. Những vụ có dính líu tới luật pháp thường chỉ xảy ra liên quan đến những vụ tai nạn giao thông, những vụ ăn cắp vặt, say rượu đánh nhau, phá hoại và những vụ bán thuốc kích thích l ẻ tẻ và thường do những du khách ghé qua Telluride gây ra trong mùa nghỉ hè và trong những dịp có lễ hội. Ông Eagan được dân chúng trong địa phương nhỏ bé nhưng xinh đẹp này nể trọng. Ông ta là một người xởi lởi, nghiêm chỉnh trong công việc, nhưng lại dễ dàng nói cười

ồn ào mỗi khi có một ly bia. Với chiều cao và một trọng lượng trung bình, ông ta thường mang một vẻ mặt có thể làm người khác sợ sệt. Một ánh mắt thường làm co rúm những kẻ khả nghi bị ông ta bắt giữ.

“Ông cho phép tôi nhận một ân huệ nhỏ được không?” Người đàn ông tiều tụy và mệt nhọc trong bộ đồ lặn rách rưới, như thể anh ta vừa bị kéo lê qua những vùi nước của một máy bơm, lên tiếng hỏi.

Qua cái nhìn đầu tiên, ông Eagan nhận thấy anh ta khoảng bốn mươi lăm tuổi, nhưng có thể anh ta trẻ hơn năm tuổi nếu gương mặt không rám nắng và hốc hác như thế. Ông Cảnh sát trưởng đoán anh ta cao khoảng một mét chín mươi, nặng chừng một trăm tám mươi lăm cân Anh. Tóc anh ta đen và dợn sóng, những sợi hai bên thái dương màu trắng xám. Cặp lông mày rậm và sẫm màu phủ trùm đôi mắt sinh động màu xanh lục. Một sống mũi thẳng và hẹp nằm trên cặp môi mím chặt với những khóe miệng nhếch lên trên trông như lúc nào cũng tươi cười. Đi đầu làm ông Eagan e ngại hoàn toàn không phải là thái độ dửng dưng của anh ta — ông biết có nhiều tên phạm tội ác thường tỏ ra lãnh đạm - nhưng là vẻ bất cần, gây sự nổi cho người khác toát ra từ anh. Rõ ràng gã đàn ông bên kia cái bàn chẳng quan tâm gì đến chiến thuật đánh phủ đầu của ông Eagan.

“Còn tùy”, sau cùng ông Cảnh sát trưởng trả lời, cây viết bi của ông ta lơ lửng trên trang giấy cuốn sổ ghi chép, “Tên ông?”

“Dirk Pitt”.

“Vì sao ông dính đến vụ này, ông Pitt?”

“Tôi là giám đốc dự án đặc biệt của NUMA thuộc Bộ Hải quân. Tôi vừa đi qua vùng này và có ý nghĩ người ta có thể khai thác vàng ở đây”.

Là người thâm trầm, ông Eagan không dễ dàng bị kích động trước tình thế bất lợi. “Chúng ta có thể làm việc mà không cần sự hài hước, ông Pitt”.

“Nếu tôi cho ông một số điện thoại, ông sẽ dành ưu đãi cho tôi được gọi chứ?” Giọng Pitt lễ độ, không một dấu hiệu thù địch.

“Ông muốn nói chuyện với một luật sư?”

Pitt lắc đầu. “Không, không có chuyện đó đâu. Tôi nghĩ một cú điện thoại đơn giản để xác định vị trí và sự có mặt của tôi có thể có ích đấy”.

Ông Eagan suy nghĩ một lúc, rồi đẩy cây bút và cuốn sổ qua bên kia bàn. “Okay, ông ghi con số đi”.

Pitt viết vào cuốn sổ và trả lại. “Điện thoại đường dài. Ông có thể yêu cầu người nghe trả tiền, nếu muốn”.

“Ông có thể trả cho khách sạn”, ông Eagan nói với một nụ cười nhẹ.

“Ông sẽ nói chuyện với Đô đốc Sandecker”, Pitt nói. “Con số đó là đường dây riêng của ông ấy. Nói tên tôi với ông ấy và giải thích tình huống”.

Ông Eagan nhắc cái điện thoại trên cái bàn gần đó, yêu cầu được gọi điện thoại đường dài, rồi bấm số. Sau một lúc ngắn im lặng, ông Eagan nói. “Thưa Đô đốc Sandecker, tôi là Cảnh sát trưởng Jim Eagan của quận San Miguel, bang Colorado. Tôi có một vấn đề ở đây liên quan tới một người đàn ông tuyên bố đang làm việc cho ông. Tên ông ta là Dirk Pitt”. Rồi ông Eagan nhanh chóng thuật vắn tắt sự việc, cho biết có thể bị bắt giam và bị buộc tội xâm phạm, ăn cắp và phá hoại. Từ điểm này, câu chuyện trao đổi trở nên bớt căng thẳng dần, khi nét mặt ông ta có vẻ bằng hoàng và kéo dài gần mười phút. Như thể đang nói chuyện với Thượng đế, ông ta lặp lại. “Vâng, thưa ngài”, rất nhiều lần. Cuối cùng, ông ta đặt cái ống liên hợp xuống và chăm chú nhìn Pitt. “Chủ của ông là một người nóng tính dễ sợ”.

Pitt phì cười. “Ông ấy hù dọa hầu hết mọi người bằng cách đó*.

“Ông có một tiểu sử thật ấn tượng”.

“Ông ấy có chịu bồi thường tất cả những thiệt hại này không?”

Ông Eagan cũng ngoác miệng cười. “Ông ấy bảo sẽ trừ lương ông để bồi thường”.

Tò mò, Pitt hỏi, “Ông Đô đốc có nói chuyện gì khác không?”

“Ông ấy nói, giữa những chuyện khác”, ông Eagan thốt ra từng tiếng, “thì nếu ông Pitt tuyên bố Miền Nam chiến thắng trong Cuộc nội chiến thì tôi phải tin ông ta”. (*Cuộc Nội chiến của Hoa Kỳ còn gọi là Cuộc Chiến tranh Ly khai (1861-1865): 11 bang nông nghiệp miền Nam muốn duy trì chế độ nô lệ, trong lúc 23 bang công nghiệp miền Bắc muốn chấm dứt chế độ này. Do đó xảy ra nội chiến. Sau cùng, miền Nam thất trận. Cuộc chiến làm chết 618.000 người - ND*)

Pitt và ông Marquez, với ông Eagan và một phụ tá của ông ta đi sau, bước qua bức tường gạch bị phá thủng của hầm rượu và bắt đầu chạy chầm chậm qua hầm mỏ cũ. Họ nhanh chóng chạy qua chiếc xe chở quặng cũ nằm bất động và tiếp tục đi sâu vào trong.

Pitt không tài nào phán đoán khoảng cách trong bóng tối. Anh chỉ có thể đoán là nơi anh đến Tiến sĩ Ambrose và gã sát nhân bị bắt giữ lại nằm cách khách sạn khoảng ba phần tư dặm. Anh cầm cây đèn bấm mượn từ một phụ tá quận trưởng và tắt đèn mỗi khi chạy được chừng một trăm bộ,

chăm chú nhìn vào bóng tối trước mặt để tìm một dấu hiệu từ ánh sáng đèn thợ lặn anh đã để lại cho Ambrose.

Sau khi nhận ra khoảng cách chính xác, Pitt dừng lại và hướng chùm tia sáng cây đèn bấm lên đường hầm đến chỗ xa nhất ánh sáng có thể xâm nhập. Rồi anh tắt đèn. Chỉ có bóng tối trước mặt.

“Chúng ta đến đúng nơi rồi”, Pitt nói với ông Marquez.

“Không thể”, ông thợ mỏ trả lời, “Tiến sĩ Ambrose phải nghe giọng nói của chúng ta dội trên vách đá và nhìn thấy ánh sáng của chúng ta chứ, và ông ta phải kêu lớn hoặc làm dấu hiệu cho chúng ta biết chứ”.

“Có chuyện gì không ổn rồi”. Pitt chiếu ngọn đèn bấm vào một khe hở trên một vách đá đường hầm. “Có một lối vào chỗ cái hốc tôi đã ẩn nấp lúc những gã lái mô tô đến gần”.

Ông Eagan bước lại gần anh. “Tại sao chúng ta dừng lại?”

“Nghe có vẻ điên rồi”, Pitt trả lời, “nhưng họ đã biến mất”.

Viên Cảnh sát trưởng chiếu ngọn đèn lên mặt Pitt, cố tìm điếu gì đó trong mắt anh. “Ông chắc chắn họ không phải là sản phẩm của óc tưởng tượng của ông chứ?”

“Thì có Chúa!” ông Marquez lầm bầm. “Chúng tôi để lại hai xác chết, một tên giết mướn đang bất tỉnh và Tiến sĩ Ambrose với một cây súng để canh giữ hân”.

Pitt phớt lờ ông Cảnh sát trưởng, quì xuống trên một đầu gối. Anh quét thật chậm chùm ánh sáng từ cây đèn quanh đường hầm theo một vòng cung một trăm tám mươi độ, đôi mắt quan sát từng inch trên mặt đất và chiếc xe chở quặng.

Ông Marquez vừa lên tiếng, “ông đang...?” nhưng Pitt đã đưa bàn tay lên, ra dấu cho ông im lặng.

Trong đầu Pitt, nếu Ambrose và gã sát nhân đã rời nơi đó, họ phải lưu lại một chỉ dẫn, dù nhỏ, nào đó về sự có mặt của họ. Ý nghĩ đầu tiên của anh là phải tìm thấy những vỏ đạn khẩu P.10 anh đã bắn những tên giết mướn. Nhưng không có chỉ dẫn nào, dù yếu ớt, về những vỏ đạn bằng đồng. Gáy anh bắt đầu ngứa ran. Chỗ này đúng là nơi đó, anh chắc chắn như thế. Rồi anh cảm nhận, hơn là nhìn thấy, một sợi dây kim loại màu đen cực nhỏ nằm cách đó không đến mười tám inch, nó nhỏ đến nỗi không tạo ra cái bóng dưới ánh sáng ngọn đèn của anh. Anh rà chùm tia sáng dọc theo sợi dây kim loại nằm trên đường ray rồi dẫn lên vách đá đến một tấm vải bạt màu đen cuộn tròn gắn vào một trong những xà gỗ trên cao.

“Hãy cho tôi biết, ông Cảnh sát trưởng”, Pitt nói với giọng đi ầm tĩn lạ lùng, “ông có được huấn luyện cách thức gài bom không?”

“Tôi đang dạy một lớp về môn này”, ông Eagan trả lời, cặp lông mày nhướng lên. “Tôi từng là một chuyên gia đánh bom trong quân đội. Tại sao ông hỏi?”

“Tôi tin chúng ta đang bị gài bẫy để vào một thế giới khác với những thân thể nát bét”. Anh chỉ vào sợi dây kim loại từ những đường ray dẫn đến những xà gỗ. “Trừ phi tôi đoán sai, chỗ đó là một cái bẫy chất nổ thật dở hơi”.

Ông Eagan đến gần cho tới khi hầu như mũi ông chỉ còn cách sợi dây màu đen vài phân. Ông nhìn theo nó cho đến tận cuộn vải bạt và chăm chú quan sát tấm bạt. Rồi quay nhìn Pitt với ánh mắt thêm phần nể nang. “Tôi thật sự tin ông có lý, ông Pitt. Có kẻ nào đó không ưa ông”.

“Chúng cũng không ưa ông đâu, ông Cảnh sát trưởng. Chúng phải biết rõ ông và người của ông sẽ đưa chúng tôi quay lại chỗ Tiến sĩ Ambrose chứ”.

“Ông giáo sư đâu rồi?” ông Marquez hỏi lớn. “Ông ta và gã giết mướn đi đâu?”

“Có hai khả năng”, Pitt nói. “Thứ nhất, tên sát nhân tỉnh lại, khuất phục Tiến sĩ Ambrose rồi giết ông ta và ném cái xác xuống một hẻm nhỏ gần nhất. Sau đó hắn gài bom rồi trốn thoát qua một đường hẻm khác dẫn tới lối ra”.

“Ông nên viết những truyện thần tiên, sẽ hái ra tiền đấy”, ông Eagan nói.

“Vậy ông hãy giải thích về cái bẫy ngớ ngẩn này đi”.

“Làm sao tôi biết ông đã không gài cái bẫy đó chứ?”

“Tôi chẳng có động cơ nào cả”.

“Đẹp chuyện đó đi, Jim”, ông Marquez nói. “Ông Pitt không hề thoát khỏi tai mắt tôi suốt năm tiếng đồng hồ vừa qua. Chính ông ấy đã cứu sống chúng tôi. Nếu vụ nổ mìn đó không giết chết chúng tôi thì vụ sập hầm mỏ cũng làm chuyện đó”.

“Nhưng chúng ta đâu có biết chắc chắn cuộn vải bạt kia có chứa chất nổ”, ông Eagan vẫn tỏ ra bướng bỉnh.

“Vậy, ông cứ lần theo sợi dây kim loại và xem chuyện gì xảy ra”, Pitt bật cười. “Phần mình, tôi sẽ không loay hoay ở đây nữa. Tôi đi đây”. Anh đứng lên và bắt đầu đi dọc theo đường ray để trở lại khách sạn.

“Chờ chút, ông Pitt”, ông Eagan gọi.

Pitt đứng lại và quay đầu nhìn lui. “Ông toan tính gì thế, ông Cảnh sát trưởng?”

“Kiểm tra bộ vải bạt, nếu có chất nổ thì tháo ra”.

Pitt bước lui vài bước, nét mặt thật nghiêm trọng. “Nếu là ông, tôi sẽ không làm chuyện đó đâu. Đây không phải loại bom mang sau lưng một tên khủng bố li ều chết. Tôi dám cá một tháng lương, rằng loại bom này được một chuyên gia lắp ráp và nó sẽ nổ tung khi bị chạm nhẹ nhất”.

Ông Eagan nhìn Pitt. “Nếu ông có ý tưởng nào hay hơn. Tôi mong được nghe đây”.

“Cái xe goòng chở quặng đang nằm trên hai đường ray dài khoảng hai trăm mét”, Pitt trả lời. “Chúng ta đẩy mạnh và để nó tiếp tục chạy khỏi nơi này, nó sẽ kéo theo sợi dây kim loại và kích hoạt khối thuốc nổ”.

“Mái hầm sẽ sập xuống”, ông Marquez nói, “và bít kín đường hầm vĩnh viễn”.

Pitt nhún vai, “Không phải chúng ta phá sập đường hầm là để bảo vệ những thế hệ tương lai sao. Chúng ta là những người đầu tiên đi qua khu vực này kể từ năm 1930, chẳng phải sao?”

“Nghe có lý đấy”, sau cùng ông Eagan cũng đồng ý. “Chúng ta không thể bỏ mặc chất nổ nằm tại đây để chờ những nhà thám hiểm dưới lòng đất sẽ đi qua nơi này”.

Mười lăm phút sau, Pitt, các ông Eagan, Marquez và người phụ tá đẩy cái xe goòng trên đường ray khoảng ba chục mét. Những bánh sắt nặng nề kêu cọt két phản đối trong hai chục mét đầu tiên rồi nhanh chóng long rĩ sét và bắt đầu lăn nhẹ nhàng trên những đường ray. Sau cùng, bốn người đàn ông ướt đầm mồ hôi cũng lên tới được đầu quãng đường dốc dẫn xuống phía dưới.

“Cuối đường rồi”, Pitt cảnh báo. “Đẩy mạnh đi, và cái xe goòng sẽ chạy tiếp một dặm nữa đấy”.

“Hoặc cho tới lúc nó rơi xuống một lò hầm khác”, ông Marquez nói.

Cả bốn người cùng buông tay ra một lúc, đà chạy đẩy họ một quãng theo cái xe cho tới lúc nó tăng tốc và bắt đầu bỏ xa họ. Họ loạng choạng đứng lại và lấy lại hơi thở và nhịp tim. Rồi họ chiếu những cây đèn bầm theo chiếc xe goòng chạy trên đường ray rồi mất hút sau một khúc quanh của đường hầm.

Không đầy một phút sau, một tiếng nổ vang dội xuyên qua đường hầm. Sức ép của tiếng nổ như muốn nhấc bổng họ lên. Tiếp theo là một đám mây bụi cuốn tròn chung quanh và vượt qua họ, theo sau là những âm thanh ồn ã của hàng tấn đất đá từ nóc hầm rơi xuống.

Tiếng ồn ã vẫn gập ghềnh trong tai bốn người, những tiếng dội tiếp tục kéo dài không ngớt trong khu mỏ cũ lúc ông Marquez hét lớn với ông Eagan. “Cái này khiến ông hết nghi ngờ chưa?”

“Trong lúc cố chứng tỏ quan điểm của mình, ông đã bỏ qua một điếu”, ông Eagan nói lớn, âm điệu giọng nói khô khan và trêu chọc.

Pitt nhìn ông ta, “Điếu gì?”

“Tiến sĩ Ambrose. Có thể ông ta vẫn còn sống tại một nơi nào đó không nằm trong khu hầm bị sập. Thậm chí dù ông ta chết, cũng chẳng còn cách nào tìm thấy thi thể ông ta”.

“Chuyện đó chỉ làm phí thì giờ vô ích”, Pitt nói gọn.

“Vừa rồi ông mới chỉ cho chúng tôi một khả năng”, ông Eagan nói. “Vậy khả năng thứ hai là gì?”

Pitt gật nhẹ đầu. “Tiến sĩ Ambrose”, anh kiên nhẫn nói, “không chết đâu”.

“Ông bảo gã sát nhân thứ ba không giết ông ta?” ông Marquez hỏi.

“Hắn không thể giết ông chủ của mình”.

“Ông chủ?”

Pitt mỉm cười và khẳng định, “Tiến sĩ Tom Ambrose cũng là một trong những tên sát nhân”.

“Tôi xin lỗi vì đã đến ăn tối trễ”, Pat nói lúc bước qua cửa trước nhà ông Marquez. “Nhưng tôi thực sự cần được tắm nước nóng và tôi e rằng tôi đã ngâm mình trong bồn tắm quá lâu”.

Bà Lisa Marquez vui vẻ ôm hôn Pat, “Cô không biết chúng tôi sung sướng đến chừng nào khi được thấy lại cô đâu”. Bà bước lùi và gương mặt sáng lên như một thiên thần nhỏ khi nhìn thấy Pitt bước vào theo sau Pat. Bà hôn anh cả hai má. “Làm cách nào tôi có thể cảm ơn ông vì đã đem ông chúng tôi còn sống và khỏe mạnh trở về nhà?”

“Tôi đánh lừa đấy”, Pitt nói với miệng cười toe toét. “Để cứu Luis là tôi đã tự cứu mình mà”.

“Ông thực sự là một người khiêm tốn”.

Pat không khỏi ngạc nhiên khi thấy Pitt để lộ sự lúng túng chân thật lúc anh nhìn xuống tấm thảm. Cô thêm thốt, “Đâu phải chỉ có chồng chị là người duy nhất được Dirk cứu sống”.

“Luis chẳng chịu hé miệng về những sự cố gay go của quý vị. Các bạn phải cho tôi biết mọi chi tiết trong lúc ăn tối đây”. Lisa tỏ ra tế nhị trong việc tạo ra không khí thân mật. “Nào, cho phép tôi treo những áo khoác của các bạn lên”.

“Có phải tôi đang đánh hơi mùi thịt nai cháy xèo xèo trên cái vỉ nướng thịt không nhỉ?” Pitt nói để tháo gỡ cơn bối rối.

“Luis đang ở trong gara với cái lò nướng thịt”, bà Lisa nói. “Trời quá lạnh nên không thể ăn ngoài sân, vì vậy tôi đặt bàn ăn trong phòng kính có mái vòm nằm phía sau nhà. Luis đã bố trí lò sưởi nên nơi đó ấm áp lắm. Các bạn có thể khui những lon bia lúc đi ngang qua nhà bếp?”

Pitt mở một hộp bia Pacifico lấy từ tủ lạnh nhà bếp và đi vào gara nơi ông Marquez đang có mặt. Ông này đang cúi xuống trên một cái thùng hình trụ có dung tích năm mươi galông mà ông ta đã cải biến thành một lò nướng thịt. “Thơm quá”, Pitt nói. “Ông không dùng vỉ nướng bằng than củi à?”

“Với cái lò cải biến này, mùi vị thịt bò, thịt gà và cá sẽ ngon hơn nhiều”, ông Marquez nói. “Tôi bắt được một con nai sừng tấm trong mùa săn vừa qua trong khu núi Montrose và ướp lạnh nó. Chúng ta chờ cho tới lúc ông nếm thử này với món nước sốt Mornay đặc biệt của Lisa”.

Chỉ một lúc sau, tất cả bọn họ đã ngồi quanh cái bàn bằng thân gỗ thông ông Marquez tự đóng lấy, đặt trong phòng kính có mái vòm, thưởng thức món thịt nai nướng và món nước sốt ngon tuyệt của bà Lisa. Món rau Spinach trộn kem, khoai tây nướng và một bát lớn rau xàlách càng làm tăng mùi vị món thịt nướng. Ông Marquez đã yêu cầu Pat và Pitt chớ nói gì nhiều về vụ nguy hiểm họ vừa trải qua. Ông không muốn làm bà vợ thêm lo lắng sau những gì ông đã làm. Bà đã chịu đựng quá đủ những đau khổ dằn vặt trong thời gian chờ đợi cho tới lúc họ đến báo tin ông chồng đã thoát khỏi khu mỏ an toàn và khỏe mạnh. Họ đã mô tả là sự thử thách không gay go lắm, giấu chuyện những kẻ giết mướn và bảo bà rằng Tiến sĩ Ambrose đã đi gặp bạn bè nên không thể mời ông ta dùng bữa tối với họ.

Bất chấp sự việc họ thuật lại như thế nào, chẳng khác như họ vừa trở về sau một chuyến đi dạo trong công viên, Lisa biết rõ hơn nhiều, nhưng

bà không nói gì. Sau bữa ăn, Pat giúp dọn bàn rồi quay lại phòng khách, trong lúc bà Lisa bận rộn cho những bé gái của bà ăn và pha cà phê trước khi mang ra một ổ bánh cà rốt.

- “Tôi xin lỗi vắng mặt một lúc”, Pitt nói. Anh bước ra sau nhà và nói gì đó với bà Lisa trước khi quay lại với hai người kia.

Hài lòng vì bà vợ ở ngoài tầ nghe, ông Marquez nhìn thẳng vào Pitt và nói, “Tôi không thể chấp nhận giả thuyết của ông về Tiến sĩ Ambrose. Tôi cảm thấy chắc chắn ông ta đã bị giết ngay sau khi chúng ta rời khỏi nơi đó”.

“Tôi đồng ý với Luis”, Pat nói. “Giả định Tom là một cái gì đó ngoài tư cách một nhà nhân loại học khả kính là một đi ều rất buồn cười”.

“Cô đã bao giờ gặp Ambrose trước đây chưa?” Pitt hỏi.

Pat lắc đầu. “Chưa, nhưng tôi biết danh tiếng ông ta”.

“Nhưng chưa bao giờ thấy mặt, phải không?”

“Chưa bao giờ”.

“Thế thì làm sao cô biết gã Tom Ambrose đó không phải là một kẻ mạo danh?”

“Đúng rồi”, ông Marquez nói. “Giả sử hắn là một kẻ giả danh và cùng làm việc với những tên giết mướn điên rồ đó. Nhưng làm sao ông có thể giải thích sự việc hắn gây ngập lụt nếu ông không có bằng chứng?”

“Phải đấy”, Pat bình tĩnh xen vào. “Không có cách nào để buộc tội ông ta dính vào một âm mưu tội ác nếu những tên giết mướn cũng đã tìm cách sát hại ông ta”.

“Những đ ồng sự của hắn buộc phải làm chuyện đó”, giọng nói của Pitt có vẻ gì đó được xác định một cách lạnh lùng. “Chúng có thể là những chuyên gia phá hoại, nhưng không phải là thợ mỏ chuyên nghiệp như ông Marquez. Chúng đã dùng một lượng chất nổ quá mạnh đối với công việc đó. Thay vì chỉ tạo ra một vụ sập hầm mỏ và làm bít lối đi, chúng đã phá vỡ cả những khối đá chắn giữ dòng sông ngầm dưới đất, làm lệch hướng chảy của nó vào những nơi thấp hơn trong khu mỏ. Một tính toán sai lầm đã làm đảo lộn những kế hoạch của chúng. Hầm lò và căn phòng có cái hộp sọ bị ngập nước trước khi chúng có thể đi vòng qua nơi bị sập trên những chiếc mô tô để cứu ông sếp của chúng”.

Ông Marquez nhìn lên những đỉnh núi bao quanh Thị trấn Telluride nổi bật vì ánh sáng của những ngôi sao buổi tối. “Tại sao chúng phá sập mái đường hầm? Chúng được gì từ hành động đó?”

“Một vụ mưu sát hoàn hảo”, Pitt đáp. “Chúng định giết chết hai bạn bằng cách làm đá rơi vỡ sọ các bạn. Và thân xác các bạn sẽ bị chôn vùi dưới đồng đồ nát do vụ sập hầm gây ra. Đến lúc, và nếu người ta có tìm thấy các bạn thì cái chết của các bạn sẽ được xem là do một tai nạn hầm mỏ”.

“Vì sao giết chúng tôi chứ?” Pat hỏi với vẻ không tin. “Vì mục đích gì?”

“Vì các bạn là một đe dọa”.

“Luis và tôi là một đe dọa ư?” cô thực sự bối rối. “Đe dọa ai?”

“Đe dọa một thế lực bí mật dẫ dào tài chánh, được tổ chức hoàn chỉnh, không muốn sự khám phá căn hầm chứa cái sọ bằng đá dung nham đen bị nhiều người biết tới”.

“Tại sao lại có kẻ nào đó muốn che giấu một phát hiện quan trọng về khoa khảo cổ chứ?” Pat nói, hoàn toàn bối rối.

Pitt lật ngửa hai lòng bàn tay với một động tác bất lực. “Đi đâu thì không thể phỏng đoán được. Nhưng tôi sẵn sàng cá bất cứ cái gì rằng đây không phải là màn duy nhất trong một vở kịch. Những xác chết đó sẽ dẫn tới những màn khác của vở kịch lớn này”.

“Dự án duy nhất khác về ngành khảo cổ tôi nghĩ có thể chỉ xoay quanh loại bí ẩn này là một cuộc thám hiểm do Tiến sĩ JeefTrey TaftTet của Đại học Arizona hướng dẫn. Ông ta và nhiều sinh viên đã chết trong lúc khai quật một hang động tại sườn phía bắc ngọn núi Lascar tại Chi Lê”, Pat nói.

“Nguyên nhân nào gây ra cái chết của họ?”, ông Marquez hỏi.

“Họ được tìm thấy bị đông cứng cho tới chết”, Pat trả lời. “Trường hợp đó rất đặc biệt, theo nhận xét của đội cứu hộ đã tìm thấy những xác chết. Thời tiết rất hoàn hảo, dù có những trận bão và nhiệt độ chỉ ở dưới nhiệt độ làm đông nước chút ít. Một cuộc đi đầu tra cho thấy không có nguyên nhân giải thích vì sao Tiến sĩ TaftTet và các sinh viên của ông đã chết vì thân nhiệt bị hạ thấp.

“Ngành khảo cổ quan tâm đến cái gì trong hang đó?” Pitt tham gia.

“Không ai biết rõ. Một đôi leo núi tài tử đến từ New York, cả hai đều là những luật sư nổi tiếng, đã phát hiện và thám hiểm hang động đó trong lúc họ từ đỉnh núi quay xuống. Họ mô tả lúc những cổ vật được xếp gọn gàng trong hang, sau đó không lâu họ bị giết chết”.

Pitt nhìn cô. “Họ cũng chết à?”

“Chiếc máy bay tư nhân của họ nổ tung lúc cất cánh khỏi phi trường Santiago để bay về nhà”.

“Bí ẩn càng dày đặc”.

“Những cuộc thám hiểm tiếp theo không tìm thấy bất kỳ cổ vật nào trong hang đá”, Pat nói tiếp. “Có lẽ những luật sư đã khoa đại những gì họ thấy...”.

“Hoặc ai đó đã dọn sạch những cổ vật”, Pitt kết luận.

“Tôi tự hỏi liệu các luật sư này có trông thấy cái hộp sọ màu đen không?” ông Marquez nói khẽ.

Pat nhún vai, “Chẳng ai biết được”.

“Cô có cứu được những ghi chép của mình về căn hầm đó?” ông Marquez hỏi Pat.

“Những trang giấy đầu đẫm nước lúc chúng tôi bơi qua đường hầm, nhưng khi tôi đã hong khô chúng với cái máy sấy tóc, chúng hoàn toàn có thể đọc được. Và nếu ông có bất kỳ câu hỏi nào về ý nghĩa những chữ khắc đó, ông nên quên đi điều đó đi. Những biểu tượng không thể hiểu được này thuộc một dạng chữ viết tôi chưa hề thấy bao giờ”.

“Tôi nghĩ các biểu tượng chữ viết phải phản ánh những nền văn hóa cổ đại hoặc hiện đại... chúng phải là những dấu hiệu tương tự nhau chứ”. Pitt nói với vẻ suy nghĩ.

“Không nhất thiết phải như vậy. Có nhiều dạng chữ viết cổ hoàn toàn cá biệt, không có những biểu tượng tương tự. Hãy tin tôi khi tôi nói những dấu hiệu trên các vách đá trong căn hầm có cái hộp sọ màu đen đó là độc nhất”.

“Có thể đó là một trò lừa bịp không?”

“Tôi sẽ không biết cho tới lúc nào tôi có cơ hội nghiên cứu chúng thật kỹ”.

“Tôi không nghĩ đó là một trò lừa bịp”, ông Marquez dứt khoát. “Không ai xâm nhập căn hầm đó trước tôi trong một thời gian lâu. Những tảng đá chung quanh cho thấy không có dấu hiệu đào bới nào gần đây”.

Pat hất mái tóc đỏ, dài của cô khỏi cặp mắt. “Vấn đề rồi óc là ai đã tạo ra căn phòng đó, và tại sao”.

“Và lúc nào”, Pitt xen vào. “Bằng cách nào đó, căn phòng và bọn giết mướn có liên hệ gắn bó với nhau”.

Một cơn gió đột ngột rít qua hẻm núi làm rung lắc những cánh cửa sổ phòng khách. Pat rùng mình. “Buổi tối lạnh thật. Tôi nghĩ tôi phải mặc áo

khoác”.

Ông Marquez trở vào nhà bếp. “Tôi tự hỏi Lisa đang ở đâu với cà phê và bánh cà rốt của cô ấy...”.

Giọng của ông Marquez đứt ngang vì Pitt đột ngột nhảy đến chân ông ta. Chỉ trong nháy mắt, anh đã đẩy người thợ mỏ xuống dưới gầm bàn bằng thân gỗ thông, rồi chộp cánh tay Pat và kéo cô ngã xuống sàn gỗ, dùng thân hình che thân thể cô. Một chuyển động khác thường chợt xuất hiện trong bóng tối bên hông nhà đã kích thích giác quan nhạy bén của Pitt về những đe dọa vốn được mài giũa trong anh qua nhiều năm khiến Pitt có phản ứng vừa rồi. Ngay sau đó, hai tiếng súng cùng một lúc dội tới từ bóng tối bên ngoài nên nghe chỉ như một âm thanh duy nhất.

Pitt vẫn nằm trên thân mình Pat. Cô hít thật sâu để thở vì anh đã tống hết không khí từ hai buồng phổi cô ra ngoài. Anh lăn khỏi người cô và đứng lên lúc nghe một giọng nói quen thuộc vang lên từ bóng tối, một giọng nói dứt khoát và gây tin tưởng cho người khác.

“Tóm được hần rồi!”.

Pitt chậm rãi giúp Pat ngồi vào một cái ghế và kéo ông Marquez đứng lên. “Đó là những tiếng súng... giọng ai thế?” ông Marquez thều thào hỏi.

“Đừng lo”, Pitt trấn an. “người cùng phe chúng ta đấy”.

“Lisa, mấy đứa nhỏ của tôi”, ông Marquez bật kêu lên, xoay người, nhóm chạy vào trong nhà.

“An toàn trong phòng tắm”, Pitt nói, vừa chộp cánh tay ông ta.

“Sao...?”

“Vì tôi đã bảo họ nấp vào đó”.

Một gã vạm vỡ như con bò mộng hiện ra bên ngoài phòng kính, mặc một bộ áo liền quần của dân Bắc cực với một cái nón trùm đầu. Anh ta đang kéo lê một cái xác trong bộ quần áo màu đen qua lớp tuyết, gương mặt bị che khuất bởi cái mặt nạ trượt tuyết, vẫn còn đủ sáng trên bầu trời để nhận ra gã đàn ông trong bộ đồ Bắc Cực màu trắng với cái bờm tóc màu đen dợn sóng, đôi mắt màu đen và cái miệng cười toét để lộ hai hàm răng trắng bóng. Anh ta kéo cái xác thật nhẹ nhàng chẳng chút cố gắng như thể đang kéo một bao khoai tây chỉ nặng năm ký lô.

“Có chuyện gì không?” Pitt bình thản hỏi vừa bước ra ngoài sân phủ tuyết.

“Không”, người lạ trả lời. “Giống như giật đồ của một người mù. Bất chấp một nỗ lực bướng bỉnh tìm cách lén xâm nhập, đi đâu cuối cùng hẳn muốn làm là một vụ phục kích”.

“Đánh giá thấp con mồi đã dự tính của mình là sai lầm tồi tệ nhất mà một gã giết mướn chuyên nghiệp có thể vấp phải”.

Pat trừng mắt nhìn Pitt, mặt cô trở nên xám xịt. “Ông đã bày ra vụ này phải không?” cô thốt ra một cách máy móc.

“Tất nhiên”, Pitt thừa nhận với vẻ độc ác. “Những kẻ sát nhân là...”, anh dừng lại để nhìn xuống gã đàn ông nằm cạnh chân anh. “Hoặc, đúng hơn, là những kẻ cuồng tín. Tôi không thể bắt đầu đoán đi đâu gì nằm sau động cơ khiến bọn chúng giết hại bất kỳ ai trót đặt chân vào căn hầm bí ẩn đó. Trong trường hợp này, tôi bị xếp đứng đầu danh sách những người chúng phải giết, khi tôi biết ý đồ và đã làm trật khớp kế hoạch đã được chuẩn bị kỹ của chúng. Chúng còn sợ tôi có thể quay lại căn hầm và lấy đi cái hộp sọ màu đen. Với Pat, chúng lo sợ cô sẽ giải mã được những chữ khắc.

Sau khi chúng ta thoát khỏi đường hầm và được ông Cảnh sát trưởng Eagan bảo vệ, những tên đó thối lui và theo dõi chúng ta, chờ đợi cơ hội thuận lợi. Vì chúng đã tốn nhiều công sức để che giấu căn phòng nhằm loại bỏ mọi chứng cứ, và không muốn dân địa phương biết chúng sẽ không từ bỏ công việc chưa hoàn tất của chúng, đồng thời cũng không muốn để bất kỳ ai trong chúng ta còn sống rời khỏi Thị trấn Telluride. Vì vậy tôi phải giăng bẫy để tóm chúng”.

“Và ông sử dụng chúng tôi như những con mồi”, ông Marquez lẩm bẩm. “Có thể chúng tôi đều bị giết chết”.

“Tốt nhất là nên thử liều vào lúc này, trong lúc những lá bài còn nằm về phía chúng ta trên bàn, còn hơn là chờ đợi cho đến khi chúng ta bị tấn công”.

“Không nên cho Cảnh sát trưởng Eagan biết vụ này à?”

“Như tôi đã nói, ông ta cần biết gã sát nhân nơi Pat đang trọ”.

“Một gã giết mướn trong phòng tôi ư?” Pat kêu lên, hoàn toàn bị sốc. “Trong lúc tôi đang tắm?”

“Không đâu”, Pitt kiên nhẫn giải thích. “Hắn chỉ lọt vào sau khi cô ra khỏi nhà để đến dùng cơm tối nơi ông bà Marquez với tôi”.

“Nhưng gã đó có thể đi tới và giết tôi”.

“Không có chuyện đó đâu”, Pitt nắm bàn tay cô. “Hãy tin tôi khi tôi nói không có gì nguy hiểm. Cô không thấy chỗ cô trọ khá đông người sao? Ông Cảnh sát trưởng đã bố trí một nhóm dân địa phương thơ thần trong những hành lang và phòng ăn nhà trọ như những khách trọ bình thường. Một tên giết mướn khó có thể gây tội ác trong một đám đông. Một người trong số đó sẽ liên lạc với chúng ta trong thời gian ăn tối, trong lúc những người khác lo bảo vệ cuốn sổ ghi chép và cái máy ảnh trong phòng cô”.

“Anh ta trông chẳng giống bất kỳ người nào trong nhóm người của ông Cảnh sát trưởng cả”, ông Marquez nói và chỉ vào anh chàng vạm vỡ.

Pitt quay lại và choàng tay quanh vai người lạ mặt vừa mới bắn hạ gã giết mướn. “Cho phép tôi giới thiệu người bạn lâu đời nhất và thân thiết nhất của tôi, Albert Giordino. Al là trợ lý của tôi tại NUMA”.

Ông Marquez và Pat đứng im lặng, không biết phải hành động như thế nào. Họ quan sát Al chẳng khác gì những người nghiên cứu các loại vi khuẩn đang theo dõi một vật mẫu qua kính hiển vi. Giordino buông bàn tay ra khỏi bàn chân tên giết mướn, bước tới trước và bắt tay họ. “Rất vui được gặp hai vị. Tôi rất thích thú được tham gia vụ này”.

“Ai đã bắn?” Pitt hỏi.

“Gã này có những phản ứng cậu không tin nổi đâu”, Giordino nói.

“Ồ, không. Tôi tin”.

“Hắn có một cảm nhận thật phi thường. Hắn nhả đạn về phía tôi đúng lúc tôi bóp cò khẩu súng của mình”. Giordino chỉ vào một dòng máu nhỏ dọc theo bên hông bộ áo liền quăn. “Viên đạn của hắn may mà chỉ sướt da. Viên của tôi xuyên thủng phổi hắn, bên phải”.

“Cậu gặp may đấy”.

“Ồ, tôi cũng không biết nữa”, Giordino nói với vẻ kiêu ngạo. “Tôi nhắm, hắn không”.

“Hắn còn sống chứ?”

“Tôi nghĩ thế. Nhưng hắn sẽ không tham gia chạy maratông sớm đâu”.

Pitt cúi xuống và kéo cái mặt nạ trượt tuyết ra khỏi đầu tên giết mướn.

Pat há hốc miệng vì sửng sốt - *có thể hiểu được khi trông thấy cảnh này*, Pitt nghĩ. Cô vẫn chưa thể chấp nhận mọi sự xảy ra cho mình từ khi bước xuống máy bay tại phi trường Telluride.

“Ồ, lay Chúa!” giọng cô là một pha trộn giữa cơn sốc và sự thất vọng. “Đó là Tiến sĩ Ambrose!”

“Không, cô thân mến”, Pitt nhẹ nhàng nói. “Đó không phải là Tiến sĩ Thomas Ambrose. Như tôi đã nói với cô từ trước, ông Ambrose thực sự có lẽ đã chết rồi. Gã mạo danh này có lẽ là kẻ có nhiệm vụ ám sát cô và tôi và ông Marquez vì chỉ hắn mới có thể nhận dạng chúng ta một cách chính xác”.

Sự thật từ giải thích của Pitt như một đòn giáng xuống cô không chút thương xót. Cô quì xuống và nhìn vào cặp mắt mở trừng trừng của gã giết mướn và hỏi, “Tại sao ông ám sát Tiến sĩ Ambrose?”

Không hề có dấu hiệu xúc động trong mắt gã sát nhân. Giải thích duy nhất là dòng máu chảy ra từ miệng hắn, dấu hiệu rõ rệt của vết thương ở phổi. “Không ám sát, đó là thi hành án tử hình”, hắn thề thốt. “Ông ta là một đe dọa nên phải chết, tất cả các người cũng vậy”.

“Anh không đủ tư cách biện hộ cho hành động của mình”, Pitt nói, giọng lạnh tanh.

“Tôi không biện hộ gì cả. Bỏn phận đối với Vận Hội Mới không cần biện hộ”.

“Vận Hội Mới là ai và cái gì thế?”

“Đệ Tứ Đế quốc, nhưng các người sẽ chết trước khi trông thấy đi đâu đó”. Không thù oán, không ngạo mạn trong giọng nói của gã sát nhân, mà chỉ là một tuyên ngôn về một sự kiện. Hắn nói tiếng Anh với giọng Âu châu.

“Ý nghĩa của căn phòng và hộp sọ màu đen là gì?”

“Một thông điệp từ quá khứ”. Lần đầu tiên hắn mỉm cười. “Bí mật lớn nhất của thế giới. Đó là tất cả những gì các người được phép biết”.

“Có lẽ anh sẽ hợp tác hơn sau khi ngồi lâu ngay trong nhà tù vì tội giết người”.

Chỉ có cái lắc đầu nhẹ. “Tôi sẽ không bao giờ đứng trong phòng xử án đâu”.

“Anh sẽ được chữa trị mà”.

“Không, ông lảm rồi. Sẽ không có cơ hội thẩm vấn tôi. Tôi chết trong thỏa mãn vì biết rõ ông sẽ sớm theo tôi, ông Pitt”.

Trước khi Pitt kịp ngăn anh ta, gã sát nhân đã đưa một bàn tay lên miệng và nhét một viên thuốc con nhộng giữa hai hàm răng. “Cyanide đấy, ông Pitt ạ. Nó hiệu quả và tác dụng như lúc Hermann Goring đã dùng nó

sau mười năm trước”. Rồi hắn cắn vỡ viên thuốc. (*Hermann Goring: cánh tay mặt của Hitler trong Đảng Quốc xã Đức – ND*).

Pitt nhanh chóng áp miệng vào tai gã giết mướn. Hắn phải được nghe những lời cuối cùng trước khi hắn, tên đã giết Tiến sĩ Ambrose, vĩnh viễn ra đi. “Tôi thương hại anh, anh bạn nhẹ dạ đáng thương. Chúng tôi đã biết tổng cái Đế quốc Thứ Tư đần độn của các anh rồi”. Đó là lời dối trá hèn học, nhưng nó làm Pitt thỏa mãn một cách ác độc.

Đôi mắt tối tăm chợt mở lớn, đờ ra và trợn trừng khi gã sát nhân chết.

“Anh ta chết rồi à?” Pat hỏi khẽ.

“Giống như một xác ướp Ai Cập”, Pitt lạnh lùng nói.

“Hắn đã thoát nợ”, Giordino nhún vai. “Đáng tiếc là chúng ta không thể ném những cơ quan nội tạng của hắn cho lũ kèn kèn”.

Pat nhìn Pitt, “Ông biết đấy”, cô bình thản nói, “Không ai để ý, nhưng tôi thấy ông lấy đạn ra khỏi khẩu súng của anh ta”.

“Hắn có thể giết chết cả ba người chúng ta”, ông Marquez nói. “Ông nghĩ hắn là hạng người nào?”

“Một kẻ có giáo dục”, Pitt trả lời. “Không gì hơn. Hắn tấn công tôi với nhiều tính toán rất lạnh lùng. Kẻ giả danh Tiến sĩ Ambrose không hành động như một người có cuộc sống phóng đảng liêu lĩnh”.

Điện thoại trong bếp reo, và ông Marquez trả lời, lắng nghe chừng một phút, nói mấy câu rồi treo ống liên hợp, “Cảnh sát trưởng Eagan”, ông Marquez báo, “Hai phụ tá của ông ta bị thương trầm trọng trong lúc bắn nhau tại nhà trọ của Pat. Tên giết mướn không rõ lý lịch bị thương nặng và chết trước khi họ kịp khai thác hắn”.

Pitt nhìn cái xác tên giả danh Tiến sĩ Ambrose với ánh mắt thâm trầm. “Ai bảo những kẻ đã chết không thể kể chuyện chứ?”

“Đã an toàn để ra ngoài chưa?” bà Lisa hỏi nhỏ như một hơi thở, liếc nhìn với ánh mắt sợ sệt quanh cửa nhà bếp và trông thấy cái xác nằm trên sàn nhà mình.

Pitt bước lại và nắm bàn tay bà. “Rất an toàn”.

Ông Marquez choàng tay quanh hông bà vợ, “Các con thế nào?” “Chúng ngủ suốt”.

“Vụ sập hầm mỏ xem ra cũng hay”, ông chậm rãi nói với bà Lisa. “Có lẽ những ngày làm việc tại khu mỏ của chúng ta đã tới lúc kết thúc rồi”.

“Em sẽ không mất ngủ về chuyện đó nữa”, bà Lisa nói với một nụ cười thật tươi. “Mình đã là một người giàu có, Luis Marquez ạ, đã tới lúc chúng ta phải sống khác đi”.

“Đó cũng là chuyện bắt buộc”, Pitt khuyên, trong lúc tiếng hú của những còi báo động từ chiếc xe cứu thương đang đến gần từ con lộ trước nhà. “Cho tới lúc chúng ta biết ai là những kẻ chủ mưu chuyện này và đối tượng của chúng là gì”, anh ngừng nói và giận dữ nhìn xuống cái xác, “ông và gia đình sẽ phải rời khỏi Telluride và biến mất”.

Bà Lisa nhìn chòng với ánh mắt xa xăm. “Cái khách sạn nhỏ đó với những cây cọ vây quanh trên bãi biển Cabo San Lucas mà chúng ta luôn muốn mua...”.

Ông gật đầu. “Anh nghĩ bây giờ đã đến lúc rồi đấy”.

Pat chạm cánh tay Pitt, anh quay lại và mỉm cười với cô. “Tôi được đề nghị sẽ lánh mặt ở đâu?” Cô nhẹ nhàng hỏi. “Tôi không thể bỏ công việc nghiên cứu. Tôi đã làm việc nhọc nhằn để có vị trí hôm nay tại đại học”.

“Cuộc sống của cô không đáng giá hai xu nếu cô trở lại giảng đường và những sinh viên của mình”, Pitt nói. “ít ra tới lúc chúng ta biết rõ mình đối mặt với cái gì”.

“Nhưng tôi là một chuyên gia về cổ ngữ, ông là một kỹ sư về các hoạt động dưới nước. Việc săn lùng những kẻ giết mướn đâu phải là nhiệm vụ của chúng ta”.

“Cô nói đúng”, anh đồng ý. “Các cơ quan điều tra của chính phủ sẽ lo vụ này. Nhưng chuyên môn của cô vẫn có giá trị trong việc giải quyết những vấn đề nát óc?”

“Ông không nghĩ chuyện này đã tới lúc kết thúc à?”

Anh chậm rãi lắc đầu. “Hãy xem đây là một âm mưu phức tạp hoặc một mưu đồ nham hiểm — những gì vừa xảy ra còn vượt xa chuyện giết người bình thường. Tôi không có những khả năng cảm nhận phi thường để hiểu những chữ khắc và cái hộp sọ màu đen trong căn hầm đó, nhưng tôi biết những thứ đó sẽ gây hậu quả nặng nề hơn nhiều so với những gì chúng ta có thể tưởng tượng”.

Lúc ông Cảnh sát trưởng Eagan đến và bắt đầu hỏi Giordino, Pitt bước ra ngoài bóng đêm lạnh lẽo và nhìn lên tấm thảm khổng lồ là dãy Ngân Hà trong bầu trời màu đen. Nhà của ông Marquez nằm trên độ cao gần mười ngàn bộ, và ở đây, những vì sao trở nên sáng rực như một đại dương những tinh thể lấp lánh.

Anh nhìn ra xa hơn trong bầu trời và ngần ngại rửa bóng đêm, ngần ngại rửa sự bất lực của mình, ngần ngại rửa những tên sát nhân bí mật, ngần ngại rửa bản thân vì đã lạc vào một vực nước xoáy đầy những rắc rối. Những kẻ điên rồ kia là ai và cái gọi là Vận Hội Mới của chúng là gì? Những câu trả lời lạc lõng trong bóng đêm. Anh không thể trông thấy sự hiệu hữu và không thể tránh được trở nên xa lạ và cách biệt.

Nhưng anh biết rõ có kẻ nào đó sẽ hành động và hành động thật khủng khiếp.

Anh bắt đầu cảm thấy dễ chịu hơn. Vượt khỏi sự giận dữ của anh là một niềm tin có căn cứ, và xa hơn nữa là sự việc sẽ rõ ràng hơn. Một ý nghĩ vừa thành hình trong óc anh, ổn định và phát triển cho đến khi anh thấy rõ mình phải làm gì.

Việc đầu tiên trong buổi sáng là anh trở lại khu mỏ và mang đi cái xương sọ bằng nham thạch màu đen.

Không thể dùng con đường họ đã thoát ra vì cái bẫy bằng chất nổ đã phá sập mái đường hầm, toán người gồm Pitt, Giordino, Eagan, ông Marquez và hai phụ tá Cảnh sát trưởng phải dùng lối đi Pitt đã sử dụng, bắt đầu từ khu mỏ Buccaneer hai mươi bốn giờ trước đó. Tin cậy cái vị tính định vị của Pitt để hướng dẫn, cả nhóm nhanh chóng tới một lò hầm ngập nước thông xuống những đường hầm bên dưới dẫn vào khu mỏ Paradise.

Pitt đứng bên mép hầm lò và nhìn xuống khối nước đen đúa, bẩn thỉu, tự hỏi liệu đây có phải là một ý tưởng khôn ngoan không. Nước đã dâng cao thêm, làm ngập hai hầm mỏ cao hơn so với hôm trước. Trong đêm, áp lực từ dưới sâu đã chậm chạp tăng lên cho tới khi đạt mức ổn định sau cùng.

Ông Cảnh sát trưởng Eagan nghĩ anh điên rồ. Tiến sĩ Pat O'Connell cùng nghĩ anh điên rồ, kể cả vợ chồng ông Marquez cũng vậy. Chỉ có Giordino dẫn lại, không gọi anh là một gã điên rồ, sở dĩ như thế là vì anh ta đã nài nỉ được tham gia chuyến đi để giúp đỡ trong trường hợp Pitt gặp rắc rối.

Nhóm người được trang bị cơ bản cũng như Pitt đã tự trang bị cho anh trước đó, trừ chuyện lần này, anh có ý định mặc một bộ quần áo khô ráo. Bộ quần áo ướt tỏ ra tiện lợi trong việc cử động sau khi ra khỏi nước

và giúp anh chống lại cái lạnh khi đi qua các hẻm nhỏ, nhưng bộ quần áo khô lại hiệu quả hơn trong việc ngăn chặn dòng không khí nóng của khối nước dưới lòng đất xâm nhập thân thể. Tuy nhiên, lúc trở lại khu mỏ, anh mặc những quần áo tiện lợi và ấm, dự định chỉ thay đổi bằng quần áo khô khi xuống dưới sâu.

Ông Luis Marquez đã tháp tùng nhóm thám hiểm sau khi kết nạp ba người thợ mỏ láng giềng của ông mang giúp những trang bị lặn, gồm thang dây giúp họ dễ dàng leo qua những hẻm nhỏ dốc đứng. Ông Cảnh sát trưởng Eagan hoàn toàn tin tưởng ông sẽ được yêu cầu chỉ huy một kế hoạch cứu hộ thấy trước là không thể tránh.

Pitt và Giordino cởi bỏ quần áo dạo phố và, để chống luồng khí nóng, họ mặc bên trong những đồ lót bằng nylon và polyester từ cổ đến chân. Sau đó họ chui vào những quần áo khô làm bằng cao su đã được xử lý bằng lưu huỳnh để tăng độ bền và đàn hồi có gắn nón trùm đầu, với găng tay và giày boot. Khi đã mặc xong quần áo lặn và kiểm tra các trang bị, Pitt nhìn vào mặt Giordino. Gã người Ý vạm vỡ trông vẫn thản nhiên và điềm tĩnh như thể anh ta sắp lặn trong một bể bơi sâu tám chục bộ. “Tôi sẽ lập trình một máy vi tính định vị và giao nó cho cậu để cậu theo dõi chỉ dẫn của nó”.

Giordino cột cái vi tính định vị lên cánh tay trái. “Hãy hình dung chúng ta sẽ lặn khoảng ba mươi phút trong nước sâu chừng một trăm mười bộ, tại một độ cao mười ngàn bộ trên mực nước biển, phải tính toán cẩn thận những chỗ dừng. Nhưng tôi nghĩ cậu có thể vượt qua khu mỏ này mà không bị hôn mê, tắt mạch hoặc bị chứng khí ép do trồi lên quá nhanh”.

“Tôi sẽ thận trọng mà”.

Pitt kéo cái mặt nạ che mặt Mark II có hệ thống thông tin dưới nước lên mặt. “Cậu nghe tôi rõ chứ?” anh hỏi Giordino.

“Như cậu đang ở trong đầu tôi”.

Họ kéo theo mười bình dưỡng khí vào khu mỏ. Để lặn, mỗi người đeo một bình đôi chứa dưỡng khí sau lưng với một bình dự trữ. Bốn bình còn lại được ông Marquez và các bạn ông thả xuống tại các độ sâu đã định trước do cái máy tính định vị của Giordino tính toán những nơi dừng. Họ không mang theo vũ khí nào khác ngoài những con dao dành cho thợ lặn.

“Tôi nghĩ ta đi được rồi”, Pitt nói.

“Tôi theo sau cậu”, Giordino trả lời.

Pitt bật ngọn đèn lặn của anh và chiếu chùm tia sáng lên mặt nước. Anh nhấc chân khỏi mép hần và buông thân mình xuống khoảng cách năm bộ qua khoảng không, đập mạnh vào khối chất lỏng làm nước văng tung tóe. Một cú rơi thứ nhì nhanh chóng tiếp diễn và Giordino trồi lên từ dưới nước bên cạnh anh. Anh ta quạt một cánh tay, rỗi hai, xuống dưới nước, đá cái vây lặn dưới chân bật ra, rỗi lặn sâu xuống.

Họ bơi xuống thấp dần, những ngọn đèn lặn của họ cắt ngang dòng nước đen ngòm, không cảm nhận điều gì khác ngoài cái lạnh và những vách đá. Họ chậm chạp tiến tới, cố quân bình sức ép của nước đang tăng dần trong tai khi họ lặn sâu hơn. Nếu không biết mình đang lặn xuống một hần mở dốc đứng, họ đã thề mình đang bơi trong một đường ống nằm ngang.

Sau cùng, mặt sàn hành lang dưới đáy hần mở cũng hiện ra, họ đã nhìn thấy đường ray của xe chở quặng, rỉ sét và lạnh lẽo.

Nước đục ngầu sau vụ nổ mìn làm nó trào lên ngày hôm trước thì lúc này đã lắng lại, trở nên yên tĩnh và trong trẻo, có thể nhìn xuyên qua đến năm mươi bộ. Pitt kiểm tra dụng cụ đo chiều sâu - cây kim đứng lại ở con số một trăm tám mươi sáu bộ — và anh đợi cho tới lúc Giordino hiện ra trước mặt anh.

“Còn xa không?”

“Khoảng từ chín mươi đến một trăm mét”, Pitt trả lời và đưa tay chỉ. “Sau khúc quanh này của đường hần”.

Anh quấy cái vây cao su của đôi giày lặn và lướt vào đường hần. Ngọn đèn lặn của anh chao tới chao lui qua những thanh gỗ chống. Họ vòng qua khúc cua bơi dọc theo đường ray cong. Bất chợt Pitt đưa cánh tay ra và đột ngột dừng lại.

“Tắt đèn lặn của cậu ngay!” Anh ta ra lệnh cho Giordino.

Bạn anh làm theo, trả lại bóng tối cho đường hần, nhưng vẫn còn sáng lờ mờ. Ánh sáng mờ đục lọc qua màn nước trước mặt họ. “Tôi nghĩ có người đã lên vào đây”; Giordino nói.

“Tại sao mỗi khi có chuyện gì bất thường thì tôi lại hắt hơi nhỉ?” Pitt càu nhàu.

Có hai thợ lặn trong căn hần đó, cả hai đang làm việc chăm chỉ và có mục đích. Chúng đang chụp hình những chữ khắc trên vách đá. Hai ngọn đèn lặn của chúng đang chiếu sáng làm cho căn phòng trông giống như một phòng quay tại phim trường Hollywood. Pitt ngược nhìn lên qua cái lỗ

thùng trên sàn phòng, nép mình vào bóng tối để hai gã thợ lặn trong phòng không nhìn thấy ánh sáng phản chiếu trên mặt kính chiếc mặt nạ lặn của anh.

Anh không khỏi ngạc nhiên trước sự chăm chú của chúng. Cả hai đều dùng loại bình dưỡng khí tự chứa bọt không khí thải ra từ bộ phận đi đầu chỉnh để ngăn chặn nước bị sủi bọt trước ống kính máy ảnh của chúng. Vì vậy Pitt thận trọng không để bọt không khí do anh thải ra lọt qua lỗ thùng dưới sàn căn hầm.

“Bọn này còn bám trụ lâu đấy. Tôi sẽ giải quyết chúng”. Pitt nói khế. “Dù những chữ khắc có giá trị thế nào, chúng cũng muốn ghi lại đầy đủ, bất chấp nguy hiểm chết người”.

“Cũng may là hệ thống truyền tin của chúng khác tần số với chúng ta, hoặc là chúng không thể nghe trộm chúng ta nói gì”.

“Liệu chúng có đang theo dõi và giăng bẫy dụ chúng ta lọt vào căn hầm không?”

Cặp môi Giordino cong lại thành một nụ cười méo mó sau cái mặt nạ lặn. “Nếu vậy, ta hãy làm chúng thất vọng bằng cách tháo lui?”

“Cậu nghĩ đến chuyện bỏ chạy từ khi nào thế?”

“Chưa bao giờ, tôi chỉ xúi cậu thôi”.

Sự ràng buộc giữa Giordino và Pitt chưa bao giờ suy giảm từ khi họ trở thành bạn bè, một tình bạn luôn gắn bó trong mọi cảnh ngộ. Bất cứ kế hoạch nào do Pitt vạch ra, bất chấp nó có điên rồ hoặc buồn cười đi nữa, Giordino cũng bất chấp hậu quả, vẫn thực hiện không mảy may do dự. Họ đã từng hơn một lần cứu nhau thoát chết, và khi cần có thể hy sinh vì bạn mình. Họ hành động nhịp nhàng và thống nhất. Trong NUMA, câu chuyện phiêu lưu của hai người đã trở thành huyền thoại.

“Cả hai chúng ta không thể lọt vào căn hầm cùng lúc trước khi chúng phản ứng”, Pitt nói, vừa nhìn lỗ trống chật hẹp.

“Chúng ta có thể bơi vào và đâm vào bụng chúng”, Giordino lạnh lùng nói.

“Nếu tình thế đổi ngược”, Pitt nói khế đến nỗi hầu như Giordino không nghe rõ, “thì chúng sẽ làm như thế đối với chúng ta. Nhưng theo tôi, ta nên để chúng sống sót”.

“Nói dễ hơn làm”.

Pitt di chuyển đến gần chỗ lỗ trống và ngược nhìn hai gã thợ lặn đang mải mê công việc của chúng. “Tôi nghĩ tôi đã thấy cơ hội”.

“Chớ làm tôi h ồi hộp”, Giordino nói, vừa tháo cặp găng tay ra để hai bàn tay được tự do hành động.

“Những con dao lặn của chúng dính g ần mắt cá chân”.

Cặp lông mày của Giordino nhướng lên như muốn hỏi, “Thì chúng ta cũng thế”.

“Đúng, nhưng chúng ta không sắp bị tấn công từ sau lưng bởi hai gã vui tính và táo bạo”.

Hai gã thợ lặn trong căn h ầm đã hoàn tất việc chụp ảnh những chữ khắc và những ký hiệu các ngôi sao. Trong lúc một tên nhét cái máy ảnh và những phụ tùng vào một cái túi lớn thì gã thứ nhì bắt đầu lắp đặt một khối thuốc nổ tại một góc căn h ầm. Bên ngoài, Pitt và Giordino kiên nhẫn chờ đợi. Ngay sau khi tên giữ máy ảnh chui qua lỗ trống để vào đường h ầm phía dưới, Giordino giật cái che miệng của bình dưỡng khí ra khỏi cặp môi h ắn và cắt đứt dây dẫn khí. Cũng trong thời gian đó, anh choàng một cánh tay quanh cổ h ắn, siết chặt cho tới lúc h ắn cứng đờ.

“Tôi xong phần mình r ồi”, Giordino mệt nhọc nói khẽ.

Pitt không trả lời. Với một cú quẫy chân, anh bắn vào căn h ầm và lao về phía gã thợ lặn đang bình thản nổi một đ ồng hồ báo giờ vào khối thuốc nổ. Anh đến một bên hông để tránh cái bình dưỡng khí trên lưng gã thợ lặn. Trong một động tác lặp lại hành động của Giordino, anh giật tung cái che miệng và bàn tay còn lại bấu chặt cổ họng h ắn. Tuy nhiên, Pitt đã không nhận thấy đối phương là một gã to lớn. Anh phải mất đến hai giây để nhận biết điều đó. Đối thủ của anh có thân hình của một võ sĩ wrestling (võ sĩ đô vật) chuyên nghiệp với những cơ bắp hoàn hảo. H ắn không phản ứng với sự thất vọng trì trệ, mà quẫy đạp lung tung trong căn phòng chật hẹp như một người điên lúc lên cơn. Pitt có cảm giác anh như một con cáo bất đắc dĩ nhảy lên lưng một con gấu bị thương và phải bám chặt để sống còn.

Con thú khủng khiếp đó cố tìm cách vươn hai cánh tay lên chộp đầu Pitt. Hai bàn tay ketch sù giữ chặt quanh đầu anh. Trong một lúc, Pitt nghĩ hộp sọ mình bắt đầu nứt ra thành trăm mảnh. Thứ đã cứu cái đầu của anh không trở thành bùn nhão là một cái cổ tay cử động bên cạnh quai hàm anh. Anh gỡ cái che miệng ra, tìm cách vận vẹo cái đầu dưới sự bấu chặt r ồi

cắn sâu vào cổ tay với sức mạnh có thể của quai hàm. Một cụm mây bằng máu lẫn vào trong nước. Hai bàn tay quanh đầu anh lỏng ra cùng với một tiếng thét kỳ cục vì bị nước bóp nghẹt. Pitt chộp và siết chặt cổ của con bò mộng khổng lồ với tất cả sức lực còn sót lại. Trong tuyệt vọng, anh giật tung cái mặt nạ của con quỷ.

Gã khổng lồ ném thân mình ra sau về phía một vách đá với một cú giật hoảng loạn. Cái bình dưỡng khí của Pitt kêu lanh canh khi chạm vách đá và hơi thở thoát khỏi lồng ngực anh, nhưng Pitt không bị ngạt thở. Anh bấu chặt cổ tay của cánh tay quăn quanh yết hầu anh với bàn tay tự do và tăng sức ép.

Từ phía sau và bên hông, Pitt không thể nhìn thấy gương mặt gã đàn ông. Vặn vẹo thân mình hết bên này đến bên kia như một con chó lắc mình lúc bị ướt, gã khổng lồ cố xoay sở trong cơn tuyệt vọng để tìm cái bộ phận đi đầu chỉnh bình dưỡng khí và gắn trở lại lên miệng hắn, nhưng cái vòi của nó đã quăn quanh cánh tay Pitt. Phản ứng điên cuồng, gã đàn ông uốn cong thân mình về phía trước để rút con dao bấm buộc bên cẳng chân phải hắn. Pitt đã chờ đợi động tác này và đã chuẩn bị. Lúc gã khổng lồ vặn mình đúng tằm, anh buông bàn tay giữ cánh tay hắn ra, xòe bàn tay, đưa lên trên và xĩa một ngón tay vào một con mắt đang mở lớn của hắn.

Kết quả đúng như anh mong đợi và hy vọng. Con khỉ đột cứng đờ như một thân cây, vừa đưa bàn tay lên mặt. Trong diễn biến đó, hắn quờ quạng chộp bàn tay Pitt rồi từ từ bẻ quặt ngón trở và ngón giữa về phía sau. Cơn đau xâm nhập Pitt như bị sét đánh. Cảm giác đau đớn lúc xương những ngón tay gãy rãng rặc không giống bất cứ sự đau đớn nào khác. Đó là một cảm giác không thể mô tả. Pitt bắt đầu thấy pháo hoa trong mắt anh. Anh chỉ có không tới một giây để dùng bàn tay còn lại chộp lấy bàn tay đã gây đau đớn cho anh, thì cùng lúc đó anh cảm nhận sức ép được nới lỏng. Cảm giác đau đớn vẫn hành hạ anh nhưng nó đang chậm chạp giảm dần.

Chậm rãi, hầu như rất chậm rãi, sự đau đớn lắng xuống khi gã khổng lồ bắt đầu sặc nước qua cái miệng há rộng của hắn. Những cử động của hắn trở nên quờ quạng, vụng về. Hắn bắt đầu chìm xuống, gương mặt bất chợt trở nên méo mó vì sợ hãi và hoảng loạn. Pitt đợi vài giây sau khi gã khổng lồ trở nên mềm oặt, anh mới đặt cái che miệng lên mặt hắn, để không khí tràn xuống cổ họng và buồng phổi của hắn.

Giordino ló một nửa thân mình qua lỗ thùng. “Sao cậu lâu thế?”

“Thật xui xẻo”, Pitt hỗn hển giữa những hơi thở, tim đập như cái pittông trong ống xilanh. “Tôi luôn luôn chọn lối đi sai trong dòng xe cộ, chỗ cấm để đứng và chọn gã không lờ nhất trên đời để chơi nhau với hắn. Gã của cậu thế nào rồi?”

“Tôi trói hắn còn chặt chia hơn một con tằm làm kén với sợi dây điện tìm thấy trong mớ dây bóng đèn trên trần hần”, Giordino nhìn xuống cái hình dáng lơ mờ trên sàn phòng, và đôi mắt đằng sau cái mặt nạ lặn mở lớn. Anh nhìn Pitt với vẻ nể nang. “Liệu mấy anh chàng huấn luyện viên của Đội Bóng đá Quốc gia có biết anh chàng này không nhỉ”.

“Nếu họ biết, hắn sẽ là kẻ đầu tiên được chọn vào đội tuyển đấy”, Pitt nói, tim anh bắt đầu đập chậm lại và hơi thở trở nên bình thường. “Thu hết dao bấm của chúng và bất kỳ thứ vũ khí nào cậu tìm thấy. Sau đó kiểm thêm một ít dây điện và trói trước khi hắn chuồn và phá sập ngọn núi. Bỏ mặt nạ lặn của chúng lại để tằm nhìn của chúng mờ đi”.

Giordino trói gã không lờ bằng dây điện và đẩy hắn qua cái lỗ trống vào đường hần bên dưới. Sau đó, anh bỏ bớt vài hòn chì khỏi đai lưng cả hai gã đàn ông, như thế thân hình chúng sẽ hơi nổi lên giúp họ đưa chúng trở lại những đường hần dễ dàng hơn. Anh cũng lấy hết những con dao lặn của chúng. Trên mình gã nhỏ con hơn, anh tìm thấy một khẩu súng lục nhỏ dùng để bắn một mũi tên có ngạnh ở một đầu. Mũi tên được tổng đi do sức ép không khí thoát ra từ một ống xilanh rất nhỏ.

Trong lúc Giordino trói chung hai tù binh của anh với nhau, Pitt tháo một túi lưới lớn bằng nylông từ đai lưng và mở cái móc kim loại trên miệng túi ra. Anh nhìn cái sọ người màu đen trông nham hiểm và có vẻ như nó đang ngạo nghễ nhìn trả qua hai hốc mắt trống rỗng. Anh không thể không tự hỏi liệu có lời thề độc địa nào xảy ra với cái sọ không. Và nó đang giấu kín bí mật tối tăm gì?

Bản chất tự nhiên rất lý tưởng của Pitt là khả năng chế ngự kẻ khác về mặt thực dụng. Dù là một kẻ mơ mộng, anh không tin vào những truyền thuyết dân gian. Nếu một đối tượng hoặc quan điểm nào anh không thể nhìn thấy hoặc cảm thấy hoặc trải nghiệm thì những thứ đó không thể tồn tại trong anh. Nếu không đang ở tại độ sâu tám mươi bộ dưới nước, anh đã nhổ nước bọt vào trong hốc mắt của cái hộp sọ bằng đá dung nham. Nhưng vì đó là một mắt xích trong một chuỗi những điếu bí ẩn, nên anh quyết định đặt nó vào bàn tay những người có thể nghiên cứu nó một cách đúng đắn.

“Rất tiếc, anh bạn”, anh thì thầm, nhỏ đến nỗi Giordino chẳng nghe thấy gì, “nhưng đã tới lúc anh bạn phải ra mặt rồi”. Anh thận trọng nhấc cái hộp sọ lên khỏi cái bệ và thả nó vào cái túi nylon. Tại độ sâu này anh dễ dàng mang nó, nhưng một khi lên khỏi mặt nước anh đoán nó phải nặng đến bốn mươi cân Anh. Đảo mắt lần cuối khắp căn hầm, lên những chữ khắc trên các vách đá, lên những ngọn đèn lặn vẫn còn sáng nằm trên sàn hầm nơi chúng rơi xuống trong lúc đánh nhau. Sau đó, anh chui đầu qua lỗ trống, thận trọng không để cái sọ va vào đá và làm vỡ nó. Giordino đã kéo hai gã thợ lặn vào đường hầm. Gã khổng lồ đã tỉnh lại và đang vùng vẫy dữ dội để bứt đứt sợi dây điện buộc hai cổ chân và hai cánh tay dính vào thân mình đồ sộ của hắn.

“Cần giúp không?” Pitt hỏi.

“Cậu mang cái sọ và cái túi đựng máy ảnh. Tôi sẽ lo hai gã rác rưởi này”.

“Tốt nhất là cậu đi trước và tôi bám theo. Như thế tôi có thể theo dõi mỗi cử động của chúng, nhất là khi Bé Bự bắt đầu bứt đứt dây trời”.

Giordino đưa cho Pitt khẩu súng bắn tên. “Bắn vào trái táo Adam của hắn nếu hắn động đậy một ngón tay”.

“Chúng ta phải hết sức thận trọng tại những điểm dừng. Có thể chúng ta không đủ dưỡng khí cho cả bốn người”.

Giordino phác một cử chỉ bất cần với hai bàn tay. “Rất tiếc tôi không sẵn sàng làm vật hiến tế”.

Chuyến quay trở lại diễn ra thật chậm. Giordino thường kéo hai gã giết mướn và những trang bị thở của chúng đi bộ trên những thanh tà vẹt nối hai đường ray của xe goòng chở quặng hơn là cố bơi để trở lại qua đường hầm. Dưỡng khí quý giá cạn dần trên đường đi. Pitt không ngớt đưa mắt theo dõi đồng hồ đo dưỡng khí, anh biết lượng dưỡng khí của mình đã hao hụt nghiêm trọng. Anh và Giordino đã dùng gấp đôi lượng không khí họ đã tính toán trước khi lặn, nhưng đã không tính đến chuyện đấu đá với những kẻ xâm nhập.

Họ phải tìm ra một lộ trình ngắn hơn để tới điểm hẹn với những người kia, Pitt suy đoán. Một lúc sau, mà họ xem như cả năm, cuối cùng họ đến một lò hầm dốc đứng và ngoi lên tại điểm dừng đầu tiên. Cảnh sát trưởng Eagan và ông Luis Marquez đã thả xuống hai bình dưỡng khí dự trữ tại điểm Giordino tính toán trước.

Quan sát máy vi tính, Giordino vừa lắng nghe Pitt đọc áp lực không khí còn lại trong mỗi bình chứa. Chỉ khi nào lượng dưỡng khí hao hụt quá mức an toàn anh mới phải tháo bỏ những bình cũ. Hai gã tù binh không còn tỏ ra hiếu chiến. Chúng đã nhận ra nếu chống lại, chúng sẽ chết. Tuy vậy, Pitt không lúc nào lơ là cảnh giác bọn chúng. Anh biết chúng là những quả bom sẵn sàng nổ bất cứ lúc nào cơ hội đầu tiên xảy ra, khi chúng có hy vọng tẩu thoát.

Thời gian trôi đi thật chậm. Họ sử dụng hết lượng dưỡng khí cuối cùng và tiếp tục dùng đến những bình dự trữ. Khi những bình dưỡng khí của hai gã tù binh đã cạn, Pitt và Giordino cho chúng thở chung bình hơi của họ bằng cách chuyển qua chuyển lại miếng che miệng, và tất cả tiếp tục uể oải bơi đến điểm dừng tiếp theo.

Lúc những bình dưỡng khí dự trữ vừa cạn cũng là lúc Giordino báo đã tới chỗ nổi lên, anh nói, “Nhóm ông Marquez đang ở bên trên. Đã tới lúc chúng ta có thể về nhà rồi”.

Pitt leo lên cái thang dây do ông Marquez ném xuống. Anh tới mép sàn đường hầm và đưa cái bình dưỡng khí cho ông Eagan. Sau đó, chuyển cái hộp sọ và cái túi chứa máy ảnh. Rồi ông Eagan nắm bàn tay chìa ra của Pitt và giúp anh leo lên căn hầm. Pitt nắm duỗi chân tay, tháo cái mặt nạ lặn ra và thư giãn khoảng một phút, lấy lại hơi trong bầu không khí lạnh và ẩm ướt của gian hầm.

“Chúc mừng trở về nhà”, ông Eagan nói. “Chuyện gì khiến các ông lâu thế? Đáng lẽ các ông phải về sớm hơn hai mươi phút rồi chứ?”

“Chúng tôi đụng phải hai ứng cử viên muốn vào nhà tù của ông”.

Giordino ló đầu, rồi leo lên, quỳ trên bốn chân trước khi kéo gã tù binh nhỏ con vào đường hầm. “Tôi cần được giúp đỡ với gã kia”, anh nói, vừa gỡ cái mặt nạ ra. “Hắn nặng gấp đôi tôi đấy”.

Ba phút sau, ông Eagan đã đứng bên cạnh hai gã xâm nhập và thăm vấn chúng. Nhưng chúng chỉ trừng mắt nhìn ông ta với vẻ đe dọa mà chẳng hề hé răng. Pitt cúi xuống tháo cái nón trùm đầu của gã nhỏ con.

“Được, được, chào anh bạn lái mô tô của tôi. Cái gáy của anh bạn thế nào rồi?”

Gã giết mướn ngược đầu lên và trừng mắt nhìn Pitt, hai hàm răng nhe ra như một con chó dại, cặp mắt hắn không khác gì mắt người chết.

“Một con quỷ nhỏ nóng tính phải không?” Pitt nói. “Một kẻ cuồng tín đối với Đế Tứ Đế quốc, phải không? Anh bạn có thể mơ tưởng chuyện đó

trong lúc rảnh rỗi tại nhà lao nhé?”

Ông Cảnh sát trưởng cúi xuống nắm vai Pitt. “Tôi sẽ phải trả tự do cho họ thôi”.

Pitt ngược nhìn lên, đôi mắt màu xanh lục của anh lóe sáng, “Không có chuyện đó đâu”.

“Tôi không thể bắt giam họ trừ phi họ phạm một tội ác”, ông Eagan nói.

“Tôi sẽ cung cấp bằng chứng”, ông Marquez trả lời.

“Bằng chứng gì?”

“Tội xâm nhập trái phép, tội phá hoại tài sản tư nhân, và ông có thể buộc chúng vào tội ăn cắp”.

“Họ ăn cắp gì nào?” ông Eagan hỏi với vẻ bối rối.

“Hệ thống đèn trần của tôi”, ông Marquez nói và chỉ xuống những sợi dây điện trói những gã thợ lặn. “Chúng đã lấy cắp những thứ này trong khu mỏ của tôi”.

Pitt đặt một bàn tay lên vai ông Eagan. “Ông Cảnh sát trưởng, chúng ta đang nói chuyện với những tên có ý định giết người. Tôi nghĩ tốt nhất ông nên giam giữ chúng vài ngày, ít nhất cho tới khi việc đi điều tra sơ khởi có thể cung cấp lý lịch của chúng và có lẽ sẽ khám phá bằng chứng về ý đồ của chúng”.

“Cứ làm như vậy đi Jim”, ông Marquez nói, “ít nhất ông có thể giam giữ chúng trong thời gian thẩm vấn”.

“Tôi không biết mình sẽ khai thác được gì trong sự lựa chọn này”.

“Đồ ồng ý”, Giordino nói vừa vuốt mái tóc dợn sóng. “Chúng trông chẳng giống những người vui vẻ đi cắm trại chút nào”.

“Có cái gì đó đang diễn ra ở đây nhưng lại vượt khỏi quận San Miguel”. Pitt cởi bộ đồ lặn ra và bắt đầu mặc quần áo dạo phố. “Dung túng bọn này không tốt đâu”.

Ông Eagan có vẻ suy nghĩ. Thôi được, tôi sẽ gửi một báo cáo cho Cơ quan Điều tra bang Colorado...

Ông Cảnh sát trưởng ngừng nói khi mọi cái đầu đầu quay lại nhìn lên đường hầm. Một người đàn ông vừa gào lớn vừa chạy về phía họ như bị ma đuổi. Vài giây sau họ đã có thể nhận ra đó là một phụ tá của ông Eagan. Anh ta loạng choạng đứng lại và cúi xuống cho đến khi đầu anh ta nằm ngang với hông, thở hào hển, đuối sức sau khi chạy từ hầm rượu khách sạn tới đây.

“Chuyện gì thế, Charlie?” ông Eagan hỏi dồn.

“Nói đi!”

“Những cái xác...” Charlie há hốc miệng trả lời. “Những cái xác trong nhà xác!”

Ông Eagan chớp vai anh ta và nhẹ nhàng nâng anh ta lên. “Những cái xác làm sao?”

“Biến mất rồi”.

“Cậu nói gì?”

“Nhân viên đi điều tra những xác chết bảo những cái xác đã biến mất. Kẻ nào đó đã đánh cắp chúng từ nhà xác”.

Pitt im lặng nhìn ông Eagan một lúc rồi đi đến tận cùng nói. “Nếu tôi là ông, Cảnh sát trưởng, tôi sẽ gọi những bản sao của ông cho FBI và Bộ Tư pháp. Chuyện này còn rắc rối hơn chúng ta nghĩ nhiều”.

NHỮNG DẤU VẾT CỦA NGƯỜI CỔ ĐẠI

Ngày 27 Tháng Ba, 2001 Vịnh Okuma, Nam Cực

Thuyền trưởng Daniel Gillespie đứng trong đài chỉ huy bằng kính rộng lớn của chiếc tàu Polar Storm (Bão Địa Cực) và nhìn qua cái ống dòm đối về phía những khối băng bao quanh chiếc tàu phá băng có trọng tải tám ngàn tấn. Ông vừa quan sát khối băng vừa toan tính trong óc tìm một lối đi dễ dàng nhất để chiếc tàu Polar Storm đi tới. Khối băng đã sớm hình thành vào mùa thu trong biển Ross. Tại một vài nơi, nó đã dày tới hai bộ với những chóp nhọn cao tới ba bộ.

Chiếc tàu run rẩy dưới chân ông trong lúc cái mũi có sừng khổng lồ của nó nghiến nát lớp băng rồi trồi lên bên trên mặt tuyết trắng. Sau đó, trọng lượng nửa thân trước của chiếc tàu lại hạ xuống và những lưỡi cưa tròn bằng thép trước mũi tàu lại ngẫu nhiên cắt khối băng. Tiến trình đó cứ lặp đi lặp lại cho tới khi một vùng chừng vài dặm cách bờ được khai quang.

Polar Storm vừa là một tàu phá băng vừa là một tàu nghiên cứu. Theo những tài liệu hàng hải, nó là một chiếc tàu cũ được hạ thủy từ hai mươi năm trước, vào năm 1981. Nó cũng được xem là một trong những tàu phá băng nhỏ nhất vì chỉ trọng tải tám ngàn tấn, với chiều dài một trăm bốn mươi lăm bộ và rộng hai mươi bảy bộ. Những khả năng của nó gồm những công việc thuộc về hải dương học, về dự báo thời tiết khí tượng, về sinh vật học và nghiên cứu về băng tại địa cực, và nó có khả năng phá vỡ những khối băng dày ít nhất ba bộ.

Evie Tan, một nhà văn trẻ, đã lên tàu Polar Storm, khi nó dừng lại tại cảng Montevideo của Uruguay trên đường tới Nam Cực của nó, đang ngồi trong một cái ghế bành và viết vào một cuốn sổ ghi chép. Cô còn là một nhà văn về khoa học và kỹ thuật, đồng thời là một nhà nhiếp ảnh. Evie đã lên tàu để thực hiện một phóng sự cho một tạp chí khoa học quốc gia. Cô là một phụ nữ có thân hình nhỏ nhắn với mái tóc màu đen, dài và mịn như lụa, được sinh ra và lớn lên tại Philippines. Cô ngược nhìn Thuyền trưởng Gillespie và ngắm ông phá khối băng trước mặt, trước khi đặt câu hỏi với ông ta.

“Kế hoạch của ông là đổ bộ một toán các nhà khoa học lên mặt khối băng để họ nghiên cứu lớp băng trên biển phải không?”

Ông Gillespie hạ cái ống dòm xuống và gật đầu. “Đó là một công việc định kỳ. Ba lần trong một ngày Nam Cực. Các nhà băng học đi lên lớp băng để thu nhặt những vật mẫu, và sau khi khảo sát những vật mẫu đó trong phòng thí nghiệm đặt trên tàu, họ sẽ trình bày quan điểm của mình. Họ cũng báo cáo những tính chất vật lý của băng và nước biển khi chúng tôi đi từ vùng này đến vùng khác”.

“Họ có khám phá đi đâu gì đặc biệt không?”

“Joel Rogers, trưởng nhóm nghiên cứu, có thể giải thích đi đâu đó tốt hơn tôi. Cái đích đầu tiên của dự án là đánh giá sự tác động đáng sau dòng chảy có xu hướng làm ấm lên những khối băng quanh địa cực co lại”.

“Đó là hiện tượng băng càng ngày càng giảm đi phải không?”

“Trong mùa thu của Nam Cực, từ Tháng Ba đến Tháng Năm, đại dương chung quanh địa cực bắt đầu đông. Một khi khối băng từ đất liền trải rộng, sẽ tạo ra một vành đai lớn gấp hai lần châu Úc. Nhưng lúc này biển băng đang co lại, không còn dày và trải rộng như trước kia. Những mùa đông Nam Cực không còn lạnh như những năm 1950 và 60. Vì xu hướng ấm lên, sự liên kết chủ yếu giữa các vùng trong biển Nam Cực đang bị phá vỡ”.

“Bắt đầu là những loại tảo đơn bào sống tại mép dưới khối băng”, Evie nhận xét, cô tỏ ra nắm vững sự việc.

“Đúng chuyên môn của cô rồi đấy”, ông Gillespie mỉm cười. “Không còn tảo để ăn, các loài giáp xác nhỏ cũng không sống được, đến phiên những loài tép nhỏ trở thành thức ăn của nhiều loài động vật và cá trong những vùng nước tại nam bán cầu, từ loài chim cánh cụt cho tới cá voi và động vật vừa sống dưới nước vừa sống trên cạn”.

“Ông muốn nói tới loài hải cẩu?”

“Đúng thế”.

Evie nhìn lên Vịnh Okuma chia làm hai khu vực là dải đá ngầm Ross Ice và bán đảo Edward VII. “Dãy núi chạy dài về phía nam”, cô nói, “tên là gì nhỉ?”

“Rặng Rockefeller”, ông Gillespie trả lời. “Họ đã thả neo cạnh ngọn núi Frazier tại điểm cuối này và ngọn Nilson đằng kia”.

“Những ngọn núi này đẹp thật”, Evie nói trong lúc ngắm những đỉnh núi tuyết phủ lóng lánh dưới ánh mặt trời, “ông cho tôi mượn cặp ống dòm

của ông nhé?”

“Rất sẵn lòng”.

Evie đi đầu chinh tiêu cự cái ống dòm về phía những tòa nhà cao tầng rộng lớn nằm quanh một kiến trúc đồ sộ giống như một tòa tháp cách đó hai dặm về hướng nam trong Vịnh Okuma. Cô có thể phân biệt một phi trường nằm sau những tòa nhà, và một cầu tàu dẫn vào vịnh. Một chiếc tàu chở hàng lớn thả neo tại cầu tàu và một cầu trục đang dỡ hàng khỏi chiếc tàu. “Tại chân núi Frazier có một trạm nghiên cứu phải không?”

Ông Gillespie nhìn về phía hướng nhắm của chiếc ống dòm, “Không, đó là một khu khai mỏ do một liên hiệp xí nghiệp đặt trụ sở tại Argentina sở hữu và khai thác. Họ đang khai thác những khoáng sản quý khác từ dưới biển”.

Cô hạ cái ống dòm xuống và nhìn ông thuyền trưởng. “Tôi không nghĩ công việc này đạt hiệu quả kinh tế cao”.

Ông Gillespie lắc đầu, “Đầu này tôi đã được Bob Maris cho biết, ông ta là một nhà địa chất học tại địa phương, họ đã phát triển một tiến trình mới để tìm vàng và những khoáng sản quý khác từ dưới biển”.

“Tôi chưa nghe chuyện buồn cười như thế bao giờ”.

“Việc khai thác của họ hoàn toàn bí mật. Khi chúng tôi tới gần nơi đó, lập tức có một xuồng an ninh của họ lao ra và đuổi chúng tôi đi. Có dư luận đồn đoán rằng họ làm công việc đó qua một nghiên cứu khoa học mới gọi là kỹ thuật nano”.

“Tại sao lại hoạt động tại một nơi xa xôi như Nam Cực chứ? Tại sao không phải là một bờ biển hoặc một thành phố cảng để việc chuyên chở dễ dàng hơn?”

“Theo lời ông Maris, nước biển lạnh sẽ cô đặc muối nên muối lắng xuống sâu hơn. Quá trình khai thác trở nên hiệu quả hơn..”. Ông thuyền trưởng ngừng nói và theo dõi khối băng phía trước mũi tàu. “Tôi xin lỗi, thưa cô Tan, nhưng chúng tôi phải đối phó với một khối băng trôi lớn phía trước mặt”.

Tảng băng trôi nhô cao khỏi khối băng bằng phẳng như một tòa lâu đài lẻ loi được đắp một tấm vải trắng. Những vách của nó dựng đứng vươn cao hơn một trăm bộ so với mặt biển. Màu trắng lấp lánh dưới một mặt trời tinh khiết chói lọi và một bầu trời với màu xanh trong vắt. Tảng băng có vẻ thô thiển và làm giảm vẻ đẹp dành cho con người, các động vật hoặc thực vật có rễ. Chiếc tàu Polar Storm tiến lại gần tảng băng trôi bên mép

phía tây, và ông Gillespie ra lệnh cho viên hoa tiêu sử dụng hệ thống Kiểm soát tự động của chiếc tàu khi nó chạy gần chỗ nhô ra của khối băng. Viên hoa tiêu khéo léo vận hành bộ phận kiểm soát điện tử trên một bảng điểu khiển lớn và đưa chiếc tàu phá băng từ từ áp sát khối băng theo một góc bảy mươi lăm độ hướng vào phía cảng, theo dõi những âm thanh dội lại từ dưới nước do sự va chạm giữa chiếc tàu và những chỗ nhô ra của tảng băng. Thân tàu chắc khỏe của chiếc Polar Storm được thiết kế để chịu đựng những cú va chạm mạnh với những khối băng trôi cứng rắn, nhưng ông Gillespie thấy chẳng có lý do gì để gây ra sự cố, dù nhỏ nhất, làm hại đến lớp vỏ bằng thép của chiếc tàu phá băng.

Ông cho chiếc tàu men theo mép, từ lúc nó còn cách mép khối băng khoảng hai trăm năm mươi mét, một khoảng cách an toàn nhưng vẫn đủ gần để đoàn thủy thủ và các nhà khoa học trên boong có thể nhìn lên những vách của khối băng nhô cao như những tòa tháp. Đó là một quang cảnh lạ lùng và thật lộng lẫy. Những vách băng trông như những cọc hàng rào trượt qua khi chiếc tàu đi vòng khối băng khổng lồ và rẽ vào khe hở của nó.

Bất chợt, một chiếc tàu khác hiện ra trong tầm nhìn của họ từ phía sau khối băng. Ông Gillespie ngạc nhiên khi nhận ra chiếc tàu đang đến gần là một tuần thủy đỉnh. Chiếc tàu lặn này đã trồi lên qua khe nứt rộng trong khối băng và chạy ngang qua mũi tàu đồ sộ của chiếc tàu phá băng từ mạn trái tới mạn phải.

Viên hoa tiêu hành động trước khi lệnh của thuyền trưởng thoát ra khỏi đài chỉ huy. Anh ta nắm vững tình thế, phán đoán vận tốc chiếc tàu lặn, và tăng hết vận tốc của những động cơ diesel khổng lồ bên mạn trái tàu phá băng. Đó là một phản ứng khôn ngoan. Thay vì đổi chiều động cơ trong một nỗ lực vô ích nhằm giảm đà lao tới của chiếc tàu phá băng to lớn, anh ta vẫn để động cơ bên mạn trái đẩy con tàu tới với một nửa vận tốc. Với một động cơ đẩy chiếc tàu tới và một động cơ kéo nó lùi lại, chiếc tàu bắt đầu xoay nhanh hơn việc điểu khiển bằng bánh lái. Mọi người trong đài chỉ huy đứng im như bị thôi miên khi mũi tàu chậm chạp tạo ra một góc lệch từ thân tàu lặn tới đường rẽ nước sau đuôi nó.

Không có thời giờ để cảnh báo hoặc thông tin giữa hai chiếc tàu, ông Gillespie mở cái loa và quát qua ống nói để đoàn thủy thủ và các nhà khoa học chuẩn bị đối phó một sự va đụng. Không khí căng thẳng bao trùm trong đài chỉ huy.

“Nào, bé con”, viên hoa tiêu khích lệ, “xoay đi, xoay đi mà!”

Đôi mắt Evie chờ ra một lúc trước khi ý thức nghề nghiệp và công việc trong đầu cô bắt đầu hoạt động. Cô nhanh chóng lấy cái máy ảnh từ cái bao của nó, đi đầu chỉnh tiêu cự ống kính và khởi sự bấm ảnh. Qua ống kính lấy hình từ xa, cô không thấy bóng một thủy thủ nào trên boong chiếc tàu lặn, cũng không có sĩ quan nào đứng trong tháp quan sát. Cô dừng theo dõi để đi đầu chỉnh lại tiêu cự ống kính khi nhìn thấy mũi chiếc tàu lặn trượt dưới khối băng lúc nó bắt đầu lặn xuống.

Hai chiếc tàu đã rất gần nhau. Gillespie tin chắc mũi tàu phá băng sẽ đâm vào thân chiếc tàu lặn. Nhưng vì tốc độ quá nhanh của chiếc tàu lặn và phản ứng kịp thời của viên hoa tiêu đã tránh được thảm kịch xảy ra chỉ trong gang tấc.

Ông Gillespie chạy ra khỏi đài chỉ huy về phía mạn phải và nhìn xuống. Chiếc tàu lặn vừa chìm khỏi mặt nước trong lúc mũi chiếc tàu phá băng trượt qua trên thân sau của nó, bánh lái và chân vịt chiếc tàu phá băng chỉ cách chiếc tàu ngầm một khoảng bằng chiều dài chiếc bàn ăn. Ông Gillespie không thể tin hai chiếc tàu không đâm vào nhau. Chiếc tàu ngầm bí mật biến mất, chỉ để lại những gợn sóng trên mặt nước, như thể nó chưa bao giờ xuất hiện ở đó.

“Lạy Chúa tôi, sao chúng đến sát như thế nhỉ?” viên hoa tiêu thì thào và thở ra nhẹ nhõm đầy lòng biết ơn.

“Một chiếc tiềm thủy đình”, Evie nói với giọng mơ hồ lúc cô hạ thấp cái máy ảnh xuống. “Nó từ đâu đến? Nó thuộc bộ phận nào của hải quân?”

“Tôi không thấy dấu hiệu nhận diện nào cả”, viên hoa tiêu trả lời. “Trông nó hoàn toàn không giống bất kỳ tàu lặn nào tôi từng trông thấy”.

Sĩ quan thứ nhất của tàu phá băng, Jack Bushey chạy vào đài chỉ huy. “Chuyện gì đã xảy ra, thưa Thuyền trưởng?”

“Suýt đụng một tàu ngầm”.

“Một tàu ngầm nguyên tử trong vịnh Marguerite này? ông không đùa chứ?”

“Thuyền trưởng Gillespie không đùa đâu”, Evie nói. “Tôi đã chụp được ảnh để chứng tỏ điều đó”.

“Không phải một tàu ngầm nguyên tử”, ông Gillespie chậm rãi nói.

“Theo vẻ bên ngoài, nó là một tàu ngầm rất cũ”, viên hoa tiêu nói vừa nhìn chăm chăm hai bàn tay, lần đầu tiên nhận thấy chúng vẫn còn run.

“Cậu trông đài chỉ huy”, ông Gillespie ra lệnh cho Bushey. “Hãy giữ cho mũi tàu bên mạn phải cách đỉnh khối băng đó khoảng một dặm trên lộ

trình hướng đến nó. Chúng ta sẽ thả những nhà khoa học xuống nơi đó. Tôi về phòng của mình”.

Evie và Jack Bushey thấy rõ vẻ bối rối và xa cách hiện ra trên nét mặt ông thuyền trưởng. Họ nhìn theo lúc ông ta đi xuống cầu thang dẫn tới hành lang trên boong phía dưới. Ông Gillespie mở cửa cabin dành riêng cho ông và bước vào. Ông là một người được sinh ra cho biển cả và là một người say mê những câu chuyện về biển. Trên những kệ gắn tường trong phòng ông chất đầy sách và tài liệu về ngành hàng hải. Cặp mắt ông theo dõi những tựa sách và dừng lại tại một cuốn sách cũ nói về tàu biển.

Ông ngẩng xuống cái ghế bọc da dùng để đọc sách và lật những trang cuốn sách vừa lấy từ trên kệ xuống, dừng lại ở một bức ảnh nằm giữa cuốn sách. Bức ảnh cho thấy một chiếc thuyền thủy đình to lớn đang nổi trên mặt nước gần một bờ biển lởm chởm đá. Những dòng chữ dưới bức ảnh như sau:

Chỉ có tấm ảnh của chiếc tàu ngầm U-2015, một trong hai chiếc tàu được biết đã hoạt động trong thế chiến II. Đây là một chiếc tàu vận tốc nhanh, có thể lặn rất lâu dưới nước và đi quanh nửa vòng Trái Đất trước khi trôi lên để lấy nhiên liệu.

Những dòng chữ tiếp tục mô tả chiếc U-2015 được thấy xuất hiện lần chót ngoài khơi bờ biển Đan Mạch và biến mất tại một nơi nào đó ở Nam Cực, và được xem như mất tích.

Ông Gillespie không thể tin những gì mắt ông vừa đọc được. Có vẻ hết sức vô lý, nhưng ông biết đó là sự thực. Chiếc tàu ngầm lạ không một dấu hiệu nhận diện mà tàu Polar Storm suýt đâm phải trong vịnh là một tàu ngầm của Đức Quốc xã, từng hoạt động trong một cuộc chiến đã kết thúc từ năm mươi năm trước.

Sau một cú gọi đường dài mời họp với Đô đốc Sandecker, chỉ huy trưởng NUMA; và ông Francis Regsdale, giám đốc mới được chỉ định của FBI, họ đồng ý để Pitt, Giordino và Pat O’Connell bay tới Washington D.c. trả lời những chất vấn về một chuỗi sự cố khác thường đã xảy ra tại khu mỏ Paradise. Những nhân viên FBI được phái đến nhà Pat gần Đại học Pennsylvania bang Philadelphia để đưa con gái cô đến một nơi an toàn tại ngoại ô Washington, ở đây mẹ con họ sẽ nhanh chóng đoàn tụ. Nhân viên

FBI cũng bí mật đến Thị trấn Telluride, hối thúc ông Luiz và bà Lisa Marquez cùng hai con gái họ đến một nơi ở mới kín đáo tại Hawaii.

Được những phụ tá lịch thiệp và nhã nhặn của ông Cảnh sát trưởng Eagan hộ tống, nhóm ba người - Pitt, Giordino và Pat O'Connell — lên một máy bay phản lực của NUMA hướng về thủ đô. Lúc chiếc máy bay Cessna Citation Ultra V sơn màu ngọc lam nghiêng cánh trên những ngọn núi tuyết phủ của ngọn San Juan và bay thẳng về hướng đông bắc, Pat ngồi thư giãn trong cái ghế bọc da, hai bàn tay cô nắm bàn tay Pitt.

“Ông chắc chắn con gái tôi an toàn chứ?”

Anh mỉm cười, nhẹ nhàng siết bàn tay cô. “Cháu bé đang được nhân viên FBI bảo vệ. Chỉ vài giờ nữa, cô sẽ được ôm hôn cháu trong vòng tay mà”.

“Tôi không thể hình dung chúng tôi sẽ sống như những con thú bị săn đuổi trong phần đời còn lại của mình”.

“Không có chuyện đó đâu”, Pitt trấn an cô. “Một khi cái vỏ bọc điên rồ của Đế quốc Thứ Tư bị đập vỡ, và bọn chúng bị bắt giữ và kết án, tất cả chúng ta đều có thể sống lại cuộc sống bình thường như cũ”.

Pat ngược nhìn Giordino đã ngủ ngon lành trước khi những bánh xe của máy bay rời khỏi đường băng. “Ông ấy không bỏ phí chút thì giờ nào, phải không?”

“Ai có thể ngủ bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào. Hẳn không khác gì một con mèo”. Anh đưa bàn tay cô lên môi và hôn nhẹ mấy ngón tay. “Cô cũng nên ngủ một lúc. Nếu không, cô không thể chịu đựng lâu đâu”.

Đây là lần đầu tiên Pitt tỏ ra quan tâm chăm sóc cô từ lúc họ gặp nhau, và cô cảm nhận được sự ấm áp đang lan tỏa trong cô. “Đầu óc tôi quá bận rộn nên cũng quên đi sự mệt nhọc”, cô lấy cuốn sổ ghi chép từ túi xách. “Tôi sẽ lợi dụng chuyến bay để bắt đầu phân tích sơ bộ những chữ khắc đó”

“Phi hành đoàn có một máy điện toán trong cabin phía sau, cô xem thử nó có giúp ích gì không?”

“Nó có bộ phận quét để chuyển những ghi chép của tôi lên đĩa không?”

“Tôi nghĩ là có đấy”.

Về mệt nhọc dường như biến mất trên gương mặt Pat. “Nếu vậy thì quá tốt. Đáng tiếc là mấy cuộn phim của tôi đã hỏng sau khi bị ngâm trong nước”.

Pitt thọc tay vào túi quần và rút ra một cái bọc plastic và ném nó vào lòng cô. “Một bộ ảnh về toàn bộ căn hầm đây”.

Cô thực sự ngạc nhiên khi mở cái bọc ra và nhìn thấy sáu cuộn phim. “Ông có những thứ này từ nơi quỷ quái nào thế?”

“Cô hãy dành lời khen cho bọn Đệ Tứ đế quốc”, anh thản nhiên trả lời. “Al và tôi đến căn hầm đúng lúc hai gã đó hoàn tất việc chụp ảnh những chữ khắc và ký hiệu trên trần hầm, và thế là chúng tôi có những thứ này do phòng thí nghiệm của NUMA cung cấp sau khi họ tráng phim”.

“Ồ, cảm ơn ông”, Pat nói với giọng khích động và hôn lên một bên má lỏm chồm râu của anh. “Những ghi chép của tôi chỉ gần giống những chữ khắc thôi”. Bất chợt Pitt bỗng trở thành một khách đi đường xa lạ với cô trên một đường phố đông đảo. Pat quay mặt khỏi Pitt và vội vã đi về phía cabin đặt máy tính ở đuôi máy bay.

Pitt gượng đứng lên và đi vào lối đi nhỏ dọc thân máy bay, mở một tủ lạnh và lấy ra một bình nước uống nhẹ. *Đáng buồn thật*, anh nghĩ, *Đô đốc Sandecker không bao giờ cho phép chứa rượu mạnh trên tàu hoặc trên máy bay của NUMA*.

Anh đứng lại và nhìn xuống cái thùng gỗ được buộc chặt bằng đai da trên một cái ghế bỏ trống. Cái hộp sọ màu đen bằng nham thạch không hề rời khỏi tầm nhìn của anh từ lúc anh mang nó ra khỏi căn hầm. Anh chỉ có thể tưởng tượng hai hốc mắt trống rỗng đang trợn trừng nhìn anh qua lớp gỗ của cái thùng. Anh ngó xuống một cái ghế cạnh lối đi nhỏ và kéo cần ăngten của cái điện thoại vệ tinh địa cầu rồi bấm một con số. Cú gọi của anh được nối với bảy mươi vệ tinh đang bay trọng quỹ đạo sẽ chuyển nó tới một vệ tinh khác, ở đây nó được nối với mạng lưới điện thoại công cộng.

Pitt nhìn ra những đám mây đang trôi qua, chờ đợi đầu dây bên kia, ít khi trả lời sau bảy hoặc tám hồi chuông. Sau cùng vào hồi chuông thứ mười, một giọng nói trầm và ấm vọng qua bộ phận thông tin. “Tôi nghe”.

“Chào, St. Julien”.

“Dirk!” St. Julien Perlmutter hét như bom nổ khi ông ta nhận ra giọng nói của ai. “Nếu biết cậu gọi, tôi đã trả lời sớm rồi”.

“Ngược lại bản chất của ông à? Tôi không tin”.

Pitt có thể dễ dàng hình dung ra ông Perlmutter với cái ‘thân hình nặng bốn trăm cân Anh’ của ông ta trong bộ pyjama bằng lụa bị chôn vùi trong một núi sách về hàng hải trong cái nhà xe mà ông ta gọi là tổ ấm.

Ham kể chuyện những giai thoại tham ăn, một không gian thông thái và có uy tín về những vấn đề hàng hải với một thư viện tập trung những cuốn sách, thư viết tay, tài liệu và kế hoạch quý hiếm nhất thế giới về hầu hết những chiếc tàu đã có mặt trên biển, ông ta đúng là một cuốn bách khoa từ điển lưu động về con người và biển cả.

“Cậu đang ở đâu vậy, con trai?”

“Ba mươi lăm ngàn bộ bên trên dãy núi Rocky Mountains”.

“Cậu không thể chờ đến Washington để gọi tôi sao?”

“Tôi muốn biết một dự án nghiên cứu ngay lập tức”.

“Tôi giúp được gì nào?”

Pitt vẫn tất giải thích về căn phòng bí ẩn, những chữ khắc trên các vách đá. Ông Perlmutter lắng nghe với vẻ suy nghĩ, không ngắt lời để hỏi. Lúc Pitt dừng lại, ông mới lên tiếng. “Cậu có ý nghĩ đặc biệt nào trong đầu thế?”

“Tôi biết ông có đủ những hồ sơ về những tiếp xúc với châu Mỹ xảy ra trước khi Columbus tìm ra lục địa này”.

“Tôi có toàn bộ dữ liệu về chuyện đó. Những tài liệu và lý thuyết về tất cả những người đi biển đã từng ghé qua Bắc, Trung và Nam Mỹ trước Columbus nhiều”.

“Ông còn nhớ giai thoại nào về những người đi biển đã xâm nhập sâu vào những lục địa khác và xây dựng những căn hạm dưới lòng đất không? Xây dựng chúng với mục đích duy nhất là lưu lại những thông điệp cho những người đến sau? Những sự kiện như thế có bao giờ được ghi chép trong lịch sử không?”

“Tôi không thể nhớ ngay được. Có một số tường thuật về những trao đổi buôn bán giữa những dân tộc ở châu Mỹ và những người đi biển đến từ châu Âu và Phi châu. Người ta cho rằng việc bán đồng và thiếc đã xảy ra từ năm ngàn năm trước”.

“Ở đâu?” Pitt hỏi.

“Minnesota, Michigan và Wisconsin”.

“Thật chứ?”

“Tôi tin như thế”, ông Perlmutter nói tiếp. “Có một bằng chứng về việc khai mỏ chỉ từ thời cổ đại tại bang Kentucky, khai thác khoáng sản tại Pennsylvania và mica tại Bắc Carolina. Những khu mỏ đã được khai thác từ nhiều thế kỷ trước công nguyên. Sau đó, nhiều thợ mỏ đã biến mất một cách bí ẩn trong một thời gian rất ngắn, bỏ lại những dụng cụ và nhiều thứ

khác chứng tỏ sự có mặt của họ ngay tại nơi họ mất tích, không kể đến những điêu khắc bằng đá, những bệ thờ và những ngôi mộ đá. Mộ đá là những tấm đá lớn nằm ngang xuất hiện thời tiền sử, được chống đỡ bằng hai hoặc nhiều trụ đá thẳng đứng”.

“Những thứ đó không do thổ dân Da đỏ Indian tạo ra sao?”

“Người Indian ở châu Mỹ ít khi sản xuất những đồ vật điêu khắc bằng đá và họ ít xây dựng; nếu có, cũng chỉ là những công trình kỷ niệm không phải bằng đá. Những kỹ sư mỏ, sau khi nghiên cứu những cổ vật được đào bới, đã phỏng đoán có trên bảy trăm triệu cân Anh loại đồng đỏ được khai thác và chở đi nơi khác. Chẳng ai tin người Indian có khả năng đó, vì đồng đỏ do những nhà khảo cổ phát hiện chỉ với một lượng nhỏ chừng vài trăm cân Anh dưới dạng những xâu chuỗi và đồ trang sức lờ lợ. Người Indian cận đại còn làm rất ít những vật dụng bằng kim loại”.

“Nhưng không có chỉ dẫn nào về những căn hầm dưới đất với những chữ khắc bí ẩn sao?”

Ông Perlmutter im lặng một lúc. “Tôi không biết gì về chuyện này. Những thợ mỏ thời tiền sử đã lưu lại rất ít dấu hiệu về đồ gốm hoặc những thông tin bao quát về chữ khắc. Chỉ có vài loại chữ tốc ký và chữ tượng hình, và phần lớn không thể đọc được. Chúng ta chỉ có thể suy đoán chúng thuộc dân tộc nào: Ai Cập, Phénicie ở Tiểu Á, Na Uy hoặc thậm chí một dân tộc nào đó sớm hơn nữa. Có bằng chứng tại miền tây nam những khu mỏ của người Celt ở Tây Âu và tại bang Arizona cho thấy những cổ vật của dân La Mã được phát hiện bên ngoài thành phố Tucson vào cuối thế kỷ trước. Vậy ai có thể tuyên bố đi đâu gì chứ. Hầu hết các nhà khảo cổ học đều không muốn tuyên bố một cách khập khiễng, càng không muốn thần thánh hóa những tiếp xúc xảy ra trước Columbus. Đơn giản chỉ vì họ không muốn phổ biến những chuyện đó”.

“Đó chỉ là sự mở rộng của một ảnh hưởng về văn hóa từ một dân tộc này đến một dân tộc khác qua sự tiếp xúc thôi mà”.

“Chính xác”.

“Nhưng tại sao?” Pitt hỏi, “Khi có nhiều chứng cứ như thế?”

“Các nhà khảo cổ là những kẻ cứng đầu”, ông Perlmutter trả lời. “Tất cả những chứng cứ đều xuất hiện từ Missouri. Người ta phải làm sáng tỏ chúng. Nhưng vì những nền văn hóa xa xưa của châu Mỹ không biết đến tác dụng của bánh xe mà chỉ dùng để làm đồ chơi, cũng không biết khai

thác cái mâm xoay trong nghề làm đồ gốm, họ không chấp nhận việc truyền bá văn hóa”.

“Có thể vì một số lý do. Cho đến khi Cortez và những người Tây Ban Nha đến, tại châu Mỹ không có ngựa và bò. Thậm chí tôi còn biết lúc đó họ cho rằng phải mất sáu trăm năm để đi từ Trung Hoa đến châu Âu”.

“Tôi có thể nói gì nào?” ông Perlmutter thở dài. “Tôi chỉ là một gã say mê những câu chuyện hàng hải nhưng lại không thích viết những luận thuyết về những vấn đề tôi không biết rõ”.

“Nhưng ông sẽ tìm trong thư viện của mình bất kỳ mô tả nào về những căn hầm dưới lòng đất với những chữ viết không thể giải mã tại những nơi xa xôi trên Trái Đất từ nhiều ngàn năm trước chứ?”

“Tôi sẽ cố hết sức”.

“Cám ơn ông, ông bạn già. Tôi không thể đòi hỏi hơn”. Pitt đặt hết lòng tin vào người bạn cũ của gia đình đã từng đặt Pitt vào lòng khi anh còn là một cậu bé con và kể cho anh nghe những câu chuyện về biển.

“Còn có đi đâu gì đó mà cậu không nói cho tôi biết về căn phòng phải không?” ông Perlmutter hỏi.

“Chỉ là một cỗ vật điêu khắc”.

“Loại cỗ vật gì thế?”

“Một cái hộp sọ bằng nham thạch màu đen, kích cỡ như thật”.

Ông Perlmutter im lặng một lúc. Sau cùng, ông nói, “Cậu có hiểu ý nghĩa của nó không?”

“Không có gì rõ rệt”, Pitt trả lời. “Tất cả những gì tôi có thể cho ông biết là nó không được tạo hình bằng những dụng cụ hiện đại. Những người cổ đại đã chạm trổ và đánh bóng một vật như thế với nham thạch đòi hỏi phải mất hàng chục thế hệ mới thực hiện nổi”.

“Câu nói đúng. Nham thạch là một loại thủy tinh lỏng - hay dung nham - từ núi lửa phun ra và nhanh chóng đông đặc. Trải qua nhiều ngàn năm, người ta dùng nó để làm đầu mũi tên, những con dao và những ngọn giáo. Nham thạch rất giòn. Muốn tạo ra một vật như thế quả là một kỳ công, đòi hỏi cả trăm năm mài dũa cẩn thận để không làm vỡ hoặc làm nứt nó”.

Pitt liếc nhìn cái thùng gỗ buộc trên cái ghế. “Đáng tiếc là ông không có mặt ở đây để xem nó, St. Julien”.

“Không cần đâu. Tôi biết nó trông giống cái gì rồi”.

Pitt hiểu. Ông Perlmutter nổi tiếng về chuyện đùa dai với các nạn nhân của mình khi ông ta chuẩn bị biểu diễn khả năng hiểu biết. Pitt không còn cách chọn lựa nào khác hơn là tự chui vào bẫy của ông già. “Ông phải tận mắt nhìn thấy mới biết nó đẹp như thế nào”.

“Có phải tôi đã quên không bảo cậu, cậu bé thân mến”, ông Perlmutter nói, từng tiếng rõ ràng như giễu cợt, “là tôi biết nơi khác cũng có một cái hộp sọ giống như thế?”

Chiếc Cessna Ultra V chạm đường băng phía đông của Căn cứ Không quân Andrews và tiếp tục chạy về phía những nhà chứa máy bay do không quân cho những cơ quan khác của chính phủ thuê. Những tòa cao ốc lo việc vận tải của đội hàng không NUMA nằm về phía đông bắc của căn cứ. Một chiếc xe van của NUMA với hai nhân viên an ninh đang chờ để đưa Giordino đến thành phố Alexandria và đưa Pat về chỗ ở mới và an toàn, nơi con gái cô đang đợi cô.

Pitt thận trọng mang cái thùng gỗ chứa cái hộp sọ nham thạch ra khỏi máy bay và đặt nó lên mặt đường băng. Anh không đi cùng Pat và Giordino mà ở lại phía sau.

“Ông không đi với chúng tôi à?”

“Không, một người bạn sẽ đón tôi tại đây”.

Cô nhìn anh với ánh mắt sâu lắng. “Bạn gái?”

Pitt bật cười. “Cô có tin đó là bố già của tôi không?”

“Không, tôi không nghĩ là tôi tin”, giọng cô châm chọc. “Bao giờ tôi gặp lại ông?”

Anh hôn nhẹ lên trán cô. “Sẽ sớm hơn cô tưởng”.

Rồi anh đóng cửa máy bay và nhìn theo chiếc xe tải nhỏ chạy về phía cổng chính căn cứ. Anh thư giãn và ngẩng trên mặt đường băng, dựa lưng vào một bánh xe của bộ phận đáp của máy bay. Không khí mùa xuân tại Washington thật dễ chịu và tinh khiết với nhiệt độ không vượt quá mười sáu độ C. Anh đợi chừng mười phút thì một chiếc xe thật đẹp sơn màu xanh lục bạc với động cơ thật êm chạy vào và dừng lại bên cạnh chiếc máy bay.

Bộ khung của chiếc Rolls Royce đời Sylver Dawn xuất xưởng từ nhà máy Hooper & Công ty năm 1955 được thiết kế rất thấp, gần mặt đất, từ

mũi đến đuôi xe. Với động cơ sáu xilanh 263 inch khối có thể đẩy chiếc xe lên tới vận tốc tối đa tám mươi bảy dặm mỗi giờ, nhưng với tốc độ đó, người ta cũng chỉ nghe tiếng bánh xe cọ xát mặt đường.

Hugo Mulholland, tài xế của ông St. Julien Perlmutter, bước xuống xe và chìa bàn tay ra. “Rất vui được gặp lại ông, thưa ông Pitt”.

Pitt toét miệng cười và bắt tay người tài xế. Ông ta chẳng hề tỏ ra lịch sự, nhưng Pitt không quan tâm. Anh biết Hugo đã trên hai mươi năm. Người tài xế vừa là phụ tá đắc lực của ông St. Julien thực sự là một người nhiệt tình và tận tụy, dù ông ta có một gương mặt khó đăm đăm, ít khi mỉm cười hoặc bày tỏ những dấu hiệu tương tác với người khác. Ông ta đón cái túi căng phồng của Pitt và đặt nó vào cốp sau xe rồi bước lùi lại trong lúc Pitt đặt cái thùng gỗ bên cạnh cái túi. Rồi ông Mulholland mở cửa xe và đứng sang một bên.

Pitt chui vào xe và ngẩng vào băng sau. Hai phần ba cái băng đã bị thân hình đồ sộ của ông Perlmutter choáng hết. “Chào st. Julien, trông ông giống cái hộp đàn violông gớm”.

“Giống cái hộp đàn violông bass hơn chứ”, ông Perlmutter ôm đầu Pitt giữa hai lòng bàn tay và hôn lên hai má anh. Người đàn ông khổng lồ đội một cái nón Panama trên cái đầu bạc trắng- Gương mặt đỏ au với cái mũi giống như một đóa hoa tuy-lúp nằm dưới cặp mắt màu xanh da trời. “Lâu quá nhỉ. Kể từ khi cô gái Á châu bé bỏng của Tổ chức Nhập cư và Nhập Quốc tịch dùng bữa tối với chúng ta trong căn hộ là cái nhà chứa máy bay của cậu”.

“Cô bé Julia Marie Lee. Khoảng thời gian này năm ngoái”.

“Cô ấy ra sao rồi?”

“Lần cuối cùng tôi nghe nói Julia đã sang làm việc tại Hồng Kông”.

“Cô ấy không bao giờ ở đâu lâu, phải không?” Ông già có vẻ ngậm ngùi.

“Có lẽ cô ấy đến đó để sống gần mẹ”.

“Có thể”.

Pitt đổi đề tài. “Tôi đánh hơi thấy mùi thức ăn?”

“Cậu ăn lần cuối lúc nào?”

“Tôi chỉ điểm tâm với cà phê và uống thức uống nhẹ thay cho bữa trưa”.

Ông Perlmutter kéo một cái giỏ, loại dùng để đi picnic từ sàn xe và đặt nó lên cặp đùi xích sù của mình, rồi ông lấy một cái khay từ lưng băng

ghê trước. “Tôi đã chuẩn bị một bữa ăn nhỏ cho cậu trên đường đi tới Fredericksburg”.

“Đó là nơi chúng ta sẽ đến phải không?” Pitt hỏi vừa háo hức nhìn những thức ăn ngon lành trong cái giỏ.

Ông Perlmutter chỉ gật đầu trong lúc mở chai sâm banh Yellow Label Veuve Clicquot Ponsardin Brut. “Thích chứ?”

“Thứ tôi rất mê đấy”, Pitt gật gù.

Sau khi Mulholland được vẫy tay cho qua cổng chính, ông ta quẹo trái lên xa lộ Capital Beltway rồi lái về phía đông qua sông Potomac cho đến khi tới Springfield, tại đây ông ta rẽ về hướng nam.

Trong khoang sau xe, ông Perlmutter đặt một bộ đồ ăn bằng bạc và bằng sứ lên cái khay và bắt đầu đặt những đĩa thức ăn lên, khởi đầu với món nấm xào lá lách, rồi món tôm nướng vỉ với nhiều bơ và phó mát, kết thúc với rượu vang đỏ ngậm táo.

“Một bữa tiệc thực sự, ông St. Julien ạ. Ít khi tôi được ăn một bữa sang trọng như thế này”.

“Tôi ăn dài dài”, ông Perlmutter nói vừa vỗ cái bụng bự của mình. “Và đó là điểm khác nhau giữa cậu và tôi”.

Bữa ăn đã chiến kết thúc với một bình thủy nhỏ cà phê pha bằng khí nén. “Không có cô nhắc à?” Pitt hỏi với giọng khỗi hài.

“Giờ này là quá sớm đối với một người ở cái tuổi sáu mươi để dùng rượu mạnh. Uống vào lúc xế chiều thích hơn”.

“Cái hộp sọ thứ nhì ông nói đang nằm ở đâu?”

“Fredericksburg”.

“Thì ông đã nói rồi mà”.

“Nó thuộc về một quý bà đã có tuổi rất dễ thương tên là Christine Mender-Husted. Bà cô của người phụ nữ này tìm thấy cái hộp sọ lúc bà theo chồng trong một chuyến săn cá voi, và tàu của họ bị kẹt giữa vùng băng giá trong suốt mùa đông tại Nam Cực. Một câu chuyện thật ly kỳ. Theo những gì gia đình thuật lại thì bà Rosanna Mender bị lạc trên khối băng trong một cơn bão tuyết. Đến lúc chồng bà, thuyền trưởng Bradíbrd Mender, chủ nhân chiếc tàu săn cá voi Paloverdc và nhóm thủy thủ của ông cứu được bà, thì họ nhìn thấy một chiếc tàu vô chủ chạy buồm của Công ty Hàng hải Anh-Đông An. Vì tò mò, họ lên chiếc tàu và lục soát nó, phát hiện toàn bộ thủy thủ đoàn và hành khách đã chết. Trong một hòm chứa, họ tìm thấy một cái sọ người bằng nham thạch màu đen và những vật lạ lùng

khác mà họ phải bỏ lại vì khối băng bắt đầu vỡ buộc họ phải gấp rút trở về tàu của mình”.

“Họ mang theo cái hộp sọ chứ?”

Ông Perlmutter gật đầu. “Đúng thế, chính bà Rosanna đã mang nó khỏi chiếc tàu vô chủ. Nó trở thành một vật gia truyền từ đó”.

Pitt lười biếng nhìn qua cửa sổ chiếc Rolls Royce về phía cánh đồng xanh mướt chạy dài của bang Virginia. “Thậm chí nếu cả hai cái hộp sọ giống hệt nhau, cũng chẳng có dấu hiệu nào cho chúng ta biết ai đã tạo ra chúng, và tại sao?”

“So sánh hai hộp sọ không phải là lý do tôi hẹn gặp quý bà Mender-Husted”.

“Vậy mục đích của ông là gì?”

“Suốt mười năm qua, tôi đã cố nài mua những ghi chép liên quan đến những ngày đi săn cá voi của Thuyền trưởng Mender. Kể cả những cuốn sổ ghi chép của chiếc tàu ông ta phục vụ. Nhưng vật quan trọng nhất trong bộ sưu tập của gia đình Mender, thứ mà tôi đã nài nỉ đến mỗi cả rằng, là cuốn nhật ký của chiếc tàu vô chủ được tìm thấy trong khối băng”.

“Gia đình Mender cũng sở hữu vật đó?”

Ông Perlmutter cười như một con cáo. “Tôi hy vọng khi bà Mender-Husted nhìn thấy cái sọ của chúng ta, bà có thể thông cảm và chịu bán cho tôi cái sọ của bà cùng bộ sưu tập gia đình đã lưu giữ”.

“Ông thấy xấu hổ khi soi gương à?”

“Có chứ”, ông Perlmutter bật cười ranh mãnh. “Nhưng chuyện đó sẽ chóng qua thôi”.

“Có chỉ dẫn nào trong cuốn sổ nhật ký của chiếc tàu vô chủ, nơi đã tìm thấy cái hộp sọ không?”

Ông Perlmutter lắc đầu. “Tôi chưa được đọc cuốn nhật ký đó. Ông Mender-Husted khóa kỹ nó”.

Nhiều giây trôi qua, Pitt chìm đắm trong suy nghĩ. Anh không thể không tự hỏi có bao nhiêu hộp sọ được cất giấu trên khắp hành tinh này.

Một giờ rưỡi sau, chiếc Rolls Royce tới Fredericks-burg. Mulholland lái chiếc xe sang trọng lên một lối đi cong dẫn tới một ngôi nhà lộng lẫy xây theo kiểu thuộc địa trên khu đồi cao của thành phố nhìn xuống dòng sông Rappahannock và thung lũng chết chóc, nơi mười hai ngàn năm trăm người lính của các bang liên hiệp đã ngã xuống chỉ trong một ngày trong

cuộc Nội Chiến. Tòa nhà được xây từ năm 1848, là một hình ảnh nhắc nhở thời quá khứ.

“Nào, chúng ta đến rồi”, ông Perlmutter nói trong lúc Mulholland mở cửa xe.

Pitt đi vòng ra sau xe, giở cái nắp capô lên và lấy cái thùng gỗ đựng cái hộp sọ. “Câu chuyện sẽ hấp dẫn đây”, anh nói trong lúc họ lên bậc cấp và kéo sợi dây chuông gọi cửa.

Bà Christine Mender-Husted có thể đã đạt tới cái tuổi của một bà nội của bất kỳ một chàng trai nào. Nhưng bà vẫn còn nhanh nhẹn khi bước ra đón tiếp lúc họ đến. Mái tóc bạc trắng, một nụ cười thân thiện hiếu khách, gương mặt với những đường nét thánh thiện. Những cử chỉ cũng nhanh nhẹn như đôi mắt màu nâu sáng lấp lánh của bà. Bà chào ông Perlmutter với cái bắt tay nồng nhiệt và gật đầu khi ông này giới thiệu Pitt.

“Xin mời vào”, giọng bà thật ngọt ngào. “Tôi đang đợi các vị. Hai vị dùng trà chứ?”

Hai người đàn ông đồng ý và được đưa tới một phòng đọc sách trệt rất cao, và ngồi xuống hai cái ghế bọc da. Sau đó, một cô gái — được giới thiệu là con gái của một người láng giềng có nhiệm vụ giúp những việc vặt trong nhà — mang trà ra. Bà Christine quay sang ông Perlmutter.

“Nào, St Julien, như tôi đã nói với ông qua điện thoại, tôi vẫn không sẵn sàng bán những kho báu của gia đình đâu”.

“Tôi vẫn cho phép sự hy vọng không bao giờ được rời khỏi tâm trí”, ông Perlmutter nói, “nhưng tôi đưa Dirk tới đây vì một lý do khác”. Ông quay sang Pitt. “Câu vui lòng để phu nhân Mender-Husted xem qua món đồ vật trong cái hộp gỗ chứ?”

“Hãy gọi tôi là Christine”, bà nói. “Họ thời con gái và họ lúc đã kết hôn của tôi gộp lại nghe dài dòng quá”.

“Gia đình vẫn thường xuyên sống tại Virginia chứ ạ?” Pitt hỏi, tạo không khí trò chuyện lúc anh mở cái chốt của cái thùng gỗ chứa hộp sọ lấy từ khu mộ Pandora.

“Dòng họ chúng tôi có sáu thế hệ sống tại California, nhiều người bây giờ vẫn còn sống trong vùng San Francisco. Riêng tôi, vì đã kết hôn với một ông đến từ Virginia và đã phục vụ dưới ba đời Tổng thống với vai trò cố vấn đặc biệt”.

Pitt chột im lặng, đôi mắt anh chạm phải một cái hộp sọ màu đen bằng nham thạch đặt trên mặt lò sưởi đang cháy chập chờn. Rồi, thật chậm

rãi, như bị thôi miên, anh mở nắp cái thùng gỗ. Sau đó anh lấy cái hộp sọ ra, bước lại gần lò sưởi và đặt nó bên cạnh bản sao của nó trên mặt lò sưởi.

“Ô kìa!” bà Christine thở hốt hển. “Tôi chưa bao giờ nghĩ lại có một cái khác nữa”.

“Tôi cũng thế”, Pitt nói, vừa ngắm nghía hai cái hộp sọ màu đen. “Tôi có thể nói, khi quan sát bằng mắt thường, người ta không thể nào thấy chỗ khác nhau của chúng. Chúng giống nhau cả về hình dáng lẫn chất liệu cấu tạo. Thậm chí kích thước cũng y hệt nhau. Như thể chúng từ một khuôn đúc mà ra”.

“Xin cho tôi biết, thưa bà Christine”, ông Perlmutter nói với tách trà trong lòng bàn tay, “câu chuyện lạ lùng mà bà cố của bà đã truyền lại về cái sọ này”.

Bà nhìn ông Perlmutter như thể ông ta vừa đặt một câu hỏi ngớ ngẩn. “Ông cũng biết như tôi, là nó được tìm thấy trên một chiếc tàu có tên là Madras, bị mắc kẹt trong băng tại Nam Cực. Chiếc tàu đi từ Bombay của Ấn Độ đến Liverpool, Anh quốc, với ba mươi bảy hành khách, một thủy thủ đoàn bốn mươi người và nhiều hàng hóa khác gồm trà, tơ lụa, hương liệu và đồ sứ. Bà cố tôi tìm thấy cái sọ người trong một hòm chứa chất đầy những cổ vật khác”.

“Đầu tiên tôi muốn nói là người ta có tìm thấy chỉ dẫn nào cho biết vì sao những cổ vật lại có mặt trên tàu Madras hay không”.

“Theo những gì tôi biết thì cái hộp sọ và những vật dị thường khác không được đưa lên tàu tại Bombay. Chúng được thủy thủ đoàn và hành khách phát hiện khi chiếc tàu này dừng lại để lấy nước tại một đảo hoang trong chuyến hành trình - Các chi tiết đầu được ghi trong cuốn nhật ký”.

Pitt ngáp ngừng. Anh sợ phải nghe đi đầu tể nhất, và lặp lại, “Bà nói cuốn nhật ký có ghi đi đầu đó?”

“Thuyền trưởng Mender không giữ nó. Ước muốn duy nhất của thuyền trưởng tàu Madras là trao trả nó cho những chủ nhân chiếc tàu. Bà cố tôi đã gửi nó đến Liverpool bằng đường bưu điện”.

Pitt có cảm giác như anh chạy đâm bổ vào một bức tường gạch trong một con đường hẹp. “Bà biết những chủ nhân chiếc tàu Madras đã gửi một đoàn thám hiểm đi tìm chiếc tàu vô chủ và theo dấu cuộc hành trình của nó đến nơi xuất hiện những cổ vật đó?”

“Những chủ nhân nguyên thủy của chiếc tàu - như tổ tiên tôi biết sau đó - đã bán Công ty thương mại trước khi Thuyền trưởng Mender gửi cuốn nhật ký cho họ”, bà Christine giải thích. “Những người chủ mới của công ty đã gửi hai đoàn thám hiểm trên hai chiếc tàu khác nhau đi tìm chiếc tàu Madras, nhưng cả hai chiếc tàu đó đều mất tích cùng với những thủy thủ đoàn”.

“Vậy những ghi chép đầu thất lạc?” Pitt hỏi, vẻ thất vọng.

Đôi mắt bà Christine sáng lên. “Tôi không nói như thế”.

Anh nhìn người phụ nữ luông tuôi, cố đọc một điếu gì đó trong mắt bà. “Nhưng...”.

“Bà cố tôi là một phụ nữ rất tinh tế”, bà ngắt lời Pitt. “Bà cụ đã chép lại một bản sao cuốn nhật ký của tàu Madras trước khi chôn bà gửi nó sang Anh quốc”.

Với Pitt, tiết lộ này chẳng khác gì mặt trời vừa ló ra khỏi những đám mây đen. “Bà vui lòng cho phép tôi được đọc nó chứ?”

Bà Christine không trả lời ngay. Bà bước lại một bàn giấy cũ dành cho các thuyền trưởng và ngược nhìn một bức tranh, khung bằng gỗ sồi, trên tường trước mặt cái bàn giấy. Bức tranh vẽ một người đàn ông ngồi trong một cái ghế bành, hai cánh tay và hai cẳng chân vắt chéo nhau. Và dù khuôn mặt bị một bộ râu rậm che gần hết, vẫn cho thấy đó là một người đàn ông đẹp trai. Ông ta có một thân hình to lớn, thân thể và đôi vai choáng đầy cái ghế. Người phụ nữ đứng sau lưng, với một bàn tay đặt lên vai ông ta, có thân hình nhỏ bé và đôi mắt màu nâu rất sáng. Cả hai mặc những trang phục của thế kỷ XIX.

“Thuyền trưởng Bradford và bà Rosanna Mender”, bà Christine nói với giọng nuối tiếc, như thể bà đang lạc vào quá khứ mà bà chưa được sống bao giờ. Rồi bà quay nhìn ông Perlmutter. “St. Julien, tôi nghĩ đã tới lúc rồi. Tôi đã cất giữ cho riêng mình những giấy tờ và thư từ của họ quá lâu. Tốt nhất là những thứ đó cần được người khác đọc để biết tới lịch sử họ đã sống. Bộ sưu tập này thuộc về ông với cái giá ông đã đềnghị”.

Ông Perlmutter bước khỏi cái ghế, nhẹ nhàng như thể ông ta có thân hình của một lực sĩ đi ền kinh, và ông ôm chặt bà Christine. “Xin cảm ơn bà, phu nhân thân mến. Tôi hứa tất cả những thứ này sẽ được cất giữ và bảo quản trong những hồ sơ lưu trữ để những sử gia sau này tham khảo”.

Bà Christine bước lại, đứng giữa Pitt và cái lò sưởi. “Và đối với ông, thưa ông Pitt, tôi xin trao cái hộp sọ nam thạch cho ông. Giờ thì ông đã có

một đôi xứng hợp, ông dự trù sẽ làm gì với chúng?”

“Trước khi chúng được gửi cho một viện bảo tàng về những đồ cổ, chúng sẽ được nghiên cứu và phân tích trong một phòng thí nghiệm để xem người ta có thể xác định niên đại và gắn nó với một nền văn minh cổ nào”.

Bà nhìn cái hộp sọ của mình một lúc lâu trước khi thở dài. “Tôi không nhớ nhìn nó ra đi, nhưng tôi biết nó phải được quan tâm một cách hợp lý để xác định giá trị của nó đúng đắn hơn. Ông biết đấy, người ta luôn luôn nhìn nó như một điếm triệu báo trước những bất hạnh và thảm kịch. Nhưng từ giây phút bà cố Rosanna của tôi mang nó từ khối băng đang tan lên tàu của chồng bà, vật này chỉ đem lại may mắn và phúc lành cho gia tộc Mender”.

Trong lúc trở lại Washington, Pitt đọc những ghi chép trong cuốn nhật ký của tàu Madras, do chính tay là Rosanna Mender chép lại từ cuốn sổ ghi chép bìa da lấy từ chiếc tàu vô chủ. Dù chiếc Rolls Royce chạy thật êm, thỉnh thoảng Pitt vẫn phải ngước lên nhìn ra ngoài xa để tránh bị say xe.

“Có gì hấp dẫn không?” ông Perlmutter hỏi Pitt trong lúc Mulholland lái xe lên cầu George Mason bắc ngang sông Potomac.

Pitt rời mắt khỏi cuốn nhật ký. “Có đấy, giờ thì chúng ta đã biết chính xác nơi đoàn thủy thủ tàu Madras phát hiện cái hộp sọ, và nhiều, rất nhiều điều khác nữa”.

Chiếc Rolls đến một điểm dừng cạnh một nhà chứa máy bay - mà Pitt gọi là nhà - trong một chỗ khuất tại Phi trường Quốc tế Washington. Cái nhà chứa máy bay trông già khom, được xây từ năm 1936, có vẻ như nó đã bị bỏ hoang từ lâu. Cỏ dại che kín chung quanh những bức tường nhả nhúm của nó, và những cửa sổ đều bị bít kín bằng những tấm ván.

Ngay khi Hugo vừa dừng xe, hai người đàn ông vũ khí đầy mình đột ngột hiện ra như vừa mọc lên từ một nơi nào đó, đứng hai bên hông xe với những khẩu súng tiểu liên tự động sẵn sàng nhả đạn. Một người nghiêng xuống cửa xe, trong lúc người kia đứng đối mặt với Mulholland, như để canh chừng ông ta giờ trở nên nguy hiểm. “Trong các vị có ai là ông Dirk Pitt không?” Người đàn ông đang nhìn vào trong xe hỏi.

“Tôi đây”.

Người lính gác nhìn kỹ anh một lúc. “Giấy tờ, thưa ông”. Đó không phải là một yêu cầu mà là một mệnh lệnh.

Pitt chìa cái thẻ NUMA của anh ra, người lính gác nhấc vũ khí của mình lên và mỉm cười. “Rất tiếc đã làm phiền, nhưng chúng tôi được lệnh bảo vệ ông và tài sản của ông”.

Pitt biết những người đàn ông này là những nhân viên bảo vệ an ninh liên bang. Họ được huấn luyện rất chuyên nghiệp để bảo vệ những viên chức chính phủ có cuộc sống luôn bị đe dọa. “Tôi biết ơn sự quan tâm và cống hiến của các bạn”.

“Còn hai quý ông này?”

“Bạn tốt cả”.

Người nhân viên an ninh đưa cho Pitt cái remote báo động nhỏ. “Ông vui lòng mang cái này bên mình trong mọi lúc khi ông có mặt tại nhà. Nếu gặp bất kỳ dấu hiệu nguy hiểm nào, dù nhỏ nhất, hãy bấm cái nút báo động. Chúng tôi sẽ đáp ứng ngay trong hai mươi giây”.

Người nhân viên an ninh không nói tên anh ta, và Pitt cũng không hỏi.

Mulholland mở cửa xe, và Pitt lấy cái túi của anh. Đến lúc đó, anh nhận ra hai nhân viên an ninh đã biến mất. Anh nhìn quanh nhà chứa máy bay và dõi mắt qua cánh đồng trống bên cạnh đường bay chính, vẫn không thấy bóng hai nhân viên an ninh, như thể họ chưa từng xuất hiện trước đó. Pitt chỉ có thể đoán họ ẩn mình dưới mặt đất.

“Tôi sẽ bảo Hugo lái xe tới Tổng hành dinh NUMA và đưa hai cái hộp sọ nam thạch cho họ”, ông Perlmutter nói.

Pitt đặt bàn tay lên vai ông Mulholland. “Ông cẩn thận mang chúng đến phòng thí nghiệm trên tầng sáu và giao nó cho nhà khoa học có nhiệm vụ lo việc này nhé. Tên ông ta là Harry Matthews”.

Mulholland chỉ nhếch mép cũng đã giống người khác nhe răng cười. “Tôi sẽ không làm rơi chúng đâu”.

“Tạm biệt, ông St. Julien. Và cảm ơn ông”.

“Khỏi cần, con trai. Chuẩn bị ăn tối đi”.

Pitt nhìn theo khi chiếc Rolls lao ra con đường đất dẫn tới một cánh cổng an ninh của phi trường, kéo theo một dải bụi phía sau cản xe. Anh nhìn lên một trụ đèn, và thấy một camera an ninh nhỏ xíu gắn trên đỉnh. Có lẽ đi đầu đó làm hài lòng sự tò mò của anh vì nó giúp anh biết nơi hai nhân viên an ninh ẩn nấp.

Với một dụng cụ nhỏ điểu khiển từ xa, Pitt ngăn sự hoạt động của hệ thống báo động rải khắp nhà chứa máy bay, rồi anh mở một cánh cửa có vẻ như đã đóng chặt từ Thế Chiến II. Anh khoác cái túi lên vai và bước vào. Bên trong tối tăm và phủ kín bụi bặm. Không một góc nào có ánh sáng rọi tới. Anh đóng cánh cửa lại và ấn một công tắc đèn, ánh sáng tỏa khắp nhà chứa máy bay.

Sàn nhà, được sơn màu trắng đục, gần như bị phủ kín bởi những dây xe cộ điện có đến năm mươi chiếc đủ màu sắc bóng loáng. Ngoài ra còn có một máy bay phản lực của Đức từ Thế Chiến II và một máy bay ba động cơ hiệu Ford, ra đời từ những năm 1930 và có tên là Con Ngỗng Thiếc. Một chiếc xe điện đặt trên hai đường ray dọc theo một bức tường. Và như để góp thêm vào câu chuyện, trong phòng còn có một chiếc xuồng bằng gang có gắn máy ở đuôi và một cái bè có buồm lái và cột buồm. Toàn thể bộ sưu tập được canh gác bởi một cái trụ gỗ khắc hình vật tổ của người Da Đỏ Haida.

Pitt dừng lại để đảo mắt nhìn khắp bộ sưu tập đa dạng của mình. Hải lòng vì mọi thứ vẫn nằm đúng chỗ, anh leo lên cái thang hình xoắn ốc bằng sắt dẫn lên căn hộ của anh nằm ở tầng trên nhà chứa máy bay.

Bên trong trông chẳng khác gì một bảo tàng ngành hàng hải. Những hộp kính chứa những chiếc tàu có bánh lái bằng gỗ và những hộp la bàn, những chuông của tàu biển, những nón trùm đầu bằng đồng đỏ và đồng thau dành cho thợ lặn. Một phòng khách, phòng làm việc, phòng ngủ nổi liền buồm tấm, một căn bếp chung với phòng ăn, tất cả chiếm một diện tích không hơn một ngàn một trăm bộ vuông.

Dù mệt hơn anh tưởng, Pitt vẫn mở cái túi quần áo và ném những quần áo bẩn vào cái máy vừa giặt vừa sấy khô. Sau đó, anh vào phòng tắm và tắm dưới vòi sen thật lâu, vắn cái vòi nước nóng trên một bức tường rồi nằm ngửa thư giãn trên sàn phòng, đôi chân duỗi thẳng vào một góc. Đang nhâm nhi một ly tequila thì chuông cửa trước phòng khách báo có người đến.

Pitt nhìn vào cái màn hình chiếc TV đặt giữa hai kệ sách, và nhận ra ông phó giám đốc NUMA, Rudi Gunn, đang đứng trên ngưỡng cửa tầng dưới. Anh nhấn một cái nút trên cái remote, và nói, “Mời vào, Rudi, tôi đang ở tầng trên”.

Gunn leo lên cầu thang và bước vào căn hộ. Là một người nhỏ thó với mái tóc lưa thưa và cái mũi La Mã, nhưng ông Gunn lại đeo một cặp

kính thật dày có gọng sừng, ông là một cựu hạm phó trong Hải quân và là một học viên hàng đầu trong Trường Hàng hải. Hiện tại, Gunn rất được kính trọng trong số những nhân viên NUMA vì sự thông minh cao độ của ông. Đôi mắt to màu xanh nước biển càng to hơn sau cặp kính dày cộm.

“Hai anh chàng với những khẩu tiêu liên tục động như muốn nuốt sống tôi cho tới khi tôi chứng tỏ mình là một người bạn của cậu từ NUMA họ mới tỏ ra tử tế cho”.

“Ý tưởng của Đô đốc Sandecker đấy”.

“Tôi biết ông ấy có thuê một nhóm an ninh, nhưng tôi không biết bằng cách nào họ xuất hiện tài tình như vậy. Rồi họ biến mất như một làn khói”.

“Họ là những người hành động rất hiệu quả”, Pitt nói.

“Tôi được báo cho biết đại khái tình huống của cậu tại Telluride”, ông Gunn nói, ng ồi thu mình trong một cái ghế. “Câu nói đang lan truyền cả thị trấn đó lúc này là mạng sống của cậu không đáng giá hai xu”.

Pitt mang ra cho ông ta một ly trà đá lấy từ nhà bếp. Ông Gunn ít khi uống bất kỳ thứ gì có chất cồn, trừ những dịp đặc biệt, mà cũng chỉ uống bia. “Nhưng không dành cho những tay gà mờ của bọn Đệ Tứ Đế quốc đâu. Tôi chắc chắn bọn đó không bao giờ đủ sức tống tôi vào một năm m ờ”.

“Tôi muốn nhúng tay vào vụ này”, ông ta dừng lại và uống hết nửa ly trà đá. “Tôi đã gặp vài người bạn tại CIA”

“Điều gì khiến CIA hứng thú với một tội ác xảy ra trong nước chứ?”

“Họ nghi ngờ những tên sát nhân đã gây khó khăn cho cậu tại khu mỏ Pandora có thể là một bộ phận của một tổ chức tội ác quốc tế”.

“Bọn khủng bố?” Pitt hỏi.

Gunn lắc đầu. “Đó không phải là một tôn giáo hoặc bọn cứng bái cu ờng tín. Nhưng ý đồ của chúng vẫn còn là một bí mật. Nhưng nhân viên của CIA và Cảnh sát Quốc tế đều chưa thể xâm nhập tổ chức này. Tất cả những cơ quan tình báo hải ngoại đều biết nó tồn tại. Nhưng nó xuất phát từ đâu hoặc ai đi đầu khiến nó thì họ chưa có đầu mối. Những tên giết mướn của chúng xuất hiện, như đã xảy ra tại Thị trấn Telluride, sát hại những nạn nhân của chúng, rồi biến mất”.

“Ngoài chuyện giết người, chúng còn dính líu đến loại tội ác nào khác?”

“Điều này cũng còn là một bí ẩn”.

Đôi mắt Pitt nheo lại. “Có ai nghe nói về một tổ chức tội ác nào không có động cơ đâu?”

Ông Gunn nhún vai. “Tôi biết đi đâu đó nghe có vẻ điên rồ, nhưng dù thế nào cũng phải có một đầu mối chứ?”

“Hiện đang có hai tên cặn bã tại Telluride để thẩm vấn mà”.

Cặp lông mày ông Gunn nhướng lên, “Cậu không nghe gì à?” “Nghe cái gì?”

“Viên Cảnh sát trưởng Thị trấn Telluride, bang Colorado - tên là Eagan - vừa gọi điện cho Đô đốc Sandecker một giờ trước. Những tù nhân đầu đã chết”.

“Mẹ kiếp!” Pitt nổi cáu. “Tôi đã lưu ý lão Cảnh sát trưởng phải lục tìm những viên cyanide giấu trong mình hai gã đó”.

“Không phải do độc dược. Theo lời Eagan, một quả bom được cài trong xà lim nhà tù. Cả hai tên đầu tan xác cùng với một lính gác đứng gần đó”.

“Đối với bọn này, mạng sống con người rẻ như bèo”, Pitt chua chát nói.

“Tôi cũng thấy thế”.

“Bước tiếp theo là gì?”

“Ông Đô đốc gọi cho cậu một dự án về địa chất dưới biển sâu ngay giữa Thái Bình Dương, ở đó cậu tha hồ an tâm về mọi mưu toan ám sát nhé”.

Pitt cười đau khổ. “Tôi không đi”.

“Ông ấy biết cậu sẽ nói như vậy mà”, Gunn cười trả. “Ngoài ra, cậu còn là một nhân vật quan trọng cho việc đi đầu tra. Theo tình hình, cậu đã tiếp cận bọn sát nhân nhiều hơn bất kỳ ai khác, và còn sống để nói về đi đầu đó. Những đi đầu tra viên trình độ cao muốn nói chuyện với cậu. Tám giờ sáng mai..”. Ông ta dừng lại để đưa cho Pitt một mảnh giấy, “Đây là địa chỉ, cậu hãy tới đó. Lái xe của cậu vào trong ga ra, mở cửa và đợi hướng dẫn”.

“Cả James Bond và Jack Ryan cũng đến chứ?”

Ông Gunn nhả mặt, “Nhảm nhí”, ông uống cạn ly trà đá và bước ra lan can nhìn xuống bộ sưu tập khác thường ở tầng dưới. “Chuyện đó hấp dẫn thật”.

“Cái gì?”

“Cậu gọi bọn giết mướn đó là tay chân của Đệ Tứ Đế quốc”.

“Chúng tự xưng, không phải tôi phịa ra”.

“Bọn Đảng viên Quốc xã Đức gọi thế giới lý tưởng gớm ghiếc của chúng là Đệ Tam Đế chế”.

“Ồn Trời, hầu hết những đảng viên già của Quốc xã Đức đầu đã chết”, Pitt nói, “và Đệ Tam Đế chế cũng chết theo chúng”.

“Cậu đã bao giờ học một lớp tiếng Đức chưa?” ông Gunn hỏi.

Pitt lắc đầu, “Tôi chỉ biết những từ ja, nein và auf Wiedersehen”.

“Vậy thì cậu không biết trong tiếng Anh Đệ Tam Đế chế có nghĩa là Đệ Tam Đế quốc”.

Pitt trở nên căng thẳng, “Ông không ngụ ý bọn Đệ Tứ này là những đảng viên Đức Quốc xã mới chứ?”

Ông Gunn sắp sửa trả lời thì một tiếng động khủng khiếp dội tới giống như tiếng máy bay phản lực khi vượt bức tường âm thanh, tiếp theo là những âm thanh xé tai của kim loại va chạm nhau, rồi những vật lửa màu cam bùng lên, tràn vào nhà chứa máy bay trước khi biến mất sau bức tường đối diện. Hai giây sau, một tiếng nổ làm rung chuyển nhà chứa máy bay và ban công bằng sắt của nó. Bụi từ mái kim loại rơi xuống làm hoen ố những chiếc xe bóng loáng và làm xỉn nước sơn của chúng. Sau tiếng nổ là sự im lặng kỳ quặc càng lúc càng nặng nề.

Rồi tiếng súng nổ dồn dập và tiếng nổ nhanh chóng đáp trả của một khẩu súng khác. Cả hai người đàn ông đứng tê liệt, bấu chặt ban công.

Pitt là người lên tiếng đầu tiên. “Những gã vô lại!” Anh rít lên.

“Lạy Chúa, chuyện gì thế?” ông Gunn hỏi, chưa hết sốc.

“Bọn khốn. Chúng bắn một tên lửa vào nhà chứa máy bay của tôi. Thứ duy nhất đã cứu chúng ta không bị tan xác là nó không nổ. Đầu đạn xuyên thủng bức vách mỏng bằng tôn và thoát ra qua vách đối diện, ngòi nổ tên lửa không chạm phải vật cứng nên không phát nổ”.

Cánh cửa bật tung ra và hai nhân viên an ninh xông vào tầng dưới nhà chứa máy bay, nép mình dưới cái cầu thang hình tròn ốc, “Các ông có bị thương không?” một người hỏi vọng lên.

“Chỉ bị rung lắc thôi”, Pitt đáp. “Nó đến từ hướng nào thế?”

“Một dụng cụ phóng tên lửa cầm tay từ một máy bay trực thăng phóng ra”, người nhân viên an ninh trả lời. “Rất tiếc là chúng tôi đã để chiếc trực thăng đến quá gần. Chúng tôi bị lừa vì dấu hiệu nhận dạng... nó là biểu tượng của một đài truyền hình địa phương. Tuy nhiên, chúng tôi đã bắn rơi nó. Nó đâm đầu xuống dòng sông”.

“Các cậu tài thật”, Pitt thực sự khen ngợi.

“Chắc chắn những ông bạn của ông đã lỗ vốn trong vụ này, phải không?”

“Quá đúng. Rõ ràng chúng đem tiền đi đốt”.

Người nhân viên an ninh quay sang đồng nghiệp. “Chúng ta sẽ nói rộng thêm vành đai phòng vệ”. Rồi anh ta ngó quanh nhà chứa máy bay. “Không hư hại gì chứ?” Anh ta hỏi Pitt.

“Chỉ có hai lỗ thủng trên những bức vách, đủ lớn để thả diều qua đó”.

“Chúng ta sẽ nhanh chóng thấy họ đến sửa chữa thôi. Còn gì khác không ạ?”

“Có đấy”, Pitt nói, trở nên tức giận khi trông thấy những lớp bụi phủ trên những chiếc xe đất liền của anh. “Vui lòng gọi giúp một toán làm vệ sinh những thứ này”.

“Có lẽ cậu nên xem lại dự án Thái Bình Dương”, ông Gunn nói.

Hình như Pitt không nghe ông ta nói. “Đệ Tứ Đế chế, Đệ Tứ Đế quốc, dù chúng là gì đi nữa thì chúng cũng đã phạm một sai lầm rất nghiêm trọng”.

“Ồ?” ông Gunn nói, vừa nhìn hai bàn tay đang run rẩy của mình như thể chúng thuộc về một người nào khác. “Sai lầm gì vậy?”

Pitt nhìn lên những lỗ thủng trên hai bức vách nhà chứa máy bay. Một ánh mắt ma mãnh, lạnh lùng lóe lên từ đôi mắt màu xanh lục óng ánh của anh, một thứ ma mãnh ông Gunn từng trông thấy ít nhất trong bốn phần khác, và ông rùng mình.

“Cho đến nay, những tên vô lại đã giở đủ trò buồn cười”, Pitt nói, miệng vắn vẹo thành một nụ cười méo xệch. “Bây giờ đến lượt tôi”.

Pitt nhìn những máy camera an ninh dùng để thu hình trước khi lên giường, và anh nắm được hoạt động của hai nhân viên an ninh bảo vệ anh. Sử dụng những bản đồ về hệ thống đường hầm dưới lòng đất trong khu vực sân bay, họ đã phát hiện một ống cống bằng bê tông đường kính rộng đến tám bộ dùng để thoát nước mưa và tuyết tan thành nước chảy xuống từ những đường băng máy bay, đường dành cho xe tắcxi và khu hành khách, đường hầm bê tông này dài đến chín chục bộ chạy ngang nhà chứa máy bay của Pitt. Tại một nơi tiếp cận đường hầm, nơi bị cỏ che kín, những nhân viên an ninh đã tạo một điểm quan sát được ngụy trang kín đáo.

Pitt định mang cà phê và bánh sandwich đến cho họ, nhưng đó chỉ là một ý nghĩ thoáng qua. Điều cuối cùng anh cần làm ngay là thu xếp chỗ ăn

của họ được an toàn.

Anh thay đổi quần áo và nhanh chóng kết thúc bữa ăn sáng gọn nhẹ thì một chiếc xe tải chở đầy những thứ để sửa chữa hai chỗ hỏng trên vách nhà chứa máy bay dừng lại trên con đường đất bên ngoài. Một chiếc xe van không dấu hiệu đến ngay phía sau xe tải và nhiều phụ nữ mặc đồng phục bước ra. Một người thợ sửa chữa bước đến anh.

“Ông Pitt phải không?”

“Vâng”.

“Chúng tôi sẽ vào để sửa chữa và thu dọn những đồ nát và rút lui trong thời gian nhanh nhất”.

Pitt theo dõi với sự khâm phục trong lúc những người thợ bắt đầu lấy từ xe tải những tấm kim loại tương tự như những tấm bị rỉ sét trên những vách nhà chứa máy bay. “Các ông tìm những thứ này ở đâu thế”, Pitt hỏi và đưa tay chỉ.

“Ông phải ngạc nhiên vì chính phủ đã giữ lại những vật liệu tháo dỡ từ những công trình xây dựng cũ”, người đốc công trả lời. “Những gì ông thấy ở đây được lấy từ mái một nhà kho cũ tại Capital Heights đấy”.

“Chính phủ của chúng ta xem ra nhạy bén hơn tôi tưởng nhiều”.

Anh để họ làm việc và chuẩn bị ngồi vào sau tay lái chiếc xe jeep Chero Kee sơn màu ngọc lam của NUMA thì một chiếc Sting Ray Corvette mui trần màu đen dừng lại trên con đường đất. Giordino ló đầu ra khỏi cửa xe bên ghế ngồi dành cho khách, hét lớn, “Cần quá giang không?”

Pitt chạy lại chỗ chiếc Corvette và chui vào, co chân lại, thu mình trên chiếc ghế bọc da. “Cậu không báo trước sẽ đi qua chỗ tôi”.

“Tôi vừa được báo phải đến chỗ hẹn đó với cậu vào lúc tám giờ. Nên tôi nghĩ chúng ta có thể đi chung một xe”.

“Cậu tử tế lắm, Al”, Pitt vui vẻ nói. “Tôi bất chấp họ nói gì về cậu”.

Giordino quẹo chiếc xe khỏi đại lộ Wisconsin, vào một đường nhỏ trong khu Glover Park gần Đài Thiên văn Hải quân. Con đường chỉ dài bằng chiều dài một khối nhà, rợp bóng mát dưới một hàng cây du cả trăm tuổi. Trừ một ngôi nhà ẩn kín phía sau những bờ giậu cao, cả khối nhà đều vắng vẻ, không có chiếc xe nào đậu, không một bóng người tản bộ trên vỉa hè.

“Cậu chắc chắn chúng ta không đến sai chỗ chứ?” Giordino hỏi.

Pitt nhìn qua kính chắn gió và chỉ. “Chúng ta đang ở trên con đường mang đúng tên đó, và vì chỉ có một ngôi nhà trong tầm nhìn, nên chắc chắn

là nơi đó rồi”.

Giordino quẹo chiếc xe qua lối vào thứ nhì của một lối đi dành cho xe, rồi chạy thẳng đến phía sau ngôi nhà, thay vì đậu xe tại mặt tiền. Pitt quan sát tòa nhà ba tầng xây bằng gạch trong lúc Giordino lái xe về phía cái gara nằm biệt lập với tòa nhà về phía sau. Có vẻ như tòa nhà được xây dựng cho một nhân vật quan trọng và giàu có nào đó, vào một lúc nào đó sau cuộc Nội chiến. Những bãi cỏ và tòa nhà hài hòa nhau không thể chèn vào đâu được. Nhưng tất cả những màn cửa đều buông xuống, như thể những người cư ngụ trong nhà đều đi vắng trong một thời gian dài.

Chiếc Corvette lăn bánh vào gara đã mở sẵn cả hai cánh cửa. Bên trong trống trơn, trừ những dụng cụ làm vườn bỏ vương vãi, một máy xén cỏ và một cái băng ghế bành gỗ cũ như thể đã được dùng từ vài chục năm. Giordino tắt động cơ xe rồi quay sang Pitt.

“Sao, làm gì bây giờ?”

Câu trả lời của Pitt chưa bật ra thì hai cánh cửa gara đã tự động đóng lại. Vài giây sau, chiếc xe chậm rãi hạ xuống khỏi sàn nhà xe và lọt vào một thang máy. Trừ một âm thanh như tiếng ruồi đập cánh, ngoài ra không còn tiếng động nào khác. Pitt cố ước đoán tốc độ và khoảng cách rơi xuống của chiếc xe, nhưng tất cả đều trở nên tối tăm. Sau khi chiếc thang máy xuống thấp khoảng gần một trăm bộ theo phỏng đoán của Pitt, thang máy nhẹ nhàng dừng lại. Một chùm ánh sáng lóe lên và hai người nhận ra họ đang ở trong một nhà đậu xe đã có nhiều xe đậu sẵn. Giordino cho chiếc Corvette vào một chỗ trống giữa một chiếc jeep Chero Kee màu ngọc lam với dòng chữ NUMA sơn trên cửa trước và một chiếc limousine hiệu Chrysler. Anh biết chiếc xe jeep là của Đô đốc Sandecker. Ông ta đòi hỏi mọi phương tiện vận tải bốn bánh của NUMA đều phải là những chiếc xe tiện dụng, vì vậy chúng có thể được sử dụng trong mọi thời tiết xấu nhất.

Một lính hải quân đứng gác tại lối vào dẫn tới một cánh cửa bằng kim loại. “Tôi nghĩ chiếc xe sẽ an toàn ở đây”, Giordino nói liếng thoắng, “hay tôi phải khóa nó lại?”

“Lo xa dữ!” Pitt trả lời, “nhưng tôi có cảm giác nó sẽ không đi đâu cả”.

Họ ra khỏi xe và bước lại phía người lính gác mặc đồng phục, trên cánh tay áo có ba sọc trắng, dấu hiệu của cấp bậc trung sĩ. Anh ta gật đầu chào họ. “Chắc hẳn các ông là Dirk Pitt và Albert Giordino rồi. Các ông là những người đến sau cùng đây”.

“Cậu không xem giấy tờ của chúng tôi à?” Giordino hỏi.

Người lính gác mỉm cười. “Tôi đã xem hình hai ông. Và tôi nhận ra ngay, chẳng khác gì so sánh hai diễn viên gạo cội Joe Pesci với Clint Eastwood”.

Anh ta bấm một cái nút bên cánh cửa và mở nó ra, cho thấy một hành lang ngắn dẫn tới một cánh cửa kim loại khác. “Khỉ các ông đến cánh cửa phía trong, xin đứng im một lúc cho đến khi người gác phía bên kia nhận dạng các ông với một máy camera an ninh”.

“Thế anh ta không tin sự phán đoán của cậu sao?” Giordino hỏi.

Người lính gác vẫn không tắt nụ cười. “Vấn đề an toàn mà”, anh ta vui vẻ đáp.

“Thủ tục an ninh của họ chặt chẽ thật”, Giordino nói khẽ.

“Thói quan liêu bàn giấy nhiều khi cũng tốt chứ”, Pitt nói.

“Ít nhất nó cũng làm tôi an tâm”.

Họ đi qua cánh cửa, vào một phòng rất rộng lót thảm, vách tường cũng treo thảm để cách âm. Một cái bàn hợp hình quả thận dài hai mươi bộ choáng cả căn phòng. Một bình phong lớn che kín bức tường phía xa. Khắp phòng chìm trong một thứ ánh sáng dễ chịu không làm chói mắt. Nhiều người đàn ông và một phụ nữ đã ngồi quanh cái bàn. Không ai đứng lên khi Pitt và Giordino đến gần.

“Các cậu đến trễ”, đó là câu nói của Đô đốc Sandecker, chỉ huy trưởng NUMA. Một người có thân hình lực sĩ nhưng nhỏ nhắn với mái tóc màu đỏ chói và bộ ria kiểu Vandyke, ông có đôi mắt màu xanh da trời, lạnh lùng và đầy quyền lực, không bỏ sót vật gì trước mắt. Ông Sandecker sắc sảo như một con báo đang ngủ trên cây với một con mắt mở lớn, vì biết con mồi sớm muộn gì cũng sẽ mò tới. Ông nóng tính và dễ nổi cáu nhưng đi đầu hành NUMA như một nhà độc tài tốt bụng và rộng lượng. Lúc này ông nói với họ về người đàn ông ngồi bên trái mình.

“Tôi không tin các cậu biết ông Ken Helm, nhân viên đặc biệt của FBI”.

Một người đàn ông tóc màu bạc trong bộ y phục đặt may thật khéo, với đôi mắt màu nâu sáng điềm tĩnh, đầy tính toán sau cặp kính đọc sách, nhồm người lên khỏi ghế ngồi và chìa bàn tay ra. “Chào ông Pitt, chào ông Giordino, tôi được nghe nói nhiều về quý ông”.

Điều này có nghĩa là ông ta đã đọc kỹ hồ sơ cá nhân của mình và Giordino, Pitt nghĩ.

Rồi ông Đô đốc quay sang người ngồi bên phải ông, “Đây là Ron Little. Ron có một chức danh rất thú vị tại CIA, nhưng các cậu không biết đâu”.

Trợ lý giám đốc là tước danh của ông Little, Pitt biết điều đó khi trông thấy ông ta.

Ông Little, một người trung niên, có đôi mắt màu nâu sắc sảo của loài chó chăn cừu và một gương mặt góc cạnh, ông ta chỉ gật đầu, “Chào quý ông”.

“Còn những người khác thì các cậu đầu đã biết”, ông Sandecker nói, và gật đầu về phía những người còn lại.

Rudi Gunn đang bận rộn ghi chép nên không buồn ngước mắt lên.

Pitt bước lại và đặt một bàn tay lên vai Pat O’Connell, dịu dàng nói, “Sớm hơn cô nghĩ nhé”.

“Tôi ngưỡng mộ người đàn ông nào giữ đúng lời hứa của mình”. Cô vỗ nhẹ bàn tay anh, bắt chập những ánh mắt của những người đàn ông chung quanh bàn họp. “Đến ngồi cạnh tôi. Tôi cảm thấy không tự tin lắm trước những viên chức quan trọng này của chính phủ”.

“Tôi bảo đảm với bà, thưa Tiến sĩ O’Connell”, ông Đô đốc nói, “rằng bà sẽ rời căn phòng này mà không bị đụng chạm đến một sợi tóc”.

Pitt kéo một cái ghế ra và ngồi xuống cạnh Pat, trong lúc Giordino ngồi vào cái ghế sát bên ông Gunn. “Al và tôi có điểm nào thiếu sót ạ?”

“Tiến sĩ O’Connell có cho chúng tôi biết sơ qua về cái sợ người và căn phòng dưới lòng đất”, ông Sandecker nói, “và ông Ken Helm sẽ báo cáo những kết quả sơ bộ về khám nghiệm pháp y trên những xác chết tại Telluride”.

“Không có gì nhieu đâu”, Helm chậm rãi nói. “Xác định lý lịch tuyệt đối chính xác từ bộ răng trở nên rất khó khăn. Khám nghiệm bước đầu cho thấy răng của chúng được các nha sĩ tại Nam Mỹ chăm sóc”.

Pitt tỏ vẻ ngờ vực. “Người của ông có thể nhận ra sự khác biệt về kỹ thuật chăm sóc răng của những quốc gia khác nhau?”

“Một nhà bệnh lý học pháp y giỏi có thể phân biệt nhân dạng qua những thông tin để lại trên bộ răng tên thành phố nơi những lỗ khoan chân răng được trám”.

“Nếu thế, bọn giết mướn đó đầu là người ngoại quốc”, Giordino phán đoán.

“Tôi nghĩ cách nói tiếng Anh của chúng khá kỳ cục”, Pitt nói.

Helm nhìn qua phía trên cặp kính, “Ông chú ý đi ầu đó?”

“Quá hoàn hảo nhưng không nhấn giọng theo cách của người Mỹ, dù hai gã trong bọn chúng nói bằng giọng mũi New England”.

Little viết nguệch ngoạc lên một cuốn sổ ghi chép màu vàng. “Ông Pitt, chỉ huy phó Gunn có cho chúng tôi biết những tên giết mướn đó ông đã tóm được tại Telluride, tự nhận chúng là người của Đệ Tứ Đế quốc”.

“Chúng còn tự xưng là Vận Hội Mới”.

“Như ông và ông Gunn đã suy xét, bọn Đệ Tứ Đế quốc có thể là hậu thân của Đệ Tam Đế chế”.

“Mọi thứ đều có thể”.

Giordino rút một điều xì gà bụi từ túi áo ngực rồi lẩn nó quanh miệng mà không đốt vì anh ta chẳng thấy người nào trong phòng hút thuốc. Ông Sandecker ném cho anh ta một cái nhìn chết người khi trông thấy nhãn hiệu điều thuốc chính là loại xì gà từ cái hộp thuốc của ông. “Tôi không phải là một người tài ba gì”, Giordino khiêm tốn nói, dù anh ta tốt nghiệp thứ ba trong khóa huấn luyện của mình tại Học viện Không lực Hoa Kỳ. “Cả đời mình, tôi chưa hề thấy bằng cách nào một tổ chức có quân đội rộng khắp thế giới với những tên sát nhân được chọn lọc lại có thể hành động suốt nhiều năm mà không bị những cơ quan tình báo giỏi nhất thế giới phát hiện chúng là ai và chúng có ý đồ gì”.

“Tôi là người đầu tiên thừa nhận chúng tôi bất lực”, ông Helm của FBI nói, “Như Quý vị đều biết, những tội ác không có động cơ là những vụ khó giải quyết nhất”.

Ông Little gật đầu đồng ý. “Cho đến khi các vị chạm trán bọn này tại Thị trấn Telluride, bất kỳ ai khác từng tiếp xúc với chúng đều không sống sót để thuật lại sự việc”.

“Nhờ Pitt và Tiến sĩ OConnell”, ông Gunn nói, “giờ đây chúng ta đã có một đầu mối để phăng theo”.

“Vài cái răng cáu bẩn là một đầu mối quá mơ hồ”, ông Sandecker nói.

“Đúng thế”, ông Helm đồng ý, “nhưng đã có đi ầu bí ẩn về căn phòng trong khu mỏ Pandora. Nếu họ tiến hành việc nhờ những nhà khoa học nghiên cứu những chữ khắc, đi ầu tra những vụ tàn sát người vô tội, rồi những vụ tự sát.... thì chắc chắn sẽ biết được động cơ gây ra những thứ đó”.

“Những chữ khắc”, Pitt nói, “Tại sao ý nghĩa của chúng mãi đến ngày nay vẫn còn bí ẩn chứ?”

“Vì mãi đến nay chúng mới bị phát hiện”, ông Gunn nói. “Và bọn người muốn giấu kín những chữ khắc đó đã phải hy sinh sáu tên giết mướn chuyên nghiệp mà vẫn thất bại trong việc giữ kín những chữ khắc”.

“Thật buồn cười khi một khám phá về khảo cổ tằm thường như vậy lại phải trả giá bằng nhiều sinh mạng”, ông Sandecker cau có nói.

“Không phải một phát hiện tằm thường đâu”, Pat nói nhanh. “Nếu đây không phải là một trò lừa bịp của những thợ mỏ khai thác đá quý ngày xưa thì nó có thể là một phát hiện khảo cổ đáng gọi là sự kiện của thế kỷ đấy”.

“Cô đã giải mã được phần nào những ký hiệu đó chưa?” Pitt hỏi.

“Sau khi khảo sát sơ qua những ghi chép của mình, những gì tôi có thể nói với ông là những ký hiệu đó chỉ là những mẫu tự.

Nghĩa là những chữ khắc này chỉ diễn đạt những âm thanh đơn độc. Mẫu tự của chúng ta chẳng hạn, chỉ sử dụng hai mươi sáu ký hiệu. Những ký hiệu trong căn hầm đó cho thấy có ba mươi mẫu tự với mười hai ký hiệu tiêu biểu cho những con số và tôi đã tìm cách đưa vào một hệ thống toán học cao cấp. Bất luận những người này là ai, họ cũng đã khám phá ra số không và đã tính toán với những con số như chúng ta ngày nay. Cho đến khi tôi có thể lập trình chúng vào một máy tính và nghiên cứu chúng trong tổng thể của chúng thì tôi chưa thể nói gì nhiều với ông”.

“Theo nhận xét của tôi, bà đã đạt kết quả quá tốt với những gì bà có quá ít ỏi trong một thời gian ngắn như thế”, ông Helm khen ngợi cô.

“Tôi tin chúng ta có thể thâm nhập ý nghĩa những chữ khắc đó. Không như những hệ thống chữ viết tượng hình phức tạp như ngôn ngữ Ai Cập, Trung Hoa hoặc ngôn ngữ của người Crete đến nay vẫn chưa được giải mã, còn loại chữ viết này có vẻ thống nhất trong sự đơn giản của nó”.

“Cô có nghĩ cái hộp sọ nham thạch màu đen tìm thấy trong căn hầm có liên quan đến những chữ khắc đó không?” ông Gunn hỏi.

Pat lắc đầu. “Tôi không thể đoán mò. Giống như những xương sọ pha lê trong suốt tìm thấy tại Mexico và Tây Tạng, mục đích của nó có thể chỉ là nghi thức hành lễ. Có một số người - tôi có thể nói rõ là không phải những nhà khảo cổ có uy tín - nghĩ rằng những hộp sọ pha lê xuất hiện nguyên bộ gồm mười ba chiếc, có thể phát ra những dao động và tạo ra những hình ảnh”.

“Bà tin những đi ầu đó chứ?” ông Little hỏi nghiêm túc.

Pat bật cười. “Không. Tôi là một người thực dụng. Tôi nghiêng về bằng chứng vững chắc trước khi đưa ra những lý thuyết rộng rãi”.

Ông Little nhìn cô chăm chú, “Bà có tin cái hộp sọ nham thạch”.

“Những hộp sọ chứ”, Pitt chỉnh ông ta.

Pat bối rối nhìn anh. “Chúng ta có thêm một hộp sọ lúc nào thế?”

“Từ chi ầu hôm qua. Nhờ một người bạn tốt, St Julien Perlmutter, tôi được tặng một cái khác nữa”.

Đô đốc Sandecker chăm chú nhìn Pitt. “Nó đang ở đâu?”

“Cùng với cái hộp sọ lấy từ Telluride, nó đang nằm tại phòng thí nghiệm hóa học của NUMA để phân tích. Rõ ràng không thể xác định ngày tháng của nham thạch bằng những phương pháp thông thường, nhưng một nghiên cứu phối hợp có thể cho chúng ta biết những người đã tạo ra chúng”.

“Ông biết xuất xứ của nó à?” Pat hỏi, cô có vẻ nôn nóng vì tò mò.

Không đi sâu vào chi tiết, Pitt vắn tắt thuật lại việc đoàn thủy thủ của tàu Paloverde tìm thấy cái hộp sọ của chiếc tàu vô chủ Madras tại Nam Cực. Rồi anh nói về cuộc gặp gỡ và trao đổi với bà Christine Mender-Husted, và bà đã hào phóng tặng anh cái sọ người sau khi trao cho ông Perlmutter những giấy tờ ghi chép của tổ tiên bà.

“Bà ta có cho biết nơi đoàn thủy thủ và hành khách chiếc tàu Madras tìm thấy cái hộp sọ không?”

Pitt gây nôn nao cho cô và tất cả những người có mặt trong phòng bằng cách kéo dài thời gian trả lời. Sau cùng, anh nói, “Theo cuốn nhật ký, thì khi chiếc tàu Madras khởi hành từ Bombay để đến Liverpool, một trận bão..”.

“Lốc xoáy chứ”, ông Sandecker ngắt lời Pitt. “Với thủy thủ, bão chỉ xảy ra tại Đại Tây Dương và đông Thái Bình Dương. Cu ồng phong chỉ xuất hiện tại tây Thái Bình Dương và lốc xoáy tại Ấn Độ Dương”.

Pitt thở dài. Ông Sandecker rất khoái chứng tỏ những hiểu biết của mình về biển cả. “Như tôi vừa nói, chiếc tàu Madras gặp một cơn lốc xoáy khủng khiếp và biến động dữ dội kéo dài gần hai tuần lễ. Chiếc tàu bị đánh giạt về phía nam trên hải trình của nó. Sau cùng, khi gió và biển yên lặng trở lại, những thùng chứa nước ngọt bị vỡ khá nhiều, hầu hết những trang bị nước uống bị cuốn xuống biển. Sau khi tham cứu bản đồ, thuyền trưởng chiếc tàu quyết định dừng lại tại một quần đảo không có người ở trong

vành đai Nam Cực, phía nam Ấn Độ Dương. Ngày nay chúng ta biết đó là quần đảo Crozet, lãnh địa hải ngoại của nước Pháp. Ông ta thả neo ngoài khơi một đảo nhỏ rất hiểm trở tên là St. Paul, giữa đảo có một núi lửa. Trong lúc các thủy thủ sửa chữa những thùng chứa nước và bắt đầu đổ đầy nước lấy từ một dòng suối, thì một trong những hành khách — một đại tá quân đội Hoàng gia Anh trên đường trở lại nhà cùng với vợ và hai cô con gái sau khi đã phục vụ mười năm tại Ấn Độ — quyết định lên đảo săn bắn”.

“Đúng là một môn thể thao thú vị trên một hòn đảo nhiều hải cẩu và chim cánh cụt. Nhưng ông đại tá chỉ nghĩ đơn giản mình sẽ tìm thấy những động vật bốn chân. Sau khi leo lên gần một ngàn bộ, ông ta và các bạn bè đến một đường mòn đầy đá. Họ theo đường mòn dẫn đến một hang đá được đục thành hình mái vòm. Họ đi vào và trông thấy một hành lang dẫn sâu vào lòng núi”.

“Tôi nghĩ có thể lối vào được phát hiện và khám phá kể từ lúc đó”. Ông Gunn nói.

“Có thể như vậy”, Pitt gật đầu. “Hiram Yaeger đã kiểm chứng đi đầu đó. Và ngoại trừ một trạm khí tượng không có người đi đầu hành được người Úc lắp đặt từ năm 1978 đến năm 1997 và do vệ tinh giám sát, hòn đảo hoàn toàn không có bóng người. Nếu những người nghiên cứu thời tiết của họ tìm thấy bất cứ đi đầu gì ẩn giấu trong núi, họ cũng không bao giờ để lộ ra. Mọi ghi chép hoàn toàn chỉ liên quan đến khí tượng học”.

Ông Little chầm qua mặt bàn, hồi thúc. “Rồi chuyện gì xảy ra?”

“Ông đại tá phái một người trong nhóm trở về chiếc tàu, anh này quay lại với những cây đèn bão. Sau đó họ mới thám hiểm sâu trong núi. Họ nhận thấy vách đá được đục khoét trơn tru và thấp dần xuống khoảng một trăm bộ, chấm dứt trong một căn hầm chứa khoảng một tá những tượng điêu khắc có vẻ cổ xưa và lạ lùng. Ngoài ra còn có những ký hiệu không thể đọc được chạm khắc trên những vách và trần căn hầm”.

“Họ có chép lại những ký hiệu đó không?” Pat hỏi.

“Không ký hiệu nào được tìm thấy trong cuốn nhật ký của thuyền trưởng”, Pitt trả lời. “Hình vẽ duy nhất là một bản đồ thô sơ chỉ dẫn lối vào căn hầm”.

“Còn những cổ vật?” ông Sandecker xen vào.

“Những thứ đó vẫn còn trên tàu Madras”, Pitt giải thích. “Bà Rosanna Mender, vợ ông thuyền trưởng chiếc tàu săn cá voi, có nói về chúng trong

cuốn nhật ký của mình. Bà lưu ý đến một cái bình đựng tro hài cốt bằng bạc. Những thứ khác đều bằng đồng, hoặc những tượng thú vật kỳ lạ bằng đất nung mà bà bảo chưa bao giờ nhìn thấy trước đó. Theo luật về những tài sản được trục vớt, chồng bà và đoàn thủy thủ của ông ta có ý định mang đi tất cả những thứ có giá trị trên tàu Madras, nhưng khối băng bắt đầu vỡ và họ phải vội vã chạy trở lại tàu săn cá voi. Họ chỉ mang theo cái hộp sọ bằng nham thạch”.

“Lại một căn hầm với những cỗ vật”, Pat nói, cô đưa mắt nhìn như thể đang thấy một cái gì đó bên ngoài phòng họp. “Tôi tự hỏi không biết còn bao nhiêu căn hầm nữa vẫn được giấu kín khắp thế giới”.

Ông Sandecker nhìn Giordino với ánh mắt châm chích trong lúc anh chàng người Ý vạm vỡ nhai nhai điều xì gà to kình của mình. “Có vẻ như chúng ta đã có chuyện để làm rồi đây”. Ông chuyển cặp mắt từ Giordino sang ông Gunn. “Rudi, cậu hãy tổ chức hai nhóm thám hiểm, càng sớm càng tốt. Một nhóm đến lục soát chiếc tàu Madras tại Nam Cực. Nhóm còn lại đến kiểm soát căn hầm được những hành khách phát hiện trên đảo St. Paul. Sử dụng bất kỳ chiếc tàu thám hiểm nào có mặt gần nhất địa điểm phải lục soát”. Ông quay sang những người đàn ông ngồi tại đầu kia bàn họp. “Dirk, cậu đến thẳng chiếc tàu vô chủ. Al, cậu lên đảo St. Paul”.

Giordino ngẩng ủ rũ trong cái ghế của anh. “Tôi hy vọng những anh bạn nhỏ khát máu của chúng ta không tới nơi đó sớm hơn tôi”.

“Cậu sẽ biết ngay sau khi tới đó mà”, ông Gunn nói, nét mặt tỉnh bơ.

“Trong lúc đó”, ông Helm nói, “tôi sẽ phái nhân viên theo dõi khắp nơi để tìm bất cứ đầu mối nào dẫn tới tổ chức đã thuê mướn những tên sát nhân”.

“Tôi phải nói với ngài, thưa Đô đốc”, ông Little nghiêm chỉnh nói với ông Sandecker, “đây không phải là nhiệm vụ hàng đầu của CIA. Nhưng tôi sẽ làm những gì có thể để lấp đầy những chỗ trống. Người của tôi sẽ tập trung chú ý vào những tổ chức thông tin quốc tế nằm ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ về những nghiên cứu thuộc ngành khảo cổ. Chúng tôi cũng sẽ đi đầu tra bất kỳ khám phá nào có dính líu tới những vụ sát nhân. Chứng cứ mới của ngài nhắm vào bọn tân Đức Quốc xã có thể chẳng đem lại giá trị gì”.

“Trễ còn hơn không, trong đám sương mù chúng ta lại may mắn có được sự chỉ dẫn từ vị phu nhân đáng yêu này”, ông Sandecker nói. Ông không phải là người tỏ ra có thái độ kẻ cả, đó là cách nói của ông dành cho hầu hết phụ nữ.

Pat mỉm cười, tự tin nhìn trả mọi đôi mắt của những người đàn ông trong phòng đang chiếu thẳng vào cô. “Tất nhiên, công việc của tôi là tìm cách giải mã những chữ khắc đó”.

“Những tấm ảnh bộn giết muốn chụp được sẽ được xử lý ngay từ bây giờ”, ông Gunn nói.

“Tôi cần một nơi để làm việc”, cô nói với vẻ nghi ngại. “Vì hiện tại tôi là một người mất tự do, tôi không thể tự do tới văn phòng của mình tại Đại học Pennsylvania để bắt đầu chương trình phân tích”.

Ông Sand mỉm cười. “Giữa Ron, Ken và tôi, có lẽ tại chỗ mỗi chúng tôi đều có những phương tiện tinh vi và những chuyên gia giỏi nhất thế giới. Bà cứ chọn”.

“Nếu tôi có quyền đề nghị, thưa Đô đốc”, Pitt nói, không tỏ ra thiên vị, “vì NUMA tiếp tục có liên hệ với những căn hầm và những đồ vật trong đó, có lẽ Tiến sĩ O’Connell sẽ thuận tiện hơn nếu làm việc với Hiram Yaeger trong hệ thống máy điện toán của chúng tôi”.

Ông Sandecker cố tìm xem có ý đồ không lương thiện nào trong đề nghị của Pitt không. Không thấy gì nên ông nhún vai. “Đó là lời mời dành cho bà đấy, thưa bà Tiến sĩ”.

“Tôi hoàn toàn tin tưởng ông Pitt. Nhờ làm việc chung với NUMA, tôi có thể tiếp cận những thông tin từ hai nhóm thám hiểm”.

“Vì bà chấp nhận, tôi sẽ bố trí Yaeger và Max dưới sự hướng dẫn của bà”.

“Max?”

“Món đồ chơi mới nhất của NUMA”, Pitt trả lời. “Một máy điện toán thông minh nhân tạo có khả năng diễn dịch những hình ảnh viết bằng tay”.

Pat hít vào một hơi thở sâu. “Tôi sẽ cần đến mọi giúp đỡ kỹ thuật từ bên ngoài mà tôi có thể có”.

“Xin chớ bận tâm”, Giordino nói với vẻ hài hước, “nếu những chữ viết tỏ ra quá cũ, có lẽ họ cũng sẽ viết ra một cuốn sách dạy nấu ăn kiểu cổ đấy”.

“Dạy nấu món gì?” ông Helm hỏi.

“Thịt dê”, Giordino trả lời. “Có một ngàn lẻ một cách nấu thịt dê cơ mà”.

“Xin tha lỗi câu hỏi, nhưng ông là Hiram Yaeger phải không?” Được tiếp thêm nhiệt tình, Pat đã quan sát toàn bộ mạng lưới máy vi tính khổng lồ chiếm trọn tầng mười Trụ sở NUMA. Cô đã nghe những chuyên gia máy tính tại Đại học Pennsylvania nói với giọng nể nang về những dữ liệu liên quan tới biên cả của NUMA. Đó là một trung tâm xử lý và lưu trữ một khối lượng khổng lồ những dữ liệu kỹ thuật số về đại dương chiếm trọn một căn phòng đến tận nóc.

Người đàn ông trông có vẻ nhếch nhác ngẩng trước một bảng đi đầu khiến hình móng ngựa tháo cái kính chống chói mắt xuống rồi chăm chú nhìn người phụ nữ đứng tại ngưỡng cửa căn phòng, nơi thiêng liêng của anh ta. “Tôi là Yaeger, chắc bà là Tiến sĩ O’Connell. Ngài Đô đốc bảo tôi chờ bà sáng nay”.

Hiram Yaeger trông không giống chút nào với hình ảnh cô tượng tượng về anh ta. Vì một lý do gì đó, Pat đã chờ đợi Yaeger phải giống một sự pha trộn giữa Bill Gates và Albert Einstein. Nhưng anh ta chẳng giống ai. Anh ta vẫn mặc cái quần jean Levis và cái áo khoác bên ngoài cái áo thun T-shirt. Hai bàn chân được che chở bởi một đôi bốt cũ mềm của những anh chàng cowboy như thể chúng đã phải tham gia nhiều cuộc đua ngựa trên những quảng đường dài. Mái tóc anh ta màu xám sẫm, dài, và được buộc thành một cái đuôi ngựa. Gương mặt trẻ thơ của anh ta được cao nhấc nhui làm nổi bật một cái mũi hẹp và đôi mắt màu xám.

Pat cũng ngạc nhiên không kém khi biết Yaeger sống trong một khu sang trọng tại Maryland, đã kết hôn với một nghệ sĩ xiếc thành công, và là cha của hai cô gái vào lứa tuổi “teen” đang theo học tại một trường tư có học phí rất cao. Sở thích riêng tư duy nhất của anh ta là sưu tập và lưu trữ những máy vi tính cũ và lỗi thời.

“Hy vọng tôi không làm gián đoạn công việc của ông”, Pat nói.

“Họ không đón bà tại thang máy và đưa bà tới địa bàn của tôi à?”

“Không, tôi chỉ lang thang quanh đây cho đến khi trông thấy một người trông chẳng giống Dilbert chút nào”.

Yaeger, một fan rất ái mộ tập tranh hài hước của Scott Adams, bật cười. “Tôi nghĩ mình nên đón nhận câu nói của bà như một lời khen. Tôi thật sự xin lỗi vì đã không nhờ người tiếp đón và đưa bà tới đây”.

“Xin đừng bận tâm. Tôi tự đảm nhận vai trò hướng dẫn viên du lịch mà. Đế quốc dữ liệu của ông đồ sộ thật. Chắc chắn không có thứ gì giống những trang bị tôi từng sử dụng tại đại học”.

“Bà dùng cà phê chứ?”

“Không, cảm ơn ông”, Pat nói. “Chúng ta làm việc ngay nhé?”

“Vâng, được ạ”, Yaeger lịch sự trả lời.

“Ông có những tấm ảnh chụp căn hầm đó chứ?”

“Phòng thí nghiệm vừa gởi cho tôi đêm qua. Tôi ở lại rất trễ để quét nó vào Max”.

“Dirk có nói với tôi về Max. Tôi rất mong được xem nó hoạt động”.

Yaeger kéo cái ghế tới cạnh chỗ ngồi của anh ta nhưng không đưa cho Pat ngay. “Nếu bà đi quanh vành đai đi đều khiên này và đứng ngay giữa khoảng trống của nó phía trước mặt chúng ta, tôi sẽ cho bà thấy tài năng độc đáo của Max”.

Pat bước vào và đứng ngay giữa khoảng trống vành đai bằng đi đều khiên, quay đầu nhìn Yaeger, chờ đợi. Khi cô bắt đầu quan sát, cái máy vi tính rít lên, màn hình của nó mờ đi trước mắt cô và sau đó biến mất hoàn toàn, và cô có cảm giác bị vây bọc giữa một khối sương mù mờ đục. Rồi những vách tường và trần nhà trở nên rõ ràng hơn, và cô nhận ra mình đang đứng trong một căn phòng giống hệt bản sao của căn phòng tại khu mỏ Paradise. Cô tự nhủ đây chỉ là ảo giác do chính cô tạo ra, nhưng nó cho cô một cảm giác rất thật, đặc biệt là lúc những chữ khắc bắt đầu hình thành trên những bức tường rất rõ nét.

“Thật kỳ diệu”, cô nói khẽ.

“Max có tất cả mọi ký hiệu tượng trưng từ những tấm ảnh được lập trình vào bộ nhớ của nó, nhưng dù chúng ta có một màn hình kiểm tra với kích thước của một màn ảnh nhỏ của rạp hát bóng, tôi nghĩ bà sẽ đạt hiệu quả cao hơn khi đọc những hàng chữ khắc đúng như tình trạng thực sự của nó lúc đầu”.

“Vâng, đúng thế”, Pat nói, cô bắt đầu bị kích động. “Được nghiên cứu toàn bộ những chữ khắc trong tình trạng y như thật quả là một thuận lợi rất lớn. Cảm ơn ông và cảm ơn Max”.

“Bà hãy trở lại và gặp Max nhé”, giọng nói của Yaeger từ phía sau căn phòng ảo vọng lại. “Sau đó chúng ta bắt tay vào công việc”.

Pat lúng túng kêu lên, “Tôi không thể”, vì căn phòng trở nên rất thực. Nhưng lúc bước tới, cô dễ dàng đi xuyên qua bức tường như thể cô là một

bóng ma, và cô gặp lại Yaeger phía sau vành đai đi đầu khiên.

“Max”, Yaeger gọi, “hãy đến gặp Tiến sĩ O’Connell đi”.

“Bà mạnh khỏe chứ?” một giọng phụ nữ dịu dàng vọng lại.

Pat nhìn Yaeger với ánh mắt dò hỏi. “Max là một phụ nữ?”

“Tôi đã lập trình giọng nói của mình vào chương trình đầu tiên của máy tính. Nhưng sau đó, để bớt về gay gắt, tôi lại quyết định tốt hơn nên nghe giọng nói của một phụ nữ hơn là nghe một giọng đàn ông”.

“Đó là một giọng nói được tạo ra bằng cách kích hoạt?”

Yaeger mỉm cười. “Max là một hệ thống thông minh nhân tạo. Không có nút nhấn. Chỉ cần nói với nó như với một người bình thường”.

Pat nhìn quanh. “Có máy vi âm chứ?”

“Có sáu cái, nhưng chúng rất nhỏ, bà không nhận ra đâu. Bà có thể đứng tại bất kỳ chỗ nào trong phạm vi hai mươi bộ”.

Với vẻ nôn nóng, Pat gọi, “Max?”

Trên màn hình rộng lớn gần đó hiện ra một khuôn mặt phụ nữ. Cô ta nhìn Pat với vẻ sống động. Cô ta có đôi mắt của loại đá quý màu nâu và mái tóc màu nâu đỏ. Cặp môi rộng mở để lộ hai hàm răng trắng bóng sau một nụ cười. Đôi vai xuôi xuống hai đầu vú đúng ngay vị trí hai nút nhấn trên bảng đi đầu khiên. “Xin chào Tiến sĩ O’Connell. Tôi rất vui được gặp bà”.

“Vui lòng gọi tôi là Pat”.

“Tôi sẽ gọi bắt đầu từ lúc này”.

“Cô ấy đáng yêu quá”, Pat nói với giọng ngưỡng mộ.

“Cám ơn bà”, Yaeger mỉm cười. “Tên cô ấy là Elsie, đó là tên vợ tôi”.

“Ông và Elsie làm việc hợp nhau chứ?” Pat hỏi với vẻ hài hước.

“Hầu hết mọi lúc. Nhưng nếu tôi tỏ ra bất cần, cô ta sẽ dễ dàng trở nên nóng nảy và cáu gắt ngay”.

“Okay, ta bắt đầu thôi”. Pat nói khẽ như một hơi thở. “Max, cô đã phân tích những ký hiệu được quét trong hệ thống của cô chưa?”

“Xong rồi”. Giọng Max trả lời rõ ràng như một con người thực sự.

“Cô có thể giải mã và phiên dịch bất kỳ ký hiệu nào sang mẫu tự tiếng Anh chứ?”

“Tôi chỉ mới khảo sát bề mặt, nhưng tôi tin sẽ tiến bộ hơn. Những chữ khắc trên trần căn hầm có vẻ là một bản đồ các ngôi sao”.

“Giải thích đi”, Yaeger ra lệnh.

“Tôi xem nó như một hệ thống những chi tiết tinh vi được dùng trong khoa thiên văn học để xác định vị trí những thiên thể trong bầu trời. Tôi nghĩ nó có thể gọi ra những ý niệm về độ lệch của những ngôi sao được nhìn thấy trong bầu trời trên một phần đặc biệt của Trái Đất trong những thời kỳ quá khứ”.

“Có nghĩa là, vì những lệch lạc chuyển động quay của Trái Đất nên những ngôi sao cũng thay đổi vị trí theo thời gian?”

“Đúng thế, thuật ngữ khoa học gọi là hiện tượng tuế sai và dao động địa trục”, Max giải thích. “Vì Trái Đất phình ra dãn quanh đường xích đạo của nó do chuyển động xoay tròn, lực hấp dẫn của Trái Đất trở nên lớn hơn quanh đường xích đạo và tạo ra sự rung lắc nhẹ của trục Trái Đất. Các vị cũng sẽ thấy hiện tượng tương tự đối với những hành tinh khác, đều do trọng lực tạo ra. Hiện tượng đó gọi là tuế sai (sự lệch hướng hàng năm), và những dấu vết của nó là một hình nón tròn trong không gian xảy ra trong những chu kỳ cách nhau hai mươi lăm ngàn tám trăm năm. Còn hiện tượng dao động địa trục, còn gọi là hiện tượng lắc lư, chỉ là một chuyển động nhỏ nhưng bất thường, làm lệch cực của thiên hà một phần sáu độ cứ mỗi chu kỳ mười tám năm và sáu phần mười của một năm”.

“Tôi biết hiện tượng đó sẽ xảy ra trong một tương lai gần”, Pat nói. “Sao Bắc đẩu sẽ không còn nằm ở vị trí chính bắc nữa”.

“Đúng thế”, Max tán đồng. “Khi sao Bắc đẩu lệch hướng, một ngôi sao khác sẽ di chuyển vào vị trí phía trên Bắc Cực trong vòng gần ba trăm bốn mươi lăm năm. Đúng một trăm năm trước Công nguyên, mùa xuân có ngày và đêm dài bằng nhau. Tôi xin lỗi, nhưng quý vị có quen với hiện tượng đó không?”

“Nếu tôi còn nhớ lúc học môn thiên văn tại đại học”, Pat nói, “thì hiện tượng đó xảy ra khi mặt trời cắt ngang xích đạo của thiên hà từ phía nam lên phía bắc trong suốt mùa xuân”.

“Hay lắm”, Max khen ngợi Pat. “Bà nói như một giáo sư đại học giảng bài tại giảng đường. Nhân tiện, xin nhắc lại là trước Công nguyên, hiện tượng phân cực đầu nhau giữa ngày và đêm cũng xảy ra với chòm sao Aries. Do hiện tượng tuế sai, sự phân cực giữa ngày và đêm đang xảy ra với sao Song Ngư và đang hướng về sao Bảo Bình”.

“Những gì tôi nghĩ về điều bạn nói với chúng tôi”, Pat nói, cảm giác hưng phấn bắt đầu xâm chiếm cô, “là những ký hiệu trông giống những

ngôi sao trên trần căn hần là nhằm trình bày sự phù hợp tọa độ của hệ thống những ngôi sao trong quá khứ”.

“Đó là những gì tôi đọc được từ những tấm ảnh chụp trần căn hần”, Max nói. “Liệu con người thời cổ đại có đủ kiến thức khoa học để tạo ra một hình chiếu chính xác như thế?”

“Tôi cho rằng bất kỳ người nào đã khắc bản đồ thiên thể đó lên trần căn hần đều là những nhà thiên văn học lỗi lạc trong vài trăm năm gần đây thôi. Họ tính toán chính xác dải Ngân hà, vị trí mặt trời, mặt trăng và những hành tinh trong đó. Bản đồ còn cho thấy quỹ đạo các hành tinh, kể cả sao Diêm vương mới được khám phá trong thế kỷ trước. Người ta khám phá những ngôi sao Betelgeuse, Sirius và Procyon vẫn còn trong vị trí thường trực của chúng, trong lúc những chòm sao khác di chuyển rất ít trong nhiều ngàn năm. Hãy tin tôi, những người cổ đại này hiểu rõ việc làm của họ khi họ quan sát những ngôi sao”.

Pat nhìn Yaeger. “Nếu Max có thể giải mã sự hòa hợp giữa những ngôi sao được chạm khắc trong căn phòng đó, chúng ta có thể xác định thời điểm nó được tạo ra”.

“Cùng đáng bỏ công”.

“Tôi mới chỉ giải mã một phần nhỏ hệ thống những con số”, Pat nói. “Đi đâu đó có giúp gì cho bạn không, Max?”

“Bà đừng bận tâm. Tôi đã phiên dịch xong hệ thống các con số. Tôi nhận thấy hệ thống này thật hoàn hảo bởi sự đơn giản của nó. Tôi không thể đợi giải quyết xong những chữ khắc rồi mới đụng tới nó”.

“Max?”

“Vâng, ông Hiram”.

“Hãy tập trung nỗ lực vào chuyện giải mã các ký hiệu những ngôi sao và tạm xếp lại những chữ khắc kể từ lúc này”.

“Ông muốn tôi phân tích bản đồ những ngôi sao?”

“Hãy làm với khả năng cao nhất”.

“Tôi hẹn đến năm giờ chiều nhé. Tới lúc đó có lẽ tôi sẽ giải quyết xong”.

“Tùy cô thôi”, Yaeger trả lời.

“Max chỉ cần vài giờ cho một dự án đòi hỏi phải mất nhiều tháng, thậm chí nhiều năm?” Pat hỏi với vẻ ngờ vực.

“Đừng bao giờ đánh giá thấp Max”, Yaeger nói, xoay tròn trong cái ghế rồi nhấp một ngụm cà phê đá. “Tôi đã trải qua một thời gian làm việc

chung với Max. Không có một hệ thống máy tính nào trên thế giới giống như nó. Tôi nghĩ trong năm năm nữa, nó vẫn chưa lỗi thời đâu. Nhưng trong lúc này, cũng chẳng có gì nhiều để nó làm. Nó là độc nhất, nó là trái tim và linh hồn của tôi và NUMA”.

“Còn vấn đề tác quyền thì sao? Chắc chắn ông phải được hưởng những quyền lợi đối với chính phủ chứ?”

“Đồ đốc Sandecker không phải là một người có đầu óc quan liêu bình thường. Chúng tôi đã có một hợp đồng miệng với nhau. Tôi tin ông ấy, và ông ấy tin tôi. Năm mươi phần trăm thu nhập trong một vụ được chúng tôi dành cho tác quyền, nghĩa là trang trải cho việc sử dụng những dữ liệu tích lũy do các đoàn thể tư nhân hoặc các cơ quan chính phủ đã cung cấp NUMA. Năm mươi phần trăm còn lại thuộc về tôi”.

“Chắc chắn ông đang làm việc cho một người có đầu óc liêm chính. Bất cứ một ông chủ nào khác cũng sẽ tặng ông một món quà, chẳng hạn một đồng hồ đeo tay bằng vàng, với một cái vỏ nhẹ lên lưng và chỉ gửi tiền lương của ông vào ngân hàng”.

“Tôi may mắn được làm việc với những người chân chính”, Yaeger trang trọng nói. “Ông Đồ đốc, ông Rudi Gunn, Al Giordino và Dirk Pitt; tất cả bọn họ cho tôi cảm giác hãnh diện được gọi họ là bạn”.I

“Chắc ông đã biết họ từ lâu”.

“Gần mười lăm năm. Chúng tôi đã có nhiều thời gian bên nhau và đã giải quyết bất kỳ vấn đề nào về biên cả”.

“Trong lúc chờ đợi Max trở lại, tại sao chúng ta không bắt đầu phân tích những ký hiệu trên vách đá? Có lẽ chúng ta có thể tìm ra một đầu mối về ý nghĩa của chúng”.

Yaeger gật đầu. “Chắc chắn mà”.

“Ông có thể tái hiện những chữ khắc trong phòng chứ?”

“Muốn thì được thôi”, Yaeger nói, vừa gõ bàn phím ra lệnh, và hình ảnh những vách đá trong căn hầm lại hiện ra trên màn hình.

“Muốn giải mã những mẫu tự của một dạng chữ viết chưa biết, cách đầu tiên là tách rời những phụ âm ra khỏi những nguyên âm. Khi không thấy có chỉ dẫn nào gọi ra những ý tưởng hoặc đối tượng, tôi liếc nhìn những ký hiệu là những mẫu tự và chúng tượng trưng cho âm thanh hoặc lời nói”.

“Nguồn gốc của mẫu tự đầu tiên là gì?” Yaeger hỏi.

“Bằng chứng rõ rệt thì rất ít, nhưng hầu hết những nhà nghiên cứu chữ khắc đầu tin nó được sáng chế trong khoảng thời gian từ năm 1.700 đến 1.500 trước Công nguyên trong ngôn ngữ của người Semit trong hệ ngôn ngữ Hebrew và A Rập. Nhưng nhiều học giả không đồng ý. Họ có khuynh hướng chấp nhận quan điểm những nền văn hóa sơ khai tại khu vực Địa trung hải đã phát triển sự hiểu biết về một hệ thống mẫu tự từ những ký hiệu hình học thời tiền sử. Sau đó rất lâu, người Hy Lạp tiếp nhận và biên cải những mẫu tự. Và chữ viết của chúng ta ngày nay có liên hệ với loại mẫu tự của họ. Những phát triển xa hơn đến từ người Etruse, theo sau là người La Mã. Họ đã vay mượn nhiều từ ngôn ngữ viết của Latinh và sau cùng tạo ra hai mươi sáu mẫu tự chúng ta dùng ngay nay”.

“Ta bắt đầu từ đâu?”

“Sẽ bắt đầu từ những ký hiệu đơn giản”, Pat nói, vừa tham khảo những ghi chép của cô. “Tôi chưa hề biết bất kỳ hệ thống chữ viết cổ đại nào có những ký hiệu trùng hợp với những chữ khắc trong căn hầm. Những chữ khắc này có vẻ không chịu một ảnh hưởng nào khác, và đó là điều bất thường nhất. Chỉ có một chút tương đồng với hệ thống mẫu tự Ogham của người Celt tại Tây Âu, nhưng kết cục vẫn không giống nhau”.

“Hầu như tôi quên cái này”, Yaeger đưa cho cô một vật giống như cái dùi cui, một đầu có gắn một máy camera cực nhỏ. “Max đã được mã hóa các ký hiệu. Nếu bà muốn tôi giúp trong giới hạn của tôi với bất kỳ giả định nào, hãy nhắm cái camera vào ký hiệu đó và chuỗi ký hiệu kế tiếp của những chữ khắc bà muốn nghiên cứu, và tôi sẽ khai triển một chương trình giải mã”.

“Nghe hay lắm”, Pat nói, cảm thấy hài lòng với niềm hy vọng mới. “Trước hết, chúng ta hãy lên danh sách những ký hiệu khác nhau, và đếm xem mỗi ký hiệu xuất hiện bao nhiêu lần. Sau đó chúng ta có thể thử biến nó thành những từ ngữ”.

“Giống như từ < and and > chẳng hạn”.

“Hầu hết chữ viết cổ không bao gồm những từ được chúng ta thừa nhận ngày nay”.

Họ làm việc suốt ngày không nghỉ lúc nào. Buổi trưa, Yaeger gọi lời nhắn xuống quán cà phê của NUMA, yêu cầu cung cấp sandwich và thức uống nhẹ. Pat bắt đầu cảm thấy thất vọng. Những ký hiệu trông có vẻ đơn giản lạ lùng và việc giải mã sẽ dễ dàng, nhưng đến năm giờ chiều, cô đạt quá ít kết quả, nếu không nói chẳng đạt được gì.

“Tại sao hệ thống chữ số dễ dàng giải mã, nhưng những mẫu tự lại khó đến thế?” Cô bối rối lắm lắm.

“Tại sao chúng ta không đợi đến mai sẽ làm tiếp?” Yaeger đề nghị.

“Tôi chưa mệt mà”.

“Tôi cũng vậy”, Yaeger tán thành. “Nhưng chúng ta cũng nên nghỉ ngơi một lúc. Tôi chưa biết bà thế nào, chứ tôi thì luôn luôn chỉ có những cách giải quyết công việc tốt nhất vào lúc nửa đêm. Hơn nữa, Max cũng không cần ngủ. Tôi sẽ nhờ cô ta giải mã những chữ khắc trong đêm. Đến sáng, có lẽ cô ta sẽ có vài ý tưởng về việc phiên dịch”.

“Tùy ông sắp đặt công việc”.

“Trước khi nghỉ ngơi, tôi sẽ gọi Max để xem cô ta giải quyết bản đồ những ngôi sao tới đâu rồi”.

Mấy ngón tay của Yaeger chẳng hề động đến bàn phím máy tính. Anh ta chỉ nhấn một cái nút và nói, “Max, cô còn ở đó chứ?”

Gương mặt với đôi mắt quắc lên của Max hiện ra trên màn hình. “Cái gì cản trở ông và Tiến sĩ O’Connell khiến hai người chậm gọi tôi thế? Tôi đã chờ các vị gần hai tiếng đồng hồ”.

“Rất tiếc, Max”, Yaeger nói, chẳng có dấu hiệu gì là rất tiếc. “Chúng tôi bận”.

“Bạn chỉ mới làm việc được vài giờ thôi mà”, Pat thực thà nói. “Bỏ cuộc rồi à?”

“Bỏ cuộc ư, làm gì có chuyện đó”, Max càu nhàu. “Tôi có thể trả lời chính xác những gì các vị muốn biết”.

“Hãy bắt đầu cho chúng tôi biết bằng cách nào cô tìm ra được câu kết luận”, Yaeger yêu cầu.

“Các vị không nghĩ tôi lại tính toán được sự chuyển động của những ngôi sao phải không?”

“Đó là công việc của cô mà”.

“Tại sao tôi phải hành hạ mấy con chip của tôi, trong lúc tôi có thể buộc máy tính khác làm công việc đó”.

“Thôi mà, Max. Hãy cho chúng tôi biết cô đã phát hiện cái gì nào?”

“Được thôi. Trước hết, việc tìm kiếm tọa độ các thiên thể trong các bầu trời đòi hỏi một tiến trình hình học phức tạp. Tôi sẽ không đi vào chi tiết phiến hà nhờ đó tôi xác định được độ cao, phương vị, đường lên thẳng và độ lệch của các ngôi sao. Việc của tôi là xác định những vị trí nơi các tọa độ được chọn khắc vào vách đá trong căn hầm đã được đo đạc. Tôi tìm

cách tính toán những vị trí nguyên thủy, nơi những nhà quan sát đứng quan sát những ngôi sao, chỉ chênh lệch vài dặm. Họ cũng từng đo độ lệch hàng năm của những vì sao. Ba ngôi sao trong vành đai của chòm sao Orion, sao Liệp hộ, tất cả đều chuyển dịch. Sao Sirius, sao Thiên cầu nằm gần chòm Orion thì vẫn cố định. Với những số liệu này trong tay, tôi gõ vào bàn phím máy vi tính thiên văn của Trung tâm Khoa học Quốc gia”.

“Cô làm tôi xấu hổ quá, Max”, Yaeger nói với giọng trách móc. “Cô có thể gây rắc rối lớn cho tôi khi cô tấn công một mạng lưới máy tính khác”.

“Tôi nghĩ cái máy tính thiên văn của Trung tâm Khoa học Quốc gia thích tôi lắm. Anh ta hứa sẽ đáp ứng mọi yêu cầu của tôi đấy”.

“Hy vọng cô có thể bắt hắn giữ lời hứa”, Yaeger lầu bầu. Anh ta không muốn Max dính vào hành động đó. Chỉ vì anh ta đã hàng trăm lần xâm nhập trái phép vào những mạng lưới máy tính của thiên hạ để thu nhập những dữ liệu không thuộc thẩm quyền của mình.

“Khoa định vị những ngôi sao”, Max tiếp tục dừng dừng, “trong trường hợp các vị không biết, là một trong những phân ngành cổ nhất của khoa thiên văn, và nó chuyên về việc xác định sự di chuyển của các ngôi sao”. Max dừng lại một lúc. “Theo kịp tôi chứ?”

“Nói tiếp đi”, Pat hồi thúc.

“Anh chàng máy vi tính của Trung tâm Khoa học Quốc gia không hội đủ những tiêu chuẩn như tôi, tất nhiên, nhưng vì đây là một chương trình cơ bản dành cho anh ta, nên tôi dỗ ngọt anh ta khám phá độ lệch giữa những vị trí của sao Sirius và chòm sao Orion vào lúc căn hần được tạo ra với những tọa độ lúc đó của chúng trong bầu trời”.

“Bạn đã xác định tuổi căn hần đó?” Pat thì thầm, cô nín thở.

“Tôi đã”.

“Có phải căn hần là một trò lừa đảo?” Yaeger hỏi, có vẻ anh ta sợ câu trả lời.

“Không, trừ phi những người thợ mỏ khai thác đá quý của bang Colorado ngày xưa là những nhà thiên văn xuất chúng”.

“Làm ơn đi, Max”, Pat nài nỉ. “Căn hần đó được xây dựng lúc nào cùng với những chữ khắc trên vách đá của nó?”

“Các vị phải nhớ rằng thời gian phỏng đoán của tôi được tính bằng thế kỷ đấy”.

“Nó lâu hơn một thế kỷ à?”

“Quý vị có tin”, Max nói chậm rãi, cố làm tăng sự hồi hộp, “nó đã xuất hiện từ chín ngàn năm không?”

“Cô nói gì thế?”

“Tôi nói căn phòng của các vị được chạm khắc trên đá vào một thời điểm nào đó trong năm 7.100 trước Công nguyên”.

Giordino đưa chiếc máy bay có cánh quạt nghiêng Bell-Boeing 609 vào bầu trời bên ngoài thành phố Cape Town, Nam Phi, sau bốn giờ sáng một lúc. Cất cánh như một trực thăng, nó bốc lên thẳng góc với mặt đất cho tới lúc nó đạt độ cao năm trăm bộ, Giordino mới điểu khiển chiếc máy bay bay ngang với tốc độ bình phi.

Chiếc Bell-Boeing chở được chín hành khách, nhưng trong chuyến bay này nó trống trơn, trừ một số những trang bị mưu sinh được buộc chặt dưới sàn. Giordino đã thuê chiếc máy bay này tại Cape Town vì chiếc tàu nghiên cứu gần nhất của NUMA cách đảo Crozet hơn một ngàn dặm.

Một máy bay trực thăng không thể thực hiện một chuyến đi dài hai ngàn bốn trăm dặm mà không tiếp nhiên liệu ít nhất bốn lần, và một máy bay vận tải bình thường tuy có thể bay xa như thế nhưng lại không có nơi hạ cánh khi nó bay tới hòn đảo núi lửa. Chiếc 609 cánh quạt nghiêng có thể đáp xuống trên bất kỳ địa hình nào mà một trực thăng có thể đáp nên nó có vẻ là một máy bay lý tưởng cho công việc này. Do những cơn gió chướng, chuyến bay phải mất trung bình bốn giờ đồng hồ cho một lượt đi hoặc về. Nhiên liệu cũng được giám sát chặt chẽ. Thậm chí với hai cánh máy bay được biến cải để chứa nhiên liệu, Giordino đã tính toán anh chỉ dư được một giờ rưỡi để bay đi và trở về lại Cape Town. Như vậy là không an toàn cho một chuyến bay bình thường, nhưng Giordino là một gã không bao giờ chịu chơi một canh bạc anh cần chắc phần thắng.

Ba mươi phút sau, lúc đạt tới độ cao mười hai ngàn bộ, và khi nghiêng cánh về phía đông nam trên Ấn Độ Dương, anh nhìn đồng hồ báo nhiên liệu và đồng hồ chỉ tốc độ gió, rồi quay sang người đàn ông nhỏ con ngồi trên ghế dành cho phi công phụ.

“Nếu ông có hối tiếc đã tham gia chuyến phiêu lưu bốc đồng này, tôi cũng phải nói thật là đã quá trễ để thay đổi ý định”.

Ông Rudi Gunn mỉm cười. “Tôi sẽ bị ông Đô đốc luộc chín vì cái tội lén theo cậu khi ông ta biết tôi không ngửi sau bàn giấy của tôi tại Washington”.

“Ông sẽ xin lỗi bằng cách nào vì đã vắng mặt những sáu ngày?”

“Tôi đã dặn văn phòng của tôi nói tôi bay vào biển Baltic để kiểm tra một dự án tìm kiếm tàu chìm của NUMA được khảo sát chung với những nhà khảo cổ Đan Mạch”.

“Có một dự án như vậy à?”

“Có, về một hạm đội gồm những chiếc tàu Viking bị đánh chìm”.

Giordino đưa cho ông Gunn hai bức hải đồ. “Đây, ông có thể chỉ cho tôi nơi đó chứ?”

“Đảo St. Paul lớn cỡ nào?”

“Khoảng hai dặm rưỡi vuông”.

Ông Gunn nhìn Giordino qua cặp kính dày cộm. “Xin thề là”, ông đi kèm đàm nói, “chúng ta sẽ không đi theo dấu chân của Amelia Earhart và Fred Noonan”.

Sau khi bay được ba giờ, họ bớt hao nhiên liệu khi máy bay được một cơn gió thuận chiều với vận tốc năm nút đầy tới. Ấn Độ Dương mờ dần phía sau khi họ lọt vào bầu trời u ám vì những đám mây từ hướng đông kéo tới, mang theo mưa. Giordino bay lên cao để tìm không khí sáng sủa và bầu trời xanh. Chiếc 609 bốc khỏi những đám mây trắng nõn nà như bông đang bay bên dưới như một mặt biển nổi sóng.

Giordino có một khả năng lạ lùng là có thể ngủ chỉ trong mười phút rồi đột ngột thức giấc để kiểm tra những phương tiện đo đạc trên máy bay và thực hiện những mệnh lệnh của ông Gunn trước khi lơ mơ ngủ trở lại. Anh ta lặp lại tiến trình đó nhiều lần đến nỗi ông Gunn chẳng buồn đếm nữa, và không bao giờ thay đổi qui định mười phút của mình, dù chỉ thêm hoặc bớt một phút.

Thực ra, họ chẳng hề lo sợ bị lạc hoặc không nhìn thấy hòn đảo. Chiếc 609 được trang bị một hệ thống định vị địa cầu của ngành hàng hải. Với hệ thống này, họ có thể đo khoảng cách đến những vệ tinh nhân tạo, các kinh tuyến, vĩ tuyến và độ cao chính xác đều được tính toán, và những dữ liệu này được lập trình vào máy tính của máy bay, nên ông Gunn có thể xác định hướng đi, vận tốc, thời gian và khoảng cách tới điểm đến của họ.

Không giống Giordino, ông Gunn là một người bị chứng mất ngủ. Ông cũng là một người cả lo, như cách gọi Giordino dành cho ông. Gunn

không thể cảm thấy thoải mái dù đang nằm dưới một cây cọ trên bờ biển Tahiti. Ông liên tục nhìn đồng hồ đeo tay, và xác định vị trí của họ giữa hai lần quan sát tấm không ảnh chụp hòn đảo.

Lúc Giordino tỉnh ngủ và nhìn lướt qua bảng kiểm soát các thiết bị đo đạc, ông Gunn vỗ lên cánh tay anh. “Đừng ngủ nữa. Cậu chuẩn bị đáp xuống là vừa. Tôi đã nhận ra hòn đảo chỉ còn cách chúng ta bốn mươi dặm phía trước mặt”.

Giordino rửa mặt với nước lấy từ một bi đông rồi đẩy nhẹ cần kiểm soát về phía trước. Rất chậm rãi, chiếc 609 bắt đầu xuống thấp dần, lướt qua những đám mây chẳng chịt phía dưới. Không thể nhìn bằng mắt, Giordino chỉ còn một cách là theo dõi cây kim đồng hồ đo độ cao đang chuyển động ngược chiều kim đồng hồ, nhưng anh vẫn ngó chừng vào lớp sương mù trước mặt qua kính chắn gió của máy bay. Rồi, bất chợt, ở độ cao năm ngàn bộ, họ thoát khỏi bầu trời u ám và lại nhìn thấy biển lần đầu tiên sau ba giờ bay.

“Thuận lợi chứ, ông Rudi”, Giordino tự khen mình. “Đảo St. Paul có vẻ chỉ cách chúng ta năm dặm phía trước, không tới hai độ về mạn phải máy bay”.

“Hai độ”, ông Gunn nói. “Lần sau tôi phải làm tốt hơn”.

Khối không khí mờ đục lúc này đang ở sau lưng họ. Những cơn gió chướng không quấy rối nữa. Giordino kéo cần điều khiển động cơ về phía sau, tiếng gầm của động cơ trở nên vo ve như tiếng một bầy ong đập cánh. Cơn mưa nặng hạt đã lắng xuống, những giọt nước mưa vẫn đập xuống kính chắn gió trước buồng lái. Anh hướng mũi máy bay lên trên những vách đá cao như những vật che chở hòn đảo trước sự va đập không ngừng của sóng biển.

“Ông đã chọn được bãi đáp chưa?” Giordino hỏi và chăm chú nhìn hòn đảo nhỏ với ngọn núi đơn độc của nó như thể nó là một khối hình chóp khổng lồ nhô lên từ mặt biển. Không một dấu hiệu của bờ biển hoặc một vạt đất trống. Chung quanh đảo, tròn một góc ba trăm sáu mươi độ, chỉ toàn thấy những vách đá.

Ông Gunn đặt cái ống dòm xuống. “Tôi đã rà xem từng tấc trên đảo nhưng chẳng thấy một công trình xây dựng nào. Không có gì khác ngoài những vách núi. Máy công ty khai thác đá chắc hẳn sẽ khoai nơi này lắm”.

“Đừng bảo tôi là chúng ta tới đây chỉ để bay lộn về lại nhè”, Giordino nói chua chát.

“Tôi đâu có nói chúng ta không thể hạ cánh. Vạt đất phẳng duy nhất trên đảo nằm gần chân núi về phía tây. Trông có vẻ còn nhỏ hơn một rìa mép vách đá, có lẽ chỉ rộng khoảng một trăm bộ”.

Giordino có vẻ lo sợ thực sự. “Thậm chí ngay cả trên màn ảnh cũng chẳng có chuyện đáp máy bay xuống sườn núi bao giờ”.

Ông Gunn chỉ tay qua kính chắn gió. “Kìa, bên trái cậu. Trông không ấi như tôi nghĩ”.

Từ góc nhìn của Giordino, khoảng trống dựa mép núi trông giống như sàn một chiếc xe tải nhỏ không mui. Bàn chân anh rà lên bàn đạp đi ầu khiến chong chóng lái, đi ầu chỉnh góc độ và vận tốc đáp xuống của máy bay với những bánh lái chỉnh độ cao và cánh thẳng bằng. Anh th ầi cảm ơn trời đã cho anh một luồng gió ngay chính diện, và thậm chí, nó chỉ thổi nhẹ với vận tốc bốn nút. Anh có thể nhìn thấy những tảng đá nằm rải rác trên mặt bãi đáp quá nhỏ, nhưng không có tảng đá nào đủ lớn để gây nguy hiểm cho bộ càng bánh xe đáp của máy bay. Một bàn tay rời khỏi tay lái và bắt đ ầi khéo léo đi ầu khiến những c ầi tốc độ động cơ cánh quạt, từ đường bay ngang trở thành thẳng đứng cho tới khi máy bay đứng yên một chỗ như một trục thẳng. Những cánh quạt có đường kính lớn bắt đ ầi thổi bay những hòn đá nhỏ, và bụi bặm xoáy tròn thành những cụm mây mù mịt dưới những bánh xe đáp.

Lúc này Giordino chỉ bay bằng cảm tính, đ ầi cúi xuống, một con mắt dán lên mặt đất đang đến gần, con mắt kia bám vào vách đá dựng đứng của ngọn núi chỉ cách mạn phải máy bay chừng mười bộ. Và một cú sốc nhẹ khi những bánh xe chạm những tảng đá trên mặt đất, r ấi chiếc máy bay đáp xuống như một con ngỗng béo nằm ấp trên những quả trứng chưa nở của nó. Anh trút ra một tiếng thở phào thật lớn và kéo c ầi giảm tốc độ về phía sau trước khi tắt động cơ.

“Tới nhà r ấi”, anh nói nhẹ nhõm.

Gương mặt khó d ầi d ầi của ông Gunn biến thành một nụ cười méo mó. “Có ai nghĩ ngờ chuyện này không nhỉ?”

“Cánh máy bay phía bên tôi vừa chạm vách núi, còn ông?”

Trong lúc đáp xuống, sự chú ý của ông Gunn d ầi hết về phía vách núi, chỉ tới lúc này ông ta mới nhìn qua cửa sổ mạn phải. Cách cánh cửa máy bay một khoảng không hơn bốn bộ, bãi đáp đột ngột tuột xuống thành một vực thẳm sâu đến gần tám trăm bộ, chớp cánh máy bay lộ ra ngoài

khoảng không khá xa. Nụ cười tắt ngấm và gương mặt ông trắng bệch lúc ông quay sang Giordino.

“Bãi đáp không rộng như tôi tưởng”, ông thề thào, giọng gào.

Giordino tháo dây đai an toàn. “Có thể tìm ra lối đi vào căn hầm chúng ta phải xâm nhập không?”

Ông Gunn chìa tấm không ảnh ra và chỉ vào một hẻm núi nhỏ kéo dài từ bờ biển lên. “Đây là lối đi duy nhất mà một toán săn bắn có thể xâm nhập hòn đảo dùng nó để lên núi. Pitt bảo thế sau khi đọc cuốn nhật ký của chiếc tàu Madras. Ông đại tá và nhóm người của ông ta đã leo lên tới lưng chừng ngọn núi.

“Lúc này có lẽ chúng ta cũng đang ở độ cao đó”.

“Hẻm núi mở về hướng nào?”

“Hướng nam. Và để trả lời câu hỏi tiếp theo của cậu, chúng ta đang ở về phía tây ngọn núi. Với một chút may mắn, chúng ta sẽ không phải cuộc bộ quá ba phần tư dặm, chưa nói đến chuyện ta có thể tình cờ đi vào đường đi cũ mà ông đại tá đã đề cập tới”.

“Tạ ơn Trời đã tạo ra những đảo nhỏ”, Giordino nói. “Ông có nhận ra con đường trên tấm không ảnh?”

“Không, chẳng thấy dấu vết nào của nó cả”.

Họ tiếp tục tháo dây buộc những dụng cụ cứu hộ và mang những túi đeo lưng. Mưa lại tiếp tục, vì vậy họ mặc thêm áo mưa, che cả quần áo lẫn giày boots. Khi đã sẵn sàng, ông Gunn mở cửa máy bay bên dành cho hành khách và họ bước xuống mặt đất lờm chờm đá. Xa hơn mép bãi đáp là vực thẳm, và xa hơn nữa là Ấn Độ Dương mênh mông với những đợt sóng màu xám trắng. Để phòng xa, họ buộc chiếc máy bay vào những tảng đá lớn.

Bầu trời đầy đe dọa tạo cho hòn đảo càng có vẻ ảm đạm và hoang vu. Ông Gunn nhìn qua màn nước mưa rồi bảo Giordino dẫn đường, vừa chỉ tay về hướng ông muốn xuất phát. Họ đi chệch lên phía sườn núi, dừng lại phía trong những tảng đá lớn hơn, nơi mặt đất phẳng hơn và vững chắc dưới chân họ. Họ cố lách qua những gờ đá và những khe nứt hẹp, tìm cách đi lên mà không phải dùng những dụng cụ leo núi, một kỹ năng mà không người nào đã từng trải. Giordino tỏ ra không chút mệt mỏi. Thân hình vạm vỡ, tràn trề sức sống của anh rải những bước dài qua những tảng đá. Ông Gunn cũng không có vấn đề gì. Ông tỏ ra dẻo dai và bền bỉ hơn nhiều so với vẻ bên ngoài của mình. Ông bắt đầu rơi lại phía sau anh chàng to bệ

Giordino không do mệt mỏi, mà vì ông phải dừng lại mỗi lần đi được hai chục mét để lau cặp kính bị sương mù làm mờ đục.

Được nửa quãng đường băng qua sườn phía tây ngọn núi, Giordino dừng lại. “Nếu ông nhận định đúng thì con đường đá chỉ còn cách chúng ta một quãng ngắn, hoặc phía trên hoặc phía dưới chỗ chúng ta đang đứng”.

Ông Gunn ng ưỡn xuống, dựa lưng vào một tảng đá lớn và mịn, nhìn vào tấm không ảnh lúc này đã cong tại những góc và ướt sũng nước do không khí ẩm thấp. “Cứ cho là ông đại tá đã theo lối đi ít chướng ngại nhất từ hẻm núi, ông ta cũng phải dọn đường qua sườn núi khoảng một trăm bộ phía dưới chúng ta”.

Giordino ng ưỡn co mình lại, đặt hai bàn tay lên hai đầu gối và nhìn xuống con dốc. Anh như mê muội đi một lúc lâu trước khi quay lại nhìn ngay mặt ông Gunn. “Th ề có Chúa, tôi không hiểu ông làm chuyện đó bằng cách nào?”

“Cậu muốn nói gì?”

“Ba chục bộ dưới kia, nơi chúng ta đã ng ưỡn lúc nãy, là một lối đi hẹp được lót bằng những viên đá trơn mịn”.

Ông Gunn nhìn xuống. H ầu như chỉ trong một khoảng cách ngắn, ông trông thấy một lối đi, đúng hơn là một đường mòn, rộng khoảng bốn bộ được rải đá đã mòn nhẵn theo năm tháng. Lối mòn này mở ra hai hướng, nhưng những vụ lở đất đã làm nó đổ một phần xuống vực. Tại những vết nứt giữa những tảng đá, một loài cỏ lạ mọc lên. Trông nó giống ngọn rau diếp và mọc sát mặt đất.

“Chắc chắn đó là con đường được ông đại tá mô tả”, ông Gunn nói.

“Loại rau củ gì mọc ở đó?” Giordino hỏi.

“Một loại rau cải đắng. Nó cho một thứ dầu rất hăng, có thể luộc ăn được”.

“Vậy bây giờ thì ông đã hiểu tại sao không thể phân biệt lối đi trên tấm không ảnh. Những vạt cải đã che kín nó”.

“Phải. Giờ thì tôi hiểu rồi”, ông Gunn nói.

“Bằng cách nào nó lại xuất hiện tại một nơi như hòn đảo bị thương để bỏ rơi này nhỉ”.

“Có lẽ gió đã mang phấn hoa của nó vượt biển tới đây”.

“Ông muốn đi theo hướng nào của lối đi?”

Cặp mắt ông Gunn quét qua những hòn đá trải đầu trên lối đi về cả hai hướng cho đến khi chúng thoát khỏi tầm mắt ông. “Chắc chắn ông đại

tá đã tình cờ tìm thấy con đường này về phía bên phải chúng ta. Phía dưới chỗ này đã bị phá hủy vì hiện tượng sụt lở đất. Vì đoạn đường dẫn lên tới tận đỉnh núi nên căn hầm phải nằm sâu đó bên trên sườn núi. Do đó, chúng ta sẽ đi về bên trái rồi leo lên”.

Cẩn thận đặt từng bước chân lên những hòn nham thạch nằm lỏng lẻo trên mặt đất, họ nhanh chóng tới một nơi những hòn đá nằm có lớp lang, gọn gàng, và bắt đầu leo lên. Con đường phẳng phiu trông có vẻ lời cuốn, nhưng hiện tượng lở đất lại là một chuyện khác. Họ phải vượt qua hai chỗ như thế, mỗi nơi rộng gần ba mươi mét hoặc hơn. Họ đi thật chậm. Những hòn nham thạch nhọn hoắt và sắc như dao. Nếu trượt chân, thân thể họ sẽ lăn xuống sườn núi cho tới lúc đập vào những vách đá xa tít dưới kia, rồi rơi xuống biển.

Sau khi vượt qua chỗ đất lở cuối cùng, họ ngã xuống nghỉ ngơi. Giordino lơ đãng nhổ một cây cải và ném nó xuống chân núi, nhìn nó nảy lên và nát bét trong cuộc hành trình bất đắc dĩ. Nó thoát khỏi tầm nhìn của Giordino, và anh không trông thấy nước biển vắng tung tóe khi nó rơi trên mặt nước như một quả đạn ca nòng. Thay vì dội lại, bầu khí quyển trở nên nặng nề hơn. Những cơn gió chướng mạnh thêm và quất những hạt nước mưa làm rất mặt họ. Dù được bảo vệ trong những quần áo chống thời tiết khắc nghiệt, nước mưa vẫn len lỏi qua khăn quàng cổ của họ làm ướt những lớp y phục bên trong.

Ông Gunn đưa cho Giordino một bình thủy đựng cà phê lúc này chỉ còn ấm chút đỉnh. Bữa ăn trưa của mỗi người chỉ có bốn thời lương khô. Họ chưa lâm vào cảnh khốn đốn, nhưng chuyện đó chắc chắn không bao lâu nữa cũng sẽ xảy ra.

“Chúng ta chắc cũng gần đến nơi rồi”, ông Gunn nói, vừa theo dõi qua cái ống dòm. “Không thấy dấu hiệu nào của một vách núi lởm chởm kéo dài qua sườn núi phía trước mặt”.

Giordino nhìn những tảng đá mòn nhẵn nhô ra khỏi sườn núi. “Có lẽ căn hầm nằm ở phía bên kia núi”, anh lầu bàu. “Tôi không muốn bị giữ chân tại nơi này lúc tắt nắng”.

“Đừng lo, chúng ta còn những mười hai giờ đồng hồ trước khi trời sập tối”.

“Tôi vừa nghĩ đến một điếu”.

“Điếu gì?” ông Gunn hỏi.

“Trong vòng hai ngàn dặm, chỉ có hai chúng ta là con người”.

“Một ý nghĩ thật thú vị”.

“Sẽ thế nào, nếu chúng ta gặp một tai nạn và bị thương, và không thể bay khỏi nơi này? Thậm chí, dù muốn bay, tôi cũng không dám cất cánh trong lúc gió mạnh như thế này”.

“Ông Đô đốc sẽ gọi một đội cứu hộ tới ngay, sau khi chúng ta báo cáo cho ông ấy biết tình trạng của chúng ta”. Ông Gunn thọc tay vào túi và rút ra một máy điện đàm Trái Đất-Vệ tinh. “Ông ấy chỉ ở gần đây thôi mà”.

“Trong lúc chúng ta phải bó chân bó tay trên đám cỏ đắng này à? Không, cảm ơn ông”.

Ông Gunn lắc đầu, vẻ chịu đựng. Giordino là một gã luôn bất mãn, đi đâu đó đã trở thành căn bệnh nan y của anh ta, và nếu xảy ra tình trạng xấu, ông cũng không có ai bên cạnh ngoài anh chàng này. Tuy nhiên, chẳng ai trong hai người tỏ ra lo sợ. Họ chỉ ngại một đi đâu là cuộc thám hiểm của họ không thành công.

“Một khi đã xâm nhập căn hầm”, ông Gunn nói lớn, giọng ông lạc lõng trong gió, “chúng ta sẽ thoát khỏi trận bão và có thể hong khô quần áo”.

Giordino không còn lý do gì để càu nhàu. “Vây đi thôi”, anh nói và đứng lên. “Tôi bắt đầu cảm thấy mình chẳng khác gì một miếng bọt biển trong một xô nước bẩn”.

Không chờ đợi ông Gunn, anh đi về phía vách đá cách đó khoảng năm mươi mét dẫn lên con đường mòn cũ. Sườn núi trở nên dốc hơn và sau cùng dựng đứng như một tòa tháp bên trên họ. Một phần đường mòn đã sập hẳn, và họ phải hết sức thận trọng đi từng bước ngang qua vách đá. Tại một khúc quanh, họ đến một lối vào dẫn tới căn hầm bên dưới một mái vòm nhân tạo. Miệng hầm nhỏ hơn họ tưởng — cao khoảng sáu bộ, rộng bốn bộ - rộng bằng con đường mòn. Trong hang có vẻ tối tăm và đe dọa.

“Nó đấy, đúng như ông đại tá đã mô tả”, ông Gunn nói.

“Một trong hai chúng ta cũng nên hét lớn <Eureka> lắm chứ”, Giordino nói, hân hoan vì sau cùng thì họ cũng thoát khỏi mưa gió.

“Tôi không biết cậu sẽ làm gì, còn tôi, tôi sẽ trút bỏ áo mưa và túi đeo lưng, như thế tôi sẽ thoải mái hơn”.

“Tôi làm theo ông”.

Mấy phút sau, túi đeo lưng và áo mưa được bỏ lại trong đường hầm để sử dụng lúc trở lại máy bay. Họ lấy những đèn chiếu từ túi đeo lưng ra,

uống ngụm cà phê cuối cùng rồi đi sâu vào căn hầm trong lòng núi. Những vách đá được đục đẽo trơn tru không có những chỗ răng cưa hoặc lồi lõm. Nơi này có vẻ gì đó thật lạ lùng, vì bóng tối quái dị và chiều sâu hun hút của nó, cùng tiếng gió hú từ bên ngoài vọng vào.

Họ tiếp tục đi tới, nửa tò mò, nửa bức bối, theo sau ánh đèn của họ, tự hỏi rồi sẽ trông thấy cái gì. Đường hầm đột ngột mở rộng vào một căn phòng vuông vức. Giordino trở nên căng thẳng, đôi mắt anh như đông cứng lại lúc chùm tia sáng ngọn đèn chiếu tụ vào một bộ xương người gồm xương bàn chân, đùi, hông, rồi xương sườn và xương cột sống dính liền với một hộp sọ với những sợi tóc màu đỏ còn nhìn thấy được. Những mảnh áo quần tơi tả vẫn còn lủng lẳng trên bộ xương.

“Tôi tự hỏi bằng cách nào con quỷ đáng thương này lại lọt vào đây”, ông Gunn nói trong cảm giác tê liệt.

Giordino quét ngọn đèn khắp căn hầm, nhìn thấy một đồng lửa nhỏ đã tàn, nhiều dụng cụ và các thứ phụ tùng, tất cả như có vẻ được làm bằng tay từ nham thạch và gỗ. Ngoài ra còn có những tấm da hải cẩu và một đồng xương nằm tại góc đối diện.

“Phán đoán qua những mảnh quần áo còn lại của bộ xương, tôi có thể nói người này là một thủy thủ sống sót sau một vụ đắm tàu. Còn thời gian từ lúc lên đảo đến lúc anh ta chết kéo dài bao lâu thì chỉ có Chúa biết”.

“Kỳ lạ là ông đại tá không nói gì đến anh ta”, ông Gunn nói.

“Chiếc tàu Madras dừng lại không định trước để lấy nước ngọt sau khi bị thổi giạt rất xa khỏi hành trình của nó năm 1779. Kẻ bất hạnh này có lẽ đã lên đảo sau đó. Và không một chiếc tàu nào ghé lại đảo có lẽ từ năm mười hoặc đến cả trăm năm”.

“Tôi không thể hình dung anh ta đã sống những ngày khủng khiếp như thế nào. Đơn độc một mình giữa những tảng đá với cái lạnh khủng khiếp, chẳng may hy vọng sẽ được cứu sống, và nỗi sợ hãi về cái chết cô đơn lớn vồn trên đầu”.

“Anh ta đã gây được một đồng lửa”, Giordino nói. “Ông nghĩ anh ta dùng thứ gì để làm củi. Trên đảo chỉ có những bụi cây nhỏ”.

“Anh ta đốt bất kỳ thứ gì kiếm được...”. Ông Gunn dừng lại, quỳ xuống trên một đống gỗ và rà bàn tay qua đồng tro cho đến lúc tìm thấy cái gì đó. Ông ta đưa cao một vật trông giống phần còn sót lại của một chiếc xe ngựa dùng làm đồ chơi với hai con ngựa cháy xém gần hết. “Những đồ vật thủ công”, ông ta nói với vẻ ỉu rũ. “Anh ta đã đốt những đồ vật thủ công

bằng gỗ để sưởi ấm”. Rồi ông Gunn chiếu ngọn đèn về hướng Giordino và trông thấy một nụ cười vừa hiện ra trên miệng anh. “Cậu tìm thấy cái gì thú vị lắm à?”

“Tôi vừa nghĩ”, Giordino nói khẽ, “Không biết anh chàng đáng thương này đã ăn hết bao nhiêu cây cải”.

“Cậu cũng sống như hắn thì biết liề n chứ gì”.

Giordino chiếu ngọn đèn của anh lên những vách đá và nhìn thấy những chữ khắc có hình dáng giống như những gì anh đã thấy thoáng qua trong căn hầm tại khu mỏ Telluride. Một cái bệ bằng nham thạch màu đen nhô lên giữa sàn hầm, nơi đặt cái hộp sọ mà ông đại tá đã lấy đi. Chùm tia sáng cũng làm lộ ra một đồng đất đá do một vụ sập hầm gây ra, che lấp vách đá ở cuối căn hầm.

“Bên kia đồng đá có cái gì nhỉ?”

“Chắc là một vách đá khác”.

“Có thể, nhưng cũng không thể”. Giọng nói của ông Gunn chẳng nói lên được điều gì.

Sau nhiều năm gần gũi ông Gunn, Giordino rút tĩa được một kinh nghiệm là chớ vội kết luận ngay những gì người đàn ông nhỏ con này nói. Anh đưa mắt nhìn ông ta. “Ông cho rằng bên kia đồng đá là một đường hầm khác?”

“Tôi nghĩ thế”.

“Tiên sư chúng nó!” Giordino hít vào một hơi thở thật sâu. “Thế thì chúng nó đã tới đây trước chúng ta”.

“Cái gì khiến cậu nghĩ thế?”

Giordino chiếu ngọn đèn lên đồng đá. “Cách làm của chúng. Ở đây cũng như tại Telluride, chúng đều phá sập những đường hầm”.

“Tôi không nghĩ như cậu. Đồng đá này rất cũ, cũ lắm rồi, cứ xem lớp bụi phủ lên .những tảng đá thì thấy ngay. Tôi dám cá bằng tất cả quà Giáng sinh của tôi rằng đồng đá này là do hần sập đã xảy ra nhiều thế kỷ trước khi ông đại tá người Anh hoặc anh chàng bị đắm tàu đặt chân vào nơi này. Và cả hai người không ai đủ tò mò và nhọc công dọn sạch đồng đồ nát để tìm hiểu phía bên kia có gì”. Rồi ông Gunn bò lên những tảng đá và chiếu ngọn đèn vào đồng đồ nát. “Đồng đá có vẻ rất tự nhiên. Không phải do nóc hần bị phá sập. Tôi nghĩ chúng ta có thể dễ dàng qua bên kia”.

“Coi bộ tôi qua không nổi rồi”.

“Im miệng và đào đi”.

Sự việc đã chứng tỏ ông Gunn nhận xét đúng. Đồng đá không lớn lắm. Bất chấp những lời can ngăn của ông ta, Giordino làm việc như một con lừa. Là người khỏe hơn trong hai người, anh chọn những tảng đá nặng hơn, trong lúc ông Gunn dọn những tảng nhỏ hơn. Những động tác của anh vẫn nhanh nhẹn lúc nâng những tảng đá nặng cả trăm cân Anh, như thể chúng được làm từ vỏ cây bần. Không tới một giờ sau, họ đã tạo được một lối đi đủ rộng cho hai người bò qua.

Vì nhỏ con hơn nên ông Gunn bò qua trước. Ông dừng lại để chiếu đèn vào bên trong.

“Thấy gì không?” Giordino hỏi.

“Một hành lang ngắn dẫn vào một căn hần khác cách chúng ta chừng hai mươi bộ”. Rồi ông ta tiếp tục bò tới. Sau đó, đứng lên, phủi bụi bám đầy áo quần, dọn dẹp nhiều tảng đá đối diện, do đó, Giordino - với bờ vai lớn hơn - có thể dễ dàng lọt qua. Họ chần chừ một lúc, nhập chung hai chùm ánh sáng lại và rọi vào căn hần trước mặt.

“Tôi thấy vui vì đã nghe theo ông”, Giordino nói trong lúc thông thả bước tới.

“Tôi có linh cảm tương đối tốt. Tôi cá mười đô là sẽ không có kẻ nào tấn công chúng ta trong căn hần đó”.

“Tôi không cá đâu”.

Vẫn còn chút lo lắng, với cảm giác bối rối, họ đi vào căn hần thứ nhì và quét những ngọn đèn lên các vách đá và sàn hần. Không thấy những chữ khắc ở đây, nhưng họ như đông cứng vì ngạc nhiên trước quang cảnh hiện ra trong chùm ánh sáng vàng nhạt của những đèn chiếu. Họ nhìn trừng trừng vào hai chục cái xác ướp có vẻ là những biểu tượng tôn giáo trông thật rùng rợn, ngẩng trên những cái ghế đeo bằng đá. Hai xác ướp đối diện

lối vào được đặt trên một cái bệ nhô cao lên. Những xác ướp còn lại được xếp hai bên thành hình móng ngựa vuông góc.

“Nơi này là cái gì thế?” Giordino hỏi khẽ, có vẻ như anh chờ đợi những hồn ma từ bóng tối hiện ra.

“Chúng ta đang ở trong một ngôi mộ”, ông Gunn đoán phỏng. “Rất cổ, nếu căn cứ theo quần áo”.

Những xác ướp và những mái tóc màu đen của chúng được bảo quản trong một tình trạng khá tốt. Hình dạng những khuôn mặt hoàn toàn còn nguyên vẹn, quần áo cũng vậy với đủ màu đỏ, xanh da trời và xanh lục trông vẫn còn rõ ràng. Hai xác ướp cuối cùng ngẩng trên những ghế đá được chạm trổ tinh vi những chủng loại sinh vật sống dưới biển. Quần áo của họ được thêu nhiều hình tượng phức tạp với nhiều màu sắc hơn những xác ướp khác. Những đai bằng đồng đỏ được chạm trổ những hình thù thật tinh xảo và gắn những viên đá quý mà ông Gunn nhận ra đó là những viên ngọc bích và đá opal màu đen bao quanh trán. Những mũ hình chóp cao vẫn nằm yên trên đầu những xác ướp. Cái xác nào cũng mặc áo giáp dài cồng kềnh có gắn vỏ sò lẫn lộn với những viên nham thạch bóng loáng và những tấm yếm bằng đồng che từ cổ đến bụng. Chân xác ướp được che chở bằng những đôi ủng da thuộc cao đến nửa bắp chân. Có hai cái xác rõ ràng thuộc tầng lớp cao hơn và quan trọng hơn những xác khác. Bộ xương bên trái cao hơn bộ xương bên phải. Dù tất cả xác ướp đều để tóc dài, nhưng việc phân biệt đàn ông với đàn bà rất dễ dàng. Đàn ông có xương quai hàm lớn hơn và xương lồng ngực nổi cao hơn phụ nữ. Nhưng thật thú vị, những đai bằng đồng bao quanh trán — hoặc mũ miện — đều có cùng kích thước, như thể tất cả đều có quyền lực ngang nhau. Tất cả đàn ông đều ngẩng thành một hàng về bên tay phải của xác ướp ngẩng chính giữa tạo thành một góc vuông. Họ đều ăn mặc giống nhau, những đường nét quần áo không thanh lịch như cánh phụ nữ. Những viên ngọc bích và đá opal màu đen cũng ít hơn. Chỉ có sự sắp đặt vị trí là giống nhau, những xác ướp phụ nữ ngẩng về bên trái xác ướp được trang điểm lòe loẹt hơn.

Một hàng dài những cây giáo có đầu mũi rất đẹp bằng đá dung nham đánh bóng đặt dọc một bên vách đá. Tại những bàn chân mỗi xác ướp là những cái bát bằng đồng và những ly uống rượu với những cái muỗng. Bát và muỗng có khoét lỗ để buộc dính nhau bằng dây da, như thể để người ta đeo chúng lên vai hay quanh cổ, cho thấy những người này luôn mang theo họ những vật dụng cá nhân và thực phẩm. Những đồ gốm xinh xắn bóng

loáng được trang trí bằng những hình kỷ hà sơn bằng tay thật tinh xảo, được đặt cạnh những chiếc ghế đá. Có vẻ như những đồ vật thủ công này được tạo ra từ bàn tay những nghệ nhân bậc thầy.

Ông Gunn quan sát những xác ướp thật gần, không khỏi kinh ngạc trước nghệ thuật ướp xác. Kỹ thuật ở đây tỏ ra vượt trội so với kỹ thuật Ai Cập. “Không có dấu hiệu nào cho thấy những cái chết dữ dội. Tất cả giống như đã chết lúc đang ngủ. Tôi không tin tất cả bọn họ rủ nhau tới đây để cùng chết trong cảnh đơn độc và bị lãng quên này”.

“Có những kẻ nào đó còn sống đã đặt họ lên những ghế đá”, Giordino nhận xét.

“Đúng”, ông Gunn phác một cử chỉ quanh căn hầm. “Để ý xem, không một xác ướp nào có tư thế ngẫ hoàn toàn giống nhau. Một số đặt hai bàn tay trong lòng, những người khác đặt bàn tay lên tay ghế. Vua và hoàng hậu; hoặc bất kỳ địa vị nào của họ lúc còn sống, đều đưa một bàn tay lên chống cằm như thể họ đã liệu trước định mệnh của mình”.

“Ông nói như diễn viên sân khấu vậy”, Giordino lầu bầu.

“Cậu không cảm nhận như Howard Carter khi lần đầu tiên anh ta tận mắt nhìn thấy bên trong ngôi mộ của Hoàng đế Tut sao?”

“Howard đã may mắn. Anh ta tìm thấy vật gì đó chúng ta không thấy”.

“Vật gì?”

“Nhìn quanh ông xem. Không có vàng, chẳng có bạc. Nếu những người này có liên quan đến Tut, thì họ phải là những bà con nghèo khổ của ông ta. Có vẻ như những người này chỉ có đồng đỏ là tài sản quý giá”.

Tôi tự hỏi họ đến tị nạn vĩnh viễn tại đây từ lúc nào?” Ông Gunn thông thả nói.

“Tốt hơn ông nên hỏi tại sao”, Giordino nói. “Tôi sẽ lấy cái máy từ túi đeo lưng, ghi lại hình ảnh nơi này rồi sau đó, về nhà. Loanh quanh trong năm m ònày khiến dạ dày tôi lộn tùng phèo”.

Suốt năm giờ đồng hồ sau đó, trong lúc Giordino chụp ảnh từng inch vuông căn hầm, ông Gunn mô tả chi tiết vào cái máy thu băng nhỏ của mình những gì ông ta nhìn thấy. Ông ta cũng phân loại mọi đồ vật thủ công vào một cuốn sổ ghi chép. Họ không đụng vào bất kỳ thứ gì, mọi vật vẫn nguyên vẹn tại vị trí cũ của chúng. Có lẽ những nỗ lực của họ như việc làm của các nhà khảo cổ chuyên nghiệp, nhưng với hàng ngũ những tay nghiệp dư trong những điều kiện khó khăn, thì họ đã làm rất tốt công việc của

mình. Mọi thứ phải nguyên vẹn để chờ những người đến sau, những chuyên viên để giải quyết những ản số và xác định lai lịch những người chiếm ngự h ầ n m ộ này.

Lúc họ hoàn tất công việc, trời đã xế chi ều. Sau khi bò trở lại và vượt qua chỗ lối đi họ đã dọn dẹp, vào tới căn h ầ n có cái xác của người thủy thủ bị đắm tàu, ông Gunn mới nhận ra Giordino không đi cùng. Ông quay lại nơi tr ầ n h ầ n bị sập và nhìn thấy Giordino đang lấp lại lỗ trống họ đã mở ra với những tảng đá.

“Làm như thế với mục đích gì?” ông ta hỏi.

Giordino dừng tay, nhìn ông Gunn, m ồ h ồ i quỵ ến với bụi chảy thành dòng trên mặt anh. “Tôi sẽ không dọn c ỗ sẵn cho kẻ đến sau chúng ta. Bất cứ ai muốn xâm nhập năm m ồ trong kia đ ầ u sẽ phải làm việc như chúng ta đã làm”.

Hai người vẫn còn đủ thời gian để trở lại chỗ chiếc máy bay. Dù trận mưa và những cơn gió đã dịu lại lúc họ xuống sườn núi, và họ chỉ còn phải đi khoảng năm chục mét cuối cùng nữa. Khi chỉ còn phải vượt qua một khe nứt hẹp, họ sẽ đến chỗ chiếc máy bay thì một cột lửa màu da cam lóe lên giữa b ầ u trời u ám. Không có tiếng sấm nổ hoặc tiếng đ ỗ v ỡ. Chỉ nghe một tiếng nổ giống như tiếng pháo nổ trong một cái hộp thiếc. R ồ i tiếp theo là một quả c ầ u lửa lóe lên, để lại một cuộn khói xoáy tròn lên cao giữa những đám mây đen.

Giordino và ông Gunn vừa tuyệt vọng vừa bị sốc khi chiếc máy bay 609 bị v ỡ toác như một quả dưa rơi từ trên cao xuống vệ đường. Những mảnh vụn bắn tung tóe lên không khí trong lúc nhi ề u mảnh v ỡ và nóng chảy khác của máy bay rơi vung vãi bên mép vực và xuống sườn núi.

Những mảnh kim loại đâm vào vách đá r ồ i v ăng ra xa mất tăm trong lúc hai người đàn ông đứng như m ọc r ễ xuống đất, không ai mở miệng đến cả phút sau đó. Ông Gunn hoàn toàn tê liệt, đôi mắt trợn trừng, không tin đi ề u vừa xảy ra. Phản ứng của Giordino thì ngược lại. Anh đã hóa điên, điên một cách khủng khiếp, hai bàn tay siết chặt, gương mặt trắng b ệch vì giận dữ.

“Không thể được”, sau cùng ông Gunn lắp bắp. “Không thấy một chiếc tàu nào trong t ầ n nhìn, không còn một chỗ nào cho một máy bay khác đáp xuống. Không thể có chuyện kẻ nào đó đã đặt bom vào máy bay r ồ i trốn thoát mà chúng ta không hay biết gì”.

“Trái bom đã được cài trong máy bay trước khi chúng ta cất cánh tại Cape Town”, Giordino nói, giọng lạnh như băng giá. “Đặt bom và định giờ trên chuyến bay trở về của chúng ta”.

Ông Gunn nhìn anh trống vắng. “Những giờ chúng ta dành cho việc thám hiểm hãn mộ đó...”

“Đã cứu sống chúng ta. Bất luận những tên giết người này là ai, chúng đều không liệu trước chuyện chúng ta có thể tìm thấy đi đâu gì đó khiến chúng ta quan tâm hoặc dành một hoặc hai giờ để tìm tòi quanh quẩn, vì vậy chúng đã định giờ bom nổ sớm hơn bốn tiếng đồng hồ”.

“Tôi không tin có kẻ nào đó đã nhìn thấy căn hãn sau người thủy thủ bị đắm tàu”.

“Chắc chắn không phải là những ông bạn của chúng ta từ khu mỏ Telluride, hoặc những kẻ đã phá hủy căn hãn đầu tiên. Ai đó đã để lộ việc chúng ta bay tới đảo St. Paul, và chúng ta đã chỉ cách cho bọn chúng. Giờ thì chỉ có một vấn đề là chừng nào bọn chúng sẽ tới đây để nghiên cứu những chữ khắc trong căn hãn đầu tiên”.

Trong đầu ông Gunn đang suy nghĩ dữ dội về một tình thế mới sẽ xảy ra. “Chúng ta phải cần cứu ông Đô đốc ngay”.

“Hãy thông báo bằng mật mã”, Giordino đề nghị. “Bọn này không tởm đâu. Tôi cá mười ăn một là bọn chúng có phương tiện nghe lén việc đàm thoại qua vệ tinh. Tốt nhất ta nên cho chúng ý nghĩ là chúng ta đang ăn cá dưới đáy Ấn Độ Dương”.

Ông Gunn lấy cái điện thoại mặt đất-vệ tinh ra và định bấm số thì ông chợt nảy ra một ý nghĩ. “Giả sử bọn sát nhân tới đây trước toán cứu hộ của ông Đô đốc thì sao?”

“Lúc đó chúng ta sẽ ném đá lên đầu bọn chúng, vì đó là cách duy nhất của chúng ta mà”.

Với chút hy vọng mong manh còn lại, ông Gunn nhìn quanh bãi đáp lộn ngổn đá. “Được thôi”, ông nói, giọng khô như gỗ, “ít nhất chúng ta cũng không bận tâm lo thiếu đá để ném”.

Chiếc tàu Polar Storm với nhóm các nhà khoa học và đoàn thủy thủ của nó đang hoạt động quanh Bán đảo Nam Cực và ngang qua biển Weddell thì thông điệp của Đô đốc Sandecker đến, ra lệnh cho Thuyền trưởng

Gillespie tạm đình chỉ việc thám hiểm. Ông ta phải rời khỏi vùng băng giá ngay và chạy hết tốc lực đến bờ biển Prince Olav. Tại đây, ông ta phải dừng lại và chờ ngoài khơi trạm nghiên cứu Syowa của Nhật bản cho tới khi có lệnh mới. Thuyền trưởng Gillespie lệnh cho viên kỹ sư trưởng và nhóm thủy thủ phòng máy cho chiếc tàu phá băng và nghiên cứu khổng lồ chạy với vận tốc tối đa. Họ hầu như đã hoàn thành một công việc bất khả thi là đạt tới vận tốc hai mươi nút. Ông Gillespie thực sự hài lòng khi nhớ lại những người đã tạo ra chiếc tàu từng tuyên bố nó sẽ đạt tới vận tốc tối đa là mười tám nút, vào hai mươi hai năm trước, khi chiếc tàu hạ thủy.

Ông vui vì chiếc tàu cũ kỹ của mình đã tới điểm hẹn sớm hơn tám tiếng. Nước ở đây quá sâu để thả neo, vì vậy ông cho tàu chạy tới mép ngoài của khối băng trước khi ra lệnh tắt động cơ. Sau đó, ông thuyền trưởng báo cho Đô đốc Sandecker biết tàu Polar Storm đã tới trạm Syowa và đợi lệnh.

Câu trả lời thật ngắn gọn, “Chuẩn bị nhận một thông điệp”.

Thời gian nghỉ ngơi cho mọi người cơ hội làm nốt công việc dở dang của họ. Những nhà khoa học bận rộn phân tích và ghi chép những khám phá của mình vào máy tính, trong lúc đoàn thủy thủ lo sửa chữa định kỳ dành cho chiếc tàu.

Họ không phải chờ đợi lâu.

Vào buổi sáng ngày thứ năm, từ lúc rời biển Weddell, lúc ông Gillespie đang quan sát khối băng trôi qua cái ống dòm thì ông nhìn thấy một chiếc trực thăng chậm chạp hiện ra trong màn sương buổi sáng sớm. Nó bay theo một đường thẳng về phía chiếc tàu Polar Storm. Ông ra lệnh cho viên sĩ quan thứ nhì của mình đón tiếp chiếc trực thăng sẽ hạ cánh trên boong sau tàu.

Chiếc trực thăng dừng một chỗ trong vài giây rồi đáp xuống boong tàu. Một người đàn ông xách một chiếc valy nhỏ và một túi vải nhảy xuống từ một cánh cửa máy bay và nói gì đó với viên sĩ quan thứ nhì của ông Gillespie. Rồi anh ta quay lại và vẫy tay chào viên phi công đã chở anh tới chiếc tàu. Cánh quạt tăng tốc và chiếc trực thăng bốc lên vào bầu không khí lạnh lẽo trong lúc Pitt bước lên đài chỉ huy tàu Polar Storm.

“Hê lô, Dan”, anh nồng nhiệt chào ông thuyền trưởng. “Rất vui gặp cậu”.

“Dirk! Cậu từ đâu đến?”

“Từ Punta Arenas tại eo biển Magellan trên chiếc phản lực của không quân đến đường băng gần trạm nghiên cứu của Nhật Bản. Họ có lòng tốt cho một trực thăng mang tôi tới đây”.

“Cái gì mang cậu đến tận Nam Cực thế?”

“Một dự án nghiên cứu nhỏ tại vịnh đại Nam Cực”.

“Tôi biết ông Đô đốc có thứ gì đó giấu trong tay áo. Ông ta không hề hé răng với tôi về chuyện cậu sẽ tới đây”.

“Ông ấy có lý do của mình”, Pitt đặt cái va li lên bàn để bản đồ mở ra và đưa cho ông Gillespie một tờ giấy ghi những tọa độ. “Và đó là thân phận của chúng ta”.

Ông thuyền trưởng nhìn những con số chỉ tọa độ rồi nhìn vào tấm hải đồ “Vịnh Stefansson”, ông ta bình thản nói. “Cũng gần đây thôi, trên bờ biển Kemp không xa đảo Hobbs lắm. Nơi đó chẳng có gì hấp dẫn đâu. Một nơi vô sinh tôi từng trông thấy. Chúng ta tìm thứ gì ở đó?”

“Một chiếc tàu vô chủ”.

“Tàu bị đắm dưới khối băng?”

“Không”, Pitt trả lời với một nụ cười nửa miệng. “Bị kẹt trong băng”.

Thậm chí vịnh Stefansson trông còn heo hút và hoang sơ hơn cả mô tả của ông Gillespie về nó, đặc biệt dưới một bầu trời dày đặc mây đen như than đốt, và mặt biển ảm đạm với những tảng băng trôi đầy đe dọa. Những cơn gió quất lên mặt mũi như những mũi kim và Pitt bắt đầu nghĩ đến những nỗ lực đòi hỏi sự vận động cơ bắp để vượt qua những tảng băng và tiếp cận bờ địa cực. Máu trong người như chảy mạnh hơn khi anh nghĩ đến chuyện sẽ thám hiểm một chiếc tàu chưa ai đặt chân lên boong của nó từ năm 1858.

Liệu nó còn ở đó không, anh tự hỏi, đúng như Rosanna Mender và chồng bà đã phát hiện nó gần một thế kỷ trước? Hay cuối cùng nó đã vỡ nát vì bị những khối băng ép mạnh, hoặc nó đã trôi giạt ra biển và bị đắm dưới nước biển lạnh buốt?

Pitt nhìn thấy thuyền trưởng Gillespie đang đứng một bên cánh đài chỉ huy, nhìn qua ống dòm về phía xa đằng sau con tàu phá băng. “Tìm cá voi à?” anh hỏi.

“Tàu ngầm”, ông Gillespie thật thà trả lời.

Pitt nghĩ ông thuyền trưởng nói đùa. “Không có nhiều bầy sói trong vùng biển này chứ?”

“Chỉ có một”, ông Gillespie vẫn áp sát cái ống dòm lên mắt. “Chiếc U-2015. Nó cứ bám theo đường rẽ nước của tàu chúng tôi hệt như từ khi chúng tôi suýt va chạm nó mười ngày trước”.

Pitt vẫn chưa tin những gì anh nghe. “Cậu nghiêm chỉnh đấy chứ?”.

Cuối cùng, ông Gillespie hạ ống dòm xuống. “Hoàn toàn nghiêm chỉnh”. Rồi ông bắt đầu kể với Pitt về chuyện gặp chiếc tàu ngầm. “Tôi nhận ra nó từ một tấm ảnh cũ trong thư viện hàng hải của tôi. Không có gì đáng ngờ nữa. Đúng là chiếc U-2015. đừng hỏi tôi bằng cách nào nó còn tồn tại sau tất cả những năm đó hoặc tại sao nó bám theo chiếc tàu này. Tôi không thể trả lời. Tất cả những gì tôi biết là nó đang lẩn quẩn ở đây”.

Pitt đã làm việc chung với thuyền trưởng Gillespie ít nhất trong bốn dự án sau nhiều năm. Anh biết ông ta là một trong những thuyền trưởng đáng tin cậy nhất trong đoàn tàu thám hiểm của NUMA. Dan Gillespie không phải là một gã ba hoa hoặc một kẻ dựng chuyện huyền hoặc. Ông ta là một người tỉnh táo và quyết đoán, và trong lý lịch chưa hề có một vết đen nào. Chưa gây tai nạn hoặc thương tích cho chiếc tàu từ ngày ông leo lái nó.

“Ai có thể tin sau chừng đó năm...” giọng nói của Pitt nhỏ dần. Anh cũng không tin chắc những gì mình nói.

“Không cần đọc tư tưởng của cậu tôi cũng biết cậu đang nghĩ tôi bịa chuyện”, ông Gillespie nghiêm chỉnh nói. “Nhưng tôi sẽ chứng tỏ đi đầu đó. Cô Evie Tan, hiện đang có mặt trên tàu để làm một phóng sự về cuộc thám hiểm cho một tạp chí quốc gia, đã chụp ảnh được chiếc tàu ngầm khi chúng tôi suýt va chạm nó”.

“Lúc đó cậu có thấy đặc điểm nào của nó không?” Pitt hỏi vặn. “Loại có kính tiềm vọng hay loại có ống thông hơi?”

“Nó vừa trồi lên lại lặn xuống ngay”, ông Gillespie trả lời.

“Vậy do đâu cậu chắc chắn là nó vẫn quanh quẩn đâu đây?”

“Một trong những nhà khoa học của chúng tôi thả những micro khuếch âm, loại dùng dưới nước, qua mạn tàu... Ông ta dùng chúng để ghi âm cá voi nói chuyện với nhau. Chúng tôi bố trí bộ phận nghe cách ba phần tư dặm phía sau chiếc tàu. Vì vậy chúng tôi nghe được tiếng động cơ của chiếc tàu ngầm rõ ràng như tiếng chó sủa”.

“Một khái niệm không tồi, nhưng tôi muốn kéo một quả bóng thăm dò thời tiết có gắn máy đo từ trường, như thế tốt hơn”.

Ông Gillespie bật cười “Cũng là một khái niệm không tồi. Chúng tôi đã nghĩ tới chuyện đặt máy quét bên mạn tàu để dò bắt âm thanh rõ hơn, và đi đầu đó có vẻ quá mạo hiểm vì dễ bị chúng phát hiện và phá hoại. Tôi hy vọng cậu có thể tìm ra một giải pháp tốt nhất”.

Một ý nghĩ chợt lóe lên trong đầu Pitt. Anh bắt đầu tự hỏi liệu có phải anh đã không nhận định một cách khách quan? Thậm chí ý nghĩ có sự liên quan giữa những gã giết mướn của Đế Tứ Đế quốc và chiếc tàu nguyền cũ kỹ cũng là một ý nghĩ điên rồ. Và chưa có dấu hiệu nào trong toàn bộ âm mưu này tỏ ra có ý nghĩa”.

“Hãy thông báo cho ông Đô đốc”, Pitt yêu cầu. “Bảo ông ấy chúng ta cần sự giúp đỡ”.

“Như thế có quấy rầy ông ấy không?” ông Gillespie nói, tỏ ra phân vân. “Ta cứ tìm cách giấu tung tích và chơi trò mèo vờn chuột”.

Pitt nhẹ lắc đầu, tỏ ra không đồng ý. “Tôi sợ con quỷ của chúng ta sẽ chờ cơ hội. Chúng đợi kết quả từ chiếc tàu Madras”.

“Đó là tên chiếc tàu vô chủ phải không?”

Pitt gật đầu. “Một chiếc tàu của Đông An công ty mất tích năm 1779”.

“Và cậu nghĩ nó bị kẹt trong băng tại một nơi nào đó dọc bờ biển địa cực?” Ông Gillespie hỏi với vẻ ngờ vực.

“Tôi hy vọng nó vẫn còn nằm tại chỗ cũ”.

“Trên tàu có thứ gì mà NUMA xem quan trọng đến thế?”

“Mọi câu trả lời đều dẫn tới sự kiện làm điên đầu người ta”.

Ông Gillespie không yêu cầu được giải thích nhiều hơn. Nếu đó là tất cả những gì Pitt muốn cho ông biết, ông chấp nhận đi đầu đó. Trách nhiệm của ông là bảo vệ chiếc tàu và những người có mặt trên tàu. Ông sẽ tuân thủ mọi mệnh lệnh từ ông chủ của mình tại NUMA mà không thắc mắc gì, trừ phi những mệnh lệnh đó xâm phạm sự an ninh của tàu Polar Storm.

“Cậu muốn tôi cho tàu xâm nhập cách khối băng bao xa?”

Pitt đưa cho ông thuyền trưởng một mẫu giấy. “Tôi rất biết ơn nếu cậu đưa tàu Polar Storm vào đúng tọa độ này”.

Ông Gillespie nhìn những con số trên mảnh giấy một lúc. “Không biết băng ở tọa độ này dày mỏng thế nào, nhưng tôi sẽ đưa cậu đến đó càng

gần càng tốt”.

“Tôi có thể hỏi do đâu cậu có những con số này không?”

“Trong nhật ký của tàu Paloverde, một chiếc tàu săn cá voi đã phát hiện chiếc tàu của Đông An công ty đã lâu lắm rồi. Chẳng có gì bảo đảm độ chính xác của chúng cả”.

“Cậu biết đấy”, ông Gillespie nói với vẻ ủ rũ, “những chủ tàu săn cá voi trước kia có thể đưa tàu của họ đến bất kỳ nơi tối tăm nào, nên tôi cũng khó lòng đưa chiếc tàu của tôi đến gần nơi họ đã tới”.

Chiếc tàu Polar Storm xâm nhập vào vùng băng trôi và tiếp cận những khối băng dày đặc như một mạng lưới, chẳng khác gì một cầu thủ hậu vệ chạy xuyên qua một rừng cầu thủ đối phương. Trong dặm đầu tiên, những khối băng không dày hơn một bộ, và mũi chiếc tàu phá băng đẩy chúng dạt sang hai bên khá dễ dàng. Nhưng càng gần bờ, khối băng bắt đầu phình lớn ra và dày tới ba đến bốn bộ. Rồi chiếc tàu chậm dần và dừng lại. Nó lùi để lấy trớn rồi tiếp tục lao vào khối băng, tạo một khe nứt và một lối đi dài mười lăm bộ, cho tới khi khối băng khép lại và ngăn cản nó tiến tới. Sự việc cứ diễn đi diễn lại, và mũi tàu phá băng cứ tiến dần từng quãng một.

Ông Gillespie theo dõi kết quả việc phá băng. Ông ta đang ngồi trên một cái ghế xoay lớn, quan sát màn hình của cái máy dò âm thanh dưới biển sâu chuyển những ký hiệu âm thanh từ đáy biển lên. Những ký hiệu này trả lại và báo hiệu khoảng cách tính bằng bộ giữa sống tàu và đáy biển. Vùng biển này chưa được nghiên cứu độ sâu, nên đáy biển không được đánh dấu trên những tấm hải đồ.

Pitt đứng cách đó vài bộ, nhìn qua cái ống dòm mượn của ông Gillespie, thu ngắn khoảng cách của khối băng sáng rực rỡ dưới ánh mặt trời. Những khối băng dốc đứng nằm gần bờ địa cực nhô cao đến hai trăm bộ trước khi mở rộng ra thành một mặt phẳng mênh mông về phía địa cực. Anh quét ống dòm dọc theo chân những khối băng, cố phát hiện một vài dấu vết của chiếc tàu Madras bị giam trong băng. Không một dấu hiệu nào được nhìn thấy, không có thân sau chiếc tàu nào kẹt trong băng, không một cột buồm lộ lên khỏi những vách băng.

“Ông Pitt?”

Anh quay lại và chạm trán một người đàn ông lùn và mập, khoảng gần bốn mươi tuổi, đang mỉm cười với anh. Gương mặt ông ta đỏ hồng và hiên lành với đôi mắt màu xanh lục, sáng lóng lánh và cái miệng rộng cong lại vì nụ cười. Một bàn tay thật mềm mại chìa ra.

“Vâng”, Pitt chỉ đơn giản trả lời, ngạc nhiên vì bàn tay mềm mại đó lại siết bàn tay anh thật chắc.

“Tôi là Ed Northrop, trưởng nhóm các nhà khoa học và băng hà học ở đây. Tôi không nghĩ tôi cảm thấy thích thú lắm”.

“Tiến sĩ Northrop. Tôi thường nghe Đô đốc Sandecker nói về ông”, Pitt nói, vui vẻ.

“Vậ à?” ông Northrop bật cười.

“Thật ra thì ông Đô đốc không bao giờ tha lỗi cho ông vì đã bỏ những cục băng vào giày boots của ông ấy trong lần thám hiểm tại phía bắc biển Bering”.

“Thù dai dữ. Chuyện đó đã xảy ra mười lăm năm rồi còn gì”.

“Và ông cũng đã trải qua chừng đó năm tại Bắc Cực và Nam Cực”.

“Tôi đã nghiên cứu những biển băng được mười tám năm. Nhân tiện, tôi tình nguyện bám sát ông trong chuyến đi này”.

“Xin đừng nghĩ tôi ích kỷ, nhưng tôi nên đi một mình thì hơn”.

Ông Northrop gạt đầu và ôm cái bụng bự với cả hai bàn tay.

“Đâu có hại gì nếu có một người tốt đi cùng và anh ta, khá hiểu biết về băng, và lại tôi rất bền bỉ, không giống vẻ bên ngoài đâu”.

“Xem ra tôi bị thuyết phục mất rồi”.

“Tới rồi! “, ông Gillespie đột ngột kêu lên. Rồi ông gọi xuống phòng máy. “Dừng tất cả lại, cơ trưởng. Chúng ta đã đến nơi cần đến”. Ông quay sang Pitt. “Chúng ta đang ở đúng vị trí kinh độ và vĩ độ cậu yêu cầu”.

“Cám ơn Dan, cậu tài thật. Đây chính là địa điểm tàu Paloverde bị kẹt trong băng vào mùa đông Nam Cực năm 1858”.

Tiến sĩ Northrop nhìn qua cửa sổ dài chỉ huy về phía khối băng trải dài từ chiếc tàu đến bờ. “Từ đây tới đó khoảng hai dặm. Một chuyến đi bộ ngắn trong bầu không khí trong lành này sẽ giúp chúng ta khỏe khoắn”.

“Không có chiếc xe trượt băng nào trên tàu à?”

“Rất tiếc, công việc của chúng tôi chỉ thu hẹp trong phạm vi cách tàu một trăm mét. Chúng tôi thấy không cần tăng thêm phí tổn vào ngân sách dự án”.

“Nhiệt độ bầu không khí lúc này bao nhiêu?”

“Từ năm đến mười độ dưới số không. Tương đối ấm tại những vùng này”.

“Tôi không thể đợi lâu hơn nữa”. Pitt có vẻ nôn nóng.

“Cậu phải nghĩ đã gặp may vì bây giờ là mùa thu. Vào mùa xuân lạnh hơn nhiều”.

“Tôi thích những miền nhiệt đới hơn, với những cơn gió mậu dịch ấm áp và những cô gái đáng yêu trong những chiếc xà rồng quay tròn, theo tiếng trống trong lúc mặt trời lặn”.

Đôi mắt Pitt quét dọc thân thể một phụ nữ châu Á hấp dẫn đang bước thẳng tới chỗ anh. Cô mỉm cười và nói, “Ông không quá ấn tượng đấy chứ?”

“Đó là bản chất của tôi mà”.

“Người ta bảo tôi ông là Dirk Pitt”.

Anh mỉm cười thân thiện. “Hy vọng như vậy. Và chắc cô là Evie Tan. Dan Gillespie cho tôi biết cô đang thực hiện một phóng sự bằng ảnh về những thám hiểm liên quan đến băng tại địa cực”.

“Tôi được đọc nhiều về những kỳ công của ông. Tôi có thể phỏng vấn khi ông trở về, sau chiến dịch tìm kiếm này chứ?”

Theo bản năng, Pitt ném cho ông Gillespie một ánh mắt dò hỏi, và ông này lắc đầu. “Tôi chả nói gì về mục đích của cậu”.

Pitt siết nhẹ bàn tay cô chìa ra. “Tôi sẽ rất vui được dành cho cô một buổi phỏng vấn, nhưng bản chất dự án của chúng tôi không liên quan đến băng giá”.

“Vậy nó dính líu tới quân đội?” cô hỏi, vẻ mặt vô thường vô phạt.

Ngay lập tức Pitt bắt thóp được thói tọc mạch của cô gái. “Chẳng dính líu gì tới những hoạt động bí mật của quân đội hoặc dính líu tới những kho báu trên những chiến thuyền Tây Ban Nha, hoặc những người tuyệt khủng khiếp cả. Thực ra, câu chuyện u ám lắm, tôi không tin bất kỳ một ký giả tự trọng nào lại có thể quan tâm đến vụ này”. Rồi anh nói với ông Gillespie. “Có vẻ như chúng ta đã bỏ chiếc tàu ngầm lại phía ngoài những tảng băng trôi”.

“Hoặc như thế”, ông thuyền trưởng nói, “hoặc chúng vẫn bám sát chúng ta bên dưới những khối băng”.

“Chúng đã sẵn sàng đối đầu với ông”, sĩ quan thứ nhất Bushey nói với Pitt.

“Tôi sẽ chờ”.

Đoàn thủy thủ hạ còi và chuyển xuống mặt băng ba xe chở dụng cụ, một chiếc chở những thiết bị cắt băng được che bằng vải dầy. Hai chiếc kia chỉ chở những dây buộc để bảo vệ những cổ vật họ có thể tìm thấy. Pitt đứng giữa khối tuyết dày một bộ, nhìn ông Gillespie đang nói với một người đàn ông có hình dáng và kích cỡ của một con gấu Kodiak. “Tôi sẽ gửi viên sĩ quan thứ ba của tôi đi cùng cậu và Tiến sĩ Northrop. Đây là Ira Cox”.

“Rất vui gặp tất cả các vị”, Cox nói qua chòm râu dài tới ngực. Giọng nói của anh ta có vẻ như từ một nơi nào đó dưới sâu vọng lên. Anh ta không chìa tay ra. Những ngón tay kềm sù của anh ta bọc kín trong những chiếc găng tay to kèn dành cho vùng cực.

“Không còn ai khác tình nguyện sao?”

“Ý kiến của tôi đây”, ông Gillespie nói, “tôi không thể cho phép một trong các thành viên hàng đầu của Đô đốc Sandecker làm việc đơn độc trên một vùng băng đồng đánh khó lường như thế này. Tôi không chịu nổi trách nhiệm đâu. Theo cách của tôi, nếu các vị gặp sự cố, các vị sẽ có nhiều cơ hội sống sót hơn. Nếu các vị lỡ có rơi vào tay một con gấu vùng cực, Cox sẽ vắn cổ nó tới chết”.

“Làm gì có gấu địa cực tại Nam Cực chứ”.

Ông Gillespie nhìn Pitt và nhún vai, “Tại sao không phòng ngừa nhỉ?”

Pitt không kháng cự. Tự đáy lòng, anh biết nếu có xảy ra chuyện tồi tệ nhất, một hoặc cả hai người đàn ông này có thể sẽ cứu sống anh.

Trong lúc mùa thu đang ngự trị khắp Nam Cực, biển quanh lục địa này cũng đông dữ dội. Nhưng khi mùa đông đến và nhiệt độ giảm xuống, nước trở nên đậm đặc và bóng loáng như được bôi dầy. Sau đó, những mảnh băng tạo nên những cái đĩa trôi được gọi là “bánh kẹp”, lan rộng và dính vào nhau, và sau cùng tạo ra những tảng băng trôi phủ đầy tuyết. Vì năm nay băng hình thành sớm hơn mọi năm, nên Pitt, ông Northrop và Cox đi chuyên không mấy khó khăn qua lớp băng gồ ghề nhưng trên mặt lại trơn láng. Họ đi vòng qua những chỗ băng nhô cao và hai tảng băng trôi đã rời khỏi bờ biển trước khi bị đông cứng trong khối băng. Đối với Pitt,

những tảng băng trôi trông giống những cục bướt xấu xí trên một cơ thể nham nhở là mặt biển chung quanh.

Những vật vả khi phải vượt qua lớp tuyết dày cả bộ vẫn không làm chậm hành trình của họ. Bước chân của họ vẫn vững vàng. Tiến sĩ Northrop dẫn đầu, quan sát khối băng lúc đi tới đề phòng mọi hiện tượng băng vỡ hoặc bị lạt. Ông ta không phải kéo chiếc xe chở dụng cụ nên được rảnh tay để kiểm soát mặt băng. Vừa kéo một xe dụng cụ, Pitt theo sau ông Northrop, anh di chuyển dễ dàng nhờ những tấm ván trượt băng đã lấy từ nhà kho của cha anh tại Breckenridge, bang Colorado. Cox đi cuối cùng, kéo cả hai xe dụng cụ mà vẫn tỏ ra không hề cố gắng, như thể kéo hai món đồ chơi.

Hôm nay thời tiết thật đẹp, mặt trời rực rỡ trên một bầu trời trong vắt không một gợn mây đến tận chân trời. Màu xanh của bầu trời dần dần biến thành trắng xám và mặt trời trở thành một quả cầu màu cam nhạt. Những bông tuyết bắt đầu rơi, có thể nhìn thấy rõ ràng. Pitt không quan tâm đến chuyện thời tiết trở nên xấu đi, và không cho phép đầu óc bận bịu với mặt biển màu lục chỉ cách bàn chân anh một vài tay dưới kia. Anh không hề rời mắt khỏi những vách băng càng lúc càng cao hơn bên trên những tấm ván trượt của anh khi họ đến gần hơn. Anh có thể nhìn thấy ngọn núi Hansen phủ băng về phía đất liền, nhưng vẫn chưa thấy bất kỳ dấu hiệu nào, dù lơ mờ của chiếc tàu bị kẹt trong băng. Anh bắt đầu có cảm giác lạc lõng trong vùng mênh mông, hẻo lánh, vĩnh viễn không có người ở này.

Hơn một giờ sau, họ đã qua hết khối băng trôi và đến chân những vách băng dựng đứng. Ông Gillespie theo dõi mọi hành động của họ cho tới lúc họ dừng lại tại mép phía trong của khối băng. Những bộ quần áo màu ngọc lam do NUMA cung cấp khiến họ dễ dàng được nhận ra trên nền trắng lóa mắt của băng. Anh kiểm tra dụng cụ báo thời tiết có đến hàng chục lần. Tuyết vẫn rơi nhẹ và trời không có gió nhưng anh biết rõ hiện tượng này có thể thay đổi chỉ trong vài phút. Và gió thực sự là một nhân tố khó hiểu nhất. Không hề báo trước, nó có thể nhanh chóng biến đổi màu trắng chói chang trên mặt băng trở thành xám xịt kèm theo những tiếng hú rợn người.

Ông Gillespie nhắc điện thoại truyền qua vệ tinh của chiếc tàu lên, rồi bấm một chuỗi số. Ngay lập tức ông được nối dây với Đô đốc Sandecker. “Họ đã lên bờ và bắt đầu tìm kiếm”, ông thông báo cho chủ mình.

“Cám ơn cậu, Dan”, ông Sandecker trả lời. “Hãy báo cáo khi họ trở về”.

“Còn một chuyện khác nữa, thưa Đô đốc. Tôi sợ là chúng tôi sẽ gặp trở ngại”. Rồi ông thuật ngắn gọn câu chuyện chiếc tàu ngầm. Lúc ông kết thúc, một khoảnh khắc im lặng kéo dài, có lẽ ông Đô đốc dành thì giờ để tiêu hóa hết những gì mình vừa nghe.

Sau cùng, ông nói dứt khoát, “Tôi sẽ lo vụ này”.

Ông Gillespie trở lại đài chỉ huy và lại nhắc cái ống dòm lên. “Tất cả những sự việc này đều nhắm vào chiếc tàu vô chủ”, ông nói như một hơi thở. “Tốt hơn ta phải tỏ ra xứng đáng”.

Trên bờ, Pitt cố xua đuổi cảm giác chán nản. Anh biết quá rõ bất kỳ sự tìm kiếm nào về một thứ gì đó đã thất lạc quá lâu là cả một công việc gian nan. Không có cách nào để xác định có bao nhiêu lớp băng đã che lấp chiếc tàu trong suốt một trăm năm mươi năm. Theo tất cả những gì anh biết, có thể nó đã nằm sâu dưới cả trăm mét trong khối băng. Lấy vị trí chiếc tàu Polar Storm như một khởi điểm cơ bản, anh phỏng đoán họ đã cách nó khoảng hai dặm. Pitt và Cox mỗi người sử dụng một máy định vị cầm tay nhỏ có kích cỡ bằng một bao thuốc lá để xác định vị trí của họ bất kỳ lúc nào. Họ bắt đầu leo lên, bỏ lại những xe chở dụng cụ tại địa điểm xuất phát này. Pitt đi đầu, hướng về bên trái, trong lúc Cox và ông Northrop lùng sục bên phải. Đến khi mỗi người bọn họ đi được chừng một dặm, họ đồng ý trở lại điểm xuất phát.

Đi nhanh hơn những người kia nên Pitt là người đầu tiên trở lại chỗ những xe chở dụng cụ. Sau một lúc xem xét từng khoảng cách nhỏ bên dưới những vách băng dựng đứng, anh chán nản vì không tìm ra dấu vết nào của chiếc tàu Madras. Ba mươi phút sau, nhà băng hà học về tới, ngẩng dựa lưng vào một gờ băng nhỏ, chân tay duỗi thẳng ra, lấy lại hơi thở, xoa bóp đầu gối và mắt cá. Ông ta nhìn Pitt và phác một cử chỉ thất vọng.

“Rất tiếc, Dirk, tôi chẳng thấy gì trong khối băng có hình dáng một chiếc tàu cả”.

“Tôi cũng chẳng hơn gì ông”, Pitt nói.

“Tôi không thể nói gì nếu không có kiểm chứng, nhưng tôi dám cá là đã có lúc nào đó, khối băng vỡ ra và trôi đi, mang theo chiếc tàu cùng với

nó ra biển”.

Giọng nói của ông Gillespie từ túi áo jacket bằng lông cừu của Pitt vọng ra. Anh lấy một máy bộ đàm cầm tay liên lạc giữa bờ và tàu, và trả lời. “Nói đi, Dan, tôi nghe cậu rất rõ”.

“Có vẻ sắp có bão lớn”, ông Gillespie cảnh báo. “Các bạn nên trở lại tàu càng nhanh càng tốt”.

“Chuyện này thì không chần chừ được. Sẽ sớm gặp lại cậu”.

Pitt nhét cái máy bộ đàm vào túi áo, nhìn lên phía băng trôi về phía bắc, và chỉ thấy trống trơn. “Ông rời Cox tại điểm nào?”

Bị hỏi đột ngột, ông Northrop ngẩng thẳng lên và nhìn qua khối băng. “Cậu ta tìm thấy một khe hở trên vách băng và lách vào. Lúc đó tôi nghĩ cậu ta vào xem qua rồi sẽ quay ra ngay và đi theo tôi”.

“Tốt hơn tôi nên tìm cậu ta”.

Pitt lao đi trên hai tấm ván trượt theo dấu chân còn hiện rõ trên mặt tuyết. Hai dấu chân đi nhưng chỉ một dấu chân trở về. Gió nhanh chóng mạnh hơn, những bông tuyết nhỏ li ti trở nên dày hơn, như một tấm lụa mỏng. Ánh sáng rực rỡ bỗng chốc mờ đục và mặt trời hoàn toàn biến mất. Anh không thể không ngưỡng mộ sự can đảm của bà Rosanna Mender. Anh nghĩ sự kiện bà đã sống sót sau trận bão tuyết lạnh buốt quả là một phép lạ. Anh nhận ra mình đang trượt đi dưới những doi băng hiện ra lơ lửng trên đầu mình, và có cảm giác bất cứ lúc nào một trong những doi băng đó cũng có thể rơi xuống vùi chôn anh.

Anh nghe tiếng gọi lớn bị tắt nghẹn vọng lại từ một nơi không xa lắm lẫn trong tiếng gió rít. Anh dừng lại và lắng nghe, tai vểnh lên như muốn xé rách tấm màn băng.

“Ông Pitt! Đến đây!”.

Lúc đầu, Pitt không trông thấy gì trừ vách khối băng trắng bệch đông cứng. Sau đó anh thoáng thấy một mảnh vải màu ngọc lam ve vẩy trên đầu một ngọn giáo lộ ra từ vách khối băng. Pitt nhấn hai đầu cặp gậy trượt xuống mặt tuyết và lướt về phía Cox. Anh có cảm tưởng mình giống như Ronald Colman tại Lost Horizon, vùng vẫy trượt qua cơn bão tuyết khủng khiếp của ngọn Himalaya để vào được hang động đưa ông ta tới Shangri-la. Trong phút chốc, anh đã lọt vào một khe nứt và sau đó, nhận ra mình đang ở trong một nơi không có gió, khô ráo và yên tĩnh.

Anh chồm tới trên hai cây gậy trượt tuyết và nhìn chung quanh một căn hần bằng băng rộng mỗi bề khoảng tám bộ và phía trên thu hẹp lại như

một chóp núi cao khoảng hai mươi bộ. Từ lối vào, màu tro xám của căn hầm chuyển dần thành màu đen ngà. Vật duy nhất có màu sắc rõ ràng anh có thể nhìn thấy là bộ quần áo chống lạnh của Cox.

“Một trận bão dữ đang thành hình”, Pitt nói, chỉ về hướng lối vào. “Tốt nhất là ta nên quay lại tàu ngay”.

Cox kéo cặp kính bảo hộ lên, nhìn Pitt với ánh mắt kỳ lạ. “Ông muốn rời nơi này à?”

“Ở đây tốt thật, nhưng chúng ta không được phí phạm thì giờ”.

“Tôi nghĩ ông đang tìm kiếm một chiếc tàu cũ phải không?”

“Tôi cũng nghĩ thế”, Pitt có vẻ cáu.

Cox đưa bàn tay đeo găng lên, duỗi thẳng ngón trỏ về một hướng trên cao. “Sao?”

Pitt ngược nhìn. Chỗ đó, gần đỉnh khe nứt, một phần nhỏ bằng gỗ của đuôi một chiếc tàu cũ chạy buồm nhô ra khỏi khối băng.

Pitt trượt tuyết trở lại chỗ Tiến sĩ Northrop và họ cùng kéo ba chiếc xe trượt tuyết chở dụng cụ vào trong căn hầm băng. Pitt cũng thông báo vắn tắt cho thuyền trưởng Gillespie về phát hiện của họ và bảo đảm với ông ta rằng họ an toàn và ẩn nấp trong căn hầm.

Cox nhanh chóng lấy ra những dụng cụ và bắt đầu tấn công tảng băng với một cái búa và đục, tạo chỗ bám để đặt tay chân thành một bậc thang để leo lên chỗ lộ ra của chiếc tàu bị băng chôn vùi. Boong trên cùng của chiếc tàu không bị băng bao phủ khi bà Rosanna và chồng - thuyền trưởng Bradford Mender - xâm nhập tàu Madras. Nhưng trải qua một trăm bốn mươi năm, băng đã hoàn toàn phủ kín chiếc tàu cho tới đỉnh những cột buồm của nó.

“Tôi rất ngạc nhiên khi thấy nó được bảo quản tốt như thế”, ông tiến sĩ nói. “Tôi tưởng cho tới lúc này nó đã bị ép nát như những cây tăm xỉa răng rồi chứ”.

“Nó chứng tỏ rồi đấy”, Pitt nói, giọng khô khan. “Các nhà băng hà học đã nhầm”.

“Nghiêm chỉnh mà nói, sự kiện này đáng nghiên cứu kỹ lưỡng. Những vách băng ở đây, tại bờ biển, đã trồi lên và không bị vỡ. Đó là một

hiện tượng rất không bình thường. Phải có một lý do xác đáng giải thích tại sao khối băng ở đây cứ cao lên mà không bị đẩy ra biển”.

Pitt ngược nhìn Cox đang đục một bậc cấp dẫn lên chỗ thân tàu lộ ra. “Tại sao cậu làm như thế, Ira?”

“Những tấm ván vách tàu cũng bị đông cứng và trở nên dễ vỡ như cặp mắt kính của bà nội tôi. Tôi phải khoét một cái lỗ đủ bự để chui vào bên trong thân tàu trong một giờ nữa”.

“Coi chừng cậu đục trúng ngay sườn tàu thì may ra một tuần lễ nữa cậu mới chui qua đấy”.

“Tôi biết một chiếc tàu được kiến trúc như thế nào mà, ông Pitt”, Cox chọc tức.

“Cậu làm gì cũng được”, Pitt thân mật nói, “miễn là bốn mươi phút nữa chúng ta sẽ lọt vào bên trong chiếc tàu và thuyền trưởng Gillespie sẽ thưởng cậu một chai có dây nơ xanh về tài đục băng của cậu”.

Cox không phải là người dễ tiếp cận. Anh ta có rất ít bè bạn trên tàu Polar Storm. Ấn tượng đầu tiên của anh ta về Pitt là “thằng nhóc này trông sao mà quan liêu thế, cứ ra cái đi đâu ta đây là một trong những nhân vật sùng sỏ của NUMA”, nhưng lúc này, anh ta đã nhận ra gã giám đốc dự án đặc biệt của NUMA là một người bình dị, có chiều sâu nhưng lại rất hài hước. Anh ta thực sự bắt đầu thích Pitt. Cảm giác lạnh nhạt bắt đầu tan biến.

Ba mươi bốn phút sau, Cox leo xuống và loan báo thắng lợi. “Đã có lối vào, thưa quý ông”.

Pitt cúi đầu thật sâu. “Cám ơn cậu, Ira. Đại tướng Lee phải hãnh diện vì cậu đấy”. (*Đại tướng Robert E. Lee và Thomas “Tường đả” Jackson là hai tướng lãnh sáng chói nhất của 11 bang ly khai miền Nam trong cuộc Nội chiến Hoa Kỳ. ND.*)

Cox cúi đầu trả lễ. “Như tôi thường nói “hãy dành dụm tiền bạc cho các bang ly khai”. Ông làm sao biết được các Bang ly khai có thể lại nổi dậy lắm chứ”.

“Tôi tin chuyện đó có thể xảy ra mà”.

Pitt leo lên những bậc thang Cox đã đục vào tảng băng và là người đầu tiên chui qua lỗ trống. Đôi giày boots của anh chạm sàn tàu cách lỗ trống khoảng bốn bộ về phía dưới. Anh nhận ra mình đang lọt vào một cabin gần phần sau thân tàu.

“Thấy gì không?” ông Northrop nôn nóng hỏi.

“Một căn bếp đóng băng”, Pitt trả lời. Anh lộ đầu ra ngoài lỗ trống. “Lên đi, và mang theo đèn chiếu”.

Cox và ông Northrop nhanh chóng nhập bọn với Pitt. Những đèn chiếu của họ soi sáng khắp căn phòng như ánh sáng ban ngày. Ngoại trừ những lớp bồ hóng bám vào ống khói cái lò bếp bằng sắt lớn và những lò nướng, căn bếp trông thật lạnh lẽo như thể nó chưa bao giờ được dùng tới. Pitt mở cửa lò nướng nhưng không thấy có tro bên trong.

“Những kệ để đồ dùng đầu trống trơn”, Cox nhận xét. “Chắc hẳn họ đã ăn cả giấy, thùng chứa và ly tách”.

“Có lẽ chỉ ăn giấy thôi”, ông Northrop nói khẽ, bắt đầu cảm thấy nặng nề.

“Chúng ta cùng tập trung quan sát”, Pitt đề nghị, “Một trong chúng ta có thể phát hiện đi đâu gì đó mà những người khác bỏ sót”.

“Chúng ta phải tìm kiếm loại đặc biệt gì?” Cox hỏi.

“Một phòng chứa cỗ vật nằm ngay bên dưới cabin thuyền trưởng”.

“Tôi cho rằng phải có đến hai hoặc nhiều boong tàu bên dưới chỗ chúng ta đang đứng”.

“Phòng này chắc hẳn là căn bếp dành cho các sĩ quan trên tàu và hành khách. Cabin thuyền trưởng cũng gần đây thôi. Chúng ta hãy tìm một hành lang bên dưới”.

Pitt bước qua một cánh cửa và chiếu ngọn đèn của mình vào một phòng ăn tập thể. Bàn, những cái ghế và các thứ đồ gỗ chung quanh đều bị phủ một lớp băng dày đến một inch. Dưới ánh sáng những bóng đèn cao áp của họ, cả căn phòng lấp lánh như một ngọn đèn chùm. Một bộ đồ trà nằm ngay giữa bàn ăn như đang đợi người sử dụng nó.

“Chẳng có ai ở đây cả”, ông Northrop nói, đã có vẻ bớt căng thẳng.

“Tất cả đều chết trong cabin của họ”, Pitt nói. “Có lẽ do cả ba nguyên nhân là thân nhiệt giảm, đói và thiếu vitamin”.

“Chúng ta sẽ tiếp tục đi đâu?” Cox hỏi

Pitt chiếu đèn qua một cánh cửa phía cuối cái bàn ăn. “Qua bên đó, chúng ta sẽ tìm thấy một lối đi dẫn xuống boong bên dưới”.

“Do đâu ông biết cách bố trí của một chiếc tàu đã có hai trăm năm tuổi?”

“Tôi đã nghiên cứu bản vẽ và thiết kế những chiếc tàu buôn của Đông An công ty. Dù chưa bao giờ tận mắt nhìn thấy một chiếc nào, tôi vẫn nhớ nằm lòng từng xó xỉnh của chúng”.

Họ leo xuống một cái thang, trượt chân trên những nấc thang đóng bằng nhưng vẫn không té ngã. Pitt dẫn đầu, đi qua một khẩu ca nông trông còn mới như vừa xuất xưởng chưa được bao lâu. Cánh cửa phòng chứa đồ vẫn để mở, như lúc bà Rosanna và toán thủy thủ tàu Paloverde rời khỏi nó.

Pitt, trong trạng thái căng thẳng, bước vào và quét ngọn đèn chiếu khắp căn phòng.

Những thùng gỗ chứa hàng vẫn xếp ngăn nắp từ sàn lên tới nóc phòng dọc theo thân tàu, như lúc chúng được mang tới vào năm 1858. Hai trong những thùng gỗ nằm trên sàn, chốt cài mở sẵn. Một bình trà bằng đồng đỏ nằm bên cạnh, sau cánh cửa, nơi nó đã lăn tới khi ông Mender và toán thủy thủ của ông hối hả rời khỏi chiếc tàu lúc khối băng bắt đầu tan ra và trôi ra biển.

Pitt quì xuống và khởi sự lấy ra những đồ vật từ những thùng gỗ đã mở chốt với thái độ trân trọng và đặt chúng lên sàn phòng phủ bằng. Trong một lúc, anh đã sưu tập không chỉ những tượng nhỏ chạm khắc những thú vật thường thấy như chó, mèo, sư tử, những loài thú nuôi mà còn cả những điều khắc các loài động vật anh chưa trông thấy bao giờ. Một số tượng được chạm trổ từ đồng đỏ, phần lớn từ đồng thau. Anh cũng tìm thấy những hình tượng về con người, đa số là phụ nữ trong những áo chùng dài với những chiếc váy xếp nếp che kín cặp chân đến tận bàn chân trong những đôi ủng lạ lùng. Những mái tóc trang điểm cầu kỳ, và thắt thành bím xoắn dài đến thắt lưng và bộ ngực có độ lớn vừa phải.

Nằm dưới đáy những thùng gỗ, giống như những thẻ đánh bạc trên những bàn gieo xúc xắc trong những sòng bạc lớn, là những miếng đồng hình đĩa tròn dày khoảng nửa inch và có đường kính năm inch. Những đĩa này được chạm trổ trên cả hai mặt với sáu mươi biểu tượng, theo Pitt trông giống những biểu tượng trong căn hầm tại khu mỏ Paradise. Chính giữa những cái đĩa là những hình tượng người Ai Cập cổ, một bên là một người đàn ông và bên kia là một phụ nữ. Người đàn ông đội trên đầu một cái nón hình chóp gấp lại về một bên, và một cái áo giống như áo choàng bên ngoài cái áo giáp che ngực và một cái váy ngắn na ná cái váy xếp nếp của người Tô Cách Lan. Ông ta cưỡi một con ngựa một sừng nhô lên từ đỉnh đầu, tay cầm một thanh gươm to bản đưa cao lên khỏi đầu trong hành động đang chém ngang cổ một con quỷ có hình dáng một con thần lùn với những cái miệng rộng hoác chồm chồm răng.

Người phụ nữ bên mặt kia cái đĩa mặc quần áo cũng tương tự người đàn ông, nhưng có nhiều đồ trang sức hơn trên thân mình, nhiều xâu chuỗi với những vật trông giống vỏ sò và một loại hạt gì đó. Bà ta cũng cưỡi một con ngựa có sừng ngay đỉnh đầu. Thay vì cầm một thanh gươm, bà ta đang đâm một cây giáo vào một con thú mà Pitt nhận ra là một con cạp răng kiếm, một loài động vật đã tuyệt chủng từ nhiều ngàn năm.

Đầu óc Pitt lãng đãng trở về một thời đại khác, tại một nơi khác, mơ hồ và chậm chạp, hiện ra như một màn sương. Lúc cầm những cái đĩa trong lòng bàn tay, anh cố cảm nhận sự tiếp xúc gần gũi với những người đã tạo ra chúng. Nhưng thần giao cách cảm không phải là một trong những sở trường của Pitt. Anh là một người gắn liền với cái ở đây và bây giờ. Anh không thể vượt qua bức tường vô hình ngăn cách quá khứ với hiện tại.

Trạng thái mơ mộng của Pitt bị phá vỡ bởi giọng nói mang âm điệu miền Nam của Ira Cox.

“Ông có muốn mang những thùng gỗ này lên xe chở dụng cụ không?”

Bừng tỉnh, Pitt ngược nhìn lên và gật đầu. “Ngay sau khi tôi đây nắp những thùng gỗ lại, chúng ta sẽ mang chúng lên boong trên. Sau đó dùng dây thả chúng qua lỗ thùng cậu đã đục trên thân tàu xuống mặt sàn căn hầm băng”.

“Tôi đếm có tất cả hai mươi bốn thùng gỗ”, ông Northrop nói. Ông ta bước lại chỗ một thùng gỗ và nhắc một cái lên. Gương mặt ông ta chuyển sang đỏ như gấc và đôi mắt trợn trừng.

Cox nhanh chóng nhận ra tình huống, đỡ cái thùng gỗ từ tay ông tiến sĩ dễ dàng như ẵm một đứa trẻ. “Tốt hơn ông nên dành những công việc nặng nhọc cho tôi, ông tiến sĩ”.

“Cậu không biết tôi chịu ơn cậu nhiều chừng nào đâu, Ira”, ông Northrop nói, mừng rỡ vì thoát khỏi những thùng gỗ nặng gần cả trăm cân Anh.

Cox chọn phần việc nặng nhọc nhất. Mỗi bên vai vác một thùng gỗ, anh ta chuyển chúng cho Pitt. Pitt buộc dây và thả chúng xuống những xe chở dụng cụ đợi sẵn. Tại đây, ông Northrop xếp gọn chúng lại. Khi đã chấm dứt công việc, trên mỗi chiếc xe có tám cái thùng gỗ. Pitt bước lại chỗ lối vào hầm băng và gọi về chiếc tàu. “Chỗ ông lúc này trận bão thế nào?” Anh hỏi ông Gillespie.

“Theo dự đoán của những nhà khí tượng học trên tàu, nó còn kéo dài vài giờ nữa”.

“Những xe chở dụng cụ đã đầy ắp những cỗ vật”, Pitt nói.

“Cậu cần giúp đỡ gì không?”

“Mỗi chiếc xe phải gánh gần tám trăm cân Anh. Mọi giúp đỡ để đưa chúng về tàu Polar Storm đều được hoan nghênh”.

“Chờ đến lúc thời tiết sáng sủa hơn nhé”, ông Gillespie nói. “Đích thân tôi sẽ đưa người đến giúp các cậu”.

“Cậu thực sự muốn tới chỗ chúng tôi chứ?”

“Không cho tôi đặt chân lên boong của chiếc tàu từ thế kỷ mười tám à? Tôi thà không được uống cơn khát của Pháp còn hơn”.

“Tôi sẽ giới thiệu cậu với ông thuyền trưởng”.

“Cậu đã gặp ông thuyền trưởng?” Ông Gillespie tò mò hỏi.

“Chưa, nhưng nếu bà Rosanna Mender không quá tọc mạch, chắc hẳn ông ta không bị khuấy động như thế này”.

Thuyền trưởng Leigh Hunt vẫn ngồi tại bàn giấy nơi ông đã chết năm 1779. Không có gì thay đổi, từ vết nứt nhỏ của khối băng đã giam hãm chiếc tàu trước kia. Với sự kính trọng, họ quan sát đứa bé nằm trong cái giường cũi và bà Hunt, sau hai thế kỷ, lớp băng đã phủ kín về mặt buồn bã và hình dáng mảnh khảnh thanh lịch của bà. Con chó chỉ là một đồng màu trắng đông cứng.

Họ đi qua những cabin, chiếu đèn lên những hành khách đã chết từ lâu. Lớp băng như những tấm vải liệm sáng lấp lánh chỉ cho thấy phần nào những cái xác bên dưới. Pitt cố hình dung những động tác cuối cùng của họ, nhưng thảm kịch có vẻ quá cay đắng, và anh không thể đủ điên tởm để nghĩ tới. Nhìn thấy những cái xác nhợt nhạt dưới ánh sáng mờ đục qua lớp băng, người ta khó lòng tưởng tượng họ đã là những người từng sống, thở và làm việc hằng ngày trước khi chết tại một nơi xa xôi, khủng khiếp nhất của thế giới. Những biểu cảm trên một số gương mặt méo mó qua lớp băng, trông thật ghê rợn, không sao mô tả đúng được. Đó là những cảm nghĩ sau cùng của họ khi họ mất hết hy vọng được cứu thoát, có phải thế?

“Một ác mộng”, ông Northrop thì thầm, “nhưng một ác mộng vĩnh quang”.

Pitt nhìn ông ta với ánh mắt dò hỏi, “Vinh quang?”

“Tất cả đều lạ lùng. Những xác chết được bảo quản hoàn hảo, đông cứng qua thời gian. Hãy nghĩ xem sự kiện này có ý nghĩa thế nào đối với khoa vật lý nhiệt độ thấp. Hãy nghĩ đến khả năng có thể mang tất cả bọn họ trở lại với cuộc sống xem”.

Ý nghĩ đó làm Pitt choáng váng như bị nện vào đầu. Liệu khoa học có thể một ngày nào đó, làm sống lại những hành khách và thủy thủ đã chết đông cứng này của tàu Madras? “Hãy nghĩ đến sự kinh ngạc của những người này về sự sống nếu họ được làm sống lại sau khi đã chết hai trăm năm?”

Ông Northrop vung cả hai bàn tay “Tại sao mơ mộng? Chuyện đó chưa xảy ra trong thời đại của chúng ta đâu”.

“Có lẽ không”, Pitt nói, vừa nghĩ về khả năng đó, “nhưng ước gì tôi có thể chứng kiến phản ứng của những người đáng thương này lúc họ trông thấy những gì đã xảy ra trên thế giới của họ từ năm 1779”.

Những đám mây bão đã đi qua và gió cũng lặng bốn giờ sau đó. Cox đứng bên ngoài căn hầm và ve vẩy tấm vải dầu dùng để gói những dụng cụ đục băng như một lá cờ hiệu. Một số người trên tàu nhận ra dấu hiệu và bắt đầu luồn lách tìm đường trên mặt tuyết lồi lõm để tới hầm băng. Pitt đếm tất cả có tới mười hình dáng màu ngọc lam nhỏ như những con kiến đang vượt qua khối băng trắng toát hướng về phía chỗ bọn anh. Khi họ tới gần hơn, Pitt có thể nhận ra thuyền trưởng Gillespie dẫn đầu. Anh cũng nhận ra bóng dáng bé nhỏ ngay sau ông ta là cô phóng viên Evie Tan.

Ba mươi phút sau, ông Gillespie bước thẳng tới chỗ Pitt và mỉm cười. “Một ngày đẹp trời để đi dạo trong công viên”, ông ta vui vẻ nói.

“Xin đón mừng những người mới đến bảo tàng cổ vật Nam Cực”, Pitt nói, vừa đưa ông thuyền trưởng vào trong hang và chỉ lên thân tàu. “Hãy chú ý lúc đặt chân lên cái thang Ira đã đục vào khối băng”.

Trong lúc Pitt và ông Gillespie đi một vòng trong chiếc tàu Madras với Evie, lúc này đã chụp hết mười cuộn phim, ghi lại tất cả mọi chi tiết của chiếc tàu cũ, thì Cox và tiến sĩ Northrop giúp các thủy thủ tàu Polar Storm kéo những chiếc xe trượt tuyết chở dụng cụ và khối lượng hàng hóa cổ vật trở lại chiếc tàu phá băng.

Pitt thích thú nhìn Evie mở dây khóa chiếc áo khoác to kềnh bằng da của người Eskimo, vén cái áo len dày bên trong lên để buộc những cuộn phim vào cái áo lót dài của cô bằng băng keo. Cô nhìn Pitt, mỉm cười. “Để bảo vệ phim không bị hỏng vì thời tiết quá lạnh”.

Jake Bushey, sĩ quan thứ nhất của tàu Polar Storm, gọi thuyền trưởng Gillespie qua cái radio xách tay của anh ta. Ông Gillespie lắng nghe một lúc rồi nhét cái radio vào túi áo Pitt có thể nói qua những gì lộ ra qua nét mặt Gillespie rằng ông ta vừa nhận một tin không vui. “Chúng ta phải về tàu thôi”.

“Lại một cơn bão nữa à?” Evie hỏi.

Ông thuyền trưởng lắc đầu. “Chiếc tàu ngầm”, ông ta lạnh lùng trả lời. “Nó nổi lên khỏi lớp băng cách tàu Polar Storm không đầy một dặm”.

Lui đến gần chiếc tàu và nhìn qua nó về phía xa ngoài khối băng, họ có thể thấy rõ ràng hình dáng như con cá voi màu đen của chiếc tàu ngầm hiện ra nổi bật trên khối băng trắng toát. Đến gần hơn, họ có thể phân biệt những hình dáng đứng trên đài chỉ huy tàu ngầm, trong lúc những người khác bò từ trong thân tàu ra và tụ lại quanh khẩu súng đặt trên boong. Lúc này nó chỉ còn cách tàu Polar Storm khoảng một phần tư dặm.

Ông Gillespie gọi người sĩ quan thứ nhất của mình qua radio, “Bushey?”

“Tôi đây, thưa thuyền trưởng”.

“Đóng các cửa ngăn nước lại và ra lệnh cho toàn bộ thủy thủ và các nhà khoa học mặc áo phao cứu sinh ngay”.

“Vâng”, Bushey trả lời. “Đã ra lệnh đóng các cửa ngăn nước”.

“Chiếc tàu ma đó chẳng khác gì ôn dịch”, ông Gillespie thàn thì. “Vận rủi của nó luôn lây lan”.

“Hãy cảm ơn những ân điển nhỏ”, Pitt nói. “Một tàu lặn không có cách gì có thể bắn thủy lôi qua lớp băng”.

“Đúng, nhưng nó còn khẩu súng trên boong”.

Âm thanh báo động cảnh báo những người trên tàu lo đóng những cửa trên những vách ngăn của tàu lan qua bầu không khí lạnh ngắt của băng giá trong lúc Pitt và những người khác vội vã lao về phía chiếc tàu. Tuyệt cứng lại dưới sức nặng của những chiếc xe và số hàng hóa nặng nề của

chúng, tạo ra lối đi để họ dễ dàng theo sau. Nhiều thủy thủ đang đứng trên lớp tuyết quanh chỗ cầu tàu vẫy tay hối thúc họ đi nhanh hơn.

Ông thuyền trưởng lại gọi qua radio, “Bushey. Tàu ngầm có tìm cách tiếp xúc không?”

“Không, thưa ngài. Tôi thử gọi họ nhé?”

Ông Gillespie suy nghĩ một lúc, “Không, chưa, nhưng nhớ lưu ý mọi hành động đáng ngờ của nó”.

“Cậu có liên lạc với Hạm trưởng chiếc tàu ngầm trong suốt chuyến đi từ bán đảo chứ?” Pitt hỏi.

“Tôi có thử hai lần, nhưng đều không có câu trả lời”.

Ông Gillespie vẫn để mắt đến chiếc tiểu thủy đỉnh. “Đô đốc nói gì lúc cậu thông tin cho ông ấy?”

“Tất cả những gì ông già nói là “Tôi sẽ lo vụ này”.

“Cho dù ông Đô đốc hứa thế nào, cậu vẫn phải tự lo trước đã”, Pitt dừng lại, nghĩ ngợi. “Hãy bảo Jake gửi một thông điệp cho tàu ngầm, cảnh báo gã Hạm trưởng rằng chiếc tàu nghiên cứu của cậu đã thả những khối thuốc nổ tạo sự động đất ở dưới nước, dưới những tảng băng đúng ngay vị trí tàu ngầm của hắn vừa trồi lên”.

“Cậu chờ mong điều gì với kiểu dối trá đó?”

“Chúng ta phải bất động. Dù kế hoạch của ông Đô đốc như thế nào, ông ấy cũng cần thời gian chuẩn bị”.

“Chúng có thể nghe được những gì chúng ta nói qua radio”.

“Tôi có nghĩ tới điều đó”, Pitt nói và mỉm cười.

“Nếu chúng hành động như đã từng làm trong Thế chiến Hai để phá hoại những tàu vận tải đi lẻ loi, thì chúng đang gây nhiều sóng thông tin vệ tinh của chúng ta”.

“Tôi cũng đã nghĩ tới chuyện này”.

Họ vẫn còn nửa dặm nữa mới tới chiếc tàu. Ông Gillespie nhấn nút truyền tin của cái radio. “Bushey, cậu nghe tôi kỹ nhé”, sau đó ông ta dặn người sĩ quan thứ nhất của mình phải nói và làm gì, và tin chắc chiếc tàu ngầm đang nghe những trao đổi của họ.

Bushey không hỏi gì thêm, cũng không chút ngần ngại. “Tôi hiểu rồi, thưa Thuyền trưởng. Tôi sẽ tiếp xúc chiếc tàu đó ngay để cảnh báo họ”.

“Cậu có một phụ tá rất cừ”, Pitt nói với vẻ khâm phục.

“Bảnh thật đấy”, ông Gillespie gật đầu xác nhận.

“Chúng ta sẽ đợi mười phút, sau đó lại bày trò khác và hy vọng gã Hạm trưởng tàu ngầm sẽ mắc lừa”.

“Chúng ta hãy nhanh lên”, ông Gillespie hối thúc.

Pitt quay sang Evie Tan đang thở nặng nhọc. “Ít nhất cô cũng để tôi mang giúp những dụng cụ chụp ảnh chứ”.

Cô lắc đầu búng bình, “Những thợ chụp ảnh phải tự mang các trang bị của mình. Tôi không sao đâu, đi thôi. Tôi sẽ bắt kịp quý vị tại chiếc tàu”.

“Tôi không muốn là một gã đê tiện”, ông Gillespie nói, “nhưng tôi phải có mặt trên tàu càng sớm càng tốt”,

“Cậu đi trước đi”, Pitt bảo ông ta, “chúng tôi sẽ gặp cậu trên tàu”.

Ông thuyền trưởng bắt đầu chạy thực mạng. Pitt cố nài Evie sử dụng bộ đồ trượt tuyết của anh, nhưng cô từ chối thẳng thừng. Lúc này, với một chút nhượng bộ, cô gái đồng ý để Pitt buộc hai bàn chân cô vào hai tấm ván trượt và đón nhận cặp gậy anh đưa cho. “Cô đi trước nhé. Tôi muốn quan sát chiếc tàu ngầm gần hơn”.

Sau khi Evie trượt đi, Pitt đổi hướng, đi về phía sau đuôi tàu ngầm. Qua mặt băng, anh chăm chú nhìn chiếc tàu và có thể thấy nhóm thủy thủ đang đi đầu chỉnh khẩu súng trên boong và các sĩ quan đang chầm qua thành tàu trên đài chỉ huy. Có vẻ họ không mặc những bộ đồ phục của thủy thủ Đảng Quốc xã Đức. Tất cả đều mặc y phục màu đen giản dị ôm sát thân mình.

Pitt đứng tại nơi có thể bị nhóm người trên tàu ngầm dễ dàng nhìn thấy. Anh nhấn nút thông tin cái radio xách tay, “Tôi đang nói chuyện với người chỉ huy tàu ngầm U-2015. tên tôi là Pitt. Ông có thể nhìn thấy tôi đứng cách phía sau đuôi tàu Polar Storm, trên khối băng”. Anh dừng một lúc để bọn người kia nhìn thấy mình trước khi nói tiếp. “Tôi hoàn toàn biết rõ các ông là ai. Ông hiểu chứ?”

Cái radio chỉ phát ra những âm thanh rè rè, rồi sau đó là một giọng nói thân thiện. “Vâng, chào ông Pitt. Đây là Hạm trưởng tàu U-2015. Chúng tôi có thể giúp các ông bằng cách nào?”

“Ông đã biết tên tôi, Hạm trưởng. Còn tên ông?”

“Ông không cần biết”.

“Vâng”, Pitt đi đến tận nói, “điều đó cũng dễ hiểu thôi. Những người bạn nối khố của ông từ tổ chức Vận Hội Mới, hoặc tôi có thể nói là Đế Tứ Đế quốc, rất kiên trì giấu kín bí mật. Nhưng xin đừng lo, tôi hứa không rả rãng đi đâu gì dính líu tới băng nhóm giết người không ghê tay của các ông

đâu, kể cả những kẻ đầu não với tinh thần yêu nước bệnh hoạn mà các ông còn tôn sùng tới ngày nay”.

Đó là một đòn chí tử của Pitt, hoàn toàn do anh suy đoán, nhưng sự im lặng kéo dài báo cho Pitt biết anh đã giáng trúng đòn. Một phút trôi qua trước khi giọng nói của gã Hạm trưởng chiếc tàu lặn vọng ra từ cái radio nhỏ.

“Vậy ông là kẻ cùng-lúc-có-mặt-tại-nhiều-nơi Dirk Pitt”.

“Chính tôi”, Pitt trả lời, cảm nhận được chiến thắng vì anh đã bấm đúng huyết. “Tôi không nghĩ tiếng tăm của mình lại lan truyền nhanh chóng đến thế”.

“Tôi thấy ông đã không phạm thì giờ khi rời Colorado để tới miền Nam Cực này”.

“Lẽ ra tôi đã tới sớm hơn, nhưng tôi còn phải lo giải quyết những cái xác của đám bạn ông”.

“Ông đang trải nghiệm sự kiên nhẫn của tôi đấy à, ông Pitt?”

Cuộc đàm thoại bắt đầu trở nên vô nghĩa, nhưng Pitt muốn chọc tức gã Hạm trưởng để kéo dài thời gian. “Không, tôi chỉ mong ông giải thích thái độ kỳ quặc của ông. Thay vì tấn công một chiếc tàu nghiên cứu đại dương không được trang bị vũ khí, ông nên có mặt tại phía bắc Đại Tây Dương, và dùng thủy lôi tấn công những tàu buôn yếu đuối”.

“Chúng tôi đã chấm dứt thái độ thù địch từ Tháng Tư 1945”.

Pitt không thích trông thấy khẩu súng máy đặt phía trước đài chỉ huy tàu ngầm chĩa mũi về phía anh. Anh biết thời gian không còn nữa và chắc chắn chiếc tàu ngầm đang tìm cách hủy diệt tàu Polar Storm và tất cả những người thuộc về nó. “Vậy chừng nào các ông phát động Đệ Tam Đế chế?”

“Tôi thấy chẳng có lý do gì để kéo dài cuộc đàm thoại này, ông Pitt”. Giọng nói trở nên nhẹ như một hơi thở, giống như người phát thanh viên thời tiết trên Đài Truyền hình Cheyenne bang Wyoming. “Tạm biệt”.

Pitt không cần bị chọc que nhọn vào mắt để hiểu chuyện gì đang xảy ra. Anh lăn mình vào sau một gò băng đúng lúc khẩu súng máy trên đài chỉ huy tàu ngầm nhả đạn. Những đầu đạn rít qua bầu không khí và tạo ra những âm thanh va chạm lạ lùng khi chúng đập vào khối băng. Pitt nằm sau gò băng với tâm trạng chán nản cùng cực vì không thể xoay trở. Lúc này anh cảm thấy ân hận vì đã mặc bộ quần áo chống lạnh màu ngọc lam của

NUMA. Màu sắc của nó nổi bật lên nền trắng lớp băng, biến anh thành một bia nhắm lý tưởng.

Từ chỗ nằm, Pitt có thể nhìn lên cấu trúc tuyệt hảo của tàu Polar Storm. Đã gần, nhưng vẫn còn xa. Anh bắt đầu lắc lư thân mình để tuột bộ quần áo màu ngọc lam ra cho đến lúc chỉ còn lại cái áo len và quần len trên người. Đôi giày bột tở ra chỉ gây vướng víu trong lúc chạy, vì vậy anh cũng tháo bỏ nốt và chỉ còn lại đôi tất chống lạnh. Những đầu đạn đã thôi reo hò chào mừng anh. Gã xạ thủ chắc hẳn đã tin anh phải ăn no đạn.

Anh trét tuyết lên mái tóc để màu đen của nó không còn nổi bật trên nền tuyết trắng. Rồi anh chăm chú quan sát qua mép gò băng. Gã xạ thủ đang cúi gập mình trên vũ khí của hắn, còn gã Hạm trưởng chiếc tàu lặn đang chỉnh ống dòm về phía Pitt. Một lúc sau, anh nhìn thấy gã Hạm trưởng quay mũi ống dòm về phía chiếc tàu Polar Storm. Tên xạ thủ cũng xoay hướng súng theo hướng gã chỉ huy của hắn đang nhắm.

Pitt hít vào một hơi thở sâu rồi nhồm lên, chạy qua khối băng theo hình ziczac với tốc độ cũng nhanh nhẹn như nhiều năm trước kia, lúc anh gia nhập Học viện Không Lực. Chỉ có đi đầu lần này không có Al Giordino cùng chạy với anh. Băng thấm qua đôi tất tất và cắt bàn chân Pitt, nhưng anh cố xua đuổi cơn đau.

Anh chạy được khoảng ba chục mét trước khi toán thủy thủ chiếc tàu ngầm nhận ra và lại bắt đầu nhả đạn. Nhưng những đầu đạn của chúng hoặc bay lên cao, hoặc lạc về phía sau anh.

Trước khi chúng đi đầu chỉnh và bắt đầu hướng theo anh thì đã quá trễ. Pitt đã chạy vòng ra phía sau bánh lái chiếc tàu Polar Storm một giây trước khi những đầu đạn đập vào lớp vỏ thép của chiếc tàu, làm tróc những mảng sơn, như những con ong giận dữ.

Khi đã an toàn sau mép tàu, anh bước chậm và lấy lại hơi thở. Cầu tàu đã được kéo lên, và ông Gillespie đã ra lệnh cho chiếc tàu quay mũi một trăm tám mươi độ với vận tốc tối đa, nhưng một chiếc thang dây đã được ném xuống bên hông tàu. Pitt chạy dọc theo con tàu trong lúc nó tăng tốc, chộp lấy cái thang và đu mình lên, đúng lúc những mảnh băng văng tung tóe khi mũi tàu lướt qua bên dưới hai bàn chân mang tất của anh.

Ngay khi vừa chạm lan can tàu, Pitt đã được Cox nhắc lên và đặt anh đứng trên boong. “Chúc mừng trở về”, anh ta nói với nụ cười toét miệng.

“Cám ơn cậu, Ira”, Pitt thở hào hển.

“Thuyền trưởng muốn gặp ông trên đài chỉ huy”.

Pitt gạt đầu và băng qua boong tàu về phía cái thang dẫn lên đài chỉ huy.

“Ông Pitt”.

Quay lại, Pitt nói, “Vâng?”

Cox gạt đầu về phía những dấu máu do hai bàn chân Pitt để lại trên boong. “Ông phải nhờ bác sĩ trên tàu kiểm tra hai bàn chân xem”.

“Tôi sẽ nhớ làm chuyện đó trước tiên”.

Đứng bên hông đài chỉ huy, ông Gillespie đang theo dõi động tĩnh của chiếc tàu ngầm, thân tàu màu đen của nó nổi bật giữa lớp băng nơi nó đã nổi lên. Ông ta quay lại khi Pitt leo lên thang. “Cậu bực mình lắm nhỉ?”

“Chỉ tại tôi chọc tức hấn”.

“Đúng, tôi đã nghe những trao đổi giữa hai người”.

“Hấn có tiếp xúc cậu không?”

Ông Gillespie lắc đầu, “Không một tiếng”.

“Cậu có thể liên lạc với thế giới bên ngoài chứ?”

“Không. Như chúng ta nghi ngờ, hấn gây nhiễu sóng tất cả những thông tin qua vệ tinh”.

Pitt nhìn chiếc tàu ngầm. “Tôi tự hỏi hấn đang chờ đợi gì?”

“Nếu là hấn, tôi sẽ đợi cho tới lúc chiếc Polar Storm quay mũi hướng ra biển. Sau đó, khi chúng ta lọt vào đúng vị trí, hấn dễ dàng tấn công bên mạn tàu”.

“Nếu vậy”, Pitt lạnh lùng nói, “sẽ chẳng bao lâu nữa”.

Như đọc được ý nghĩ trong đầu gã Hạm trưởng, anh nhìn thấy một cụm khói thoát ra khỏi họng khẩu súng trên boong chiếc tàu ngầm, ngay sau đó là một tiếng nổ vang dội ngay phía sau đuôi chiếc tàu phá băng khổng lồ “Gần lắm”, Bushey đang đứng trước bộ phận kiểm soát, nói.

Một biểu hiện lạ trên nét mặt Evie, lúc đó đang đứng bên trong cánh cửa đài chỉ huy, “Tại sao họ bắn chúng ta?”

“Cô hãy xuống hầm ngay”, ông Gillespie hét với cô. “Tôi muốn tất cả những thủy thủ không có nhiệm vụ, các nhà khoa học và hành khách phải ở yên dưới hầm, bên mạn trái, là phía cách xa tàu ngầm hơn cả”.

Vẫn bình tĩnh, Evie bấm liềm một lúc mấy tấm ảnh về phía chiếc tàu ngầm với cái máy ảnh trước khi leo xuống nơi an toàn của chiếc tàu. Lại một tiếng nổ khác, nhưng âm thanh không giống lần trước. Đầu đạn trái phá chạm bãi đáp dành cho trực thăng ở đuôi tàu, phá vỡ ván tàu thành nhiều mảnh, bốc khói! Rất nhanh sau đó, lại một viên đạn trái phá rít qua

bầu không khí đặc sệt rồi đâm vào ống khói tàu với tiếng đổ vỡ chát tai, xé toạc nó như một lưỡi rìu chém vào một cái hộp thiếc. Chiếc tàu Polar Storm rùng mình, có vẻ khựng lại, nhưng sau đó nó lại tiếp tục lao qua lớp băng.

“Chúng ta đang mở lối ra”, Cox hét lớn.

“Chúng ta có thể thoát khỏi nơi này”, Pitt nói. “Nhưng hẳn vẫn có thể lặn xuống và đuổi theo chúng ta ngoài vùng băng trôi”.

Khẩu súng máy trên tàu ngừng lại hoạt động, và những đầu đạn của nó, quét một đường qua mũi chiếc tàu phá băng rồi vọt lên về hướng thân tàu cho tới khi chúng chạm những cửa kính dài chỉ huy và phá vỡ những tấm kính thành hàng ngàn mảnh. Những đầu đạn còn xuyên qua vách đối diện, phá nát bất kỳ thứ gì cao hơn mặt sàn trên ba bộ. Pitt, ông Gillespie và Cox, theo bản năng, nằm dãn mình xuống sàn. Nhưng Bushey lại chậm mất hai giây. Một viên đạn xuyên qua vai, và viên thứ nhì qua quai hàm anh ta.

Khẩu súng máy trên boong tàu ngừng lại nhả đạn. Và những đầu đạn lại xuyên phá phần sau đài chỉ huy vốn đã bị thương nặng. Những đầu đạn dày đặc đến nỗi làm chiếc tàu Polar Storm rung chuyển dữ dội từ mũi đến đuôi tàu. Sự rung chuyển truyền qua thân thể và làm họ ngạt thở. Những người có mặt trong đài chỉ huy bị hất lăn quay trên sàn như những con búp bê rơi tả. Ông Gillespie và Cox bị ném vào chân bàn dùng để xem bản đồ. Bushey đã nằm bất động trên sàn, bị đẩy lăn tròn trên những mảnh đồ nát. Pitt nằm nửa trong nửa ngoài cánh cửa bên hông đài chỉ huy.

Anh gượng đứng lên, không buồn đếm xem có bao nhiêu chỗ bị bắn giập và bị mảnh kính gây thương tích trên thân thể. Những cuộn khói cay xè xộc vào mũi, hai tai lùng bùng không còn nhận ra những âm thanh khác. Anh chập choạng đến gần ông Gillespie và quì xuống cạnh ông ta. Tiếng nổ đã ném ông ta vào cái bàn hải đồ, làm gãy mấy cái xương sườn, hai lỗ tai rỉ máu. Máu cũng thấm qua một ống quần. Đôi mắt ông thuyền trờng vẫn mở nhưng trông đờ đẫn. “Chiếc tàu của tôi”, ông nói trong rên rỉ, “những tên khốn này đã hủy hoại chiếc tàu của tôi”.

“Chớ động đây”, Pitt bảo ông ta. “Có thể cậu bị nội thương”.

“Chuyện quái gì đang xảy ra trên đó?” Giọng nói của viên kỹ sư trưởng vọng ra từ cái loa duy nhất vẫn còn hoạt động. Giọng ông ta hầu như lẫn trong tiếng động cơ gầm rú trong phòng máy.

Pitt nói vào điện thoại của tàu. “Chúng ta bị một tàu ngầm tấn công. Ông hãy cho động cơ hoạt động tối đa. Chúng ta phải ra khỏi vùng biển này trước khi bị bắn thành từng mảnh”.

“Dưới này cũng bị hư hỏng, và một số người bị thương”.

“Sẽ còn tệ hơn nữa”, Pitt cầu nhàu, “nếu ông không đạt vận tốc tối đa”.

“Jake”, ông Gillespie rên rỉ. “Jake đâu rồi?”

Viên sĩ quan thứ nhất đang nằm bất động và chảy máu, và Cox đang chờ dẫn cúi xuống anh ta.

“Cậu ấy ngất rồi”, Pitt trả lời. “Ai là người sẽ chỉ huy tiếp theo?”

“Joe Bascom là sĩ quan thứ hai của tôi, nhưng anh ta đã về Montevideo vì vợ sinh. Cox sẽ chỉ huy”.

Pitt bước lại chỗ viên sĩ quan thứ ba không lờ. “Ira, thuyền trưởng của cậu”.

Cox gật đầu. “Vâng, thưa ông. Chúng ta đang hướng ra biển theo hướng không-năm-không”.

Pitt nhìn về phía chiếc tàu ngầm như bị áp lực của một cảm giác mê hoặc không cưỡng lại được, không nháy mắt, chờ đợi loạt đạn tiếp theo từ khẩu súng trên boong của nó. Anh không phải đợi lâu. Đúng lúc đó anh trông thấy bóng dáng Tử thần lướt ngang khối băng, xuyên thủng chiếc xuồng cứu sinh, một chiếc xuồng lớn có thể chở đến sáu mươi người, tạo ra một chấn động làm chiếc tàu lão đảo về phía mạn phải. Trái đạn xé nát chiếc xuồng cứu sinh trước khi nó đập vào vách ngăn giữa sàn tàu và khoang bếp. Một cuộn khói và lửa trào qua những lỗ thủng nham nhở rồi thoát ra lan can tàu. Chẳng mấy chốc, toàn bộ chiều dài mạn phải sàn tàu đều bén lửa, những vật lửa liếm qua những kẽ nứt trên sàn và vách ngăn.

Trước khi một người nào trong đài chỉ huy lấy lại bình tĩnh, một đầu đạn khác đã rời khỏi họng súng trên boong tàu ngầm, rít lên và lao về phía chiếc tàu phá băng như một tín hiệu báo tử. Rồi nó chạm và nổ tung tại mũi tàu như muốn xé toạc vật đã cản đường nó, và ném sợi xích buộc neo lên không khí như một chiếc pháo thăng thiên. Nhưng chiếc tàu Polar Storm vẫn nổi trên mặt biển.

Chiếc tàu phá băng nhanh chóng tăng khoảng cách giữa nó với chiếc tàu ngầm. Khẩu súng máy trên đài chỉ huy chiếc tàu ngầm không còn hiệu quả nữa nên nó câm họng. Nhưng khoảng cách mở rộng không đủ nhanh. Khi toán thủy thủ của tàu ngầm nhận ra chiếc tàu phá băng có thể thoát

khởi tằm bắn, chúng bắt đầu nỗ lực gấp đôi việc nạp đạn và bắn. Mỗi đợt bắn chỉ cách nhau mười lăm giây, nhưng không phải lần nào chiếc tàu phá băng cũng bị trúng đạn. Dần dần, những đầu đạn cũng trật mục tiêu, chúng lướt qua ăngten rada và trụ radio.

Hành động tấn công và phá hủy diễn ra nhanh đến nỗi ông Gillespie không đủ thời gian nghĩ đến chuyện đầu hàng để cứu vãn chiếc tàu và những người có mặt trên tàu. Chỉ Pitt mới hiểu rõ hơn ông ta. Bọn Đệ Tứ Đế quốc sẽ không cho phép ai trốn thoát. Ý định của chúng là tiêu diệt tất cả, và thân xác của họ được chôn chung trong một nấm mồ là chiếc tàu phá băng khi nó chìm xuống một ngàn bộ dưới đáy biển lạnh lẽo vô tình.

Lớp băng trở nên mỏng hơn khi chiếc Polar Storm càng xa bờ hơn, và chiếc tàu bị thương lao qua lớp băng vỡ vụn dưới mũi nó. Những động cơ rung mạnh và những chân vịt quay cuồn cuộn trong khối nước lạnh giá. Pitt tính toán việc quay mũi chiếc tàu và tấn công chiếc tàu ngầm với dụng cụ phá băng, nhưng khoảng cách quá xa. Không những chiếc tàu nghiên cứu này phải chịu đựng những loạt đạn dày đặc của đối phương bắn thẳng vào nó, mà kẻ thù còn có thể dễ dàng an toàn lặn xuống khỏi mặt nước khi nó đến gần.

Chiếc xuồng cứu hộ chỉ còn là một đồng rác rưởi gồm những mảnh vụn đang cháy nham nhở với mũi và đuôi của nó còn sót lại, treo lơ lửng bên lan can tàu. Khói cuồn cuộn toát ra từ những lỗ thủng do đạn phá vỡ như những điếm xấu đầy đe dọa. Nhưng bao lâu phòng máy còn chưa bị thương chí mạng, thì chiếc Polar Storm vẫn lướt tới. Đài chỉ huy lúc này là một đồng vỡ nát, và những mảnh kính vụn được trang hoàng bằng những vết máu.

“Chỉ còn một phần tư dặm nữa là chúng ta thoát!” Pitt hét lớn trong những tiếng động ồn ã.

“Nó vẫn đi vững đấy chứ”, ông Gillespie nói, nhồm mình ngã dẫy trên sàn với vẻ đau đớn, lưng dựa vào cái bàn hải đồ.

“Bộ phận kiểm soát điện tử đã bị bắn nát”, Cox nói. “Bánh lái bị kẹt, không còn kiểm soát được. Tôi e rằng chiếc tàu sẽ quay một vòng hướng về phía chiếc tàu ngầm đáng nguy hiểm rửa đó”.

“Bao nhiêu người chết và bị thương?” ông Gillespie hỏi.

“Theo chỗ tôi biết thì các nhà khoa học và hầu hết thủy thủ đầu bình yên”, Pitt trả lời. “Nơi họ ẩn nấp khi bị trúng đạn”.

“Sao chúng tấn công đột ngột thế?” Cox thầu thào qua cặp môi tóe máu. “Thậm chí chúng ta chẳng kịp chuẩn bị gì cả”.

Bầu không khí lại bị xé rách. Một trái đạn phá thùng thân tàu, trượt qua phòng máy, cắt đứt những dây cáp điện và ống dẫn dầu trước khi xuyên thùng mạn tàu đối diện mà vẫn không nổ. Không động cơ nào bị trúng đạn nhưng đã có hư hại. Những cỗ máy diesel khổng lồ bị mất nhiên liệu nên dừng lại.

“Trái đạn vừa r ồi đã cắt đứt và làm hỏng những ống dẫn dầu”, giọng viên kỹ sư trưởng vang lớn qua loa truyền tin.

“Cậu sửa chữa được chứ?” Cox lo lắng hỏi.

“Có thể”.

“Mất bao lâu?”

“Hai, có thể ba giờ”.

Cox nhìn Pitt đang quay nhìn chiếc tàu ngầm. “Chúng ta tiêu r ồi !” Cox nói.

“Trong tình huống này”, giọng Pitt có vẻ trầu trọng, “chúng chỉ cần ng ồi yên một chỗ mà nhả đạn vào chúng ta cho tới lúc không còn gì ngoài một lỗ trống trơn trên mặt băng. Dan, tốt hơn cậu nên ra lệnh bỏ tàu. Như thế, có lẽ vài nhà khoa học và thủy thủ tìm cách vượt qua những tảng băng trôi để vào đất li ền và ẩn nấp trong hang băng cho đến khi được tiếp cứu”.

Ông Gillespie chùi một vết máu trên má và gật đầu, ‘Ira, vui lòng đưa điện thoại của tàu cho tôi”.

Pitt thất thểu bước ra bên hông đài chỉ huy lúc này trông chẳng khác gì một căn phòng thu mua hàng phế liệu. Anh nhìn về phía mạn tàu, nơi lá cờ Sao và Sọc vẫn ngang ngạnh tung bay. R ồi anh nhìn lên lá cờ hiệu màu ngọc lam của NUMA rách toé tả đang khiêu vũ với gió nhẹ. Sau cùng, anh dồn sự chú ý của mình vào chiếc tàu ngầm. Anh thấy hòng súng trên boong lóe lên và nghe tiếng đạn rít giữa trụ rada, và ống khói tàu rách lá tả r ồi rơi xuống và nổ trên mặt băng cách xa tàu một trăm mét. Pitt nghĩ bản án chỉ tạm ngưng thi hành trong giây lát.

R ồi một ánh chớp lóe lên một bên khóe mắt anh, và một tia sáng lướt qua chiếc tàu ngầm. Bất chợt, anh thở phào, có cảm giác như một đợt sóng dịu dàng đang quét qua thân thể khi anh nhìn thấy một vệt khói và lửa trắng nổi bật trên nền trời màu xanh.

Cách đó mười dặm, một tên lửa đất-đối-đất bốc lên qua khối băng, uốn cong trên đường chân trời cho tới lúc lên cao nhất r ồi chúc đầu xuống

về phía chiếc tàu ngầm. Trái đạn đầu tiên đập trúng tàu ngầm nhưng nó vẫn nổi trên băng. Trái tiếp theo bọc nó trong một cụm lửa màu cam, đỏ và vàng như hình một cây nấm cao tới những đám mây màu xám. Chiếc tàu ngầm bị chẻ làm đôi, đuôi và mũi của nó vênh lên trời và tách rời nhau. Giữa hai phần của chiếc tàu là một vực xoáy khổng lồ với lửa và khói. Những đám mây hơi nước cuộn cuộn bốc lên qua lớp băng. Sau cùng, chiếc tàu ngầm trượt xuống và chìm tận đáy biển.

Tất cả diễn ra thật nhanh và Pitt khó lòng tin vào mắt mình. “Nó tiêu r ồi”, anh lẩm bẩm trong ngạc nhiên.

Sự im lặng đến choáng váng tiếp theo sau cái chết của chiếc tàu ngầm chỉ bị phá vỡ khi một giọng nói từ cái loa vọng ra. “Polar Storm, các bạn có nghe tôi nói không?”

Pitt chớp cái ống nói lên. “Chúng tôi nghe bạn rất rõ. Vị cứu tinh ân nhân”.

“Đây là Hạm trưởng Evan Cunningham, chỉ huy Tàu ngầm Nguyên tử tấn công Tucson của Hải quân Hoa Kỳ. Rất tiếc chúng tôi đã không tới sớm hơn”.

“Trễ còn hơn không” là câu thành ngữ rất đúng trong trường hợp này, Pitt trả lời. “Ông có thể cho chúng tôi mượn nhóm thủy thủ, kiểm tra hỏng hóc không? Chúng tôi đang trong tình huống xấu”.

“Các bạn đang bị nước tràn vào?”

“Không, nhưng chúng tôi bị thủng vỏ tàu trên mớn nước và phòng máy bị trúng đạn”.

“Hãy chuẩn bị đón một nhóm thủy thủ sẽ đến trong hai mươi phút nữa”.

“Sâm banh và cá h ồi đang chờ các bạn”.

“Họ từ đâu đến?” Cox tò mò hỏi.

“Đô đốc Sandecker. Chắc ông ấy đã nhờ cậy ông Bộ trưởng Hải quân”.

“Bây giờ thì chiếc tàu ngầm hết tìm cách gây nhiễu sóng vệ tinh của chúng ta”, ông Gillespie nói ngập ngừng. “Tôi đề nghị cậu gọi ông Đô đốc. Ông ấy muốn biết sự thiệt hại và thương vong của chúng ta”.

Cox đang cúi xuống Bushey bắt đầu có triệu chứng h ồi tỉnh.

“Tôi sẽ lo chuyện đó”, Pitt nói với ông thuyền trưởng. “Cậu hãy nghỉ ngơi cho đến khi chúng ta ra khỏi vịnh và bác sĩ có thể săn sóc cậu”.

“Bushey thế nào?”

“Sẽ ổn thôi. Bị thương khá nặng nhưng cậu ta sẽ đi lại được sau hai tuần lễ. Cậu mới là kẻ thê thảm hơn bất cứ ai trên tàu”»

“Tạ ơn Trời cậu ấy vẫn qua được”, ông Gillespie mệt nhọc nói.

Trong lúc gọi về Tổng hành dinh NUMA tại Washington, đầu óc Pitt lại nghĩ tới Giordino trên đảo St. Paul cách đó gần một ngàn năm trăm dặm. *Thằng chó này may mắn thật*, Pitt nghĩ. Anh hình dung gã bạn thân của mình đang ngồi trong một nhà hàng sang trọng tại Cape Town với một quý cô thật gợi tình trong bộ y phục quyến rũ, và gọi một chai vang Nam Phi.

“Vận may số mệnh”, Pitt lẩm bẩm với chính mình trên đồng hồ nát còn lại trong đài chỉ huy. “Hắn đang ấm áp còn mình lạnh muốn chết”.

“Tại sao lúc nào Dirk cũng được chọn những chiến dịch béo bở như thế chứ?” Giordino càu nhàu. “Tôi dám cá là trong lúc chúng ta đang chết hệt thì hắn đang ngủ trong một cabin ấm áp đầy tiện nghi trên chiếc tàu Polar Storm với một cô nàng hấp dẫn nào đó trong số các nhà sinh vật học nữ trong vòng tay hắn”.

Anh ta ướt đầm và run lẩy bẩy dưới cơn gió cắt da, từ sườn núi trở lại hang động, ôm trên tay một bó cây khô mà anh ta và ông Gunn đã chặt từ những bụi cây nằm rải rác trên núi.

“Chúng ta cũng sẽ ấm sau khi mớ cành khô này bén lửa”, ông Gunn nói. Ông ta đang đi trước Giordino, cũng với một bó cành khô trên tay, thận trọng bước qua cái mái vòm để vào đường hầm. Ông ném bó củi xuống mặt sàn lởm chởm đá và ngồi bệt xuống, lưng dựa vào một vách hầm.

“Tôi sợ đông bụi nhùi này sẽ tạo ra nhiều khói”, Giordino nói, vừa cởi cái áo lông ra và lau khô mặt và cổ ướt đầm nước mưa với một cái khăn lông nhỏ.

Ông Gunn đưa cho Giordino một tách cà phê nguội lạnh rót ra từ cái bình thủy và thổi lượng khô cuối cùng. “Bữa ăn tối cuối cùng đây”, ông nghiêm chỉnh nói.

“Ông Đô đốc nói gì về việc đưa chúng ta ra khỏi những đồng đá này”.

“Chỉ nói toán cứu hộ đã lên đường”.

Giordino nhìn con số trên đồng hồ đeo tay. “Đã bốn tiếng đồng hồ rồi. Tôi muốn tới Cape Town trước khi các quán rượu đóng cửa”.

“Ông ấy không thể cấp một chiếc phản lực có động cơ lên thẳng với một phi công khác, nếu không thì lúc này họ đã có mặt ở đây rồi”.

Giordino ngھnھ cổ lắng nghe. Anh đi dọc đường hằn cho tới lúc đứng dưới mái vòm. Trận mưa tuyết đã dịu lại, trở thành mưa lắ rắ. Bầu trời đầy mây trở nên sáng sủa, những mảng màu xanh của bầu trời hiện ra giữa những đám mây đang chuyển động. Lần đầu tiên sau nhiều giờ anh mới lại được nhìn thấy biển cả.

Trên bầu trời hiện ra một đốm đen như một con ruồi đậu trên mặt kính cửa sổ. Trong lúc anh quan sát, đốm đen lớn dần thành một chiếc trực thăng màu đen. Khi nó đến gần hơn, anh nhận ra đó là một trực thăng thám hiểm Mc Donnell Douglas với hai đuôi và không có cánh quạt phía sau đuôi.

“Chúng ta có viện binh rồi”, Giordino loan báo. “Một trực thăng đến từ hướng tây bắc. Nó đang lục soát mặt biển. Có vẻ như nó được trang bị tên lửa không-đối-đất”.

Ông Gunn bước ra đứng cạnh Giordino. “Một trực thăng không thể bay một lèo từ Cape Town tới đây. Nó phải xuất phát từ một chiếc tàu”.

“Chẳng thấy dấu hiệu nhận dạng nào cả. Buồn cười thật”.

“Rõ ràng không phải máy bay của quân đội Nam Phi”, ông Gunn nhận xét.

“Tôi không tin họ đến cứu chúng ta”, Giordino nói với giọng châm biếm, “nếu không, họ đã gọi vào bảo chúng ta chờ”.

Âm thanh những động cơ và chong chóng của chiếc trực thăng nhanh chóng phá vỡ bầu không khí lạnh buốt. Viên phi công không phải là một kẻ mạo hiểm gan lì mà rất thận trọng. Anh ta bay ở một độ cao an toàn đối với những vách đá, dừng lại ít nhất ba phút để quan sát mép vực, nơi máy bay của Giordino đáp xuống. Sau đó anh ta hạ thấp chiếc trực thăng, tìm hướng đáp căn cứ theo chiều gió. Bộ càng đáp chạm mặt đất lổn ngổn đá, và cánh quạt chậm dần rồi ngừng hẳn.

Sau đó là im lặng. Không có gió, những sườn núi trở nên yên tĩnh lạ lùng. Sau một khoảng thời gian ngắn, cánh cửa cabin rộng năm mươi inch mở ra, và sáu người đàn ông trong những bộ y phục màu đen nhảy xuống đất. Có vẻ như họ mang đầy đủ vũ khí, những thứ công phá để tấn công một ngôi làng nhỏ.

“Một toán cứu hộ trông thật lạ lùng”, Giordino nói.

Ông Gunn đã cầm sẵn cái máy truyền tin Globalstar, đang bấm số gọi ông Đô đốc tại Washington. Khi Đô đốc Sandecker trả lời, ông Gunn chỉ giản dị nói. “Chúng tôi có những vị khách vũ trang đến tận rằng trong một trực thăng màu đen”.

“Có vẻ như hôm nay là ngày người của tôi đều phải gặp tai họa”, giọng ông Sandecker tỏ ra rất dè dặt. “Đầu tiên là Pitt và bây giờ là các cậu”. Rồi ông Đô đốc tỏ ra nghiêm túc, “Các cậu sẽ chịu đựng bao lâu?”

“Hai mươi, có thể ba mươi phút”, ông Gunn trả lời.

“Một tàu hộ tống Hoa Kỳ trang bị tên lửa đang tiến về phía đảo St. Paul với vận tốc tối đa. Lúc nào trực thăng trên tàu của họ vào đúng tầm, tôi sẽ yêu cầu thuyền trưởng ra lệnh cho trực thăng cất cánh”.

“Thưa Đô đốc, chừng nào họ tới nơi?”

Một lúc im lặng nặng nề rồi: “Hai giờ, rất có thể sớm hơn”.

“Tôi biết ngài đã xoay sở tối đa”, ông Gunn điềm tĩnh nói, sự kiên nhẫn được nhận rõ trong giọng nói của ông, “và chúng tôi xin cảm ơn”. Ông Gunn biết cái vỏ bọc cứng rắn của ông Đô đốc đã bị vỡ. “Xin ngài đừng bận tâm. Al và tôi sẽ có mặt tại văn phòng vào sáng Thứ Hai”.

“Nhớ đấy”, ông Sandecker không giấu được lo lắng.

“Tạm biệt, thưa ngài”.

“Tạm biệt, Rudi. Chúa phù hộ các cậu. Nhớ bảo Al tôi nợ cậu ta một điều xì gà”.

“Tôi sẽ bảo cậu ta”.

“Bao lâu?” Giordino hỏi, nhận ra vẻ thất vọng trên mặt ông Gunn, anh chờ đợi câu trả lời xấu nhất.

“Hai giờ”.

“Căng dữ!” Giordino lẩm bầm. “Ước gì ai đó nói cho tôi biết bằng cách nào bọn giết người lấu cá này biết chúng ta đang có mặt ở đây”.

“Câu hỏi hay đấy. Chúng ta thuộc một nhóm người được lựa chọn mà không quá năm người được biết vị trí nơi các hành khách trên chiếc tàu vô chủ Madras tìm thấy cái hộp sọ màu đen”.

“Tôi bắt đầu nghĩ bọn người này có những lực lượng vũ trang rải khắp thế giới như một mạng lưới”, Giordino nói.

Nhóm sáu gã đàn ông chia làm hai cánh. Ba gã tỏa rộng ra khoảng năm mươi mét và bắt đầu đi quanh ngọn núi. Ba gã còn lại đi ngược chiều những gã kia. Rõ ràng chúng sẽ lên núi theo đường tròn ốc cho tới khi tìm ra đường hầm.

“Một giờ nữa”, ông Gunn nói khẽ. “Chúng phải mất ít nhất một giờ mới gặp con đường mòn”.

“Có lẽ chỉ năm phút nữa thôi”, Giordino nói và chỉ về phía chiếc trực thăng vừa bốc lên bầu trời. “Tên phi công sẽ hướng dẫn các bạn hấn đến thẳng miệng hẻm của chúng ta”.

“Cậu nghĩ ta có thể thu xếp với chúng không?”

Giordino lắc đầu. “Nếu những gã này có liên hệ với bọn người mà Pitt và tôi đã chạm trán tại Thị trấn Telluride thì chúng không chịu bắt tay, ôm hôn hoặc dành đặc ân cho kẻ yếu thế đâu”.

“Hai gã không vũ khí chống lại sáu tên được trang bị tận răng. Chúng ta phải quân bình lợi thế chứ”.

“Đã nghĩ ra cách gì à?” Giordino hỏi.

“Tôi nghĩ thế”.

Giordino nhìn người đàn ông nhỏ con với ánh mắt sừng sốt. “Một kế hoạch độc ác, dĩ bại và lươn lẹo?”

Ông Gunn gật đầu với một nụ cười ranh ma, “Tất cả những thứ đó và còn hơn nữa”.

Chiếc trực thăng đảo quanh ngọn núi gần bốn vòng trước khi gã phi công phát hiện lối mòn dẫn vào đường hẻm. Báo tin cho hai nhóm tìm kiếm, một nhóm lúc này đã đi vòng qua sườn núi bên kia, hấn cho chiếc trực thăng đứng một chỗ ngay trên lối mòn như để chỉ dẫn. Nhóm thứ nhất gồm ba tên cũng dờn về con đường mòn và tiến tới theo hàng dọc, còn cách miệng hẻm chừng hai mươi mét. Chúng tìm cách xâm nhập theo lối bình thường - gã thứ nhất đi thẳng tới trong lúc tên thứ nhì đi vòng lên trên miệng hẻm, còn tên thứ ba bọc xuống phía dưới miệng hẻm. Sau đó chiếc trực thăng bay về hướng nhóm thứ hai để hướng dẫn chúng đi theo lối mòn dễ nhất để tới miệng hẻm.

Nhóm thứ nhất đang tiến lại gần khối đá khổng lồ nằm ngay trước miệng hang mà Giordino và ông Gunn vừa bò qua. Gã dẫn đầu đi quanh khối đá và đứng lại trước mái vòm ngay miệng hang. Hấn quay đầu lại và nói lớn với gã ở sau lưng. “Tao đang đứng trước một hang động”. Hấn nói tiếng Anh. “Tao vào đây”.

“Coi chừng bị phục kích, Số Một”, tên thứ nhì hét trả.

“Nếu chúng có vũ khí, thì cho tới lúc này, chúng đã dùng rồi”.

Gã đi đầu mất dạng sau khối đá. Hai phút sau, gã thứ nhì cũng thế. Không nhìn thấy hai đồng bọn, gã thứ ba tiến gần lại khối đá lúc một bóng

người rón rén nhô lên khỏi những tảng đá hắc vừa ảm nấp. Trong lúc đến gần đường hầm, gã thứ ba không hề lưu ý đến tiếng động nhẹ của một hòn đá nghiêng vào một hòn đá khác hoặc tiếng bước chân êm như ru phía sau lưng hắn. Hắn không bao giờ biết thứ đã đập lên đầu mình là một cục đá lớn được ông Gunn vung ra với tất cả ác ý làm vỡ sọ và hắn rụng xuống không gây một tiếng động.

Không đầy một phút sau, cái xác đã được vùi kín dưới một đồng đá. Sau một cái liếc mắt để chắc chắn chiếc trực thăng vẫn nằm ngoài tầm nhìn bên kia sườn núi, ông Gunn đi vòng qua khối đá. Nhưng lần này ông đã được trang bị một khẩu tiểu liên, một khẩu súng lục 9 ly tự động và một con dao chiến đấu, ngoài ra còn được che chở bởi một áo giáp chống đạn. Ông cũng chộp luôn cái máy bộ đàm của hắn. Kế hoạch ma mãnh xảo quyệt để sống sót của ông Gunn bước đầu đã thuận lợi.

Gã dẫn đầu của nhóm tìm kiếm thận trọng đi vào đường hầm, một cây đèn bấm dài kẹp dưới nách soi sáng lối đi của hắn. Hắn đi từng bước từ đường hầm vào căn hầm đầu tiên trong tư thế sẵn sàng nổ súng và liên tục quay sang hai bên, làm lắc lư cây đèn bấm lúc hắn bước tới. Tất cả những gì hắn nhìn thấy là bộ xương của người thủy thủ, những vật dụng sờn mòn và bộ da hải cẩu treo lủng lẳng trên vách đá.

Hắn dừng lại, thư giãn, hạ thấp khẩu súng xuống rồi nói vào cái máy bộ đàm kẹp chặt quanh đầu hắn. “Đây là số Một. Chẳng có ma nào trong đường hầm và căn hầm trừ bộ xương một thủy thủ có lẽ còn sống sót và lên đảo sau một vụ đắm tàu. Ông nghe tôi rõ chứ?”

“Nghe rõ, Số Một”, giọng nói của gã phi công trực thăng lẫn lộn với tiếng động cơ vọng lại từ bên trên và sau lưng hắn. “Cậu chắc chắn không có dấu hiệu nào của nhân viên NUMA ở đó chứ?”

“Xin hãy tin tôi. Không có chúng ở đây”.

“Số Bốn, Năm và Sáu sẽ sớm đến chỗ cậu. Tôi sẽ hướng dẫn họ”.

Số Một tắt máy bộ đàm. Đó là hành động cuối cùng của hắn. Giordino từ phía sau tấm da hải cẩu lao ra, xĩa mạnh mũi dao bằng nham thạch vào yết hầu hắn. Chỉ có tiếng ho bị bóp nghẹt, tiếng rít rồi tất cả rơi vào im lặng sau khi cái xác rơi xuống sàn hầm, bất động.

Giordino chộp khẩu súng tiểu liên trước khi Số Một ngã xuống mặt đất. Rất nhanh, anh kéo cái xác qua một bên đường hầm rồi gỡ cái máy bộ đàm trên đầu hắn và gắn lên đầu mình. Tiếp theo, anh lột áo khoác của hắn, quấn kín họng khẩu tiểu liên.

“Sở Một”, một giọng nói gọi lớn từ lối vào đường hầm dội vào, “cậu tìm thấy cái gì?”

Giordino khum bàn tay che miệng và hét về phía cuối căn hầm. “Chỉ có một bộ xương đã rệu”.

“Không còn gì khác à?” Gã thứ nhì có vẻ miễn cưỡng phải bước vào căn hầm.

“Chẳng có gì cả”, Giordino quyết định thử liêu lĩnh. “Sở Hai, cậu vào đi và chính mắt nhìn thấy sẽ biết ngay thôi”.

Như một con hươu đực đánh hơi không khí, gã Sở Hai thận trọng bước vào. Giordino bật sáng cây đèn bấm với chùm ánh sáng chiếu thẳng vào mắt gã mới vào, và bắn vào đầu, giữa hai mắt hắt. Cái áo khoác bịt kín làm tiếng nổ bị tắt nghẽn. Ông Gunn xông vào căn hầm, súng sẵn sàng, không biết chuyện gì đã xảy ra.

“Bây giờ là hai chống ba”, Giordino đón ông ta với tiếng cười của kẻ chiến thắng.

“Chớ có gáy to thế”, ông Gunn cảnh cáo. “Một khi chiếc trực thăng quay lại là chúng ta bị dính bẫy tại đây”.

“Nếu chúng cũng hành động ngu ngốc như Sở Một và Sở Hai, thì tôi lại sẽ giở trò dụ chúng vào”.

Nhóm tìm kiếm thứ nhì không ngu ngơ như nhóm thứ nhất. Chúng đến gần lối mòn dẫn vào đường hầm với sự thận trọng của một thanh tra bưu điện đang kiểm tra một bao thư bị nghi là thư bom. Trong lúc chiếc trực thăng đứng yên một chỗ trên không, chúng tiến tới từng tên một, cứ hai gã có bốn phận bảo vệ gã còn lại, khi gã này nằm bẹp xuống trước khi bảo vệ chúng trong chiến thuật nhảy tới như cóc, dần dầ đưa chúng tới gần miệng đường hầm. Chúng rất thận trọng vì Giordino đang tắt máy bộ đàm và không trả lời khi chúng gọi vì anh sợ chúng nhận ra một giọng nói lạ.

Ông Gunn và Giordino cởi quần áo của một cái xác có kích cỡ vai và ngực tương tự Giordino. Sau khi mặc bộ áo liền quần màu đen có ống tay áo dài hơn hai inch và ống quần hơn ba inch, Giordino chỉ việc xắn chúng lên, đeo khẩu tiêu liên lên vai và bước ra ngoài với vẻ rất tự nhiên. Anh nói qua khoe miệng vào cái radio gắn trên đầu, cố làm giọng nói the thé như giọng của gã đã bị anh giết.

“Tại sao lâu vậy, Sở Bốn?” anh điềm nhiên hỏi, không nhìn lên chiếc trực thăng. “Chúng mày lù đù như những mục già. Tao đã bảo đêch có gì

trong đường hầm và trong hang ngoài bộ xương mục của một thủy thủ bị đắm tàu”.

“Sao mày có vẻ khang khác thế, Sỡ Một?”

Giordino biết anh không thể lờm chúng lâu hơn nữa. “Tao bị cảm lạnh. Chẳng lạ gì trong thời tiết khủng khiếp này”.

“Mày bị lạnh đến độ lùn đi bốn inch đấy”.

“Cứ bông đùa đi, nếu mày thích”, Giordino làu bàu. “Tao đang tránh mưa. Chắc mày cũng vậy, phải không?”

Anh quay lưng bước vào hang, tin chắc mình sẽ không nhận một viên đạn vào lưng, ít nhất cũng đến khi bọn tìm kiếm này còn yên chí chúng sẽ không bị đờng bọn bắn.

“Bọn này khôn lắm”, ông Gunn nói. “Tôi đã nghe cậu nói chuyện với chúng qua máy bộ đàm”.

“Kế hoạch Hai-A là gì?” Giordino hỏi nhanh.

“Chúng ta bò trở lại qua đồng đá do hầm sập tạo ra để vào căn hầm kế cận và phục kích chúng ở đó”.

“Nhiều nhất chúng ta cũng chỉ may mắn hạ được một hoặc hai tên là cùng”.

“Ít ra đi đầu đó cũng làm lợi thế nghiêng về phía chúng ta”, ông Gunn nói, hầu như rất hài lòng.

Họ chỉ có vài phút nên vội vã dọn một lối đi xuyên qua đồng đá để vào căn hầm mộ. Bất chấp cái lạnh khủng khiếp, họ toát mồ hôi đầm đìa khi kéo lê hai cái xác qua lối đi chật hẹp vừa mở rồi trở lại, kéo hai cái túi đeo lưng của họ vào. Việc tính toán thời gian gần như hoàn hảo. Vừa lấp trả lại lối đi như cũ xong và nhìn ra căn hầm bên ngoài qua những lỗ trống, thì gã Sỡ Bốn đã lao vào căn hầm và nằm bẹp xuống sàn trong lúc gã Sỡ Năm bám sát ngay phía sau. Cả hai lia những ngọn đèn và hòng súng của chúng thành những đường vòng cung từ vách hầm bên này sang bên kia.

“Tôi đã bảo ông rồi mà”, Giordino nói khẽ vào tai ông Gunn, ông để lọt giọng nói vào cái micro trước miệng anh. “Chúng để gã Sỡ Sáu bên ngoài như lực lượng dự trữ”.

“Chẳng có ma nào ở đây cả”, Sỡ Bốn nói. “Cái hang trống trơn”.

“Không thể có chuyện đó”, giọng viên phi công trực thăng vọng lại. “Cả ba người kia đã tiếp cận đường hầm không đầy mười lăm phút trước”.

“Ông ta nói đúng”, Sỡ Năm đồng ý. “Sỡ Một, Hai và Ba đều biến mất”.

Chúng nói khê nhưng ông Gunn nghe không sót tiếng nào qua cái máy bộ đàm gắn trên đầu. Chúng vẫn tỏ ra thận trọng và cảnh giác cao độ không lơ một giây và chỉ bớt căng thẳng phần nào khi nhận ra không có một chỗ nào khả dĩ có thể dùng làm nơi ẩn nấp trong căn hầm.

“Ông thanh toán gã đứng”, Giordino thì thào. “Chúng mặc áo giáp nên phải nhắm vào đầu. Tôi sẽ giải quyết gã nằm trên sàn”.

Lách họng súng của họ vào những chỗ trống không rộng quá một inch rưỡi, vừa đủ để nhìn thấy phía trước mặt, họ cùng lúc nổ súng vào hai gã đàn ông đã tìm tới để giết họ. Tiếng nổ vang lên như một tiếng sấm trong căn hầm đá. Gã trên sàn chỉ vịn mình một cái trong lúc gã đứng vung hai tay lên, há hốc miệng và đổ ập xuống trên cái xác dưới chân hắn.

Giordino vệt những tảng đá trước mặt sang một bên, chìa cây đèn bấm về phía trước và quan sát kết quả công việc của họ. Anh quay sang ông Gunn và phác một động tác như chém qua cổ họng anh. Ông ta hiểu và tắt máy bộ đàm.

“Chúng ta phải ở yên tại đây”, Giordino nói khê.

Trước khi anh có thể giải thích, một giọng nói từ máy bộ đàm vọng ra. “Trong đó xảy ra chuyện gì vậy?”

Không lẩn tránh, Giordino trả lời ngay. “Chẳng có gì đâu. Chúng tôi bắn một con thỏ”.

“Thỏ à?” Gã phi công trực thăng hỏi. “Chuyện quái gở gì thế?”

“Tôi e là các bạn chúng ta đã chết”, Số Sáu trả lời rất tỉnh táo. “Những tên NUMA đó đã giết họ”.

“Chúng là những con thỏ tao vừa nói đó”, Giordino nói với giọng khinh bỉ.

“Chúng mày sẽ phải chết”, gã phi công gằn gừ.

“Nghe giống bọn gangster thường nói với mấy anh cớm gớm. Nào, vào tóm chúng tao đi”.

“Cần gì làm chuyện đó”, gã phi công gằn giọng.

“Nằm xuống!” Giordino suyt khê với ông Gunn. “Đến lúc rồi đấy”.

Gã phi công nhấc mũi chiếc trực thăng lên về phía miệng hang và bắn ra một tên lửa. Rồi một tiếng “xịt” lớn phun ra khi tên lửa rời khỏi vỏ bọc của nó gắn chặt vào thân máy bay. Đầu tên lửa không lọt qua đường hầm mà lao vào một vách đá và nổ tung. Sức mạnh của tiếng nổ trong khu vực đầy những tảng đá thật khủng khiếp. Sự chấn động không khác gì một cây đàn piano đồ sộ rơi từ tầng mười một tòa cao ốc xuống. Những tảng

đá bị nghiền nát đổ ập xuống văng tung tóe như những tia nước trượt qua mọi vật trong đường hầm như một trận mưa đất và đá. Khói và bụi quện vào nhau trong một khoảng không gian chật hẹp, nhảy múa quay cuồng với một sức mạnh của một cơn lốc xoáy trước khi đẩy đồng đá và ném những tảng đá ra ngoài miệng đường hầm vào bầu khí quyển. Những thứ gì có thể bén lửa trong căn hầm trong phút chốc đã bốc cháy cuộn cuộn.

Không thể tin được là cả mái đường hầm lẫn căn hầm vẫn không bị sập. Sức mạnh chủ lực của vụ nổ đã dội trở lại dọc theo đường hầm mang theo khói và bụi. Giordino và ông Gunn có cảm giác như bị tổng mạnh vào lồng ngực, đẩy hết không khí từ hai buồng phổi ra ngoài. Phản ứng thật nhanh, họ kéo phần trên bộ áo liền quần lên che mặt để ngăn chặn bụi và khói xộc vào mũi trước khi tháo lui vào hầm mộ bên trong.

“Cầu trời chúng không gởi thêm một tên lửa nào nữa vào đây”, ông Gunn nói, vừa ho sặc sụa. “Nếu không, chắc chắn chúng ta sẽ tiêu”.

Giordino vẫn nghe rõ ông ta nói, dù hai lỗ tai còn lùng bùng. “Tôi có linh cảm chúng sẽ nghĩ chỉ một trái cũng đủ chán”, anh nói giữa những tiếng nghiến răng. Khi những cảm giác tê cóng giảm bớt, anh bắt đầu kéo những tảng đá sang hai bên để mở rộng lối đi. “Nội cái việc di chuyển những tảng đá này cũng đủ mệt bỏ hơi tai”.

Khi đường đã thông, họ mò mẫm trong khối bụi bặm để thu nhặt những vũ khí của bọn tấn công họ cho đến khi có đủ năm khẩu tiểu liên và cũng chừng đó khẩu súng lục tự động. Cỗ hít thở tại một nơi thiếu không khí và làm việc mò mẫm, Giordino buộc ba khẩu tiểu liên lại với nhau bằng một sợi dây lấy từ túi đeo lưng. Cả ba khẩu súng lúc này được buộc song song nhau. Sau đó anh luồn một sợi dây quanh ba cò súng rồi buộc nó dưới những băng súng.

“Đi đâu cuối cùng chúng chờ đợi là ta sẽ chạy ra khỏi đường hầm vừa nổ súng”, anh nói với ông Gunn. “Ông lãnh phần gã Số Sáu, còn tôi lo chiếc trực thăng”.

Ông Gunn lau sạch cặp kính đeo mắt vào tay áo và gật đầu. “Tốt hơn hãy để tôi ra trước. Cậu sẽ không có cơ hội bắn chiếc trực thăng nếu gã Số Sáu chưa bị loại bỏ”.

Giordino thực sự ngẩn ngại khi để ông Gunn phải đảm nhận một công việc nguy hiểm chết người như vậy. Anh vừa mở miệng để phản đối thì ông phó giám đốc nhỏ con của NUMA đã nhô khẩu súng lên và mất hút trong màn lửa và khói.

Ông Gunn trườn qua đường hầm, loạng choạng đứng lên rồi lại chạy tới trước, lo sợ sẽ bị những đầu đạn đốn ngã trong đoạn đường còn lại trước khi ông thoát khỏi miệng đường hầm. Nhưng Số Sáu không hề nghĩ có ai đó còn sống sót trong hang, nên hắn đã đặt khẩu súng xuống lúc nói chuyện với gã phi công qua máy đàm thoại.

Điểm bất lợi của ông Gunn là ông không nhìn rõ ngay, và ông cũng không biết Số Sáu đang đứng chỗ nào trước miệng hang. Cặp kính của ông bám đầy mồ hôi và mắt ông ràn rụa nước. Ông chỉ lơ mơ nhận ra một cái bóng đen đang đứng cách đó khoảng mười bộ về phía bên phải miệng hang. Ông siết cò súng. Những đầu đạn bay tứ tán quanh Số Sáu mà không chạm vào hắn. Gã tìm kiếm xoay người và bắn năm phát súng lục vào ông Gunn, hai viên đạn trượt mục tiêu, nhưng một viên ghim vào bắp chân phải ông, những viên còn lại đập vào cái áo giáp và đẩy ông Gunn lao đảo về phía sau. Và thật bất ngờ, Giordino từ trong màn khói lao ra, cả ba khẩu tiểu liên trên tay anh lóe lửa, xoi nát hộp sọ gã Số Sáu. Rồi, không chút chần chừ, anh hướng cả ba họng súng lên trời và vãi đạn vào bụng chiếc trực thăng với gần cả ba băng đạn chỉ trong một phút.

Đờ đẫn với những gì hắn chứng kiến dưới sườn núi khi trông thấy hai gã đàn ông trong những bộ đồng phục của những gã tìm kiếm lại bắn lẫn nhau, tên phi công không biết phải phản ứng thế nào. Cho tới lúc hắn chuẩn bị nhả đạn khẩu súng máy gắn trước mũi chiếc trực thăng thì Giordino đã nổ súng. Giống như một chiếc máy khâu đang may một đường viền, những đầu đạn như một dòng chảy liên tục xé toạc cả một bên hông thân máy bay, đập nát kính chắn gió và xâm nhập vào buồng lái. Rồi tất cả trở nên yên lặng sau khi những băng đạn đã trống rỗng.

Chiếc trực thăng treo lơ lửng một lúc, rồi nó lao đảo, rơi xuống không kiểm soát được vào sườn núi bên dưới miệng đường hầm chừng ba trăm mét và bốc cháy. Giordino buông vũ khí xuống và chạy đến cạnh ông Gunn đang ôm cái chân bị thương.

“Chớ di chuyển”, Giordino nói. “Cứ ở yên đây”.

“Chỉ là vết thương xoàng thôi mà”, ông Gunn nói qua hai hàm răng cắn chặt.

“Xoàng à, quỷ tha ma bắt. Xương ống quyển gãy. Đùi bị thương nặng”.

Ông Gunn nhìn Giordino, cố nén cơn đau và gượng cười. “Tôi không thể nói là tôi đang nghĩ cậu lại lúnh quýnh chẳng khác gà mắc đẻ vậy”.

Giordino không quan tâm đến lời châm chọc của ông Gunn. Anh tháo một sợi dây giày của ông Gunn và quấn chặt quanh đùi ông ta để cầm máu.

“Ông có thể chịu đựng một phút chứ?”

“Tôi nghĩ sẽ khá hơn nếu tôi không muốn chết vì mất máu”, ông Gunn rên rỉ.

Giordino chạy trở lại đường hầm, băng qua căn hầm đang cháy âm ỉ và lấy cái túi đeo lưng ngay sau đồng đá trong đó có những dụng cụ cứu thương. Một phút sau, anh đã băng bó xong những vết thương và ngăn được sự chảy máu.

“Tạm thời chấp nhận tình trạng này đã”, Giordino nói. “Một bác sĩ tại Cape Town sẽ làm tốt hơn phần còn lại”. Anh không muốn xê dịch người đàn ông nhỏ bé này, vì vậy anh cố tạo tiện nghi cho ông ta càng nhiều càng tốt với tấm vải nhựa lấy từ túi đeo lưng để ngăn cơn mưa nhỏ làm ướt ông ta. Công việc tiếp theo của anh là gọi cho ông Đô đốc, báo cáo tình hình bị thương của ông Gunn và yêu cầu được cứu viện ngay.

Sau khi chấm dứt nói chuyện với Đô đốc Sandecker, anh nhét điện thoại vào túi áo rồi đưa mắt nhìn chiếc trực thăng đang cháy trên sườn núi phía dưới.

“Thật điên rồ”, anh nói với chính mình. “Điên rồ không thể hiểu được. Đi đâu gì đã là động cơ khiến cho nhiều kẻ trở thành những tên sát nhân và nhiều người khác trở thành nạn nhân?” Và anh chỉ có thể hy vọng câu trả lời sẽ đến, dù sớm hay muộn.

“Cách đây bốn trăm sáu mươi bộ”, Ira Cox nói, vừa nhìn cái lỗ trống nham hiểm trên mặt băng đánh dấu năm mồi của chiếc tàu ngầm vừa bị trúng đạn và chìm xuống. “Ông thực sự muốn làm chuyện đó chứ?”

“Việc sửa chữa buồng máy và đài chỉ huy tàu Polar Storm do đội kiểm soát thiệt hại của Hải quân đòi hỏi phải mất hai giờ đồng hồ”, Pitt giải thích. “Và vì trên tàu sẵn có những dụng cụ lặn, tôi không thể bỏ lỡ cơ hội thám hiểm bên trong tàu ngầm”.

“Ông hy vọng tìm thấy gì chứ?” Evie Tan hỏi, cô đã theo Pitt và một nhóm nhỏ thủy thủ từ chiếc tàu tới đây.

“Sổ nhật ký, tài liệu, những phúc trình, bất cứ cái gì được viết ra có thể dẫn tới những kẻ đã chỉ huy và những gì ẩn giấu nơi khởi hành của tàu

ngần”.

“Đảng Quốc xã Đức năm 1945”, Cox nói với một nụ cười, nhưng không cố tỏ ra biết rõ sự việc.

Pitt ngẩng xuống mặt băng và mang chân vệt lặn vào. “Okay, nhưng nó đã trốn biệt ở đâu suốt năm mươi sáu năm qua?”

Cox nhún vai và kiểm tra bộ phận truyền tin dưới nước của Pitt, “Ông nghe tôi rõ chứ?”

“Cậu đang phá thùng màng nhĩ của tôi đấy. Giảm bớt âm thanh lại”.

“Được chưa?”

“Tốt hơn rồi”, giọng nói của Pitt vọng qua cái loa đặt trong một căn lều mới dựng bên cạnh lỗ băng.

“Ông không nên lặn một mình”, Cox nói.

“Thêm một người nữa cũng vậy thôi. Vả lại, tôi đã từng lặn hơn hai mươi lần dưới lớp băng của Bắc Cực, nên lần này cũng không phải là chuyện mới mẻ gì”.

Trong bầu không khí ấm áp do cái máy sưởi trong căn lều tạo ra, Pitt mặc bộ áo lặn có hệ thống ống dẫn nước nóng bên trong và bên ngoài, luôn lưu chuyển nước nóng đi khắp thân thể, kể cả bàn tay, bàn chân và đầu. Nước nóng được cung cấp từ một hỗn hợp làm nóng và bơm đẩy nước qua những dây dẫn vào những nếp gấp bên trong áo lặn giúp Pitt đi đều hòa nhiệt độ. Anh đeo một mặt nạ lặn AGA MK-11 trùm kín gương mặt có gắn bộ phận truyền tin vô tuyến. Anh chọn giải pháp mang theo bình dưỡng khí thay vì để nó lại trên hệ thống yểm trợ trên mặt nước. Sau khi kiểm tra hệ thống đèn chiếu dưới nước, Pitt đã sẵn sàng làm việc.

“Chúc may mắn”, Evie hét lớn để Pitt có thể nghe cô, qua cái nón trùm đầu và mặt nạ lặn. Sau đó cô bận rộn với việc chụp ảnh Pitt, từ lúc anh ngẩng trên mép băng trước khi buông mình qua mặt nước giá buốt. “Ông có chắc là tôi không thể nhờ ông chụp ảnh dưới đó với một máy ảnh chụp dưới nước chứ?”

Pitt lắc đầu và giọng anh vọng ra từ cái loa, “Tôi không có thì giờ chụp ảnh đâu”.

Anh vẫy tay và lặn mình xuống nước, hai bàn chân đập mạnh và mất dạng. Lặn xuống được mười bộ, anh xả hết không khí ra khỏi bộ quần áo lặn khô ráo và chờ xem bộ phận làm nóng của nó có quân bình lại nhiệt độ sau khi anh chìm trong màn nước lạnh cóng không. Là một thợ lặn thận trọng, trong suốt những năm theo đuổi công việc lặn, Pitt chưa bao giờ đối

mặt với những rắc rối dưới nước. Anh luôn tự nhắc nhở mình, luôn giữ đầu óc sắc sảo đặt ra những câu hỏi và thăm dò môi trường chung quanh, liên tục kiểm tra dụng cụ lặn và tình trạng cơ thể.

Bên dưới lớp băng dày hơn ba bộ, anh nhận ra một thế giới hoang dã khác. Nhìn lên trên, anh hình dung mặt dưới lớp băng trông giống như bề mặt của một hành tinh vô danh nằm sâu trong dải Ngân Hà. Ánh sáng lọc qua lớp băng làm cho tầng nước trắng xóa chuyển sang màu xanh chập chờn xen lẫn những vật tảo màu vàng như những đám mây, là thức ăn vô tận của những loài giáp xác. Anh dừng lại để đi đầu chỉnh luồng nước nóng trong bộ đồ lặn trước khi nhìn xuống dưới và trông thấy màu xanh của nước nhạt dần và trở thành màu đen dưới đáy sâu.

Anh lặn xuống và mất hút trong màu đen đó.

Quang cảnh khác thường dần dần lộ ra như một bức màn tối tăm được kéo sang nơi khác khi Pitt xuống tới đáy. Không có tảo hoặc san hô, hoặc loài cá có màu sắc sáng chói ở đây. Anh liếc nhìn lên chỗ lỗ hổng trên lớp băng lúc này có màu đỏ rực, để định hướng. Sau đó anh dừng lại một lúc để bật sáng ngọn đèn lặn và chiếu chùm ánh sáng vào chiếc tàu đắm, trong lúc cân bằng sức ép của nước lên hai tai.

Những thứ còn sót lại của chiếc tàu ngấm đầu vỡ thành từng mảnh và vương vãi khắp nơi. Phần giữa thân tàu dưới đài chỉ huy bị gãy đôi trông thật khủng khiếp vì đó chính là nơi tên lửa đã nổ. Đài chỉ huy bị xé rời khỏi thân tàu đang nằm nghiêng một bên giữa đồng đồ nát. Thân sau chỉ còn dính vào sống tàu bằng những cây xà của bánh lái. Khu vực mũi tàu vụn vẹo nhưng vẫn đứng thẳng trong lớp bùn. Đáy biển mềm nhũn bọc lấy xác tàu toï tả, và Pitt ngạc nhiên nhận ra hai mươi phần trăm chiếc tàu đã bị chôn vùi.

“Tôi đã tới chỗ cái xác tàu”, anh báo cho Cox biết. “Trông nó vỡ toác thật thảm hại. Tôi sẽ vào bên trong những phần còn lại”.

“Phải rất cẩn thận”, giọng nói vô hồn của Cox phản hồi trong tai nghe của Pitt. “Nếu bộ áo lặn bị kim loại xé rách một lỗ, ông sẽ đông cứng trước khi trồi lên khỏi mặt nước đấy”.

“Đúng là một lời chúc kỳ cục”.

Pitt không định xâm nhập ngay vào chiếc tàu. Anh dành gần mười phút quý báu dưới đáy biển để bơi trên cái xác tàu và quan sát hiện trường đồng đồ nát. Đầu nổ của tên lửa được thiết kế để phá hủy một cái bia lớn hơn nhiều nên nó để lại trên chiếc tàu ngấm như một vật chẳng còn hình thù gì

của một chiếc tàu biển. Những ống dẫn, những van và những tấm thép văng ra từ thân tàu nằm hỗn độn như bị ném bừa bãi từ một bàn tay khổng lồ. Anh bơi trên những xác người, lướt qua những phần thân thể bầy nhầy còn sót lại như thể anh là một linh hồn trôi giạt trên một chiếc xe buýt bị đặt bom khủng bố.

Anh quạt nước và bơi vào bên trong thân tàu qua lỗ rách lớn và nham nhở, nơi trước đó là vị trí của đài chỉ huy. Hai xác chết lộ ra dưới ánh sáng ngọn đèn lặn. Cố chống lại cơn buồn nôn đang trào lên cổ họng, anh lục soát tìm lý lịch của chúng nhưng không thấy thứ gì có giá trị. Không giấy tờ, không thẻ tín dụng hoặc thẻ căn cước. Có vẻ như toàn thể các thành viên của thủy thủ đoàn trên chiếc tàu ngấn đầu không ai có bất kỳ thứ gì tiết lộ nhân thân của họ.

“Tám phút”, Cox báo động. “Ông chỉ còn chừng đó thì giờ để trỗi lên”.

“Hiều”. Những cảnh báo thường do Giordino nhắc nhở, nhưng lần này Pitt phải cảm ơn sâu sắc anh chàng sĩ quan hải quân to như con gấu này. Lời cảnh báo luôn dành cho anh những giây quyết định khi anh không thể liên tục dừng lại và chiếu đèn lên những con số màu da cam của chiếc đồng hồ lặn hiệu Doxa trên cổ tay anh.

Vào sâu hơn bên trong thân tàu tối tăm, chiếu đèn vào những tấm thép và đường ống bằng thép rách nát, anh bơi theo một hành lang hẹp và bắt đầu xem xét những căn phòng dẫn ra ngoài về hai bên hông tàu. Tất cả đều trống rỗng. Lục soát những ngăn kéo và tủ nhỏ, anh vẫn không tìm thấy bất kỳ loại tài liệu nào.

Anh kiểm tra lượng khí còn lại trong bình chứa để chuẩn bị cho việc trỗi lên. Sau đó, anh bơi vào nơi trước đây là phòng dành cho sĩ quan. Căn phòng bị hỏng nặng về một bên. Tủ chén và bàn ghế được gắn chặt trên sào tàu đã bị long ra và vỡ nát.

“Bốn phút”.

“Bốn phút”, Pitt lặp lại.

Anh tiếp tục bơi tới và tìm thấy cabin Hạm trưởng. Với thời gian ít ỏi còn lại, anh chỉ tìm kiếm thư từ hoặc các ghi chép, thậm chí cả sổ nhật ký. Không có gì. Ngay cả cuốn nhật ký hành trình của tàu cũng không có. Có vẻ như chiếc tàu chìm này và các thủy thủ đã chết chỉ là một ảo ảnh. Anh bắt đầu chấp chờn ý nghĩ mong cho nó nhạt nhòa và biến mất.

“Hai phút”, giọng nói đã phàn nào căng thẳng.

“Tôi đang chuẩn bị lên”.

Bất chợt, hoàn toàn không một dấu hiệu báo trước, Pitt cảm nhận có một bàn tay đặt lên vai anh. Pitt đông cứng lại. Trái tim đang đập chậm bỗng tăng nhịp và nảy lên. Đó không phải là một bàn tay bầu chặt, nó giống như một bàn tay thả lỏng giữa cánh tay và cổ anh. Vượt qua cú sốc là nỗi sợ hãi và cảm giác tê liệt, một sự khùng khiếp không kiểm soát được có thể làm người ta hóa rồ. Đó là một trạng thái hoàn toàn mông muội, mất ý thức và khả năng nhận định. Hầu hết mọi người sẽ trở nên bất động hoặc ngất đi.

Hầu hết sẽ như thế, trừ Pitt.

Bất chấp sự kinh ngạc lúc đầu, và sự tê liệt thoáng qua nhanh, đầu óc Pitt lại trở nên sáng suốt lạ lùng, vốn là một kẻ thực dụng, anh không tin có ma quỷ, và dĩ nhiên đó có vẻ như không thể tìm thấy ở một thợ lặn nào khác. Sự sợ hãi và nỗi khùng khiếp tan biến như một tấm chăn rơi xuống. Ý thức về một sự kiện không biết trở thành một ý thức thông minh. Anh đứng im như một bức tượng băng. Rồi thật thong thả và thận trọng, anh chuyển cây đèn bấm sang tay trái, cúi xuống tháo con dao bấm dưới bắp chân với bàn tay phải. Khi đã có con dao trong tay, anh quay lại đối đầu với sự đe dọa.

Đối tượng hiện ra trước mặt làm anh choáng váng.

Đó là một phụ nữ, một phụ nữ đẹp, hoặc đã từng là một phụ nữ rất đẹp, đang trừng mắt nhìn anh qua đôi mắt màu xanh xám vô hồn mở rộng. Cánh tay và bàn tay đã chạm vai anh vẫn đang duỗi ra, như thể cô ta đang làm một dấu hiệu. Cô ta mặc một bộ áo liền quần màu đen đúng tiêu chuẩn của Đệ Tứ quốc tế, nhưng đã rách toét tả như nó bị một con mèo khổng lồ cào cấu dữ dội. Da thịt rách nát lộ ra ngoài qua những lỗ trống trên quần áo, đung đưa theo sự chuyển động của dòng nước. Bộ ngực tròn trĩnh phòi ra ngoài, và một cánh tay bị gãy lìa phần dưới khuỷu. Những phù hiệu cho biết cấp bậc của cô ta vẫn còn nằm trên da trên vai, nhưng Pitt không biết được cô ta thuộc loại nào.

Gương mặt cô ta bình thản lạ lùng và trắng bệch vì mất máu và nước lạnh. Nét thanh tú của gương mặt như tăng lên vì mái tóc màu hoàng kim bồng bềnh trôi về phía sau đầu cô ta như một vòng hào quang. Hai xương gò má cao và chiếc mũi thẳng. Cặp môi hơi hé mở như thể cô ta sắp nói điều gì. Đôi mắt màu xanh xám có vẻ như đang nhìn thẳng vào đôi mắt màu xanh lục óng ánh của Pitt cách anh không đầy một bộ. Anh vừa định

xô cô ta sang một bên như thể cô ta là một thứ ác quỷ đến từ địa ngục, thì một ý nghĩ chợt đến, và anh biết mình phải làm gì.

Anh nhanh chóng lục soát những túi áo của cô ta. Và chẳng ngạc nhiên chút nào khi không tìm thấy thứ gì tiết lộ thân phận cô ta. Sau đó anh lấy một sợi dây từ cuộn dây móc ở đai lưng của mình và buộc một đầu dây vào bàn chân mang ủng của cái xác. Rồi anh trèo lên qua lỗ thùng rộng trên thân tàu ngầm, hướng thẳng tới vầng sáng trên mặt nước cách đó một trăm sáu chục bộ.

Sau khi thoát khỏi sức ép của nước, Pitt nổi lên đứng giữa lỗ băng bị phá vỡ và bơi đến mép lớp băng, nơi Cox và nhóm thủy thủ của anh ta đang tập trung. Evie Tan cũng đứng gần đó, bấm ảnh lia lịa khi Pitt và bộ dụng cụ lặn kèn càng của anh được những cánh tay khỏe mạnh kéo lên từ dưới nước.

“Tìm thấy những gì ông cần tìm chứ?” Cox hỏi.

“Chỉ thấy cái này đáng công”, Pitt trả lời sau khi tháo mặt nạ lặn. Anh chuyển cho Cox sợi dây, một đầu dây dẫn xuống nước.

“Cái gì ở đầu kia sợi dây?”

“Một người bạn từ chiếc tàu ngầm”.

Đôi mắt Evie Tan nhìn trừng trừng vào cái hình dạng không rõ rệt đang từ dưới sâu trồi lên. Lúc nó nổi lên mặt nước, mái tóc xòe ra như một hình rẽ quạt và đôi mắt như đang nhìn thẳng vào mặt trời. “Lạy Chúa!” Cô hồn hên, gương mặt chuyển sang trắng bệch như tảng băng trôi. “Đó là một phụ nữ!”. Evie bị sốc thực sự. Cô không quan tâm đến việc chụp ảnh cái xác người phụ nữ lạ mặt trước khi cô ta được bọc trong một tấm vải nhựa và đặt lên một chiếc xe trượt tuyết chở dụng cụ.

Pitt được giúp tháo cái bình dưỡng khí ra và nhìn về phía chiếc xe chở dụng cụ với cái xác, được mấy thủy thủ kéo về chiếc tàu Polar Storm. “Nếu tôi không đoán sai, cô ta là một sĩ quan”.

“Thật đáng thương”, Cox buồn bã nói. “Chắc chắn cô ta từng là một phụ nữ rất quyến rũ”.

“Ngay cả khi đã chết”, Evie nói, cô cũng không giấu được vẻ buồn rầu, “có cái gì đó thật phức tạp không thể chối cãi từ người đàn bà này. Nếu tôi có phần nào óc phán đoán, tôi phải bảo đây là một phụ nữ có phẩm chất khác thường”.

“Có thể”, Pitt nói “Nhưng cô ta làm gì trên một tàu ngầm lẽ ra đã bị hủy diệt từ năm thập niên trước? Rất nhiều hy vọng cô ta sẽ cung cấp một

phần lời giải bài toán nát óc nếu có thể xác định lý lịch cái xác này”.

“Tôi sẽ theo đuổi câu chuyện này cho đến khi kết thúc”, Evie quả quyết nói.

Pitt tháo bỏ chân vịt lặn và mang một đôi bốt lông thú. “Tốt hơn cô nên xin phép Bộ Hải quân và Đô đốc Sandecker. Có thể họ chưa muốn vụ này bị lộ trước công chúng”.

Evie vừa định khởi sự phản đối, nhưng Pitt đã đi theo vết hằn của chiếc xe trượt tuyết về phía chiếc tàu.

Pitt tắm dưới vòi sen và cạo râu, rồi thư giãn với một ly nhỏ rượu Mễ Tây Cơ Avagero Liqueur từ một chai anh đã mua trong chuyến đi lặn tại La Paz, Mexico. Chỉ đến lúc đã tập trung được tư tưởng, anh mới gọi ông Sandecker tại Washington.

“Cậu bảo một cái xác à?” ông Sandecker nói, sau khi nghe Pitt thuật sơ những sự cố xảy ra tiếp theo vụ chiếc tàu Polar Storm bị tấn công. “Một nữ sĩ quan của chiếc tàu ngầm?”

“Vâng, thưa ngài. Khi có cơ hội đầu tiên, tôi sẽ gọi cô ta về Washington bằng máy bay để khám nghiệm tử thi và xác định lý lịch”.

“Không dễ đâu, nếu cô ta có quốc tịch nước ngoài”.

“Tôi tin câu chuyện về cô ta sẽ được khám phá”.

“Những cỗ vật lấy từ tàu Madras có bị hư hại sau vụ tấn công?” ông Sandecker hỏi.

“Tất cả đều an toàn và nguyên vẹn”.

“Cậu và mọi người trên tàu thật may mà thoát khỏi bị giết”.

“Đó là chuyện chỉ trong gang tấc, thưa Đô đốc. Nếu Hạm trưởng Cunningham không xuất hiện đúng lúc, chiếc tàu nằm dưới đáy biển sẽ là chiếc Polar Storm thay vì chiếc tàu ngầm”.

“Yaeger đã đi đầu tra qua máy điện toán về chiếc U-2015 qua đồng dữ liệu của cậu ta. Nó vẫn là một ẩn số. Những ghi chép chỉ cho biết nó rời khỏi Đan Mạch vào đầu tháng Tư năm 1945. Tuy nhiên, một số sử gia tin rằng nó vẫn nguyên vẹn thoát khỏi cuộc chiến và bỏ chạy với thủy thủ đoàn tại Rio de la Plata giữa Argentina và Uruguay, gần nơi tàu ngầm Graf Spee bị đánh đắm, nhưng chẳng có bằng chứng nào chứng minh cả”.

“Vậy số phận của nó chẳng bao giờ được xác định?”

“Không bao giờ”, ông Sandecker trả lời. “Tất cả những gì người ta biết chắc chắn là nó xuất xưởng vào Tháng Mười Một 1944, hạ thủy, nhưng không hề tham gia chiến tranh”.

“Vây Hải quân Đức dùng nó vào việc gì?”

“Vì nó là một thế hệ mới trong thiết kế điện tử của người Đức, nó được xem như vượt hẳn bất kỳ những tàu ngầm nào khác đã phục vụ cho bất kỳ quốc gia nào trong thời gian đó. Thân dưới của nó được lắp đặt những bì phát điện cực mạnh, cho phép nó hoạt động rộng rãi hơn tất cả những tàu trên mặt biển, có thể lặn liên tục trong nhiều tháng và di chuyển trong những chặng đường rất dài. Một thông tin khác mà Yaeger có thể đào bới từ những tài liệu cũ của quân đội Đức là nó trở nên một phần của một dự án được hiểu là chiến dịch Vận Hội Mới”.

“Tôi đã nghe nhóm từ ngữ này ở đâu nhỉ?” Pitt thì thầm.

“Đó là một kế hoạch chi tiết được những tay trùm Đức Quốc xã phác thảo với sự cộng tác của chính phủ Peron tại Argentina để lưu hành lượng tài sản khổng lồ được Quốc xã Đức tom góp trong thời gian chiến tranh. Trong lúc những tàu ngầm khác vẫn tiếp tục tuần tra đánh chìm những tàu bè của quân Đồng minh thì chiếc U-2015 chỉ lui tới giữa hai nước Đức và Argentina với nhiệm vụ chở hàng trăm triệu đô la trị giá bằng những thỏi vàng và bạc, và bạch kim, kim cương cùng những tác phẩm mỹ thuật đánh cắp từ những nhà sưu tập lớn tại châu Âu. Những viên chức cao cấp của Đức Quốc xã và gia đình họ cũng được che chở theo cùng những hàng hóa quý giá đó. Tất cả được đưa tới một hải cảng tuyệt mật trên bờ biển Patagonia”.

“Chuyện đó xảy ra trước khi chiến tranh kết thúc?”

“Hoàn thành trước khi kết cục cay đắng diễn ra”, ông Sandecker trả lời. “Câu chuyện xoay quanh trong những báo cáo không đáng tin cậy, rằng chiến dịch Vận Hội Mới chỉ là một sản phẩm trí tuệ của Martin Bormann. Ông ta là kẻ ngưỡng mộ Adolf Hitler đến độ cuồng tín, nhưng cũng đủ nhạy bén để nhận thấy Đệ Tam Đế chế đã tới lúc đổ vỡ và phải tiêu hủy. Việc vận chuyển lậu những hậu duệ và tài sản có giá trị của những lãnh tụ Đệ Tam Đế chế đến một quốc gia bạn bè của nước Đức là mục đích của ông ta trước khi quân đội Đồng minh vượt qua sông Rhine. Kế hoạch nhiều tham vọng nhất của ông ta là lén đưa Hitler tới một căn cứ bí mật nhỏ trong rặng núi Andes, nhưng kế hoạch này không thành vì Hitler cương quyết chịu chết trong lô cốt của mình tại Berlin”.

“Có phải chiếc U-2015 là tàu ngầm duy nhất vận chuyển của cải và hành khách đến Nam Mỹ không?” Pitt hỏi.

“Không. Có ít nhất mười hai tàu ngầm khác. Sau chiến tranh người ta mới biết chuyện này. Một số bị máy bay và chiến hạm của Đồng minh đánh đắm. Số còn lại hoặc chạy sang một quốc gia trung lập, hoặc những thủy thủ của chúng bỏ trốn”.

“Có đâu mối nào về số tài sản và hành khách đó không?”

“Hoàn toàn không”. Ông Sandecker nhấn mạnh. “Một thủy thủ từ một tàu ngầm được phỏng vấn sau chiến tranh rất lâu - một thời gian ngắn sau đó anh ta mất tích — có mô tả về những thùng gỗ nặng nề được chất lên những xe tải chở tới một xưởng đóng tàu vắng vẻ. Hành khách ăn mặc quần áo dân sự, nhưng có hành động như thể họ là những nhân vật quan trọng của Đảng Đức Quốc xã, vội vã lên những chiếc xe hơi sẵn. Chuyện gì xảy ra sau đó với họ và số tài sản kia thì không ai biết”.

“Argentina là miếng đất màu mỡ của Đức Quốc xã cũ. Còn nơi nào tốt hơn để tái lập và tổ chức một trật tự thế giới mới trên đồng tro tàn cũ chứ?”

“Có lẽ một số ít vẫn còn sống. Bất kỳ đảng viên Đức Quốc xã nào có địa vị cao trong đảng hoặc trong quân đội còn sống đến nay cũng phải có số tuổi chín mươi hoặc hơn”.

“Muru đồ càng lớn”, Pitt nói. “Tại sao những đảng viên Đức Quốc xã cũ lại vực dậy chiếc U-2015 và sử dụng nó để hủy diệt một chiếc tàu nghiên cứu?”

“Cũng với những lý do tương tự việc tìm cách giết cậu tại Thị trấn Telluride, với Al và Rudi trên đảo St. Paul trong Ấn Độ Dương”.

“Tôi đã vô tình không hỏi tình hình của họ sớm hơn”, Pitt tỏ ra hối tiếc. “Họ có tìm thấy căn hầm chứa cỗ vật không?”

“Đã tìm thấy”, ông Sandecker trả lời. “Nhưng sau đó suýt chết khi máy bay của họ bị phá hủy trước khi họ cất cánh để trở lại Cape Town. Gần như chúng ta có thể hình dung, một tàu chở hàng đã gửi một trực thăng tới đó với sáu gã được vũ khí tận răng để giết bất cứ ai xâm nhập hòn đảo nhằm lấy đi những cỗ vật mà các hành khách trên tàu Madras còn bỏ sót lại sau lần viếng thăm của họ năm 1779. Al và Rudi giết sạch bọn chúng và bắn rơi chiếc trực thăng. Rudi lãnh một viên đạn, gãy xương ống chân khá trầm trọng. Cậu ta cũng sẽ ổn thôi, nhưng phải đắp chặn một thời gian dài đấy”.

“Họ vẫn còn ở trên đảo à?”

“Chỉ còn Al thôi. Rudi vừa được bốc đi một giờ trước do một trục thăng từ một tàu hộ tống của Anh từ Australia trở lại Southampton. Cậu ta sẽ được đưa tới Cape Town để giải phẫu tại Bệnh viện Nam Phi”.

“Sáu gã giết mướn và một trục thăng”, Pitt nói với giọng ngưỡng mộ. “Tôi không thể chờ để nghe chuyện của họ”.

“Đáng ngạc nhiên thật, nhất là khi cậu biết họ không có đến một tấc sắt trong tay từ lúc bắt đầu chiến đấu với đám kia”.

“Mạng lưới tình báo của bọn Đệ Tứ để quốc quả thật không t ỏi chút nào”, Pitt nói. “Trước khi chiếc tàu ngầm bắt đầu tấn công tàu Polar Storm, tôi có nói mấy câu với gã Hạm trưởng. Khi tôi cho hắn biết tên tôi, hắn hỏi bằng cách nào tôi đến Nam Cực sau khi tới Colorado. Ngài hãy cẩn thận, thừa Đô đốc; nói như thế là thừa, nhưng tôi nghĩ có thể chúng đã cài người vào trong hoặc gần văn phòng NUMA của ngài”.

“Tôi sẽ xem xét việc này”, ông Sandecker nói, ý nghĩ của Pitt khiến ông nổi giận. “Trong lúc đó tôi sẽ gọi tiến sĩ O’Connell tới đảo St. Paul để nghiên cứu căn h ần và những cỗ vật được Al và Rudi phát hiện. Tôi đang thu xếp để cậu gặp cô ấy và giám sát việc thu nhặt và di chuyển những cỗ vật về Mỹ”.

“Còn người Pháp? Chẳng phải họ sở hữu hòn đảo sao?”

“Họ chẳng biết gì về chuyện này”.

“Chùng nào tôi mới được trở lại thế giới văn minh?”

“Cậu sẽ được ngủ trên cái giường của mình vào cuối tuần. Có 1 cái gì khác trong đầu cậu à?”

“Pat và Hiram có may mắn gì không trong việc giải mã những chữ khắc?”

“Họ đã đột phá được một số hệ thống. Nhờ bộ phận phân tích của máy vi tính về vị trí những ngôi sao trên trần căn h ần. Họ biết được những hình khắc này đã xuất hiện từ chín ngàn năm trước”.

Pitt không chắc anh nghe có rõ không. “Ngài nói chín ngàn năm à?”

“Hiram bảo việc đục khắc được thực hiện trong năm 7100 trước công nguyên hoặc trong khoảng thời gian đó”.

Pitt thực sự bàng hoàng. “Ngài bảo có một nền văn minh cực cao đã được thiết lập trước thời đại của Sumeria hoặc Ai Cập?”

“Tôi không biết nhiều về lịch sử cổ đại từ thời kỳ Annapolis”, ông Sandecker nói, “nhưng như tôi còn nhớ, thì tôi đã được học như thế”.

“Các nhà khảo cổ học chẳng thích thú gì khi phải viết lại cuốn sách về những nền văn minh thời tiền sử đâu”.

“Yaeger và tiến sĩ O'Connell cũng có những tiến triển trong việc giải mã những chữ khắc các mẫu tự. Họ cũng bắt đầu triển khai được vài dạng ghi chép về một tai họa đã xảy ra trên khắp bề mặt Trái Đất”.

“Một nền văn minh cổ chưa được biết bị một thảm họa khủng khiếp quét sạch? Nếu tôi không biết rõ hơn, thưa Đô đốc, tôi sẽ nói ngài đang đề cập tới châu Atlantis phải không?”

Ông Sandecker không trả lời ngay. Pitt thề là hầu như anh có thể nghe được tiếng những bánh xe răng chuyển động trong đầu ông Đô đốc lúc đó, đang cách anh tám ngàn dặm. Sau cùng, ông Sandecker chậm rãi nói, “Atlantis”. Ông lặp lại cái tên như thể đó là một cái gì rất thiêng liêng. “Thật lạ lùng, nhưng cái tên của nó, cậu có thể tiếp cận nhiều đi đầu hơn cậu tưởng đấy”.

CHIẾC TÀU CỨU NẠN THẾ KỶ HAI MUOI MỐT

Tháng Tư, 2001 Thành phố Buenos Aires, Argentina

Những nhà hát opera hàng đầu thế giới được đánh giá bởi các ca sĩ và nhạc sĩ về độ vang của âm trong các phòng trình diễn, và về phẩm chất của âm thanh được chuyển tải từ sân khấu đến các khu ghế lô rỗ kéo dài tới những ban công trong hội trường dành cho khán giả. Đối với những người yêu opera phải mua vé, họ được xếp vào hàng ngũ những người được ngưỡng mộ hơn nữa, về sự thanh lịch và nhiệt tình của họ. Một số được lưu ý vì kiến trúc lòe loẹt, một số khác vì kiểu dáng phô trương, một số ít hơn nữa vì những vật trang trí và hoa lá trang trí. Nhưng không một nhà hát opera nào có được một hệ thống ánh sáng có thể sánh với Nhà hát Teatro Colon trên đại lộ de Julio trong thành phố Buenos Aires.

Được khởi công xây dựng năm 1840 và hoàn thành năm 1908, dưới thời Puccini trị vì, nhà hát Teatro Colon chiếm trọn bề dài của một khu phố thủ đô, từ vệ đường bên này đến vệ đường bên kia. Một sự pha trộn giữa nghệ thuật Pháp và ý thời phục hưng với Hy Lạp cổ điển làm cho sân khấu của nó tạo cảm giác như khi đứng dưới chân tượng đài Pavlova và Nijinsky. Toscanini đã đi đầu khiến giàn nhạc giao hưởng ở đó. Và mỗi ca sĩ lừng danh, từ Caruso đến Callas đều đã trình diễn ở đó. Sân khấu đồ sộ hình móng ngựa được trang hoàng lộng lẫy trên một vành đai gồm nhiều nấc thang làm ngai ngừng những cặp mắt. Những đường gờ bằng đồng phức tạp đến độ khó tin bên trên những lan can ngăn cách những dãy ghế bọc nhung mịn chạy dài phía trước tấm màn sân khấu bằng vải gấm chạy chỉ bằng vàng ròng giáp với trần nhà là một tác phẩm mỹ thuật bậc thầy. Vào những đêm có trình diễn, khi hệ thống ánh sáng lóe mắt bật lên, xã hội tinh hoa nhất của Argentina trải dài từ tiển sảnh nhà hát bằng đá cẩm thạch Italia với mái vòm bằng kính, màu sắc sỡ bên trên những cầu thang lộng lẫy sáng trưng cho tới những ghế ngỗ trang trí thật xa hoa.

Sáu mươi giây trước khi mở màn, mọi chỗ ngỗ đều được lấp kín, trừ lô ghế đặc biệt bên cánh phải sân khấu. Lúc này nơi đó vẫn còn trống. Vở nhạc kịch được trình diễn đêm nay là *Lễ Đăng quang của Poppea* do Claudio Monteverdi viết. Poppea là tình nhân của Hoàng đế La Mã trong

thời kỳ La Mã vinh quang nhất. Tuy nhiên, các ca sĩ diễn viên lại mặc trang phục của thế kỷ XVII và xát muối lên những vết thương, tất cả đàn ông đều được phụ nữ ca ngợi. Đối với một số người ưa thích opera thì đây là một kiệt tác nghệ thuật chính thống. Đối với những người khác thì nó là một vở nhạc kịch dài bốn giờ.

Vài giây trước khi ánh sáng nhà hát mờ đi, một nhóm người gồm một đàn ông và bốn phụ nữ nhẹ nhàng và kín đáo đi vào lô ghế còn trống và ngồi vào những chiếc ghế lót lông thú màu nâu. Đứng khuất sau tấm màn bên ngoài, hai gã vệ sĩ trong bộ lễ phục buổi tối hợp thời trang đứng gác với vẻ cảnh giác. Mọi cặp mắt trong nhà hát opera, mọi cặp ống dòm, mọi cặp kính để xem opera tự động hướng về và chú mục vào những người vừa bước vào lô ghế trống.

Những người phụ nữ đẹp choáng lộn, không những đẹp và khác thường, mà những mỹ nhân này còn có vẻ lung linh kỳ ảo, phảng phất vẻ cổ điển. Mái tóc màu hoàng kim nhạt của họ được cắt chải thành những lọn dài, chảy xuống đôi vai trần. Họ ngồi đường bệ như những bậc vua chúa, những bàn tay thon thả đặt trong lòng, nhìn xuống chỗ dàn nhạc qua những đôi mắt màu xanh xám giống hệt nhau, chiếu ra ánh sáng yếu ớt như ánh trăng đọng lại trên cánh một con quạ. Những đường nét trên gương mặt càng thanh tú hơn với hai gò má cao và nước da rám nắng có được nhờ những lần trượt tuyết trong rừng núi Andes hoặc tắm nắng trên một du thuyền thả trên mặt nước biển ngoài khơi Bahia Blanca. Rất dễ thấy bất kỳ người nào trong số họ đều có thể đã qua cái tuổi hai mươi lăm, dù thực sự tất cả đã trên ba mươi lăm. Không cần phải tưởng tượng để tin họ là chị em ruột, vì thực sự họ là bốn người trong nhóm chị em sinh sáu. Thân thể họ cân đối, mà quần áo không thể che giấu đi điều đó, chứng tỏ họ có một cuộc sống ngăn nắp và thường xuyên luyện tập những bài thể dục gian khổ.

Những bộ lễ phục dài bằng lụa sáng lung linh của họ giống hệt nhau về kiểu dáng, chỉ khác màu sắc. Ngồi thành nửa vòng tròn trong lô ghế đặc biệt, họ lóng lánh như những viên ngọc đủ màu sắc vàng, xanh, lục và đỏ. Đồ trang sức của họ là những chiếc vòng gắn những viên kim cương cùng một kích cỡ đeo ở cổ, vành tai và cổ tay. Vẻ đẹp toát ra từ những phụ nữ này có vẻ thanh thoát nhẹ nhàng, gọi cho người khác sự nể nang kính trọng, như thể họ là những thiên thần người ta không dám chạm tới. Có vẻ như người ta không thể nghĩ tới đi đâu này, nhưng tất cả bọn họ đều đã lập gia đình, và mỗi người đều đã có năm đứa con. Những phụ nữ này tham dự

đêm khai trương mùa nhạc kịch như một bồn phận của gia tộc. Họ duyên dáng gật đầu và mỉm cười với người đàn ông ngồi giữa bọn họ. Với dáng người cao lớn và thẳng, người đàn ông cũng có mái tóc và cặp mắt, giống hệt các em gái anh ta, ngoài ra họ không có điểm nào khác giống nhau. Anh ta đẹp trai đến độ làm người khác choáng váng chẳng khác các em gái mình, nhưng lại có vẻ rất nghiêm khắc. Với eo lưng nhỏ nhưng vai và hông lớn, chắc nịch, tay chân với cơ bắp cuộn cuộn, gương mặt vuông vức, cằm cũng vuông và lõm ở chính giữa như một lúm đồng tiền. Mũi hẹp và thẳng, mái tóc màu hoàng kim dày gợi cho phụ nữ ước muốn luồn những ngón tay vào. Anh ta cao đến sáu feet sáu inch cao như một tòa tháp, bên cạnh những em gái cao năm feet mười inch.

Khi quay lại và nói chuyện với các em gái, anh ta mỉm cười để lộ hai hàm răng trắng bóng được đóng khung bởi cái miệng đầy thiện cảm có lẽ chẳng quạu quọ bao giờ. Tuy nhiên, cặp mắt thật lạnh lùng. Chúng nhìn như thể một con báo đang rà soát trên đồng cỏ để tìm mồi.

Karl Wolf là một tay giàu sụ và đầy quyền lực. Anh ta quản lý một đế quốc tài chính gia đình khổng lồ trải dài từ Trung Hoa tới Ấn Độ, ngang qua Đại Tây Dương tới châu Âu, từ Gia Nã đại và Hoa Kỳ tới Mexico và Nam Mỹ. Đúng là một kẻ giàu khủng khiếp. Tài sản của anh ta ước tính có đến trên một trăm tỉ đô la. Liên hiệp công ty và xí nghiệp khổng lồ của Karl Wolf gồm vô số các dự án khoa học và kỹ thuật cao, được biết tới trong thế giới kinh doanh dưới cái tên Tổng công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vận Hội. Không giống các em gái, Karl Wolf còn sống độc thân.

Wolf và những thành viên khác trong gia tộc dễ dàng xâm nhập vào xã hội danh vọng mới của Argentina. Anh ta sắc sảo, tự tin và thành đạt; tuy nhiên, cũng như các thành viên khác, anh ta sống tiết kiệm, quan tâm đến tài sản đồ sộ của mình. Nhưng triều đại gia tộc Wolf, thật khó tin, có đến hơn hai trăm thành viên, ít khi thấy xuất hiện trong những nhà hàng sang trọng hoặc những nơi giới thượng lưu thường lui tới. Những phụ nữ dòng họ Wolf hầu như chẳng bao giờ lui tới những cửa hàng thời trang cao cấp và những cửa hiệu xa hoa trong thành phố Buenos Aires. Trừ Karl là người thường xuất hiện do công việc đòi hỏi, những thành viên còn lại của gia tộc hầu như chỉ sống ẩn dật, và là bí ẩn lớn của người dân Argentina. Họ không kết bạn với người ngoài. Không ai, thậm chí cả những người nổi tiếng và viên chức cao cấp trong chính phủ, có thể phá vỡ lớp vỏ bọc của gia tộc Wolf. Đàn ông chỉ kết hôn với phụ nữ trong dòng họ chẳng ai biết

từ đầu đến và không có lý lịch, tung tích. Một đi đầu kỳ lạ là tất cả những phụ nữ này đều mang họ của gia tộc. Mọi thành viên, từ những đứa bé mới sinh gần nhất đến những người mới kết hôn gần đây nhất đều mang họ Wolf, dù thành viên đó thuộc giới tính nào.

Khi Karl và bốn cô em gái xuất hiện tại nhà hát opera vào những đêm khai trương, thì đó là một sự kiện trọng đại để thiên hạ xì xào bàn tán. Chỉ đến lúc đoạn mở đầu chấm dứt và tấm màn bắt đầu kéo lên, khán giả mới miễn cưỡng chuyển sự chú ý của họ từ anh em nhà Wolf lỏng lẻo và sang trọng trong lô ghế hạng nhất để quay sang nhìn những diễn viên trên sân khấu.

Wolf quay sang cô em gái Maria và mỉm cười, “Vì rằng, em gái yêu quý, nếu chúng ta không bạo dạn trước công chúng trong những dịp đặc biệt, chính phủ và dân chúng có thể bắt đầu nghĩ chúng ta đang âm mưu chuyện khủng khiếp gì đó. Tốt nhất, nên thỉnh thoảng xuất hiện một lần để họ hiểu là chúng ta không lén lút câu kết với người ngoại quốc nhằm bí mật kiểm soát đất nước này”.

“Chúng ta nên chờ đợi cho tới khi Heidi từ Nam Cực trở về”.

*Em đừng ý”, Geli, cô em gái bên phải Wolf nói khẽ. “Chị ấy sẽ là người duy nhất được hưởng niềm thích thú tuyên bố sự kiện trọng đại này”.

Wolf vỗ nhẹ bàn tay Geli. “Anh sẽ bù đắp công lao của cô ấy khi Đại hội La Traviata khai mạc tuần sau”.

Họ bắt chập ánh mắt của khán giả cứ đảo qua đảo lại giữa những nhân vật khó hiểu của dòng họ Wolf và những diễn viên trên sân khấu. Tấm màn vừa được kéo lên để bắt đầu H ồi III thì một trong hai gã cận vệ từ phía sau bước vào và nói khẽ vào tai Wolf. Anh ta như đông cứng trong ghế ng ồi, nụ cười biến mất và nét mặt trở nên trầm trọng. Anh ta cúi xuống, nói thật dịu dàng, “Các em gái quý mến, có chuyện khẩn cấp vừa mới xảy ra, anh phải đi. Các em cứ ở lại. Anh đã đặt một phòng riêng tại Plaza Grill cho bữa ăn tối nhỏ sau vở nhạc kịch. Các em hãy tới đó. Và anh sẽ đến sau”.

Cả bốn người phụ nữ đều rời mắt khỏi sân khấu và nhìn anh ta với vẻ bối rối. “Anh có thể cho chúng em biết đó là chuyện gì không?” Geli hỏi.

“Chúng em muốn biết”, Maria nói.

“Chùng nào anh biết, các em sẽ biết”, anh ta hứa. “Giờ thì cứ vui vẻ đi nào”.

Wolf đứng lên và rời khỏi lô ghế, được một trong hai gã vệ sĩ hộ tống, trong lúc gã kia ở lại bên ngoài khu ghế lô. Anh ta vội vã đi ra một cửa hông và chui vào một chiếc limousine đợi sẵn - một chiếc Mercedes-Benz 600 sản xuất năm 1969, loại xe sau bốn mươi năm vẫn tồn tại và nổi tiếng là một chiếc limousine sang trọng nhất thế giới. Dòng xe cô đọng nghệt. Không giờ giấc nào trong đêm lượng xe cô trong thủ đô Buenos Aires lại tỏ ra thông thoáng. Đường phố bận rộn liên tục từ lúc tắt nắng đến bình minh. Gã tài xế lái chiếc Mercedes to kềnh vào đường Recoleta nằm giữa hai công viên cây cối um tùm Plaza Francia và Plaza Intendente Alvear. Tại Argentina, nơi này được xem như đại lộ Michigan ở Chicago và đường Rodeo Drive tại Beverly Hills, với những hàng cây cao phủ bóng mát lên những cửa hiệu sang trọng, những khách sạn lộng lẫy và những ngôi nhà đồ sộ.

Chiếc xe đi qua nghĩa trang Recoleta với những lối đi hẹp lát đá nằm giữa bảy ngàn ngôi mộ và công trình kỷ niệm được trang trí cầu kỳ với những pho tượng thiên thần đang nhìn xuống các cư dân. Tượng đài Eva Peron do dòng họ Duarte xây dựng là một công trình khiến du khách thường kinh ngạc khi đọc thấy trên tấm bia gắn ở cổng vào với dòng chữ “Argentina, đừng khóc vì tôi. Tôi luôn ở gần bạn”.

Người tài xế lại vòng qua những cánh cổng có người gác, vượt qua một hàng rào song sắt và lên một lối đi hình tròn rồi dừng lại tại cánh cổng một tòa dinh thự đồ sộ có kiến trúc của thế kỷ mười chín với những hàng cột lớn và những bức tường cao phủ đầy dây thường xuân, ngày xưa từng là Tòa Đại sứ Đức cho đến Thế Chiến Hai. Bốn năm sau chiến tranh, chính phủ Đức dời trụ sở ngoại giao của họ đến khu Palermo Chico, vùng đất của Argentina thuộc về nước Đức. Từ đó, tòa dinh thự được sử dụng như tổng hành dinh của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vận Hội.

Wolf rời khỏi xe và đi vào tòa nhà. Nội thất bên trong tòa dinh thự cực kỳ lộng lẫy. Sàn nhà và cột bằng đá cẩm thạch, những bức tường lát gỗ, trần nhà khảm xà cừ là những gì còn sót lại của quá khứ, nhưng những đồ đạc trong nhà lại rất ít và không có dấu hiệu nào của sự trang trí đòi hỏi nhiều công phu. Chỉ có một cầu thang bằng đá cẩm thạch trắng dẫn lên những văn phòng ở tầng trên, nhưng Wolf bước vào một thang máy nhỏ tại một góc tường. Thang máy im lặng bốc lên và mở ra một phòng họp rộng

thênh thang, tại đây mười thành viên gia tộc Wolf, gồm bốn phụ nữ và sáu đàn ông, đang ngồi chờ quanh một cái bàn họp bằng gỗ tếp dài ba mươi bộ.

Tất cả đứng lên để chào đón Karl. Dù chỉ mới ba mươi tám tuổi, lại là kẻ sắc sảo và nhạy bén nhất, nên anh ta được chấp nhận và kính trọng như cố vấn trưởng và lãnh tụ của gia tộc.

“Xin tha lỗi vì tôi đến trễ, các anh chị em của tôi, nhưng tôi đã đến ngay, sau khi nhận được tin báo thảm kịch”. Rồi anh ta bước thẳng tới chỗ một người đàn ông tóc bạc và ôm hôn ông này. “Có đúng vậy không, thưa cha, chiếc U-2015 đã bị đánh đắm cùng với em Heidi?”

Ông già Max Wolf bu ãn bã gặt đầu. “Đó là sự thật. Em gái anh, cùng với thằng Eric, con trai của Kurt và toàn bộ thủy thủ đoàn lúc này đang nằm dưới đáy biển ngoài khơi Nam Cực”.

“Eric?” Karl Wolf nói. “Tại nhà hát, con không được báo cho biết chú ấy cũng đã chết. Con không biết chú ấy cũng có mặt trên tàu ngầm. Cha biết chắc chắn đi ãu này chứ?”

“Chúng tôi nghe được tin tức của NUMA gửi về Washington qua vệ tinh”, một người đàn ông cao lớn - Bruno Wolf - trông giống Karl như anh em sinh đôi - nói với vẻ giận dữ. “Thông tin đó cho biết câu chuyện. Trong lúc thực hiện kế hoạch tom góp tất cả chứng cứ của chúng ta về các cỗ vật, khi chiếc tàu ngầm U-2015 đang bắn vào chiếc tàu nghiên cứu của NUMA, thì một tàu ngầm nguyên tử của Hải quân Hoa Kỳ tới và bắn một tên lửa phá hủy chiếc U-2015 của chúng ta và giết chết mọi người trên tàu. Không nghe chúng nói có ai sống sót?”

“Một mất mát khủng khiếp”, Karl nói khẽ, giọng trầm trọng. “Những thành viên của hai gia đình và chiếc tàu cũ U-2015 đáng kính. Chúng ta chớ quên rằng nó đã đưa tổ tiên chúng ta và những gì cốt lõi của đế quốc chúng ta từ Đức tới đây sau chiến tranh”.

“Cũng chớ quên giá trị phục vụ nó đã cống hiến trong thời gian lâu như thế”, Otto Wolf - một trong tám bác sĩ của gia tộc - nói thêm. “Nó phải được nhớ tiếc với tất cả nỗi đau của chúng ta”.

Mọi người quanh bàn họp im thin thít. Rõ ràng đây là một nhóm người chưa hề nếm mùi thất bại. Trong suốt năm mươi lăm năm, từ lúc khởi đầu, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vận Hội chỉ gặt hái hết thành công này đến thành công khác. Mỗi dự án, mỗi chiến dịch ãu được hoạch định với những nguyên tắc chi tiết. Không có tình huống nào bị bỏ sót. Mọi

vấn đề đều được dự trù và xử lý. Sự sơ xuất và ấu trĩ không được tồn tại. Gia tộc Wolf đã ngự trị tuyệt đối cho tới ngày nay. Họ hầu như không bao giờ chấp nhận những đảo lộn vượt quá sự kiểm soát của họ.

Karl ngồi xuống một cái ghế tại đầu bàn họp. “Những mất mát về người trong gia tộc và nhân viên thuê bên ngoài trong hơn hai tuần qua như thế nào?”

Bruno Wolf, chồng cô em gái Geli của Karl, mở một hồ sơ và nhìn vào một cột gồm những con số. “Bảy nhân viên tại Colorado, bảy trên đảo St. Paul kể cả cậu em họ Fritz, chỉ huy chiến dịch từ trên chiếc trực thăng, bốn mươi bảy thủy thủ trên tàu ngầm U-2015 cộng với Heidi và Eric”.

“Sáu mươi bảy người ưu tú nhất của chúng ta và ba thuộc về gia tộc chúng ta trong vòng không đầy mười ngày”, Elsie Wolf nói. “Điều này thật vô lý”.

“Càng vô lý khi những người có trách nhiệm lại là một nhóm những nhà hải dương học giỏi nhất và hiền lành như những con sứa không có chất độc”, Otto gần gũi bày tỏ giận dữ.

Karl mệt mỏi dụi mắt. “Tôi xin nhắc chú, Otto, hãy nhớ rằng những con sứa không có nọc độc đó đã giết chết mười hai nhân viên giỏi nhất của chúng ta, không kể hai gã chúng ta buộc phải loại trừ để chúng khỏi bép xép”.

“Những nhà khoa học hàng hải và những kỹ sư không phải là những kẻ giết mướn chuyên nghiệp”, Elsie nói. “Nhân viên của chúng ta bí mật làm việc trong NUMA tại Washington có gửi cho tôi hồ sơ của những kẻ phải chịu trách nhiệm về cái chết của những nhân viên của chúng ta tại Colorado và trên đảo St. Paul. Chúng không phải là những tên tăn thường. Những kỳ công của chúng tại NUMA giống như một bộ tiểu thuyết phiêu lưu”. Elsie dừng lại và chuyển nhiều tấm ảnh quanh cái bàn. “Gương mặt đầu tiên các vị thấy là Đô đốc James Sandecker, chỉ huy trưởng NUMA. Sandecker rất được kính trọng trong giới tinh hoa có quyền lực chính trị của chính phủ Hoa Kỳ. Sau những thành tích đáng ganh tị của ông ta trong chiến đấu, ông ta được chọn để tổ chức và lãnh đạo cơ quan này. Ông ta cũng có sức nặng rất lớn trong Quốc hội Hoa Kỳ”.

“Tôi đã gặp ông ta một lần trong cuộc hội thảo về khoa học biển tại Marseilles”, Karl nói. “Ông ta không phải là một địch thủ để chúng ta đánh giá thấp”.

“Tấm ảnh tiếp theo là của Rudolph Gunn, chỉ huy phó NUMA”.

“Một gã bé loắt choắt trông chẳng mùi mẽ gì”, Felix Wolf, một trong những luật sư của gia tộc, nhận xét. “Chắc chắn hắn không đủ sức để trở thành một kẻ giết người”.

“Hắn không biết sử dụng hai bàn tay để giết đối phương”, Elsie nói. “Nhưng chúng ta có thể bảo hắn mới là nhân vật chính đã gây ra cái chết của toán tìm kiếm trên đảo St.Paul. Tốt nghiệp đại học tại Học viện Hàng hải Quốc gia Hoa Kỳ, hắn từng là một sĩ quan sáng giá trong hải quân trước khi gia nhập NUMA và trở thành cánh tay phải của Đô đốc Sandecker”.

Bruno cần tấm ảnh thứ ba lên. “Đây, gã này trông giống như một kẻ có khả năng mổ bụng đối phương trong một chớp mắt”.

“Hắn là Alberto Giordino, phụ tá giám đốc dự án đặc biệt của NUMA”, Elsie giải thích. “Tốt nghiệp sĩ quan Học viện Không lực Hoa Kỳ. Hắn cũng đã từng phục vụ chiến đấu. Bruno nói đúng, gã Giordino được xem là một kẻ rất thô bạo. Thành tích của hắn tại NUMA rất đáng nể. Hờ hững về những dự án do hắn chỉ huy thành công rất dày. Hắn được biết tới như một tay giết người chuyên nghiệp, và từ những thông tin chúng ta có được thì hắn cùng với Gunn là hai gã đã tiêu diệt bảy người của chúng ta trên đảo St. Paul”.

“Còn cái ảnh sau cùng?” Otto nhẹ nhàng hỏi thúc.

“Tên hắn là Dirk Pitt. Được xem là một huyền thoại trong giới hải dương học. Là giám đốc dự án đặc biệt của NUMA, hắn được biết tới như một tính cách thuộc thời kỳ phục hưng. Còn độc thân, hắn sưu tập những xe hơi cổ. Cũng tốt nghiệp Học viện Không lực Hoa Kỳ, được thưởng nhiều huy chương. Những thành tựu của hắn khiến người ta đọc phát mệt. Chính hắn đã phá hỏng kế hoạch của chúng ta tại Colorado. Hắn cũng có mặt tại Nam Cực trong lúc chiếc U-2015 bị chiếc tàu ngầm nguyên tử đánh đắm”.

“Thật đáng tiếc”, Otto nói trong cơn giận cố nén. Anh ta nhìn từng gương mặt trong phòng họp. “Sai lầm là ta đã sử dụng nó thay vì một chiếc tàu hiện đại bình thường”.

“Một nỗ lực sai lầm của chúng ta nhằm làm rối trí kẻ thù”, Karl nói.

Bruno đập nắm đấm lên mặt bàn, “Chúng ta phải trả thù những tên này. Bọn chúng phải chết”.

“Chú đã ra lệnh tìm cách ám sát Pitt mà không có sự đồng ý của những người còn lại trong chúng ta”, Karl nói, giọng sắc bén. “Một nỗ lực

thất bại, tôi phải nói như thế. Chúng ta không được trả thù một cách hoang phí. Chúng ta có một thời biểu phải tuân thủ, và tôi không muốn mọi quan tâm của chúng ta bị lạm dụng sai trong chuyện trả thù vật vãn”.

“Tôi thấy chẳng có gì vật vãn trong chuyện này”, Bruno cãi; “Bốn gã đàn ông này phải trực tiếp chịu trách nhiệm về những cái chết của anh chị em chúng ta. Chúng không thể không bị trừng phạt”.

Karl nhìn Bruno với ánh mắt lạnh như băng giá. “VẬY, CHÚ EM THÂN MẾN, CHÚ KHÔNG NHẬN RA KHI DỰ ÁN VẬN HỘI MỚI ĐẠT TỚI CAO ĐIỂM CỦA NÓ, THÌ TẤT CẢ BỌN CHÚNG ĐỀU PHẢI CHẾT THẢM KHỐC SAO?”

“Karl nói đúng”, Elsie nói. “Chúng ta không thể xao lãng mục đích thực sự của mình và vô tâm với thảm kịch đã xảy ra cho gia tộc”.

“Vấn đề đã giải quyết xong”, Karl nói dứt khoát. “Chúng ta hãy tập trung vào công việc trước mắt và chấp nhận nỗi đau như một phần của cái giá phải trả”.

“Bây giờ thì những căn hầm tại Colorado và trên đảo St.Paul đã bị người ngoài phát hiện”, Otto nói. “Tôi thấy sẽ chẳng được gì nếu tiếp tục lãng phí thì giờ, tiền bạc và sinh mạng nhiều người trong việc giấu giếm sự tồn tại về nguồn gốc tổ tiên ngày xưa của chúng ta”.

“Tôi đồng ý”, Bruno nói. “Với những chữ khắc lúc này đang ở trong tay những viên chức chính phủ Hoa Kỳ, chúng ta nên nấp trong bóng tối trong lúc họ giải mã thông điệp và tuyên bố lời cảnh báo của người Amenes về thảm họa qua hệ thống thông tin quốc tế, như thế chúng ta khỏi tổn công”.

Karl nhìn lên mặt bàn với vẻ thâm trầm. “Mối lo đáng kể nhất của chúng ta là chuyện này bị lộ ra quá sớm trước khi Dự án Vận Hội Mới tiến hành và chúng ta có quá ít thông tin”.

“VẬY CHÚNG TA PHẢI LÀM CHO MỌI CHUYỆN RÕI TUNG LÊN TRƯỚC KHI CÁC NHÀ KHOA HỌC ĐIỀU TRA RA ÂM MƯU CỦA CHÚNG TA”.

“VÌ SỰ CAN THIỆP CỦA NHỮNG THẺNG KHỐN TRONG NUMA, THẾ GIỚI SẼ NGHỈ NGẪN CHÚNG TA TRONG HAI TUẦN LỄ SẮP TỚI”. Bruno nhìn Karl qua cái bàn. “LIỆU CÓ CƠ HỘI NÀO, THƯA ANH, ĐỂ NGƯỜI CỦA CHÚNG TA TẠI VALHALLA CÓ THỂ THAY ĐỔI THỜI GIAN BIỂU KHÔNG?”

“CÓ THỂ, NẾU TÔI GIẢI THÍCH TÌNH HÌNH KHẨN CẤP VÀ NHẮC HỌ LƯU Ý ĐẾN NHỮNG NGUY HIỂM ĐANG BỦA VÂY CHÚNG TA. TÔI TIN LÀ TÔI CÓ THỂ THUYẾT PHỤC HỌ DỜI NGÀY TIẾN HÀNH THÊM MƯỜI NGÀY KỂ TỪ HÔM NAY”.

“Mười ngày”, Elsie nóng nảy lặp lại. “Chỉ mười ngày trước khi thế giới cũ bị hủy diệt và Đệ Tứ Đế quốc nổi dậy từ đông tro tàn”.

Karl trang trọng gật đầu, “Nếu tất cả tiến hành theo những kế hoạch đã được trù liệu kỹ lưỡng của gia tộc chúng ta từ năm 1945, chúng ta sẽ làm biến đổi toàn diện nhân loại trong suốt mười ngàn năm nữa”.

Sau khi được máy bay bốc tới một trạm nghiên cứu băng và bay qua miền cực tây Ấn Độ Dương đến Cape Town, Pitt hội ngộ với Pat O’Connell từ Washington tới. Cô được Tiến sĩ Bradford Hatheld tháp tùng, ông ta là một nhà bệnh lý học kiêm khảo cổ học có biệt tài về việc nghiên cứu những xác ướp cổ. Họ cùng bay tới đảo St. Paul trên một máy bay cánh quạt có những đặc tính của một trực thăng. Một trận mưa phùn nặng nề kèm theo những cơn gió mạnh đập vào những gương mặt không được che kín của họ như những cú roi quất. Ba người được một toán lính thủy đánh bộ thiện chiến của Hải quân Hoa Kỳ tiếp đón. Đó là những người đàn ông cao lớn và điềm tĩnh trong những bộ quân phục được nguy trang với cành lá cho phù hợp với địa hình hòn đảo núi lửa St. Paul.

“Chào mừng đã tới mảnh đất Địa ngục bị quên lãng”, một người đàn ông cao lớn nói với một nụ cười thân thiện, trên vai lưng lảng một vũ khí lớn vừa giống một khẩu tiểu liên tự động, vừa giống một súng phóng hỏa tiễn. “Tôi là Trung úy Miles Jacobs, có nhiệm vụ dẫn đường cho các vị”.

“Đồ độc Sandecker không nói gì đến chuyện bọn khủng bố có thể quay lại mà”, Pitt nói lúc bắt tay Jacobs.

“Ông ấy có thể sắp được về hưu”, Jacobs nói, “nhưng ông ấy vẫn có ảnh hưởng rất lớn đối với những nhân vật cao cấp. Tôi được lệnh phải bảo vệ những thành viên NUMA các vị, chúng tôi do ngài Bộ trưởng Hải quân phái tới”.

Không trao đổi gì thêm, Jacobs và bốn người của anh ta, hai đi trước dẫn đường, hai người còn lại đi sau cùng, đưa Pitt và hai nhà khoa học lên sườn núi theo lối mòn dẫn tới đường hầm. Pat gần như ướt đầm nửa người dưới chiếc áo mưa và có vẻ không thể chịu đựng lâu hơn nữa. Đúng lúc đó, họ tới miệng đường hầm hình mái vòm. Và Giordino bước ra đón họ. Trông anh có vẻ mệt mỏi nhưng vẫn nghênh ngang như đội trưởng một đội bóng đá vừa mới thắng trận.

Pat thực sự ngạc nhiên khi trông thấy một gã đàn ông thô kệch, hèn nhèn lại chào đón người này, người kia với những cái ôm chặt và vỗ lưng nồng nhiệt như vậy. Tình cảm bộc lộ rõ rệt trong đôi mắt, cô thì là hèn nhèn như họ đều sắp chảy nước mắt.

“Thật khoái chí khi thấy cậu còn sống, anh bạn già”, Pitt nói với vẻ hạnh phúc.

“Cậu cũng vừa thoát chết mà, thú vị thật”, Giordino trả lời với miệng cười toe toét. “Tôi nghe nói cậu có ném mấy quả bóng tuyết vào chiếc tàu ngầm phải không?”

Pitt bật cười. “Họ phóng đại ghê quá. Tất cả những gì chúng tôi có thể làm là chải rửa bọn chúng cho tới khi một chiếc tàu hải quân tới”.

“Tiến sĩ O’Connell”, Giordino cúi đầu rất sâu và hôn bàn tay mang găng của Pat. “Chúng tôi cần một người như cô để soi sáng nơi tối tăm này”.

Pat mỉm cười và nhún đầu gối để chào, “Thật vinh hạnh, thưa ông”.

Pitt quay lại và giới thiệu nhà khảo cổ học. “Al Giordino, Tiến sĩ Brad Hatheld. Tiến sĩ Brad tới đây để nghiên cứu những xác ướp mà cậu và ông Rudi đã phát hiện”.

“Tôi được thông báo ông và ông chỉ huy phó Gunn đã phát hiện một kho tàng cổ vật”, ông Hatfield nói. Ông ta cao và gầy với đôi mắt màu nâu rất sáng, một gương mặt hẹp và mịn màng với giọng nói dịu nhẹ. Ông ta cúi xuống lúc nói và nhìn qua cặp kính gọng tròn như thể chúng được chế tạo từ những năm 1920.

“Xin mời vào để tránh mưa và đích thân ông sẽ nhìn thấy”.

Giordino dẫn đường vào căn phòng bên ngoài. Từ khoảng cách năm mươi bộ, một mùi thịt cháy hôi thối không thể chịu được cùng với khói xộc vào mũi họ. Một máy phát điện đã được mang tới để hút khói ra ngoài theo một ống dẫn đặt từ trong căn phòng chạy dài tới miệng đường hầm. Ngoài ra nó còn cung cấp điện cho một số bóng đèn. Chẳng ai mong đợi sẽ chứng kiến một cảnh đồ nát đáng sợ như trong căn hầm lúc này. Toàn bộ căn hầm trở nên đen ngòm vì ám khói và bõnhóng do tên lửa gây ra. Một số vật dụng trong căn hầm trước khi vụ nổ xảy ra lúc này cũng đã biến mất.

“Thứ gì đã phá hủy ở đây khủng khiếp như vậy?” Pitt ngạc nhiên hỏi.

“Gã phi công của chiếc trực thăng tấn công cho rằng hắn có thể gửi một tên lửa mang đầu đạn qua đường hầm ấy mà”, Giordino giải thích trơn tru như thể anh đang mô tả phải ăn một quả táo như thế nào.

“Cậu và ông Rudi làm sao có thể có mặt ở đây vào lúc đó chứ?”

Giordino ngoác miệng cười. “Tất nhiên rồi. Có một đường hầm dẫn vào một cái hang khác phía sau cái hang này. Chúng tôi được một đồng đá do một vụ sập hầm che khuất, ông Rudi và tôi sẽ không nghe được tiếng động nhỏ trong vài tuần lễ nữa vì tiếng nổ làm điếc tai, và phổi chúng tôi bị tắt nghẽn, nhưng cả hai đều sống sót”.

“Đúng là có phép lạ nên các cậu mới không bị nướng như những ông bạn kia”, Pitt nói và nhìn xuống những mảnh xương thịt đã cháy thành than còn sót lại của những kẻ tấn công.

“Lính thủy đánh bộ đã dọn dẹp những đồ nát và mang những cái xác về Mỹ để tìm hiểu lý lịch”.

“Kinh khủng quá”, Pat thì thầm, mặt cô trắng bệch. Nhưng cung cách chuyên nghiệp của cô nhanh chóng hồi phục và cô bắt đầu rà những ngón tay lên những gì còn sót lại của những chữ khắc trên vách đá. Cô nhìn với ánh mắt tiếc rẻ vào những viên đá bị vỡ nằm rải rác khắp nơi. “Họ đã phá hủy nó, cô nói như một hơi thở yếu ớt. “Họ đã xóa sạch nó. Những gì còn lại không đủ để giải mã”.

“Sự mất mát không lớn lắm đâu”, Giordino điềm tĩnh nói. “Tình trạng căn hầm trong kia vẫn còn nguyên. Những xác ướp chỉ bị phủ một lớp bụi, ngoài ra chúng vẫn ngẩng đúng chỗ cũ, như lúc chúng tôi chưa bị tấn công”.

“Vẫn ngẩng đúng chỗ cũ?” ông Hatheld lặp lại. “Nghĩa là những xác ướp không được đặt nằm trong những cỗ quan tài?”

“Không, họ được đặt ngẩng trên những ghế đá”.

“Họ được bọc bằng vải?”

“Cũng không”, Giordino trả lời. “Họ ngẩng đó như thể họ đang tham dự một cuộc họp hội đồng, tất cả đều mặc áo dài, đội nón và mang hia”.

Ông Hatheld lắc đầu với vẻ thắc mắc. “Tôi từng thấy những cách chôn cất cổ xưa, theo đó, những xác chết được bó chặt bằng the rất mỏng và được đặt vào những quan tài với những tư thế đẹp mắt trong những hòm bằng sứ, nằm sấp hoặc nằm ngửa, có cả tư thế đứng nữa. Nhưng tôi chưa bao giờ nghe nói có những xác ướp ngẩng lộ thiên”.

“Tôi đã lắp đặt đủ ánh sáng trong đó để các vị có thể quan sát họ và những cỗ vật khác”.

Trong thời gian Giordino chờ đợi Pitt và Pat O’Connell tới, anh đã nhờ những người lính thủy đánh bộ dọn dẹp những chỗ đá rơi, mang

những tảng đá ra ngoài và ném xuống sườn núi. Nên lúc này đường hần dẫn vào hang bên trong đã quang đãng và họ có thể đi thẳng người, không phải bò trườn trên những đồng đồ nát. Những bóng đèn soi sáng căn hần thậm chí còn rõ hơn ánh sáng mặt trời, làm lộ ra trọn vẹn những xác ướp và quần áo nhiều màu sắc của họ.

Ông Hatheld vội vã tiến thẳng lại và bắt đầu quan sát gương mặt xác ướp đầu tiên, gần đến nỗi hầu như mũi họ suýt đụng nhau. Ông ta trông giống một người bị lạc vào Vườn Địa đàng, đi từ xác ướp này đến xác ướp khác, quan sát lớp da, tai, mũi và môi họ. Ông ta mở một vali bằng da gấp lại và lấy ra một cái vòng kim loại dùng để đeo quanh đầu nhà phẫu thuật, có gắn đèn chiếu và hai lăng kính phía trước cặp mắt. Sau khi đeo cái vòng lên đầu, bật sáng bóng đèn và đi đầu chỉnh tiêu cự cặp lăng kính, ông ta nhẹ nhàng phỉa sạch lớp bụi trên mí mắt một xác ướp với một cây cọ mềm, loại các họa sĩ thường dùng. Những người khác im lặng nhìn cho đến khi ông ta quay đầu lại, tháo cái vòng kim loại quanh đầu ra, và nói.

Giọng nói của ông ta như thể một lời rao giảng trong giáo đường. “Sau tất cả những năm nghiên cứu các xác ướp cổ”, ông nhẹ giọng nói, “tôi chưa bao giờ nhìn thấy những cái xác được bảo quản tốt như thế. Thậm chí những nhãn cầu có vẻ như còn nguyên vẹn đủ để nói cho chúng ta biết màu sắc nguyên thủy của tròng mắt”.

“Có lẽ những xác ướp này mới được khoảng một trăm tuổi hoặc ít hơn”, Giordino nói.

“Tôi không nghĩ thế, chất liệu vải của quần áo, kiểu dáng những đôi hia, việc may cắt và kiểu dáng những khăn trùm đầu và nón cùng quần áo của họ trông khác hẳn bất kỳ thứ gì tôi từng trông thấy và hoàn toàn không giống những ghi chép trong lịch sử. Dù phương pháp ướp xác của họ như thế nào, kỹ thuật của những người này vượt xa kỹ thuật ướp xác tôi nghiên cứu được từ Ai Cập. Người Ai Cập mổ xẻ những xác chết để lấy hết các cơ quan nội tạng, lấy hết bộ óc qua hai lỗ mũi. Còn những xác ướp này không có dấu hiệu nào như thế, cả bên ngoài lẫn bên trong. Không có dấu hiệu nào của việc phẫu thuật”.

“Những chữ khắc chúng tôi tìm thấy trong dãy núi tại Colorado được xác định xuất hiện vào năm bảy ngàn trước Công nguyên”, Pat nói. “Có thể những người này và những cổ vật của họ cùng xuất hiện trong thiên nhiên kỳ đó chăng?”

“Tôi không thể nói gì khi chưa sử dụng kỹ thuật xác định thời gian”, ông Hatheld nói. “Xác định thời gian không phải sở trường của tôi. Nhưng tôi sẵn sàng, bằng cả uy tín của mình, nói rằng những người này đến từ một nền văn hóa cổ mà lịch sử con người hoàn toàn không biết gì”.

“Có lẽ họ là những người đi biển đầu tiên đã tìm thấy hòn đảo này và sử dụng nó để chôn cất những lãnh tụ của họ”, Pitt nhận xét.

“Tại sao lại chọn nơi này chứ?” Giordino vặn lại. “Tại sao họ không chôn những người chết của mình tại một nơi tiện nghi hơn dọc theo bờ biển một lục địa nào đó?”

“Giải đáp duy nhất là vì họ không muốn bị phát hiện”, Pat trả lời.

Pitt nhìn những xác ướp với dáng nghĩ ngợi. “Tôi không tin chắc vào điều đó. Tôi nghĩ, cuối cùng thì họ muốn những cái này được phát hiện. Họ đã để lại những thông tin khắc trên vách đá trong những căn hầm dưới lòng đất cách đây hàng ngàn dặm. Từ những gì tôi hiểu, cô và Hiram Yaeger đã xác định rằng những chữ khắc tại Colorado không phải là những thông điệp dành cho các thần thánh cai trị vùng đất của những kẻ quá cô”.

“Cho tới nay, điều đó đúng. Nhưng chúng tôi đã mất nhiều thì giờ để giải mã tất cả những ký hiệu và ý nghĩa của chúng. Và cho tới nay, sự hiểu biết ít ỏi của chúng tôi chỉ là những chữ khắc đó không phải là một sự chôn cất tự nhiên, nhưng đúng hơn, đó là một lời cảnh báo về một thảm họa tương lai”.

“Tương lai của ai chứ?” Giordino hỏi, “Có thể trong thời gian chín ngàn năm qua, thảm họa đó đã xảy ra rồi”.

“Chúng tôi chưa xác định thời điểm đó”, Pat trả lời. “Hiram và cái máy điện toán Max vẫn đang tiếp tục làm sáng tỏ chuyện này”. Cô bước lại một vách đá và phui sạch lớp bụi che phủ những gì trông giống những hình chữ khắc trên đá. Đôi mắt Pat mở lớn vì kích động. “Những thứ này không giống những mẫu ký hiệu chúng tôi tìm thấy ở Colorado. Đây chỉ là hình tượng mô tả người và thú”.

Họ nhanh chóng quét dọn bụi bặm cho tới khi những hình chạm khắc lộ ra đầy đủ những chi tiết dưới ánh sáng những bóng đèn.

“Các vị thấy gì từ những thứ này?” Giordino hỏi, không đặc biệt nhắm vào ai.

“Rõ ràng là một nơi để tàu nấp bão hoặc một hải cảng”. Pitt đi đến tận nói. “Bạn có thể thấy cả một đội những chiếc thuyền cổ với buồm và

mái chèo được che chở bởi đê chắn sóng, hai đầu có những tháp rất cao, có lẽ là một loại đèn hiệu hoặc hải đăng”.

“Đúng thế”, ông Hatheld đồng ý. “Tôi có thể dễ dàng phân biệt những công trình kiến trúc quanh khu đóng tàu, nơi có những chiếc tàu được neo buộc”.

“Những chiếc tàu này có vẻ như đang ăn hàng hoặc dỡ hàng”, Pat nói, cô đang nhìn vách đá với cái kính phóng đại. “Những hình người được chạm khắc kỹ từng chi tiết, cho thấy họ mặc cùng một loại y phục như những xác ướp. Một chiếc tàu trông giống như đang dỡ hàng là một bầy gia súc”.

Giordino đến gần bên Pat và nhìn kỹ những con thú. “Ngựa một sừng”, anh kêu lên. “Đây là loại ngựa một sừng. Nhìn xem, chúng chỉ có một sừng duy nhất mọc từ đỉnh đầu”.

“Thật khác thường”, ông Hatheld lầm bầm. “Lạ lùng chẳng khác gì những điêu khắc về những tượng thần vô nghĩa của người Hy Lạp”.

“Làm sao ông biết?” Pitt khích ông ta. “Có lẽ loài ngựa một sừng thực sự đã có mặt trên Trái Đất vào chín ngàn năm trước, trước khi chúng bị tuyệt chủng cùng với loài voi ma mút có lông và loài cạp răng kiếm”.

“Vâng, và cùng với chủng người Medusas quăn những con rắn trên đầu như tóc, và những người độc nhãn Cyclops chỉ có một con mắt trước trán”.

“Đừng quên có cả loài mãng xà và loài rồng”, Giordino chêm vào.

“Cho đến chừng nào xương và các hóa thạch được tìm thấy chứng tỏ chúng từng tồn tại”, ông Hatheld nói, “thì chúng vẫn còn là chuyện hoang đường của quá khứ”.

Pitt không tranh cãi với ông Hatheld nữa. Anh quay lại và bước tới sau những chiếc ghế đá có những xác ướp ngổ ngáo và chăm chú nhìn một bức rèm lớn thêu hình những tấm da thú phủ kín vách đá phía xa. Thật nhẹ nhàng, anh nhắc một góc bức rèm lên và nhìn vào bên dưới nó. Nét mặt anh lộ vẻ khó hiểu.

“Cẩn thận”, ông Hatheld cảnh báo. “Nó rất dễ rách”.

Pitt bắt đầu lời nhắc nhở của ông ta, anh nâng tấm rèm lên bằng cả hai tay cho tới khi nó cong lại trên đầu anh.

“Ông không nên chạm tay vào thứ đó”, ông Hatheld có vẻ cau. “Nó là một di vật vô giá và có thể bị vỡ vụn thành từng mảnh. Nó phải được xử sự nhẹ nhàng cho đến khi được người ta bảo quản”.

“Những gì bên dưới nó thậm chí còn vô giá hơn”, Pitt bình tĩnh nói. Anh gạt đầu với Giordino. “Cậu lấy hai trong những cây giáo này và chống tẩm rèm lên”.

Gương mặt ông Hatheld trở nên đỏ bừng, cố ngăn Giordino, nhưng ông chỉ tốn công vô ích trong việc ngăn cản cái xe ủi đất đó. Giordino bế ông ta đặt sang một bên, lấy hai cây giáo bằng nham thạch, chống hai mũi giáo xuống nền căn hầm và dùng hai chóp cán giáo nâng tẩm rèm lên. Sau đó, Pitt kéo hai bóng đèn lại cho đến khi ánh sáng của chúng soi rõ cả vách đá.

Pat nín thở nhìn bốn hình tròn khắc trên vách đá nhẵn thín, với những biểu đồ lạ lùng bên trong những đường tròn đó. “Đây là một dạng chạm khắc gì?” cô nói với giọng trầm trọng.

“Trông giống những bản đồ”, Giordino góp ý.

“Bản đồ của cái gì?”

Một nụ cười thích thú hiện ra trên môi Pitt. “Bốn hình chiếu khác nhau của Trái Đất”.

Ông Hatheld nhìn qua cặp kính dày qua vai Pat. “Buồn cười. Những hình chạm này không giống bất kỳ bản đồ cổ nào tôi từng thấy. Chúng rất chi tiết, và theo như chỗ tôi hiểu, chắc chắn chúng không giống một bản đồ địa lý”.

“Đó là vì đầu óc nông cạn của ông không thể hình dung được những lục địa và bờ biển trên Trái Đất vào chín ngàn năm trước”.

“Tôi phải đồng ý với Tiến sĩ Hatheld”, Pat nói. “Tất cả những gì tôi thấy là một chuỗi những hình dáng có thể là những hòn đảo lớn nhỏ với những bờ biển lồi lõm bao bọc bởi những hình ảnh như những ngọn sóng tượng trưng cho một đại dương”.

“Theo tôi thì đây là một bức tranh vẽ bằng mực hình một con bướm bị súng phòng không bắn trúng”, Giordino châm chọc.

“Ý kiến của ai cũng có phần đúng”, Pitt nói. “Tôi nghĩ nếu gom tất cả các ý tưởng của quý vị lại thì có thể giải quyết vấn đề”.

“Ông thấy gì?” Pat hỏi Pitt.

“Tôi thấy bốn hướng nhìn khác nhau của thế giới được quan sát từ lục địa Nam Cực vào chín ngàn năm trước”.

“Không nói đùa nữa”, Giordino nói. “Cậu có lý”.

Pat đứng lùi lại để có thể nhìn bao quát bức vách. “Vâng, bây giờ thì tôi đã có thể bắt đầu phân biệt những lục địa khác nhau, như thể Trái Đất bị

lệch nghiêng vậy”.

“Tôi chịu, không thể thấy bằng cách nào Nam Cực lại thích hợp trong bức tranh này”, ông Hatheld khấn khoản.

“Nó nằm ngay trước mắt ông đó thôi”.

“Do đâu ông tin chắc chắn như vậy?”

“Tôi thực sự muốn biết bằng cách nào ông kết luận như thế”, ông Hatheld chế nhạo.

Pitt nhìn Pat. “Cô có mẫu phấn nào trong cái túi mà cô vẫn dùng để làm nổi bật những chữ khắc trên đá không?”

Cô mỉm cười. “Phấn lỗi thời rồi. Giờ đây người ta thích dùng bột talc hơn”.

“Okay, ta dùng thứ đó và son môi Kleenex. Mọi phụ nữ đều dùng Kleenex mà”.

Pat mò trong túi xách và đưa cho anh một túi vải nhỏ. Rồi cô lục tìm trong cái bao lớn chứa những cuốn sổ ghi chép, máy ảnh và các phụ tùng và những dụng cụ dùng để khảo sát những ký hiệu cổ trên đá cho đến khi tìm thấy một cái hộp đựng phấn talc.

Trong thời gian chờ đợi ngắn ngủi, Pitt thấm ướt cái túi vải với nước lấy từ một cái can và đập lên những hình chạm khắc trên vách đá để bột talc dính chặt lên mặt đá. Rồi Pat chuyển bột talc khô cho anh và anh bắt đầu vẽ nhẹ nó lên mặt đá láng mịn. Khoảng ba phút sau, anh đứng lùi lại và ngắm nghía thành quả của mình.

“Thưa quý cô và quý ông, tôi tặng Nam Cực cho các vị”.

Cả ba người chăm chú nhìn vào lớp phấn trắng thô thiên Pitt đã tạo ra trên vách đá và lau sạch sau đó để lộ ra những đường chạm khắc. Lúc này trên vách đá hiện ra một hình ảnh rõ ràng và rất giống lục địa Nam Cực trên bản đồ’.

“Tất cả chuyện này ngụ ý gì?” Pat hỏi, cô vẫn tỏ ra bối rối.

“Những gì nó ngụ ý”, Pitt nói, vừa chỉ về phía những xác ướp người yên lặng trên những ghế ngai của họ, “là những người cổ đại này đã đặt chân lên lục địa Nam Cực từ nhiều ngàn năm trước người hiện đại. Họ dong buồm chung quanh và vẽ bản đồ vùng này trước khi nó bị băng và tuyết phủ kín”.

“Vô lý!” ông Hatheld cầu nhàu. “Khoa học đã chứng minh phải mất hàng triệu năm lục địa này mới bị một lớp băng mỏng phủ lên”.

Pitt không nói gì trong vài giây. Anh nhìn những xác ướp như thể họ vẫn còn sống. Cặp mắt anh chuyển từ gương mặt xác ướp này sang xác ướp khác như thể anh muốn giao tiếp với họ. Sau cùng, anh huơ tay về phía những cái xác câm lặng. “Những câu trả lời”, anh nói một cách quả quyết, “sẽ đến từ họ”.

Hiram Yaeger trở lại với cái máy điện toán rắc rối của anh ta sau bữa ăn trưa, mang theo một cái hộp lớn bằng giấy bìa cứng đựng một con chó nhỏ anh đã cứu thoát khỏi trung tâm giam giữ thú đi lạc của thành phố vài giờ trước khi tới giờ ngủ của nó. Từ khi con chó thuộc loài chó săn biết đem con mồi về cho chủ của anh chết vì tuổi già, Yaeger thì không nuôi chó nữa. Nhưng hai cô con gái tuổi “tín” của anh đã van nài và thuyết phục anh nuôi một con chó khác, và thậm chí còn dọa anh là chúng sẽ không tới trường nếu con chó săn của chúng không được thay thế bằng một con chó khác. Yaeger chỉ biết tự an ủi rằng mình không phải là ông bố đầu tiên bị con cái áp lực phải đem một con thú nuôi về nhà.

Anh đã có ý định sẽ tìm một con chó săn lông vàng, nhưng khi nhìn vào cặp mắt tròn như những cái tách uống cà phê rất linh động nhưng buồn bã của con chó nhỏ này, và trông thấy cái thân hình còm cõi vụng về của nó với những cẳng chân ngắn ngủn và bàn chân to bè bè, hai vành tai xụ xuống chằm đất của con vật, anh không nỡ rời nó. Anh trải những tờ báo chung quanh bàn làm việc và cho phép con chó nhỏ tha hồ đi lang thang, nhưng nó lại tỏ ra thích nằm yên trên chiếc khăn lông đặt trong cái hộp mở nắp và đưa mắt ngắm Yaeger, khiến anh - một lần nữa — không thể nào không quan tâm đến cặp mắt buồn rầu của nó.

Sau cùng, anh quyết tâm chăm chú vào công việc, và anh gọi Max. Cô ta hiện ra trên màn hình và quắc mắt nhìn anh. “Tại sao ông cứ bắt tôi phải chờ đợi chứ?”

Anh cúi xuống và bế con chó con lên cho Max nhìn thấy. “Tôi phải ra ngoài và mang con cún này về cho các con gái tôi”.

Nét mặt Max nhanh chóng dịu lại. “Trông nó đáng yêu quá nhỉ. Mấy cô bé của ông tha hồ mà thích”.

“Bạn có tiến triển thêm chút nào trong việc giải mã những chữ khắc không?” anh hỏi.

“Tiến triển khá về việc giải mã những ký hiệu, nhưng sẽ phải mất rất nhiều công sức để kết nối chúng với những từ ngữ có thể dịch sang tiếng Anh”.

“Hãy cho tôi biết bạn đã tiến triển tới đâu?”

“Rất nhiều thực đấy”, Max hãnh diện nói.

“Tôi nghe đây”.

“Vào lúc nào đó trong năm bảy ngàn trước công nguyên, thế giới đã phải chịu đựng một thảm họa lớn”.

“Bạn có ý kiến gì về chuyện đó không?” Yaeger hỏi vặn.

“Có đấy. Vụ đó được mô tả trong bản đồ vị trí những ngôi sao trên trần hần tại Colorado”, Max giải thích. “Tôi chưa giải mã toàn bộ mô tả đó, nhưng có vẻ như không phải chỉ một thảm họa, mà có đến hai sao chổi quét qua bên ngoài hệ thống mặt trời và gây ra thảm họa trên khắp Trái Đất”.

“Bạn chắc chắn chúng không phải là tiểu hành tinh chứ?” Tôi không phải là một nhà thiên văn học, nhưng tôi chưa bao giờ nghe nói có hai sao chổi di chuyển trong hai quỹ đạo song song”.

Yaeger hạ thấp bàn tay xuống, vuốt ve con chó nhỏ, vừa nói “Hai sao chổi cùng va chạm một lúc vào Trái Đất, tùy theo kích cỡ, chúng phải tạo ra những chấn động khủng khiếp”.

“Rất tiếc, Hiram”, Max nói. “Tôi không cố ý hướng dẫn làm ông bị lệch lạc. Chỉ có một sao chổi va chạm Trái Đất thôi. Sao chổi kia trượt khỏi Trái Đất, bay vòng qua mặt trời và mất hút vào không gian sâu thẳm”.

“Bản đồ vị trí những ngôi sao có cho biết vị trí điểm rơi của sao chổi không?”

Max lắc đầu. “Theo mô tả thì sự va chạm xảy ra trong địa phận Canada, có thể tại một nơi nào đó trong khu vực vịnh Hudson”.

“Tôi rất hãnh diện vì bạn, Max”, Yaeger đã bế con chó nhỏ đặt vào lòng, và nó nhanh chóng ngủ thiếp đi. “Bạn là một thám tử về thời cổ đại rất cừ”.

“Chuyện giải quyết một tội ác của người bình thường đối với tôi chỉ là trò trẻ”, Max kiêu ngạo nói.

“Được rồi, chúng ta có một sao chổi đâm vào Trái Đất tại Canada khoảng 7.000 năm trước công nguyên và gây ra sự phá hủy khủng khiếp khắp nơi”.

“Đó mới chỉ là sự va chạm đầu tiên. Trọng tâm nằm trong phần tiếp theo sau đó, với những mô tả của những người và nền văn minh của họ, đã tồn tại trước biến cố và hậu quả của nó. Hầu như tất cả đều bị hủy diệt. Chỉ một số ít những kẻ đáng thương còn sống sót. Họ trở nên quá yếu ớt để xây dựng lại đế quốc của mình, họ xem như số phận buộc họ phải lang thang khắp nơi để dạy dỗ những cư dân còn trong thời kỳ đồ đá nguyên thủy trong những miền xa xôi hẻo lánh còn tồn tại và xây dựng những công trình cảnh báo thảm họa tiếp theo sẽ xảy ra”.

“Tại sao họ chờ đợi một thảm họa khác từ không gian chứ?”

“Từ những gì tôi có thể góp nhặt được thì họ đã thấy trước sự trở lại của sao chổi thứ nhì để chấm dứt công việc hủy diệt toàn bộ của nó”.

Hầu như Yaeger không còn gì để nói. “Max, những gì bạn nói tới là thực sự có một nền văn minh mang tên Atlantis?”

“Tôi không nói như thế”, Max nổi cáu. “Tôi không xác nhận những người cổ đại tự gọi họ là gì. Tôi biết rõ họ chỉ gần giống như câu chuyện được truyền lại từ Plato, nhà hiền triết Hy Lạp nổi tiếng. Ghi chép của Plato về một cuộc đàm thoại đã xảy ra hai trăm năm trước thời đại của ông ta, giữa tổ tiên của ông ta là Solon — một chính trị gia lớn - và một giáo sĩ người Ai Cập về một châu lục tên là Atlantis”.

“Ai cũng biết giai thoại đó mà”, Yaeger nói, anh như chìm vào câu chuyện. “Ông giáo sĩ nói về một hòn đảo lục địa lớn hơn châu Úc ngày nay đã nổi lên giữa Đại Tây Dương, về phía tây những Cột Chống Trời của Herculer hoặc eo biển Gibralta, như chúng ta biết ngày nay. Nhiêu ngàn năm trước, nó bị hủy diệt và chìm xuống biển sau một trận động đất dữ dội và biến mất. Đó là một bài toán nát óc làm điên đầu những tín đồ tôn giáo, nhưng các nhà sử học lại nhạo báng đến tận ngày nay. Về phần mình, tôi có khuynh hướng đồng ý với các sử gia, rằng câu chuyện Atlantis không gì khác hơn là một câu chuyện khoa học giả tưởng”.

“Sau cùng, có lẽ đó không hoàn toàn là một câu chuyện bịa đặt đâu”.

Yaeger chăm chú nhìn Max, cặp lông mày anh nhíu lại. “Tuyệt đối không có một nền tảng địa chất nào nói về một lục địa lẻ loi đã mất tích giữa Đại Tây Dương vào chín ngàn năm trước. Nó chưa bao giờ tồn tại. Chắc chắn không nằm giữa Bắc phi và vùng biển Caribbe. Ngày nay, nói chung, người ta chấp nhận huyền thoại đó có liên quan tới một vụ động đất khủng khiếp và lụt lội gây ra do một vụ núi lửa phun tại đảo Thera hoặc

Santorini như người ta biết ngày nay, và nó đã quét sạch nền văn minh Minoan tại vùng Crete”.

“Vậy ông nghĩ những mô tả của Plato về châu lục Atlantis trong những tác phẩm Critias và Timaeus là chuyện bịa đặt sao?”

“Không phải mô tả, Max”, Yaeger càu nhàu cái máy điện toán. “Ông ta kể lại câu chuyện bằng giọng văn đối thoại, một thể loại rất phổ biến trong văn học cổ Hy Lạp. Câu chuyện không quan hệ tới nhân vật thứ ba là tác giả, nhưng lại giới thiệu với độc giả qua hai hoặc nhiều người thuật chuyện, một người hỏi người kia. Và, vâng, tôi tin Plato đã bịa ra câu chuyện Atlantis, ông ta khoái trá biết rằng những thế hệ tương lai sẽ ngấu nghiến câu chuyện bịa đặt, sẽ viết hàng ngàn cuốn sách về đề tài này rồi tranh luận với nhau không bao giờ dứt”.

“Ông là một người trơ cứng, Yaeger”, Max nói. “Tôi thấy rõ là ông không tin những tiên đoán của Edgar Cayce, một nhà ngoại cảm nổi tiếng”.

Yaeger chậm rãi gật đầu. “Cayce tuyên bố ông ta chứng kiến châu Atlantis chìm xuống và trồi lên trong vùng biển Caribbe. Nếu nơi đó từng có một nền văn minh ưu việt, thì hàng trăm hòn đảo chắc chắn sẽ lộ ra những đầu mối. Nhưng cho tới nay chẳng ai tìm thấy có nền văn minh cổ nào ở đó cả”.

“Vậy những tảng đá khổng lồ tạo nên con đường dưới đáy biển ngoài khơi Bimini?”

“Chỉ là sự cấu tạo địa lý có thể tìm thấy tại nhiều nơi khác dưới biển”.

“Và những trụ đá dưới đáy biển ngoài khơi Jamaica?”

“Người ta đã chứng minh đó là những cái thùng chứa bê tông khô đã đông cứng trong nước biển sau khi chiếc tàu chở chúng bị đắm, và những mảnh ván vỏ thùng rơi ra và trôi giạt khỏi nơi đó. Hãy đối diện sự thật, Max. Châu lục Atlantis chỉ là một huyền thoại”.

“Ông là một con lừa già, Hiram. Ông biết đi đâu đó chứ?”

“Chỉ nên nói cái gì đúng như nó là”, Yaeger nổi cáu. “Tôi không thích tin vào nền văn minh ưu việt cổ đại mà vài kẻ mơ mộng tin tưởng và thêu dệt đủ thứ chuyện”.

“A”, Max nói sắc sảo, “thấy rõ rồi nhé. Atlantis đâu phải là một đô thị khổng lồ do Leonardo da Vinci và Thomas Edison đem dân tới đó định cư, và được bao bọc bởi những kênh đào trên một hòn đảo lục địa, như Plato đã mô tả nó. Theo những gì tôi đã khám phá, dân chúng thời cổ đại

này là một nhóm nhỏ những quốc gia đã lang thang trên biển và vẽ bản đồ toàn thế giới khoảng bốn ngàn năm trước khi người Ai Cập xây kim tự tháp. Họ chinh phục biển cả. Họ biết cách lợi dụng những dòng chảy và triển khai sự hiểu biết sâu sắc về khoa thiên văn và toán học khiến họ trở thành những người đi biển bậc thầy. Họ phát triển một chuỗi những thành phố cảng dọc các bờ biển và dựng nên một đế quốc thương mại bằng việc khai mỏ và vận chuyển những khoáng sản và quặng mỏ họ đã luyện thành kim loại. Không như những dân tộc khác cùng thiên niên kỷ với họ sống trên những nơi cao hơn với đời sống du mục và sống sót sau thảm họa. Những người đi biển này đã gặp rủi ro và bị hủy diệt bởi những đợt sóng thủy triều cực lớn và biến mất không lưu lại một dấu vết. Những gì còn lại từ những thành phố cảng của họ hiện nay vẫn nằm dưới lòng biển sâu và bị chôn vùi dưới lớp bùn dày hàng trăm bộ”.

“Bạn đã giải mã và thu thập tất cả những dữ liệu đó từ hôm qua?” Yaeger hỏi, không giấu được ngạc nhiên.

“Cổ không thể mọc dưới chân tôi”, Max nói như một linh mục đang thuyết giảng, “Không, tôi có thể nói thêm rằng tôi không chịu ngẩng đầu chờ cho tới lúc những bộ phận bên trong của tôi hoen rỉ đâu”.

“Bạn đặt ra cho tôi quá nhiều dự định và tôi không thể tiêu hóa hết”.

“Về nhà đi, Hiram. Đưa bà nhà và các cô gái đi xem phim. Rồi ngủ một đêm thật ngon trong lúc tôi vật lộn với mấy con chip của tôi. Sau đó, khi ông ngẩng xuống vào sáng mai, tôi sẽ cho ông những thông tin làm cong cái đuôi con lừa của ông”.

Sau khi Pat đã chụp ảnh những chữ khắc và những bản đồ kỳ lạ của Trái Đất trong căn hầm mộ huyết, cô và Giordino được máy bay bốc về Cape Town, tại đây họ gặp ông Rudi Gunn tại bệnh viện sau khi ông này được giải phẫu. Không muốn bị phỏng vấn ồn ào, ông Gunn bất chấp lệnh của bệnh viện, nài nỉ Giordino đưa ông ta lên máy bay để rời khỏi Nam Phi. Giordino vui vẻ chiều ý, và cùng với người phụ tá của Pat, họ lái đưa ông phó nhỏ con của NUMA qua mặt những bác sĩ và y tá, theo tầng hầm của bệnh viện đến một chiếc limousine trước khi tới phi trường thành phố. Tại đây, một chiếc phản lực hành động của NUMA đợi sẵn để bốc họ trở lại thủ đô Washington.

Pitt còn ở lại với Tiến sĩ Hatheld và toán thủy quân lục chiến. Họ thận trọng đóng gói những cỗ vật r ồi tất cả sẽ lên một trực thăng đến một chiếc tàu nghiên cứu biển sâu của NUMA vừa ghé qua đảo St.Paul. Tiến sĩ Hatheld chỉ lẫn quẩn bên những xác ướp, cẩn thận bọc chúng trong những tấm chăn lấy từ chiếc tàu r ồi thận trọng đặt vào những thùng gỗ để đem về phòng thí nghiệm của ông ta tại Đại học Stanford.

Sau khi xác ướp cuối cùng được đưa lên trực thăng của NUMA, ông Hatheld hộ tống chúng và những cỗ vật trên chuyến bay ngắn đến chiếc tàu. Pitt quay lại và bắt tay Trung úy Jacobs. “Cám ơn cậu đã giúp đỡ, Trung úy, và xin chuyển lời cám ơn của tôi đến người của cậu. Chúng tôi sẽ không bao giờ làm xong chuyện này nếu không có các cậu”.

“Chúng tôi đâu có nhiều cơ hội tham gia hộ tống những xác ướp như lần này”, Jacobs nói và mỉm cười. “Hầu như tôi đã tiếc là bọn khùng bố đã không tìm cách lấy cắp những xác ướp đó”.

“Tôi không nghĩ bọn chúng là những tên khùng bố, theo nghĩa đen của từ này”.

“Một kẻ giết người vẫn là một kẻ giết người, dù gọi bằng cách nào”.

“Cậu có trở về Mỹ không?”

Jacobs gật đầu. “Chúng tôi được lệnh hộ tống để những xác ướp không bị tấn công, vì vậy, theo yêu cầu của các bạn ông, tôi phải đưa những xác ướp về Washington để họ nghiên cứu và xác định nguồn gốc của chúng”.

“Chúc các cậu may mắn”, Pitt nói.

Jacobs đưa tay chào. “Có thể chúng ta sẽ gặp lại tại một nơi nào đó”.

“Nếu vậy, tôi hy vọng nơi đó sẽ là một bãi biển tại Tahiti”.

Pitt đứng im trong cơn mưa phùn không bao giờ dứt, ngắm chiếc máy bay Marine Osprey cánh quạt nghiêng đứng lơ lửng trên bầu trời một lúc, cho đến khi nó mất hút sau một đám mây thấp. Giờ đây anh là kẻ duy nhất còn lại trên hòn đảo.

Anh quay lại căn hầm mộ lúc này trống rỗng và nhìn lần cuối lên tấm bản đồ địa cầu khắc trên vách đá phía trong. Tấm thảm che đỡ được mang đi, và Pitt chiếu cây đèn bấm lên những bức hải đồ cổ xưa.

Ai là những chuyên gia cổ đã vẽ những bản đồ Trái Đất chính xác đến độ khó tin như thế từ nhiều thiên niên kỷ trước? Làm sao họ có thể vẽ bản đồ Nam Cực lúc nó chưa bị chôn vùi dưới lớp băng mênh mông? Lục

địa miền cực nam này có khí hậu ấm áp hơn trong nhiều ngàn năm trước? Và liệu lúc đó vùng xa xôi này có người ở không?

Bức tranh về một Nam Cực không có băng không phải là đi đầu phi lý duy nhất. Pitt đã không đá động tới đi đầu này với những người kia, nhưng anh rất thắc mắc về vị trí của những lục địa khác và châu Úc. Chúng không nằm đúng vị trí lẽ ra chúng phải như thế. Theo anh, có vẻ như châu Mỹ, châu Âu và châu Á được vẽ xa hơn hai ngàn dặm về phía bắc so với ngày nay. Tại sao những người cổ đại, đã tỏ ra khôn ngoan trong việc tính toán những bờ biển với sự chính xác như thế, lại đặt những châu lục nằm cách xa những vị trí đã được bố trí của chúng trên Trái Đất? Anh không sao trả lời được.

Những người đi biển này rõ ràng đã sở hữu một năng lực khoa học vượt xa những chủng tộc có những nền văn hóa và văn minh xuất hiện sau họ. Thời đại của họ cũng có vẻ ưu việt về nghệ thuật viết và thông tin hơn những thời kỳ khác ra đời trễ hơn họ nhiều ngàn năm sau. Loại thông điệp nào họ đã nỗ lực tìm cách lưu lại khắp nơi qua thời gian bằng cách khắc chạm trên đá? Một thông điệp của hy vọng, hay một lời cảnh báo, về những thảm họa tự nhiên sắp xảy ra?

Những ý nghĩ cứ loáng qua đầu óc Pitt đột ngột bị gián đoạn khi những âm thanh của cánh quạt và động cơ dội vào qua đường hầm, báo hiệu sự trở lại của chiếc trực thăng để mang anh về chiếc tàu nghiên cứu. Với cảm giác miễn cưỡng, anh dứt bỏ nghĩ ngợi và tắt ngọn đèn bấm, rời khỏi căn hầm tối tăm.

Không phí phạm thì giờ chờ đợi phương tiện vận tải của chính phủ, anh lấy vé của Hãng không Nam Phi, bay từ Cape Town đến Johannesburg, và từ đó bay thẳng về Washington. Anh ngủ suốt chuyến bay, chỉ đi bộ một lúc để duỗi chân căng khi máy bay đáp xuống quần đảo Canary để tiếp nhiên liệu. Lúc anh bước ra khỏi trạm đến của phi trường Dulles, đã gần nửa đêm. Anh thích thú và ngạc nhiên khi nhận ra một chiếc Ford mui trần đời 1936 đã hạ mui chờ sẵn bên vệ đường. Chiếc Ford trông giống một loại xe được xuất xưởng tại California trong thập niên 1950. Thân và cản xe sơn màu nâu quả mận sáng lấp lánh dưới ánh đèn của trạm đến. Những cản xe chế tạo theo mẫu khung của xe Desoto 1936. Những đĩa đệm mâm bánh xe phía trước giống như những cái khay tròn hình mặt trăng trong lúc

những mâm bánh xe sau có hình nan hoa. Ghế ng ồi được bọc da thú màu nâu nhạt. Chiếc xe nhỏ nhắn và trang nhã nhưng có một động cơ tám máy hình chữ V, 225 mã lực cực mạnh, và một hộp số với hệ thống truyền động rất nhạy.

Nếu chiếc xe không đủ sức làm cho những cái đ ầu phải quay lại, thì người phụ nữ ng ồi sau tay lái cũng đẹp không kém nó. Mái tóc dài màu nâu vàng được bảo vệ bởi một khăn quàng mỏng nhiều màu sắc để ngăn chặn những cơn gió nhẹ bên ngoài phi trường. Cô có hai gò má cao rất thời thượng, càng gợi cảm hơn với cặp môi đầy đặn, chiếc mũi ngắn và thẳng, và đôi mắt màu tím cuốn hút. Cô mặc một áo len cổ lọ màu nâu lá thu với cái quần dài bằng vải tuyết, tất cả được che phủ bởi cái áo khoác len dài tới gối.

Nữ dân biểu Loren Smith của bang Colorado nở nụ cười mời gọi. “Bao nhiêu lần rồi nhỉ, em lại thấy anh như lúc này để nói câu “chúc mừng về nhà, chàng thủy thủ” ?”

“Ít nhất tám lần, như anh có thể nhớ được”, Pitt nói, anh thật hạnh phúc với mối tình lãng mạn của mình. Sau bao nhiêu năm, cô vẫn dành thì giờ trốn khỏi sự bận bịu khủng khiếp của công việc để tới đón anh tại phi trường trên một trong những chiếc xe từ bộ sưu tập của anh.

Pitt ném cái túi vải vào sau lưng ghế, rồi chui vào ghế dành cho khách, nghiêng người hôn cô, giữ cô trong vòng tay thật lâu. Sau cùng, lúc anh buông cô ra và ng ồi thẳng lên, Loren thở hắt hắt lấy lại hơi thở. “Cẩn thận nào, em không muốn cuối cùng lại giống như Clinton”.

“Công chúng vỗ tay ca ngợi những hoạt động xã hội do các nữ chính trị gia chủ trương?”

“Ấy là anh nghĩ thế”, Loren nói, và cho chiếc xe lao tới. Những bánh xe rít trên mặt đường và tiếng động cơ gầm lên với hai làn khói nhẹ thoát ra sau xe. “Đi đâu, về nhà chứa máy bay của anh chứ?”

“Không, anh muốn em thả anh xuống trụ sở Tổng hành dinh NUMA một lúc để kiểm tra máy điện toán của anh và xem Yaeger quyết định gì về một dự án bọn anh đang theo đuổi”.

“Chắc chỉ có mỗi mình anh là gã độc thân duy nhất trên đời này không có máy tính riêng tại nhà mình”.

“Anh không muốn thiên hạ lảng vảng quanh nhà”, Pitt nói nghiêm chỉnh. “Anh có quá nhiều dự án khác phải tiến hành và không muốn phí phạm thời gian lướt qua trên internet và trả lời E-mail”.

Loren lái chiếc Ford vào đường cao tốc rộng thênh thang dẫn về thành phố. Pitt ng ắi im lặng, vẫn đắm chìm trong ý nghĩ khi đài tưởng niệm Washington hiện ra trong tầm nhìn, được soi sáng bởi những chùm ánh sáng từ chân tượng đài hắt lên. Loren hiểu anh quá đủ để im lặng trôi theo dòng xe cộ.

“Quốc hội có gì mới không?” Sau cùng anh hỏi.

“Ra về quan tâm nhĩ?” Cô trả lời tỉnh khô.

“Sao lại chán chường vậy?”

“Vẫn chưa tranh luận xong về vấn đề ngân sách”. R ắi giọng nói của cô trở nên dịu dàng hơn. “Em nghe nói ông Rudi Gunn bị thương khá nặng phải không?”

“Đã được giải phẫu xếp lại xương tại Nam Phi, cũng ổn r ắi. Rudi sẽ phải bò vài tháng, nhưng đi đâu đó cũng không ngăn nổi ông ta tới ng ắi sau bàn giấy để chỉ đạo những chiến dịch của NUMA”.

“Al nói anh đã trải qua một thời gian khốn đốn tại Nam Cực”.

“Không khốn đốn bằng hấn và ông Rudi trên đảo St.Paul đâu. Một hòn đảo trông chẳng khác gì một chu ồng thú”.

Anh quay sang nhìn cô với ánh mắt nghĩ ngợi r ắi hỏi, “Em nằm trong Hội đồng Giao dịch Thương mại Quốc tế phải không?”

“Vâng”.

“Vậy em biết bất kỳ tập đoàn lớn nào tại Argentina chứ?”

“Em đã tới đó vài lần và gặp gỡ các bộ trưởng tài chánh và thương mại của họ”. Cô trả lời. “Vì sao anh hỏi?”

“Em có bao giờ nghĩ về một tổ chức xưng danh là Vận Hội Mới hoặc Tập đoàn Đệ Tứ đế quốc?”

Loren suy nghĩ một lúc, “Có một lần em gặp Tổng giám đốc của Liên Xí nghiệp Vận Hội. Nếu em nhớ không lầm, tên ông ta là Karl Worf”.

“Vụ đó xảy ra lâu chưa?” Pitt hỏi.

“Khoảng bốn năm”.

“Em có trí nhớ rất tốt về tên người”.

“Karl Worf là một gã đẹp trai và thanh lịch, một người đàn ông thực sự duyên dáng. Phụ nữ khó quên được những anh chàng như vậy”.

“Nếu thế, tại sao em cứ quẩn bên anh?”

Cô ném cho anh một cái liếc mắt kèm theo một nụ cười khiêu khích. “Phụ nữ cũng bị cuốn hút bởi những gã tầm thường, thô lỗ và nhục dục mà”.

“Thô lỗ và nhục dục chính là anh”, Pitt quàng cánh tay quanh người Loren và cắn vào tai cô.

Cô né đầu sang một bên. “Chớ bồm sồm lúc em lái xe”.

Anh bóp nhẹ đầu gối cô với cử chỉ trù mến và thư giãn trên ghế ng ồi, nhìn lên những vì sao lấp lánh, sống động trong một đêm mùa xuân, xuyên qua những cành cây lung linh trên đầu với những lá non bắt đầu lú ra. Karl Wolf. Cái tên lại hiện ra trong đầu anh. Một cái tên Đức nghe thật hay, anh nghĩ. Liên Xí nghiệp Vận Hội đáng để anh ghé mắt vào lắm chứ, thậm chí dù nó có thể là một nơi đầy đe dọa.

Loren lái xe thật vững vàng, khéo léo qua mặt những chiếc xe ít ỏi còn sót lại vào giờ này buổi sáng sớm, r ồi rẽ vào lối đi nhỏ dẫn vào h ần đậu xe của Tổng hành dinh NUMA. Một nhân viên an ninh bước ra khỏi trạm gác. Khi nhận ra Pitt, anh ta vẫy tay cho chiếc xe đi qua, không giấu được sự ngưỡng mộ khi nhìn chiếc xe Ford cổ. Trong h ần đậu xe lúc này chỉ có ba chiếc xe khác. Cô dừng chiếc xe gần những thang máy, tắt đèn và động cơ.

“Muốn em lên cùng anh không?” Loren hỏi.

“Anh chỉ vắng mặt vài phút thôi”, Pitt nói và ra khỏi xe.

Anh sử dụng thang máy trong hành lang chính, tại nơi nó tự động dừng để anh ký vào một cuốn sổ tại bàn người nhân viên an ninh. Chung quanh là một loạt những màn hình TV theo dõi những nơi khác của tòa cao ốc.

“Làm việc trễ?” người gác vui vẻ hỏi.

“Chỉ ghé qua thôi”, Pitt trả lời, cố kìm một cái ngáp.

Trước khi dùng thang máy lên văn phòng mình, linh cảm bảo Pitt phải ghé qua tầng 10. Đúng như trực giác mách bảo, Hiram Yaeger vẫn còn để đèn sáng. Anh ta ngược nhìn lên lúc Pitt bước vào gang sơn riêng của anh ta, cặp mắt đỏ tím vì thiếu ngủ. Max đang nhìn ra từ màn hình.

“Chào Dirk”, anh ta nói khẽ, đứng lên và bắt tay Pitt. “Tôi không nghĩ ông lại lang thang tới đây vào giờ này”.

“Tôi hy vọng có thể thấy những gì cậu và Tiến sĩ O’Connell đã đào bới được từ những di chỉ cổ”. Anh tỏ ra thực sự quan tâm.

“Tôi chúa ghét những gì chưa rõ ràng”, Max nói.

“Phần việc của bạn vậy là đủ r ồi”, Yaeger nói với giọng châm chọc. R ồi quay sang Pitt. “Tôi đã đặt bản phúc trình về phát hiện sau cùng của chúng tôi trên bàn giấy Đô đốc Sandecker vào lúc mười giờ đêm qua”.

“Tôi sẽ mượn nó và trả lại vào sáng nay”.

“Chớ vội. Ông ấy sẽ họp với giám đốc Trung tâm Khí quyển và Đại dương Quốc gia cho tới trưa”.

“Cậu cũng nên về nhà với bà xã và mấy cháu đi”, Pitt cười.

“Tiến sĩ O’Connell đã làm việc với tôi rất trễ”, Yaeger nói, vừa xoa cặp mắt mệt mỏi. “Bà ấy vừa về thì ông đến”.

“Từ Cape Town về là cô ấy đến làm việc với cậu ngay, chẳng nghỉ ngơi gì sao?” Pitt ngạc nhiên hỏi.

“Một phụ nữ rất cừ. Nếu chưa lấy vợ, chắc tôi sẽ ném cái nón của mình vào vòng tay bà ấy quá”.

“Cậu thì lúc nào cũng bị các phụ nữ trí thức chinh phục mà”.

“Trí tuệ là bà chúa của nhan sắc, tôi luôn nói như vậy”.

“Cậu có gì dành cho tôi không, trước khi tôi đọc tờ phúc trình của cậu?” Pitt hỏi.

“Có, một câu chuyện thật lạ lùng”, Yaeger có vẻ trầm ngâm.

“Tôi sẽ tham gia chứ?” Max xen vào.

“Đây là một trao đổi riêng tư”, Yaeger cúi với ảnh của Max trên màn hình trước khi ngắt mạch. Anh ta đứng lên, vươn vai.

“Những gì chúng tôi phát hiện được là một câu chuyện khó tin về một chủng tộc toàn là những người đi biển đã sống trước khi loài người có lịch sử, và họ đã bị tiêu diệt gần hết sau khi một sao chổi đâm vào Trái Đất, tạo ra những đợt sóng khổng lồ nhấn chìm toàn bộ những thành phố cảng họ đã xây dựng tại hầu hết những xó xỉnh của thế giới. Họ đã sống và chết trong một thời kỳ bị quên lãng và trong một thế giới khác hẳn những gì chúng ta biết ngày nay”.

“Lần cuối cùng khi tôi nói chuyện với Đô đốc, ông ấy không đá động gì tới huy hiệu thoại Atlantis cả?”

“Lục địa bị mất tích giữa Đại Tây Dương không phù hợp với hình ảnh này”, Yaeger nói nghiêm chỉnh. “Nhưng không thể chối cãi đã có một số những quốc gia chuyên đi biển tồn tại và họ đã dong buồm khắp các đại dương và vẽ bản đồ các châu lục”.

Anh ta dừng lại và nhìn Pitt. “Những tấm ảnh Tiến sĩ Pat O’Connell chụp những chữ khắc và bản đồ thế giới trong căn hầm mộ trên đảo St. Paul đang nằm tại phòng thí nghiệm. Tất cả đều sẵn sàng để tôi quét vào máy điện toán vào sáng nay”.

“Họ đã vẽ vị trí những lục địa khác xa với hình dáng Trái Đất ngày nay”, Pitt nói.

Cặp mắt đầy những gân máu của Yaeger lộ vẻ nghi ngờ. “Tôi bắt đầu nhận ra có một cái gì đó còn thảm khốc hơn sẽ thế chỗ cho sự kiện một sao chổi đâm vào Trái Đất. Tôi đã quét vào máy tính những dữ liệu địa chất mà người của tôi đã tích lũy từ hơn mười năm qua. Thời kỳ băng hà chấm dứt hoàn toàn đột ngột, kết hợp với những đợt thủy triều khủng khiếp của biển cả. Ngày nay mặt biển cao hơn ba trăm bộ so với chín ngàn năm trước”.

“Nếu thế thì bất kỳ công trình xây dựng nào, hoặc dấu vết nào của dân chúng trên châu lục Atlantis dọc các bờ biển đều bị chôn vùi dưới nước”.

“Đó là chưa nói tới chuyện bị chôn sâu dưới bùn”.

“Họ tự gọi mình là cư dân của châu lục Atlantis à?” Pitt hỏi.

“Tôi không tin họ hiểu ý nghĩa từ ngữ đó”, Yaeger trả lời. “Trong ngôn ngữ Hy Lạp, Atlantic có nghĩa là con gái của Atlas. Theo Plato từ ngữ này bắt đầu được hiểu là “thế giới” trải qua các thời kỳ trước khi loài người bắt đầu có sử, hoặc còn được gọi là nền văn minh trước đại hồng thủy. Ngày nay, bất kỳ người nào biết đọc, và hầu hết những người không biết đọc, đều hiểu biết về châu Atlantis. Mọi thứ, từ những khách sạn an dưỡng, những tập đoàn công nghệ và tài chính, những cửa hàng bán lẻ và những bể bơi công cộng cho tới hàng ngàn sản phẩm khác, gồm cả các loại nhãn hiệu rượu vang và thực phẩm đều mang tên Atlantis. Không kể đến những bài báo và những cuốn sách đã viết về lục địa mất tích này, và nó còn là đề tài của truyền hình và điện ảnh nữa. Nhưng cho tới nay, chỉ những ai tin vào ông già Nôen, vào những vật thể bay lạ lùng và những gì siêu nhiên, mới nghĩ nó không đơn giản chỉ là một câu chuyện hư cấu do Plato tạo ra”.

Pitt bước về phía cánh cửa rồi quay lại, “Tôi tự hỏi người ta sẽ nói gì khi họ khám phá có một nền văn minh như thế thực sự tồn tại”.

Yaeger mỉm cười. “Nhiều người sẽ nói “Tôi đã bảo mà”.

Lúc Pitt rời Yaeger và ra khỏi thang máy để tới khu văn phòng đi đầu hành của NUMA, anh không thể không lưu ý những bóng đèn trong hành

lang dẫn tới dãy phòng của Đô đốc Sandecker đã bị giảm ánh sáng đến mức thấp nhất. Điều lạ lùng là chúng vẫn còn sáng, nhưng anh hình dung có thể có vô số lý do làm cho ánh sáng đó yếu đi. Tại cuối hành lang, anh đẩy cánh cửa gương mở ra để vào tiền sảnh bên ngoài dãy phòng và phòng họp riêng phía trong. Lúc Pitt bước vào và đi qua bàn giấy của Julie Wolf, thư ký của ông Đô đốc, anh ngửi thấy mùi nước hoa rất đặc trưng của hoa cam.

Anh dừng lại tại ngưỡng cửa mò mẫm tìm công tắc đèn. Đúng lúc đó, một bóng người từ bóng tối lao ra và cong người đâm bổ vào Pitt. Đã quá trễ, anh trở cứng lúc cái đầu của kẻ tấn công đâm thẳng vào dạ dày. Anh chộp kẻ tấn công lúc họ đụng nhau, nhưng Pitt thực sự ngạc nhiên khi cánh tay anh dễ dàng bị đánh bật ra. Anh dọi lui, vẫn còn đứng nhưng gập đôi thân hình lại, và nhe răng thở.

Pitt hỗn hển, một tay ôm ngang bụng, anh tìm thấy công tắc đèn và bật lên. Đảo mắt về phía bàn giấy của ông Đô đốc và anh hiểu ngay mục đích của kẻ xâm nhập. Ông Sandecker là một người cu ồng tín trong việc giữ cho bàn giấy lúc nào cũng gọn gàng. Giấy tờ và hồ sơ được sắp xếp cẩn thận trong một ngăn kéo vào mỗi buổi tối trước khi ông rời văn phòng để về căn hộ của mình tại khách sạn Watergate. Trên mặt bàn trống trơn, chẳng thấy tờ trình nào của Yaeger về những người đi biển thời cổ đại.

Anh có cảm giác như dạ dày đang bị bóp nghẹt bởi một bàn tay khổng lồ, nhưng vẫn cố chạy về phía những thang máy. Cái thang máy có tên trộm trong đó đã xuống dưới, cái còn lại đang nằm ở tầng trệt. Anh nhấn những cái nút như một gã điên và chờ đợi, hít vào từng hơi thật sâu để lấy lại hơi thở. Cửa thang máy mở ra và Pitt lao vào, nhấn cái nút dẫn tới tầng hầm đậu xe. Thang máy xuống nhanh không ngừng. Tạ ơn trời vì người ta đã nghĩ ra loại thang máy Otis này, Pitt nghĩ.

Anh phóng qua cửa thang máy trước khi nó mở hết cỡ và chạy về phía ánh sáng đỏ từ hai bóng đèn sau đuôi của chiếc xe vừa mất hút ở lối ra của tầng hầm. Anh mở cửa xe chỗ tay lái, đẩy Loren qua bên kia rồi khởi động động cơ.

Loren nhìn anh với ánh mắt dò hỏi. “Chuyện gì gấp vậy?”

“Em có thấy một gã đàn ông vừa mới thoát ra không?” anh hỏi, vừa cài số và nhấn mạnh chân ga.

“Không phải đàn ông mà là một phụ nữ mặc một áo lông đất tiền bên ngoài cái quần da”.

Loren vốn rất để ý đến những thứ như vậy, Pitt nghĩ, trong lúc động cơ chiếc Ford gầm rú và những lớp xe để lại hai vệt cao su trên mặt sân hần đậu xe kèm theo những tiếng rít chói tai. Vọt qua khỏi lối ra, anh đạp thắng và chiếc xe khựng lại ngay trạm gác. Người nhân viên an ninh đang đứng một bên lề đường, nhìn về phía đường cao tốc.

“Chúng theo lối nào?” Pitt hỏi lớn.

“Vọt qua trước khi tôi kịp chặn chúng lại”, anh ta trả lời, chưa hết bàng hoàng. “Queo hướng nam lên đường cao tốc. Tôi gọi cảnh sát chứ?”

“Gọi đi!” Pitt cầu nhàu vừa lao xe ra, vào đường cao tốc và hướng về phía Công viên Đài tưởng niệm Washington chỉ cách đó một khối nhà. “Loại xe gì?” Anh hỏi Loren.

“Một chiếc Chrysler đợt 300M màu đen, động cơ 253 mã lực. Nó đạt vận tốc từ số không đến tám mươi kilômét giờ chỉ trong tám giây”.

“Em biết những chi tiết được kê khai của nó?”

“Em biết”, Loren thản nhiên trả lời. “Em sở hữu một chiếc mà, anh quên rồi à?”

“Nó trượt qua đầu óc anh lúc này”.

“Con ngựa già này của anh có động cơ bao nhiêu mã lực?”

“Khoảng 225”, Pitt trả lời, vừa nhìn theo hai bóng đèn đỏ của chiếc Chrysler đang vào công viên.

“Anh bị chúng nó bỏ rơi rồi”.

“Mụ ăn trộm của chúng ta có thể đạt vận tốc tối đa cao hơn, nhưng anh có thể đuổi kịp mụ ta”.

Chiếc xe Ford gầm rú tăng tốc. Kim đồng hồ chỉ tốc độ trên bảng kiểm soát sau tay lái gần đúng con số 150 kilômét giờ khi Pitt đẩy cần số đến số lớn nhất và anh nhấn hết chân ga. Vòng quay của động cơ lập tức đạt đỉnh trong lúc chiếc xe vượt qua tốc độ 160 kilômét giờ.

Xe cộ tương đối thừa thớt vào lúc một giờ sáng một ngày bình thường trong tuần lễ. Và Pitt nhanh chóng nhận ra chiếc Chrysler 300M màu đen dưới ánh sáng những bóng đèn trên cao của công viên hắt xuống, và anh bắt đầu bắt kịp nó. Người lái xe đã vượt tốc độ qui định 30 km/giờ nhưng vẫn không giảm vận tốc. Chiếc Chrysler queo vào một con đường nhỏ không một chiếc xe, về bên tay phải. Có vẻ như nó muốn tránh gặp cảnh sát hơn là lo sợ có thể bị một chiếc xe nào đó từ tòa cao ốc NUMA đuổi kịp nó.

Lúc chiếc Ford còn cách chiếc Chrysler khoảng ba trăm mét, Pitt bắt đầu chạy chậm lại, cố ý không để chiếc xe kia nhận ra nó đang bị bám sát. Khi anh bắt đầu cảm thấy tự tin hoàn toàn và nghĩ con mồi không lưu ý đến anh, thì chiếc Chrysler đột ngột đổi hướng để lên cầu Francis Scottkey. Khi qua tới bờ bên kia của con sông Potomac, nó lại quặt trái rồi lao thẳng về khu dân cư của thành phố Georgetown, sau đó quẹo nhanh tại một khúc cua.

“Em nghĩ cô ta đã phát hiện anh đuổi theo”, Loren nói. Cô rùng mình vì cơn gió lạnh quét qua kính chắn gió.

“Mụ ta lém thật”, Pitt lẩm bẩm như một tay chơi đang thua một canh bạc. Anh bấu chặt tay lái và bẻ quặt nó đến hết vòng quay. Chiếc Ford đảo một góc chín mươi độ. “Thay vì chạy với tốc độ cao theo một đường thẳng, mụ ta lại chạy theo những khúc ngoặt với hy vọng giữ đủ khoảng cách cho tới lúc nào đó mụ ta có thể đổi hướng mà chúng ta không nhận thấy”.

Đúng là một trò mèo vờn chuột. Chiếc Chrysler vẫn liên tục đổi hướng. Chiếc Ford sáu mươi lăm tuổi vẫn bị bỏ lại sau đuôi nó khá xa dù lực gia tốc lớn hơn. Đã qua bảy khối nhà, và hai chiếc xe vẫn duy trì khoảng cách không đổi. Không gần nhau hơn cũng không xa hơn.

“Lại một trò mới”, Pitt nói, vẫn bấu chặt tay lái.

“Anh định làm gì đấy?”

Pitt liếc mắt nhìn cô, phì cười. “Lần đầu tiên anh chợt nhớ mình là kẻ bám đuôi”.

“Nếu cứ thế này, có lẽ đến sáng mai mèo vẫn chưa tóm được chuột”, Loren nói, bám chặt tay nắm cửa như thể cô đã sẵn sàng trong trường hợp xảy ra tai nạn.

“Hoặc một trong hai chiếc xe hết nhiên liệu”, Pitt nói, vừa quẹo gắt tại một khúc quanh.

“Chẳng phải chúng ta đã vòng qua khối này rồi sao?”

“Đúng thế”.

Lúc quẹo qua khúc đường tiếp theo, Pitt trông thấy hai bóng đèn thắng của chiếc Chrysler đột ngột lóe lên, khi nó bất chợt dừng lại trước một ngôi nhà bằng gạch tại một trong những khối nhà có hàng cây cao. Anh đạp thắng và chiếc xe dừng lại trên đường, ngay sau chiếc Chrysler, đúng lúc người lái chiếc xe kia biến mất qua cửa trước ngôi nhà.

“Cô ta không thể làm gì khác hơn chuyện phải bỏ cuộc”, Loren nói và chỉ về phía cuộn khói hơi nước bốc lên từ nắp ca pô chiếc Chrysler quanh bộ phận làm mát động cơ.

“Chưa chắc, trừ phi đây là một âm mưu”, Pitt nói trong lúc nhìn vào ngôi nhà tối om.

“Làm gì bây giờ, sê ríp? Gọi yểm trợ chứ?”

Pitt nhìn cô với ánh mắt lém lỉnh. “Không, em bước tới gõ cửa đi”.

Cô nhìn trả anh. Sự kinh ngạc lộ rõ trên nét mặt dưới ánh sáng lò mờ của trụ đèn gần đó. “Chuyện quỷ quái gì thế?”

“Anh biết em sẽ từ chối mà”. Anh mở cửa xe và bước xuống. “Đây là điện thoại cầm tay của anh. Nếu mười phút nữa anh không trở lại, hãy gọi cảnh sát và báo động cho Đô đốc Sandecker. Nếu có tiếng động hoặc động thái gì, dù nhỏ nhất, trong bóng tối, em phải thoát đi ngay, thật nhanh. Hiểu?”

“Tại sao mình không gọi cảnh sát ngay bây giờ, báo có kẻ trộm?”

“Bởi vì anh muốn tới đó sớm nhất”.

“Anh có vũ khí chứ?”

Pitt ngoác miệng cười.

“Có bao giờ em nghe nói người ta phải mang theo vũ khí khi dạo mát trên một chiếc xe đẹp lộng lẫy không?” Anh mở ngăn chứa đồ sau tay lái và lấy ra cây đèn bấm. “Chỉ với cái này cũng đủ chán”. Rồi anh chồm vào trong xe, hôn cô và biến mất trong bóng tối bao quanh tòa nhà.

Pitt không dùng tới cây đèn bấm. Ánh sáng từ thành phố và đèn đường chiếu tới vẫn đủ sáng để anh thấy rõ lối đi rải đá dẫn tới sau nhà. Tối tăm và yên lặng. Những gì anh quan sát được là một khoảnh sân rộng được chăm sóc và bảo quản tốt. Những bức tường gạch cao phủ đầy dây trường xuân ngăn cách ngôi nhà này với những nhà bên cạnh cũng tối tăm như thế. Có lẽ chủ nhân các ngôi nhà đều đang ngon giấc trên những chiếc giường êm ấm của họ.

Pitt chắc chắn đến chín mươi phần trăm là tòa nhà có một hệ thống an ninh, nhưng cho tới lúc này anh vẫn chưa thấy xuất hiện lũ chó khát máu, và anh bất chấp những hành động tấn công lén lút. Anh hy vọng cô ả ăn trộm và những đồng bọn của ả sẽ lộ diện. Chờ tới lúc đó anh sẽ đối phó tùy theo hoàn cảnh. Anh đến chỗ cửa sau và ngạc nhiên khi nhận ra nó đã mở sẵn. Quá trễ. Anh nhận ra cô ả đã vào nhà bằng cửa trước và thoát ra theo cửa sau. Anh vội vàng chạy tới nhà để xe nằm phía sau một lối đi hẹp.

Bất chợt trong bóng đêm yên lặng bỗng vang lên tiếng gầm rú của động cơ xe mô tô. Pitt mở tung cửa nhà để xe và lao vào. Hai cửa sau nhà xe đã bật mở ra phía ngoài trên những bản lề. Một bóng người mặc áo khoác đen và quần da, mang giày boots, ngồi trên chiếc mô tô đã nổ máy và chuẩn bị cài số để phóng đi, đúng lúc Pitt nhảy tới và lao vào sau lưng người lái xe, quấn cánh tay quanh cổ cô ta, và cả hai rơi xuống vòm một bên chiếc xe.

Pitt thấy rõ là sự quan sát của Loren thật chính xác. Thân thể người lái xe chưa đủ nặng như cơ thể một người đàn ông, anh cũng không có cảm giác nó thô cứng. Họ đập mạnh xuống sàn nhà xe, Pitt nằm đè lên trên. Chiếc mô tô quay nằm nghiêng một bên, và xoay tròn, bánh xe và vỏ xe sau cọ xát trên mặt sàn trước khi công tắc điện ngắt mạch và động cơ xe dừng lại. Đĩa quay còn tiếp tục đẩy chiếc xe đập mạnh vào những cơ thể đã nhàu nát nằm trên sàn. Bánh xe trước đập vào đầu cô ả lái xe trong lúc tay lái đánh vào hông Pitt, tuy không làm gãy xương nhưng để lại cho anh một vết bầm lớn chắc phải mất vài tuần mới khỏi.

Anh đau đớn quì lên trên hai đầu gối và trông thấy cây đèn bấm vẫn còn sáng nằm ngay ngưỡng cửa, nơi anh đánh rơi nó. Anh bò tới và nhặt nó lên rồi chiếu ngọn đèn vào cái xác bất động nằm bên cạnh chiếc mô tô. Cô ả không có thì giờ để đội nón bảo hộ, để lộ cái đầu với mái tóc dài màu hoàng kim. Anh lật ngửa và rơi đèn lên mặt cô ta.

Một vết bầm bắt đầu thành hình trên xương lồng ngực cô ả nhưng không làm hỏng đường nét gương mặt. Bánh xe trước va mạnh làm cô ta bất tỉnh nhưng vẫn còn sống. Pitt thực sự bàng hoàng, đến nỗi cây đèn bấm suýt rơi khỏi bàn tay anh đến lúc này mới bắt đầu run rẩy.

Ngành y đã chứng tỏ dòng máu lưu hành trong cơ thể không bao giờ lạnh, trừ phi người ta tiêm nước băng giá vào động mạch. Nhưng lúc này Pitt cảm thấy dù tim anh vẫn đập để bơm máu nhưng máu của anh đang ở hai độ dưới số không. Cơn sốc làm anh rung lắc trên hai đầu gối, bầu không khí trong nhà xe đột ngột trở nên nặng nề cùng với cảm giác khủng khiếp trào lên trong anh. Pitt không lạ gì với kẻ đang nằm bất tỉnh trước mắt anh.

Không một dấu hiệu thắc mắc nào trong óc Pitt, nhưng rõ ràng anh đang nhìn một gương mặt giống như tạc với gương mặt người phụ nữ đã chết và đã vờ vai anh trong xác chiếc tàu ngầm chìm dưới đáy biển Nam Cực.

Không như hầu hết những viên chức chính phủ cao cấp thuộc bộ phận hành động, Đô đốc James Sandecker luôn đến sớm nhất trong những cuộc họp hội thảo. Ông thích ngồi sẵn tại chỗ dành cho mình với những hồ sơ các dữ liệu để chuẩn bị đi đầu khiến buổi họp trong một cung cách có hiệu quả. Đó là thói quen ông đã tạo cho mình khi chỉ huy những chiến dịch trong hải quân.

Dù ông có một phòng họp rộng lớn tại trụ sở sẵn sàng để sử dụng trong việc tiếp những vị khách quyền cao chức trọng, những nhà khoa học và các viên chức chính phủ, ông vẫn thích căn phòng làm việc nhỏ hơn nằm cạnh văn phòng ông dành cho những vụ gặp gỡ riêng tư và thân mật. Căn phòng là một nơi trú ẩn trong một nơi trú ẩn đối với ông, một nơi yên tĩnh và tạo cảm giác thanh thản. Một bàn họp mười hai bộ trải dài tròn tẩm thảm lót màu ngọc lam, chung quanh là những ghế ngồi bọc da mịn. Cái bàn được đóng bằng những ván gỗ từ một chiếc tàu thế kỷ mười chín đã bị chìm dưới đáy hồ Erie. Những tấm pa nô bằng gỗ dái ngựa phô bày một chuỗi những bức tranh mô tả những trận hải chiến trong lịch sử hàng hải.

Ông Sandecker đi đầu hành NUMA như một nhà độc tài nhân từ, với một bàn tay siết chặt và một tấm lòng cởi mở trước lỗi lầm của thuộc cấp. Ông được vị tổng thống tiền nhiệm cất nhắc giao cho ông thành lập cơ quan Hoạt động Dưới Nước và Hàng hải quốc gia (NUMA) từ buổi đầu. Ông đã xây dựng một đội ngũ nhân viên đến hai ngàn người và thực hiện những chiến dịch thám hiểm khoa học đến mọi đỉnh núi và thung lũng dưới đáy biển. NUMA được cả thế giới nể phục vì những dự án khoa học của nó và ngân sách nó đòi hỏi ít khi bị quốc hội từ chối.

Là một người ham mê thể dục nên ở vào cái tuổi sáu mươi hai, cơ thể ông không có một chút mỡ thừa nào. Ông cao chưa tới một mét bảy, với đôi mắt màu nâu sáng, mái tóc đỏ như lửa và bộ râu nhọn kiểu Thổ Nhĩ Kỳ. Thịnh thoảng ông mới uống rượu. Hầu hết trong những bữa tiệc tại Washington. Tội lỗi lớn nhất của ông là thói đam mê những điều xì gà vừa bự vừa thơm lừng, do một gia đình nhỏ tại Cộng hòa Dominica đích thân chọn và tẩm lá thuốc và quấn theo kiểu đặc biệt của họ. Không bao giờ ông mời khách loại xì gà này, nhưng chỉ nổi cáu và thất vọng cùng cực vì ông

thường bắt gặp anh chàng người Ý Giordino hút đúng những điếu xì gà đó nhưng ông lại không bao giờ phát hiện được việc ông bị ăn cắp.

Ông Đô đốc đang ngồi tại cuối bàn họp, và đứng lên lúc Pitt và Tiến sĩ Pat O'Connell bước vào phòng. Ông bước tới và đón Pitt như một đứa con trai của ông, bắt tay trong lúc bàn tay kia bấu chặt vai anh. “Rất vui thấy cậu”.

“Luôn luôn là một niềm vui lại được về nhà mình”, Pitt đáp trả, cười thật tươi. Ông Đô đốc không khác gì người cha thứ hai của anh, và họ rất gần bó.

Ông Sandecker quay sang Pat. “Xin mời ngài, bà Tiến sĩ. Tôi thực sự lo lắng khi biết bà và Hiram quá bận rộn vì tôi”.

Al Giordino và Hiram Yaeger cũng vừa bước vào, theo sau là Tiến sĩ John Stevens, một sử gia nổi tiếng và là tác giả nhiều cuốn sách viết về công trình nghiên cứu và xác định lý lịch các cổ vật. Ông ta mặc một cái áo len không tay bên trong một áo khoác thể thao, từ túi áo trước ngực lộ ra một cái túi thuốc lá bằng đá bọt. Ông ta có một lối hếch cái đầu lên cứ như một con chim cổ đỏ đang lắng nghe một con sâu cựa mình dưới bụi cỏ. Ông ta mang theo một cái hộp lớn đựng nước đá và đặt cái hộp bên cạnh ghế ngồi của ông, trên tấm thảm.

Ông Sandecker đốt một điếu xì gà và nhìn Giordino như có vẻ chờ người chuyên gia của mình cũng đốt một điếu. Giordino quyết định không chọc giận ông chủ và cố tỏ ra là một anh chàng tử tế hơn bao giờ hết.

Pitt không thể không nhận ra nét mặt căng thẳng và mệt mỏi quá độ của Yaeger và Pat.

Ông Yaeger mở đầu buổi thảo luận bằng cách hỏi mọi người có muốn biết kết quả nghiên cứu của Pat và Yaeger không. Tất cả im lặng gật đầu, trừ Giordino. “Tôi cho rằng đọc những câu chuyện khoa học giả tưởng Isaac Asimov hoặc của Ray Bradbury có lẽ còn thú vị hơn”, anh ta nói.

Yaeger ném cho Giordino một ánh mắt thương hại, “Tôi bảo đảm với ông rằng đây không phải là những chuyện khoa học giả tưởng”.

“Các bạn đã khám phá những chủ nhân của những hình chạm khắc này tự xưng họ là chủng tộc gì chưa?” Pitt hỏi “Nền văn minh của họ còn có tên gì khác ngoài tên Atlantis?”

Pat mở một hồ sơ đặt trên bàn họp trước mặt cô và lấy ra một tờ giấy từ cuốn sổ ghi chép và nhìn vào những dòng chữ viết, “Theo như những gì tôi giải mã được và đã dịch sang tiếng Anh thì những người đi

biển này gọi tất cả những xứ sở thành phố biển của họ là Amenes phát âm là Amenees”.

“Amenes”, Pitt thông thả lặp lại. “Nghe như tiếng Hy Lạp”.

“Tôi đã tìm hiểu một số từ ngữ rất có thể là nguồn gốc của những thuật ngữ trong ngôn ngữ Hy Lạp và Ai Cập sau này”.

Ông Sandecker vung bàn tay cầm đoạn cuối điều xì gà về phía nhà sử học. “Thưa Tiến sĩ Stevens, tôi nghĩ ông đã quan sát những hộp sọ bằng nham thạch?”.

“Vâng”, ông Stevens cúi xuống mở cái hộp và lấy ra một trong hai cái hộp sọ và đặt nó trên một cái gối lụa lớn trên mặt bàn họp. Chất nham thạch bóng loáng sáng lấp lánh dưới ánh đèn trên trần chiếu xuống. “Một tác phẩm thực sự đáng để người ta quan tâm”, ông ta nói với vẻ kính trọng. “Những thợ thủ công Amenes đã bắt đầu với một khối nham thạch rất cứng rắn - một loại vật chất hoàn toàn thô thiển, không thể tưởng tượng - và rất hiếm. Trải qua một thời kỳ ít nhất là từ chín mươi đến một trăm năm, và có lẽ lâu hơn, cái hộp sọ mới được định hình bằng bàn tay người và họ dùng loại phương tiện tôi nghĩ là bụi nham thạch như là thứ để mài bóng cái sọ”.

“Tại sao không dùng một loại đục bằng kim loại cứng để đục nhẹ với một cái chày vồ?” Giordino hỏi.

Tiến sĩ Stevens lắc đầu. “Không có dụng cụ nào kham nổi. Tuyệt nhiên không có dấu hiệu của một vết rạch hoặc vết trầy xước. Chất nham thạch tuy là loại vật chất vô cùng cứng rắn nhưng lại rất giòn và dễ vỡ. Một khi nó bị đục, chỉ một góc cạnh sai lệch nhỏ của cái đục cũng sẽ làm toàn bộ cái sọ vỡ toang. Không, hình dáng và độ bóng đã được hình thành như thể một khối đá cẩm thạch được khéo léo đánh bóng bằng thứ mỡ chùi bóng xe”.

“Nếu dùng phương tiện hiện đại thì phải mất bao lâu mới hoàn thành một hộp sọ như thế?”

Ông Stevens cười nhẹ, “Với kỹ thuật hiện đại, người ta hầu như không thể tạo được một bản sao như thế một cách chính xác. Càng nghiên cứu nó, tôi càng bị thuyết phục là nó không thể tồn tại”.

“Có dấu vết nào để dùng làm nền tảng truy ra nguồn gốc của nó không?”, ông Sandecker hỏi.

“Không một dấu vết”, ông Tiến sĩ trả lời. “Nhưng cho phép tôi chỉ cho quý vị một chi tiết thực sự gây kinh ngạc”. Với sự thận trọng tối đa,

ông ta chậm rãi làm một động tác vặn, trong lúc nhấc nửa phần trên cái hộp sọ lên cho tới khi nó rời ra. Tiếp theo, ông ta tháo rời phần hình cầu phía trên ra khỏi hộp sọ. Nhẹ nhàng nâng nó trong hai bàn tay, ông đặt nhẹ lên một miếng đệm đã đặc biệt chuẩn bị sẵn. “Tôi hoàn toàn không thể tưởng tượng được mức độ nghệ thuật tinh vi họ dùng để tạo ra một đồ vật lạ lùng đến thế”, ông nói với vẻ thán phục. “Chỉ khi khảo sát cái hộp sọ bằng loại kính lúp cực mạnh, tôi mới phát hiện một đường rãnh bằng phẳng quanh cái sọ mà mắt thường không tài nào nhận ra”.

“Thật phi thường”, Pat thì thầm trong trạng thái bàng hoàng.

“Có dấu vết chạm khắc nào trên phần hình cầu không?” Pitt hỏi ông Stevens.

“Có, đó là một bức tranh minh họa hình thể Trái Đất được chạm trổ tỉ mỉ. Nếu ông muốn xem nó kỹ hơn, tôi có một kính lúp”.

Ông ta đưa cho Pitt một kính phóng đại rất dày. Anh rà cái kính trên những đường nét chạm trên hình cầu có kích cỡ như một quả bóng chày. Sau một phút, anh thận trọng đẩy cái hình cầu qua mặt bàn đến trước mặt ông Sandecker và đưa cho ông cái kính lúp.

Trong lúc ông đồ đạc quan sát cái hình cầu, ông Stevens nói. “Bằng cách so sánh những hình chụp trong căn hầm tại Colorado với những tấm ảnh trên đảo St. Paul, tôi nhận ra những lục địa này hoàn toàn khớp với bức tranh minh họa trên hình cầu nham thạch này”.

“Ý nghĩa?” Ông Sandecker hỏi.

“Nếu ngài nghiên cứu vị trí những lục địa và những đảo lớn như Greenland và Mozambique, ngài sẽ nhận ra chúng không giống hình thể địa lý Trái Đất ngày nay”.

“Tôi cũng nhận ra những khác biệt đó”, Pitt nói.

“Đi đâu đó chứng tỏ cái gì chứ?” Giordino hỏi, vẫn đóng vai kẻ hoài nghi. “Nếu không phải đó là một bản đồ sai bét vào thời kỳ sơ khai?”

“Sơ khai? Đúng. Sai bét? Có lẽ theo tiêu chuẩn hiện đại. Nhưng tôi cực lực ủng hộ lý thuyết cho rằng những chủng người cổ đại này đã dong buồm khắp các mặt biển trên Trái Đất và đã vẽ bản đồ hàng ngàn dặm bờ biển. Nếu ông nhìn kỹ cái hình cầu nham thạch, ông có thể thấy thậm chí họ còn xác định được vị trí của châu Úc, Nhật Bản và Ngũ đại hồ ở Bắc Mỹ. Tất cả những chuyện này đều được thể hiện bởi một chủng tộc sống từ trên chín ngàn năm trước”.

“Không giống như chủng tộc Atlantis được Plato mô tả đã tồn tại trên một hòn đảo đơn độc hoặc một lục địa”, Pat góp ý, “những người Amenes tham gia vào việc thương mại trên khắp Trái Đất. Họ đã tới những nơi rất xa mà những nền văn minh rất lâu sau đó vẫn không tới được. Họ không bị hạn chế bởi những cổ tục hoặc nỗi sợ hãi về những đại dương chưa biết. Những chi tiết được chạm trổ về những hải trình và mạng lưới thương mại bao la của họ đã đưa họ vượt qua Đại Tây Dương, ngược dòng con sông St. Lawrence tới tận Michigan, tại đây, họ khai thác mỏ đồng, và tới tận Bolivia và quần đảo Anh để khai thác quặng thiếc, sử dụng kỹ thuật luyện kim tiên tiến để chế tạo và sản xuất loại đồng thiếc, từ đó nâng Thời kỳ Đồ đá của nhân loại lên thời kỳ đồ đồng”.

Ông Sandecker chồm qua bàn. “Chắc chắn họ đã khai thác và buôn bán vàng và bạc”.

“Thật kỳ lạ, họ không xem vàng hoặc bạc là những kim loại có ích, mà họ ưa thích đồng hơn trong việc chế tạo đồ trang sức và những tác phẩm nghệ thuật. Nhưng họ không đi khắp thế giới để tìm kiếm loại đá opal màu ngọc lam hoặc màu đen để tạo những món trang sức hợp thời. Và, tất nhiên, nham thạch là thứ hầu như rất thiêng liêng đối với họ. Theo đó, ngày nay nham thạch vẫn được dùng để mổ tim vì nó có mép sắc bén hơn, không gây chảy máu như thép”.

“Cả hai loại đá opal màu ngọc lam và đen đều có mặt trên những xác ướp, chúng tôi tìm thấy trong hang mộ trên đảo St.Paul”, Giordino nói thêm.

“Đi đâu đó chứng tỏ trình độ của họ đã đạt tới độ cực cao”, Pat nói. “Màu xanh ngọc lam phong phú của vỏ trứng loài chim cổ đỏ tôi đã thấy trong căn hầm mộ đó chỉ có thể được lấy từ những sa mạc vùng tây nam châu Mỹ”.

“Vậy thứ ngọc lam màu đen?” ông Sandecker hỏi.

“Ở châu Úc”.

“Nếu không còn gì khác”, Pitt nói với vẻ nghi ngờ, “rõ ràng là người Amenes đã có những hiểu biết về khoa học hàng hải và kỹ thuật đóng những chiếc tàu có thể vượt biển từ nhiều ngàn năm trước”.

“Đi đâu đó cũng giải thích tại sao những cộng đồng của họ được xây dựng như những thành phố cảng”, Pat gút lại. “Và theo những gì thấy được qua những tấm ảnh chụp căn hầm mộ thì một vài xã hội trong lịch sử loài người đã biết dùng tiền xu. Tôi đã xác định vị trí của trên hai mươi thành

phố cảng của họ tại nhiều nơi khác nhau của thế giới như Mexico, Peru, Ấn Độ, Trung Hoa, Nhật Bản và Ai Cập. Nhiều thành phố cảng nằm trong Ấn Độ Dương và một số đảo trên Thái Bình Dương”.

“Tôi có thể ủng hộ những khám phá của Tiến sĩ O’Connell cùng những khám phá của tôi từ những hình ảnh của những hộp sọ”, ông Stevens nói.

“Như vậy thế giới của họ không lấy Địa Trung hải làm trung tâm điểm như nền văn minh của nhân loại sau đó?” ông Đô đốc nói.

Tiến sĩ Stevens lắc đầu phủ nhận. “Địa Trung Hải không mở ra biển trong thời kỳ của dân Amenes. Chín ngàn năm trước, Địa Trung hải như chúng ta biết ngày nay, được hình thành từ những thung lũng và hồ ao do những sông ngòi châu Âu chảy vào từ phía bắc và sông Nil từ phía nam, cho tới khi nó tràn ra Đại Tây Dương qua eo biển Gibraltara. Có thể ngài cũng thích thú khi biết rằng Biển Bắc là một bình nguyên khô ráo và quần đảo Anh dính liền châu Âu. Biển Baltic chỉ là một thung lũng lớn trên mực nước biển. Sa mạc Gobi và Sahara là những miền nhiệt đới nuôi dưỡng những đàn động vật khổng lồ. Những sinh vật cổ thời đó đã sống trên một hành tinh khác hẳn hành tinh chúng ta đang sống”.

“Điều gì đã xảy ra cho chủng tộc Amenes?” Ông Sandecker hỏi. “Tại sao không có chứng cứ về sự tồn tại của họ được truy tìm lại đến chúng ta?”

“Nền văn minh của họ đã bị hủy diệt hoàn toàn khi một sao chổi đâm vào Trái Đất khoảng năm 7.000 trước công nguyên, và tạo ra thảm họa rộng khắp thế giới. Lúc đó phần đất nối liền giữa Gibraltara và Morocco bị lún xuống và vùng Địa Trung Hải trở thành biển. Bờ biển bị tràn ngập và biến đổi vĩnh viễn. Chỉ trong khoảng thời gian để một giọt mưa rơi từ một đám mây xuống mặt đất, chủng tộc người đi biển, những thành phố và toàn bộ nền văn hóa của họ đều bị xóa sạch và biến mất cho tới ngày nay”.

“Các vị đã giải mã tất cả những điều đó từ những chữ khắc?”

“Đúng vậy, và còn nhiều hơn nữa”, Yaeger trả lời một cách hào hứng. “Họ mô tả những chuyện khủng khiếp và sự chịu đựng của họ với những chi tiết sống động. Sự va đập của sao chổi thật dữ dội, đột ngột, gây kinh hoàng và chết chóc. Những mô tả còn nói đến hiện tượng núi non rung lắc như những cây liễu trước cơn gió dữ. Những trận động đất làm rung chuyển mặt đất tới độ chúng ta không thể tưởng tượng được. Những núi lửa phun trào với một sức mạnh tổng hợp của hàng ngàn quả bom nguyên tử, lấp kín bầu trời với những lớp tro dày hàng trăm dặm. Đá bọt

phủ đầy mặt biển lên tới hàng trăm bộ. Những con sông dung nham lỏng chôn vùi hầu hết những gì chúng ta gọi là miền tây bắc Thái Bình Dương. Lửa lan rộng dưới những cơn lốc, tạo ra những đám mây khói hình tháp khắp bầu trời. Những đợt sóng thần có lẽ cao đến hơn năm ngàn mét quét qua mặt Trái Đất. Nhiều hòn đảo biến mất, bị chôn vùi vĩnh viễn dưới nước. Hầu hết loài người và tất cả - chỉ trừ một ít thú vật và sinh vật biển - đều bị hủy diệt chỉ trong hăm bốn giờ”.

Giordino đặt hai bàn tay ra sau gáy và nhìn lên trần nhà, cố hình dung trong đầu cảnh tàn phá khủng khiếp. “Điêu đó giải thích sự tuyệt chủng đột ngột của loài cạp răng kiếm ở châu Mỹ, loài lạc đà có bướu lưng, loài bò rừng khổng lồ với một sừng tằm cao đến sáu bộ, loài voi ma mút có lông đen, loài ngựa nhỏ lưng dài ở Bắc Mỹ. Và sự hóa đá đột ngột của loài sò, sứa, hàu và sao biển - Chúng tôi đã phát hiện chúng khi thực hiện những dự án nghiên cứu dưới các lớp trầm tích. Những thay đổi này luôn là những điều bí ẩn đối với các nhà khoa học. Giờ đây, có lẽ họ có thể gắn chúng với hiện tượng sao chổi va chạm”.

Ông Sandecker nhìn Giordino với ánh mắt đánh giá. Anh chàng lùn người Ý vùng Etruscan này có một đầu óc rất sắc bén nhưng lại cố giấu đi điều đó dưới cái vỏ chán đời đáng ghét.

Tiến sĩ Stevens lấy cái tàu thuốc lá ra và vôn vê nó. “Cộng đồng khoa học đã biết rõ là những hiện tượng tuyệt chủng trên Trái Đất đối với động vật nặng trên một trăm cân Anh đã xảy ra cùng lúc với sự chấm dứt của thời kỳ băng hà, vào khoảng thời gian sao chổi đâm vào Trái Đất. Loài voi răng mấu được tìm thấy dưới băng tuyết tại Siberia, thức ăn chưa tiêu hóa kịp còn trong dạ dày chúng, đã củng cố sự kiện chúng bị chết đột ngột như thể trong chớp mắt chúng bị rơi vào giấc ngủ đông. Hiện tượng này cũng xảy ra với cây cối thảo mộc được tìm thấy đông cứng trong lúc còn đầy đủ lá và đang ra hoa”.

Mọi người chung quanh bàn không ai có thể hình dung mức độ khủng khiếp đó. Vấn đề trọng đại đến nỗi họ khó có thể chấp nhận.

“Tôi không phải là một nhà địa vật lý học”, ông Stevens điềm tĩnh nói, “nhưng tôi không thể tin câu chuyện sao chổi đâm vào Trái Đất, thậm chí dù là một sao chổi lớn, lại có thể gây ra sự tàn phá khủng khiếp như thế. Điêu đó không thể chấp nhận”.

“Sáu mươi lăm triệu năm trước, một sao chổi hoặc một tiểu hành tinh đã giết loài khủng long”, Giordino nhắc nhở ông ta.

“Phải là một sao chổi lớn vô cùng”, ông Sandecker nói.

“Nhưng sao chổi không thể đo được như các tiểu hành tinh hoặc các thiên thạch là những khối rắn chắc”, Yaeger diễn giải. “Sao chổi chỉ là một hợp chất gồm băng, khí và đá”.

Pat tiếp tục nói về những sự kiện được mô tả từ những chữ khắc mà không cần đọc những ghi chép của mình. “Một số cư dân của Trái Đất đã sống sót vẫn tiếp tục sống, canh tác và săn bắn tại những dãy núi và cao nguyên. Họ đã thoát khỏi sự hủy diệt khủng khiếp bằng cách chui xuống những hẻm hốc dưới đất hoặc trú ẩn vào những hang động và tẩn tại nhờ rau củ và hệ thực vật có thể tái sinh và phát triển dưới những điều kiện nghiệt ngã, cùng với một ít thú vật họ săn bắn được. Nhiều người chết vì nạn đói hoặc những đám mây khí độc trong bầu khí quyển. Chỉ có một số rất ít người Amenes sống sót vì đã may mắn cư trú tại những miền đất cao trong lúc sóng thần tràn qua mặt đất”.

“Câu chuyện về trận đại hồng thủy truyền lại cho tới thời đại chúng ta”, ông Stevens giải thích rõ thêm, “đã được người Sumerian ghi lại trong những tấm thẻ năm ngàn năm trước đây được tìm thấy tại Mesopotamia — huyền thoại về Gilgamesh và trận lũ lụt được đề cập tới trong Kinh Thánh qua câu chuyện ông Noah và chiếc thuyền cứu nạn. Vài ghi chép của người Maya, những bản chép tay của các giáo sĩ Babylon, những giai thoại được truyền tụng của mỗi chủng tộc có văn hóa cao trên thế giới, kể cả những chủng người Da Đỏ Indians tại Bắc Mỹ, tất cả đều nói tới một trận lụt lội khủng khiếp. Vì vậy, có rất ít nghi vấn về một sự cố thực sự đã xảy ra?”

“Và ngày nay”, Yaeger nói, “nhờ những người Amenes, chúng ta biết được thời điểm chính xác xảy ra sự cố là năm 7.100 trước công nguyên”

“Lịch sử cho chúng ta biết khi một nền văn minh càng ưu việt”, ông Stevens bình luận, “thì nó càng dễ tàn lụi và chỉ để lại rất ít hoặc chẳng để lại dấu vết nào về tự thân của nó. Ít nhất có đến chín mươi chín phần trăm kiến thức cổ đại thực sự đồ sộ đã bị thất lạc vì những thảm họa tự nhiên hoặc do con người gây ra”.

Pitt gật đầu đồng ý. “Một thời kỳ vàng son của ngành hàng hải đã có mặt bảy ngàn năm trước công nguyên, nhưng chẳng còn lại gì ngoài những chữ khắc trên đá. Đáng tiếc là chúng ta không được thừa hưởng gì hơn từ những chữ khắc đó”.

Ông Sandecker nhả ra một cụm khói màu xanh. “Tôi thực sự hy vọng chuyện đó sẽ không phải là số phận của chúng ta”.

Pat nhìn Yaeger. “Những gì còn lại từ người Amenes đã hình thành tâm lý sùng bái và tự hiến dâng cho thần thánh chịu ảnh hưởng từ những cư dân còn sống sót của Thời kỳ đồ đá về mỹ thuật và thông tin chép tay. Đồng thời họ cũng học được cách thức xây dựng những công trình kiến trúc và kỹ thuật đóng tàu để vượt biển. Họ tìm cách để cảnh báo cho những thế hệ tương lai về một thảm họa sẽ xảy ra. Nhưng những người sinh sau đẻ muộn, vì không trải qua biến cố sao chổi hủy diệt và hậu quả khủng khiếp của nó, không thể buộc mình chấp nhận sự kiện sẽ có một thảm họa khác lại xảy ra. Người Amenes nhận ra rằng sự thật khủng khiếp sẽ sớm bị quên lãng theo thời gian và chỉ được nhắc lại trong truyền thuyết. Vì vậy họ cố tìm cách để lại di sản thừa kế cho đời sau bằng cách xây dựng những công trình tưởng niệm đồ sộ bằng đá tạc tại qua nhiều thế kỷ, được chạm khắc cùng với những thông điệp của họ về quá khứ và tương lai. Những lăng mộ lớn họ đã tạo ra trở nên phổ biến rộng khắp và trường tồn qua bốn ngàn năm. Nhưng thời gian và những hiện tượng thời tiết đã xói mòn những chữ khắc và xóa sạch những lời cảnh báo.

“Sau khi những người Amenes cuối cùng chết đi, nhiều thế kỷ tiếp diễn ra trước khi người Sumeria và người Ai Cập bắt đầu thoát khỏi ảnh hưởng những nền văn hóa buổi đầu và dần dà tạo dựng những nền văn minh mới, sử dụng những mẫu kiến trúc rời rạc từ quá khứ xa xăm”.

Pitt gõ nhẹ cây bút chì trên mặt bàn. “Từ những gì ít ỏi tôi được biết về những lăng mộ thì có vẻ như những nền văn hóa sau đó — vì không hiểu được ý định ban đầu của người Amenes trải qua nhiều thế kỷ — họ đã sử dụng những kiến trúc tưởng niệm — như đền đài, những hầm mộ và vài loại lịch — để sau cùng tự họ xây dựng hàng ngàn công trình của chính họ?”

“Trong khi nghiên cứu những dữ liệu có giá trị về các lăng mộ”, Yaeger nói, “những kiến trúc rất gần đây cho thấy người Amenes có một dạng kiến trúc rất đặc trưng. Cung cách xây dựng của họ hầu như sử dụng đường tròn làm chủ đạo, với những khối đá hình tam giác giống như những miếng nêm trong trò chơi lắp hình, làm cho những công trình xây dựng của họ hầu như không bị xô lệch bởi bất kỳ chuyển động nào của Trái Đất, bất chấp tình huống nghiêm trọng như thế nào”.

Ông Stevens nói, rất cân nhắc, trong lúc ráp lại những hình cưa vào những hộp sọ, “Nhờ những nỗ lực của ông Yaeger và tiến sĩ O’Connell, chúng ta bắt đầu thấy như thế những nguyên lý cơ bản của nền văn hóa

Amenes và những di sản của thời cổ đại đã trải qua nhiều thế kỷ và sau cùng đã ảnh hưởng sâu sắc đến người Ai Cập, người Sumeria, người Trung Hoa và người Olmecs, đi trước người Maya và hai chủng Indians ở châu Á và Indians tại châu Mỹ. Người Phoenicians, nhiều hơn bất kỳ nền văn minh nào khác, đã dẫn đầu trong nghệ thuật đi biển.

“Những khám phá của họ cũng giúp giải thích tại sao hầu hết những vị thần thánh từ nền văn minh gần đây nhất tại mỗi nơi trên Trái Đất đều có nguồn gốc từ biển, và tại sao những thần thánh trên toàn châu Mỹ đều đến từ phương đông, trong khi những thần thánh trong những nền văn hóa châu Âu lại đến từ phương Tây?”

Ông Sandecker nhìn theo làn khói thuốc xì gà của mình vờn vẹo bay lên trần nhà. “Đó là điểm thú vị, thưa tiến sĩ, có thể trả lời bất kỳ câu hỏi nào về những tổ tiên cổ xưa của chúng ta, đã làm chúng ta điên đầu suốt nhiều thế kỷ”.

Pitt gật đầu về phía Pat, “Sau cùng đi đâu gì đã xảy ra cho người Amenes?”

“Lo sợ những thông điệp của mình sẽ không được hậu thế chấp nhận và làm theo, họ tạo ra những căn hầm tại nhiều nơi khác nhau trên thế giới mà họ hy vọng chúng sẽ không bị phát hiện trong nhiều ngàn năm, và chỉ những nền văn minh tương lai với trình độ khoa học cao sẽ hiểu được lời cảnh báo của họ về thảm họa sắp tới”.

“Chẳng hạn?” Ông Sandecker ngắt lời.

“Thời điểm sao chổi thứ nhì trở lại quỹ đạo địa cầu và hầu như chắc chắn sự va chạm sẽ xảy ra”.

“Đúng là một ý tưởng chẳng vui vẻ chút nào”, Giordino nói.

“Đi đâu gì khiến người ta tin chắc chắn sẽ có một vị khách phá hoại đến từ không gian xa tít?” Ông Sandecker thắc mắc.

“Những chữ khắc mô tả rất chi tiết về hai sao chổi đã đến cùng một lúc”, Yaeger trả lời. “Một sao chổi đã va chạm. Sao chổi kia trượt qua và về lại không gian”.

“Các vị cho rằng người Amenes có thể tiên đoán chính xác ngày giờ sao chổi thứ nhì trở lại à?”

Pat chỉ đơn giản gật đầu.

“Người Amenes”, Yaeger nói, “là những bậc thầy không chỉ trong ngành đi biển mà cả về những bầu trời nữa”. Họ đo được sự chuyển động

của những ngôi sao với độ chính xác bí hiểm. Và họ làm điều đó mà vẫn không dùng tới những kính viễn vọng cực mạnh”.

“Giả sử sao chổi sẽ quay lại”, Giordino nói. “Bằng cách nào họ biết nó sẽ không trượt qua Trái Đất và lạc vào không gian trở lại? Có phải nền khoa học của họ tinh tế tới độ họ có thể tính toán thời gian va chạm tại vị trí chính xác trên quỹ đạo của Trái Đất trong không gian?”

“Họ có thể và đã làm chuyện đó”, Pat vặn lại. “Bằng cách sử dụng máy điện toán và so sánh những vị trí khác nhau của các vì sao và những chòm sao giữa những bản đồ tinh tú cổ trong căn hầm tại Colorado với vị trí sao trong khoa thiên văn ngày nay, chúng ta có thể đi tới chỗ tính toán ngày tháng trong thời gian. Nó phù hợp với tiên đoán của người Amenes trong xác suất một giờ đồng hồ”.

“Người Ai Cập đã nghĩ ra một lịch kép phức tạp hơn thứ lịch chúng ta đang dùng ngày nay. Người Maya đã đo được chiều dài của năm là 365,2420 ngày. Sự tính toán của chúng ta bằng cách dùng đồng hồ nguyên tử là 365, 2423 ngày. Họ cũng tính toán một cách chính xác không sao tin được những thứ lịch đặt nền tảng trên sự liên kết giữa sao Kim, sao Mộc và sao Thổ. Người Babylon đã xác định được, theo vị trí các sao, một năm có 365 ngày 6 giờ và 11 phút. Họ chỉ tính thiếu không tới hai phút”, Pat dừng lại để tăng thêm hiệu quả. “Người Amenes đã tính toán vòng quanh của Trái Đất quanh mặt trời chỉ lệch hai phần mười của một giây. Lịch của họ đặt nền tảng trên hiện tượng nhật thực xảy ra trong cùng một ngày của năm tại cùng một điểm trên hoàng đạo trong mỗi chu kỳ 521 năm. Bản đồ tinh tú của họ về các bầu trời, được quan sát và tính toán từ chín ngàn năm trước, chính xác đến mức hoàn hảo”.

“Câu hỏi đang nằm trong đầu chúng ta lúc này”, ông Sandecker nói, “là người Amenes tiên đoán sự tái hiện của sao chổi sẽ xảy ra vào thời điểm nào?”

Pat và Yaeger trao đổi nhau những ánh mắt tỉnh táo. Yaeger là người nói đầu tiên. “Chúng tôi đọc được từ một máy điện toán tìm hiểu về khảo cổ thiên văn học trong các tài liệu và hồ sơ từ những kho lưu trữ của nhiều đại học thì người Amenes không phải là những nhà thiên văn cổ duy nhất đã tiên đoán về thảm họa thứ nhì. Người Maya, thổ dân Hopi Indians, người Ai Cập, người Trung Hoa và nhiều nền văn minh trước Công nguyên, tất cả đều nói đến ngày cuối cùng của Trái Đất. Tựu trung, họ chỉ tính lệch nhau trong vòng một năm”.

“Có thể đó là một trùng hợp ngẫu nhiên hoặc nền văn minh này vay mượn từ nền văn minh kia?”

Yaeger lắc đầu không tin. “Có thể họ sao chép những gì người Amenes để lại, nhưng những giải thích là của chính họ từ kết quả khảo sát về các vì sao, từ đó họ xác định thời điểm va chạm”.

“Cậu nghĩ chủng tộc nào đã tiên đoán chính xác hơn cả?” Pitt hỏi.

“Những người Amenes sống sót, vì chính họ đã có mặt lúc thảm họa thực sự xảy ra. Họ tiên đoán không chỉ bằng năm mà bằng ngày chính xác”.

“Ngày nào?” ông Sandecker ngắt ngang với vẻ nôn nóng.

Pat chìm trong cái ghế như thể cô muốn trốn khỏi sự thật. Yaeger ngẩn ngừ, đưa mắt nhìn quanh cái bàn, từ gương mặt người này đến người khác. Sau cùng, anh ta nói với giọng đứt quãng. “Thời điểm người Amenes tiên đoán sao chổi sẽ trở lại và đâm vào Trái Đất là ngày 20 Tháng Năm, năm 2001”.

Pitt nhú mày. “Năm nay là 2001”.

Yaeger xoa bóp hai thái dương với hai bàn tay. “Tôi biết rõ đi đâu đó mà”.

Ông Đô đốc chồm tới trước. “Cậu bảo ngày đen tối đó chỉ còn không đầy hai tháng nữa?”

Yaeger nghiêm chỉnh gật đầu. “Vâng, chính xác đó là những gì tôi nói”.

Sau buổi họp, Pitt trở lại văn phòng, và được người thư ký lâu năm của anh, Zerri Pochinsky, chào đón. Là một phụ nữ đáng yêu với nụ cười sáng rỡ, và một thân hình các cô người mẫu tại Las Vegas phải ghen tị, mái tóc màu lông hươu thả xuống hai vai, và cô nhìn cuộc đời qua đôi mắt màu nâu sáng rất quyến rũ. Cô sống độc thân với một con mèo tên Murgatroyd, thỉnh thoảng cũng có hò hẹn. Pitt rất say mê Zerri, nhưng kỷ luật sắt khiến anh chùn bước. Rất nhiều lần Pitt tưởng tượng ôm cô trong vòng tay. Nhưng những nguyên tắc chặt chẽ về việc xử sự với bất kỳ thành viên khác giới tính nào làm việc cho NUMA không cho phép anh lộn xộn. Anh đã từng chứng kiến quá nhiều vụ tình ái lãng nhãng dẫn tới đổ vỡ.

“Nhân viên đặc biệt Ken Helm của FBI gọi điện và muốn ông trả lời ông ta”, cô thông báo và trao cho anh một mẫu giấy màu hồng có ghi số

điện thoại đường dây riêng của Helm. “Ông lại gặp rắc rối với chính phủ à?”

Anh ngoác miệng cười và cúi xuống bàn giấy của Zerri cho tới khi mũi họ chỉ cách nhau không tới một inch. “Tôi lúc nào mà chẳng có chuyện với ông nhà nước của tôi chứ”.

Đôi mắt cô sáng lên, khiêu khích. “Em vẫn còn chờ ông bố và đưa em bay tới một bãi biển tại Tahiti”.

Anh lùi lại, giữ một khoảng cách an toàn, vì mùi nước hoa Chanel của cô bắt đầu khuấy động cảm giác bất thường bên trong anh. “Tại sao cô không tìm một anh chàng dễ thương, bảnh bao và yêu gia đình nào đó mà kết hôn cho rồi, như thế cô có thể ngăn cản sự quấy nhiễu của những anh già vợ vẫn”.

“Vì những gã bảnh bao yêu gia đình chẳng thú vị chút nào”.

“Ai đã nói phụ nữ là những cái tổ ấm kín đáo kia?” Anh thở dài.

Pitt bước vào văn phòng của anh, trông giống một bãi đậu xe sau một cơn lốc xoáy. Những cuốn sách, giấy tờ, những tấm hải đồ và những tấm ảnh nằm bừa bãi khắp căn phòng, kể cả trên những tấm thảm. Anh đã trang hoàng nơi làm việc của mình với những món đồ cổ đã mua đấu giá từ chiếc tàu tiếp khách trang nhã American President Lines của Tổng thống Cleveland. Anh ngẩng xuống sau bàn giấy, nhắc ống điện thoại và bấm số của Helm.

Một giọng nói trả lời cộc lốc, “Vâng?”

“Chào ông Helm, tôi là Dirk Pitt hồi âm cú gọi của ông”.

“Chào ông Pitt, xin cảm ơn. Tôi nghĩ ông rất muốn biết lai lịch cái xác ông đã vớt lên từ Nam Cực và cả người phụ nữ ông đã tóm được tối qua”.

“Các ông làm việc nhanh thật”.

“Nhờ bộ phận chụp ảnh bằng máy vi tính ID mới của chúng tôi đấy”, Helm giải thích. “Họ tham khảo mọi tin tức trong các nhật báo, tạp chí, truyền hình, bằng lái của những người lái xe, lý lịch những người có bảo hiểm, các passeport và các báo của cảnh sát để xây dựng mạng lưới ảnh lý lịch rộng rãi nhất thế giới. Họ có hàng trăm triệu hồ sơ lý lịch trong tay. Kết hợp với dấu vân tay và hồ sơ về DNA của chúng tôi, hiện nay chúng tôi đã có đủ phương tiện để xác định lý lịch những xác chết và những kẻ trốn chạy. Và chúng tôi đã có thông tin về hai người phụ nữ đó chỉ trong hai mươi phút”.

“Các ông phát hiện được gì?”

“Tên của người phụ nữ chết trong chiếc tàu ngầm là Heidi Wolf. Còn người phụ nữ ông tóm được đêm qua là Elsie Wolf”.

“Vậy họ là chị em sinh đôi”.

“Không, thực ra họ là chị em họ. Cả hai có nguồn gốc từ một gia tộc rất giàu có và đi đầu hành một hệ thống các xí nghiệp thương mại cao cấp và rộng lớn”.

Pitt nhìn ra cửa sổ văn phòng, nhưng không lưu ý đến con sông Potomac và đồi Capitol dưới kia. “Liệu họ có dính líu tới Karl Wolf, tổng giám đốc Tập đoàn Vận Hội tại Argentina không nhỉ?”

Helm im lặng một lúc rồi nói, “Có vẻ như ông đã đi trước tôi hai bước, ông Pitt”.

“Gọi tôi là Dirk”.

“Tốt thôi, Dirk, ông chop đúng mỗi dây rồi đấy. Heidi là em gái Karl. Elsie là em họ. Và, vâng, Tập đoàn Vận Hội là cơ sở tư nhân của đế quốc thương mại có trụ sở tại Thủ đô Buenos Aires của Argentina. Tổ chức Forbes ước tính toàn bộ tài sản của họ lên tới hai trăm mười tỉ đô la”.

“Vậy thì chắc chắn họ không sống tại đầu đường xó chợ rồi”.

“Và tôi phải cưới một cô vợ có bố là thợ nề”.

“Tôi không hiểu tại sao một phụ nữ giàu có như thế lại phạm tội ăn cắp vặt nhỉ?”

“Chùng nào có câu trả lời, hy vọng ông sẽ không nổi giầu tôi?”

“Hiện giờ Elsie đang ở đâu?” Pitt hỏi.

“Được canh giữ tại một dưỡng đường tư trên đường W, đối diện với trường Đại học Mount Vernon”.

“Tôi có thể tiếp xúc cô ta chứ?”

“Tôi thấy không có vấn đề gì về phía FBI, nhưng ông phải được sự đồng ý của bác sĩ có nhiệm vụ săn sóc cô ta. Tên ông ta là Aaron Bell. Tôi sẽ gọi và báo cho ông ta biết ý định của ông”.

“Đầu óc cô ta ổn định chứ?”

“Cô ta đã tỉnh táo. Ông đã tặng cô ta một cú khá nặng trên đầu. May mà không vỡ sọ, và sự chấn động chỉ tạm thời”.

“Tôi đâu có nện cô ta. Cái xe mô tô của cô ta đã làm chuyện đó”.

“Dù với nguyên nhân nào”, Helm nói, giọng ông ta có vẻ hài hước, “ông cũng chẳng moi được gì nhiều từ cô ả đâu. Một trong những nhân

viên thẩm vấn giỏi nhất của chúng tôi đã cố làm chuyện đó. Nhưng cô ả là một phụ nữ cứng cỏi, và cam như hến”.

“Cô ta có biết em họ mình đã chết không?”

“Cô ta biết, và còn biết cái xác của Heidi hiện đang nằm tại nhà xác của dưỡng đường”.

“Đi đâu đó sẽ cho thấy nhiều trò hấp dẫn đấy”, Pitt thông thả nói.

“Tại sao?” Helm hỏi vặn.

“Nét mặt của Elsie lúc tôi bảo cô ả tôi là người đã phát hiện cái xác của Heidi dưới biển Nam Cực và đã đưa nó về Washington bằng máy bay”.

Hầu như ngay sau khi gác điện thoại lên giá, Pitt rời khỏi Tổng hành dinh NUMA và lái xe thẳng tới dưỡng đường không có bảng tên dành cho FBI và các cơ quan an ninh quốc gia khác. Anh đậu chiếc Ford 36 mui trần trong một nhà xe còn trống bên cạnh tòa nhà và đi qua lối vào chính. Anh bị hỏi lai lịch và họ gọi điện để xác nhận trước khi được chấp thuận cho vào. Một nhân viên quản lý hướng dẫn anh tới văn phòng Bác sĩ Bell.

Pitt đã tiếp xúc ông bác sĩ này nhiều lần, không vì mục đích khám sức khỏe hoặc đi đầu trị, nhưng để trang trải phí tổn đi đầu trị chứng ung thư của thân phụ anh, Thượng Nghị sĩ George Pitt, mà ông Bell đảm trách nhiệm vụ đi đầu trị chính. Bác sĩ Aaron đang ở giữa cái tuổi sáu mươi, một người có cá tính mạnh mẽ, gương mặt đỏ au, quá thừa cân nhưng làm việc rất căng thẳng. Ông ta hút hai bao thuốc, hai mươi tách cà phê mỗi ngày. Quan niệm đối với cuộc sống, như ông ta thường chứng tỏ, là “Cứ sống thoải mái và xuống mồ với tâm trạng thỏa mãn”.

Ông ta đứng lên từ cái ghế sau bàn giấy, như một con gấu đứng trên hai chân sau của nó. “Dirk!” ông ta nói như bom nổ. “Rất vui thấy cậu. Ông Thượng Nghị sĩ thế nào?”

“Đang lên kế hoạch để tiếp tục một nhiệm kỳ nữa”.

“Ông ấy sẽ không bao giờ chịu bỏ cuộc, và tôi cũng thế. Ngồi đi. Cậu tới vì người phụ nữ được đưa tới đêm qua phải không?”

“Ken Helm đã gọi ông?”

“Nếu ông ta không báo trước thì làm sao cậu lọt qua ngưỡng cửa chứ?”

“Tôi có thấy sự canh gác cẩn mật nào đâu”.

“Cậu cứ liếc nhìn một camera quan sát thì biết ngay mà”.

“Bộ não cô ta có bị ảnh hưởng nghiêm trọng không?”

Ông bác sĩ lắc đầu. “Sẽ ổn định hoàn toàn sau vài tuần lễ. Một thể trạng tuyệt vời. Cô ta không giống như hầu hết phụ nữ đã đi qua những cánh cửa ở đây”.

“Cô ta rất hấp dẫn”, Pitt cười.

“Không, không, tôi không nói đến chuyện đẹp xấu. Cơ thể người phụ nữ này có một cấu trúc vật lý rất đặc biệt, hoặc tôi có thể nói là giống hệt cơ thể cô em họ của cô ta mà cậu đã đưa về từ Nam Cực”.

“Theo đi đầu tra của FBI, họ là chị em họ”.

“Thật kỳ lạ, một sự tương xứng về di truyền hoàn hảo”, ông Bell nghiêm chỉnh nói. “Quá hoàn hảo”.

“Hoàn hảo như thế nào?”

“Tôi đã thực hiện việc khám nghiệm tử thi, sau đó đưa ra những kết luận và so sánh các đặc tính vật lý của cái xác với người phụ nữ nằm trên giường đi đầu trị. Ở đây có nhiều điều khác hơn là sự tương thích thuần túy trong gia tộc”.

“Helm cho tôi biết cái xác của Heidi cũng được giữ ở đường này”.

“Vâng, trên một cái bàn tại nhà xác ở tầng dưới”.

“Liệu các thành viên trong gia tộc có cùng loại gen, đặc biệt là anh chị em họ, có gương mặt giống nhau không?” Pitt hỏi.

“Rất hiếm”, ông Bell trả lời.

“Có quan điểm cho rằng tất cả chúng ta đều giống hệt một kẻ nào đó tại một nơi nào đó trên thế giới”.

Ông Bell mỉm cười, “Cầu Chúa phù hộ kẻ nào trông giống tôi”.

Pitt hỏi, “Vậy điểm chủ yếu nằm ở đâu?”

“Tôi không thể chứng minh điều đó nếu chưa quan sát và thí nghiệm trong nhiều tháng, sau đó tôi sẽ có ý kiến. Nhưng tôi sẵn lòng cá cược bằng danh tiếng của mình rằng rất có khả năng hai người phụ nữ này, một sống một chết, đều được tạo ra bằng một kỹ thuật nào đó giống nhau”.

Pitt nhìn ông Bell. “Ông không thể xem họ là những người máy”.

“Không, không”. Ông bác sĩ xua tay. “Không buồn cười như vậy đâu”.

“Sinh sản vô tính à?”

“Hoàn toàn không”.

“Vậy là gì?”

“Tôi tin là do được cấy gen”.

“Có thể như thế sao?” Pitt hỏi, tỏ ra không tin. “Liệu khoa học và kỹ thuật có thể thành tựu tới mức độ đó?”

“Có những phòng thí nghiệm của các nhà khoa học làm công việc hoàn chỉnh hóa cơ thể con người qua khoa di truyền học. Nhưng theo hiểu biết của tôi thì họ vẫn đang trong thời kỳ thí nghiệm trong loài chuột. Tất cả những gì tôi có thể nói với cậu là nếu Elsie không chết đột ngột giống như Heidi, hoặc nếu không bị xe tải cán hoặc không bị nhân tình ám sát vì ghen tuông thì cô ta có thể sẽ sống đến tổ chức sinh lần thứ một trăm hai mươi của mình”.

“Không chắc tôi muốn sống lâu như thế”, Pitt nói với vẻ nghĩ ngợi.

“Tôi cũng không”, ông Bell phì cười. “Càng không muốn trong cái thân xác già nua này”.

“Tôi được phép gặp Elsie lúc này chứ?”

Ông Bell đứng lên và ra dấu cho Pitt theo ông ta rời khỏi văn phòng và xuống tầng sảnh. Từ lúc vào dưỡng đường, Pitt chỉ trông thấy hai người đàn ông là người quản lý trong hành lang và Bác sĩ Bell. Dưỡng đường có vẻ sạch sẽ, vô trùng và không có sự sống. Thật không thể tin được.

Ông Bell tới một cánh cửa không có người gác bên ngoài, ấn một cái thẻ vào một khe điện tử rồi đẩy nó mở ra. Một phụ nữ ngồi trên một cái giường đúng tiêu chuẩn bệnh viện, đang nhìn qua cửa sổ bị ngăn bởi một tấm màn dày và những chấn song bằng kim loại. Đây là lần đầu tiên Pitt nhìn thấy Elsie giữa ban ngày, và anh không khỏi bàng hoàng vì sự giống nhau không thể tin được giữa cô ta và người chị họ đã chết. Cũng mái tóc màu hoàng kim và đôi mắt màu xanh xám đó. Anh khó có thể tin họ chỉ đơn thuần là chị em họ.

“Chào cô Wolf”, Bác sĩ Bell lên tiếng, giọng ông nghe rất vui, “Tôi mang đến cho cô một ông khách”. Ông ta nhìn Pitt và gật đầu. “Tôi sẽ để hai vị một mình. Xin đừng kéo dài thời gian”.

Không có lời cảnh báo nào dành cho Pitt về chuyện thông tin với ông bác sĩ trong trường hợp có sự cố, và dù anh chẳng nhìn thấy cái camera TV nào, Pitt vẫn hiểu không chút ngờ vực là nhất cử nhất động của họ đều được kiểm soát và ghi lại.

Anh kéo một cái ghế đến bên cạnh giường người phụ nữ và ngồi xuống, không nói gì trong gần một phút, chỉ nhìn vào đôi mắt có vẻ như

đang nhìn xuyên qua đầu anh về phía bức tranh in thạch bản núi Grand Canyon treo trên bức tường trước mặt. Sau cùng, anh nói, “Tên tôi là Dirk Pitt. Tôi không hiểu liệu cái tên đó có ý nghĩa gì với cô không, nhưng có vẻ như nó rất quen thuộc với Hạm trưởng tàu ngầm U-2015 khi chúng tôi thông tin với nhau trên một khối băng trôi”.

Đôi mắt người phụ nữ hơi nheo lại, nhưng cô ta vẫn im lặng.

“Tôi đã lặn xuống chiếc tàu bị đạn”, Pitt nói tiếp, “và tìm lại được xác của chị họ cô, Heidi. Cô có muốn tôi thu xếp để chôn xác cô ấy về cho ông Karl tại Buenos Aires để cô ấy được mai táng trong nghĩa địa riêng của gia tộc Wolf không?”

Pitt chỉ nói mò, nhưng anh biết chắc dòng họ Wolf phải có một nghĩa địa riêng.

Lần này thì anh đã gõ đúng chỗ. Đôi mắt Elsie đã phản ứng khi cô ta cố hiểu câu nói của anh. Sau cùng, cặp môi vẫn mím chặt với cơn giận không che giấu bắt đầu run rẩy và hoạt động. “Ông!” Cô ta phun ra, “Ông là kẻ phải trách nhiệm về những cái chết của những người chúng tôi tại Colorado”.

“Bác sĩ Bell đã lẩn. Rõ ràng cô cũng có một cái lưỡi mà”.

“Ông cũng có mặt ở đó lúc tàu ngầm của chúng tôi bị đắm?” Cô ta hỏi, có vẻ không nắm rõ sự việc.

“Tôi chỉ hành động với mục đích tự vệ tại Colorado. Và vâng, tôi cũng có mặt trên tàu Polar Storm lúc chiếc tàu ngầm của cô chìm, nhưng tôi không trách nhiệm về sự cố đó. Cô phải khen ngợi Hải quân Hoa Kỳ. Nếu họ không can thiệp đúng lúc thì bà chị họ của cô và bè nhóm hải tặc khát máu của cô ta đã đánh chìm một chiếc tàu nghiên cứu biển vô hại và giết chết hơn một trăm thủy thủ và các nhà khoa học vô tội. Đừng đòi hỏi tôi phải rơi nước mắt cho Heidi. Theo suy nghĩ của tôi, cô ta và nhóm thủy thủ của cô ta đã nhận lãnh một kết cục xứng đáng”.

“Ông đã làm gì với cái xác của chị ấy?” Cô ta hỏi.

“Đang nằm tại nhà xác dưỡng đường”, anh trả lời. “Tôi được biết hai chị em cô cùng trưởng thành từ những điều kiện như nhau”.

“Chúng tôi là những gen không tì vết”, Elsie ngạo nghễ nói. “Không giống phần còn lại của loài người”.

“Điều đó xảy ra bằng cách nào chứ?”

“Phải mất ba thế hệ để chọn lựa và làm thí nghiệm. Thế hệ của tôi đã đạt những cơ thể vật chất hoàn chỉnh và có đầu óc của các thiên tài. Chúng

tôi cũng rất sáng tạo trong nghệ thuật”.

“Thế à?” Pitt nói, giọng châm biếm. “Nhưng tôi lại nghĩ những thế hệ cùng dòng tộc lấy nhau chỉ sản sinh toàn những kẻ ngu ngốc”.

Elsie trừng mắt nhìn Pitt một lúc lâu rồi mỉm cười lạnh lùng. “Lời mạt sát của ông chẳng nghĩa lý gì cả. Chỉ trong một thời gian ngắn nữa thôi, ông và tất cả những kẻ khuyết tật khác trên đời này đều không thoát khỏi cái chết”.

Pitt cố tìm phản ứng trong mắt cô ta. Lúc anh trả lời, giọng nói trở nên hoàn toàn dừng đọng. “À vâng, đứa em sinh đôi của sao chổi đã hủy diệt chủng người Amenes chín ngàn năm trước sẽ trở lại và đâm vào Trái Đất, và tiêu diệt nhân loại. Tôi thừa biết tất cả những đi đầu đó”.

Hầu như anh chớp trợn nó, nhưng nó hiện ra đầy đủ. Một tia sáng lóe lên trong cặp mắt phẫn chấn và cuồn cuộn nhiệt của cô ta. Cảm nhận hoàn toàn sự độc ác của người phụ nữ hình như cô đặc trong anh tưởng chừng anh có thể đem nó ra ngoài và nắm chặt nó. Nó làm anh bứt rứt. Anh cảm thấy như thể cô ta đang cố giấu một điếu bí mật còn đáng sợ hơn bất cứ điếu gì anh có thể hình dung.

“Những chuyên gia của ông phải mất bao lâu để giải mã những chữ khắc đó?” Cô ta thận trọng hỏi.

“Năm hoặc sáu ngày”.

Cô ta có vẻ tự mãn. “Người của tôi chỉ mất ba ngày”.

Anh chắc chắn cô ta nói dối, vì vậy anh tiếp tục thăm dò, “Gia tộc Wolf đang lên kế hoạch tổ chức ngày kỷ niệm u ám đó phải không?”

Elsie chậm rãi lắc đầu, “Chúng tôi không có thì giờ cho những trò vớ vẩn đó. Sức lao động của chúng tôi chỉ đổ ra cho việc tìm cách sống sót”.

“Cô thực sự nghĩ một sao chổi sẽ đâm vào Trái Đất chỉ trong vài tuần lễ nữa à?”

“Người Amenes rất chính xác trong khoa thiên văn và bản đồ các vì sao của họ”. Hình như, trong một thoáng, Pitt nhận ra sự thiếu tin tưởng trong giọng nói của Elsie.

“Tôi cũng nghe nói như vậy”.

“Chúng tôi... có những liên hệ với một số các nhà thiên văn học nổi tiếng nhất tại Âu châu và Hoa Kỳ, họ xác nhận những tiên đoán của người Amenes. Tất cả đều đồng ý là sự trở lại của sao chổi được trình bày bằng biểu đồ và việc tính toán thời gian chính xác đến độ làm người ta phải ngạc nhiên”.

“Vì vậy mà gia tộc sinh sản vô tính ích kỷ của cô giữ kín những tin tức đó cho riêng mình, thay vì loan báo cho cộng đồng thế giới biết, phải không?” Pitt nói với giọng chán ghét. “Và các người còn bịt miệng các nhà thiên văn học, phải không? Từ ngữ “nhân ái” không hề có trong từ điển của dòng họ Wolf, phải không?”

“Tại sao phải tạo ra những hoảng loạn trên khắp thế giới chứ?” Cô ta nói với vẻ bất cần. “Cuối cùng, đi đâu đó có gì tốt đâu? Tốt hơn là cứ để mặc thiên hạ chết mà chẳng biết gì, như thế họ sẽ tránh được đau khổ”.

“Các người giàu lòng nhân ái quá nhỉ?”

“Cuộc sống chỉ được dành cho những ai thích nghi nhất, và những ai biết trù hoạch”.

“Vậy những người ưu tú của dòng họ Wolf? Cái gì giúp các người thoát khỏi sự hủy diệt đó?”

“Chúng tôi đã có kế hoạch cho cuộc sống ổn định trên năm mươi năm sắp tới”, cô ta nói một cách quả quyết. “Gia tộc chúng tôi sẽ không bị lũ lụt cuốn trôi hoặc bị lửa trời thiêu đốt đâu. Chúng tôi đã được chuẩn bị để vượt qua tai họa và đủ sức chịu đựng sau đó”.

“Năm mươi năm”, Pitt lặp lại. “Có phải các người biết đi đâu đó sau khi phát hiện một căn hầm nào đó có chữ khắc của người Amenes nói về sự tuyệt chủng sẽ xảy ra của họ sau vụ va chạm của sao chổi?”

“Vâng”, cô ta thản nhiên trả lời.

“Tất cả có bao nhiêu căn hầm như thế?”

“Người Amenes bảo là sáu”.

“Dòng họ Wolf đã tìm thấy bao nhiêu?”

“Một”.

“Và chúng tôi tìm thấy hai. Vậy là còn ba, chưa biết ở đâu”.

“Một bị hủy diệt tại Hawaii sau một vụ núi lửa phun hàng tấn dung nham chôn lấp nó. Một căn hầm khác vĩnh viễn mất tích sau một vụ động đất dữ dội tại Tây tạng năm 800 sau Công nguyên. Chỉ còn sót lại một căn hầm chưa tìm thấy. Chúng tôi cho rằng nó nằm đâu đó trong những sườn núi Mount Lasca tại Chi Lê .

“Nếu nó vẫn chưa được phát hiện”, Pitt thận trọng nói, “tại sao các người đã tàn sát nhóm sinh viên đang thám hiểm một hang động trên núi?”

Cô ta nhìn Pitt nhưng không chịu trả lời.

“Được thôi. Cho phép tôi hỏi cô vị trí căn hầm các người phát hiện nằm ở đâu?” Anh thúc ép.

Cô ta trừng mắt nhìn như thể Pitt là một gã điên. “Chúng tôi phát hiện sớm nhất những chữ khắc của người Amenes trong một ngôi đền tại một nơi đổ nát xưa kia là một trong những thành phố cảng của họ. Ông không cần hỏi thêm, ông Pitt. Tôi đã nói tất cả những gì đáng nói. Và tôi đề nghị ông hãy nói lời vĩnh biệt với bạn bè và thân nhân. Vì chẳng bao lâu nữa, những gì còn sót lại từ những thân thể bị xé nát của các người sẽ trôi giạt trong một đại dương chưa hề có trước đây”.

Nói xong, Elsie nhắm mắt lại, và dễ dàng dứt bỏ hình ảnh Pitt và thế giới chung quanh ra khỏi đầu óc, như thể cô ta đã nhập vào một giấc ngủ đông.

Đến khi Pitt rời khỏi dưỡng đường thì đã xế chiều, và anh quyết định trở về nhà chứa máy bay của mình thay vì đến tòa dinh thự của NUMA. Anh đang chậm chạp di chuyển trong dòng xe cộ vào giờ cao điểm và lái xe lên cầu Rocheambeau trước khi vào Công viên Tượng đài Washington. Lúc anh vừa tới gần cổng con đường chính của phi trường dẫn vào nhà chứa máy bay của anh thì chiếc điện thoại Globaster báo hiệu có người gọi.

“Hê lô”.

“Chào, người yêu”, giọng nói cảm dỗ của Nữ Dân biểu Loren Smith vọng ra.

“Anh luôn hạnh phúc khi nghe giọng nói bà dân biểu đáng yêu của mình”.

“Tối nay anh định làm gì?”

“Anh nghĩ đến chuyện sẽ thưởng thức món trứng cá hồi hun khói, sau đó tắm vòi sen và xem TV”, Pitt trả lời trong lúc người gác vẫy cho anh qua và ngắm chiếc Ford 36 với ánh mắt ghen tị.

“Những gã độc thân sống chán thật”, cô nói với giọng trêu chọc.

“Anh không có thói quen lê la tại các quầy rượu”.

“Em biết”. Cô dừng lại để trả lời một câu hỏi của một trong những phụ tá. “Em xin lỗi, một cử tri gọi điện thoại than phiền về những ổ gà trên đường trước nhà ông ta”.

“Những nữ dân biểu sống chán thật”, anh vặn lại.

“Đừng nóng. Anh đưa em đến St. Cyr ăn tối nhé?”

“Khẩu vị của em khiếp thật”, Pitt nói. “Ăn tối ở đó sẽ nướng cả tháng lương của anh đấy. Nhân dịp gì vậy?”

“Em có một phúc trình khá dày về Tập đoàn Vận Hội đang nằm trên bàn giấy và nó đáng giá một buổi tối anh dành cho em”.

“Có ai nói cho em biết em đang sai lầm trong kinh doanh không?”

“Em đã bán linh hồn để thông qua những dự luật ở nghị viện nhiều lần hơn bất kỳ cô gái điếm nào bán thân xác cho khách mua dâm đấy”.

Pitt đậu xe tại một chỗ dừng cạnh một cánh cửa vào nhà chứa máy bay và bấm một mã số trên một máy phát tín hiệu. “Anh hy vọng em đã đặt chỗ trước. St. Cyr không bao giờ có chỗ trống cho những khách bộ hành trên đường phố đâu”.

“Em từng có ơn với chủ nhân của nó. Cứ tin em đi, chúng ta sẽ có một bàn ăn tại vị trí tốt nhất ở đó. Đón em tại nhà vào lúc 7.30 nhé”.

“Anh có thể uống rượu vang thả cửa chứ?”

“Anh lém thật”, cô dịu dàng nói. “Tạm biệt”.

Pitt không có cảm giác thoải mái khi phải thắt cà vạt để tới một nhà hàng sang trọng. Lúc đậu chiếc Ford trước căn hộ chung cư của Loren tại khu Alexandria, anh chỉ giản dị trong cái quần dài bình thường màu xám, một áo khoác thể thao màu xanh đậm và một áo len cổ lọ màu vàng nghệ. Từ ban công trên tầng bốn, Loren nhận ra anh và chiếc xe, cô vẫy tay rồi đi xuống. Sang trọng và quyến rũ, cô mặc một áo len cài nút đan tay màu than với chiếc quần dài xếp ly phía trước dưới cái áo khoác bằng lông thú màu đen dài tới gối. Cô xách một cặp hồ sơ bằng da trùng màu với quần áo. Từ ban công, cô đã thấy Pitt không hạ mui chiếc xe Ford, vì vậy cô không nhọc công lo chuyện tóc bị bay tung vì gió, và cũng chẳng nhọc công đội nón.

Pitt đứng bên vệ đường và mở cửa xe cho cô. “Cũng thú vị khi thấy vẫn còn vài quý ông trên đời này”, cô nói với một nụ cười mơn trớn.

Anh cúi xuống hôn lên má cô, “Anh xuất thân từ một nhà trường từ ngày xưa còn sót lại mà”.

Nhà hàng chỉ cách nơi đó hai dặm, chỉ cần băng qua đồi Capitol, vào quận Fairfax, bang Virginia. Gương mặt anh chàng nhân viên phụ trách việc đậu xe sáng lên như một cây nến trong trái bí ngô trong ngày lễ Halloween khi anh ta thấy chiếc xe lộng lẫy lăn bánh vào trước nhà hàng

thanh lịch. Âm thanh ngọt ngào từ hai ống thoát khói của chiếc xe làm anh ta ớn lạnh xương sống.

Người nhân viên đưa cho Pitt một thẻ giữ xe, nhưng trước khi anh ta lái đi, Pitt cúi xuống và nhìn đồng hồ đo tốc độ.

“Thưa ông, có gì không ổn ạ?” anh ta hỏi.

“À, tôi chỉ xem tổng số dặm đã đi thôi mà”, Pitt trả lời và ném cho gã thanh niên một ánh mắt hiểu biết.

Giấc mơ lấy chiếc xe bánh bao của Pitt để đánh một vòng, trong lúc chủ nhân của nó bận ăn tối, của anh ta phút chốc tan biến. Anh chàng chậm rãi lái chiếc xe vào bãi và đậu nó gần một chiếc Bentley.

St. Cyr là một nhà hàng không lạ gì đối với giới thượng lưu. Được xây dựng theo kiểu nhà gạch thuộc địa thế kỷ mười tám, chủ nhân của nó từ Pháp đến Washington theo đường từ Cannes và Paris, sau khi được hai tay cự phú từ Washington sang Pháp du lịch, thưởng thức những món ăn và rượu vang của ông ta, và thuyết phục ông ta sang Mỹ lập nghiệp. Phòng ăn được trang trí với màu xanh thẫm và vàng, theo phong cách Moroccan. Số bàn ăn không vượt quá con số mười hai, được sáu hũ bàn và bốn lái xe phục vụ. Thứ khiến Pitt đặc biệt ưa thích tại St. Cyr là độ vang của âm thanh. Với những bức màn và tường bằng gạch dày cộm, mọi tiếng động, kể cả những lời đàm thoại, đều bị hạn chế tối đa. Không như hầu hết những nhà hàng khác, trong đó người ta có thể nghe những gì người ngồi bàn bên cạnh nói, và đủ thứ tiếng động làm mất cảm giác thích thú trước những món ăn ngon lành.

Sau khi ngồi tại một bàn ăn trong một góc kín đáo do người quản lý nhà hàng sắp xếp, Pitt hỏi Loren, “Vang hay sâm banh?”

“Sao lại hỏi kìa?” Cô nói. “Anh quá biết khẩu vị của em mà”.

Pitt gọi một chai Martin Ray Cabernet Sauvignon rồi ngồi thư giãn trong cái ghế bọc da. “Trong lúc chờ đợi món ăn, tại sao em không nói cho anh biết em đã tìm được gì từ Tập đoàn Vận Hội?”

Loren mỉm cười, “Anh phải cho em ăn đã chứ”.

“Nhà chính trị lại thách đố rồi”, anh châm chọc.

Cô cúi xuống, mở cái hộp da và lấy ra nhiều tập hồ sơ. Cô kín đáo đưa những thứ đó qua dưới gầm bàn. “Tập đoàn Vận Hội rõ ràng không phải là một đoàn thể gây cảm tưởng thích thú trong những quan hệ công cộng hoặc những chương trình quảng cáo. Họ không bao giờ rao bán chứng khoán, hoàn toàn do dòng họ Wolf sở hữu trải qua ba thế hệ cho đến nay.

Họ chẳng sản xuất thứ gì, cũng không phân phối hàng hóa và không có báo cáo lỗ lãi hàng năm. Họ không bao giờ có thể hoạt động một cách bí mật như thế tại Hoa Kỳ, châu Âu hoặc châu Á mà thiên hạ không hay biết gì. Hình như họ chỉ hoạt động mạnh và chỉ giao dịch với chính phủ Argentina, bắt đầu với Perons ngay sau khi Thế Chiến II kết thúc”.

Pitt đang đọc những trang đầu của tập hồ sơ thì hầy bàn mang rượu tới. Sau khi hầy bàn rót một lượng nhỏ vào ly anh, Pitt nhìn màu rượu, ngửi mùi và hớp một ngụm đầy. Anh không nuốt ngay thứ rượu Cabernet mà trộn nhẹ nó một vòng quanh vòm miệng trong mấy giây trước khi nuốt. Ngược mắt nhìn người hầy rượu, anh cười, “Tôi luôn ngạc nhiên vì mùi vị của một chai Martin Ray Cabernet Sauvignon”.

“Một sự chọn lựa tuyệt vời, thưa ông”, người hầy rượu nói. “Không có nhiều vị khách của chúng tôi biết tới thứ này”.

Pitt hớp một ngụm nữa trước khi tiếp tục đọc tập hồ sơ. “Có vẻ như Tập đoàn Vận Hội chỉ xuất hiện từ năm 1947”.

Loren ngấm chất lỏng màu đỏ trong ly rượu của cô. “Em thuê một người tìm đọc mọi tờ báo ấn hành tại Buenos Aires trong thời gian đó. Không một tin tức nào về gia tộc Wolf trong lĩnh vực kinh doanh. Người em thuê chỉ hỏi dò trong dư luận và nghe phong phanh là tập đoàn này có nguồn gốc từ những viên chức cao cấp của Đế Tam Quốc xã đã đào thoát khỏi nước Đức trước khi người Đức đầu hàng”.

“Đô đốc Sandecker có nói về việc Quốc xã Đức đào thoát, cùng những tài sản ăn cắp của họ, bằng tàu ngầm tới Argentina trong những tháng cuối cùng của cuộc chiến. Tập đoàn được Martin Bormann lãnh đạo”.

“Không phải ông ta bị giết trong lúc tìm cách trốn chạy khỏi chiến trận tại Berlin à?” Loren hỏi.

“Anh không tin lời tuyên bố bộ hài cốt được tìm thấy nhiều năm sau đó là của ông ta”.

“Em có đọc ở đâu đó về bí ẩn lớn nhất về cuộc chiến chưa giải thích được là sự biến mất toàn bộ tài sản của Đức Quốc xã. Không một dấu vết nào về đồng tiền Đức hoặc vàng được phát hiện. Có thể Bormann đã trốn thoát và đã lén lút chuyển số tài sản ăn cắp tới Nam Mỹ không?”

“Ông ta đứng đầu danh sách những kẻ bị nghi ngờ”, Pitt trả lời. Anh bắt đầu sàng lọc qua những giấy tờ trong tập hồ sơ, nhưng chẳng có gì thực sự đáng quan tâm. Hầy hết chỉ đơn thuần là những bài báo viết về

những hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Vận Hội không được phổ biến quá rộng rãi. Những phúc trình chi tiết nhất được tìm thấy trong một bản phân tích của CIA. Đó là bản kê khai những hoạt động và dự án khác nhau mà tập đoàn có can dự vào nhưng cũng không nói lên được đi đâu gì.

“Hoạt động của họ có vẻ rất đa dạng”, Piti nói. “Họ khai thác mỏ rộng rãi để tìm đá quý, vàng, bạch kim và những kim loại quý hiếm khác. Công việc phát triển phần mềm máy vi tính của họ đứng hàng thứ tư trên thế giới sau Microsoft. Việc khai thác dầu hỏa cũng rất phát triển. Ngoài ra, họ còn dẫn đầu thế giới về kỹ thuật nano”.

“Em không rõ đó là gì”, Loren nói.

Trước khi Pitt kịp trả lời cô thì người hầu bàn đến gần để chờ lệnh họ. “Em thích dùng gì?” Anh hỏi.

“Em tin khẩu vị của anh”, cô dịu dàng nói. “Anh gọi cho em luôn”.

Pitt không muốn gọi món ăn bằng tiếng Pháp. “Chúng tôi dùng khai vị với pa tê gan trộn nấm, tiếp theo là vichyssoise. Còn món ăn chính thì quý cô đây sẽ dùng món thỏ nâu rượu vang trắng. Tôi sẽ thử món bánh mì ngọt với nước sốt bơ nâu”.

“Anh ăn bánh mì ngọt được à?” Loren hỏi, cô tỏ ra không ưa.

“Anh rất thích loại bánh mì ngọt ở đây”, Pitt nói. “Chúng ta nói tới đầu r ễ nhĩ. A, phải r ễ, kỹ thuật nano. Theo những gì anh biết ít ỏi về đề tài này thì kỹ thuật nano là một khoa học mới mẻ, nỗ lực kiểm soát sự sắp xếp của các nguyên tử, tìm hiểu cấu trúc thật của bất kỳ thứ vật chất nào theo luật tự nhiên. Sự đi đầu chinh các phân tử trong cơ thể người sẽ trở thành hiện thực và sự sản xuất phân tử sẽ được thực hiện triệt để. Không một thứ gì mà người ta không thể sản xuất với giá thành rẻ và phẩm chất cao. Những máy móc cực nhỏ có thể tự tái sản xuất sẽ được lập trình để tạo ra nhiên liệu mới, các loại dược phẩm, kim loại và tạo ra những sản phẩm mà kỹ thuật thông thường không có khả năng làm được. Anh nghe nói những máy điện toán chủ yếu sẽ được chế tạo với một thể tích nhỏ chỉ bằng một phần ngàn một milimét khối. Kỹ thuật nano sẽ là trọng tâm phát minh của tương lai”.

“Em không thể bắt đầu tưởng tượng bằng cách nào đi đâu đó sẽ xảy ra”.

“Theo như anh hiểu thì hướng nhắm tới sẽ là phát minh cái mà các chuyên gia kỹ thuật nano gọi là một loại máy tập hợp, một thứ robot siêu nhỏ với những cánh tay được đi đầu khiển bằng máy vi tính. Loại máy này

có thể theo dõi những vật thể lớn cực kỳ chính xác bằng những phản ứng hóa học được kiểm soát, từ phân tử này đến phân tử khác. Thậm chí chúng còn có thể được thiết kế để chúng tự tái sản xuất. Lý thuyết mà nói, người ta có thể lập trình các robot để chúng chế tạo một bộ đồ chơi golf từ những thứ kim loại chưa được khám phá, hoặc một máy truyền hình có hình dáng đặc biệt đáp ứng mọi loại phòng ốc, thậm chí mọi loại xe cộ và máy bay, kể cả nhiên liệu đặc biệt để vận hành chúng”.

“Nghe thú vị thật”.

“Chừng ba chục năm nữa, chắc chắn sẽ có nhiều phát minh làm người ta giật mình”.

“Đó cũng là dự án Tập đoàn Vận Hội nhắm tới tại Nam Cực”, Loren nói, cô dừng lại để uống một ngụm rượu. “Anh sẽ thấy đi đâu đó trong hồ sơ 5-A”.

“Vâng, anh thấy rồi”, Pitt trả lời. “Một phương tiện rất hứa hẹn trong việc khai thác kim loại dưới biển. Họ phải là những người đầu tiên sẽ lợi dụng được nước biển để tìm ra những kim loại giá trị”.

“Có vẻ như những kỹ sư và nhà khoa học của Vận Hội đã triển khai được một thiết bị có khả năng tách rời vàng ra khỏi nước biển”.

“Liệu dự án đó có khả năng thành công?”

“Rất nhiều khả năng thành công”, Loren nói. “Theo những phúc trình lưu trữ của Thụy Sĩ mà CIA dò được - em đã thề với họ trên Thánh Kinh là thông tin này sẽ được hoàn toàn giữ kín - thì số vàng trong những hòm chứa tại các ngân hàng Thụy Sĩ của Tập đoàn Vận Hội có thể chất đầy pháo đài Knox”.

“Số vàng đó một khi được tung ra, chắc chắn sẽ làm giá vàng thế giới tụt xuống khủng khiếp”.

“Theo những nguồn tin của em, Tập đoàn Vận Hội đang tìm cách bán ra số vàng đó”.

“Họ tích trữ một lượng vàng nhiều như thế để làm gì nhỉ?”

Loren nhún vai, “Em chịu”.

“Có thể họ sẽ bán nhỏ giọt và kín đáo để giữ giá vàng ở mức cao. Nếu họ đột ngột làm tràn ngập thị trường với hàng tấn vàng thì lợi nhuận của họ sẽ đổ xuống sông xuống biển”.

Người hầu bàn mang món pa tê gan trộn nấm đến. Loren cho một nĩa đầy vào miệng và lộ vẻ hài lòng. “Tuyệt lắm”.

“Ờ, ngon thật”.

Họ thanh toán món ăn trong im lặng cho tới miếng cuối cùng trước khi Loren tiếp tục câu chuyện. “Dù CIA đã thu thập khá nhiều dữ liệu về những hoạt động của Tân Đức Quốc xã sau chiến tranh, họ vẫn không tìm ra chứng cứ về một âm mưu bí mật nào liên quan tới Tập đoàn Vận Hội hoặc gia tộc Wolf”.

“Tuy nhiên, những hồ sơ này cho thấy”, Pitt nói, vừa cầm lên một xấp giấy tờ, “thì rõ ràng là những tài sản bọn Quốc xã Đức đã ăn cắp từ những kho tàng của Áo, Bỉ, Na Uy, Pháp và Hà Lan cùng với số vàng và các nguồn tài chính của người Do Thái đều được lén lút chở tới Argentina trong những tàu ngầm sau khi chiến tranh kết thúc”.

Loren gật đầu, “Hầu hết số vàng và tài sản có giá trị đều biến thành tiền được lưu hành tại nhiều nước, sau đó được phân phối qua các ngân hàng trung ương”.

“Vậy chủ những trương mục đó là ai?”

“Còn ai khác? Đó là Tập đoàn Vận Hội, ngay sau khi nó được hình thành năm 1977. Điềm lạ lùng là không có một ghi chép nào cho thấy một thành viên của gia tộc Wolf nằm trong những ban giám đốc vào những năm đầu tiên”.

“Chắc chắn chúng chỉ lộ mặt sau đó”, Pitt nói. “Anh tự hỏi là tại sao dòng họ Wolf lại bị hất cẳng khỏi Đức Quốc xã cũ là lực lượng thống trị nước Đức năm 1945”.

“Câu hỏi rất hay”, Loren tán đồng. “Hơn năm mươi bốn năm trước, đế quốc Vận Hội lớn mạnh tại bất kỳ nơi nào có những ngân hàng và chính phủ đầy quyền lực và ảnh hưởng đến một mức độ khó tưởng tượng. Và họ chọn Argentina. Một trong những phụ tá của em được một người cung cấp tin tức có một lượng tiền cực lớn đã chảy vào ngân sách dành cho chiến dịch chính trị của Quốc hội chúng ta. Đó có thể là lý do tại sao không có chuyện thanh tra cấp chính phủ về Tập đoàn Vận Hội xảy ra trên thế giới”.

“Những cái vôi của chúng cũng vươn tới tận những túi áo túi quần của những thượng nghị sĩ và dân biểu Quốc hội đáng kính của chúng ta, và nhiều người khác phục vụ tại Nhà Trắng”.

Loren đưa cao cả hai tay lên. “Đừng có nhìn em. Em chưa bao giờ biết đi đêm với một thành viên Vận Hội nào để gây quỹ cho mình”.

Pitt ném cho cô một cái nhìn rất cáo già, “Thật chứ?”

Cô đá anh dưới gầm bàn. “Đẹp chuyện đó đi. Anh biết quá rõ là em không bao giờ làm đi đâu đó mà. Em vẫn là một trong những thành viên được kính trọng nhất Hạ viện đây”.

“Có thể em là người tốt nhất, nhưng những đờng sự đáng kính của em không hiểu em như anh đâu”.

“Chán anh quá”.

Những bát súp vichyssoise được mang ra và họ cùng thưởng thức xen kẽ những ngụm rượu Martin Ray Cabernet. Chất nước vang tuyệt hảo chẳng mấy chốc chạy rần rần trong huyết quản và làm dịu đầu óc họ. Và người hầu bàn lịch lãm luôn ở gần đó để châm đầy những cái ly của họ.

“Đã bắt đầu có vẻ như bọn Quốc xã Đức không tiếp tục thực hiện hàng loạt những vụ giết người, những vụ hủy diệt và gây chiến tranh như trước, mà chúng chuyển hướng sang các hoạt động thuộc quyền lực kinh tế”, Loren nói.

“Thống trị thế giới là chuyện của quá khứ”, Pitt nói. “Những lãnh tụ Trung Hoa còn có thể có ý nghĩ đó trong đầu, nhưng khi nền kinh tế của họ tạo cho đất nước họ trở nên một siêu cường, họ sẽ nhận thức rằng một cuộc chiến chỉ mang lại đổ vỡ. Từ khi khối Liên Xô sụp đổ, những cuộc chiến lớn của tương lai sẽ là kinh tế. Gia đình Wolf hiểu rằng quyền lực kinh tế cuối cùng sẽ dẫn tới quyền lực chính trị. Họ cần mua những tài nguyên đủ loại của bất kỳ ai. Câu hỏi duy nhất là họ phải đi theo hướng nào”.

“Anh có moi được đi đâu gì từ người phụ nữ anh tóm được đêm qua không?”

“Chỉ biết được ngày đen tối đó sắp xảy ra nay mai thôi, và tất cả loài người - chỉ trừ dòng họ Wolf, tất nhiên - sẽ bị quét sạch, khi một sao chổi đâm vào Trái Đất”.

“Anh không tin chứ?” Loren hỏi.

“Còn em?” Pitt hỏi với giọng hoài nghi. “Một ngàn ngày u ám đến và đi với ít biến động hơn chẳng khác gì một trận mưa rào qua đi. Tại sao bọn Wolf lại gieo rắc một huyền thoại như thế? Với anh, đó vẫn còn là một ẩn số”.

“Và lý do cơ bản của chúng là gì?”

“Là những tiên đoán của một chủng tộc người cổ đại có tên là Amenes”.

“Anh không thể nghiêm túc sao?” Cô nói với vẻ bối rối. “Một dòng họ giàu có và sắc sảo như bọn Wolf mà lại chấp nhận một truyền thuyết của một chủng người đã mất tích từ nhiều ngàn năm trước ư?”

“Đó là những gì được mô tả từ những chữ khắc trong những căn hầm bọn anh phát hiện tại Ấn Độ Dương và bang Colorado”.

“Đồ đốc Sandecker có trình bày sơ lược về những khám phá của các anh khi ông ấy điện đàm với em trước khi em đến đón anh tại phi trường, nhưng anh chưa cho em biết gì về những phát hiện của các anh”.

Pitt phác một cử chỉ thất vọng, “Anh chả có dịp nào cả”.

“Liệu em có nên đặt những câu hỏi theo thứ tự không?”

“Trước khi chuẩn bị gặp thượng đế của mình, em phải đợi cho tới lúc các nhà thiên văn học theo dõi được hành trình của những tiểu hành tinh và sao chổi đã chứ”.

Những đĩa xúp được dọn đi và món ăn chính được đặt lên bàn. Cả hai thứ thỏ nấu rượu và bánh mì ngọt trông thật quyến rũ. Pitt và Loren biết trước họ sẽ được thỏa mãn khẩu vị. Và họ không thất vọng.

“Món thỏ nấu rượu đúng là một chọn lựa tuyệt vời”, cô nói giữa hai lần ăn ngồm ngoàm. “Ngon không chê được”.

Vẻ hài lòng hiện ra trên nét mặt Pitt. “Khi được phục vụ bằng loại bánh mì ngọt tuyệt hảo này, anh nghe như có tiếng chuông kêu mỗi lần cắn vào nó. Món nước sốt đúng là một chiến công”.

“Anh dùng thử món thỏ của em xem”, Loren nói và đưa cái đĩa của cô lên.

“Còn em cũng nếm thử món bánh mì ngọt của anh chứ?”

“Không, cảm ơn anh”, cô nói, mũi nhú lại. “Bụng em hết chỗ chứa rồi”.

May mà những cái đĩa xem có vẻ lớn lại chứa một lượng thức ăn hợp lý và họ không có cảm giác no úp khi dùng tráng miệng. Pitt gọi loại mận đỏ và trái mâm xôi nghiền nát. Sau đó, lúc dùng rượu Remy Martin, họ lại tiếp tục thảo luận.

“Chẳng có thứ gì anh thấy hoặc nghe được từ bọn Wolf tỏ ra có ý nghĩa”, Pitt nói. “Tại sao lại tích lũy một tài sản khổng lồ nếu chúng nghĩ đến quốc tài chánh của mình sẽ tiêu tan thành mây khói sau khi sao chổi va chạm?”

Loren xoay tròn thứ chất lỏng trong ly, nhìn bọt rượu màu vàng lấp lánh trước ánh sáng của những ngọn nến trên bàn. “Có lẽ họ đã nghĩ ra cách thoát khỏi thảm họa”.

“Anh có nghe đi đâu đó từ cô ả Elsie Wolf và một trong những gã giết mướn của chúng tại Colorado”, Pitt nói. “Nhưng làm sao chúng có thể tránh được một thảm họa rộng khắp Trái Đất chứ?”

“Anh đọc hồ sơ số mười tám chưa?” Loren hỏi.

Pitt không trả lời ngay, anh lật những tờ giấy cho tới khi tìm thấy tập hồ sơ đánh số “18”. Anh mở nó ra và đọc. Sau hai ba phút gì đó, anh ngược lên và nhìn vào đôi mắt màu tím của Loren, “Cái này được thẩm tra rồi chứ?”

Cô gật đầu, “Kế hoạch này giống như truyền thuyết ông Noah và chiếc thuyền cứu nạn trong Kinh Thánh”.

“Bốn chiếc tàu khổng lồ”, Pitt nói thông thả. “Mỗi chiếc tàu, đúng hơn là một thành phố nổi với bề dài sáu ngàn bộ, rộng một ngàn năm trăm bộ, cao hai mươi tầng, với sức trọng tải lên tới ba triệu rưỡi tấn”. Anh nhìn lên, lông mày nhú lại. “Một ý niệm kinh khủng, nhưng khó lòng thực hiện nổi”.

“Anh đọc nốt phần còn lại đi”, Loren nói. “Xem ra có vẻ tốt hơn”.

“Chiếc tàu vượt biển khổng lồ có một bệnh viện lớn, những trường học, những trung tâm giải trí, những công xưởng kỹ thuật cao cấp nhất. Một phi trường với đường băng dài trên boong cao nhất, với nhà chứa máy bay nhỏ cùng nhiều trực thăng, những khu sinh sống và những văn phòng làm việc. Tất cả những thứ đó để phục vụ năm ngàn khách và thủy thủ đoàn”. Pitt lắc đầu tỏ vẻ không tin., “Một chiếc tàu lớn cỡ đó có thể chứa ít nhất năm mươi ngàn người”.

“Thực sự thì có thể gấp đôi con số đó”.

“Để xem ba chiếc tàu kia như thế nào”. Pitt tiếp tục đọc. “Chúng cũng có những kích thước khủng khiếp như thế. Một chiếc dùng để chở hàng hóa và cung cấp những thứ cần cho đời sống. Với những cơ xưởng chế tạo đầy đủ máy móc và một lượng xe cộ vận chuyển, những vật liệu và máy móc cho việc xây dựng. Chiếc tàu thứ nhì sẽ là một sở thú thực sự...”.

“Thấy chưa”, Loren xen vào. “Đúng là một tàu cứu nạn?”

“Chiếc cuối cùng là một siêu thị với số lượng khổng lồ gồm xăng dầu, khí tự nhiên và những nhiên liệu khác”. Pitt xếp tập hồ sơ lại và nhìn Loren. “Dù sao, đây cũng chỉ là những thiết kế lý thuyết, nhưng anh tin không ai có thể thực hiện được, và Tập đoàn Vận Hội chắc chắn cũng không làm được”.

“Thân tàu được đóng từng phần rồi được kéo tới một xưởng đóng tàu của Tập đoàn Vận Hội trong một vịnh biệt lập nằm tại chóp phía nam Chi Lê. Tại đây, cấu trúc vỏ tàu và những ngăn bên trong thân tàu được hoàn thành. Sau đó, những thứ trang trí và đồ gia dụng được đưa lên tàu. Mọi hành khách và thủy thủ đoàn được cung cấp phương tiện sinh hoạt và thực phẩm đủ để họ duy trì cuộc sống trong hai mươi năm hoặc lâu hơn”.

“Không người ngoài nào được nhìn thấy những chiếc tàu đó? Không có bài viết nào của báo chí?”

“Anh hãy đọc phúc trình của CIA về xưởng đóng tàu”, Loren giải thích. “Khu vực đó được canh phòng và kiểm soát rất chặt chẽ bởi một toán an ninh được vũ trang. Không một người ngoài nào được phép vào ra. Những công nhân của xưởng đóng tàu và gia đình họ được dẫn vào một khu riêng tại bờ vịnh và không được phép rời khỏi nơi đó. Vịnh này được bao bọc bởi dãy núi Andes với hàng trăm ngọn núi trong đất liền và hai bán đảo. Phương tiện duy nhất để ra vào vịnh là tàu bè hoặc máy bay”.

“Những đi đầu tra của CIA xem ra chỉ có tính cách đại khái. Họ không chịu nghiên cứu sâu dự án của Tập đoàn Vận Hội”.

Loren uống cạn ngụm rượu cuối cùng. “Một nhân viên có nhiệm vụ thiết lập hồ sơ trong văn phòng của em cho biết CIA chưa bao giờ chỉ đạo cuộc đi đầu tra nào ra trò vì họ cho rằng chẳng có dấu hiệu đe dọa nào đối với sự an ninh hoặc quyền lợi của Hoa Kỳ”.

Pitt nhìn ra xa khỏi những bức vách bằng kính của nhà hàng với dáng nghĩ ngợi. “Al Giordino và anh đã tới một vịnh của Chi Lê nhiều năm trước trong một vụ theo bám một đường dây không tặc do bọn khủng bố tổ

chức. Bọn này giấu chiếc tàu gần một vùng băng trôi. Từ những gì anh còn nhớ về những hòn đảo và những đường đi lại của tàu bè về phía bắc eo biển Magellan thì không có con kênh nào rộng và sâu đủ cho những chiếc tàu to lớn như thế đi qua”.

“Có thể chúng không tính đến chuyện đi ra biển”, Loren gợi ý. “Có thể chúng chỉ cần những chiếc tàu đó nổi trên mặt nước khi xảy ra thảm họa được báo trước”.

“Có vẻ như vậy lắm”, Pitt nói, cố chấp nhận quan điểm của Loren. “Em phán đoán rất gần sự thật. Chắc chắn bọn Wolf đã tiêu tốn tiền tỉ cho vụ này”.

Anh bắt đầu trở nên trầm lặng và Loren dễ dàng nhận ra anh đang đắm mình trong suy nghĩ. Cô đứng lên và đi về phía phòng dành cho phụ nữ, để anh có thì giờ nghiền ngẫm những ý tưởng nảy ra trong đầu. Dù Pitt nhận thấy khó có thể chấp nhận sự việc nhưng anh đã bắt đầu thấy tại sao những thế hệ sau này của dòng họ Wolf được phối giống bằng cách tuyển chọn gen.

Những đảng viên Quốc xã cũ từng thống trị nước Đức đã chết từ lâu nhưng họ đã để lại một gia tộc gồm những người ưu tú sẽ đủ mạnh để sống sót sau thảm họa sắp đến, sau đó lợi dụng những gì còn lại từ một thế giới văn minh để tái lập một thế giới mới được kiểm soát và chỉ đạo dưới những tiêu chuẩn chính xác của sự ưu việt.

Những vách đá hoa cương màu xám của hẻm núi nhô lên như những cái bóng khổng lồ trước khi chúng bị hoen ố bởi bầu trời đêm. Phía dưới kia, khối băng màu xanh trắng của những tảng băng trôi lấp lánh dưới ánh sáng nhợt nhạt của mặt trăng chưa tròn lắm. Đỉnh núi Cerro Murallon cao mười một ngàn tám trăm bộ, tuyết phủ quanh năm sừng sững dưới bầu trời đầy sao và những đám mây lang thang - trên sườn dốc phía tây về phía nam dãy Andes trước khi đổ ra biển theo chiều dốc đứng, trong khi những đường nứt sâu của nó được phủ kín bằng tuyết từ một quá khứ xa xăm. Đêm thật trong và sắc nét, bầu trời sáng vàng vạc. Dưới ánh sáng của dải Ngân hà, một chiếc xe nhỏ lao qua những vách của hẻm núi đầy đe dọa, như một con dơi bay qua một đường hầm để kiếm mồi.

Chiếc xe bay Moller M400 chẳng lớn hơn một chiếc jeep Chero Kee bao nhiêu, nhưng lúc bay, nó lại ổn định hơn một máy bay lớn hơn nó nhiều, và nó có thể đáp xuống những đường phố và đậu trong những gara của gia đình. Được thiết kế theo khí động lực học, mũi của nó có dáng một hình nón thoải thoải, tạo cho nó vừa giống chiếc xe hơi General Motors, vừa giống một tên lửa chiến đấu. Với hai chong chóng vừa nâng vừa đẩy, cho phép chiếc Moller bốc lên như một trục thẳng và bay ngang như một máy bay qui ước, với vận tốc ba trăm dặm mỗi giờ và đạt độ cao tối đa, là ba chục ngàn feet. Dù một hoặc cả hai động cơ đều mất tác dụng, nó vẫn có thể đáp xuống an toàn và không gây khó chịu cho hành khách. Thậm chí ngay cả lúc bị rơi trong trường hợp bị tấn công thì chiếc dù đôi sẽ được triển khai để nó và những người bên trong nó xuống đất an toàn, không bị thương, không đau đớn.

Hệ thống bộ phận cảm biến và bảo đảm an toàn khi xảy ra sự cố, bảo vệ trước những sai sót trong lúc bay được điều khiển bằng máy vi tính. Bốn máy tính khác liên tục kiểm soát tất cả các hệ thống và duy trì việc tự động kiểm soát đường bay theo chỉ dẫn của những vệ tinh. Hệ thống định vị Địa cầu khi nó bay trên sông, núi và qua các thung lũng, hẻm núi với hệ thống hướng dẫn hiệu quả cao đã loại trừ được những tình thế khó khăn của một phi công.

Tầm nhìn của Pitt đối với quang cảnh bên ngoài kính chắn gió bị hạn chế. Anh hiếm khi nhìn ra ngoài cửa hai bên. Anh không quan tâm đến việc nhìn thấy bóng chiếc máy bay dưới ánh trăng yếu ớt, in hình trên những tảng đá bên dưới hoặc trượt qua những ngọn cây. Anh còn đặc biệt không quan tâm đến chuyện nhìn xem chiếc máy bay và bóng của nó hầu như chập lại làm một. Anh có thể quan sát đường bay qua địa hình thực sự, trong lúc thiết bị bay tự động điều khiển, máy bay theo đường bay được lập trình sẵn. Những sự cố bất thường lập tức được điều chỉnh bởi những van bên dưới các động cơ điều khiển bởi hệ thống ổn định tự động.

Pitt rất bức mình vì cứ phải ngẩng khoanh tay trong lúc chiếc Moller bay qua hẻm núi trong hoàn cảnh nguy hiểm chết người mà hoàn toàn không nhờ đến sự trợ giúp của khối óc và hai bàn tay của con người. Anh không có lựa chọn nào khác ngoài việc đặt niềm tin của mình vào sự hướng dẫn của hệ thống máy điện toán và để chúng điều khiển việc bay. Nếu Giordino — đang ngồi bên anh - đã quá quan tâm đến những cái máy tính, lại thất bại trong việc giữ cho máy bay không đâm vào vách núi, thì Pitt

cũng không đọc được dấu hiệu nào lộ ra trên gương mặt bạn mình. Giordino vẫn bình tĩnh đọc một cuốn tiểu thuyết phiêu lưu dưới ánh sáng trong phòng lái, trong lúc Pitt chuyển sự chú ý

của mình vào một tấm hải đồ về độ sâu dưới nước trong vịnh có xưởng đóng tàu của tập đoàn Wolf.

Không có kế hoạch bay ở những độ cao an toàn trên những đỉnh núi cao nhất. Đây là một nhiệm vụ lén lút. Máy bay của họ được vệ tinh hướng dẫn bay tới mục tiêu, vừa tránh sự phát hiện bằng rada và tia laser của địch.

Thân thể hai người ướt đẫm mồ hôi trong bộ áo liền quần DUI CF200 và lớp quần áo lót đặc biệt để ngăn bức xạ và nhiệt, nhưng không ai trong hai người than phiền điều đó. Họ đã mặc những quần áo chống nước lạnh này trước khi bay với mục đích tiết kiệm thời gian thay đổi quần áo sau khi hạ cánh.

Pitt nhấn một nút báo hiệu và đọc con số hiện ra. “Hai trăm mười hai dặm từ lúc chúng ta cất cánh khỏi chiếc tàu tại Punta Entrada ngoài khơi Santa Cruz”.

“Còn xa không?” Giordino hỏi, vẫn không rời mắt khỏi những trang giấy của cuốn tiểu thuyết.

“Còn gần năm mươi dặm. Trong mười lăm phút nữa, chúng ta sẽ tới những ngọn đồi bên trên xưởng đóng tàu của bọn Wolf”. Địa điểm hạ cánh chính xác đã được lập trình sẵn vào máy vi tính theo một tấm không ảnh do một vệ tinh do thám chụp được”.

“Đủ thì giờ đọc hết một chương nữa”.

“Có gì hấp dẫn đến nỗi cậu không rời mắt khỏi cuốn truyện thể?”

“Tôi đang đọc tới đoạn anh chàng sắp cứu được cô nàng vào những giây cuối, khi những tên khủng bố khốn kiếp muốn cưỡng bức cô nàng”.

“Tôi đã đọc cuốn truyện này”, Pitt nói, vẻ hờ hợt. Anh lại chú tâm vào việc quan sát địa hình thực sự phía trước mặt qua cặp kính hồng ngoại dùng để nhìn xuyên màn đêm, gắn trên mũi chiếc M400, giống như trong trò chơi bắn mục tiêu bằng máy bắn đạn. Họ đang đến gần bãi đáp trên núi và vừa bay qua một vách đá tối tăm. Mặt đồng hồ báo hiệu hiện ra những chữ số màu đỏ và cam cho thấy vận tốc, độ cao, nhiên liệu và khoảng cách tới điểm hạ cánh. Pitt chợt nhớ lại việc anh ta đã sử dụng một hệ thống tương tự trên chiếc máy bay họ dùng để săn đuổi bọn cướp chiếc tàu du lịch trong những vịnh của Chi Lê cách nơi này không hơn một trăm dặm về phía nam.

Pitt nhìn xuống những khối băng trôi phía dưới kia. Anh thở ra nhẹ nhõm khi trông thấy những vách núi cuối cùng đã lùi về phía sau. Những tia sáng từ mặt trăng phản chiếu trên một tảng băng phẳng và mịn có những khe nứt bất thường len lỏi trên bề mặt của nó cách đều nhau khoảng nửa dặm. Khối băng trải rộng hơn, như thể nó muốn vươn tới điểm hẹn của nó là vịnh nước trước khi tan chảy và biến mất vào biển cả.

Lúc này họ đã vượt qua nơi hiểm trở nhất của dãy núi và Pitt đã có thể nhận ra những chùm ánh sáng trên đường chân trời phía xa. Anh biết đó không phải là những ngôi sao vì chúng chụm lại với nhau và lấp lánh tại một độ cao quá thấp. Anh cũng biết đi đầu đó vì bầu khí quyển đậm đặc làm cho ánh sáng có vẻ rất xa so với vị trí thật của chúng. Sau đó, rất chậm chạp hầu như không thể nhận ra, anh vẫn cảm biết được những chùm ánh sáng khác nổi lên giữa màn đêm. Năm phút sau, hoàn toàn không nhần lẫn, Pitt nhìn thấy ánh sáng rực rỡ từ những chiếc tàu quái dị, khổng lồ, trông như những thành phố nhỏ trong bầu trời đêm.

“Đối tượng của chúng ta kia rồi”, anh thản nhiên nói, không lộ ra chút cảm xúc nào.

“Mẹ kiếp!” Giordino lẩm bẩm. “Đúng lúc tôi đọc tới chỗ hấp dẫn nhất”.

“Thư giãn đi. Cậu còn những mười phút nữa để đọc xong đoạn đó mà. Hơn nữa, tôi còn biết câu chuyện kết thúc như thế nào”.

Giordino nhìn lên, “Cậu biết?”

Pitt nghiêm chỉnh gật đầu, “Tên người hầu giữ hãm rượu đã làm chuyện đó”.

Giordino ném cho Pitt một ánh mắt đầy đe dọa rồi quay lại với cuốn sách của mình.

Chiếc Moller M400 không bay thẳng bên trên vùng ánh sáng của xưởng đóng tàu và những chiếc tàu đồ sộ nằm trong vịnh. Thay vì thế, như thể nó có một bộ óc riêng của mình - như nó đã chứng tỏ đi đầu đó - nó đảo một vòng về hướng tây nam. Pitt chẳng thể làm gì hơn ngoài việc nhìn những ánh sáng lấp lánh hiện ra bên hông máy bay.

“Chấm dứt!” Giordino thở phào. “Cậu chỉ giỏi phịa, gã hầu giữ hãm rượu đâu có giết đến mười ngàn người, đó là một nhà khoa học nửa khùng nửa điên”. Anh ta nhìn ra ngoài, nơi có hàng ngàn chùm ánh sáng. “Liệu hệ thống báo động của chúng có phát hiện chúng ta không?”

“Dễ gì. Chiếc Moller M400 nhỏ là thế, trù radar rất tinh vi của quân đội, không phương tiện nào khác có thể phát hiện nó”.

“Hy vọng cậu nói đúng”, Giordino nói vẻ căng thẳng. “Tôi rất khiêm tốn khi được các ủy ban đón tiếp”.

Pitt chiếu cây đèn bấm nhỏ như một cây bút lên tấm bản đồ của anh. “Tại điểm này, máy điện toán cho chúng ta sự lựa chọn giữa việc lặn dưới nước suốt hai dặm hoặc đi bộ bốn dặm qua một khối băng để tới xưởng đóng tàu”

“Đi bộ qua một khối băng trôi trong đêm tôi nghe chẳng khoái chút nào”. Giordino nói. “Chuyện gì sẽ xảy ra nếu gã nhóc con của Bà Giordino rơi xuống một khe nứt và đến một ngàn năm sau vẫn chưa được tìm thấy?”

“Tôi không sao hình dung được cảnh cậu nằm trong cái hòm kính trưng bày tại một nhà bảo tàng và có hàng ngàn người luôn chiêm ngưỡng cậu”.

“Tôi chẳng thấy có gì lạ lùng nếu tôi là một ngôi sao cuốn hút thiên hạ vào một lúc nào đó trong tương lai,” Giordino nói, làm bộ cao ngạo.

“Có bao giờ xảy ra cảnh người ta chiêm ngưỡng cậu nằm trằn trọc không nhỉ? Cậu mà trở thành một người mẫu trong thế kỷ hai mươi một này mới là chuyện lạ”.

“Tôi sẽ chứng tỏ cho cậu thấy tôi có thể là một trong những người mẫu bảnh nhất”.

Câu chuyện vớ vẩn của họ chấm dứt lúc chiếc Moller chuyển về vận tốc hạ cánh và nó bắt đầu xuống thấp. Pitt quyết định họ sẽ lặn dưới nước và anh lập trình máy điện toán, ra lệnh cho máy bay đáp xuống tại một khu vực đã định sẵn gần bờ biển được CIA chọn theo sự phân tích những tấm không ảnh do vệ tinh cung cấp. Một phút sau, hệ thống van dẫn của những động cơ chiếc M400 tổng lực đẩy của chúng qua những ống thoát và chiếc máy bay hoàn toàn dừng lại. Nó đứng yên một chỗ trên không trong tư thế sẵn sàng đáp xuống. Những gì Pitt có thể thấy trong bóng đêm là họ đang ở trên một hẻm núi hẹp, cách mặt đất khoảng ba chục bộ. Sau đó, chiếc Moller hạ thấp xuống và nhẹ nhàng chạm mặt đất đầy những tảng đá cứng. Một giây sau, các động cơ ngừng hẳn và mọi hệ thống chấm dứt hoạt động. Tại trung tâm theo dõi, tín hiệu báo cho Đô đốc Sandecker biết họ đáp xuống an toàn và cách điểm lập trình chỉ bốn inch.

“Chưa bao giờ trong đời, tôi cảm thấy mình vô dụng như lần này,” Pitt nói.

“Người ta hay có khuynh hướng cảm thấy mình là kẻ thừa thải mà,” Giordino nói thêm lúc anh ta nhìn qua cửa hông máy bay. “Chúng ta đang ở đâu?”.

“Trong một hẻm núi cách vịnh khoảng năm chục mét”.

Pitt mở chốt mái vòm chiếc xe bay, nâng nó lên và bước ra ngoài trên nền đất cứng. Đêm không yên tĩnh chút nào. Những tiếng động của máy móc làm việc từ xưởng đóng tàu vọng tới thật rõ trên mặt nước. Anh mở bộ phận chứa hàng phía sau, đưa bộ đồ lặn cho Giordino gồm dụng cụ làm thăng bằng và bình dưỡng khí, đai lưng, chân vịt và sau cùng là mặt nạ lặn. Cả hai mang ủng và đội nón trùm đầu. Sau đó, đeo dụng cụ thăng bằng và bình dưỡng khí kẹp cho nhau. Trước ngực là một cái túi chứa súng lục, đèn bấm, và Pitt còn mang thêm cái máy truyền tin Globalstar cực nhạy. Vật cuối cùng họ lấy từ chiếc M400 là hai ống phóng ngư lôi vận hành bằng pin dành cho thợ lặn trông như những tên lửa nhỏ. Vận tốc tối đa của chúng dưới nước là bốn dặm rưỡi mỗi giờ và thời gian lao tới là một giờ.

Pitt còn mang theo một máy vi tính định hướng nhỏ, tương tự như loại anh đã dùng trong khu mỏ Pandora tại Colorado trên cánh tay trái và nối mạch của nó với những vệ tinh hướng dẫn. Sau đó anh đặt mã số cho máy vi tính dịch các dữ liệu lên màn hình kiểm soát cho biết vị trí chính xác của họ đối với xưởng đóng tàu và con kênh dẫn vào vịnh.

Giordino đi đầu chỉnh một đèn chiếu quang phổ trên mặt nạ lặn của anh rồi bật công tắc. Quang cảnh đột ngột hiện ra trước mắt, hơi mờ nhưng đủ để nhận thấy những hòn sỏi nhỏ đường kính nửa inch trên mặt đất. Giordino quay sang Pitt.

“Tới giờ chưa?”

Pitt gật đầu. “Vì cậu có thể nhìn thấy lối đi của chúng ta trên mặt đất nên cậu đi trước, tôi sẽ bắt kịp lúc chúng ta tới mép nước”.

Giordino chỉ gật nhẹ đầu, không nói gì. Cho tới lúc họ đã an toàn xâm nhập mạng lưới an ninh quanh xưởng đóng tàu, cũng chẳng có gì phải trao đổi với nhau. Pitt không cần phải có quyền năng thần giao cách cảm để hiểu đi đâu gì đang diễn ra trong đầu Giordino. Chắc chắn lúc này anh chàng người Ý cũng có cùng cảm giác như Pitt thôi.

Họ đang cách xa văn phòng Đô đốc Sandecker tại Tổng hành dinh NUMA sáu ngàn dặm và hai mươi bốn giờ bay, và đang trên đường xâm nhập vào một mụ đồ khổng khiếp phát sinh từ một nhóm những kẻ điên rồ.

“Có chuyện không hay rồi,” ông Đô đốc nói với vẻ nghiêm trọng. “Tiến sĩ O’Connell mất tích”.

“Tôi tưởng cô ấy đang được các nhân viên an ninh không rời mắt suốt ngày đêm chứ”. Pitt nói, vừa nhìn ông Ken Helm.

“Mọi người đều biết bà ấy lái xe đưa con gái đi ăn kem. Trong lúc những nhân viên bảo vệ ngỗ đợi trong xe của họ, Tiến sĩ O’Connell và con gái đi vào hiệu kem và không trở ra nữa. Không thể chỉ trong một thời gian ngắn không chuẩn bị trước mà bọn bắt cóc lại biết được hành động của bà O’Connell”.

“Lại bọn Wolf rồi”. Pitt đấm nắm tay xuống mặt bàn. “Tại sao chúng ta cứ đánh giá thấp bọn chúng chứ?”

“Tôi nghĩ thậm chí cậu còn thất vọng hơn khi nghe phần còn lại của sự việc”, ông Sandecker nói với vẻ ảm đạm.

Pitt nhìn ông già, trên mặt anh lộ vẻ lo lắng. “Để tôi đoán xem. Elsie Wolf không đi qua cửa trước đường với cái xác cô chị họ Heidi trên vai chứ?”

Ông Sandecker nguệch ngoạc một dấu hiệu không rõ ràng trên mặt bàn hóp bóng loáng. “Hãy tin tôi, cô ta đâu có phải là một nhà ảo thuật”, ông Ken Helm, nhân viên FBI nói. “Đường đó được trang bị những phương tiện an ninh với kỹ thuật hiện đại nhất”.

“Các camera quan sát của ông không phát hiện việc cô ta bỏ trốn à?” Pitt có vẻ cáu. “Rõ ràng Elsie không đi qua cửa trước với cái xác chị họ trên vai cô ta”.

Ông Helm chỉ hất nhẹ đầu. “Mọi camera đều hoạt động và những thiết bị kiểm soát làm việc không hề gián đoạn. Tôi rất tiếc, không, rất xấu hổ phải nói rằng chúng tôi không phát hiện ra một dấu vết nào về chuyện cô ta trốn thoát”.

“Đám này phải có khả năng lách qua mọi kẽ hở”, Giordino nói, anh ta ngỗ cuối bàn, đối diện với ông Đô đốc. “Hoặc chúng đã chế tạo được loại thuốc uống để trở thành vô hình”.

“Chúng cóc có gì cả”, Pitt nói. “Chúng thông minh hơn chúng ta”.

“Tất cả những gì chúng tôi có thể suy đoán”, ông Helm thú nhận, “là một máy bay phản lực hành động của Tập đoàn Vận Hội đã cất cánh từ một

phi trường gần Baltimore và hướng về...”

“Argentina”, Pitt kết thúc câu nói của ông Helm.

“Còn nơi nào khác hơn chứ?” Giordino góp thêm. “Đừng nghĩ chúng giữ cô ở tại Hoa Kỳ là nơi chúng có rất ít hoặc hoàn toàn chẳng có cơ hội trốn khỏi những cơ quan đi điều tra của chính phủ”.

Ông Ron Little của CIA hắng giọng. “Câu hỏi là tại sao? Đã có lúc chúng ta buộc phải tin là chúng muốn trừ khử ông Pitt, ông Giordino và Tiến sĩ O’Connell, vì họ đã phát hiện căn hầm tại Colorado và những chữ khắc ở đó. Nhưng bây giờ, có quá nhiều người biết về những thông điệp do những người cổ đại để lại. Vì vậy, nỗ lực cố giữ bí mật trở nên vô ích”.

“Câu trả lời thực tế duy nhất là chúng cần đến khả năng chuyên môn của bà tiến sĩ”, ông Helm gợi ý.

“Lúc tôi hỏi Elsie Wolf là người Amenes đã xây dựng bao nhiêu căn hầm, cô ta bảo có sáu căn hầm tất cả”, Pitt nói. “Chúng ta tìm được hai, và chúng tìm được một. Về những căn hầm khác, hai bị phá hủy vì những nguyên nhân tự nhiên. Chỉ còn lại một chưa được phát hiện, và cô ta bảo nó nằm tại đâu đó trong dãy núi Andes của Peru, nhưng không xác định hướng nào. Tôi dám cá là bất chấp tất cả mọi chuyên gia phần mềm máy vi tính của chúng, chúng cũng không thể tìm ra mã số cho phép chúng tìm ra căn hầm còn lại”.

“Vì vậy chúng đã tìm mọi cách cứu Elsie, hy vọng cô ta sẽ khám phá mã số đó”, ông Sandecker nói.

“Ngài nói có lý”, ông Helm chậm rãi nói.

Giordino chồm qua bàn, “Dù chỉ biết Pat trong một thời gian ngắn, tôi vẫn tin chắc chắn cô ấy sẽ không hợp tác với chúng”

Ông Little cười nhẹ. “Nhưng chúng có cả cô con gái mười bốn tuổi của tiến sĩ O’Connell. Tất cả những gì bọn Wolf phải làm là đe dọa làm hại cô bé”.

“Bà ấy sẽ phải hợp tác thôi”, ông Helm nói, giọng trầm trọng. “Bà ấy không còn lựa chọn nào khác”.

“Vì vậy, chúng ta phải giải thoát mẹ con cô ấy”, Pitt nói.

Ông Little nhìn anh với vẻ ngờ vực. “Chúng ta đâu biết chính xác nơi chúng giam giữ bà ấy”.

“Trong xưởng đóng tàu của chúng tại Chi Lê. Bọn Wolf rất cuồng tín về vụ một ngày đen tối sắp xảy ra, và tôi chắc chắn chúng đã họp mặt trên những chiếc tàu để chuẩn bị cho vụ đại hồng thủy”.

“Tôi có thể cung cấp cho quý ông những tấm không ảnh về những chiếc tàu của chúng chụp từ vệ tinh”, ông Little nói. “Nhưng tôi phải báo cho quý ông biết, những nhà phân tích của chúng tôi tin hệ thống an ninh của chúng không cho phép bất kỳ kẻ lạ nào tiếp cận những chiếc tàu đó, dù bằng đường bộ, đường biển hoặc trên không”.

“Nếu vậy, chúng tôi sẽ xâm nhập bằng con đường lặn dưới nước”.

“Chúng tôi sẽ có cách”.

“Tôi không đồng ý giải pháp này”, ông Sandecker đi đến tận nói. “Đó là một công việc vượt quá khả năng của NUMA. Đây là việc của Lực lượng Hành động Đặc biệt hoặc của Thủy quân Lục chiến”.

“Tìm và giải cứu Pat O’Connell và con gái cô ấy chỉ là một phần kế hoạch của chúng ta”, Pitt giải thích. “Không ai tốt hơn Al và tôi trong việc đi đầu tra dự án đóng tàu khổng lồ của Tập đoàn Vận hội. Gần một năm trước, chúng tôi thực hiện một vụ tìm kiếm bí mật về một chiếc tàu trước kia của Hoa Kỳ, và chúng tôi phải lặn trong một xưởng đóng tàu tại Hồng Kông. Trong trường hợp này, chúng ta phải đối phó với một dự án điên rồ tốn hàng tỉ đô la của dòng họ Wolf để đóng những chiếc tàu không thể ra biển”.

“FBI không thể giúp gì quý ông trong vụ này”, ông Helm nói. “Cả một nửa thế giới nằm ngoài lãnh thổ của chúng ta”.

Ông Little mở rỗi nắm bàn tay nhiều lần, vẻ căng thẳng. “Ngoài việc cung cấp thông tin, tôi e rằng chúng tôi cũng bó tay thôi”.

Pitt nhìn ông Sandecker và mỉm cười. “Có vẻ như chúng tôi đã thắng cử”.

Ông Đô đốc không cười đáp trả. “Cậu tin chắc phải xâm nhập ngay vào vùng cấm địa của dòng họ Wolf à?”

“Tôi tin như thế”, Pitt nghiêm chỉnh trả lời. “Tôi còn tin - nhưng tôi không thể nói tại sao - là còn có một mục đích khác thâm độc hơn nằm đằng sau những hành động của bọn chúng. Một mục đích với những hậu quả thật khủng khiếp”.

Hẻm núi hẹp quanh co khoảng một trăm mét trước khi mở rộng ra vùng nước của vịnh. Bờ biển phía tây thoải dốc dần lên một bán đảo mang cái tên lạ lùng là Miệng Cũ. Bờ vịnh phía đông bị cắt ngang bởi

những kênh đào bằng cách phá những tảng băng trôi. Những bóng đèn sáng trưng từ xưởng đóng tàu và trên bốn thành phố nổi của gia tộc Wolf phản chiếu qua mặt nước trên phần cuối vịnh về phía bắc.

Giordino dừng lại và ra hiệu cho Pitt đứng im trong bóng tối của một tảng đá lớn. Hai chiếc xuồng tuần tiễu đang chạy song song tại những bờ đối diện của con kênh đào trên mặt nước đen đúa, quét đèn qua lại trên bờ và trên mặt kênh. Giordino quan sát đội tuần tra qua máy cảm biến bằng tia hồng ngoại của anh, nó có tác dụng biến bóng tối thành ánh sáng mờ. “Cậu là chuyên gia về tàu bè”, Pitt nói. “Cậu có thể phân biệt chúng chứ?”

“Đó là loại xuồng ba mươi tám bộ của Công ty Dvichak”, Giordino trả lời dễ dàng. “Thường được đóng với mục đích giải quyết chuyện tràn dàu. Nhưng trong trường hợp này, chúng lại được trang bị súng ống. Đúng là một loại xuồng vững chãi, mạnh và đáng tin cậy. Không nhanh, chỉ khoảng mười tám nút, nhưng động cơ ba trăm mã lực cho phép chúng có thể đẩy hoặc kéo những tàu chở hàng lớn. Được dùng vào công việc tuần tra và chiến đấu là đúng sở trường của chúng”.

“Cậu nhận ra loại súng gì chứ?”

“Hai khẩu tự động, nòng lớn, gắn ở đầu và đuôi xuồng”, Giordino trả lời. “Tôi chỉ có thể thấy chùng đó”.

“Vận tốc?”

“Có vẻ đang ở vận tốc bốn nút, chạy chậm để phát hiện những kẻ xâm nhập”.

“Đủ chậm để những quả ngư lôi 2000S của chúng ta đuổi kịp”.

“Thứ gì đang xảy ra trong đầu cậu thế?” Giordino hỏi.

“Chúng ta đợi dưới nước cho đến khi chúng quay lại để trở về xưởng đóng tàu”, Pitt trả lời. “Sau đó, khi chiếc xuồng vừa đi qua, chúng ta bám theo đuôi đường rẽ nước của nó. Chuyển động của nước sẽ che giấu sự có mặt của chúng ta khỏi sự phát hiện của những máy cảm biến dưới nước của chúng”.

“Nói nghe hay lắm”.

Khi những chiếc xuồng tuần tra tiếp tục quét về phía sau, Pitt và Giordino kiểm tra lại các trang bị của họ lần chót trước khi đội nón trùm đầu và đeo găng tay. Tiếp theo, họ gắn chân vịt lặn vào đôi giày bộ đồ lặn. Những mặt nạ lặn có gắn bộ phận truyền tin dưới nước được trùm lên nón trùm đầu. Sau cùng, mỗi người buộc một đầu sợi dây nhỏ vào đai thắt

lưng. Sợi dây này nối hai người với nhau để giữ họ không bị tách rời và lạc nhau trong màn nước tối tăm.

Sau khi tổng hết không khí ra khỏi bộ quần áo khô, Giordino đưa ngón tay cái lên báo hiệu anh đã sẵn sàng. Pitt vẫy tay đáp trả và đi vào trong nước. Đáy biển gần bờ có nhiều đá và trơn trượt vì nhiều rong rêu. Những thiết bị lặn trì kéo thân thể xuống, họ phải thận trọng bước để giữ thăng bằng cho tới lúc nước ngập đến ngực, và họ có thể ngã người về phía trước và bơi ngay dưới mặt nước. Đáy biển nhanh chóng tụt xuống, và Pitt đã ở độ sâu mười bộ. Tại đây, anh dừng một lúc để tổng hết chỗ không khí còn lại ra khỏi bộ quần áo lặn. Anh thở ngắn hơi, và được kéo xuống theo đà lực quán tính cho tới khi sức ép của nước nén chặt bộ áo lặn và anh tăng thêm một lượng nhỏ không khí để giữ quân bình bộ đồ nổi cho phép anh có thể dừng lại một chỗ, không cử động.

Sau khi ra khỏi bờ khoảng năm chục mét, Pitt trồi lên và nhìn về phía nam. Hai chiếc xuồng tuần tra đã tới cuối đường và đang quay đầu để trở về “Chúng đang tiến về phía chúng ta”, anh nói qua bộ phận truyền tin. “Tôi hy vọng cậu nói đúng là chúng đang di chuyển với vận tốc bốn nút. Như thế, dụng cụ đẩy có thể đưa chúng ta theo kịp chúng”.

Cái đầu của Giordino trồi lên cạnh Pitt. “Chúng sẽ tới gần, nhưng tôi nghĩ chúng ta nên giữ một khoảng cách vừa phải với chúng. Hy vọng chúng không trang bị camera dưới nước”.

“Vịnh này rộng ít nhất nửa dặm - quá lớn để có thể phủ kín camera có hiệu quả.” Pitt xoay quanh và nhìn về phía có ánh sáng tại mặt bắc. “Với ba ca làm việc suốt hăm bốn giờ, bọn Wolf phải có cả một kho tàng để trả lương”.

“Cậu cá gì nếu tôi bảo là bọn chúng không ưu đãi công nhân?”

“Cậu hình dung xem đáy những chiếc xuồng này cách mặt nước bao xa?”

“Không tới hai bộ, nhưng với sức nặng mọi thứ trên xuồng, có lẽ đáy xuồng phải cách mặt nước đến ba bộ”.

Họ quan sát khi chiếc xuồng bên phía bờ vịnh đến gần. Ước tính đường đi của nó, họ bơi ra xa khoảng mười mét rồi vòng lại và lặn xuống chừng mười hai bộ, trước khi đèn chiếu của những chiếc xuồng quét qua đầu họ. Ở dưới nước, động cơ chiếc xuồng và cánh quạt phát ra tiếng động lớn gấp bốn lần trong không khí. Họ lật mình nằm ngửa và chờ đợi. Từ

dưới nước, họ nhìn lên mặt vịnh, quan sát những chùm ánh sáng đến gần và nhảy múa trên mặt nước lạnh lẽo.

Sau đó, cái bóng đen đúa của chiếc xuồng quét qua đầu họ, cái chân vịt khổng lồ quạt nước sủi bọt trắng xóa. Hầu như ngay tức khắc, Pitt và Giordino nhấn nút vận hành của dụng cụ đẩy rồi lao vào giữa đường rẽ nước sôi sục phía sau chiếc xuồng tuần tra.

Ở vận tốc bốn nút, cánh quạt chỉ hoạt động một phần ba số vòng quay khi nó đạt tốc độ tối đa. Họ dễ dàng duy trì sự ổn định phía sau chiếc xuồng, không bị nhồi lắc hoặc va chạm, tình trạng rắc rối nhất họ phải chịu đựng là hầu như họ bất lực không thể thấy nơi họ đang đắm mình trong nước. Cũng may mà qua màn nước dao động và sủi bọt, Pitt vẫn nhìn thấy được chùm ánh sáng nhỏ sau đuôi chiếc xuồng. Vì vậy anh cố không rời mắt khỏi nó, hai bàn tay bấu chặt dụng cụ đẩy tới trong lúc vẫn hướng mũi quả tên lửa theo hướng chiếc xuồng qua màn nước sôi sục.

Họ bám dính chiếc xuồng suốt hai dặm sau đó, cách mặt nước bằng giá trong vịnh khoảng sáu bộ và giữ khoảng cách với chiếc xuồng. Những bình điện của họ nhanh chóng hao hụt. Pitt chỉ có thể hy vọng họ có đủ nhiên liệu để trở lại hẻm núi với cái xe bay. Niềm an ủi duy nhất của anh là Giordino và anh không dễ dàng bị phát hiện dưới những chùm ánh sáng chói lọi từ xưởng đóng tàu. Dù họ được che khuất bởi những đường rẽ nước và bộ đồ lặn màu đen trong lúc trằn mình dưới nước, nhưng một thủy thủ với cặp mắt sắc bén vẫn có thể nhận ra dấu vết của một sự kiện bất thường đáng ngờ. Nhưng không xảy ra chuyện gì. Pitt thấy rõ nhóm thủy thủ trên xuồng chỉ chăm chú theo dõi chùm ánh sáng quét qua quét lại trước mặt chúng.

“Cậu nghe tôi rõ chứ*?” Pitt hỏi qua dụng cụ truyền tin gắn trong mặt nạ lặn.

“Rõ từng tiếng”. Giordino trả lời.

“Máy theo dõi của tôi cho biết chúng ta đã được che giấu khoảng hai dặm. Chiếc xuồng đang sẵn sàng bắt đầu vòng tuần tra tiếp theo trong vịnh. Vào lúc chúng ta cảm nhận đường rẽ nước lệch sang trái hoặc sang phải, chúng ta lặn xuống ngay đến độ sâu an toàn trước khi trồi lên để quan sát”.

“Tôi sẽ bám sát cậu”, Giordino nói, bình thản như thể anh chàng đang đợi chuyến xe buýt đang tới từ góc phố.

Chưa đầy ba phút sau, chiếc xuồng tuần tra bắt đầu quành một góc một trăm tám mươi độ. Cảm thấy đường rẽ nước bắt đầu lệch sang một bên, Pitt và Giordino lặn xuống hai mươi bộ và thả lỏng thân mình trong nước cho tới lúc ánh đèn tuần tra mờ hẳn đằng xa và không còn nhìn thấy từ dưới nước. Rất chậm rãi và thận trọng họ quật chân vọt lặn và bơi lên, không biết chắc chắn nơi họ sẽ nổi trên mặt nước.

Hai cái đầu chỉ lộ khỏi mặt nước vài inch. Hai cặp mắt rà quét chung quanh. Họ nhận ra họ đến gần khu đóng tàu đầu tiên trong bốn khu đóng tàu khổng lồ trải dài cả một dặm trong vịnh. Một thành phố nổi đồ sộ được neo dọc theo xưởng đóng tàu gần nhất trong lúc ba chiếc tàu khổng lồ kia được neo song song tại ba xưởng khác nằm dọc một hàng. Họ bị lóa mắt trước một cảnh tượng rực rỡ dưới bầu trời đêm. Đối với Pitt và Giordino, từ dưới nước nhìn lên, quang cảnh quá đổi hoành tráng. Những gì bày ra trước mắt họ thật không thể tưởng tượng được. Họ không hình dung nổi cái khối khổng lồ kia, không chỉ nổi trên mặt nước mà nó còn có thể đi khắp thế giới bằng chính quyên lực của nó.

“Có thể đây là sự thật sao?” Giordino thì thầm trong sự ngỡ ngàng.

“Thật kì diệu”, Pitt trăn trồ, nhẹ như một hơi thở.

“Chúng ta bắt đầu từ đâu?”

“Lúc này hãy tạm quên những chiếc tàu. Chúng ta phải tìm ra một nơi nào đó để giấu những thiết bị lặn trước khi lùng sục các văn phòng của khu đóng tàu”.

“Cậu nghĩ Pat bị giam giữ ở đó?”

“Tôi không biết, nhưng những nơi đó có lẽ là điểm khởi đầu hợp lý nhất”.

Chúng ta có thể di chuyển bên dưới xưởng đóng tàu cho tới lúc đến một khu vực có đá trên bờ”, Giordino nói, đưa một bàn tay lên để phác một cử chỉ về phía mặt nước giữa những giàn đèn ketch sù. “Có vài khe nứt trong bóng tối về phía bên phải. Hy vọng chúng ta có thể vào đó để thay đổi y phục làm việc”.

Màu áo làm việc của họ màu cam, tương tự đồng phục của tù nhân tại Hoa Kỳ, được may theo mẫu những ảnh chụp lên các công nhân làm việc ở đây. Những tấm ảnh đó do vệ tinh do thám ghi được và gửi cho Đô đốc Sandecker, cùng với những bản đồ chi tiết về khu đóng tàu và một phúc trình phân tích những cao ốc trong khu vực này.

Pitt bấm nút ghi hình trên dụng cụ kiểm soát của anh và gắn nó lên mặt nạ lặn rồi nhìn về phía giàn đèn của xưởng đóng tàu. Quang cảnh hiện ra rõ mồn một, như thể anh đang đứng trên mặt đất dưới ánh sáng mặt trời. Anh có cảm giác như đang bơi trong một hành lang dưới nước qua màn ánh sáng lung linh từ trên lọc xuống.

Họ di chuyển trên những ống dẫn lớn và những dây cáp điện dẫn từ bờ tới khu đóng tàu. Tần nhìn tăng lên hơn một trăm bộ dưới hàng ngàn chùm ánh sáng như thể họ đang ở trong thành phố Las Vegas.

Pitt tiếp tục bơi, Giordino bên cạnh và hơi lùi về phía sau. Đáy biển lởm chởm đá trơ láng và cao dần lên cho đến lúc hai người thợ lặn có thể đứng dậy. Họ lên bờ, nằm nghỉ trong bóng tối nhìn những vách đá nhô lên từ một bến tàu nhỏ cách những giàn đèn xưởng đóng tàu không xa. Một chùm ánh sáng lẻ loi trên bến tàu trông thật khiêm tốn trước một giải Ngân hà ánh sáng rực rỡ, lấp lánh từ khu đóng tàu, soi sáng mặt biển những tòa cao ốc nhỏ Pitt đã thấy trong tấm không ảnh do vệ tinh cung cấp. Chỉ những bức tường bên hông tòa nhà mới chìm trong bóng tối.

“Quang cảnh trông thế nào?” Giordino hỏi.

“Vắng vẻ”, Pitt trả lời. “Nhưng cũng không thể nói liệu có ai đó ẩn mặt trong bóng tối không”. Anh vừa dứt lời thì Giordino đã đưa cái kính quang phổ lên mắt, nhìn dọc theo dãy nhà gần nhất. Anh chớp vai Pitt như một dấu hiệu cảnh báo đúng lúc một tên gác mặc đồng phục với khẩu súng tự động lung lay một bên vai, hiện ra trong vòm ánh sáng. Họ nằm bất động, hơi thu người lại, ẩn mình sau những tảng đá.

Đúng như Pitt trông đợi, tên gác có vẻ chán nản vì chẳng nhìn thấy kẻ lạ nào tìm cách lẻn vào khu đóng tàu. Không một tên trộm, cũng chẳng có kẻ cướp hoặc kẻ phá bình nào lại nhọc công mò tới một cơ xưởng cách thành phố gần nhất cả trăm dặm và đặc biệt tại một nơi mà phía bên kia của nó là vô số tảng băng trôi và dãy núi Andes hiểm trở. Hắn nhanh chóng quay lại và đi vào bóng tối dọc dãy nhà.

Thậm chí trước khi tên gác lẫn vào bóng đêm, Pitt và Giordino đã có mặt tại bến tàu, chân vịn trong lòng bàn tay, dụng cụ đẩy nước dưới cánh tay, len lỏi theo dốc đá và nhanh chóng ẩn vào những chỗ có ít ánh sáng. Cánh cửa dẫn vào nhà xưởng đầu tiên không khóa và họ mừng rỡ bước vào bên trong. Pitt khép cánh cửa lại.

“Cuối cùng cũng tới nhà” Giordino vui vẻ nói.

Pitt tìm thấy một tấm vải, loại các họa sĩ căng để vẽ, và anh treo nó lên che cái cửa sổ duy nhất, nhét những mép vải vào bất kì kẽ hở nào. Rồi anh bật công tắc ngọn đèn lặn và chiếu ngọn đèn khắp nhà xưởng. Căn phòng lớn chật đầy những dụng cụ kim loại trong ngành hàng hải - những cái thùng lớn chồng lên nhau, chất đầy những đai ốc, bù long, con tán bằng đồng và crôm, những giá và kệ với những trang bị điện được sắp xếp ngăn nắp gồm cả những cuộn và kiện dây kim loại, những tủ chứa đầy lon và thùng sơn dùng cho tàu bè. Tất cả đều được bài trí gọn gàng và được dán nhãn.

“Rõ ràng bọn này rất kĩ lưỡng và ngăn nắp”.

“Đặc tính đó do tổ tiên người Đức của họ truyền lại”.

Họ nhanh chóng cởi những trang bị và quần áo lặn. Bộ đồng phục màu cam được lấy ra từ cái túi trước ngực và họ mặc bên ngoài quần áo lót. Tiếp theo, họ tháo ủng và thay thế bằng giày đế mềm.

“Tôi chợt có một ý nghĩ”, Giordino nói.

“Sao?”

“Liệu bọn Đức có in tên riêng hoặc một thứ gì đó trên quần áo, mà trong tấm không ảnh của vệ tinh không ghi lại được?”

“Đó chỉ mới là rắc rối một nửa”.

“Còn có thứ khác tệ hơn à?”

“Chúng ta đang ở Nam Mỹ”, Pitt bình thản nói. “Không người nào trong chúng ta có thể nói tiếng Tây Ban Nha đủ để hỏi đường tới nhà vệ sinh”.

“Tôi nói không trôi chảy, nhưng cũng đủ xoay sở”.

“Tốt. Cậu lo chuyện nói năng với chúng còn tôi thì vờ bị lãng tai”.

Trong lúc Giordino nghiên cứu tấm bản đồ khu đóng tàu, cố hình dung lối đi ngắn nhất dẫn tới những văn phòng làm việc của bọn Wolf, Pitt bấm số điện thoại Globalstar của anh.

Bầu không khí bên trong căn hộ của ông Sandecker tại khách sạn Watergate thật nặng nề. Ánh lửa leo lét trong lò sưởi, một thứ lửa ấm và yên tĩnh trông thật an nhàn dù nó không hắt ra một đợt sóng nhiệt. Ba người đàn ông ngồi trên những chiếc trường kỉ đặt đối diện nhau hai bên một cái bàn thấp, trên mặt bàn là một cái khay với những cái tách và một

bình cà phê đã vơi phân nửa. Đô đốc Sandecker và ông Ron Little nhìn như bị mê hoặc vào một người đàn ông luống tuổi, khoảng tám mươi lăm, với mái tóc bạc trắng như tuyết, đang thuật lại một câu chuyện chưa hề được tiết lộ trước đây.

Cựu Hạm trưởng Christain Hozafel là một sĩ quan cao cấp trước kia thuộc Hải quân Đức trong Thế Chiến II. Ông ta phục vụ với vai trò Hạm trưởng tàu ngầm từ Tháng Sáu 1942 cho tới tháng bảy 1945 thì chính thức đầu hàng cùng chiếc tàu tại Veracruz, Mexico. Sau chiến tranh, Hozafel mua một chiếc tàu Liberty từ chính phủ Hoa Kỳ trong kế hoạch Marshal và đi đầu hàng nó trên bốn mươi năm sau đó và rất thành công trong số những tàu thương mại. Sau cùng, ông bán tàu và công việc làm ăn, và nghỉ hưu lúc số tàu bè của Công ty Hàng hải Hozafel đã lên tới ba mươi bảy chiếc. Ông ta trở thành một công dân Mỹ và hiện đang sống tại Seattle bang Washington, trong một bất động sản trên đảo Whidbey, tại đây, ông giữ lại một du thuyền dài hai trăm bộ để ông và bà vợ dong ruỗi khắp thế giới.

“Những gì ông nói”, ông Little lên tiếng, “là người Nga đã không tìm thấy những phần bị cháy xém còn sót lại từ thi thể của Hitler và Eva Braun bị cháy suốt năm giờ liền. Nhiều ga lông xăng được dẫn tới qua ống dẫn từ những chiếc xe bị hỏng chung quanh trụ sở Đệ Tam Đế chế Đức đều được dùng để dội lên những cái xác được đặt nằm trong một cái hố hình phễu bên ngoài lô cốt do trái phá của Liên Xô tạo ra. Lửa được duy trì cho tới lúc chỉ còn lại tro và vài mẫu xương vụn. Những sĩ quan SS trung thành đã đựng tro và xương trong một cái hộp bằng đồng. Không còn gì lưu lại cả. Mỗi một nhúm tro và mỗi mẫu xương đều được thận trọng gom lại và cho vào hộp. Sau đó các sĩ quan SS đặt vào cái hố đó những cái xác cháy không còn nhận dạng được của một người đàn ông và một phụ nữ đã bị giết trong một vụ ném bom, rồi họ thiêu hai cái xác này cùng với con chó Blondi của Hitler sau khi nó bị dùng để thí nghiệm những viên cyanide mà Hitler và Eva Braun cũng dùng sau đó để tự sát”.

Đôi mắt ông Sandecker dán chặt vào gương mặt ông Hozafel, “Những cái xác đó được người Nga tìm thấy”, ông Sandecker nói.

Người chỉ huy của chiếc tàu ngầm gật đầu, “Về sau, họ tuyên bố rằng những báo cáo về rằng đã xác định chắc chắn đó là Hitler và Eva Braun, nhưng họ biết rõ hơn. Suốt năm mươi năm, người Nga vẫn giấu kín chuyện này, trong lúc Stalin và những viên chức cao cấp Xô Viết vẫn nghĩ Hitler đã trốn thoát sang Tây Ban Nha hoặc Argentina”.

“Tro của họ sau đó thế nào?” ông Little hỏi.

“Một máy bay nhỏ đáp xuống gần lô cốt giữa đám lửa và những đầu đạn trái phá của Xô Viết vẫn tiếp tục rơi xuống trong lúc quân Nga tiến sát vào trung tâm thành phố. Trong giây phút lúc viên phi công tìm cách cho chiếc máy bay cất cánh thì các sĩ quan SS chạy vội tới và đặt cái hộp đựng tro vào khoang chứa hàng. Không trao đổi một lời nào, viên phi công lao chiếc máy bay trên đường băng và nhanh chóng mất dạng trong màn khói bao trùm thành phố. Máy bay được tiếp nhiên liệu tại Đan Mạch và bay qua Biển Bắc đến thành phố Bergen, Na Uy. Tại đây, máy bay đáp xuống và chuyển cái hộp tro cho Hạm trưởng Edmund Manet, đến phiên ông này lại mang cái hộp lên chiếc tàu ngầm U-621. Có rất nhiều thùng gỗ và hộp kim loại chứa những đồ vật quý của Quốc xã Đức, kể cả Ngọn Giáo Thiêng và Lá Cờ Máu bất khả xâm phạm, và vô số bảo vật mỹ thuật khác của Đế Tam Đế chế, tất cả đều được đưa lên một tàu ngầm khác, chiếc U-2015, dưới quyền chỉ huy của Hạm trưởng Eudolph Harger”.

“Đây là toàn bộ kế hoạch do Martin Bormann vạch ra mật danh là Vận Hội Mới”, Đô đốc Sandecker nói.

Ông Hozafel nhìn ông Đô đốc với ánh mắt khâm phục, “?Ngài được thông tin rất chính xác, thưa Đô đốc”.

“Ngọn Giáo Thiêng và Lá Cờ Máu”, ông Sandecker nhấn mạnh, “nằm chung với những hàng hóa của tàu ngầm U-2015 phải không?”

“Ngài biết rõ Ngọn Giáo à?”, ông Hozafel hỏi vặn.

“Tôi đã nghiên cứu và viết về Ngọn Giáo như một dự án huấn luyện tại Annapolis”, ông Sandecker trả lời. “Những huyền thoại được truyền lại trong kinh Thánh có nói đến một thợ luyện kim tên là Tubal Cain, là hậu duệ trực tiếp của Cain, con trai Adam, đã rèn Ngọn giáo từ loại sắt được tìm thấy trong một khối thiên thạch do Đức Chúa Trời ban xuống. Thời gian này vào khoảng ba ngàn năm trước Công nguyên; Ngọn Giáo Thiêng được truyền từ Tubal xuống Saul rồi tới David và Solomon và những vị vua khác của xứ Judea. Sau cùng nó rơi vào tay của kẻ chinh phục người La Mã là Julius Ceasar, luôn mang theo nó trong những chiến trận của ông ta với các kẻ thù. Trước khi Ceasar bị ám sát, ông ta trao nó lại cho một viên bách phu trưởng, kẻ đã cứu ông ta thoát chết trong trận đánh với người Gauls. Con trai của người bách phu trưởng trao nó lại cho con trai mình, người này lại truyền xuống cho con trai, cũng phục vụ trong quân đội La Mã với cương vị bách phu trưởng. Chính người đàn ông này đã

đứng trên đũa và quan sát lúc Đức Chúa Christ bị đóng đinh trên thập tự giá. Luật pháp tại đây đòi hỏi tất cả những tội phạm bị đóng đinh phải được xác nhận đã chết trước lúc mặt trời lặn để họ không làm ô uế Ngày Chủ Nhật kế đó, vì Chủ Nhật là ngày của Chúa. Hai tên cướp trên hai cây thập tự kế bên cạnh Chúa Giêsu bị đập nát hai cẳng chân để được chết nhanh hơn. Nhưng khi đến phiên Chúa Giêsu, người ta nhận ra Ngài đã chết. Viên bách phu trưởng vì có nhiệm vụ lo chôn cất, đã đâm mũi ngọn giáo vào sườn Chúa Giêsu, tạo ra một dòng máu và nước không thể giải thích được. Lúc dòng máu thiêng trào ra, ngọn giáo đâm máu lập tức trở nên báu vật Tối Thiêng đối với người Cơ đốc giáo, bên cạnh Thánh Giá Thật và Bộ Ly Chén Thiêng trong bữa ăn cuối cùng của Chúa”.

“Ngọn Giáo Thiêng, như nó được quan niệm, được truyền tới hoàng đế Charlemagne và được thừa kế qua mỗi đời hoàng đế La Mã kế tiếp nhau trên một ngàn năm sau đó trước khi kết thúc trong tay những hoàng đế của dòng họ Hapsburg, và được trưng bày trong hoàng cung tại thủ đô Vienna, nước Áo”.

“Ngài cũng biết truyền thuyết rằng sau quyền lực của ngọn giáo”, ông Hozafel nói, “truyền thuyết cho rằng Hitler đã sở hữu nó?”

“Bất kỳ kẻ nào có trong tay Ngọn Giáo Thiêng này và biết được uy lực của nó, là hắn đã nắm vận mệnh của thế giới trong tay, cả đi đâu tốt lẫn đi đâu xấu”, ông Sandecker trích dẫn. “Đó là lý do Hitler đã lấy cắp ngọn giáo từ nước Áo và giữ nó cho tới ngày ông ta chết. Ông ta tin tưởng nó sẽ cho mình quyền bá chủ thế giới. Nếu Hitler không nghe biết truyền thuyết ngọn giáo, chắc hẳn ông ta sẽ không tìm kiếm con đường quyền lực bằng cách thống trị thế giới”.

“Ông đã nói đến Lá Cờ Máu”, ông Little nói. “Tôi không biết gì về món cổ vật này”.

“Năm 1923”, ông Hozafel giải thích, “Hitler đã toan lật đổ chính phủ Đức tại Munich. Đó là một thảm họa. Quân đội xả súng vào đám đông và nhiều người bị giết chết. Hitler thoát nhưng sau đó bị bắt giam. Trong tù ông ta dành chín tháng để viết tác phẩm Mein Kampf. Vụ đó mãi mãi được xem là vụ đảo chính Munich. Một trong những lá cờ chữ Vạn buổi đầu của Đảng Quốc xã Đức được một trong những người làm cách mạng sáng tạo. Ông này bị bắn và lá cờ đâm máu ông ta. Sau đó, nó trở thành biểu tượng đâm máu cho những kẻ chịu đọa đày vì Đức Quốc xã. Lá Cờ Máu từ đó

được dùng trong những dịp tưởng niệm để thần thánh hóa những lá cờ Đức Quốc xã và được xem như vật thiêng liêng”.

“Và thế là những kho tàng của Đức Quốc xã được tâu tán khắp nơi khỏi nước Đức, và không bao giờ thấy xuất hiện nữa”, ông Little nói với vẻ trầm ngâm. “Trong những phúc trình còn lưu lại của CIA trước kia, không có dấu vết nào về ngọn giáo và những vật quý giá khác của Đức Quốc xã, kể cả những kho tàng nghệ thuật và những vật quý đánh cắp được từ những ngân khố và kho tàng các quốc gia bị tấn công”.

“Chiếc tàu ngầm của ông mang số U-699?” Sau cùng, ông Sandecker hỏi.

“Vâng, tôi là Hạm trưởng”, ông cựu sĩ quan Đức Quốc xã Hozafel thừa nhận. “Sau đó không lâu, một số sĩ quan quân đội Đức Quốc xã quan trọng, những đảng viên cao cấp và tro của Hitler được an toàn lên tàu. Tôi khởi hành từ Bergen, bám sát sau tàu ngầm U-2015. Cho đến nay, sự mất tích của Hitler vẫn là một bí ẩn. Số dĩ tôi kể chuyện này cho ngài là vì sự thuyết phục của ông Little, và vì trách nhiệm. Theo tôi biết thì thế giới sẽ biến động sau vụ va đụng của một sao chổi sắp xảy ra. Nếu đó là sự thật thì lời thề giữ kín bí mật của tôi không còn thích hợp nữa”.

“Chúng ta chưa đến lúc khóc vì sự tiêu diệt”, ông Sandecker nói. “Những gì chúng ta muốn biết là gia tộc Wolf có thực sự tiêu tốn những món tiền kếp sù để đóng những chiếc tàu cứu nạn khổng lồ trong sự cuống tít về một thảm họa sẽ hủy diệt Trái Đất và mọi sinh vật trên nó... hoặc nếu chúng có một động cơ nào khác”.

“Đó là một dòng họ nổi tiếng, gia tộc Wolf”, ông Hozafel nói một cách thâm trầm. “Đại tá Ulrich Wolf là một trong những người thân tín lớn nhất trong những thuộc hạ của Hitler. Ông ta xem những mệnh lệnh vô lý và những ý thích giản dị nhất của Hitler cần phải được thực hiện. Ông đại tá cũng là lãnh tụ của một nhóm Đảng viên Quốc xã tận tụy đã thành lập một toán sĩ quan SS tinh hoa sẵn sàng cống hiến để bảo vệ niềm tin của họ. Họ tự mệnh danh là Nhóm Bảo vệ. Hầu hết bọn họ đã chết trong lúc chiến đấu vào những ngày cuối cùng của cuộc chiến... tất cả. Chỉ còn lại Đại tá Wolf và ba người nữa. Ông ta cùng toàn bộ gia đình, bà vợ, bốn con trai, ba con gái và ba chị em gái cùng gia đình của họ đều lên tàu ngầm U-2015. Tôi được một đồng sự cũ trong hải quân vẫn còn sống cho biết Đại tá Wolf là người cuối cùng trong số vài người trong Nhóm Bảo vệ đã tạo ra một loại đảng cấp gọi là Vận Hội Mới”.

“Đúng thế. Họ đi đầu hành một liên hiệp xí nghiệp khổng lồ được biết dưới cái tên Tập đoàn Vận Hội”, ông Sandecker tiết lộ với ông Hozafel.

Người Hạm trưởng già mỉm cười. “Vậy là họ bỏ rơi những bộ đồng phục và niềm tin của mình để theo đuổi những công việc kinh doanh và những bản kê khai lời lố”.

“Không còn tự gọi là Đảng viên Đức Quốc xã, họ đã hiện đại hóa tuyên ngôn của mình”, ông Little nói.

“Họ cũng gây dựng một chủng tộc gồm những người ưu tú,” ông Sandecker nói. “Qua giải pháp cấy tạo gen, thế hệ mới của dòng họ Wolf không chỉ giống nhau về hình dáng bên ngoài mà sự cấu tạo vật lý và tính đặc trưng của họ cũng giống hệt nhau. Họ có đầu óc của những thiên tài và một hệ thống miễn dịch phi thường có thể tạo cho họ tuổi thọ rất cao”.

Ông Hozafel trơ cứng thấy rõ, và đôi mắt ông lộ ra sự lo sợ sâu sắc. “Cấu tạo gen, ngài bảo thế ư? Một trong những cái hộp bằng kim loại được đưa lên tàu ngầm của tôi được làm đông lạnh trong suốt chuyến đi”. Ông ta hít vào một hơi thật sâu. “Nó chứa tinh dịch và những mẫu mô lấy từ Hitler trong tuấn lễ trước khi ông ta tự sát”.

Ông Sandecker và ông Little trao đổi nhau những ánh mắt căng thẳng. “Ông nghĩ có khả năng tinh dịch của Hitler được dùng để tạo ra thế hệ tiếp theo của dòng họ Wolf không?” ông Little hỏi.

“Tôi không rõ”, ông Hozafel nói có vẻ kích động. “Nhưng tôi sợ đó là ý nghĩ kỳ quặc của đại tá Wolf, lúc còn làm việc với con quỷ được xem là tử thần tại Auschwitz - Bác sĩ Joseph Mengele - có thể đã làm thí nghiệm với tinh dịch được bảo quản của Hitler để thụ tinh những phụ nữ của dòng họ Wolf”.

“Đó là một ý tưởng ghê tởm mà tôi từng nghe nói”, ông Little nói khẽ. Bất thành linh, một giọng nói bị bóp nghẹt làm gián đoạn cuộc nói chuyện. Ông Sandecker bấm nút “nói” trên điện thoại trước mặt ông.

“Có ai ở nhà không?” Giọng quen thuộc của Pitt vọng ra.

“Có”, ông Sandecker trả lời cộc lốc.

“Đây là Nhà hàng Leaning Pizza Tower. Ngài đã gọi thức ăn phải không?”

“Có”, ông Sandecker trả lời cộc lốc.

“Ngài muốn xúc xích Salami hay thịt băm ăn với mì Pizza?”

“Tôi thích Salami hơn”.

“Nó đã được đặt vào lò nướng. Chúng tôi sẽ gọi khi cậu bé giao hàng của chúng tôi lên đường. Xin cảm ơn ngài đã gọi nhà hàng chúng tôi”.

Rồi đường dây bị ngắt.

Ông Sandecker vuốt một bàn tay lên mặt. Lúc nhìn lên, đôi mắt ông đầy gân đỏ và căng thẳng. “Họ đã lọt vào khu đóng tàu”.

“Cầu Chúa giúp họ”, ông Little nhẹ nhàng nói.

“Tôi không hiểu”, ông Hozafel nói. “Đó là một loại mật mã phải không?”

“Những cú gọi của vệ tinh không miễn nhiễm với việc nghe lén bởi những trang thiết bị hiện đại”, ông Little giải thích.

“Phải làm chuyện này với bọn Wolf à?”

“Tôi nghĩ thế, thưa ông”, ông Sandecker hạ giọng và thông thả trả lời, “đây là lúc ông nghe câu chuyện theo quan điểm của chúng tôi”.

Pitt và Giordino vừa bước qua ngưỡng cửa nhà chứa dụng cụ thì một giọng nói chào đón họ bằng tiếng Tây Ban Nha đến từ góc tòa cao ốc.

Giordino điềm tĩnh trả lời và phác một cử chỉ vô nghĩa với hai bàn tay. Thỏa mãn với câu trả lời, tên gác quay lại để đi tuần quanh những kho chứa hàng khác. Pitt và Giordino đợi một lúc, rồi họ đi ra con đường nhỏ dẫn tới trung tâm khu đóng tàu.

“Tên gác nói gì vậy, và cậu trả lời ra sao?” Pitt hỏi.

“Hắn xin một điếu thuốc, và tôi bảo chúng ta không hút thuốc”.

“Và hắn không thử thách cậu?”

“Không”.

“Tiếng Tây Ban Nha của cậu xem ra khá hơn tôi tưởng. Cậu học ở đâu vậy?”

“Mặc cả với mấy tên bán hàng trên bờ biển kè khách sạn của tôi tại Mazatlan”, Giordino khiêm tốn trả lời. “Và lúc còn học ở trường trung học, tôi được con gái đỡ đầu của mẹ tôi dạy một số câu”.

“Tôi dám cá đó chưa phải là tất cả những gì cô ta dạy cậu”, Pitt châm chọc.

“Đó lại là chuyện khác”, Giordino trả lời không nhân nhượng.

“Từ bây giờ, tốt hơn chúng ta không dùng tiếng Anh khi chúng ta lọt vào tầm nghe của đám thợ thuyền trong khu đóng tàu”.

“Không tò mò, nhưng cậu mang cái gì dưới cánh tay thế?”

“Khẩu Colt 45 ly cũ hiệu-quả-và-trung-thành của tôi ấy mà. Sao hỏi?”

“Cậu đã mang món đồ cỡ này từ lúc tôi biết cậu. Sao không bán quách đi và chơi thứ hiện đại hơn?”

“Nó như một người bạn cũ”, Pitt thản nhiên nói. “Nó đã cứu cái đuôi của tôi nhiều lần tôi không sao đếm xuê”. Anh gật đầu về phía chỗ phình ra trên cái áo của Giordino, “Còn cậu?”

“Một khẩu Para-Ordnance 10+1S chúng ta đã tước khỏi tay những thằng hề tại khu mỏ Pandora”.

“Ít ra cậu cũng có khẩu vị khá đấy”.

“Và tự do nữa chứ”, Giordino mỉm cười. Rồi anh ta gật đầu về phía những tòa nhà chính trong khu đóng tàu.

“Chúng ta nhắm vào tòa nhà nào trước?”

Pitt tham khảo máy vi tính phát nhận tín hiệu từ một hướng đã được lập trình cách bố trí của khu đóng tàu. Anh nhìn lên con đường nhỏ chạy một bên những xưởng đóng tàu vòng qua bên kia những kho chứa hàng bằng kim loại! Anh chỉ vào tòa cao ốc hai mươi tầng nhô lên những nhà kho cách đó một dặm, “Tòa nhà đồ sộ bên phải”.

“Tôi chưa hề thấy một cơ xưởng đóng tàu nào lớn thế này”, Giordino nói, trong lúc nhìn lên tòa cao ốc. “Nó bỏ xa bất kỳ xưởng đóng tàu nào tại Nhật Bản hoặc Hồng Kông”.

Họ bất chợt dừng lại và nhìn sững chiếc tàu khổng lồ gần nhất, như hai gã nhà quê mới lên thành phố lần đầu, ngửa cổ ra sau để nhìn lên những tòa nhà cao ngất. Một máy bay phản lực nhỏ đang gầm gừ đến gần trước khi chớp báo hiệu và đáp xuống đường băng dài trên boong cao nhất của chiếc tàu. Âm thanh những động cơ lan qua mặt nước, lên tới những sườn núi và dội lại. Quang cảnh trở nên xao động. Thậm chí những nỗ lực đặc biệt và kỹ thuật tinh vi nhất của kinh đô điện ảnh Hollywood cũng không thể sao chép gần đúng cảnh tượng này.

“Chẳng có một khu đóng tàu nào trên thế giới có khả năng đóng những chiếc tàu lớn như thế này”, Pitt nói, anh đứng nhìn lên chiếc tàu to như một trái núi được buộc dọc xưởng đóng tàu. Thân của nó duỗi dài gần như bất tận. Không một tòa cao ốc đơn độc nào trên Trái Đất, kể cả tòa Tháp Đôi của Trung tâm Thương mại Thế giới tại New York từ đầu này tới đầu kia, có thể sánh với kích thước chiếc tàu cứu nạn của dòng họ Wolf”.

Ngoài mũi tàu đồ sộ, những gì còn lại của nó trông chẳng có vẻ gì là một chiếc tàu. Nó trông giống một tòa nhà chọc trời hiện đại nằm nghiêng một bên hông hơn. Toàn bộ khối vật thể siêu kiến trúc này được bọc chung quanh hông bằng một hợp kim chủ yếu là thép sáng loáng như thủy tinh. Có thể trông thấy những khu vườn với nhiều loại thảo mộc xen kẽ với những tảng đá làm cảnh và tạo không khí của một công viên. Không có nơi để đi dạo, hoặc những boong tàu nhô ra ngoài, hoặc lan can. Tất cả boong tàu đều được rào kín. Một mũi tàu nhọn theo qui ước nhô cao và lệch dần lên trên cho thấy nó có công dụng làm giảm bớt sức mạnh của những đợt sóng lớn khi chúng ập đến.

Pitt ngắm nghía phần đuôi tàu, và anh càng quan tâm hơn. Bắt đầu từ đường mớn nước, hai mươi chỗ nhô ra nằm song song trông như những vách chắn sóng trải dài đến hai trăm bộ suốt phần đuôi tàu, tất cả nằm dưới một cái mái cao được chống đỡ bởi những cột trụ cao năm mươi bộ chạm trổ theo nghệ thuật Hy Lạp. Những vách chắn sóng này che kín những chân vịt của chiếc tàu. Những cầu thang và thang máy đồ sộ bọc kính tại mỗi vách chắn sóng dẫn tới trung tâm chiếc tàu. Hai bên hông đuôi tàu đều có một bãi đậu, tại đây, những chiếc xuồng có thể được buộc hoặc kéo lên từ dưới mặt nước khi chiếc tàu đang trên đường đi chuyển.

Pitt đứng nhìn hàng ngàn công nhân qua lại và làm việc trên những boong tàu lộ thiên. Tất cả tạo ra một không khí cuồn cuộn, vội vã. Những cầu trục cao nhất lẫn bánh trên những đường ray hầu như không lúc nào ngừng trong khu đóng tàu, nâng những thùng gỗ lớn chứa các trang bị lên và thả vào những cửa sập trên chiếc tàu khổng lồ. Quang cảnh có vẻ như không cho người ta có ý nghĩ đây là sự thực. Nó có vẻ thật khó tin được những thành phố nổi này lại có ngày sẽ dong buồm vượt khỏi vịnh biển này để ra đại dương. Mục đích hàng đầu của chúng là vượt qua những đợt sóng khủng khiếp trước khi bị những đợt sóng giạt lùi nhấn chìm xuống đáy biển.

Không thể lén lút đi trong bóng tối, vì vô số những chùm ánh sáng sẽ làm họ bị lộ. Pitt và Giordino cố tỏ ra tự nhiên lúc họ đi trên con đường nhỏ, vẫy tay với một tên gác đi ngang qua họ, và gã này cũng không ngoáy nhìn họ lần thứ nhì. Pitt nhanh chóng nhận thấy hầu hết công nhân đều qui tụ quanh cơ xưởng và những chiếc tàu khổng lồ trên những chiếc xe nhỏ giống như loại xe trên sân golf. Anh bắt đầu nhìn quanh để tìm một chiếc, và nhanh chóng nhận ra có nhiều chiếc đậu trước một nhà kho lớn.

Pitt bước về phía những chiếc xe, Giordino theo sau, không sao rời mắt khỏi những chiếc tàu. “Nơi này rộng quá, không thể đi bộ xuê”, Pitt nói. “Tôi khoái lái xe hơn”.

Những chiếc xe nhỏ chạy bằng điện có vẻ như sẵn sàng đáp ứng bất kỳ công nhân nào muốn trưng dụng một chiếc. Pitt chọn chiếc xe gần nhất. Sau khi ném những cuộn dây điện và những thùng sơn vào khoang chứa hàng phía sau xe, họ ngẫ vào những ghế phía trước. Pitt xoay chìa khóa khởi động động cơ rẫ tắt, đúng như thủ tục anh vẫn làm tại nhà trong nhiều năm.

Họ lái xe qua một dãy nhà kho dài cho tới lúc đến tòa cao ốc nơi bố trí những văn phòng của khu đóng tàu. Lối vào xưởng đóng tàu thứ nhì trải dài từ con đường dọc theo bờ vịnh. Con thủy quái nổi thứ nhì được buộc ở đó có dáng bên ngoài còn đường bệ hơn chiếc tàu được dự trữ dùng để chở những cư dân của nó vào một thế giới mới. Chiếc tàu này được thiết kế để chở những hàng nông phẩm. Nhiều loại cây cối khác nhau được chở tới trên những xe rờ moọc lớn và được đưa lên tàu. Hàng trăm cây côngtenơ hình ống dán nhãn. “Hạt giống Thực vật” sắp hàng trên khu đóng tàu chờ được đưa xuống tàu. Một đoàn xe dài, chở những trang thiết bị nông nghiệp, xe tải và máy cày đủ kích cỡ, máy thu hoạch mùa màng, máy ủi đất và đủ loại máy móc khác cần cho việc canh tác đều được chở tới chờ lúc lên tàu.

“Những kẻ cuồng tín này định tạo ra một trật tự thế giới mới trên một nấc cao hơn”, Pitt nói, vẫn cố ghi nhận tất cả sự vĩ đại của khung cảnh.

“Cậu muốn cái gì không, là một trong hai chiếc tàu còn lại được dùng để chở các loại động vật?”

“Không”, Pitt đáp cộc lốc. “Tôi chỉ hy vọng chúng nhớ bỏ lại lũ ru ẫ, muỗi và những loài bò sát có nọc độc”.

Giordino nhếch mép chuẩn bị cãi lại, chưa kịp làm thì phải xuống xe vì Pitt đã dừng lại bên cạnh những bậc cấp dẫn vào tòa nhà văn phòng hiện đại với những bức tường bằng kính. Họ lấy những cuộn dây điện và thùng sơn ra khỏi xe rẫ bước vào tòa nhà, đến gần một chiếc quầy dài có hai nhân viên an ninh canh gác. Giordino nở một nụ cười thân thiện nhất và nhẹ nhàng nói líu lo bằng tiếng Tây Ban Nha với một trong hai tên gác.

Hắn chỉ gật đầu và đưa ngón tay cái về phía những thang máy.

“Lần này cậu bốc phét gì với hắn?” Pitt hỏi, lúc họ đi cạnh nhau, sau khi đã đảo mắt quan sát quanh lúc cửa thang máy mở ra. Họ bước vào và thang máy đóng lại.

“Tôi bảo chúng ta được lệnh một trong những ông chủ Wolf đến sửa chữa điện sau một bức tường trong dãy nhà trên tầng mười tòa cao ốc này, sau đó sửa và sơn lại bức tường. Hắn chẳng thèm hỏi han gì cả”.

Pitt nhìn quanh thang máy để xem có camera quan sát nào không, nhưng chẳng thấy gì. Hầu như chúng chẳng hề sợ chuyện bị xâm nhập, anh nghĩ. Hoặc chúng đã biết bọn anh có mặt ở đây và đang giăng bẫy. Anh có thể huýt sáo miệng trong bóng tối, nhưng anh không tin bọn Wolf lại có thể bất cần đến thế. Anh cũng có cảm giác những tên gác trong hành lang đang chờ đợi bọn anh.

“Đã tới lúc phải thận trọng và khéo léo nhất”, Pitt nói.

Giordino nhìn anh, “Kế hoạch C?”

“Chúng ta sẽ dừng lại ở tầng năm để thoát khỏi sự quan sát, nếu có, của những tên gác về những hành động của chúng ta. Chúng ta ở lại đó, rồi để thang máy tiếp tục lên tới tầng mười trong lúc chúng ta lo công việc của mình”.

“Kế hoạch không tệ”, Giordino nói, vừa bấm nút dừng thang máy tại tầng năm.

“Okay”, Pitt nói. “Tôi sẽ đứng trên vai cậu để leo qua trần nhà”.

Nhưng Pitt không hành động gì cả. Dù anh không phát hiện có chiếc camera theo dõi nào, nhưng anh biết chắc chắn thang máy có gắn những dụng cụ nghe lén. Anh đứng yên và ngoác miệng cười ỉu dột với Giordino.

Giordino hiểu ngay tức khắc và rút khẩu P-10 tự động ra. “Mẹ kiếp, mày nặng gớm”, anh chàng càu nhàu.

“Đưa tay cậu ra để tôi kéo lên”, Pitt nói, cố giữ giọng tự nhiên trong lúc nắm chặt khẩu Colt 45 trong bàn tay phải vẫn ở trong thang máy, họ đứng hai phía đối diện nhau bên cửa thang máy, ép sát vào hai góc.

Cửa thang máy mở ra và ba tên gác - trong những bộ đồng phục đen và những cái nón lưỡi trai cùng màu trên đầu - lao vào, những bàn tay ôm sủng chìa ra, mắt dớn dác nhìn lên cửa nóc thang máy. Pitt phóng chân ra và đốn ngã sóng soài trên mặt sàn. Sau đó, anh nhấn nút đóng cửa thang máy chờ cho tới lúc họ xuống được vài feet rồi bấm nút dừng khẩn cấp, giữ thang máy lơ lửng giữa hai tầng lầu.

Giordino đã khéo léo nện báng súng trên đầu hai tên gác trước khi chúng đứng lên, rồi chĩa họng súng vào trán tên thứ ba và quát bằng tiếng Tây Ban Nha, “Ném súng xuống hoặc vỡ sọ”.

Tên gác là một gã thô bạo và lạnh lùng chẳng kém gì bọn giết mướn họ đã chạm trán tại khu mỏ Pandora. Pitt căng thẳng, anh có cảm giác tên gác có thể liều lĩnh phản ứng thật nhanh và anh sẵn sàng tặng hắn một viên. Nhưng gã đàn ông đọc thấy ánh mắt lạnh lẽo của Pitt và nhận ra sự đe dọa chết chóc từ đôi mắt đó. Biết rõ chỉ với cái nháy mắt nhẹ nhàng cũng đủ khiến y ăn đạn vào đầu, tên gác thả súng xuống sàn thang máy, khẩu súng cùng loại Para-Ordnance mà Giordino đang chĩa vào giữa trán hắn.

“Bọn hề chúng mày không thoát được đâu!”. Tên gác nói bằng tiếng Anh.

“Được, được lắm”, Pitt nói. “Chúng ta có cái gì đây? Một tên giết mướn hăng máu như những tên chúng ta đã gặp ở Colorado. Gã Karl Wolf phải trả cho mấy chú những món tiền hấp dẫn để giết người và chết cho hắn”.

“Đẹp mẹ mày đi, thằng nhóc. Mày mới là đứa sắp chết”.

“Mấy chú có một thói quen đáng ghét là cứ nhai đi nhai lại bài ca cũ rích đó”. Pitt xĩa họng Colt 45 của anh cách con mắt trái của tên gác đúng một inch. “Tiến sĩ O’Connell và con gái cô ấy. Họ bị giam ở đâu?”. Giọng Pitt vỡ vụn như tiếng những viên sỏi chạm nhau, và anh đã tạo một ấn tượng khá hiệu quả. “Nói đi hoặc tao siết cò. Chú mày có thể sống, nhưng sẽ không còn nhãn cầu để nhìn ngó đâu. Này, nói đi, họ ở đâu?”, Pitt thô lỗ, nhưng anh không phải là kẻ bạo hành. Gương mặt cố làm cho vụn vẹo và cặp mắt ma mãnh của anh cũng đủ làm tên gác hoảng hồn khi hắn nghĩ mình đã gặp một thằng điên đang tính thổi bay hai tròng mắt hắn. “Họ bị giam trên một trong những chiếc tàu lớn”.

“Chiếc nào?” Pitt vắn. “Có những bốn chiếc cơ mà”.

“Tôi không biết. Xin thề là tôi không biết”.

“Hắn nói láo”, Giordino nói, giọng anh chàng lạnh đến độ có thể làm đông dầu.

“Sự thật”, Pitt dọa, “hoặc tao sẽ ném hai tròng mắt chú mày vào bức tường bên kia”. Anh kéo cái búa đập kim hỏa súng về phía sau và ấn họng súng vào mép mắt phải tên gác trên một đường thẳng với mắt trái.

Gương mặt tên gác không biến dạng từ chỗ không tin đến sợ hãi thực sự, nhưng trong mắt hắn đầy vẻ kinh hoàng. “Chiếc Ulrich Wolf. Họ đang

bị giam giữ trên chiếc tàu Ulrich Wolf’.

“Đó là chiếc nào?”

“Chiếc tàu giống như một thành phố sẽ chở người của Đệ Tứ Đế quốc ra biển sau khi xảy ra thảm họa”.

“Phải mất hai năm để tìm ra một chiếc tàu như thế”, Pitt gằn giọng. “Nói rõ vị trí của nó hoặc bị mù. Nhanh lên!”

“Cấp độ sáu, khu K. Tôi không biết nó nằm ở đâu”.

“Hắn vẫn dối trá”, Giordino gằn lên. “Siết cò đi, nhưng chờ tôi ngó chỗ khác đã. Tôi không thể chịu nổi khi nhìn cảnh máu văng tung tóe khắp nơi”.

“Vậy cứ giết tôi đi nếu các ông không tin”, tên gác lầu bầu.

“Bọn Wolf tìm ở đâu ra những tên giết mướn cặn bã như chú mày?”

“Tại sao ông muốn biết?”

“Chú mày là người Mỹ. Hắn không nhạt chú ngoài đường, vậy chú phải từ quân đội mà ra. Một lực lượng tinh hoa, trừ phi ta đoán lầ. Lòng trung thành của chú mày dành cho bọn Wolf không thể xem là hợp lý. Tại sao?”

“Hiến dâg cuộc sống của tôi cho Đệ Tứ Quốc tế là một vinh dự. Tôi được đền bù bởi lời hứa, như tất cả chúng tôi đều thế, rằng vợ tôi và các con tôi sẽ an toàn trên chiếc tàu Ulrich Wolf khi tất cả phần còn lại của Trái Đất đều bị hủy diệt”.

“Vậy đó là chủ đích của chú mày?”

“Hắn mà cũng có quyết định của con người ư?” Giordino nói, không giấu vẻ ngạc nhiên. “Tôi thề là hắn chỉ giỏi trò nói cuội”.

“Ích gì khi người ta có một trương mục ngân hàng với một tỉ đô la trong lúc mọi người trên Trái Đất đều chết cả?”

“Tôi chúa ghét những kẻ bi quan”, Giordino nói và đập mạnh họng súng lên gáy gã giết mướn, và hắn ngã xuống bất động trên hai cái xác đờng bọn. Hầu như đúng lúc đó, một loạt những âm thanh báo động bắt đầu vang dội khắp tòa cao ốc. “Chúng ta không tránh khỏi chuyện phải nổ súng rồi”.

“Lại rắc rối”, Pitt nói, có vẻ như chẳng quan tâm. “Lúc nào mà chẳng rắc rối?”

Sáu phút sau, thang máy dừng lại tại một hành lang và cánh cửa mở ra. Trong hành lang, khoảng hai chục đàn ông, với vũ khí tự động, nhào tới

và chĩa súng vào thang máy, một số vừa đứng vừa quì trong tư thế chuẩn bị bắn.

Hai người đàn ông trong bộ đồng phục đen của vệ sĩ an ninh với nón lưỡi trai kéo xuống đến tận mắt, đưa cao hai tay lên, vừa gào lớn bằng cả hai thứ tiếng Tây Ban Nha và cả tiếng Anh. “Đừng bắn. Chúng tôi đã giết hai kẻ xâm nhập!”

Rồi họ dùng chân đẩy hai cái xác mặc đồng phục màu da cam ra khỏi thang máy lẫn vào hành lang thành một đống. “Còn những tên khác đang làm việc bên trong tòa nhà”, Giordino nói, cố tạo ra vẻ hớn hờ. “Chúng còn kẹt trên tầng mười”.

“Max đâu rồi, tên gác có vẻ là kẻ chỉ huy, hỏi.

Pitt, một bàn tay đặt lên mặt như để quẹt mồ hôi, quay lại và chỉ lên trên. Giordino nói, “Chúng tôi phải để cậu ấy ở lại. Cậu ấy bị thương lúc bắn nhau. Gấp lên, tìm một bác sĩ ngay”.

Những nhân viên an ninh được huấn luyện kỹ nhanh chóng chia làm hai nhóm. Một nhóm bước vào thang máy, nhóm kia vội vã chạy lên theo ngã những cầu thang chữa cháy. Pitt và Giordino quì xuống trên hai cái xác bất tỉnh của những tên gác họ đã đẩy ra từ thang máy và bắt đầu quan sát cho tới khi họ thấy cơ hội để đi yên ổn từ hành lang qua những cửa phía trước.

“Tôi không thể tin chúng ta đã thoát khỏi tình huống vừa rồi”, Giordino nói lúc họ lái một chiếc xe chở dụng cụ về phía xưởng đóng tàu, nơi chiếc Ulrich Wolf được neo.

“May thật, cả bọn chúng chỉ chú tâm đến việc truy lùng những kẻ xâm nhập nên không nhìn kỹ mặt mũi chúng ta, nếu không thì chúng ta đã lộ rồi”.

“Bộ đồng phục an ninh của tôi quá dài và quá chật. Còn cậu?”

“Quá ngắn và quá rộng, nhưng chúng ta đâu có thì giờ ghé qua một bác thợ may”, Pitt nói trong lúc anh lái xe trở lại xưởng đóng tàu đầu tiên. Anh nhấn hết chân ga nhưng chiếc xe chỉ đạt tốc độ cao nhất khoảng mười hai dặm mỗi giờ.

Họ lái xe dọc theo cái thành phố nổi to như một trái núi, tránh những nơi đông người làm việc. Xưởng đóng tàu có rất đông công nhân, nhiều người di chuyển trên những xe chạy bằng điện như chiếc xe họ đang sử dụng. Một số khác cỡi xe đạp, và rất ít người sử dụng phương tiện di chuyển bằng xe bay có chong chóng để tránh chướng ngại vật. Pitt phải liên

tục đập thẳng để tránh va đụng những công nhân đi lại bất cẩn trên lối đi của anh vì họ mải mê với công việc. Những chiếc xe nâng khổng lồ cũng bất chấp chuyện họ đến gần, cứ băng ngang trước mũi họ để phân phối hàng hóa tới những nơi cần. Chẳng thấy ai đưa cao nắm tay dọa nạt hoặc giận dữ quát tháo khi Pitt va phải những chướng ngại vật là con người hoặc những vật cứng rắn.

Nếu không nhờ những bộ đồng phục an ninh màu đen lột từ những tên gác trong thang máy, chắc chắn họ đã bị chặn lại và bị dọa cho ăn đạn vì chuyện lao xe bất cẩn. Khi trông thấy cơ hội có thể đột nhập lên tàu mà không cần lên cái cầu thang dài ngoằng, Pitt bẻ ngoặt tay lái để quẹo gấp tại khúc quanh bên phải, leo lên một con dốc xuống một dốc khác trong lòng khu đóng tàu.

Trong một khu chứa hàng với lối đi rộng dẫn tới mọi hướng qua những nhà kho thấp hơn trong vịnh, Pitt chợt chú ý tới một người đàn ông trong bộ đồng phục đỏ có vẻ như đang chỉ huy việc đưa những hàng hóa và thiết bị lên tàu. Anh báo động Giordino phải nói gì bằng tiếng Tây Ban Nha, rồi dừng gấp chiếc xe lại.

“Nhanh lên, chúng tôi có nhiệm vụ khẩn cấp tại cấp độ sáu, khu K”, Giordino hét lớn. “Lối nào tới đó gần nhất?”

Nhận biết bộ đồng phục đen là của bộ phận an ninh trong khu đóng tàu, gã chỉ huy hỏi, “Các cậu không biết à?”

“Chúng tôi thuộc bộ phận an ninh trên bờ vừa được chuyển tới”, Giordino trả lời lấp lửng, “và chúng tôi chưa quen địa hình chiếc tàu Ulrich Wolf”.

Chấp nhận sự có mặt của nhân viên an ninh có nhiệm vụ khẩn cấp, gã chỉ huy chỉ xuống một lối đi. “Lái tới thang máy thứ nhì bên phải. Đậu xe rồi dùng thang máy trên boong ở tầng bốn. Ở đấy sẽ hướng dẫn các cậu tới Trạm số Tám của đường xe điện. Lên xe điện để tới khu K. Sau đó theo hành lang dẫn tới văn phòng an ninh và hỏi họ, trừ phi các cậu biết chỗ phải tìm”.

“Đó là nơi nhà khoa học Mỹ và con gái bà ta bị giam giữ”.

“Tôi không rõ đó là nơi nào. Cậu phải hỏi vị sĩ quan sếp an ninh hoặc vị chỉ huy khu K khi các cậu tới đó”.

“Muchas gracias” (Cám ơn lòng tốt, tiếng Tây Ban Nha.), Giordino nói qua vai trong lúc Pitt lái xe về hướng được chỉ dẫn. “Càng xa càng tốt”, rồi anh nói thêm, “cậu cù thật đấy. Trút bỏ bộ quần áo màu cam để

khoác bộ đồ đen phục màu đen của đám an ninh đúng là một trò lừa đảo bậc thầy”.

“Chỉ là một cách để thoát bấy thôi mà”, Pitt thản nhiên nói.

“Cậu đoán xem còn bao lâu nữa chúng ta sẽ bị lộ?”

“Nếu cậu lừa được tên gác một cú ra trò, hẳn sẽ không hỏi lại cấp trên của hẳn khiến chúng ta bị lộ ngay. Tất cả những gì chúng biết được sau mười phút nữa là chúng ta đã lái xe tới và đã lên tàu Ulrich Wolf. Chúng vẫn sẽ không biết chúng ta là ai”.

Họ theo hướng chỉ dẫn và tới thang máy thứ nhì. Nó được tạo ra để chuyển những vật nặng nên trông nó rất đồ sộ. Nhiều công nhân đang bám theo một cái xe nâng chất đầy những thùng chứa thực phẩm đóng hộp. Pitt và Giordino theo sau đám này rồi tách ra để vào nơi gọi là cấp độ sáu gần một bãi rộng nhô cao khỏi hai lối đi bao quanh chỗ buộc chiếc tàu. Họ bèn chần đi bộ qua cái bãi mất khoảng năm phút, đến trước một trạm xe điện với năm toa xe sơn màu vàng nhạt bên ngoài và màu tím bên trong đang tới gần và dừng lại. Những cánh cửa mở ra với âm thanh nhẹ nhàng. Họ lên toa đầu tiên và nhận ra đã có bốn mươi hành khách với một nửa mặc những bộ đồ đen phục nhiều màu. Như bị từ trường Trái Đất cuốn hút, Giordino ngã xuống cạnh một phụ nữ rất hấp dẫn với mái tóc màu bạch kim và đôi mắt màu xanh, trong bộ đồ đen phục màu xanh xám. Pitt căng thẳng khi nhận ra gương mặt không đổi của một thành viên trong gia tộc Wolf.

Cô ta nhìn họ và mỉm cười. “Các ông có vẻ giống người Mỹ”, cô ta nói tiếng Anh với giọng Tây Ban Nha.

“Tại sao cô nói thế?”

“Hầu hết nhân viên an ninh của chúng tôi đều được tuyển từ quân đội Mỹ”, cô ta trả lời.

“Cô là một thành viên của dòng họ Wolf”, anh tỏ ra nhẹ nhàng như thể đang nói với một thành viên của một gia tộc đáng kính.

Cô gái bật cười với vẻ thích thú. “Đối với người lạ thì chúng tôi là những sản phẩm từ cùng một lò đúc”.

“Điểm hoàn toàn giống nhau của các cô quả là một hiện tượng thật lạ lùng”

“Ông tên gì?” Cô gái hỏi với giọng điệu của chủ nhân.

“Tôi là Dirk Pitt”, giọng anh cũng trăn tráo không kém. *Ngốc thật*, anh nghĩ, vừa quan sát mắt cô ta để dò phản ứng. Chẳng thấy gì. Cô ta chưa

được báo cho biết về những hành động đe dọa của anh đối với gia tộc. “Ông bạn nhỏ con của tôi đây là Al Capone”.

“Rosa Wolf”, cô ta tự giới thiệu.

“Rất vinh hạnh, thưa cô Wolf”, Pitt nói, “được tham dự chuyến phiêu lưu vĩ đại của gia đình cô. Chiếc Ulrich Wolf đúng là một công trình siêu hạng. Bạn tôi và tôi đều xuất thân từ Hải quân Hoa Kỳ chỉ hai tuần lễ trước đây. Quả là một đặc ân khi được phục vụ một gia tộc đã sáng tạo một công việc của những thiên tài như thế”

“Ông anh họ Karl của tôi đang chỉ huy lực lượng tạo dựng chiếc tàu Ulrich Wolf và ba thành phố nổi khác của Đế Tứ Đế chế”, Rosa kiêu hãnh thuyết giáo, rõ ràng cô ta phồng mũi vì lời xưng tụng của Pitt. “Anh ấy tập trung những kiến trúc sư hàng hải giỏi nhất và những kỹ sư máy tàu giỏi nhất trên khắp thế giới để thiết kế và đóng những chiếc tàu của chúng tôi, từ giai đoạn phác thảo đến giai đoạn hoàn chỉnh dưới một màn che tuyệt mật. Không như những tàu hàng và tàu dầu lớn nhất, những chiếc tàu của chúng tôi không chỉ có một thân tàu duy nhất mà có tới chín trăm phòng lớn nhỏ không cho nước thoát ra. Nếu trong lúc những đợt sóng thần tràn lên khi xảy ra thảm họa, thì dù có một trăm căn phòng bị hư hại và ngập nước trên bất kỳ chiếc tàu nào, chúng cũng chỉ chìm không quá 10 inch”.

“Thật ấn tượng”, Giordino nói, cổ tỏ ra đã bị cô ta mê hoặc. “Sức mạnh của chúng thế nào?”

“Chín mươi động cơ đẩy mười ngàn mã lực chạy bằng diesel sẽ đưa con tàu đi tới với vận tốc hai mươi lăm nút mỗi giờ”.

“Một thành phố với năm mươi ngàn dân có khả năng đi khắp thế giới”, Pitt nói. “Thật khó tưởng tượng nổi”.

“Không phải năm mươi ngàn đâu, ông Pitt. Khi thời khắc đó đến, chiếc tàu này sẽ chở một trăm hai mươi lăm ngàn người. Ba chiếc kia sẽ chở mỗi chiếc năm mươi ngàn, cả bốn chiếc là hai trăm bảy mươi lăm ngàn người. Tất cả đều được huấn luyện và được dạy cách tạo dựng Đế Tứ Đế quốc từ đồng tro tàn của những hệ thống dân chủ lỗi thời”.

Pitt cố tạo ra một cuộc tranh luận sôi nổi, nhưng anh ta lại dấn sự chú ý ra ngoài cửa sổ toa tàu. Anh quan sát lúc trước mắt anh hiện ra một công viên rộng ít nhất hai mươi mẫu Anh trải dài theo đường ray xe điện. Một lần nữa, Pitt lại choáng váng trước sự tác động của dự án đồ sộ này. Những con đường dành cho người cỡi xe đạp và chạy jogging lượn qua những hàng cây và hồ nước với những đàn thiên nga, ngỗng và vịt bơi lội.

Rosa chú ý tới hiện tượng Pitt bị cảnh đờng quê quեն rữ. “Đây là một trong một mạng lưới những công viên và khu giải trí và nghỉ dưỡng chiếm một diện tích tổng cộng là năm trăm mẫu Anh. Ông đã trông thấy những sân thể thao, những bể bơi và những suối nước khoáng rất tốt cho sức khỏe chưa?”

Pitt lắc đầu. “Thời gian chúng tôi rất hạn chế”.

“Ông có gia đình rồi chứ, và được mấy cháu?”

Nhớ lại lúc nói chuyện với tên gác, anh gật đầu. “Một trai, một gái”.

“Chúng tôi đã tuyển những nhà giáo dục tốt nhất thế giới để dạy dỗ và đi đầu khiến những trường học của chúng tôi, từ cấp nhà trẻ lên tới bậc đại học và sau đại học”.

“Tôi thực sự ngưỡng mộ”.

“Ông và vợ ông sẽ tha hồ đi xem ca kịch, tham dự những buổi hội thảo và thuyết trình, đến thư viện và các gian hàng nghệ thuật về lịch sử và kho tàng. Chúng tôi cũng có những nhà trưng bày các tác phẩm mỹ nghệ lớn từ xưa đến nay. Bởi thế, trẻ sẽ được chăm sóc trong lúc chúng tôi chờ đợi môi trường Trái Đất tự đổi mới sau khi xảy ra thảm họa”.

“Những tác phẩm lớn ngày xưa?” Pitt hỏi, vờ như ngớ ngẩn.

“Nền văn minh mà ông bà chúng tôi đã phát hiện tại Nam Cực được gọi là nền văn minh Amenes. Đó là một chủng người ưu việt đã tuyệt chủng khi Trái Đất bị một sao chổi đâm vào chín ngàn năm trước”.

“Tôi chưa hề nghe chuyện này”, Giordino góp chuyện.

“Các nhà khoa học của chúng tôi nghiên cứu những ghi chép của người Amenes, vì vậy chúng tôi có thể biết phải chờ đợi điều gì trong thời gian sắp tới”.

“Cô nghĩ bao lâu nữa điều đó sẽ xảy ra trước khi chúng ta có thể khởi sự công việc của chúng ta trên đất liền?” Pitt hỏi.

“Năm, có lẽ mười năm trước khi chúng ta có thể ổn định và thiết lập một trật tự mới”. Rosa giải thích.

“Một trăm hai mươi lăm ngàn người có thể tiếp tục tồn tại lâu như thế không?”

“Ông quên những chiếc tàu kia rồi à?” Cô ta nói với vẻ tự hào. “Cả bốn chiếc tàu có thể hoàn toàn tự lo liệu. Chiếc Karl Wolf có năm mươi ngàn mẫu Anh đất đã được cày bừa và trồng những loại rau và cây ăn quả. Chiếc Otto Wolf sẽ chở hàng ngàn động vật để lấy thịt trong lúc chúng vẫn tiếp tục sinh đẻ. Chiếc cuối cùng Hermann Wolf, được hoàn toàn dùng để chở hàng hóa. Nó sẽ chở tất cả mọi thiết bị và máy móc để xây dựng mới những thành phố, đường xá, đèn đi đèn và nông trại khi chúng ta đã có thể đổ bộ lên mặt đất trở lại”.

Giordino chỉ vào một ký hiệu bằng số trên những cánh cửa. “Đã tới khu K”.

“Vô cùng thú vị được gặp cô, thưa cô Wolf”, Pitt nói với giọng nịnh đầm. “Hy vọng cô sẽ nhớ đềbạt tôi với ông anh họ Karl của cô”.

Cô ta nhìn Pitt một lúc với ánh mắt dò hỏi rồi gật đầu. “Chắc chắn chúng ta sẽ lại gặp nhau”.

Tàu điện chậm dần và dừng lại, Pitt và Giordino xuống xe. Họ đi bộ từ trạm xe điện vào một tiển sảnh với những hành lang dẫn ra những lối đi

hướng về các phía, như những nan hoa của bánh xe, đổ vào trong một mê cung bao la”.

“Theo lối nào bây giờ?” Giordino hỏi.

“Cứ đi vào khu giữa rồi theo những chỉ dẫn tới khu K”, Pitt nói, vừa bước vào hành lang trung tâm. “Chúng ta phải tránh văn phòng của bọn an ninh như tránh bệnh dịch”.

Đi dọc theo một hành lang có vẻ dài vô tận, họ vượt qua vô số cánh cửa, nhiều cửa để mở trong lúc các phòng được trang hoàng nội thất. Họ nhìn vào và thấy những khu sinh hoạt rộng rãi với những căn hộ tráng lệ. Lúc này thì Pitt đã có thể hiểu tại sao tên gác đã xem những nơi này là nơi cư trú của chúng. Kế hoạch nhằm tạo cho những công nhân sống tiện nghi tối đa trong thời gian dài chờ đợi trước khi chúng có thể thành lập cộng đồng của mình trên những gì còn lại trên mặt đất sau vụ va đụng của sao chổi.

Những bức tranh đứng cách nhau ba chục bộ dọc theo những bức tường giữa những cánh cửa dẫn vào các căn hộ. Giordino dừng lại để ngắm một quang cảnh với màu sắc sinh động. Anh nghiêng đầu gần lại để đọc tên người họa sĩ vẽ tranh.

“Không thể tin đây là tác phẩm của Van Gogh”, anh nói với giọng hoài nghi. “Có lẽ đây chỉ là đồ giả hoặc một phiên bản”.

“Tranh thật đấy”, Pitt nói một cách tin tưởng. Anh chỉ về phía những bức tranh khác trên các bức tường. “Những tác phẩm này đến từ những viện bảo tàng và những bộ sưu tập tư nhân sau những tội ác bọn Đế Tam Quốc xã Đức đã gây ra trong suốt Thế chiến II”.

“Thật đáng thương cho bọn chúng đã cố giành lấy những kho tàng mỹ thuật để chẳng bao giờ sở hữu được”.

“Bọn Wolf có kế hoạch mang cả những tác phẩm bậc thầy đến miền đất hứa đấy”.

Bằng cách nào dòng họ Wolf có thể xác định sự trở lại của sao chổi thứ nhì sẽ đâm vào Trái Đất? Pitt tự hỏi. Tại sao nó lại không trượt qua một lần nữa như cách nó đã trượt qua chín ngàn năm trước? Không có những câu trả lời sẵn, nhưng một khi anh và Giordino có thể thoát khỏi khu đóng tàu này với Pat và con gái cô ấy, anh nhất định sẽ tìm ra cách giải quyết.

Sau khi Giordino phỏng chừng họ đã đi được một phần tư dặm, họ tới một cánh cửa lớn có ghi “An ninh- cấp độ K”. Họ vội vã đi qua và cuối cùng tới một khu lễ tân trang bị thật thanh lịch với bàn, ghế và trường kỷ

trước một lò sưởi đồ sộ. Nơi này có thể qua mặt phòng khách của một khách sạn năm sao. Một người đàn ông và một phụ nữ mặc đồng phục màu xanh lục ngả sau một quầy rượu bên dưới một bức tranh cực lớn vẽ chiếc tàu cứu nạn của ông Noah.

“Bất kỳ kẻ nào có quyền lực cũng điên cuồng với những mật mã màu mè”, Giordino nói, như một hơi thở.

“Hỏi chúng nơi giam giữ nhà nghiên cứu chữ khắc người Mỹ đang giải mã những chữ khắc cổ”, Pitt gợi ý.

“Mẹ nó chứ, tôi cóc hiểu <nhà nghiên cứu chữ khắc> trong tiếng Tây Ban Nha là cái gì cả”.

“Cứ bịa đại đi”.

Giordino đảo mắt rồi bước lại gần cái quầy trước mặt người phụ nữ, anh nghĩ cô ta có vẻ sẵn lòng giúp đỡ hơn.

“Chúng tôi được phép tới để chuyển tiến sĩ O’Connell và con gái bà ta rời khỏi chiếc tàu này”, anh nói giọng dịu dàng trong một nỗ lực giấu nhẹm giọng Mỹ của mình.

Người phụ nữ, rất hấp dẫn, với da mặt hơi tái và mái tóc bới về phía sau thành một búi nhìn lên Giordino và quan sát bộ đồng phục an ninh của anh. “Tại sao tôi không được báo trước lệnh chuyển bà ta đi?”

“Chính tôi cũng chỉ mới nhận lệnh mười phút trước”.

“Tôi phải kiểm tra yêu cầu này đã”, người phụ nữ nói, một thoáng nghi ngờ nảy ra trong đầu cô ta.

“Làm sao chúng tôi có thể chứ?” Giordino hỏi, ra vẻ ngây thơ... “vì bà ấy dưới quyền giám sát của cô với tư cách chỉ huy khu vực này mà. Anh bạn đồng hành này và tôi chỉ xin cô vui lòng kiểm tra bằng cách đích thân cô cùng vào với chúng tôi để đưa bà ấy ra. Giờ thì hãy cho tôi biết bà ấy ở đâu, và chúng tôi sẽ đợi cho tới lúc thượng cấp của tôi báo cho vị nào có thẩm quyền, nếu điều đó làm cô dễ ngủ hơn”.

Người phụ nữ nhượng bộ. “Các ông sẽ thấy Tiến sĩ O’Connell bị nhốt trong phòng K-37. Nhưng tôi không thể đưa chìa khóa cho các ông, cho tới khi tôi được lệnh”.

“Chúng tôi cũng không vội gì”, Giordino nói với cái nhún vai dừng đọng. “Chúng tôi sẽ đứng bên ngoài và đợi”. Anh hất đầu ra hiệu cho Pitt đi theo mình, và bắt đầu đi ngược lại lối họ đã đến. Khi đã lọt khỏi tầm nghe, anh nói. “Cô ấy bị nhốt trong phòng K-37. Tôi nghĩ chúng ta đã đi qua những căn phòng trong chuỗi số 30 kể từ lúc ra khỏi thang máy”.

“Phòng giam cô ấy có người gác không nhỉ?” Pitt hỏi.

“Khi mặc bộ quần áo an ninh này, chúng ta bị xem như đã biết có người gác hay không. Không, tôi không muốn bị xem là một kẻ ngốc đáng ngờ. Nên tôi không hỏi cô ta chuyện đó”.

“Tốt hơn chúng ta hãy nhanh lên”, Pitt nói. “Chắc chắn tới lúc này, chúng đã biết sự thật và đang đuổi theo chúng ta”.

Lúc tới căn phòng K-37, họ thấy một tên gác đứng bên ngoài. Giordino bước thẳng tới và nói. “Cậu khỏe r ồi nhé”.

Tên gác, một gã cao hơn anh chàng Giordino nhỏ con đến một bộ, nhìn xuống với ánh mắt dò hỏi. “Tôi còn những hai giờ trong phiên gác cơ mà”.

“May cho cậu vì họ đã gửi chúng tôi tới sớm”.

“Các anh trông có vẻ lạ”, tên gác nói với thái độ e dè.

“Cậu cũng vậy”. R ồi Giordino xoay người như muốn bỏ đi. “Quên chuyện đó đi. Anh bạn đồng hành này và tôi sẽ đợi trong phòng ăn cho tới lúc phiên gác của cậu kết thúc”.

Tên gác bất chợt đổi giọng. “Ồ, không, không, tôi có thể dùng thì giờ thừa này để đánh một giấc.” Chẳng nói thêm tiếng nào, hắn đi thẳng lại phía thang máy.

“Trình diễn khéo thật”, Pitt nói.

“Tôi có khả năng thuyết phục mà”, Giordino phì cười.

Sau khi tên gác bước vào thang máy ở cuối hành lang dài, Pitt đá mạnh vào cánh cửa gần chỗ bản l ề, và nó bung ra. Họ lao vào phòng hầu như trước khi cánh cửa đổ ập xuống. Một cô gái trẻ đang đứng trong gian bếp, mặc bộ áo liền quần màu xanh và đang uống một ly sữa. Trong cơn hoảng hốt, cô gái đánh rơi cái ly xuống tấm thảm. Pat từ phòng ngủ chạy ra, cũng trong bộ quần áo liền quần màu xanh, mái tóc dài màu đỏ của cô xõa ra về phía sau như một cây quạt. Cô đứng lại, đông cứng tại ngưỡng cửa, nhìn Giordino và Pitt với ánh mắt ngỡ ngàng. Miệng cô há hốc nhưng không thốt ra lời, đôi mắt lộ rõ sự bối rối cùng cực.

Pitt chộp cánh tay cô trong lúc Giordino nhắc bổng cô gái lên. “Không có thì giờ ôm hôn đâu”, anh nói nhanh. “Chúng ta phải tới máy bay ngay”.

“Hai ông bạn đẹp trai này từ đâu đến vậy?” Cuối cùng, cô lẩm bẩm, không tin, không hiểu.

“Tôi không biết mình được xem là đẹp trai từ lúc nào”, Pitt nói trong lúc ôm quanh hông và dìu cô đến cánh cửa vỡ.

“Đợi đã!” Cô lấp bắp, vận mình thoát khỏi cánh tay anh. Cô lao vào phòng ngủ và trở ra mấy giây sau đó, ôm trước ngực một cái va ly nhỏ loại đựng hồ sơ.

Họ không cần phải thận trọng và lén lút nữa - ý nghĩ đó đã thực sự nảy ra trong đầu những người đàn ông. Lao xuống hành lang dài, chạy qua những công nhân đang thực hiện những công đoạn cuối trên chiếc tàu. Họ bị nhìn với những ánh mắt nghi ngờ, nhưng không ai làm một cử chỉ nhằm ngăn chặn họ lại hoặc hỏi họ.

Nếu còi báo động vang lên lúc này, và Pitt biết rõ sẽ có chuyện đó, ý nghĩ về một cuộc chạm trán với những tên Wolf không hề khoan nhượng kích thích anh mãnh liệt. Rời khỏi chiếc tàu, tới điểm cuối của xưởng đóng tàu và biến mất dưới màn nước lạnh lẽo trong vịnh và phải bơi khoảng hai dặm mới chỉ là một nửa kế hoạch của anh. Dù được đẩy tới nhanh hơn họ có thể bơi với cái xe đẩy của thợ lặn, Pat và con gái cô vẫn có thể chết vì thân nhiệt bị giảm trước khi họ có thể tới hẻm núi, nơi có chiếc xe bay.

Nỗi lo sợ của anh bất chợt bùng lên khi những âm thanh gắt gỏng của hệ thống báo động bắt đầu vang lên chát chúa qua khắp khu đóng tàu lúc họ tới thang máy gần nhất.

Lần này may mắn như còn cách họ quá xa. Thang máy đã dừng sẵn ở cấp độ sáu với những cánh cửa để mở. Ba người đàn ông trong bộ đồng phục đỏ đang bốc dỡ những đồ trang trí nội thất văn phòng. Không một lời giải thích, Pitt và Giordino tông mạnh vào những công nhân đang ngạc nhiên nhìn họ, đẩy những người này vào tiêng sảnh, rồi kéo Pat và con gái cô vào thang máy và bấm nút xuống, tất cả chỉ xảy ra trong mười lăm giây.

Trong lúc tạm thời lấy lại hơi thở, Pitt mỉm cười với cô con gái của Pat, một cô gái trẻ xinh đẹp với mái tóc màu vàng nhạt và đôi mắt màu xanh nước biển. “Cháu tên gì, bé cưng?”

“Megan ạ”, cô bé nói, đôi mắt vẫn mở lớn vì sợ hãi.

“Cháu hãy hít vào thật sâu và thư giãn”, anh dịu dàng nói, “Tên chú là Dirk, và anh bạn lùn xùn đây bắp thịt này là Al. Bọn chú đến để đưa mẹ và cháu về nhà an toàn”.

Lời nói của anh có một tác dụng làm dịu, và nét mặt lo sợ của cô gái dần dần thay đổi, chỉ còn chút bối rối. Cô gái đã thực sự đặt tin tưởng vào anh, và một lần nữa Pitt lại bắt đầu lo lắng, chẳng biết anh sẽ gặp chuyện gì

khi thang máy dừng lại và những cánh cửa của nó mở ra. Họ không thể nổ súng để lao ra, càng không thể khi bên cạnh họ còn có hai phụ nữ.

Sự lo sợ của Pitt không có cơ sở khi sự việc xảy ra sau đó. Không có bọn gác với những khẩu súng chĩa vào họ trong tư thế chờ đợi bên ngoài cửa thang máy. “Tôi bị lạc r ồi”, anh nói vừa nhìn những hành lang chằng chịt như một mê cung.

Giordino cười thê thảm, “Thật quá tệ khi không có một bản đồ nơi này”.

Pitt chỉ vào một chiếc xe loại dùng trên sân golf phía trước cánh cửa có hàng chữ “Phòng ban quản trị”.

“Có cơ hội thoát r ồi”, anh nói và nhảy vào ghế dành cho lái xe, r ồi vặn chìa khóa khởi động. Mọi người lên xe và Pitt nhấn hết chân ga h ầu như trước khi họ ng ẫ vững. Không thể sử dụng thiết bị dò hướng, anh đành đoán mò, phó thác cho may rủi sau khi băng qua đường ray xe điện và trông thấy một lối đi lớn mở ra một con dốc dẫn xuống xưởng đóng tàu.

Bọn gác với vũ trang cũng vừa tới đó. Chúng từ những xe tải lao xuống và rải ra nhiều hướng trong xưởng đóng tàu. Pitt phỏng đoán có gần bốn trăm tên, không tính đến một ngàn tên đang có mặt trên chiếc tàu. Ngay lập tức, anh thấy rõ tình trạng tiến thoái lưỡng nan của họ và hét lớn. “Ng ẫ cho vững, tôi sẽ quay lại chỗ thang máy”. Anh đạp thắng, quành đầu xe thành một vòng chữ U trở lại lối đi lúc nãy.

Nhìn lui, Giordino chỉ có thể trông thấy những bộ đồng phục đen l ẫn x ảng như một bầy kiến chung quanh xưởng đóng tàu. “Tôi chúa ghét khi mọi chuyện rồi beng thế này”, anh chàng càu nhàu.

“Chúng ta không thoát được đâu...” Pat th ầu thào và ôm chặt con gái. “Không phải bây giờ”.

Pitt nhìn Giordino “Chẳng phải có một bài hát cổ tên là <Trước Kia Chúng Ta Đã Làm Đi ầu Đó, và Chúng Ta Có Thể Làm Lại> đó sao?”

“Thế chiến Hai xảy ra trước khi tôi chào đời”, Giordino nói “Nhưng tôi hiểu ý cậu”.

Họ nhanh chóng tới thang máy, nhưng Pitt không dừng xe lại. Cửa thang máy vẫn mở và anh lái xe vào bên trong trước khi những cánh cửa khép lại. Anh bấm nút t ầng sáu, rút khẩu Colt-45 ra và ra hiệu cho Giordino làm theo. Ngay khi cửa thang máy mở ra, họ đối mặt với ba gã khuân vác đồ nội thất họ đã ném ra khỏi thang máy trước đó. Vẫn còn bàng hoàng vì bị ném ra, cả ba đang quất tháo múa may với một gã khác mặc đồng phục

màu vàng trông có vẻ là một chỉ huy. Lúc trông thấy Pitt và Giordino ra khỏi thang máy trên cái xe nhỏ như những gã chăn cừu đói khát được tháo cũi sổ lồng với hai khẩu súng xĩa ra, cả bốn gã đàn ông đông cứng và đưa hai tay lên trời.

“Vào thang máy!” Pitt ra lệnh.

Cả bốn đứng tê liệt tỏ ra không hiểu, cho tới khi Giordino quát ra lệnh bằng tiếng Tây Ban Nha.

“Rất tiếc”, Pitt nói khi hiểu ra, “tôi cũng hoảng đến mức quên mất tình huống của mình”.

“Chấp cậu làm gì”, Giordino an ủi.

Quá trình hành động của họ trong văn phòng tòa cao ốc lại tái diễn. Sáu phút sau, cả bốn họ lại lên đường, bỏ lại bốn gã đàn ông chỉ còn quần áo lót bị trối nằm trong thang máy. Anh lái chiếc xe lên lối vào boong chính, dừng lại và chạy trở lui. Anh cho thang máy đi lên, gài bộ phận kiểm soát rồi nhảy ra trước khi cửa thang máy đóng lại. Sau đó anh theo bảng những dấu chỉ dẫn, lái về phía trạm xe điện. Ba trong bốn người bọn anh lúc này đã mặc đồng phục màu đỏ của công nhân làm việc trên tàu, trong lúc người thứ tư là anh mặc bộ đồng phục màu vàng của một đốc công.

Những gã trong bộ phận an ninh đã tập trung tại một giao lộ ngay trước trạm xe điện. Một gã trong bọn chúng bước tới và đưa bàn tay lên. Pitt cho chiếc xe chạy chậm lại và nhìn tên gác với ánh mắt dò hỏi.

Vì không biết Pat và con gái cô vừa được cứu thoát khỏi khu vực chúng, tên gác chẳng cần bận tâm nhìn kỹ hai người phụ nữ trong bộ đồng phục công nhân khuôn vác hàng hóa, vì nhiều người phụ nữ vừa được tuyển dụng để điểu khiển những xe nâng và xe kéo hàng. Pat chạm cánh tay con gái để ra hiệu cho cô bé chó có nói năng hay cử động. Cô cũng xoay mặt Megan ra hướng khác, khỏi ánh mắt của tên gác để hẳn không nhận ra độ tuổi quá nhỏ của cô bé.

Pitt cố hình dung bộ đồng phục màu vàng anh vừa chiêm được nói lên cấp thẩm quyền nào, rồi anh nhìn vào mặt tên gác với vẻ kính trọng.

“Ở đây xảy ra chuyện gì thế?” Giordino hỏi, vốn tiếng Tây Ban Nha của anh chàng xem ra đặc dụng.

“Hai gã xâm nhập trong đồng phục an ninh đã lọt vào khu đóng tàu và chắc chắn chúng đã lên tàu Ulrich Wolf”.

“Những kẻ xâm nhập à? Tại sao các cậu không ngăn chúng lại trước khi chúng lọt vào khu đóng tàu?”

“Tôi không biết”, tên gác trả lời. “Tất cả những gì tôi biết là chúng đã giết bốn nhân viên an ninh của chúng ta trong lúc tìm cách thoát đi”.

“Bốn người bị giết”, Giordino nói, cố tạo ra vẻ buồn bã. “Thật tội nghiệp. Hy vọng các cậu tóm được những tên giết người gớm ghiếc đó”. Rồi Giordino quay sang nhìn Pitt và hai người phụ nữ kia, và gật đầu vồn vã, “phải không, các bạn?”

“Vâng, vâng”, Pitt nói, cố tỏ vẻ khó chịu vì chờ lâu.

“Chúng tôi phải kiểm tra mọi người đi và đến mỗi chuyến tàu”, tên gác tỏ vẻ kiên trì. “Tôi phải xem giấy thông hành của các bạn”.

“Coi bộ chúng tôi giống những gã xâm nhập trong bộ đồ đồng phục an ninh lắm à?” Giordino hỏi, cố tỏ ra vẻ giận dữ.

Tên gác lắc đầu và mỉm cười, “Không”.

“VẬY HÃY ĐỂ CHÚNG TÔI QUÁ!” Giọng nói thân thiện của Giordino bất chợt trở nên lạnh lẽo và quan liêu. “Chúng tôi có một món hàng phải đưa lên tàu gấp và chúng tôi không có thì giờ đấu hót với các cậu. Tôi đã trễ cuộc họp với ngài Karl Wolf. Trừ phi cậu không muốn bị bỏ lại sau thảm họa. Đề nghị cậu tránh sang một bên”.

Hoàn toàn bị khuất phục, tên gác hạ vũ khí xuống và nói, “Tôi rất tiếc đã làm chậm trễ công việc của các ông”.

Không hiểu được họ nói gì với nhau, Pitt chỉ đạp chân ga sau khi Giordino thúc cùi chỏ vào ba sườn anh. Anh nghĩ tốt nhất cứ việc xuất hiện như những công nhân bình thường trong một nhiệm vụ đặc biệt tại khu đóng tàu, Pitt tiếp tục lái xe về phía trạm xe điện gần nhất với một tốc độ vừa phải thay vì chạy thật nhanh. Với một bàn tay đặt trên tay lái, anh bấm số máy điện thoại Globalstar với bàn tay còn lại.

Đồ đạc Sandecker nhấn nút nghe của chiếc điện thoại sau hồi chuông thứ nhất, “Vâng?”

“Đây là nhà hàng Leaning Pizza Tower gọi. Thức ăn của quý ngài đang trên đường đi”.

“Anh nghĩ các anh có thể tìm đúng nhà chứ?”

“Không chắc lắm nhưng chúng tôi có thể đến nơi trước khi món Pizza nguội lạnh”.

“Tôi hy vọng các anh đến nhanh”, ông Sandecker nói, giọng ông tỏ ra khẩn trương. “Nhiều người ở đây đói lắm rồi”.

“Đường rất đông xe. Sẽ cố hết sức”.

“Tôi sẽ chờ”. Ông Sandecker đặt điện thoại xuống và nhìn ông cựu Hạm trưởng Hozafel với vẻ mặt nặng nề “Xin lỗi vì chúng tôi phải ngưng câu chuyện”.

“Tôi hiểu”, ông già người Đức nhã nhặn nói.

“Tình thế của họ ra sao ạ?” Ông Little hỏi.

“Không tốt”, Đô đốc Sandecker trả lời. “Họ đã cứu được tiến sĩ O’Connell và con gái bà ấy, nhưng phải đối đầu với nhiều khó khăn lúc tìm cách thoát khỏi khu đóng tàu. “Đường rất đông xe” nghĩa là họ bị lực lượng an ninh của bọn Wolf săn đuổi”.

Ông Little nhìn thẳng Đô đốc Sandecker, “Ngài nghĩ họ có những lợi thế gì trong lúc tìm cách thoát thân?”

“Lợi thế?”. Nét mặt ông Đô đốc lộ vẻ đau đớn. Trông ông như già thêm mười tuổi trong mấy giờ qua. “Họ chẳng có lợi thế gì cả”.

Chiếc tàu điện chậm chạp di chuyển ra khỏi trạm, vượt qua một xe khác chạy ngược chiều. Dù chiếc xe điện trượt trên đường ray với vận tốc gần ba mươi dặm một giờ, Pitt vẫn cảm thấy như nó đang bò và anh muốn nhảy ra đẩy phụ nó. Những trạm được đánh số theo bảng mẫu tự, và tại bất kỳ trạm nào, họ cũng chờ đợi xảy ra cảnh những tên an ninh trong bộ đồng phục đen tràn lên xe và bắt giữ họ. Lúc xe điện trao đổi hành khách tại trạm W, những hy vọng của Pitt bắt đầu khởi lên, nhưng tại trạm X, sự may mắn của họ vụt mất.

Sáu tên gác trong bộ đồng màu đen tràn lên toa cuối và bắt đầu kiểm tra thẻ thông hành của hành khách. Và lúc này Pitt có cảm giác như hai cổ tay anh đã bị khóa trong chiếc còng số tám. Anh co mình lại chờ đợi. Và anh nhận ra có vẻ như chúng chỉ đặc biệt kiểm tra những công nhân mặc đồng phục đỏ hoặc vàng.

“Chúng đang đến gần hơn”, Giordino nói, chẳng tỏ ra xúc động gì, lúc bọn gác đi qua toa thứ nhì trong năm toa xe cửa tàu điện.

“Chỉ còn một toa nữa thôi”, Pitt nói. “Ta qua toa thứ nhất, cố giữ tự nhiên”.

Họ không trao đổi gì thêm, Giordino đi đầu, theo sau là Megan rồi tới Pat, cuối cùng là Pitt.

“Chúng ta có thể tới trạm tiếp theo trước khi chúng tới toa này”, Giordino nói. “Nhưng xem ra chúng đã gần lắm rồi”.

“Tôi e là chúng ta sẽ không xuống trạm dễ dàng đâu”, Pitt có vẻ u ám. “Có thể chúng cũng sẽ đợi chúng ta ở đó”.

Anh bước tới và nhìn qua kính cánh cửa dẫn tới một buồng kiểm soát nhỏ trước đầu toa xe. Trong buồng có một bảng kiểm soát với nhiều bóng đèn sáng, nhiều nút bấm và công tắc, nhưng không có người lái hoặc kỹ sư. Tàu điện hoàn toàn tự động. Anh thử mở cánh cửa và không ngạc nhiên khi nhận ra nó bị khóa.

Anh quan sát những ký hiệu và dấu chỉ dẫn trên bảng kiểm soát. Có một đặc biệt khiến anh lưu ý. Nắm chặt khẩu Colt-45, anh gõ nòng súng lên lớp kính cánh cửa và đập vỡ nó. Bất chấp ánh mắt ngạc nhiên của những hành khách trong toa xe, anh bước vào buồng kiểm soát và không đóng cửa lại. Không chậm trễ một giây, anh vặn cái công tắc đầu tiên trong năm công tắc nối liền với hệ thống nối các toa của tàu điện. Tiếp theo, anh lập trình lại máy vi tính điều khiển vận tốc con tàu.

Hiệu quả như mong đợi cho anh niềm vui chợt trào lên. Cả bốn toa xe phía sau tách rời toa đầu tiên và bắt đầu lùi lại. Do mỗi toa xe có nguồn năng lượng riêng, vận tốc được cài trước của chúng lúc này vẫn chậm hơn vận tốc toa xe dẫn đầu. Những tên anh ninh chỉ có thể tiếp xúc với những toán tìm kiếm khác và nhìn với ánh mắt thất vọng khoảng cách giữa những toa xe nhanh chóng rộng dần lên.

Bốn phút sau, toa xe có Pitt và những người kia vượt qua trạm Y mà không dừng lại trước sự thất vọng của một toán gác và vẻ mặt lăm lè của đám công nhân đứng trong sân trạm. Pitt có cảm giác như thể dạ dày anh bị một bàn tay lạnh lẽo bóp chặt và miệng anh đang ngậm đầy những chiếc lá khô. Anh đã chơi một canh bạc liều mạng với con xúc xắc do đối phương tạo ra. Anh nhìn lui vào toa xe và bắt gặp ánh mắt Pat. Cô đang ngẩng với một cánh tay ôm quanh vai con gái Megan, cánh tay còn lại vẫn giữ chặt cái va ly nhỏ đựng hồ sơ. Mặt cô xanh tái, buồn bã và đau khổ lạ lùng. Anh bước lại và luồn một bàn tay vào mái tóc màu đỏ chảy xuống như một thác nước của cô.

“Chúng ta sẽ thoát khỏi nơi này”, anh nói với giọng tự tin với Megan. “Chú Pitt sẽ đưa cháu qua biển và lên núi”.

Cô gái ngược nhìn lên, cố nở một nụ cười yếu ớt, “Đó là một lời hứa chứ?”

“Một lời hứa chắc chắn như thép”, anh nói, một niềm tin chợt thành hình trong tim anh.

Nửa phút trôi qua. Pitt trở lại buồng kiểm soát và nhận ra họ đang đến gần một bãi đậu xe phía sau đuôi chiếc tàu. Nhìn về phía trước, anh có thể trông thấy những đường ray bắt đầu cong về phía bãi đậu xe. Anh biết rõ tàu điện được dự tính dừng tại đó, trạm Z, trước khi tiếp tục đi quanh chiếc tàu. Không cần phải có quyền năng cảm nhận, anh cũng biết bọn gác đã có mặt tại sân trước anh, và chúng đang đợi để đả hạ họ bằng một kho đạn.

“Tôi sẽ cho chiếc tàu chậm lại, khoảng mười dặm mỗi giờ”, Pitt nói. “Khi nào tôi lên tiếng thì chúng ta nhảy xuống. Hai bên mép đường sắt đều được trồng cỏ, vì vậy chúng ta sẽ không bị thương. Lúc chạm đất, cố lăn tròn tới trước. Lúc này chúng ta không thể đỡ vỡ xương ống chân hoặc mắt cá”.

Giordino quàng một cánh tay quanh eo Megan, “Chúng ta cùng đi với nhau nhé. Làm theo cách này cháu sẽ rơi xuống trên một tấm đệm dày bằng thịt và mỡ, phải không?” Đó là một tuyên bố sai vì anh chàng Giordino chẳng hề có một lạng mỡ nào trong tấm thân đầy cơ bắp chắc nịch của anh ta.

Pitt chỉnh lại bộ phận điều khiển và toa xe đột ngột chậm lại. Trong phút chốc những chữ số màu đỏ chỉ vận tốc tụt xuống con số mười dặm-giờ. Anh hét lớn, “Tốt rồi, mọi người nhảy!”

Anh chậm lại một chút để biết chắc tất cả đã nhảy khỏi toa tàu. Rồi anh tăng tốc chiếc tàu điện cho tới lúc nó đạt con số sáu mươi dặm-giờ, trước khi chạy từ buồng kiểm soát đến cửa toa tàu và nhảy xuống lúc lực gia tốc đẩy chiếc tàu tới vận tốc tối đa của nó. Chân anh chạm mặt đất mềm trước khi anh ngã xuống và lăn tròn theo lực quán tính như một trái đạn ca nòng trong một vườn cây bonsai, làm vụn vỡ những cành nhánh của chúng và đè bẹp chúng xuống mặt đất vì sức nặng cơ thể anh. Anh loạng choạng đứng lên, một đầu gối hơi đau, nhưng vẫn có thể hoạt động bình thường.

Giordino đã đứng bên cạnh anh, giúp anh lấy lại thăng bằng. Anh nhẹ nhõm khi trông thấy Pat và Megan, trên mặt họ còn lộ rõ vẻ đau đớn. Có vẻ như họ đã chạm và cày trên mặt đất khá mạnh, tóc còn bám đầy lá thông.

Toa tàu điện đã khuất sau khúc quanh, nhưng cầi thang dẫn tới cầi tàu đầu tiên chỉ cách họ chưa tới năm mươi bộ, và không có tên gác nào gầi đó.

“Chúng ta đi đâu?” Pat hỏi khi đã lấy lại đôi chút bình tĩnh.

“Trước khi tới chỗ cái xe bay”, Pitt trả lời, “chúng ta phải đi một quãng ngắn bằng xuồng”.

Anh nắm cánh tay cô và dẫn cô khắp khiềng theo sau anh trong khi Giordino dìu Megan đi tới. Họ chạy dọc theo đường ray cho đến khi tới cầi thang dẫn xuống cầi tàu số một. Đúng như Pitt dự đoán, những tên gác đã vây kín trạm Z cách họ khoảng hai trăm mét trong bãi đậu xe. Hỗn loạn xảy ra khi toa tàu vọt qua trạm và chạy vòng ở khúc quanh tiếp theo trên đường đi của nó dọc theo mép phía bờ của chiếc tàu. Những tên gác, hoàn toàn bị lừa vì chúng nghĩ những con mồi vẫn còn nấp trong toa tàu đang lao nhanh, vội vã đuổi theo trong lúc gã chỉ huy nhóm an ninh ra lệnh bao vây hệ thống tàu điện tiếp theo.

Pitt nghĩ chúng phải mất ít nhất bảy phút nữa, trước khi bọn gác có thể dừng toa tàu điện lại và biết họ đã thoát. Nếu tới lúc đó anh và những người kia chưa thoát khỏi xưởng đóng tàu thì sự trốn thoát sẽ không bao giờ xảy ra nữa.

Không một công nhân nào trên cầi tàu chú ý đến họ lúc họ đi ầm tĩnh đi xuống những bậc cấp dẫn tới cầi tàu. Có ba chiếc xuồng được buộc giữa cầi tàu thứ nhất và thứ nhì. Một chiếc xuồng nhỏ hai mươi bốn bộ chạy buồm và hai chiếc lớn hơn. Pitt biết rõ loại xuồng này như một chiếc du thuyền bốn mươi hai bộ có cabin và một chiếc xuồng tuần tra hăm bốn bộ. “Chúng ta lên chiếc lớn nhất” Pitt nói và bình tĩnh băng qua cầi tàu.

“Tôi đoán chúng ta sẽ không tìm lại những dụng cụ lặn”, Giordino nói.

“Pat và Megan không thể sống sót trong thứ nước lạnh cóng này. Tốt hơn chúng ta cứ tìm cơ may trên mặt nước”.

“Chiếc xuồng tuần tra nhanh hơn”, Giordino chỉ tay ra ngoài.

“Đúng”, Pitt đồng ý, “nhưng lực lượng an ninh sẽ ngòi vục khi một xuồng cao tốc từ khu đóng tàu chạy ra biển. Chiếc xuồng giống du thuyền đi trên nước êm ái hơn, không gây chú ý”.

Một quản đốc khu cầi tàu đi về phía họ, lúc Pitt đứng lại chỗ trên ván bắc lên chiếc xuồng. “Chiếc xuồng đẹp quá”, anh nói và mỉm cười.

“Ê?” Gã quản đốc nhìn anh, hần không hiểu tiếng Anh.

Pitt đi lên tấm ván và chỉ về phía chiếc xuồng. “Chiếc xuồng đẹp lắm”, anh lặp lại, vừa thản nhiên bước vào cabin chỉ huy.

Gã quản đốc theo sau Pitt, tỏ ra phản đối anh xâm phạm chiếc xuồng, nhưng lúc họ vừa khuất tầm nhìn của những công nhân trên cầu tàu, Pitt vung nắm đấm ra, nện cật lực vào quai hàm gã quản đốc, và hất đồ vật xuống sàn. Sau đó, anh chồm ra cửa và gọi lớn, “Al, tháo dây buộc, quý cô, lên tàu!”

Pitt đứng yên một lúc, quan sát những thiết bị trên bảng điểu khiển. Anh xoay chìa khóa và nhấn nút khởi động động cơ. Bên dưới, trong phòng máy, hai động cơ lớn chạy bằng diesel đã vận hành ổn định. Anh mở cửa sổ bên hông phía đài chỉ huy và nhìn ra ngoài. Giordino đã tháo dây buộc và đang lên xuồng.

Pitt cài số và rất thông thả, anh bắt đầu điểu khiển chiếc xuồng rời cầu tàu và hướng ra ngoài. Chiếc xuồng vượt qua hai nhóm công nhân đang lắp đặt một đường ray quanh cầu tàu, và vẫy tay chào họ. Anh lái chiếc xuồng chạy dọc theo chiếc tàu Ulrich Wolf. Để ra tới vịnh và thoát khỏi khu đóng tàu, họ phải đi vòng qua chiếc tàu khổng lồ đó. Anh tiếp tục tăng tốc cho tới lúc đạt vận tốc tám nút, một tốc độ anh hy vọng không gây nghi ngờ. Cho tới lúc này vẫn không có tiếng hô hoán, tiếng chuông hoặc còi báo động, không có dấu hiệu săn đuổi hoặc ánh đèn tìm kiếm họ trên mặt nước tối tăm.

Với vận tốc này, anh phải mất mười lăm phút để vượt trọn chiều dài của chiếc tàu siêu hạng và quay mũi cho tới khi họ có thể tạo được một khoảng cách an toàn và thoát khỏi tầm những ngọn đèn chiếu từ khu đóng tàu. Mười lăm phút đau khổ này có vẻ như mười lăm năm. Và đó mới chỉ là trở ngại đầu tiên. Họ vẫn còn phải đương đầu với những xuồng tuần tra của bọn chúng, và vẫn còn rất nhiều khả năng những đoàn thủy thủ của chúng được báo động về việc các tù nhân của chúng đã được cứu thoát trên chiếc xuồng có cabin chỉ huy.

Họ không thể làm gì hơn ngoài việc ở yên trong cabin chính để không bị nhìn thấy, và nhìn lên con quĩ ketch sù trong lúc họ đi ngang nó. Từ mũi tới đuôi tàu, những phòng kính nằm sát nhau với ánh đèn sáng trưng bên trong và bên ngoài tạo cho chiếc tàu có vẻ giống một sân bóng chày trong một đêm có trận đấu. Những chiếc tàu nổi tiếng trong thời đại của họ như Titanic, Lusitania, Nữ hoàng Mary, Nữ hoàng Elizabeth và

Normandy, nếu được xếp thành một hàng, vẫn còn ngắn hơn bên cạnh chiếc tàu Ulrich Wolf.

“Tôi muốn được thưởng thức món thịt băm vào lúc này quá chừng”, Giordino nói, cố làm giảm bớt không khí căng thẳng.

“Cháu cũng vậy”, Megan nói. “Tất cả những thứ họ cho mẹ và cháu ăn thật không nuốt nổi”.

Pat mỉm cười, dù gương mặt cô trông thật ủ dột. “Không lâu nữa đâu, cưng à, con sẽ tha hồ được ăn thịt băm”.

Từ bánh lái tàu, Pitt quay đầu nhìn lui. “Chúng xử sự với hai mẹ con cô tệ lắm à?”

“Không ngược đãi hoặc mắng chửi”, Pat trả lời, “nhưng chưa bao giờ tôi bị những kẻ bản gắt và kiêu ngạo như thế ra lệnh này nọ. Họ bắt tôi làm việc suốt ngày đêm”.

“Giải mã những chữ khắc của người Amenes trong một phòng khác à?”

“Chẳng có phòng nào khác cả. Chỉ có những tấm ảnh chụp những chữ khắc họ phát hiện được tại một thành phố dưới băng tuyết tại Nam Cực”.

Pitt nhìn cô với ánh mắt tò mò, “Nam Cực?”

Cô nghiêm nghị gật đầu. “Bị chôn vùi dưới băng. Đế Tam Quốc xã Đức đã phát hiện nơi này trước chiến tranh”.

“Elsie Wolf đã nói với tôi là bọn chúng có chứng cứ người Amenes đã xây dựng sáu căn hầm”.

“Tôi không biết đi đâu đó”, Pat thừa nhận. “Tất cả những gì tôi có thể nói với ông là tôi có ấn tượng chúng đang sử dụng thành phố dưới băng này với một mục đích gì đó. Mục đích gì thì tôi chịu”.

“Cô có khám phá gì mới về chữ khắc chúng buộc cô giải mã không?”

Trong lúc trao đổi, Pat không còn vẻ buồn bực và đau khổ nữa. “Tôi chỉ mới bắt đầu làm việc thì các ông phá cửa vào. Họ đặc biệt quan tâm đến những gì tôi đã giải mã những chữ khắc trong căn hầm tại Colorado và căn hầm trên đảo St. Paul. Có vẻ dòng họ Wolf rất thất vọng khi nghiên cứu những thông điệp được người Amenes truyền lại về hậu quả của thảm họa”.

“Chúng thất vọng vì bất cứ bằng chữ khắc nào trong những căn hầm khác nhau cũng đều được phát hiện trước khi thảm họa xảy ra”. Anh dừng

lại và gật đầu về phía cái va ly hồ sơ của Pat. “Tất cả đầu ở đó phải không?”

Cô xách cái va ly lên. “Đây là những tấm ảnh từ căn hầm ở Nam Cực. Tôi không thể bỏ chúng lại cho bọn Wolf.

Anh nhìn cô chăm chú. “Chúng sẽ không còn cơ hội gây rắc rối cho cô nữa”.

Pitt còn muốn nói thêm, nhưng một chiếc xuồng đang băng qua trước mũi họ khoảng một trăm mét. Có vẻ như đó là một chiếc xuồng có nhiệm vụ đặc biệt đang trên đường trở về Toán thủy thủ của nó chẳng buồn để mắt tới chiếc xuồng có đài chỉ huy của họ.

Bớt căng thẳng đôi chút khi họ không thấy dấu hiệu bám đuôi, Pitt hỏi, “Cô bảo chúng đang nghiên cứu những trường hợp sẽ xảy ra sau thảm họa?”

“Họ rất quan tâm chuyện này. Tôi thấy họ muốn có tất cả mọi dữ liệu liên quan đến vấn đề sống còn của họ”.

“Tôi vẫn không hiểu vì sao bọn Wolf tuyệt đối tin chuyện sao chổi đang trở lại và đâm vào Trái Đất vào một thời điểm đã được tiên liệu bởi người Amenes từ chín ngàn năm trước”, Pitt nói.

Pat chậm rãi lắc đầu. “Tôi không có câu trả lời về chuyện này”.

Tiếp tục duy trì vận tốc tám nút. Pitt nhẹ nhàng xoay bánh lái, đưa chiếc xuồng mở một vòng rộng trước mũi chiếc Ulrich Wolf và đi qua đoạn cuối xưởng đóng tàu, lúc này có rất đông công nhân và những gã an ninh đang kiểm tra giấy tờ từng người, đàn ông lẫn phụ nữ, trong những bộ đồng phục màu đỏ. Anh vượt qua một chiếc xuồng nhỏ không sáng đèn, và nó chột quay đầu một trăm tám mươi độ và bám theo đường rẽ nước của anh. Anh nhìn lên màn hình máy vi tính định hướng của mình treo trên cái khung kính chắn gió trong đài chỉ huy và nhận ra chiếc xuồng của họ đang hướng về hẻm núi, nơi giấu chiếc xe bay.

Còn ba dặm nữa mới tới hẻm núi, ba dặm trên mặt nước trong một chiếc xuồng không có phương tiện tự vệ trước những ngọn đèn chiếu và những vũ khí tự động và những khẩu súng máy hạng nặng. Tất cả những gì họ có chỉ là hai khẩu súng lục. Và còn rất nhiều những chiếc xuồng tuần tra, tới lúc này chắc chắn đã được báo động về một chiếc xuồng bị đánh cắp chở những kẻ xâm nhập đang tìm cách thoát khỏi khu đóng tàu. Niềm an ủi duy nhất của anh là những chiếc xuồng tuần tra hiện đang ở cuối vịnh. Và như thế, họ còn những mười phút nữa để tàu thoát.

Với vận tốc tối đa, những chiếc xuồng tuần tra có thể dễ dàng ngăn chặn xuồng của họ trước khi họ tới miệng hẻm núi.

“Al !”

Giordino đến bên cạnh anh ngay. “Có tôi”.

“Cậu tìm vài cái chai. Thế nào cũng có vài cái chai trên xuồng. Chai trống nhé. Rễ nhét vào bất kỳ thứ gì bên lửa cậu vớ được. Dầu diesel cháy rất chậm. Cố tìm xăng hoặc dung môi”.

“Rượu cocktail Molotov”, Giordino ngoác miệng cười như một con quỷ. “Tôi chưa ném cái chai nào như thế từ lúc học mẫu giáo”. Chỉ với hai bước, anh chàng đã lọt vào trong miệng hầm dẫn xuống phòng máy..

Pitt đẩy vội những cần điểu khiển van tiết lưu tới điểm dừng, phán đoán lực quán tính, còn đẩy chiếc xuồng tới một quãng nữa. Anh nhìn qua vai về phía chiếc xuồng cao tốc hai mươi lăm bộ phía sau anh. Nó đang tăng tốc lướt tới về một bên hông chiếc xuồng của họ. Những ánh đèn từ khu vực đóng tàu hắt tới cho thấy chỉ có hai gã đàn ông trong buồng phục đen, một đang lái xuồng, tên còn lại đứng phía sau đuôi, đang ôm một khẩu súng máy tự động. Gã lái xuồng chỉ lên lỗ tai hắt. Pitt hiểu, và anh bật công tắc radio, chờ đợi.

Một giọng nói bằng tiếng Tây Ban Nha rè rè vọng ra từ cái máy, Pitt đoán có lẽ đó là một yêu cầu dừng lại. Anh cầm micro lên và trả lời, “No habla espanol” (Không biết tiếng Tây Ban Nha)

“Alto, Alto!” (dừng lại, dừng lại!) giọng nói quát lớn.

“Xuống dưới ngay và nằm sát sàn tàu”, anh ra lệnh cho Pat và Megan. Họ im lặng làm theo và nhanh chóng xuống thang dẫn tới cabin chính.

Chiếc xuồng chậm lại và Pitt đứng phía trong cửa buồng lái. Khẩu Colt của anh cài bên thắt lưng. Tên gác ở đuôi xuồng bên kia đang trong tư thế nhảy qua boong chiếc xuồng của anh.

Pitt kéo lui những van tiết lưu chỉ chừa lại một khoảng nhỏ, ước tính khoảng cách giữa hai chiếc xuồng và giữ cho chúng chạy song song để điểm giữa xuồng bên kia nằm ngang với cửa buồng lái xuồng của anh. Việc tính toán của anh phải thật chính xác. Anh kiên nhẫn chờ đợi, giống như một thợ săn nhìn lên trời chờ con mồi bay qua.

Đúng lúc gã nhân viên an ninh rướn mình nhảy qua, Pitt đẩy cặp van tiết lưu thật nhanh về phía trước rồi nhanh chóng kéo chúng ngược lại về

phía sau. Động tác đột ngột này làm tên gác mất thăng bằng, và hấn loạn choạng đáp xuống và ngã sổng soài trên boong tàu chật hẹp của anh.

Pitt bước nhẹ ra khỏi cửa buồng lái, đề gót giày chân phải lên cổ tên gác, cúi xuống chộp khẩu súng máy tự động của hắn, một khẩu Bushmaster M17S, rồi dùng báng súng nện vào gáy hắn. Anh chĩa mũi súng về phía tên đứng tại bánh lái chiếc xuồng bên kia rồi nhả đạn. Anh bắn trượt vì tên gác đã kịp cúi xuống, quật bánh lái một vòng, và chiếc xuồng của hắn rẽ ngoặt một góc lớn, rời khỏi chiếc xuồng của anh. Với một tiếng gầm lớn của động cơ, chiếc xuồng bên kia nảy lên trong một xoáy nước trắng xóa. Không nhìn thêm, Pitt bước trở lại buồng lái và đẩy hết những van tiết lưu về phía trước. Đuôi chiếc xuồng hạ thấp trong nước, mũi ngóc lên và nó nhanh chóng lao tới với vận tốc gầm hai chục nút.

Đến lúc này, Pitt mới có thì giờ quan sát những chiếc xuồng tuần tra của chúng từ các nơi kéo về vịnh và đang hướng về phía anh với vận tốc tối đa. Những ánh đèn pha quét trên mặt nước mỗi lúc một gầm hơn. Chắc chắn tên lái chiếc xuồng bên kia đã báo động bọn chúng qua radio. Chiếc xuồng đầu tiên chỉ còn cách anh nửa dặm. Từ tận nhìn của Pitt qua kính chắn gió, không thể tiên liệu lúc nào chiếc xuồng tuần tra gầm nhất sẽ gặp xuồng của anh từ những hướng khác nhau. Chỉ có đi đâu chắc chắn là nó sẽ lao qua mũi tàu của anh trước khi anh tới miệng hẻm núi. Chỉ còn sáu hoặc bảy phút nữa anh sẽ biết hoặc sự sống hoặc cái chết.

Chiếc xuồng tuần tra lúc này chỉ cách anh không đầy một trăm mét về phía sau. Lý do duy nhất khiến gã an ninh còn lại không nổ súng là vì hấn sợ bắn trúng đồng đội.

Giordino đã trở lại cabin, ôm một mớ bốn cái chai chứa đầy dung môi lấy từ một can nhựa dùng để lau sạch đầu mồi và những chất bôi trơn khác trong phòng máy. Những mảnh vải vụn được nhét đầy đến tận cổ chai. Anh cẩn thận xếp những cái chai trên tấm đệm một ghế dài. Trên trán anh chàng người Ý đỏ con nổi lên một vết thâm lớn.

“Chuyện gì xảy ra với cậu vậy?” Pitt hỏi.

“Tại vì có một thằng cha không biết lái tàu. Tôi bị ném lộn nhào trong phòng máy và đập đầu vào một ống dẫn dầu”. Rồi Giordino nhìn thấy cái xác bất tỉnh của tên gác nằm gầm cửa buồng lái. “Lời xin lỗi chân thành nhất của tôi. Chỉ tại cậu đã đón tiếp một ông khách mà”.

“Tôi đâu có mời hắn”.

Giordino bước lại bên cạnh Pitt và nhìn qua kính chắn gió về phía chiếc xuồng tuần tra đang nhanh chóng đến gần. “Bọn này không bắn báo động trước đâu. Chúng được vũ trang tận răng và sẵn sàng xé chúng ta ra từng mảnh đấy”.

“Có thể không có chuyện đó”, Pitt nói, “Chúng vẫn còn cần khả năng chuyên môn của Pat để giải mã những chữ khắc của chúng. Chúng có thể xử sự thô bạo với cô ấy và Megan, nhưng giết họ thì không. Cậu và tôi mới là vấn đề. Tôi đã trù tính sẽ tặng chúng một mẻ ngạc nhiên. Nếu chúng ta có thể dụ chúng đến đủ gần, chúng ta sẽ cho chúng thưởng thức một đêm lửa trại”.

Giordino nhìn thẳng vào mắt Pitt. Hầu hết đàn ông đều phản ứng bằng cách lảng tránh, nhưng Giordino thì không thấy phản ứng đó ở Pitt. Những gì anh thấy là thái độ quả quyết có tính toán và một chút tự tin. “Tôi tự hỏi bằng cách nào?”

Pitt gật đầu. “Cậu sẽ bận rộn với mấy thứ đồ chơi cậu vừa tạo ra đấy. Đưa súng của cậu cho tôi. Rồi nằm thấp xuống về phía xa của buồng lái cho tới lúc cậu nghe tiếng súng”.

“Của cậu hay của bọn chúng?”

Pitt nhìn Giordino với ánh mắt nghiêm nghị, “Bất luận của ai”.

Giordino trao cho anh khẩu Para-Ordance tự động mà không hỏi han gì, trong lúc Pitt đẩy những cái van tiết lưu trong một nỗ lực vô vọng cố làm tăng thêm vòng quay của động cơ. Chiếc xuồng của họ đã phục vụ hết khả năng của nó rồi, và nó được chế tạo để du lịch, không phải để chạy nhanh.

Gã chỉ huy chiếc xuồng tuần tra không dự tính áp sát chiếc xuồng du lịch. Pitt không có lý do gì để tin có ai đó trên chiếc xuồng kia đủ điên rồ để sử dụng một chiếc xuồng được trang bị hai khẩu súng máy và những vũ khí cá nhân của những kẻ được huấn luyện để giết người chỉ với mục đích khiêu khích. Hắn quan sát chiếc xuồng du lịch qua cặp kính hồng ngoại nhìn ban đêm, và thấy chỉ có một người đứng trước bánh lái trong đài chỉ huy và đang phạm sai lầm cơ bản của một kẻ gây sự - hắn đánh giá quá thấp đối phương. Những ngọn đèn pha quét qua chiếc xuồng du lịch, làm nó hiện rõ trong ánh sáng chói mắt.

Đường rẽ nước của chiếc xuồng du lịch bị cắt đôi khi chiếc xuồng tuần tra ba mươi tám bộ đến gần và lách dần sang một bên cho tới khi nó còn cách chiếc xuồng kia không đầy hai chục bộ. Từ vị trí của anh trong

buồng lái, Pitt liếc mắt về phía ánh đèn và thấy sau mỗi khẩu súng máy đều có một xạ thủ chực sẵn, đang chĩa thẳng bụng súng về phía anh. Những tên còn lại đứng sát vai nhau trên boong phía sau cabin, được trang bị những khẩu Bushmaster tự động. Pitt không thể nhìn thấy Giordino đang thu mình sau mép bên kia buồng lái, nhưng anh biết bạn mình đang chuẩn bị một que diêm hoặc một bật lửa để mồi lửa vào những cái bắc tại miệng những chai bom chứa đầy dung môi. Đây đúng là lúc các dây thần kinh căng thẳng cao độ, nhưng không ai hoàn toàn tuyệt vọng, và Pitt lại càng không.

Anh không hề có ý muốn giết người, thậm chí với cả những kẻ sát nhân lì lợm nhất trên chiếc xuồng bên kia, là đồng bọn của những kẻ đã quyết giết anh cho bằng được tại Colorado. Chẳng có gì khó hiểu khi cuộc sống của anh và của Giordino chẳng đáng giá hai xu nếu họ bị chúng tóm được. Anh nhìn tên chỉ huy chiếc xuồng tuần tra đưa cái loa khuếch âm lên miệng.

Pitt hiểu từ ngữ *alto* có nghĩa là “dừng lại” và anh chỉ có thể thừa nhận những lời lẽ tiếp theo sau đó chỉ là lời đe dọa nếu anh không chịu làm theo lệnh của hắn thì những gã kia sẽ nổ súng. Anh vẫy tay tỏ ra đã hiểu, nhìn một lần nữa khoảng cách giữa anh và hẻm núi, lúc này chỉ còn cách anh không đầy nửa dặm và liếc nhanh về phía chiếc xuồng tuần tra thứ nhì để ước tính lúc nào nó tới. Tiếp theo, anh kiểm tra để biết chắc hai khẩu tự động vẫn nằm ngang thắt lưng sau lưng anh. Chỉ tới lúc đó anh mới kéo những van tiết lưu về vị trí số không nhưng vẫn giữ nguyên hộp số ở vị trí truyền động, do đó, chiếc xuồng vẫn chạy rất chậm về phía trước.

Anh bước tới cánh cửa cabin rồi dừng lại, đưa hai tay lên giữa những chùm tia sáng lóe mắt. Anh chẳng buồn sử dụng vốn tiếng Tây Ban Nha ít ỏi của mình, vì vậy, anh quát trả bằng tiếng Anh, “Các ông muốn gì?”

“Không, không được phản kháng”, gã chỉ huy ra lệnh, lúc này đã đến đủ gần để không cần tới cái loa khuếch đại nữa. “Tôi sẽ cho người lên xuồng của ông”.

“Làm sao tôi có thể phản kháng chứ?” Pitt cố tạo vẻ bất lực. “Tôi đâu có súng máy như các ông”.

“Hãy bảo những người còn lại lên boong”.

Pitt vẫn đưa tay lên trời, quay đầu lại, ra tuồng như anh nhắc lại lệnh của gã chỉ huy. Rồi nói, “Họ sợ các ông sẽ nổ súng vào họ”.

“Chúng tôi sẽ không bắn ai cả”, gã chỉ huy trả lời, giọng hẩn nhót như da cá chình.

“Làm ơn tắt đèn cho”, Pitt nài. “Các ông làm tôi lóa mắt và làm phụ nữ sợ hãi”.

“Đứng yên đó và chớ động đây”, hấn quát lớn, cố ý chọc tức.

Mấy giây sau, chiếc xuồng tuần tra giảm động cơ chậm lại và bẻ góc đến gần chiếc xuồng du lịch. Lúc chỉ còn cách vài bộ, hai tên gác đặt vũ khí xuống và bắt đầu thả câu thang qua thành chiếc xuồng tuần tra. Đó là cơ hội Pitt vẫn chờ. Lúc này, những gã xạ thủ đứng sau hai khẩu súng máy cũng đã thư giãn. Cảm thấy không còn dấu hiệu rắc rối nào, một gã đốt thuốc lá. Toán thủy thủ và chỉ huy của chúng mất hẳn cảnh giác khi thấy chẳng còn đi đâu gì đe dọa và tin chắc chúng hoàn toàn kiểm soát tình thế.

Phản ứng của chúng hoàn toàn đúng như Pitt đã hy vọng. Lạnh lùng, chính xác, anh buông hai tay xuống, chộp hai khẩu súng tự động nhét sau lưng, chìa khẩu trong bàn tay phải về gã xạ thủ đứng chỗ khẩu súng phía trước, và cùng lúc, khẩu súng trong bàn tay trái hướng về gã xạ thủ đứng ở đuôi chiếc xuồng.

Anh siết cò hai khẩu súng với động tác nhanh nhất của mấy ngón tay. Với khoảng cách mười lăm bộ, Pitt không thể bắn trật. Tên xạ thủ phía trước khụy xuống trên hai đầu gối với một viên đạn xuyên qua vai. Gã xạ thủ phía sau vung hai tay lên trời, bật ngửa về phía sau, ngã trên thành tàu rồi rơi xuống nước.

Hầu như cùng lúc, những cái chai với những ngọn lửa lóe lên rít trong không khí, vượt qua buồng lái chiếc xuồng du lịch như những vệt sao băng rồi rơi trên cabin và trên boong chiếc xuồng tuần tra, vỡ ra và bốc cháy dữ dội. Thứ chất lỏng cháy bùng động vũng rồi lan rộng khắp chiếc xuồng, biến nó thành một giàn hỏa thiêu xác. Toàn bộ boong sau và nửa cabin bị ngọn lửa bao trùm. Những lưỡi lửa nhanh chóng liếm tới mọi ngõ ngách. Biết mình sắp bị thiêu sống, toán thủy thủ không chút ngần ngại, lao đầu xuống làn nước lạnh buốt. Gã xạ thủ bị thương trước mũi xuồng cũng loạng choạng chạy qua boong tàu đầy lửa, nhảy qua lan can. Dù quần áo đã bén lửa, tên chỉ huy vẫn bất động, y đứng trờng mắt nhìn Pitt trước khi đưa nắm đấm lên rồi nhảy qua mép xuồng.

Một gã ngỗ hung hăng, Pitt nghĩ.

Anh không phí nhiều hơn một giây, chạy vội tới bảng điều khiển và một lần nữa, đẩy những van tiết lưu về phía trước, cho chiếc xuồng tiếp

tục cuộc hành trình của nó, lao về phía hẻm núi. Chỉ tới lúc này anh mới có thì giờ quay lại nhìn xuống chiếc xuồng tuần tra. Toàn bộ thủy thủ đầu đã nhảy xuống nước với những quần áo bén lửa như những bóng ma nhảy múa trong bầu trời đêm. Từ chiếc xuồng, những cuộn khói vẩn vơ bốc lên, bắn ra những đốm lửa như những ngôi sao. Một phút sau, bình nhiên liệu phát nổ, ném ra những mảnh kim loại và gỗ cháy rực vào không khí như một màn trình diễn pháo hoa. Chiếc xuồng bắt đầu chìm phần thân sau, nó trượt lùi lại với những tiếng “xèo, xèo” lớn khi khối nước lạnh chạm vào những chỗ cháy thành than. Sau cùng, với một tiếng thở dài thật nặng nề, như thể nó có linh hồn, chiếc xuồng tuần tra chìm mất tăm.

Giordino chạy vòng qua cabin và dừng lại chỗ cánh cửa, đứng nhìn những mảnh vụn của chiếc xuồng và đầu vẫn còn cháy trên mặt nước. “Ném giỏi thật”, anh đi đến tỉnh nói.

“Những trái bom chế tạo cừ thật”.

Giordino nghiêng đầu về phía chiếc xuồng tuần tra thứ nhì đang lao nhanh qua vịnh, rồi anh quay nhìn về phía bờ. “Nó sắp đến gần”, anh nói.

“Chúng sẽ không khù khờ như đồng bọn. Chúng sẽ giữ một khoảng cách an toàn và sẽ nổ súng vào những động cơ của chúng ta”.

“Pat và Megan đang ở dưới đó”, Giordino nhắc nhở anh.

“Đưa họ lên”, Pitt nói, đôi mắt theo dõi những con số trên màn hình máy vi tính định hướng. Anh thực hiện một điều chỉnh nhỏ và chiếc xuồng lệch mũi năm độ về hướng tây nam. Còn cách hẻm núi khoảng bốn trăm mét. Khoảng cách nhanh chóng thu hẹp lại. “Báo cho họ sẵn sàng rời xuồng khi chúng ta vừa chạm bờ”.

“Xuồng sẽ đâm vào đá nếu vẫn duy trì vận tốc tối đa”.

“Chúng ta đâu có thì giờ để buộc xuồng và bước lên bờ với giấy công phết ti và băng rôn chào đón chứ”.

“Được thôi”, Giordino khoác tay với vẻ hiểu biết.

Chiếc xuồng tuần tra thứ nhì đang lao thẳng về phía họ, không biết ý định chạy vào bờ của Pitt. Ánh đèn của chúng bám sát chiếc xuồng du lịch, ổn định như ngọn đèn chiếu trên sàn khấu đeo bám một vũ công. Hai chiếc xuồng nhanh chóng gần nhau tạo thành một góc nhọn. Rồi gã chỉ huy chiếc xuồng tuần tra chợt hiểu ra ý đồ của Pitt, và hần rě lệch mũi xuồng đón đầu không cho chiếc xuồng du lịch vào bờ. Với vận tốc chỉ bằng một nửa đối phương, Pitt đành phải chấp nhận tham dự một cuộc chạy đua mà anh chắc chắn sẽ nắm phần thất bại. Tuy nhiên, anh vẫn đứng bên bánh lái

với cặp mắt không nhấp nháy và một quyết tâm sắt đá. Cuộc chiến rõ ràng chỉ ngã về một bên, nhưng anh không chấp nhận bỏ cuộc, ý nghĩ thất bại chưa bao giờ hiện ra trong đầu anh.

Bất chợt Pitt thấy một cơ hội anh không hề mong đợi, anh kéo mạnh cần hộp số để chiếc xuồng du lịch đổi hướng ngược lại. Nó chậm dần và ngừng lại, chân vịt khoảng nước nổi bọt trắng xóa. Rồi chiếc xuồng bắt đầu chạy giật lùi.

Giordino hiện ra với Pat và Megan. Anh sững sờ nhìn chiếc xuồng tuần tra sắp băng qua mũi chiếc xuồng du lịch trong lúc chiếc xuồng của họ đang sủi bọt lùi lại. “Đừng nói gì. Để tôi đoán xem. Cậu lại sắp giờ một trò ma mãnh mới, phải không?”

“Không ma mãnh đâu. Chỉ là một trò tuyệt vọng”.

“Cậu chuẩn bị đâm nó”.

“Nếu chúng ta ném đúng lá bài”, Pitt nói nhanh. “Tôi tin chúng ta có thể nện hấn sặc máu mũi. Nào, mọi người nằm xuống sàn. Bám chặt bất cứ đồ vật kiên cố nào các bạn tìm thấy để không bị hất văng. Vì chắc chắn sẽ có mưa lớn đấy”.

Không còn thì giờ để nói thêm. Gã chỉ huy chiếc xuồng tuần tra thứ nhì vì không hiểu ý đồ của hành động giật lùi của con mồi làm thay đổi tình huống, và lúc này xuồng của hắn lại sắp chạy qua trước mũi chiếc xuồng du lịch khoảng mười bộ. Đó là một chiến thuật trong ngành hàng hải có tên là gặp nhau kiểu chữ T. Hắn đứng chỗ bánh lái và đưa cao một bàn tay lên, ra lệnh cho những xạ thủ nổ súng.

Vậy là hai sự cố xảy ra cùng lúc. Pitt đẩy cần hộp số về hết phía trước trong lúc những khẩu súng máy trên xuồng tuần tra bắt đầu nhả đạn. Chân vịt chiếc xuồng du lịch xé nước và đẩy nó lao tới đúng lúc những đầu đạn vãi vào buồng lái. Mặt kính chắn gió vỡ vụn thành hàng ngàn mảnh văng tung tóe khắp cabin. Pitt đã văng mình xuống sàn sau bảng điều khiển, đưa một bàn tay lên chộp lấy bánh lái. Anh không chú ý tới lưng bàn tay đã bị kính vỡ cắt chảy máu. Phần trên cabin chiếc xuồng du lịch bị bắn rách lỗ chỗ. Bọn xạ thủ chỉ bắn trên cao với mục đích đe dọa những người nằm trên sàn. Bên trong buồng lái đúng là một bãi hỗn loạn những đồ vỡ, khi những đầu đạn chín ly xé nát mọi thứ chúng chạm phải.

Gã chỉ huy chiếc xuồng tuần tra giảm tốc độ chuẩn bị dừng lại, trong lúc bọn xạ thủ tỏ ra thích thú khi tiến lại gần cái bia sống của chúng. Sự thỏa mãn của chúng đã tới độ chín muồi, trong lúc việc tính toán thời gian

của Pitt không thể nào chính xác hơn nữa. Lúc gã chỉ huy đoán được ý đồ của Pitt thì đã quá trễ. Trước khi hắn có thể hướng chiếc xuồng tuần tra thoát khỏi tình huống thì chiếc xuồng du lịch đã đột ngột xé nước lao tới, những động cơ của nó hoạt động hết công suất.

Một tiếng động khủng khiếp vang lên, những mảnh kính và gỗ bay tứ tán. Mũi chiếc xuồng du lịch chẻ ngang mạn phải chiếc xuồng tuần tra và xuyên thủng tới sống tàu của nó. Chiếc xuồng tuần tra lật nghiêng về bên trái, toán thủy thủ bám chặt bất cứ thứ gì chúng vớ được để không bị ném xuống nước, và bắt đầu ổn định hầu như ngay sau đó.

Pitt nhóm người đứng lên, kéo cần hợp số ngược lại để chiếc xuồng du lịch tách khỏi vết thương của chiếc xuồng tuần tra, để nước biển tràn vào. Một lúc sau, chiếc xuồng tuần tra rung mình trở lại thế cân bằng, nhưng lúc này nước biển đen đúa đã ngập boong của nó, và nó chìm xuống. Những ngọn đèn chiếu của nó vẫn cháy sáng lúc nó chìm xuống đáy vịnh, bỏ lại toán thủy thủ của nó vùng vẫy trên mặt nước lạnh lẽo.

“Al”, Pitt nói, giọng bình thản như lúc trò chuyện. “Cậu kiểm tra lại mũi tàu xem”.

Giordino biến mất qua một miệng hầm và trở lại chỉ sau mấy giây. “Nước đang ulla vào như một vòi sen. Chỉ năm phút nữa chúng ta sẽ theo những ông bạn kia vào trong nước, thậm chí có thể nhanh hơn nếu cậu không dừng cái xuồng này lại”.

“Ai có thể nói về điều gì chưa xảy ra chứ?”

Pitt dán mắt vào màn hình máy vi tính định hướng. Khoảng cách tới bờ và miệng hẻm núi chỉ còn chưa tới năm chục mét. Nhưng một chiếc xuồng đang chìm nhanh thì không thể thoát khỏi đoạn đường ngắn ngủi đó. Cố tìm cách lao nhanh về phía trước chỉ làm tăng lượng nước tràn vào qua mũi xuồng bị vỡ. Đầu óc Pitt bất chợt sáng suốt lạ lùng, như thể nó luôn luôn sáng suốt mỗi khi chỉ xảy ra sự cố về mọi tình huống. Anh cho chiếc xuồng rẽ nước chạy lùi với đuôi xuồng chúi xuống và mũi ngóc lên. Vậy là tạm thời giải quyết chuyện nước tràn, và anh tính sang những chuyện khác. “Mọi người lên boong và tự giữ chặt khi chúng ta đâm vào đá”.

“Lên boong?” Pat hỏi, cô như đông cứng lại.

“Trong trường hợp chiếc xuồng bị lật tròn khi chúng ta tiếp đất, tốt hơn là mọi người nên lao ra khoảng trống để nhảy xuống nước”.

Không chút chậm trễ, Giordino đẩy hai người phụ nữ ra ngoài và để họ ngã xuống trên boong, lưng dựa vào cabin và hai tay giữ chặt lan can

chiếc xuồng. Anh ng ồi giữa, hai cánh tay khỏe mạnh quàng quanh eo họ. Pat đông cứng vì sợ hãi, nhưng Megan, khi nhìn gương mặt bình thản của Giordino, cô bé trở nên can đảm. Anh và người đàn ông đứng trước bánh lái đã đưa họ tới đây. Chẳng hiểu sao cô bé cảm thấy an tâm và tin tưởng họ không hứa li ều và sẽ đưa hai mẹ con về nhà an toàn.

Chiếc xuồng du lịch thấp xuống dần vì nước tràn vào thêm. Lúc này họ đã rất gần miệng hẻm núi. Những mỏm đá đen đúa, mà Pitt và Giordino đã đi qua trước khi lặn trong đêm hôm trước, đã hiện ra trong bóng tối như những báo hiệu chẳng lành. Pitt dùng hết khả năng để luồn lách chiếc xuồng qua những mỏm đá khổng lồ, chỉ nhờ vào sự phân biệt hình thù của chúng, trong lúc những đợt sóng sủi bọt trắng xóa cao đến hai bộ từ vịnh đập vào chiếc xuồng của họ.

R ồi một trong những chân vịt va vào đá tạo ra một tiếng động lớn của kim loại bị gãy vỡ làm động cơ hoạt động không kiểm soát được. Lại tiếp tục va vào đá. Và một cú va mạnh khiến chiếc xuồng rung mình nhưng vẫn tiếp tục lướt tới thêm một quãng trước khi mép trái của nó đập mạnh vào một tảng đá và vỡ nát. Điều t ồi tệ đã xảy ra. Một khối nước khủng khiếp ừa vào, tràn ngập boong tàu phía sau và kéo đuôi tàu xuống. Cú va chạm tiếp theo làm gãy những sườn tàu và chiếc xuồng bị chẻ tới tận sống tàu. Cả mạn tàu bằng gỗ của chiếc xuồng vỡ vụn. Nhưng sau đó, những âm thanh của sự gãy vỡ chấm dứt khi chiếc xuồng cuối cùng dừng lại và phần đuôi của nó chỉ nằm cách bờ khoảng mười bộ.

Pitt chộp cái máy vi tính định hướng nhỏ r ồi chạy ra khỏi buồng lái. “Mọi người lên bờ!” Anh nói lớn. Anh cấp Megan dưới nách và mỉm cười với cô bé. “Xin lỗi về chuyện này nhé, bé cưng. Nhưng chúng ta không thể tìm ra cái thang nào cả”. R ồi anh trượt qua lan can, thả mình và thả Megan xuống nước. Bàn tay anh chạm đáy sâu khoảng bốn bộ. Anh biết Pat và Giordino bám sát phía sau trong lúc anh bước loạng choạng trên lớp cát lồi ngồn đá về phía bờ.

Ngay sau khi bàn chân ra khỏi mặt nước, anh đặt Megan đứng xuống và kiểm tra máy vi tính định hướng để xác định chắc chắn họ đã tới đúng hẻm núi phải đến. Và anh hài lòng. Cái xe bay chỉ nằm đâu đó gần đây.

“Ông bị thương”, Pat nói và nhìn lưng bàn tay Pitt, một dòng máu đen sẫm hiện rõ dưới ánh sáng những ngôi sao và mặt trăng lưỡi li ềm. “Vết rách không nhỏ đâu”.

“Bị kính vỡ cắt”, anh đáp gọn.

Cô luồn một bàn tay vào dưới bộ đồng phục đỏ, xé cái áo nịt ngực và bắt đầu băng bó bàn tay Pitt để ngăn máu chảy. “Một loại vải băng tôi chưa hề thấy bao giờ”, anh nói và phì cười. “Trong những hoàn cảnh như thế này”, cô nói, vừa buộc cái nút cuối cùng”, nó là giải pháp tốt nhất tôi có thể làm”.

“Có ai than phiền gì đâu”, anh siết nhẹ bàn tay cô rồi quay về hướng bóng tối nơi Gordino đang đứng. “Mọi người an toàn cả chứ?”

Giordino đang giữ cánh tay Megan, “Máu vẫn được bơm đều”.

“Vâng, lên đường”, Pitt nói. “Chiếc máy bay tư của chúng ta đang chờ”.

Đối với các ông Sandecker và Little, sự chờ đợi để liên lạc lại với Pitt và Giordino có vẻ như dài vô tận. Trong lò sưởi chỉ còn vài mẫu than hồng cháy âm ỉ, và ông Đô đốc có vẻ như chẳng buồn gây lửa lại. Ông bập bập điều xì gà to tướng của mình, nhả lên trần những cụm khói xanh nhạt. Cả hai người, ông Đô đốc và ông Little ngồi yên như bị mê hoặc, lắng nghe câu chuyện của cựu Hạm trưởng Hozafel, một câu chuyện ông ta chưa hề kể cho người nào khác trong hơn năm mươi năm qua.

“Ông nói, thưa ông Hozafel”, ông Sandecker nói, “rằng Đế Tam Đức Quốc xã đã phái những đoàn thám hiểm để thăm dò Nam Cực nhiều năm trước khi xảy ra chiến tranh?”

“Vâng, Adolf Hitler có tính sáng tạo phong phú hơn người ta tưởng. Tôi không thể nói đi đâu gì đã tạo ra hứng thú cho ông ta, nhưng ông ta bị Nam Cực quyến rũ. Đầu tiên là định cư con người và sử dụng như một đơn vị quân đội khổng lồ. Ông ta tin rằng nếu một giấc mơ như thế trở thành sự thật thì hải quân và không quân của ông ta có thể kiểm soát tất cả các biển phía nam chí tuyến. Thuyền trưởng Alfred Ritscher được giao nhiệm vụ chỉ huy một cuộc thám hiểm thăm dò tiểu lục địa đó. Chiếc máy bay chở hàng Schwabenland của Đức được dùng để tiếp tế nhiên liệu cho những chiếc thủy phi cơ bay tới Nam Cực đầu những năm 1930 được cải biến để trở thành phương tiện thám hiểm Nam Cực. Nó rời khỏi Hamburg Tháng Mười Hai năm 1938, dưới lớp ngụy trang nghiên cứu khả năng thành lập một thuộc địa chuyên săn cá voi. Sau khi tới nơi vào giữa mùa hạ miền nam, Ritscher phái một trực thăng với những máy camera đời mới nhất và

tốt nhất. Những người này bay quan sát khắp một vùng rộng hai trăm năm mươi ngàn dặm vuông và chụp hơn mười một ngàn tấm không ảnh”.

“Tôi nghe có dư luận về một vụ thám hiểm như thế”, ông Sandecker nói, “nhưng cho tới nay, tôi chưa từng bao giờ nghe nói đó là sự thật”.

“Ritscher quay lại nơi đó trong một vụ thám hiểm rộng lớn hơn vào năm sau. Lần này, với một máy bay cải tiến và những bộ phận trượt tuyết, nên họ có thể đáp xuống trên mặt băng. Họ cũng mang theo một khinh khí đỉnh nhỏ. Lần này họ rải rộng ra trên một khu vực ba trăm năm mươi ngàn dặm vuông, đổ bộ xuống Nam Cực và cắm những lá cờ chữ vạn trong mỗi ba mươi dặm vuông như những dấu hiệu tuyên bố nơi đó là lãnh thổ của Đế Tam Đức Quốc xã”.

“Họ có khám phá đi đâu gì bất thường đáng quan tâm không?” ông Little hỏi.

“Thực sự là có”, ông Hozafel trả lời. “Đoàn quan sát chụp ảnh một số vùng băng trôi, những hồ bị đóng băng với bề dày lớp băng trên mặt gần bốn bộ, với những kẽ nứt có dấu hiệu của sự phát triển thực vật gần đó. Những tấm ảnh của họ cũng cho thấy những phần nhỏ hoặc những đoạn đường bên dưới lớp băng”.

Ông Sandecker ngẩng thẳng lên và chăm chú nhìn người Hạm trưởng cũ của chiếc tàu ngầm Đức. “Người Đức đã tìm thấy bằng chứng của một nền văn minh trên lục địa Nam Cực à?”

Ông Hozafel gật đầu, “Nhiều toán người sử dụng những xe trượt tuyết đã được cơ giới hóa để tìm kiếm những động băng. Trong lúc thám hiểm những hang động đó, họ tình cờ phát hiện những di vật của một nền văn minh cổ. Sự khám phá này tạo hứng cho Đế Tam Quốc xã áp dụng những kỹ thuật kiến trúc và kỹ thuật cơ khí của họ để xây dựng một căn cứ khổng lồ dưới đất tại Nam Cực. Đó là bí mật được giữ kín hơn cả trong chiến tranh”.

“Theo chỗ tôi biết”, ông Little nói, “những ngu ồn tình báo của Đồng minh đầu phớt lờ những dư luận về căn cứ của Đế Tam Quốc xã tại Nam Cực. Họ xem đó chỉ là sự tuyên truyền thái quá”.

Ông Hozafel mỉm cười, “Đúng là họ nghĩ như thế. Nhưng có một lần, Đô đốc Donitz hầu như đã xác nhận tham vọng của Đế Tam Quốc xã. Trong một buổi nói chuyện với các Hạm trưởng tàu ngầm của mình, ông ta tuyên bố “Hạm đội tàu ngầm Đức hãnh diện vì nó được thành lập để phục vụ Fuhrer, mặt khác, nó giống những pháo đài bất khả xâm phạm trên đất

liền”. May mắn cho chúng ta, không ai chú ý tới dự án đó. Những tàu ngầm tôi chỉ huy trước khi chiến tranh xảy ra không bao giờ được gọi tới Nam Cực. Vì vậy, mãi đến khi chiến tranh gần kết thúc, lúc tôi trở thành Hạm trưởng tàu ngầm U-699, tôi mới biết căn cứ bí mật đó. Nó có mật danh là Tân Berlin”.

“Nó được thành lập bằng cách nào?” ông Sandecker hỏi.

“Sau khi chiến tranh bùng nổ, bước đầu tiên Đệ Tam Quốc xã thực hiện là phái hai chiến hạm đến những vùng biển phía nam để đánh chìm tất cả thuyền bè của kẻ thù, để giấu kín quân Đức mình mọi thông tin liên quan đến dự án. Sau cùng, cho tới khi những chiến hạm này bị tàu hải quân anh đánh đắm, thì chúng đã bắt giữ hoặc hủy diệt toàn bộ những hạm đội của phe đồng minh và những tàu đánh cá và tàu săn cá voi hoạt động trong hải phận này. Sau đó, một hạm đội Tây Ban Nha được ngụy trang thành tàu buôn, và một đoàn những tàu ngầm lớn được đóng không vì mục đích chiến tranh mà để chở những hàng hóa công nghệ, bắt đầu chở người, các loại thiết bị và vật dụng đến nơi có nền văn minh cổ mà họ nghĩ có thể là Atlantis”.

“Tại sao lại xây dựng một căn cứ trên một đồng đồ nát cũ?” Ông Little nói. “Nó phục vụ mục đích quân sự nào?”

“Tự thân thành phố chết và mất tích đó không quan trọng. Đó là một đồng băng rộng mênh mông họ đã tìm thấy dưới một cánh đồng băng bắt đầu từ thành phố này. Đồng băng chạy dài tới hai mươi lăm dặm trước khi chấm dứt tại một ao hồ thiên nhiên rộng tới một trăm mười dặm vuông. Các nhà khoa học, kỹ sư, các đội thợ xây và mọi đơn vị quân đội hải lục không quân và, tất nhiên, một bộ phận lớn đảng viên SS được gọi đến để giữ an ninh và quản lý chiến dịch. Họ đổ bộ và bắt đầu một dự án đào bới rộng khắp. Họ cũng gọi tới một bộ phận nô lệ lao động rất lớn hầu hết là những tù binh Nga từ Siberia, những người đã có kinh nghiệm xây dựng những công trình chống khí hậu lạnh lẽo”.

“Điều gì đã xảy ra cho các tù nhân Nga sau khi công trình hoàn tất?” Ông Little hỏi, có ý ngờ vực câu trả lời.

Nét mặt ông Hozafel trở nên u ám. “Đệ Tam Quốc xã có thể không bao giờ cho phép họ được phóng thích và tiết lộ bí mật quan trọng nhất của người Đức. Nên, hoặc họ làm việc cho tới chết hoặc bị thủ tiêu”.

Ông Sandecker nhìn theo cụm khói thuốc vốn có với ánh mắt tỉnh táo. “Vậy là hàng ngàn người Nga bị chôn vùi dưới băng không ai biết tới,

và bị quên lãng”.

“Mạng sống con người rất rẻ đối với Đệ Tam Quốc xã”, ông Hozafel nói. “Hy sinh để xây dựng thành lũy bảo vệ Đệ Tứ Quốc tế là một giá trị cực lớn đối với họ”.

“Đệ Tứ Quốc tế”, ông Sandecker nói, giọng u ám, “thành lũy cuối cùng của Đệ Tam Quốc xã và cũng là nỗ lực cuối cùng để thống trị thế giới”.

“Người Đức là một chủng tộc rất bướng bỉnh”.

“Ông đã trông thấy căn cứ đó?” Ông Little hỏi.

Lại một lần nữa, ông cựu Hạm trưởng già gật đầu. “Sau khi rời Bergen, Hạm trưởng Harger và chiếc tàu ngầm U-2015, đoàn thủy thủ của tôi bám theo trong tàu ngầm U-699, đi qua Đại Tây Dương mà không nổi lên, và đến một cảng vắng vẻ tại Patagonia”.

“Ông đã đổ bộ hành khách và kho tàng ở đâu?” ông Sandecker hỏi.

“Ngài biết chiến dịch này à?”

“Chỉ biết đại khái, chi tiết thì không?”

“Vậy thì ngài không thể biết rằng chỉ những hành khách và các chuyên gia ngành y mới được lên bờ. Những kho tàng mỹ thuật, vàng và những thứ giá trị khác, kể cả những cỗ vật thiêng liêng của Đệ Tam Quốc xã đều để lại trên các tàu ngầm U-2015 và U-699. Sau đó, Hạm trưởng Harger và tôi chở những thứ đó tới căn cứ tại Nam Cực. Sau khi hẹn với một tàu quân khu và được tiếp nhiên liệu, chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình và tới điểm đến của chúng tôi vào đầu Tháng sáu năm 1945. Những chuyên viên người Đức thật tuyệt vời. Một người hoa tiêu đến và đi đầu khiển tàu ngầm U-2015. Chúng tôi bám theo đường rẽ nước của nó và được dẫn vào một hang động lớn không thể phát hiện khi người ta chỉ cách nó một phần tư dặm lúc còn ở ngoài biển. Một xưởng đóng tàu khổng lồ được đào trong lớp băng, có thể chứa nhiều tàu ngầm và những tàu hàng lớn, đón tiếp chúng tôi trong lúc chúng tôi hoàn toàn ngỡ ngàng trước quang cảnh. Hạm trưởng Harger và tôi được lệnh buộc tàu sau một tàu quân sự đang dỡ hàng, là những máy bay”.

“Máy bay có thể cất cánh tại căn cứ đó à?” Ông Little ngắt lời.

“Đó là kỹ thuật hàng không hiện đại nhất của người Đức. Những chiếc Junker 287 phản lực thả bom được cải biến để chở hàng, thích hợp trên băng và đặc biệt thích hợp các điều kiện của vùng cực. Những nô lệ lao động đục băng thành một nhà chứa máy bay rộng lớn, trong khi những

trang bị dành cho kiến trúc làm láng mặt đường băng dành cho máy bay dài một dặm. Sau hơn năm năm, một núi băng đã được khoét hoàn toàn để xây dựng một thành phố nhỏ chứa tới năm ngàn công nhân và nô lệ xây dựng”.

“Vậy lớp băng bên trong hang động khổng lồ đó không tan chảy bởi nhiệt lượng do đông đảo số người và thiết bị của họ thải ra sao?” ông Little hỏi.

“Các nhà khoa học Đức đã tạo được một lớp áo hóa chất có thể phun xịt trên những vách băng để cách ly và ngăn chúng không bị tan chảy. Nhiệt độ trong toàn bộ hệ thống này luôn luôn ở vào khoảng 16°C”.

“Nếu chiến tranh kết thúc”, ông Sandecker đặt vấn đề với ông Hozafel, “căn cứ này sẽ phục vụ lợi ích gì?”

“Theo như tôi hiểu, kế hoạch này là nhằm duy trì những tinh hoa của Đế Tam Quốc xã để bí mật đi đầu hành từ căn cứ, xâm nhập từ từ vào Nam Mỹ, mua những miền đất và nhiều đoàn thể sản xuất và kỹ thuật lớn. Họ cùng đầu tư đậm vào nước Đức mới và những quốc gia tại Á châu, sử dụng số vàng từ kho tàng quốc gia cũ của họ và từ một số kho tàng đánh cướp được và số lương tiền giả lưu hành tại châu Mỹ được in bằng kỹ thuật cao tại Hoa Kỳ. Những khuôn in tiền này của người Nga bị người Đức cướp được. Tài chính không phải là một vấn đề trong việc thành lập Đế Tứ Đế chế”.

“Ông có mặt tại căn cứ đó bao lâu?” Ông Little hỏi.

“Hai tháng. Sau đó tôi đưa chiếc tàu ngầm và đoàn thủy thủ của tôi đến sông Rio de Plata và đầu hàng những người có thẩm quyền tại địa phương. Một viên sĩ quan của hải quân Argentina lên tàu và bảo tôi tiếp tục đến căn cứ hải quân Mar de Plata. Tôi ra lệnh, và đó là lệnh cuối cùng của tôi trên cương vị sĩ quan hải quân Đức Quốc xã trước khi chuyển giao một tàu ngầm hoàn toàn trống trơn”.

“Chuyện đó xảy ra lúc nào sau khi chiến tranh kết thúc?”

“Thêm một tuần lễ nữa là trọn bốn tháng”.

“Đi đâu xảy ra sau đó?”

“Đoàn thủy thủ của tôi và tôi bị giam giữ cho đến khi nhân viên tình báo Anh và Mỹ đến và thẩm vấn chúng tôi. Chúng tôi bị đi đầu tra đúng sáu tuần lễ trước khi được phép về với gia đình”.

“Tôi nghĩ ông và đoàn thủy thủ đã chẳng khai báo gì với an ninh Đồng minh”.

Ông Hozafel mỉm cười. “Chúng tôi mất ba tuần trong chuyến đi từ Nam Cực đến Argentina để kể những câu chuyện của chúng tôi. Có lẽ những chuyện đó phần nào đã gây xúc cảm cho người nghe, nhưng không ai trong chúng tôi bị mua chuộc, và những điều tra viên của họ chẳng biết được gì. Họ rất hoài nghi. Nhưng ai có thể trách họ chứ? Một tàu hải quân Đức mất tích suốt bốn tháng rồi xuất hiện lại sau đó, Hạm trưởng của nó tuyên bố ông ta tin rằng bất cứ đài phát thanh nào cũng loan báo Đức đã đầu hàng chỉ là một mưu đồ của Đồng minh nhằm làm ông ta tiết lộ thân phận của mình. Đó không phải là một câu chuyện hợp lý, nhưng là một câu chuyện họ không thể bắt bẻ”. Ông ta dừng lại và nhìn lò sưởi đã nguội lạnh. “Chiếc U-699 sau đó được giao cho Hải quân Hoa Kỳ và được kéo tới căn cứ của họ tại Norfolk, bang Virginia. Ở đây, nó bị tháo rời tới con ốc cuối cùng và bị vứt bỏ”.

“Còn chiếc U-2015?” ông Sandecker hỏi vặn.

“Tôi không rõ. Tôi không hề nghe chuyện gì đã xảy ra với nó, cũng chẳng bao giờ gặp lại Hạm trưởng Harger”.

“Có thể ông sẽ quan tâm khi biết” ông Sandecker nói với vẻ thích thú, “Chiếc U-2015 đó bị một tàu ngầm nguyên tử của Hoa Kỳ đánh đắm chỉ mấy ngày trước đây tại Nam Cực”.

Đôi mắt ông Hozafel nheo lại. “Tôi có nghe những câu chuyện tàu ngầm Đức hoạt động tại những biển vùng địa cực phía nam sau chiến tranh rất lâu nhưng không biết thực chất thế nào”.

“Vì nhiều tàu ngầm cao cấp thuộc thế hệ XXI và XXII vẫn bị xem mất tích”, ông Little nói. “Chúng tôi rất ngờ vực về chuyện một hạm đội trong những tàu ngầm này được dành cho các lãnh tụ Đệ Tam Quốc xã dùng vào những mục đích chuyển lậu hàng hóa suốt những năm chiến tranh”.

“Tôi thừa nhận ông nhận xét đúng”.

Ông Sandecker vừa định nói thì chuông điện thoại lại reo. Ông cần ống nghe liên hợp lên, hình như ông sợ hãi những gì sắp được nghe, “Vâng?”

“Xin xác định”, giọng Pitt vọng ra, “món Pizza của ngài đã tới và cậu bé giao hàng đang trên đường trở về dù đang trong giờ cao điểm”.

“Cám ơn đã gọi”, ông Sandecker nói. Không có chút thư giãn nào trong giọng nói của ông.

“Tôi hy vọng ngài sẽ gọi lại khi ngài thưởng thức món Pizza”.

“Tôi hứa”, và ông gác máy. “Tốt rồi”, ông nói, giọng mỗi mệ. “Họ đã tới cái xe bay và đang ở trên bầu trời”.

“Thế là họ sẽ an toàn về nhà”, ông Little nói, bất chợt trở nên vui vẻ.

Ông Sandecker lắc đầu với vẻ ảm đạm. “Khi Dirk nói giờ cao điểm là cậu ta ngụ ý họ còn bị máy bay an ninh của chúng tấn công. Tôi sợ họ vừa thoát khỏi bầy cá mập lại đâm đầu vào đám cá nhồng”.

Dưới hệ thống hướng dẫn tự động, chiếc xe bay Moller Skycar bốc lên trong đêm và lướt trên mặt nước đen ngòm trong vịnh, dần dần tăng độ cao khi nó từ trong núi quét qua những khối băng trôi bên dưới. Nếu có ai đó trong máy bay nghĩ rằng một khi họ đã có mặt trong cái xe bay thì họ an toàn trở lại trong chiếc tàu của NUMA đang đợi họ ngoài khơi Punta Entrada, thì họ đã sai lầm trầm trọng.

Không phải chỉ một mà đến bốn chiếc trực thăng trang bị vũ khí bốc lên từ boong tàu Ulrich Wolf để săn đuổi chiếc xe bay. Chỉ một chiếc cũng quá đủ, nhưng bọn Wolf đã phái trọn phi đội an ninh của chúng để ngăn chặn những kẻ chạy trốn. Không theo một đội hình nào, chẳng cần chiến thuật giao tranh, nhưng chúng đã tới đúng lúc như được tính toán kỹ để tiêu diệt chiếc xe bay trước khi nó có thể trú ẩn trong núi.

Được Tập đoàn Vận Hội mua từ công ty Messerschmitt-Bolkow, loại trực thăng BO 105LS-7 được thiết kế và xây dựng cho quân đội Liên bang Đức trong buổi đầu để tiếp tế hàng hóa cho các đơn vị và các hoạt động bán quân sự. Chiếc trực thăng săn đuổi chiếc xe bay có hai động cơ kép với vận tốc tối đa lên tới hai trăm tám mươi dặm mỗi giờ. Hỏa lực chính của nó là một khẩu đại liên xoay gắn dưới bụng.

Trong lần bay này, Giordino lại là người ngồi ở ghế phi công, và Pitt lo việc quan sát các thiết bị, trong lúc hai người phụ nữ ép sát vào nhau trong thân sau máy bay, ngay sau lưng ghế hành khách. Trong chuyến bay trở về này, Giordino không phải làm chuyện gì khác ngoài việc tìm cách đạt vận tốc tối đa. Mọi thao tác khéo léo khác đều do máy vi tính kiểm soát và thực hiện. Bên cạnh anh, Pitt đang theo dõi những trực thăng săn đuổi trên màn hình radar.

“Sao, tại sao những thằng khùng bố không lờ chuyên bắt nạt này lại không để chúng ta yên chứ?” Giordino càu nhàu.

“Có vẻ như chúng đem hết vốn ra để chơi canh bạc này với chúng ta”, Pitt nói, vừa chăm chú nhìn những chấm nhỏ trên mép ngoài của màn hình radar và đang tiến lại gần điểm sáng chính giữa là chiếc xe bay, như thể nó là trung tâm điểm của từ trường.

“Nếu chúng có tên lửa tầm nhiệt có thể bay qua những hẻm núi”, Giordino nói, “Chúng có thể giờ trò bắn thủ đấy”.

“Tôi không nghĩ thế. Máy bay dân sự hiếm khi có khả năng mang tên lửa quân đội”.

“Chúng ta có thể đánh lạc hướng chúng trong rừng núi không?”

“Sẽ biết ngay thôi”, Pitt trả lời. “Hy vọng duy nhất của chúng là chỉ bắn chính xác trong khoảng cách nửa dặm trước khi chúng ta thoát khỏi rừng núi. Sau đó, chúng ta thoát khỏi rừng núi. Và, cuối cùng, chúng ta có thể thoát. Vận tốc của chúng kém chúng ta ba mươi dặm-giờ”.

Giordino nhìn qua kính chắn gió. “Chúng ta đang rời xa những tảng băng trôi và vào dãy núi. Len lỏi giữa các hẻm núi sẽ khiến chúng bị khó khăn khi nhắm bắn”.

“Các ông không thể tập trung suy nghĩ trong lúc lái thứ này à?” Pat lên tiếng, cô nặng nề nhìn hình bóng mờ ảo của dãy núi dưới ánh trăng yếu ớt đang bắt đầu nhô cao hai bên hông chiếc xe bay. “Nói chuyện về các ông chẳng tốt hơn sao?”

“Sao cô và cháu bé không ngã lưng một lúc?” Pitt tỏ ra lo ngại.

“Giống như đang cỡi xe lửa trong hội chợ ấy”, Megan có vẻ hào hứng.

Pat ý thức rõ hơn về sự nguy hiểm nên không thể sôi nổi như con gái. “tôi nghĩ mình sẽ nhắm mắt một lúc. Cám ơn ông”.

“Chúng ta sẽ bị xóc dữ dội vì sự đổi hướng đột ngột lúc qua dãy núi trong khi bay với vận tốc tối đa” Pitt giải thích. “Nhưng đừng lo. Máy vi tính đang lái cái xe bay này mà”.

“Hiện đại thật”, Pat nói khẽ. Cô vẫn nặng nề

“Bọn khốn sắp lên tới đỉnh núi”, Giordino thông báo, vừa thận trọng theo dõi những chùm ánh sáng từ những trục thẳng chiếu ra làm sáng cả những sườn núi.

Những gã lái trục thẳng tấn công đang chơi một canh bạc lém lỉnh. Chúng không có ý định đuổi theo chiếc xe bay với vận tốc nhanh hơn qua những mỏm đá lồi lõm trong những hẻm núi. Chúng tự biết rõ chỉ có một cơ hội và duy nhất chỉ một, là từ trên cao xả súng xuống chiếc máy bay có

hình thù kỳ lạ. Chúng đạt một độ cao và từ đó bắn xuống hẻm núi. Những đầu đạn hai mươi ly lóe sáng trong bóng tối bên trên chiếc xe bay. Pitt nhanh chóng nhận ra chiến thuật, anh thúc cùi chỏ lên cánh tay Giordino. “Hãy kiểm soát bằng tay”, anh lắp bắp. “Dừng lại giữa không trung rồi bay giật lùi”.

Giordino làm theo và hoàn tất các động tác trước khi các âm thanh thoát khỏi miệng Pitt. Anh tắt máy vì tính kiểm soát, điều khiển chiếc xe bay dừng lại đột ngột khiến họ bị ném mạnh vào dây đai an toàn, rồi cho máy bay giật lùi xuống hẻm núi.

“Nếu chúng ta cố bay qua đợt oanh kích này”, Pitt nói, “Chúng ta sẽ lọt vào giữa những đạn đạo”.

“Đây chỉ là vấn đề tính bằng giây trước khi chúng định hướng lại và nhắm bắn theo cách cũ”.

“Đúng thế. Chúng sẽ quay lại và nhắm vào phía sau chúng ta, chờ chúng ta bay vào vùng nhắm của chúng. Nhưng chúng ta sẽ lại lao tới, buộc chúng phải đổi hướng... đúng như trò ta đã chơi khi bữa đôi chiếc xuồng tuần tra. Nếu mọi chuyện ngã về phía chúng ta, chúng ta sẽ có đủ thời gian thoát đi trước khi chúng có thể tập trung lại hỏa lực của chúng”.

Trong lúc họ trao đổi, những chiếc trực thăng đã lập lại đội hình, để bắn tập trung. Chỉ trong vòng vài giây, chúng đã có thể bắn thẳng vào chiếc xe bay. Đó chính là dấu hiệu để Giordino lại lao chiếc xe bay tới phía trước trong hẻm núi. Chiếc Moller Skycar chỉ tránh thoát những đầu đạn trong gang tấc. Nhưng trong vài giây đó, những chiếc trực thăng lại đến gần họ hơn. Lần này chúng phản ứng thật nhanh và bắt đầu điên cuồng nhả đạn về phía chiếc xe bay đang lao nhanh.

Những đầu đạn xé toạc bộ thẳng bằng thẳng đứng của bộ phận đuôi chiếc xe bay. Những bánh đáp bị rơi ra và phần trên của nóc máy bay bị phá vỡ đột ngột và bay mất vào bóng tối. Không khí lạnh buốt tràn vào buồng lái như một cơn lốc. Cơn mưa đạn khủng khiếp nhưng không hiệu quả, chỉ ròi chung quanh chiếc xe bay và không ảnh hưởng tới các động cơ của nó. Không thể thoát trận mưa đạn bằng cách tránh né, vì khoảng cách giữa hai mép vách đá không rộng hơn năm mươi bộ so với sải cánh chiếc xe bay, nên Giordino chỉ điều khiển máy bay lên cao rồi xuống thấp.

Những làn đạn hai mươi ly trật mục tiêu, đâm vào vách đá dựng đứng làm bắn ra hàng ngàn mảnh đá vụn. Giống như một con mèo bị một bầy chó rượt đuổi, với những động tác khéo léo, Giordino lại lao chiếc Skycar

lên hai trăm mét trong hẻm núi, rồi bốn trăm mét, và thật đột ngột, anh đâm thẳng vào một vách đá một góc chín mươi độ, ngoặc quanh một mỏm đá nhô ra, tránh được cơn bão đạn.

Cho tới lúc những chiếc trực thăng đến gần mỏm đá và đảo quanh nó thì chiếc xe bay đã biến mất vào bóng tối của những ngọn núi.

THÀNH PHỐ DƯỚI BĂNG

*Ngày 10 Tháng Tư, 2001
Thành phố Blienos Aires, Argentina*

Những chiếc limousine tạo thành một hình vòng cung dài trên con đường hình tròn trong sân Tòa Đại sứ Anh tại Buenos Aires. Quý bà trong bộ dạ phục khiêu vũ và quý ông trong áo đuôi tôm ra khỏi những chiếc xe màu đen dài ngoẵng và đi qua những cánh cửa bằng đồng cao để vào tiều sảnh. Tại đây, họ được ông Đại sứ Anh tại Argentina-Charles Lexington - và bà vợ Martha - một phụ nữ cao lớn trầm lặng - đón tiếp. Đây là một sự kiện trọng đại trong năm, là lễ kỷ niệm ngày Thái tử Charles đăng quang vì được Nữ hoàng Elizabeth nhường ngai vàng cho.

Giới thượng lưu của Argentina đều được mời và tất cả đều chấp nhận lời mời. Tổng thống, những lãnh tụ quốc hội, thị trưởng thành phố, những nhà tài chánh, những kỹ nghệ gia và những người nổi tiếng được kính trọng nhất đều tới tham dự. Họ vào phòng khiêu vũ, nơi có ban nhạc hòa tấu trong bộ lễ phục thế kỷ mười tám và bữa tiệc buffet xa hoa được những chuyên viên giỏi nhất đến từ Anh chuẩn bị cho sự kiện này.

Khi Karl Wolf và nhóm tùy tùng thường lệ là các cô em gái choán hết lối đi và vào căn phòng rộng thênh thang, họ không thể tránh khỏi mọi cặp mắt đổ dồn về phía họ của những người có mặt. Những gã cận vệ của Karl áp sát bọn họ trong mọi lúc. Vẫn giữ tập tục gia đình, tất cả những người phụ nữ lông lẩy này đều mặc những bộ lễ phục được thiết kế giống hệt nhau, chỉ khác màu sắc. Sau khi được ông Đại sứ Anh chào đón, họ đi vào phòng khiêu vũ, vẻ rực rỡ của họ làm mọi phụ nữ có mặt đều ghen tị.

Karl được Geli, Maria và Luci, cùng chường của họ hộ tống, ngoài ra còn có Elsie vừa từ Mỹ trở về. Trong lúc các cô em gái và chường họ bắt đầu khiêu vũ theo điệu nhạc Cole Porter dồn dập, Karl đưa Elsie vào phòng đãi tiệc buffet. Họ dừng lại nửa chừng để nhận một cốc sâm banh từ những người hầu. Họ chọn những thức ăn ngoại quốc xa lạ rồi đi vào thư viện. Tại đây, họ tìm thấy một bàn trống với hai ghế bên cạnh một kệ sách cao từ sàn đến trần nhà.

Elsie vừa đưa cái nĩa với thứ pho mát hảo hạng lên miệng thì bàn tay cô ta bất chợt dừng lại nửa chừng, và trên nét mặt hiện ra vẻ không tin. Karl thấy rõ sự thay đổi đột ngột đó từ cô em họ, nhưng anh ta không quay đầu nhìn lui, thay vì vậy, anh ta bình thản chờ đợi một lời giải thích. Và lời giải thích đã đến với sự xuất hiện của một người đàn ông cao lớn, trông có vẻ thô bạo với một phụ nữ đáng yêu bên cạnh anh ta với mái tóc màu đỏ chảy xuống tới thắt lưng như một dòng thác. Người đàn ông mặc chiếc áo đuôi tôm màu mận chín. Người phụ nữ mặc một áo khoác bằng nhung màu đen bên ngoài một bộ áo váy dài tới mắt cá bằng lụa đen rất hợp với cái áo khoác. Một vòng đeo cổ bằng phalê trang điểm cho cái cổ thanh tú của cô.

Họ đến gần hai anh em Wolf và dừng lại. “Thật tuyệt diệu được gặp lại cô, Elsie”, Pitt nói với giọng thân thiện. Trước khi cô ta kịp trả lời, anh đã quay sang Karl. “Và ông là gã Karl Wolf bĩ ổi nhất tôi từng nghe nói rất nhiều phải không?” Anh dừng lại và quay sang Pat. “Tôi có thể giới thiệu Tiến sĩ O'Connell chứ?”

Wolf trừng mắt nhìn Pitt như một người thợ kim hoàn quan sát một viên kim cương trước khi nâng cái chày lên gõ vào cái nệm để chế viên đá quý. Dù anh ta chẳng có vẻ gì nhận ra Pat, nhưng Pat vẫn cảm nhận được cơn ớn lạnh đang chạy dọc sống lưng cô. Gã tử phú quá đẹp trai, nhưng ánh mắt vô cùng lạnh lẽo và đầy đe dọa. Có cái gì đó rất khô cứng trong con người anh ta gợi cho người khác cảm giác anh ta là một kẻ man rợ. Nếu anh ta có biết cô là ai, anh ta cũng không để lộ một dấu hiệu nhận biết khi nghe tên cô. Anh ta cũng chẳng bận tâm đến phép xã giao lịch sự là đứng lên khỏi cái ghế để chào một phụ nữ.

“Dù chúng ta chưa bao giờ được gặp nhau”, Pitt nói tiếp, vẫn tỏ ra thân thiện, tôi vẫn cảm thấy như thể tôi biết ông”.

“Tôi không biết ông là ai”, Wolf nói với một thứ tiếng Anh hoàn hảo, nhưng vẫn không giấu được âm sắc của các chủng tộc Đức.

“Tên tôi là Dirk Pitt”.

Trong một thoáng, có cái gì đó thật khó hiểu trong đôi mắt Wolf, rồi gương mặt anh ta dần dần lộ ra vẻ thù địch thực sự. “Ông là Dirk Pitt?”. Anh ta lạnh lùng hỏi.

“Không ai khác”, rồi anh mỉm cười với Elsie. “Cô có vẻ ngạc nhiên khi gặp tôi. Cô đã rời Washington thật đột ngột trước khi chúng ta có dịp trò chuyện lại một lần nữa”.

“Ông từ đâu đến ?” Cô ta cúi kính hỏi.

“Từ chiếc tàu Ulrich Wolf”, Pitt lịch sự trả lời. “Sau khi đánh một vòng quanh chiếc tàu đó, Pat và tôi thấy chúng tôi có mặt tại Buenos Aires và nghĩ là chúng tôi nên chào từ giả cô”.

Nếu cặp mắt cô ta là những tia laser thì chắc chắn Pitt đã bị đốt chín. “Rất tiếc chúng tôi đã không giết được các người”.

“Các vị cũng đã nỗ lực ghê gớm đấy chứ, chỉ có đi đầu là chẳng ra gì”, Pitt thản nhiên đáp trả. “Tôi không khuyên các vị cố lặp lại chuyện đó, nhất là ngay trong Tòa Đại sứ Anh, trước tất cả những người danh giá này”.

“Lúc các người ra ngoài phố, ông Pitt, các người sẽ thuộc về đất nước của tôi, không phải của các người. Sẽ chẳng có cơ hội để các người tự bảo vệ đâu”.

“Đó là một ý nghĩ chẳng lành mạnh chút nào, Karl. Chắc ông không biết Hải quân Hoa Kỳ đã hộ tống chúng tôi tới đây đêm nay dưới sự bảo vệ của ngài Đại sứ Mỹ Jonh Horn”.

Một trong những gã cận vệ của Wolf đến gần họ như muốn tấn công Pitt, nhưng Giordino bất chợt xuất hiện từ phía sau rồi đứng chặn trước mặt gã cận vệ, khóa hết mọi động tác của hắn. Tên cận vệ cân nặng hơn Giordino ít nhất cũng đến năm mươi cân Anh và cao hơn đến mười inch, nhìn xuống với vẻ sinh sự và nói, “Cái gì khiến mày nghĩ mày bảnh đến thế, thằng lùn?”

Giordino ngoác miệng cười khinh bỉ. “Mày có ngán không, khi tao bảo tao đã từng bẻ gãy cổ khoảng nửa tá những tên sâu mọt như mày?”

“Cậu ta không lừa phỉnh đâu”, Pitt nói.

Phản ứng của tên cận vệ thật thú vị. Hắn không biết phải nổi khùng hay thận trọng. Wolf đưa một bàn tay lên xoa gã cận vệ. “Tôi có lời khen tất cả bọn ông đã thoát khỏi chiếc tàu Ulrich Wolf. Lực lượng an ninh của tôi tỏ ra quá yếu kém”.

“Không phải đâu”. Pitt trả lời, vẫn tỏ ra thân thiện. “Họ thật sự rất giỏi. Chúng tôi chỉ may mắn thôi”.

“Từ báo cáo nhận được, may mắn chẳng nhiều đâu đối với một hành động như thế”. Anh ta rời khỏi ghế ngồi và đứng đối diện với Pitt. Anh ta cao hơn hai inch và thích thú nhìn xuống cái gai của Tập đoàn Vận Hội đang đứng đó. Cặp mắt màu xanh xám của anh ta lấp lánh, nhưng hai ánh mắt dễ dàng bắt gặp ánh mắt đáp trả của Pitt đang tỏ ra thích thú hơn khi dò xét đối phương.

“Ông đã phạm một sai lầm đáng tiếc khi đối đầu với tôi, ông Pitt. Chắc chắn tới giờ phút này ông phải biết rõ là tôi đã được cống hiến cho việc sử dụng mọi phương tiện dưới sự chỉ huy của tôi để làm cho thế giới này trở nên thuần khiết và không hư hỏng như nó đã từng như thế từ chín ngàn năm trước”.

“Nhưng ông đã theo một đường lối lạ lùng để đạt mục đích đó”.

“Tại sao ông đến đây đêm nay?”

Pitt không nhân nhượng. “Tôi đã phải chịu quá nhiều chuyện phiền phức do gia đình ông gây ra, và tôi quyết định đến gặp gã đàn ông đang bày ra những mưu đồ nhằm làm chủ thế giới”.

“Và bây giờ ông đã gặp tôi?”

“Với tôi, có vẻ như ông đã lo lắng đến một sự kiện có thể chẳng bao giờ xảy ra. Làm sao ông có thể tin chắc một sao chổi chị em với sao chổi đã quét sạch người Amenes sẽ quay lại vào tháng sau và đâm vào Trái Đất chứ? Làm sao ông biết nó sẽ không trượt qua, khi nó làm đi đầu đó?”

Wofl nhìn Pitt với ánh mắt dò hỏi rồi cười ma mãnh. Rõ ràng một kẻ giàu có và đầy quyền lực như anh ta được sinh ra là để người khác phải nể sợ, và anh ta không bao giờ hạ mình trước kẻ khác.

“Thảm họa sắp xảy ra sẽ là câu kết luận đã định sẵn. Thế giới theo cách hiểu của mọi sinh vật, sẽ không tồn tại lâu nữa. Trừ gia đình tôi, mọi người có mặt trong căn phòng này, kể cả ông, chắc chắn sẽ bị hủy diệt”. Anh ta cúi về phía trước với một nụ cười độc ác. “Nhưng tôi sợ, ông Pitt, rằng đi đầu đó sẽ xảy ra sớm hơn ông nghĩ. Thời biểu đã định rồi, ông biết đấy. Giờ phút cuối cùng của Trái Đất... chính xác sẽ bắt đầu đúng bốn ngày và mười giờ nữa, kể từ lúc này”.

Pitt cố che giấu cú sốc. Không đầy năm ngày. Sao có thể chứ?

Pat không buồn che giấu sự thất vọng của cô. “Sao ông có thể làm chuyện này? ông đã gây bao nhiêu phiền phức để giữ bí mật chuyện đó mà?” Cô có vẻ bị xúc động mãnh liệt. “Tại sao ông không thông báo cho cả thế giới biết để mọi người có thể chuẩn bị cho bất cứ chuyện gì xảy ra? Ông và các cô em quý giá của ông không có lương tâm hay sao? Các người không có lòng trắc ẩn à? Cái chết của hàng tỉ đứa trẻ không dày vò các người sao. Các người đúng là những tên điên. Các người cũng xấu xa như tổ tiên các người đã từng tàn sát hàng triệu...”

Elsie bật đứng lên. “Sao cô dám xúc phạm anh tôi?” Cô ta gầm lên.

Pitt quàng cánh tay lên quanh hông Pat, “Đừng phí hơi cho những tên đốn mạt này”, anh nói, gương mặt đỏ bừng vì giận. Cuộc chạm trán trở nên căng thẳng. Nhưng anh không thể ngăn mình nói ra một nhận định. Anh nhìn Elsie và nói một cách thích thú với một nụ cười lạnh lùng. “Cô biết không, Elsie, tôi sẽ cá chuyện làm tình với cô và các chị em cô cũng chẳng khác gì làm tình với những pho tượng bằng băng”.

Elsie bước tới để tát Pitt, nhưng Pat cũng bước tới và giữ chặt cánh tay cô ta. Elsie giật tay ra và lùi lại, thực sự sốc vì có một kẻ không phải thành viên trong gia đình lại đối xử thô bạo với cô ta. Một lúc, cả hai người, Pitt và Wolf, nghĩ hai người đàn bà sẽ đi tới chỗ đánh nhau, nhưng Pat chỉ mỉm cười trịch thượng, rồi quay sang Pitt và Giordino. “Chán chết đi được. Tại sao không có người nào trong quý ông mời tôi khiêu vũ nhỉ?”

Pitt quyết định phải khôn ngoan hơn bằng cách tiếp tục moi thêm thông tin từ bọn Wolf trong lúc chúng lưu ý tới anh. Anh gật đầu cho Giordino. “Cậu mời cô ấy trước đi”.

“Rất vui lòng”, Giordino nắm bàn tay Pat và đưa cô ra sàn nhảy, ở đây, ban nhạc đang chơi bản “Đêm và Ngày”.

Pitt nói với Karl Wolf, “Ông thật thông minh làm cho thời biểu xảy ra sớm hơn. Tại sao ông làm đi đầu đó?”

“À, ông Pitt”, Wolf nói. “Tôi phải giữ kín vài bí mật của mình chứ”.

Pitt cố tìm cách khác. “Tôi thành thật khen ngợi ông về những chiếc tàu của ông. Đó là những tác phẩm bậc thầy về kiến trúc và xây dựng trong ngành hàng hải. Chỉ có thành phố biển Freedom được Norman Nixon xây dựng mới phần nào có thể so sánh với sự lộng lẫy của chúng”.

“Đúng thế”, Wolf tỏ ra thích thú. “Tôi phải thừa nhận rằng có nhiều phẩm chất của chiếc tàu Ulrich Wolf đã được mô phỏng từ công trình của Norman Nixon”.

“Ông thực sự nghĩ những chiếc tàu đồ sộ đó sẽ có thể ra biển nhờ những đợt sóng thủy triều khổng lồ?”

“Những kỹ sư của tôi đã cam đoan với tôi những tính toán của họ hoàn toàn chính xác”.

“Chuyện gì sẽ xảy ra nếu họ nhầm?”

Biểu cảm trên mặt Wolf cho thấy chưa bao giờ anh ta nghĩ tới đi đầu đó. “Thảm họa sẽ phải xảy ra, chính xác như tôi nói nó phải như vậy, và những chiếc tàu của tôi sẽ an toàn”.

“Tôi không tin là tôi muốn bị trôi giạt sau khi Trái Đất bị phá hủy và hầu hết nhân loại và thú vật bị tuyệt chủng”.

“Đó là điểm khác nhau giữa ông và tôi, ông Pitt. Ông xem chuyện đó là kết thúc. Tôi xem nó như một khởi đầu đầy dũng cảm. Nào, chúc ngủ ngon. Chỗ tôi còn nhiều việc phải làm”. Và anh ta đỡ cô em họ lên, và ra ngoài.

Pitt chỉ muốn tin Wolf là một gã điên, nhưng tham vọng của anh ta hoàn toàn tương đồng và vượt xa sự cuồng tín đơn thuần. Pitt vẫn đứng đó với cảm giác nặng nề. Một người đàn ông thông minh như thế sẽ không xây dựng một đế quốc trị giá nhiều tỉ đô la để ném vào một dự án không thực tế. Phải có một lý do chính đáng nào đó được che giấu, một lý do rất khủng khiếp nếu bị lộ ra. Nhưng đó là cái gì? Theo thời gian biểu riêng của Wolf thì lúc này Pitt chỉ còn bốn ngày và mười giờ để tìm ra câu trả lời. Và tại sao Wolf lại báo trước hạn định cuối cùng? Có vẻ như anh ta bất chấp chuyện Pitt biết đi đầu đó. Phải chăng anh ta chỉ đơn giản nghĩ chuyện đó không thành vấn đề nữa, và bất kỳ người nào cũng không thể làm gì khác? Hoặc còn một lý do khác nào đó trong cái đầu lươn lẹo của anh ta?

Pitt quay người bước đi. Anh đến quầy rượu và yêu cầu một ly anejo, một trăm phần trăm chất rượu làm từ cây tequila mọc trên đá của Mexico. Ông Đại sứ Horn bước đến và đứng bên anh. Ông ta là một người nhỏ con, tóc màu sáng, có ánh mắt của một con diều hâu đang đảo quanh một khu rừng để khoe khoang uy lực của mình hơn là tìm một bữa ăn.

“Cậu với Karl Wolf đạt được những gì rồi?” ông ta hỏi.

“Không tốt lắm”, Pitt trả lời. “Trong đầu hắc nui ý nghĩ hắc nui đang thực hiện công việc của Chúa, còn tôi thì chưa bao giờ học được thói quy lụy”.

“Hắc nui là một người kỳ lạ. Những người tôi quen biết không ai có thể gần gũi hắc nui. Và rõ ràng không có chỉ dẫn nào cho thấy tại sao hắc nui tin câu chuyện điên rồ về sự chấm dứt của thế giới. Tôi nói chuyện này với các đồng sự của tôi ở đây và tại Washington, và họ bảo hoàn toàn chẳng có bằng chứng nào về một sự cố như vậy sẽ xảy ra, ít nhất cho tới lúc này”.

“Ông biết rõ hắc nui chứ?”

“Không nhiều lắm. Chỉ từ những gì tôi đọc được trong các phúc trình về an ninh. Ông nội hắc nui là một lãnh tụ cao cấp trong Đế Tam Quốc xã đã trốn khỏi nước Đức khi chiến tranh kết thúc. Ông ta tới đây với gia đình và một nhóm những bạn bè nổi khố trong Đế Tam Quốc xã, mang theo những

nhà khoa học và các kỹ sư hàng đầu. Chẳng bao lâu sau khi tới Argentina, họ thành lập một tập đoàn tài chính khổng lồ trong thời gian không đầy hai năm, mua và đi đầu hành những nông trại và đồn điền rộng nhất, những ngân hàng và đoàn thể trong đất nước này. Một khi quyền lực cơ bản của họ đã vững chắc, họ mở chi nhánh rộng khắp thế giới về tất cả mọi ngành, từ hóa học đến điện tử. Người ta chỉ có thể suy đoán nguồn gốc tiền bạc của họ đến từ đâu. Theo dự luận, đó là những số vàng trong những kho tàng Đức và những tài sản lấy cắp của người Do Thái bị giết trong những trại tập trung. Dù có nguồn gốc là gì, thì những của cải đó vẫn là một con số khổng lồ xuất hiện trong một thời gian ngắn”.

“Ông có thể cho tôi biết về gia đình đó không?”.

Ông Horn dừng lại để yêu cầu một ly martini từ người pha rượu. “Hầu hết là từ dự luận. Những bạn bè người Argentina của tôi bắt đầu hạ thấp giọng khi có thành viên nào của gia tộc Wolf xuất hiện lúc họ đang bàn tán về gia tộc này. Người ta thuật lại rằng Tiến sĩ Josef Mengele, “Tử thần” tại Auschwitz, có liên quan với dòng họ Wolf cho tới khi ông ta mất mấy năm trước đây. Tôi thừa nhận những câu chuyện như thế có vẻ lạ lùng. Nhưng họ đồn Mengele vẫn tiếp tục làm những thí nghiệm về gen của ông ta, đã làm việc với thế hệ thứ nhất của dòng họ Wolf trong việc sản xuất những hậu duệ có đầu óc thông minh xuất chúng và một cơ thể mang đặc tính của một lực sĩ đi săn kinh. Những đứa trẻ này sau đó lại sản xuất một thế hệ mới, thậm chí còn hoàn chỉnh hơn mà ông đã thấy trong thế hệ thứ ba của gia tộc Wolf, như Karl và những cô em gái của hắn. Tất cả giống nhau một cách kỳ lạ, anh em ruột cũng như anh em họ. Họ đồn rằng những hậu duệ này là do Mengele đã lấy tinh dịch của Hitler-được mang lậu ra khỏi Berlin trong những giờ cuối cùng của cuộc chiến- để thụ tinh những phụ nữ trong dòng tộc Wolf”.

“Ông tin tất cả những chuyện đó?” Pitt hỏi.

“Thực tình tôi không muốn tin”, ông Horn nói sau khi hợp một ngụm martini. “Tình báo Anh im lặng trong câu chuyện này. Nhưng viên sĩ quan tình báo trong đại sứ quán của tôi Major Steve Miller, đã dùng một máy vi tính so sánh những tấm ảnh của Hitler với những tấm ảnh của dòng họ Wolf. Thật ghê tởm, đúng như tin đồn, trừ màu tóc và màu mắt, những khuôn mặt giống nhau một cách kỳ lạ về cấu trúc”.

Pitt đứng thẳng lên và đưa bàn tay ra. “Thưa Đại sứ, tôi không thể nói hết lòng chân thành biết ơn lời mời và sự bảo vệ của ông dành cho tôi.

Đến Buenos Aires đúng là một hành động liêu lĩnh, và ông phải mất nhiều thì giờ giúp tôi gặp Karl Wolf”.

Ông Horn siết chặt bàn tay Pitt. “Chúng ta may mắn vì gia đình Wolf đã tới dự lễ hội. Nhưng tôi phải nói với ông rằng sự thú vị đích thực của tôi chính là được thấy ai đó đã tổng cổ gã kiêu hãnh ra khỏi nơi này. Vì là một nhà ngoại giao, nên tôi không thể đích thân làm đi đâu đó”.

“Hắn tuyên bố một cách xác định thời điểm xảy ra tai họa, chỉ còn bốn ngày nữa. Tôi nghĩ bọn chúng sẽ chuẩn bị việc lên những chiếc tàu không lờ đó rất chóng thôi”.

“Thật ư? Thật buồn cười”, ông Horn nói. “Một nguồn tin có thẩm quyền cho tôi biết Karl đã ấn định thời biểu thực hiện một chuyến kiểm tra những cơ xưởng khai thác kim loại của hắn tại Nam Cực vào ngày một”.

Đôi mắt Pitt nhú lại. “Hắn lại rút ngắn thời gian”.

“Dự án của hắn luôn luôn có đi đâu gì đó được giấu kín. Theo chỗ tôi biết, CIA chưa bao giờ cài được người vào nội bộ của hắn”.

Pitt mỉm cười. “Chắc chắn là ông luôn cập nhật những vấn đề tình báo, thưa Đại sứ”.

Ông Horn nhún vai. “Phải trả tiền để người ta đặt mấy ngón tay vào cái bánh chứ”.

Pitt lắc chắt tequila trong cái ly của anh, và thứ chất lỏng quay tròn cùng những viên đá, với vẻ nghĩ ngợi. Có cái gì quan trọng tại Nam Cực đến nỗi khiến bọn Wolf phải lặn lội tới đó, anh tự hỏi. Với anh, đáng lẽ gã lãnh tụ mới của Đệ Tứ Đế chế phải bay tới hạm đội của y để chuẩn bị cho sự cổ trọng đại thay vì mò tới vùng địa cực. Để tới đó và trở về, ít nhất y phải mất hai ngày. Đi đâu đó không thích hợp.

Hôm sau, hai mươi bảy trong số hai trăm thành viên của triều đại Wolf, những kẻ thống trị chủ chốt của Tập đoàn Vận Hội và viên kiến trúc sư trưởng của Đệ Tứ Đế quốc gặp nhau tại trụ sở của tập đoàn. Họ tập trung tại phòng họp rộng lớn với những bức tường dán gỗ sồi và cái bàn họp dài bốn chục bộ cũng bằng gỗ sồi được chạm trổ cầu kỳ. Một bức tranh sơn dầu lớn vẽ chiếc tàu Ulrich Wolf treo phía trên bộ một lò sưởi nằm ở cuối phòng. Vị tộc trưởng của dòng họ đứng thẳng một cách cứng

nhắc trong bộ đồng phục đen của SS, cầm nhô ra, đôi mắt màu đen đang nhìn về phía chân trời nằm ngoài bức tranh.

Mười hai phụ nữ và mười lăm đàn ông kiên nhẫn chờ đợi trong lúc được phục vụ thứ rượu đã ủ từ năm mươi năm trong những cái ly thủy tinh. Đúng mười giờ, Karl Wolf từ dãy phòng dành cho vị chủ tịch bước vào và ngồi vào cái ghế dành cho anh ta tại đầu bàn. Một lúc, anh ta nhìn qua những gương mặt của các em trai và em gái, và anh chị em họ đang ngồi chờ đợi quanh cái bàn. Bố anh ta, ông Max Wolf, ngồi bên tay trái con trai. Bruno Wolf bên phải. Đôi môi Karl phảng phất một nụ cười nhẹ, và anh ta đang trong trạng thái vui vẻ.

“Trước khi chúng ta bắt đầu lần họp cuối cùng trong văn phòng của Tập đoàn Vận Hội tại thành phố Buenos Aires thân yêu của chúng ta, tôi muốn bày tỏ sự ngưỡng mộ của tôi về cách thức các anh chị em và những người thân yêu của mình đã hoàn thành mỹ mãn trong một thời gian rất ngắn. Mọi thành viên trong tộc Wolf đã hoạt động vượt cả sự mong đợi và tất cả chúng ta nên hãnh diện vì không một ai trễ kỉ hạn”.

“Hoan hô, hoan hô”, Bruno reo lớn. Lời ca tụng thốt ra cùng lúc một tràng vỗ tay vang dội khắp phòng họp.

“Nếu không có sự lãnh đạo của con trai ta”, Max Wolf tuyên bố, “cuộc thập tự chinh vĩ đại được các ông nội các con nghĩ ra sẽ không bao giờ hoàn thành trọn vẹn. Ta hãnh diện vì sự đóng góp to lớn của các con cho trật tự của thế giới mới sắp đến và làm phấn chấn gia tộc chúng ta với dòng máu của Fuhrer chảy trong huyết quản các con, hiện đang bắt đầu làm cho Đế Tứ Quốc xã trở thành sự thật”.

Lại một tràng pháo tay ầm ĩ. Đối với một người lạ thì, trừ Max Wolf, tất cả những thành viên khác trong phòng đều có vẻ như được sinh sản bằng phương pháp vô tính. Cũng những gương mặt như thế, cũng một cách cấu trúc cơ thể giống nhau, mắt và tóc... Và căn phòng họp như trở thành một căn phòng của những gương soi.

Karl liếc mắt về phía Bruno, “Những người không có mặt ở đây hôm nay đều đang có phận sự trên tàu Ulrich Wolf phải không?”

Bruno gật đầu. “Mọi thành viên gia đình đều đã sẵn sàng tại nơi ở của họ”.

“Còn những chuyên viên và thiết bị?”

Wilhelm Wolf đưa tay lên, rồi báo cáo, “Những kiện lương thực đã được đóng gói và nhập kho trên cả bốn chiếc tàu. Tất cả chuyên viên cũng

đã lên tàu và được kiểm soát. Mọi loại thiết bị và mọi hệ thống điện tử đã được kiểm tra nhiều lần, chúng đều hoạt động hoàn hảo. Không thứ gì bị bỏ sót hoặc không được xem xét kỹ. Mọi tình huống bất ngờ đều được đề mắt tới và được luân phiên kiểm tra. Những chiếc tàu đều hoàn toàn sẵn sàng. Trước sự tấn công của những đợt sóng thủy triều thậm chí dữ dội nhất đã được những máy vi tính của chúng ta dự báo. Tất cả những gì còn lại là mọi người có mặt ở đây - những người lên tàu cuối cùng - sẽ bay tới chiếc Ulrich Wolf và chờ đợi phục sinh”.

Karl mỉm cười, “Các anh chị em sẽ đi trước mà không có tôi. Tôi sẽ theo sau. Có lời chỉ trích tôi đã lo là công việc chuẩn bị cuối cùng tại khu khai mỏ của chúng ta trong vịnh Okuma”.

“Anh không được đến trễ đấy”, Elsie nói và mỉm cười. “Nếu không, bọn em sẽ dong buồm không có anh”.

Karl phì cười, “Đừng lo, em gái yêu mến. Anh không có ý định trễ tàu đâu”.

Rosa đưa bàn tay lên. “Liệu mục khoa học gia người Mỹ đó đã giải mã những chữ khắc của người Amenes trước khi thoát khỏi chiếc tàu không?”

Karl lắc đầu, “Thật không may, bất kỳ thông tin nào mục ta khám phá được đều bị mục ta mang theo”.

“Người của ta không thể lấy lại sao?” Bruno hỏi.

“Tôi e rằng không. Mục được tòa đại sứ Mỹ bảo vệ chặt chẽ. Cho tới lúc chúng ta nghĩ ra một kế hoạch để tóm mục một lần nữa thì quá trễ. Thời hạn chót chẳng còn bao lâu nữa”.

Albert Wolf, nhà cổ tự học của gia tộc, cũng là một chuyên gia về những môi trường cổ và hậu quả của chúng trên các loài thảo mộc thời nguyên thủy, đưa tay để phát biểu, “Sẽ lợi vô cùng khi hiểu được những ghi chép do những người đã sống sót sau thảm họa đã qua để lại, nhưng tôi tin những máy vi tính của chúng ta sẽ cung cấp cho chúng ta một bức tranh hoàn toàn chính xác về những gì chúng ta chờ đợi”.

“Một khi những chiếc tàu đã ra khơi”, Elsie nói, “việc đầu tiên chúng ta cần làm ngay là phải giữ cho các chủng thảo mộc không bị ô nhiễm bởi tro, những loại khí từ núi lửa và khói”.

“Cô có thể an tâm về chuyện này, cô em họ thân mến”, Bernd Wolf, chuyên gia xây dựng của gia tộc, nói, “bên trong chiếc tàu được thiết kế để trở nên hoàn toàn kín hơi chỉ trong vài giây. Sau đó, bộ phận lọc không khí sẽ hoạt động. Mọi hệ thống đã được kiểm nghiệm chính xác và chúng tỏ

hiệu quả một trăm phần trăm. Chúng ta đã tạo được một bầu khí quyển tinh khiết, có thể thở được trong một thời gian dài”.

“Chúng ta đã quyết định sẽ đổ bộ tại miền nào trên Trái Đất sau khi mọi sự đã an toàn để chúng ta làm đi đầu đó?” Maria Wolf hỏi.

“Chúng ta vẫn đang trong quá trình góp nhặt những dữ liệu và tính toán phương hướng”, Albert trả lời. “Chúng ta phải biết chính xác thảm họa xảy ra như thế nào và những đợt sóng thần sẽ làm thay đổi các bờ biển trên Trái Đất ra sao. Hầu như chắc chắn đó là một vấn đề phân tích tình thế sau khi chấm dứt những biến động”.

Karl nhìn những kẻ ruột thịt của mình. “Tất cả sẽ tùy thuộc vào sự biến đổi địa hình như thế nào. Châu Âu có thể bị ngập lụt kéo dài tới rặng núi Urals của Nga. Nước có thể tràn khắp sa mạc Sahara. Băng sẽ phủ kín Canada và Hoa Kỳ. Ưu tiên số một của chúng ta là sống sót sau sự tàn phá và kiên nhẫn chờ đợi trước khi quyết định sẽ xây dựng một thành phố tổng hành dinh cho thế giới mới của chúng ta”.

“Chúng ta sẽ có nhiều vị trí được xem xét”, Wilhelm nói. “Đi đầu phải xem xét đầu tiên là một hải cảng, như San Francisco chẳng hạn, ở đó chúng ta có thể neo tàu, tốt hơn nữa nếu đó là một vùng các bình nguyên gần nhau và tiếp nối nhau, để trồng trọt mùa màng và lập vườn cây ăn quả, và là một vùng trung tâm để việc vận chuyển được dễ dàng và truyền bá quyền lợi chúng ta ra khắp thế giới mới. Tất cả sẽ tùy thuộc phạm vi thảm họa”.

“Chúng ta có ý kiến gì về thời gian sẽ lưu lại trên tàu lâu trước khi có thể mạo hiểm lên bờ không?” Gerda Wolf hỏi. Cô ta là chuyên gia về giáo dục và là người được chọn để quản lý hệ thống trường học trên hạm đội.

Albert nhìn cô ta và mỉm cười. “Chắc chắn là không lâu hơn đi đầu kiện bắt buộc, em gái ạ. Có thể nhiều năm, nhưng chúng ta không có cách nào tiên liệu chính xác chúng ta phải mất bao nhiêu ngày tháng trước khi có thể an toàn bắt đầu cuộc chinh phục của chúng ta trên đất liền”.

“Còn những người sống sót trên những vùng cao?” Maria thắc mắc. “Chúng ta sẽ đối xử thế nào với họ?”

“Số đó sẽ chẳng bao nhiêu”, Bruno trả lời. “Những người chúng ta có thể tìm thấy và tóm bắt sẽ được bố trí tại những nơi an toàn để đối phó bằng cách tốt nhất có thể”.

“Chúng ta sẽ không giúp đỡ họ sao?”

Bruno lắc đầu. “Chúng ta không thể để hao hụt thực phẩm trước khi người của chúng ta có cơ hội tiếp tục sống nhờ đất”.

“Không sớm thì muộn, trừ những người của Đệ Tứ Quốc xã chúng ta”, ông già Max nói, “số nhân loại còn lại sẽ tuyệt chủng. Những người thích nghi nhất sẽ sinh tồn. Đó là luật tiến hóa. Điều này đã được Fuhrer quy định, người đã dạy rằng một chủng tộc ưu tú sẽ thống trị thế giới một ngày nào đó. Và chúng ta là chủng tộc ưu tú đó”.

“Chúng ta hãy thành thực, thưa bác”, Felix Wolf nói. “Chúng ta không phải là những đảng viên Quốc xã cu cồng tín. Đảng Quốc xã Đức đã chết với những ông nội của chúng cháu. Thế hệ chúng cháu tôn kính Adolf Hitler vì những tiên kiến của người. Nhưng chúng cháu không thờ phụng chữ vạn hoặc hô lớn <Heil> trước tấm ảnh của người. Chúng cháu là một chủng tộc riêng của chúng cháu, được tạo ra để giải thoát thế giới này khỏi tội ác, khỏi tham nhũng và bệnh tật bằng cách thiết lập một cấp độ cao hơn của nhân loại... Một cấp độ sẽ dựng nên một xã hội mới không dính vào những tội lỗi của xã hội cũ. Qua những gen của chúng cháu, một chủng tộc mới sẽ ra đời, tinh khiết và miễn nhiễm với cái ác của quá khứ”.

“Nói thật hay”, Otto Wolf lên tiếng, sau khi ng ồi im suốt buổi họp. “Felix đã tóm tắt thật hùng biện mục đích và cam kết của chúng ta. Giờ đây, tất cả những gì còn lại là thực hiện thành công vấn đề trọng đại của chúng ta”.

Im lặng một lúc. R ồi Karl nắm hai bàn tay lại và chậm rãi nói, “Không gì thú vị hơn khi được nhìn thấy những đi ều kiện quanh chúng ta vào thời gian này năm sau. Đó thực sự là một thế giới mà những kẻ sắp chết trong những ngày sắp tới không thể nào hình dung nổi”.

Một chiếc xe nhỏ được trùm kín mít, sơn màu trắng, không có logo hoặc hình quảng cáo nào bên hông, ầm ầm chạy qua phòng đưa đón khách tại sân bay thành phố nằm trong thủ đô Buenos Aires, r ồi dừng lại dưới bóng râm của nhà chứa máy bay chính. Sân bay này thường phục vụ những chuyến bay nội địa của Argentina, kể cả những chuyến bay tới Paraguay, Chi Lê và Uruguay. Có vẻ như chẳng có công nhân hàng không nào chú ý tới một chiếc phản lực nhỏ, màu ngọc lam, với dòng chữ NUMA thật bự

trên thân của nó, lúc nó đáp xuống và chạy về phía nhà chứa máy bay nơi chiếc xe tải chờ sẵn.

Ba người đàn ông và một phụ nữ bước qua cửa dành cho hành khách và đi xuống nền bê-tông nóng hừng hực dưới ánh mặt trời giữa trưa. Đến lúc gần tới cửa văn phòng của nhà chứa máy bay, họ nhìn quanh rồi đi về phía chiếc xe tải. Lúc họ còn cách ba chục bộ, cửa sau xe tải mở ra và bốn lính thủy Mỹ trong quân phục tác chiến nhảy xuống đất và đứng thành một vành đai quanh xe tải. Sau đó, viên trung sĩ chỉ huy giúp Nữ Dân biểu Smith, Đô đốc Sandecker, Hiram Yaeger và một người đàn ông thứ ba vào chiếc xe tải trước khi đóng cửa lại.

Bên trong xe tải là một văn phòng vừa là một trạm chỉ huy được bố trí thật tiện nghi. Đó là một trong năm mươi phương tiện đặc biệt dành cho Đại sứ quán Mỹ trên khắp thế giới, được dùng để bảo vệ và giúp đỡ những thành viên của tòa đại sứ thoát khỏi vòng vây trong trường hợp bị tấn công như bắt cóc hay bị dùng làm con tin, tại Iran Tháng Mười Một 1979.

Pitt bước lại và ôm hôn Loren Smith là người lên xe sớm nhất. “Sinh vật lộng lẫy này, tôi đâu có chờ cô ở đây chứ”.

Tiến sĩ Pat O’Connell cảm thấy đau nhói vì ghen tị khi nhìn thấy Loren trong vòng tay Pitt. Cô nữ dân biểu bang Colorado quả thật trông hấp dẫn hơn nhiều so với hình ảnh nhà cổ tự học đã tưởng tượng.

“Ngài Đô đốc yêu cầu em đến, và thế là em có mặt ở đây, thậm chí dù thời gian em có mặt chỉ kéo dài vài giờ”.

“Tiếc nhỉ”, anh thành thực nói. “Chúng ta lại phải rời Buenos Aires”.

“Em thích như thế”, giọng Loren khô như trấu. Rồi cô nhìn thấy Giordino. “Al, gặp anh thích thật.”

Anh chàng mỉm nhẹ lên má cô. “Luôn luôn có cảm giác vui khi thấy chính phủ của tôi bận bịu công việc”.

Ông Sandecker bước lên, Yaeger và người đàn ông lạ mặt theo sau. Ông chỉ gật đầu với Pitt và Giordino, rồi bước thẳng tới Pat O’Connell, “Bà không biết tôi hạnh phúc biết chừng nào khi lại được bắt tay bà, thưa Tiến sĩ”.

“Ngài không biết tôi sung sướng biết chừng nào khi được tới đây”, cô nói và hôn lên trán ông già trong sự lúng túng của ông. “Con gái tôi và tôi mang ơn ngài rất nhiều vì đã phái Dirk và Al đến cứu chúng tôi”.

“Tôi đâu có phái họ đi”, ông nói với giọng hài hước. “Họ tự động đi đấy chứ”.

Yaeger vẫn vỗ chào đón những ông bạn cũ, và Pat vừa được giới thiệu với Loren lần đầu. Sau đó ông Sandecker giới thiệu Tiến sĩ Timothy Friend. “Tim là một bạn nối khố của tôi lúc còn học với nhau. Ông ấy đã cứu tôi thoát khỏi những bài toán đại số trong trường cấp ba. Khi tôi vào học tại Viện Hải quân, ông ấy đến đại học Colorado để học môn địa vật lý học. Chưa hài lòng, ông ấy đã lấy bằng tiến sĩ môn thiên văn học tại Stanford và trở thành một trong những nhà thiên văn học đáng kính nhất của đất nước. Ông ấy hiện đang đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Phòng Thí nghiệm Chiến lược Máy vi tính và Mô phỏng của chính phủ. Tim là một phù thủy về kỹ thuật đối với những phương tiện nhìn”.

Cái đầu hói của ông Friend được mớ tóc màu xám trắng bọc thành một vòng tròn, giống như một bầy cá trắng bơi quanh một chùm san hô. Đó là một người đàn ông thấp bé, ông ta phải hơi hất đầu về phía sau để nhìn lên hai người phụ nữ rõ ràng cao hơn ông ta nhiều. Giordino đứng cao năm bộ tư, là người duy nhất ông ta có thể nhìn thẳng vào mắt. Là một người điềm tĩnh trong số bạn bè, ông trở nên thân thiện và sống động khi diễn giảng trước sinh viên, các giám đốc cơ sở hoặc những viên chức cao cấp của chính phủ. Người ta dễ dàng nhận thấy ông là một thiên tài trong lĩnh vực của mình.

“Mọi người ngả xuống đi chứ”, Pitt nói và chỉ vào những cái ghế và sofa bọc da rất tiện nghi được xếp thành một hình vuông giữa khoang chứa hàng của chiếc xe tải. Khi mọi người đã ngả vào chỗ, một nhóm nhân viên của tòa đại sứ phục vụ cà phê và bánh mì sandwich lấy từ gian bếp nhỏ sau buồng lái.

“Loren đã tới Argentina”, ông Sandecker nói không cần lịch sự rào đón. “Cô ấy và các phụ tá đi đầu tra về Tập đoàn Vận Hội và đã thu thập vài thông tin thú vị”.

“Những gì tôi tìm hiểu được trong hai ngày qua thực sự đáng lo âu”, Loren bắt đầu. “Rất lặng lẽ, được giấu kín hết sức lạ lùng, gia tộc Wolf và Tập đoàn Vận Hội đã bán hết mọi cơ sở kinh doanh, tất cả cổ phần của họ trong nước cũng như trên thế giới, mọi công ty tài chính, mọi hợp đồng, mọi cổ phiếu, mọi bất động sản kể cả những thứ đồ gỗ gia dụng. Tất cả các trương mục ngân hàng đều được thanh toán. Hàng tỉ đô la được đổi thành vàng thỏi và được chở tới một địa điểm bí mật...”

“Số vàng đó đã nằm trong những khoang chứa của những chiếc tàu không lồ của chúng”, Pitt xác nhận.

“Có vẻ như toàn bộ gia tộc gồm hai trăm thành viên không xuất hiện nữa”.

“Chúng không phải là những kẻ ngốc nghếch”, Pitt nói quả quyết. “Tôi không thể tin là chúng phán đoán nhầm lẫn. Nếu thế, sẽ có chuyện sao chổi đâm vào Trái Đất? Có hay không có chuyện đó chứ?”

“Vì lý do đó mà tôi mời Tim tới đây” ông Đô đọc giải thích.

Tiến sĩ Friend lấy ra nhiều xấp giấy nhỏ và đặt lên cái bàn giữa những cái ghế và sôpha. Ông cầm xấp đầu tiên lên và lật từng trang trước khi tham cứu những ghi chép của mình. “Trước khi tôi trả lời về điều đó, cho phép tôi trở lại quá khứ một chút, như thế quý vị có thể hiểu được những gì gia tộc Wolf đã chuẩn bị. Tôi nghĩ tốt nhất nên bắt đầu với chuyện sao chổi va chạm Trái Đất vào thời điểm khoảng bảy ngàn năm trước Công nguyên. Thật may, đây không phải là một sự cố xảy ra trên những cơ sở bình thường. Dù Trái Đất bị va chạm hằng ngày bởi những mảnh nhỏ của các tiểu hành tinh không lớn hơn một nắm tay và bị cháy tiêu trong lúc xâm nhập bầu khí quyển. Trong nhiều thế kỷ, có một tiểu hành tinh đã đâm nhập vào Trái Đất tạo

ra một miệng hố hình phễu với đường kính rộng một trăm năm chục bộ tại Window, bang Arizona. Một tiểu hành tinh khác đã nổ tung trước khi đâm vào Siberia năm 1908, khoét một cái hố tám trăm dặm vuông. Cứ mỗi một triệu năm, một tiểu hành tinh rộng khoảng nửa dặm lại đâm vào Trái Đất với sức mạnh của một trái bom nguyên tử. Đầu đạn cứ trên hai ngàn năm lại xảy ra chuyện những tên lửa khổng lồ đẹp đẽ đó lại xuyên qua quỹ đạo của chúng ta theo một lộ trình không đổi”.

“Đúng là một bức tranh ảm đạm”, Pat nói.

“Xin đừng mất ngủ vì chuyện đó”, ông Friend nói và mỉm cười. “Trong hai mươi ngàn lần xảy ra sự va chạm của các tiểu hành tinh vào Trái Đất, chỉ có một lần có thể va trúng ai đó. Tuy nhiên chúng ta không thể tính tới khả năng hợp lý, rằng đó chỉ là vấn đề thời gian trước khi sự may mắn rời bỏ chúng ta”.

Pitt rót một tách cà phê, “tôi nghĩ ông ta đang muốn nói tới một vụ nổ thực sự khủng khiếp”.

“Đúng vậy”, ông Friend gật đầu xác nhận. “Cứ mỗi một trăm triệu năm mới có một tiểu hành tinh hoặc sao chổi khổng lồ va chạm Trái Đất, như vụ va chạm ngoài khơi Yucatan sáu mươi lăm triệu năm trước và làm tuyệt chủng loài khủng long. Sự va chạm này đến từ một vật thể khổng lồ

có đường kính sáu dặm để lại một hố hình phễu rộng một trăm hai mươi dặm”.

Ông Friend dừng lại để lướt qua tờ giấy trước khi tiếp tục. “Tiểu hành tinh đó nhỏ hơn sao chổi đâm vào Trái Đất chín ngàn năm trước. Máy vi tính hiện đại của chúng ta cho biết nó có đường kính gần mười hai dặm và lao vào vịnh Hudson của Canada. Nó hủy diệt gần chín mươi phần trăm mọi loài thực vật và động vật sống trên hành tinh, gây thiệt hại nhiều hơn hai mươi phần trăm so với tiểu hành tinh đã tiêu diệt loài khủng long sáu mươi lăm triệu năm trước đó”.

Loren nhìn ông Friend với sự quan tâm gần như say mê. “Một loạt những phản ứng như thế thuộc loại thảm họa nào?”

“Hãy hình dung cô cần một vật thể có đường kính mười dặm nặng khoảng nhiều tỉ tấn, rồi ném nó qua chân không vào một quả bóng mềm khổng lồ với vận tốc một trăm ba mươi ngàn dặm mỗi giờ, và gây ra một tiếng nổ khủng khiếp vượt khỏi sức tưởng tượng của cô. Có lẽ Trái Đất lúc đó phát ra âm thanh như một cái chuông vì sự chấn động do va chạm gây ra được lan truyền khắp mọi ngõ ngách. Sử dụng máy vi tính và những kỹ thuật nhìn bằng những thiết bị hiện đại và rất phức tạp mà tôi phải mất tới hai giờ để giải thích, chúng ta biết được sao chổi đến theo một góc độ và đâm thẳng vào khu vực đông nam Vịnh Hudson, nổ tung và tạo ra một hố hình phễu có đường kính hai trăm ba mươi dặm, hoặc hai lần nhiều hơn kích thước đảo Hawaii. Toàn bộ khối nước trong vịnh bị bốc hơi, trong lúc sao chổi khổng lồ đó chui xuống vỏ Trái Đất sâu tới hai dặm. Các phi hành gia đã chụp được những tấm ảnh cho thấy trọn miền địa cầu đó, nơi những phần của hình phễu không bị chìm dưới nước tạo thành một bờ biển dài hình tròn.

“Vì sao ông biết đó là một sao chổi mà không phải một tiểu hành tinh hoặc thiên thạch?” Yaeger hỏi.

“Một tiểu hành tinh là một khối vật chất nhỏ hoặc một hành tinh nhỏ lang thang trong hệ thống mặt trời và chuyển động theo quỹ đạo quanh mặt trời. Một số tiểu hành tinh rất giàu carbon. Những tiểu hành tinh khác chứa các khoáng chất giàu sắt, Silicon và những chất khoáng khác. Còn những thiên thạch phần lớn chỉ là những mảnh nhỏ hơn từ những tiểu hành tinh va đập nhau và vỡ ra. Mảnh lớn nhất được tìm thấy chỉ nặng bảy chục tấn. Một sao chổi thì hoàn toàn khác. Nó thường được gọi là một quả bóng tuyết bẩn được tạo thành từ băng, các thứ khí và đá nhỏ như bụi. Chúng

thường di chuyển trong những quỹ đạo dài hình bầu dục trên mép ngoài của hệ thống mặt trời và thường vượt ra xa hơn. Vì sự tác động qua lại của trọng lực từ mặt trời và các hành tinh, vài sao chổi bị lệch hướng và di chuyển theo quỹ đạo quanh mặt trời. Khi chúng đến gần mặt trời, bề mặt băng của sao chổi bốc hơi và tạo ra một cái đuôi hình nón kéo dài về phía sau rất đẹp. Người ta thường nghĩ chúng là những vật chất thừa còn sót lại từ việc thành lập các hành tinh. Bằng cách khoan rỗng phân tích hợp chất từ những mảnh vụn được tìm thấy trong và chung quanh hình phễu Vịnh Hudson, các nhà địa vật lý học phát hiện những phần tử cực nhỏ mà họ cho là một phần của sao chổi đã đâm vào Trái Đất bảy ngàn năm trước Công nguyên. Những xét nghiệm cho thấy không có dấu hiệu nào của các chất khoáng thông thường và những kim loại có liên hệ với những tiểu hành tinh”.

“Vây là đã có vụ va đụng”, ông Sandecker nói. “Rồi chuyện gì xảy ra sau đó?”

“Một hình nón ngược không thể đo được gồm đá nóng đỏ, hơi nước, bụi và những mảnh vụn bốc lên và vượt khỏi tầng khí quyển, rồi tất cả rơi trở lại mặt đất trong một trận mưa giận dữ, đốt cháy vô số khu rừng trên Trái Đất. Những khối khổng lồ gồm lưu huỳnh, khí nitrogen bị cháy và những lượng cực lớn chất fluoride bị bắn vào bầu khí quyển. Tầng ozone bị phá vỡ, băng tuyết tan chảy, những trận lốc quét qua mặt đất và biển. Người ta phỏng tính những đám mây bẩn và khói phải kéo dài không ít hơn mười bốn tháng. Chỉ riêng những thứ này cũng đã tiêu diệt hầu hết sự sống trên Trái Đất và hủy hoại dây chuyền thực phẩm”.

“Chỉ hình dung thôi cũng quá khủng khiếp rồi”, Loren nói.

Ông Friend mỉm cười rồi tiếp tục. “Thật đáng thương, đó mới chỉ là giai đoạn khởi đầu. Vì Vịnh Hudson mở ra Đại Tây Dương, những đợt sóng cao đến bảy hoặc tám dặm được hình thành và tràn qua những vùng đất thấp. Bang Florida hoàn toàn chìm trong nước cùng với hầu hết những hòn đảo trên thế giới. Phần lớn châu Âu và châu Phi nhìn thấy những đợt sóng dâng lên hàng trăm dặm từ các bờ biển vào đất liền. Vì hầu hết cư dân ở châu Úc sống trên hoặc gần các bờ biển, nên lục địa này phải chịu đựng cảnh chết chóc kinh hoàng nhất. Chín mươi chín phần trăm dân cư bị tiêu diệt trong vài phút. Miền đông nam châu Á hoàn toàn bị chôn vùi trong nước. Vô số sinh vật biển bị đẩy vào đất liền rất xa, bị bỏ lại và chết khi những đợt sóng rút lui. Sự cân bằng hóa học của biển cả bị biến đổi. Những

gì không bị sự biến động đột ngột giết chết trong biển thì sinh lầy, bùn và những thứ đồ nát sẽ làm chuyện đó”.

“Sự chấn động do vụ sao chổi va đập, những trận động đất khủng khiếp vượt xa giới hạn của hệ thống đo lường Richter làm thay đổi vĩnh viễn kích thước núi non, đồng bằng và sa mạc. Rồi những núi lửa trên khắp địa cầu, đang ngủ hay hoạt động, đều phun trào... Dung nham nóng chảy thành những mảnh kèch sù dày cả dặm tràn qua bất kỳ vùng đất nào không chìm trong nước. Nếu một nhà phi hành vũ trụ bay tới sao Hỏa trước thảm họa và trở về hai năm sau đó, ông ta sẽ không tài nào nhận ra Trái Đất. Cũng không người nào ông ta từng quen biết hoặc yêu thương vẫn còn sống. Ông ta rất có thể nhận ra mình là những sinh vật người duy nhất trên Trái Đất”.

Pitt nhìn nhà thiên văn học. “Ông không vẽ một bức tranh nào đẹp cả”.

“Hậu quả không sao lường nổi. Một khi trận đại hồng thủy tái diễn, những khối đá đủ mọi kích cỡ và hình thù sẽ bị phân tán khắp nơi trên mặt đất, và chúng tồn tại ở những nơi đó cho tới ngày nay, trở nên vấn đề làm đau đầu các nhà địa chất học. Nói khác đi, họ không sao giải thích được bằng cách nào chúng đã phân tán như thế. Vô số cây cối bị ngã đổ và vô số những xác động vật và sinh vật biển nằm vương vãi trên mặt đất thành những đồng kèch sù. Nhiều miền bị biến thành hồ ao. Trong phút chốc, eo biển ngăn cách Đại Tây Dương với những thung lũng và sông ngòi của khu vực nam châu Âu bị quét sạch và hình thành biển Địa trung hải. Những khối băng cũ bóc hơi những khối băng mới lại xuất hiện. Những khu rừng nhiệt đới đã từng bị những trận gió thô bạo quét ngã trước kia bây giờ lại bắt đầu tăng trưởng nhờ khí hậu bớt khắc nghiệt. Những vùng Gobi, Sahara và vùng Mojave, sau đó là những rừng nhiệt đới trở nên khô cằn, vô sinh. Những dãy đá ngầm của các lục địa trước kia từng đứng cao hơn mặt nước, bây giờ đều chìm xuống. Từ trường tại hai địa cực bị đảo lộn sự phân cực của chúng. Những nền văn minh từng tồn tại bị chôn sâu tới năm trăm bộ dưới mặt đất. Thời gian biến động này kéo dài khoảng hai mươi năm, trước khi Trái Đất hoàn toàn trở lại tình trạng ổn định. Một số ít nhân loại sống sót bằng cách nào đó phải đối mặt với một thực tế vô cùng u ám, và thật kỳ diệu, họ đã chịu đựng được và tồn tại để trở thành tổ tiên chúng ta”.

Pat đặt tách cà phê xuống. “Những người nguyên thủy trên Trái Đất bị hủy diệt và tan tát một cách thảm hại. Họ không để lại những ghi chép về cách sinh hoạt của họ suốt nhiều ngàn năm. Trừ những chữ khắc của người Amenes, hầu hết những ghi chép khác đều bị chôn vùi hoặc thất lạc. Những ký ức về thảm họa chỉ được truyền lại cho đời sau qua sự truyền miệng. Chỉ tới khi người Ai Cập và người Sumeria cổ đại, nền văn minh Indus của Ấn Độ tái tạo ngôn ngữ viết, ghi lại những câu chuyện về trận đại hồng thủy thì sự cố này mới phổ biến”.

“Ai biết được những thành phố nào”, Pitt nói, “những cung điện nào với những kho tàng mang tính địa chất của họ nằm rải rác dưới đáy biển sâu hoặc bị chôn lấp hàng trăm bộ dưới những lớp bùn sinh và đá? Trừ những chữ khắc của người Amenes để lại, chúng ta không có cách nào đánh giá sự huy hoàng của khoảng thời gian quá khứ trước khi những nền văn minh bắt đầu được xây dựng lại”.

Ông Friend vẫn giữ im lặng trong lúc những người khác cố hình dung ra cơn ác mộng. Ông ta để cặp mắt lang thang khắp những người đang ngồi trong cái xe tải chỉ huy, tò mò quan sát những cặp mắt biểu lộ cảm tưởng khủng khiếp của họ. Chỉ đôi mắt Pitt có vẻ trầm tĩnh, như thể anh đang dự tính một điếu gì đó khác hẳn, một điếu gì đó tại một nơi nào đó.

“Và thảm họa đã kết thúc như thế”, ông Sandecker buồm bã nói.

Tiến sĩ Friend thông thả lắc đầu, “Tôi vẫn chưa nói về phần tồi tệ nhất”, ông ta nói, nụ cười lúc đầu đã biến mất. “Chỉ mấy năm trước đây, một số các nhà khoa học bắt đầu nhận ra có những biến động quan trọng Trái Đất đã trải qua trong quá khứ - hoặc có hoặc không chịu ảnh hưởng của những vật thể ngoài không gian. Ngày nay chúng ta biết rằng một vụ va đụng đáng sợ nào do một sao chổi lớn hoặc một tiểu hành tinh đầu có thể gây ra sự biến dạng của vỏ Trái Đất. Charles Hapgood từng đưa ra lý thuyết cho rằng vì vỏ Trái Đất trôi nổi trên một cái lõi nóng chảy bên trong nó, nên nó chỉ dày từ hai mươi đến bốn mươi dặm. Nó có thể và vẫn xoay tròn quanh trục của cái lõi, tạo ra những thay đổi cực lớn về khí hậu và những chuyển động và các lục địa. Hiện tượng đó được gọi là sự đổi chỗ của vỏ Trái Đất, và hậu quả của nó có thể gây thảm họa. Lúc đầu, lý thuyết của Hapgood bị các nhà khoa học khác về địa cầu chế giễu. Sau đó, Albert Einstein đã tập trung suy luận của mình vào lý thuyết này, và sau cùng, ông đồng ý với Hapgood”.

“Nghe có vẻ giống cái vỏ bọc bên ngoài quả bóng đá nhỉ”, Yaeger nói.

“Nguyên tắc giống nhau”, ông Friend xác nhận. “Máy điện toán của chúng ta cho biết sự va đụng đã gây ra sức ép đủ để làm chuyển động vỏ Trái Đất. Kết quả là vài lục địa, đảo và những miền đất khác trôi gần lại đường xích đạo, trong lúc một số khác lại trôi xa. Sự chuyển động đó cũng khiến Bắc Cực và Nam Cực trôi từ vị trí trước đó của chúng đến những vùng khí hậu ấm hơn, làm cho hàng tỉ tỉ tấn nước dâng lên cao hơn mặt các đại dương trước kia đến bốn trăm bộ. Tôi xin cung cấp cho quý vị một ví dụ là trước đại hồng thủy, một người đàn ông hoặc một phụ nữ có thể đi bộ từ Luân đôn qua eo biển Man che để tới nước Pháp mà không hề ướt hai bàn chân.

“Sau cùng, toàn bộ thế giới được sắp xếp lại. Bắc Cực vốn nằm giữa Canada, giờ đây dời xa về phía bắc, trong vùng ngày nay hiểu là Bắc băng dương. Siberia cũng trôi về phía bắc trong một thời gian cực ngắn chứng cứ là những loại cây ăn trái còn nguyên lá và loài voi ma mút được tìm thấy đã đông cứng, trong dạ dày chúng còn cỏ chưa kịp tiêu hóa, và thứ cỏ này không thể mọc tại vùng Siberia bây giờ. Vì Bắc Mỹ và hầu hết châu Âu trôi về phía nam nên thời kỳ băng hà đột ngột chấm dứt. Nam Cực cũng trôi về phía nam gần hai ngàn dặm, tính từ vùng trước kia của nó trong vùng biển phía nam, giữa vùng thấp của Nam Mỹ và châu Phi”.

“Thế quỹ đạo của Trái Đất có bị ảnh hưởng không?” Yaeger hỏi.

“Không, quỹ đạo vẫn giữ nguyên dấu vết của nó quanh mặt trời như ngày nay. Trục Trái Đất cũng không thay đổi. Đường xích đạo vẫn giữ nguyên tình trạng như lúc đầu. Bốn mùa vẫn đến và đi như bao giờ. Chỉ có bề mặt địa cầu thay đổi”.

“Điều này giải thích rất nhiều vấn đề”, Pitt nói, “Chẳng hạn như bằng cách nào người Amenes có thể vẽ bản đồ Nam Cực không bị phủ băng”.

“Và thành phố dưới băng của họ mà người Đức đã khám phá”. Pat nói. “Khí hậu ở đó có thể sống được trước khi nó bị trôi”.

“Còn trục quay của Trái Đất thì sao?” Giordino hỏi. “Nó có đổi không?”

Tiến sĩ Friend lắc đầu, “Độ nghiêng hai mươi ba độ tư của nó vẫn như cũ. Đường xích đạo vẫn kiên trì. Chỉ vỏ Trái Đất chuyển động bên ngoài cái lõi lỏng của nó”.

Ông Sandecker nói, “Nếu chúng ta có thể trở lại vụ sao chổi một lúc, đây là lúc các vị trả lời câu hỏi của Dirk. Có phải người Amenes và gia tộc Wolf đã đúng, khi họ báo trước về sự va chạm khủng khiếp của sao chổi chị em với sao chổi đã đâm vào Trái Đất bảy ngàn năm trước Công nguyên?”

“Cho tôi một cốc cà phê nữa?” ông Friend nói.

“Vâng”, Loren nói và rót từ cái bình để trên bàn.

Ông Friend uống vài ngụm rồi đặt cái tách xuống, “à, vậy thì trước khi tôi trả lời câu hỏi của ngài, thưa Đô đốc, tôi muốn mô tả ngắn gọn về tiểu hành tinh và sao chổi tấn công hệ thống báo động vừa mới xảy ra từ năm ngoái. Một số phương tiện dùng vào việc khuếch đại hình ảnh và những dụng cụ được thiết kế đặc biệt đã được lắp đặt tại nhiều vùng miền khác nhau trên thế giới với mục đích khám phá những tiểu hành tinh và sao chổi có quỹ đạo gần Trái Đất. Và các nhà thiên văn học đã phát hiện hơn bốn mươi tiểu hành tinh sẽ vô tình áp sát Trái Đất tại một điểm nào đó trong quỹ đạo của nó. Nhưng những tính toán chi tiết cho thấy tất cả những tiểu hành tinh này đều lệch mục tiêu, chỉ trượt qua bên lề Trái Đất trong những năm sắp đến”.

“Họ có biết vụ đến gần của sao chổi thứ nhì”, Loren nói với vẻ lo lắng, “và đưa ra bất kỳ lời cảnh báo nào về sự đe dọa đó không?”

“Không, ông Friend nói. “Dù những nhà thiên văn học đầu tiên ý giữ kín những tin tức thuộc loại bí mật như thế trong bốn mươi tám giờ cho tới khi những định hướng bằng máy vi tính có thể xác định về một vụ va đụng sắp xảy ra. Chỉ khi nào họ biết sự va đụng chắc chắn sẽ xảy ra thì sự kiện mới được công bố”.

“Vậy những gì ông đang nói...” Yaeger nói.

“Là không có gì khẩn cấp cả”.

Pitt nhìn ông Friend, “Xin ông tiếp tục”.

“Sự cố bảy ngàn năm trước Công nguyên”, ông Friend giải thích, “là chuyện chỉ xảy ra một lần trong một triệu lần không xảy ra. Sao chổi đã đâm vào Trái Đất và sao chổi sẽ đến và sẽ trượt đi trong vài ngày sắp tới không phải là hai chị em sinh đôi. Chúng là những vật thể riêng lẻ trong những quỹ đạo khác nhau tình cờ đi qua những lối đi của Trái Đất hầu như cùng lúc. Đó là một sự trùng hợp bất ngờ, chẳng còn gì khác”.

“Sao chổi thứ nhì sẽ đến sớm chứ?” Pitt hỏi, giọng mỗi mết.

Ông Friend suy nghĩ một lúc rồi nói, “Suy đoán tốt nhất của chúng tôi là nó sẽ bay cách chúng ta hơn tám trăm ngàn dặm, trong mười ngàn năm nữa”.

Một sự im lặng kỳ cục kéo dài thật lâu, trong lúc mọi người hầu như choáng váng đến đông cứng vì lời tuyên bố của Tiến sĩ Friend, Pitt chửi thề trong hơi thở của mình. Anh chăm chú nhìn ông tiến sĩ, như thể cố đọc cái gì đó trong đôi mắt nhà thiên văn học, có thể là một thái độ lưỡng lự, nhưng chẳng thấy gì.

"Sao chổi.." anh bắt đầu.

"Tên nó là Baldwin, lấy tên nhà thiên văn học tài tử đã phát hiện nó", ông Friend ngắt lời.

"Ông bảo sao chổi Murphy và sao chổi thứ nhì mà người Amenes đề cập tới chỉ là một à?"

Ông Friend gạt đầu một cách quả quyết, “Không gì nghi ngờ nữa. Những tính toán xác quyết rằng quỹ đạo của nó trùng khớp với sao chổi đã gây thảm họa bảy ngàn năm trước Công nguyên”.

Pitt liếc nhìn ông Sandecker và Pat rồi quay sang ông Friend. “Không nhần lẫn chứ?”

Ông tiến sĩ nhún vai, “Sai số nhần lẫn có thể là hai trăm năm, nhưng chắc chắn không nhiều hơn. Chỉ có một vật thể lớn khác xâm nhập bầu khí quyển Trái Đất được ghi nhận trong lịch sử là vật thể đã san bằng tám trăm dặm vuông tại Siberia. Chỉ tới ngày nay các nhà thiên văn học mới bắt đầu tin rằng, thay vì là một vụ va đụng khủng khiếp, nó thực sự chỉ trượt qua”.

“Chắc chắn bọn Wolf phải thu thập cùng dữ liệu đó”, Loren nói, cô có vẻ bối rối. “Vậy chẳng có lý gì bọn chúng từ bỏ mọi tài sản có giá trị của gia tộc sau khi tiêu tốn nhiều tỉ đô la xây dựng một hạm đội khổng lồ để thoát khỏi một thảm họa mà chúng biết sẽ không xảy ra”.

“Tất cả chúng tôi đều đồng ý với cô”, ông Sandecker nói. “Có thể đó chỉ là vì gia tộc Wolf chẳng là gì khác hơn một lũ vô dụng”.

“Không chỉ gia tộc đó”, Giordino nói, “mà có hai trăm bảy chục ngàn con người nữa đang làm việc cho chúng và mong ngóng về một chuyến hành trình chẳng tới đâu cả”.

“Theo tôi, đi đâu đó nghe chẳng khác gì chuyện thờ cúng vô nghĩa của những kẻ điên rồ”, Loren nói.

“Rất đúng”, Pitt tán đồng. “Khi Al và tôi xâm nhập chiếc tàu siêu hạng đó, chúng tôi nhận ra được lòng trung thành đến độ cuồng tín của

những người trên tàu dành cho mục đích sống sót sau trận hồng thủy”.

“Tôi cũng kết luận như thế”, Pat nói. “Những cuộc đàm thoại của họ mà tôi vô tình nghe được cho thấy họ xem thảm họa sắp tới như là một sự kiện không sao tránh khỏi. Họ chẳng mảy may nghi ngờ gì về thảm họa sẽ quét sạch Trái Đất và họ được giao nhiệm vụ tạo dựng một nền văn minh mới không còn những xấu xa trước kia”.

Giordino nhìn Pat, “Một hồi âm của Noah và chiếc thuyền cứu nạn của ông ta”.

“Nhưng ở một mức độ trầm trọng hơn”, Pitt nhắc.

Ông Sandecker chậm rãi lắc đầu, “Tôi phải thừa nhận toàn bộ tình trạng lập lờng này quả thực hoàn toàn khó hiểu đối với tôi”.

“Dòng họ Wolf chắc chắn phải có một động cơ rất vững chắc”, Pitt nói, trong lúc mọi người im lặng nhìn anh. “Có lẽ không có câu trả lời nào khác. Nếu bọn chúng bị thuyết phục bởi ý nghĩ thế giới văn minh sẽ bị quét sạch và bị chôn vùi vĩnh viễn, chúng phải biết một điều gì đó mà không ai khác trên Trái Đất biết”.

“Tôi có thể bảo đảm với ngài, thưa Đô đốc, rằng thảm họa sẽ không xảy ra trong hệ thống mặt trời. Và hoàn toàn không có chuyện đó xảy ra trong vài ngày tới. Mạng lưới theo dõi của chúng tôi chẳng hề phát hiện những tiểu hành tinh lớn hoặc sao chổi đến bất cứ nơi nào gần quỹ đạo Trái Đất trong tương lai có thể thấy trước, và chắc chắn không trước thế kỷ sắp tới”.

“Vậy cái gì khác có thể gây ra thảm họa như thế? Có cách nào để tiên liệu vở Trái Đất chuyển dịch hoặc một địa cực bị trôi?” Yaeger hỏi ông Friend.

“Trước hết không thể có phương tiện để nghiên cứu một hiện tượng như thế. Những vụ động đất, núi lửa phun trào và sóng thần là những thứ người ta đã chứng kiến và ghi lại. Không hề xảy ra những chuyển dịch của vỏ Trái Đất và hiện tượng trôi địa cực từ khi xuất hiện khoa học về Trái Đất của người Hy Lạp. Vì vậy, chúng ta không có những dữ liệu chắc chắn đủ để đưa ra những tiên liệu về những sự kiện này”.

“Có những điều kiện nào trên Trái Đất có thể làm vở Trái Đất chuyển dịch và các địa cực bị trôi không?” Pitt hỏi.

“Có”, ông Friend từ tốn trả lời. “Có những sức mạnh tự nhiên có thể làm đảo lộn sự thăng bằng của Trái Đất.”

“Chẳng hạn?”

“Một loạt những khối băng trôi cùng một lúc rời khỏi hai địa cực”.

“Có thể như thế sao?”

“Trái Đất giống như cái đầu của một đứa bé khổng lồ hoặc một con quay xoay tròn trên trục của nó trong lúc nó quay không ngừng quanh mặt trời. Và giống như cái đầu, nó không hoàn toàn thẳng bằng, vì các châu lục và địa cực không được bố trí một cách lý tưởng để đạt sự cân bằng hoàn hảo. Vì vậy, Trái Đất lắc lư trong lúc nó xoay tròn. Này nhé, nếu một trong hai cực của Trái Đất phát triển cho tới lúc nó trở nên quá khổ nó sẽ gây ra hiện tượng lắc lư, giống như một bánh xe không thẳng bằng trong chiếc xe của các vị. Lúc đó, nó có thể tạo ra sự chuyển dịch của vỏ Trái Đất hoặc hiện tượng địa cực trôi. Tôi biết có những nhà khoa học khả kính vẫn tin chuyện đó xảy ra một cách bình thường”.

“Cứ bao lâu thì xảy ra?”

“Hầu như mỗi chu kỳ từ sáu tới tám ngàn năm”.

“Lần cuối cùng xảy ra lúc nào?”

“Qua phân tích những lõi cáp điện kéo lên từ đáy biển sâu, các nhà hải dương học đã xác định được thời điểm trôi cực xảy ra chín ngàn năm trước trước, gần đúng niên đại sao chổi va đụng Trái Đất”.

“Vậy ông có thể nói chúng ta phải chấp nhận chuyện đó”, Pitt nói.

“Đúng vậy, không còn cách nào hơn”, ông Friend phác một cử chỉ. “Chúng ta hoàn toàn bất lực. Tất cả những gì chúng ta biết là khi ngày đó tới, hiện tượng lục địa trôi sẽ xảy ra rất đột ngột sẽ không có dấu hiệu cảnh báo nào cả”.

Loren nhìn ông Friend với ánh mắt nặng nề, “Do nguyên nhân nào?”

“Sự hình thành băng tích lũy trên đỉnh Nam cực không phân tán đều. Một bên lục địa nhận nhiều băng hơn bên kia. Hàng năm, trên năm mươi tỉ tấn băng được tích tụ thêm chỉ riêng trong vùng Ross Ice Shelf. Khối lượng băng đó làm tăng độ rung lắc của Trái Đất. Chẳng sớm thì muộn, khi khối băng đó trôi, những địa cực sẽ trôi theo, tạo ra - như Einstein đã tiên liệu - hàng tỉ tấn nước và băng cao hàng ngàn bộ trôi giạt từ hai địa cực về phía đường xích đạo. Bắc Cực sẽ trôi xuống phía nam, và Nam Cực sẽ trôi lên phía bắc. Tất cả các sức mạnh bị buông lỏng do việc lập lại sự va đụng của sao chổi. Sự khác biệt đáng nói là thay vì một thế giới với khoảng một triệu người như chín ngàn năm trước, thì nay chúng ta đang chứng kiến một thế giới với bảy tỉ người sẽ bị tiêu diệt. New York, Tokyo, Sydney, Los Angeles sẽ hoàn toàn bị nhấn chìm, trong lúc những thành phố nằm xa

trong đất liền đều bị san bằng với mặt đất và biến mất. Chỉ còn sót lại một phần nhỏ, nơi có vài triệu người sinh sống”.

“Và nếu vùng Ross Ice Shelf đột ngột tách rời khỏi phần còn lại của lục địa và trôi ra biển thì sao?” Pitt đặt vấn đề với ông Friend, mặc câu hỏi bị bỏ lửng.

Nét mặt ông Friend trở nên u ám. “Đó là một sự cố chúng tôi đã xem xét tới. Một chuyển động dữ dội như thế chắc chắn sẽ tạo ra sự mất cân bằng rộng khắp đủ để làm trôi một địa cực”.

“Ông ước tính nếu nó trôi đi sáu mươi dặm phải mất bao lâu?”

Ông Friend nghĩ một lúc rồi nói. “Nếu tính cả sức quét của những dòng chảy trong khu vực đó của Nam Cực, tôi có thể nói thời gian đó không dài hơn ba mươi sáu giờ”.

“Không có cách gì chặn đứng hiện tượng trôi đó sao?” Loren hỏi.

“Tôi không thấy giải pháp nào”, ông Friend lắc đầu. “Không, tôi không tin một ngàn trái bom nguyên tử có thể làm tan chảy một lượng băng đủ để tạo ra biến động đó. Nhưng, xin nhớ rằng tất cả những đi đầu này chỉ là lý thuyết. Liệu có yếu tố nào khác có khả năng làm cho một địa cực trôi ra biển không?”

Pitt nhìn ông Sandecker và ông già nhìn trả. Cả hai người đàn ông cùng hình dung ra cơn ác mộng như nhau, và cả hai người đọc được ý nghĩ của nhau. Ánh mắt Pitt chuyển sang Loren.

“Những phương tiện về kỹ thuật nano của bọn Wolf đã tiến tới khả năng sản xuất các khoáng chất từ nước biển. Khối băng Ross Ice Shelf kéo dài tới đâu nhỉ?”

Đôi mắt Loren mở lớn, “Rất rộng, anh không tưởng tượng...”

“Tới đâu?”

Sau cùng, cô hít vào một hơi thật sâu, “tới tận những miền thảo mộc bắt đầu xuất hiện”.

Pitt dần chú ý vào ông Friend, “ông có thể cho biết kích thước khối băng Ross Ice Shelf, thưa Tiến sĩ?”

“Nó cực lớn”, ông Friend duỗi hai cánh tay ra để trả lời. “Tôi không thể nói với ông kích thước chính xác của nó. Theo tất cả những gì tôi biết thì nó là khối băng trôi lớn nhất trên địa cầu”.

“Cho tôi ít phút”, Yaeger nói vừa mở cái nắp máy vi tính và bắt đầu gõ trên bàn phím. Mọi người ngẩng im lặng nhìn trong lúc Yaeger nối mạng máy vi tính của anh với mạng lưới của Tổng hành dinh NUMA. Chỉ trong

vài phút anh đã đọc những dữ liệu trên máy vi tính của mình, “ước tính khối băng này rộng tới hai trăm mười ngàn dặm vuông, bằng diện tích bang Texas. Chu vi của nó, không tính vành đai tiếp xúc với nước biển, gần một ngàn bốn trăm dặm. Bề dày của nó từ một ngàn một trăm đến hai ngàn ba trăm bộ. Các nhà khoa học về băng gọi nó là một bè băng khổng lồ”. Yaeger ngẩng những gương mặt đã tiếp thu thông báo của anh. “Tất nhiên có cả một núi thông tin về khối băng này, nhưng những số liệu vừa rồi là cơ bản”.

“Làm sao sức người”, Pat hỏi, “có thể buộc một khối băng rộng hơn hai trăm mười ngàn dặm vuông tách ra và trôi đi chứ?”

“Tôi chẳng có đầu mối nào dù là mù mờ nhất”, Pitt nói. “Nhưng tôi dám cá là kế hoạch mà bọn Wolf dự trù sẽ được thực hiện chính là chuyện đó”.

“Lạy Chúa”, ông Friend lầm bầm, “Không sao tưởng tượng nổi”.

“Những chi tiết vừa rồi đã xuất hiện cả rồi đấy”, Giordino nói.

“Bằng mọi giá, chúng dự tính tách rời khối băng đó khỏi đất liền và đưa nó ra biển, làm đảo lộn chuyển động quay tròn của Trái Đất và làm tăng tốc độ lắc lư của nó. Một khi tình trạng mất quân bình đạt tới giai đoạn đỉnh, thì sự trôi địa cực và sự dịch chuyển của vỏ Trái Đất sẽ xảy ra. Sau đó, những tàu siêu hạng của bọn Wolf, vẫn sống sót sau những đợt sóng thần khủng khiếp bị quét ra biển. Ở đó, chúng bị trôi giạt trước khi đi quanh thế giới đã biến dạng trong nhiều năm cho tới lúc sự xáo trộn chấm dứt. Khi đã thỏa mãn vì Trái Đất vẫn còn đi đầu kiện sống, chúng sẽ lên bờ và thiết lập một trật tự mới là Đế Tứ Đế quốc, trên những cái xác của bảy tỉ con người cùng với sự hủy diệt của vô số động vật và sinh vật biển”.

Mọi người đang ngẩn trong chiếc xe tải như bị đâm thật mạnh, nét mặt họ lộ rõ sự ghê tởm và tuyệt vọng. Không ai có thể hình dung một cảnh tượng khủng khiếp như vậy. Không ai có thể chấp nhận một hành động phi nhân như vậy.

“Chúa phù hộ chúng ta”, Loren nói khẽ.

Pitt nhìn ông Sandecker, “Ngài phải thông báo cho Tổng thống”.

“Tôi đã báo cho bộ phận khoa học do Joe Flunn chỉ đạo cập nhật hóa những kết quả đi đầu tra của chúng ta, nhưng cho tới giờ phút này, không ai thêm đếm xỉa tới sự đe dọa đó một cách nghiêm chỉnh”.

“Họ phải nhanh chóng xem xét lại sự việc mới kịp”, Giordino nói.

“Tốt hơn chúng ta nên suy nghĩ lại sự lựa chọn của chúng ta”, Pitt nói, “và đề ra một kế hoạch hành động khẩn cấp. Chỉ với ba ngày còn lại, chúng ta không có nhiều thì giờ. Chúng ta phải ngăn chặn bọn Wolf làm chuyện điên rồ đó”.

Viên phi công đưa chiếc máy bay của tập đoàn Vận Hội đến gần và đáp xuống đường băng dài trên mặt băng mà không sử dụng đèn báo hiệu. Chiếc Ids này, chiếc cuối cùng trong phi đội đã bán đi, là một máy bay phản lực hai động cơ không mang bất kỳ dấu hiệu nhận dạng nào trên thân, cánh hoặc đuôi của nó. Nó được sơn màu trắng để tiếp màu với bãi đáp chỉ có băng và tuyết. Sau khi đáp, nó ung dung chạy về phía một vách băng thẳng đứng ngay dưới chân một ngọn núi phủ tuyết.

Khi chiếc máy bay còn cách không tới hai trăm mét là sẽ đâm vào vách núi thì vách băng dựng đứng dịch sang một bên, để lộ ra một hang động rộng lớn trong lòng núi. Viên phi công thông thả kéo cần tiết lưu lùi về phía sau, cho máy bay dừng lại ngay giữa hang, do những lao động nô lệ đục núi tạo thành từ gần sáu mươi năm trước. Những động cơ phản lực gừ gừ như tiếng mèo kêu một lúc trước khi những tuốc bin của chúng giảm vòng quay từ từ dừng lại. Phía sau nó, cánh cửa băng kèn càng đóng lại trên những bánh xe cao su vững chắc.

Đã có hai chiếc máy bay khác đậu trong hầm chứa máy bay. Đó là hai phiên bản thuộc công nghệ quân sự A 340-300 của hãng Airbus. Một chiếc có khả năng chứa 295 hành khách và 20 tấn hàng hóa. Chiếc kia được chế tạo hoàn toàn dùng để chở hàng. Cả hai được những nhân viên bảo quản kiểm tra động cơ và đổ đầy nhiên liệu để vận chuyển những thành viên và nhân viên trong gia tộc Wolf an toàn tới những chiếc tàu không lồ đang đợi họ trong vịnh Chi Lê.

Hầm chứa máy bay hoạt động như một tổ ong làm việc lặng lẽ. Công nhân trong những bộ đồng phục nhiều màu khác nhau im lặng di chuyển, nói chuyện rất nhỏ, trong lúc họ đóng những cỗ vật và tài sản của người Amenes vào những thùng gỗ, cùng với những cửa cải và đồ vật mỹ thuật cướp được từ những kho tàng trong Thế Chiến II và những di vật thiêng liêng của Đế Tam Quốc xã Đức, tất cả đều sẵn sàng để được đưa tới tàu Ulrish Wolf.

Năm chục người trong bộ đồng phục an ninh màu đen của Tập đoàn Vận Hội đứng canh gác trong lúc Karl Wolf cùng cô em gái Elsie bước ra khỏi chiếc máy bay. Anh ta mặc chiếc quần trượt tuyết hiệu Alpine và một áo da mịn của Thụy điển bên trong lót lông thú. Elsie mặc một bộ đồ trượt tuyết áo liền quần bên trong cái áo khoác lông thú dài tới gối.

Gã đàn ông chỉ huy kế hoạch vận chuyển đang đợi tại chân thang máy bay lúc họ bước xuống đất.

“Chào anh họ Karl và chị họ Elsie, chúng tôi rất vinh hạnh đón tiếp hai người”.

“Chào chú em họ Horst”, Karl vui vẻ nói. “Tôi cảm thấy có bốn phận phải kiểm tra hệ thống chuẩn bị ngày tận thế vào công đoạn chót”.

“Chỉ mất một giờ bay thôi mà”, Elsie hãnh diện nói thêm.

“Vụ sơ tán thế nào rồi?” Karl hỏi.

“Hàng hóa và hành khách được dự tính sẽ đến tàu Ulrish Wolf mười giờ trước khi xảy ra thảm họa”, Horst trấn an anh ta.

Sau đó, em trai Hugo và em gái Blondi bước tới để chào đón họ. Họ ôm hôn nhau.

“Chúc mừng trở lại Valhalla”, Blondi nói.

“Những bận rộn khác đã buộc căng anh lâu quá”, Karl nói.

Hugo, kẻ chỉ huy lực lượng an ninh của gia tộc, chỉ tay về phía một chiếc xe nhỏ chạy bằng điện, một trong những phương tiện chuyên chở tiện lợi, hoạt động bằng những bình phát điện nhằm tránh việc làm ô nhiễm không khí bởi chất carbon monoxide. “Bọn em sẽ đưa anh và chị tới trung tâm kiểm soát, ở đó anh chị có thể tự tìm hiểu, chúng ta sẽ bắt đầu ngày cuối cùng của thế giới như thế nào”.

“Sau khi anh thanh tra những nhân viên an ninh của chú đã”, Karl nói. Theo sau Elsie, anh ta đi dọc theo những nhân viên an ninh trong đồng phục đen đang đứng thành một hàng dọc, với những khẩu súng lục P-10 tự động đeo ngang hông và những khẩu tiểu liên Bushmaster M17S lủng lẳng trên vai. Thỉnh thoảng anh ta dừng lại và hỏi một nhân viên an ninh về quốc tịch và ngành quân đội y đã hoạt động. Khi tới cuối hàng, anh ta gật đầu hài lòng.

“Toàn những người khá. Chú được việc lắm, Hugo. Có vẻ như họ đủ khả năng xâm nhập bất kỳ nơi nào”.

“Họ được lệnh hạ sát bất cứ kẻ nào lén lút vào địa phận của chúng ta”.

“Tôi hy vọng họ hành động hiệu quả hơn bọn người của chú Erich trong khu đóng tàu”.

“Họ sẽ không thất bại trong giai đoạn cuối này đâu”. Hugo quả quyết. “Em xin hứa, thưa anh”.

“Không có dấu hiệu bị xâm nhập chứ?”

“Hoàn toàn không”, Blondi trả lời. “Đơn vị đi đầu tra kiểm soát của chúng ta không hề phát hiện có hoạt động nào trong vòng một trăm năm mươi dặm quanh khu vực này”.

Elsie nhìn cô ta, “Một trăm năm mươi dặm xem ra đâu có xa”.

“Đó là khoảng cách từ Tiểu châu Mỹ số Sáu, trạm nghiên cứu Yankee tại Nam Cực. Từ khi xây dựng trạm, chẳng thấy ai quan tâm đến chiến dịch của chúng ta. Việc quan sát trên không có thể phát hiện bất kỳ ý đồ dòm ngó nào đến khu khai mỏ của chúng ta”.

“Mọi việc xem ra có vẻ yên tĩnh đối với người Mỹ”, Hugo phụ họa. “Họ sẽ không gây phiền nhiễu đâu”.

“Chưa chắc”, Karl nói. “Cứ thận trọng để mắt tới bọn chúng. Tôi sợ rằng bọn tình báo của chúng có thể đã đánh hơi bí mật của chúng ta”.

“Mọi nỗ lực chặn đứng chúng ta”, Hugo nói với giọng tin tưởng, “đều sẽ quá trễ. Đế Tứ Đế quốc chắc chắn sẽ ra đời”.

“Tôi thật tâm cầu nguyện sẽ được như thế”, Karl nói và bước vào chiếc xe trước mặt những người phụ nữ. Anh ta không có thói quen cư xử lịch sự với phụ nữ từ khi tốt nghiệp tại một trường cũ của người Đức, ở đó người ta không bao giờ nhượng bộ các bà.

Tài xế chiếc xe chạy điện lái xe rời khỏi hầm chứa máy bay và vào một đường hầm. Sau khi đi được một phần tư dặm, họ vào một hầm băng rộng khác bao quanh một cảng nhỏ với một xưởng đóng tàu nổi, trồi lên thụt xuống theo thủy triều từ biển Ross. Đường hầm có mái cao chạy từ trong cảng theo một đường cong ra tới biển, cho phép những tàu lớn ra vào trong lúc những vách băng che khuất mọi tầm nhìn từ bên ngoài. Ánh sáng tỏa ra khắp nơi từ những trụ đèn cố định, mỗi trụ có hàng tá bóng đèn cao áp. Bốn tàu ngầm và một tàu chở hàng nhỏ được buộc bên cạnh những xưởng đóng tàu. Trong cảng không một bóng người. Những cần trục hàng đứng không, cùng với một đội xe tải nhỏ và các thiết bị. Không thấy một bóng người xuất hiện trong xưởng đóng tàu hoặc trên những chiếc tàu. Như thể những đoàn thủy thủ của chúng đã đi khỏi và không bao giờ quay lại.

“Thật xót xa khi những tàu ngầm này đã từng phục vụ chúng ta thật hiệu quả trong chừng ấy năm lại sắp bị hư nát”, Elsie nói với vẻ tiếc nuối.

“Có lẽ chúng sẽ sống sót”, Biondi an ủi cô ta.

Hugo mỉm cười. “Khi thời điểm tới, chính tôi sẽ trở lại Valhalla để xem chúng như thế nào. Chúng xứng đáng được đưa vào thánh đường vì những cống hiến dành cho Đế Tứ Đế quốc”.

Đường hầm cũ chạy dài chín dặm qua khối băng giữa xưởng đóng tàu cuối cùng kín đáo, hầm chứa máy bay và sau đó tới cơ xưởng khai thác mỏ dưới biển cũng được khai quật bởi những nô lệ lao động đến từ khối Liên Xô cũ. Những xác chết được băng bảo quản giờ đây đông cứng trong một nấm mồ khổng lồ trên kệ băng. Từ năm 1985, đường hầm được mở rộng và liên tục bị băng trôi làm nghẽn.

Trong giai đoạn đầu, những nỗ lực khai thác các khoáng sản có giá trị từ biển đã tỏ ra thất bại thảm hại, nhưng với cuộc cách mạng của kỹ thuật siêu nhỏ nano do Erie Drexler đi tiên phong tại California cùng với vợ ông ta là Chris Peterson, Tập đoàn Vận Hội đã ném những khoản tiền kêch sù và nhiều tài nguyên vào một dự án nhằm kiểm soát cấu trúc của vật chất. Bằng cách sắp xếp lại những nguyên tử và chế tạo những bộ máy cực nhỏ, chúng đã hoàn toàn thành công. Thậm chí những bộ máy phân tử có thể sản xuất một thân cây từ một vết xước. Tuy nhiên, dòng họ Wolf đã rất nỗ lực khai thác những khoáng sản quý như vàng từ nước biển, một tiến trình họ đã hoàn thành và đang tiếp tục tinh luyện cho tới khi sản xuất được một ngàn ounce mỗi ngày từ nước biển Ross, cùng với bạch kim, bạc và nhiều nguyên tố quý hiếm khác. Không như quặng mỏ lấy từ lòng đất rồi trải qua quá trình nghiền nát và sử dụng hóa chất rất tốn kém, những khoáng chất vừa lấy từ biển hầu như đã ở dạng tinh chất.

Khu trung tâm tinh chế khoáng chất từ biển của Tập đoàn Vận Hội là một kiến trúc hình vòm đồ sộ bên trong trông giống như một phòng kiểm soát kêch sù của trung tâm vũ trụ NASA. Những bộ phận điều khiển được vận hành bởi ba mươi nhà khoa học và kỹ sư sử dụng những máy điện toán thuộc kỹ thuật siêu nhỏ nano để khai mỏ. Nhưng hôm nay, tất cả hoạt động khai thác các kim loại quý hiếm từ biển đều ngừng hoạt động, và tất cả thành viên và nhân viên của dòng họ Wolf đều tập trung nỗ lực vào việc khởi sự chế rời khối băng khổng lồ.

Karl Wolf bước vào căn phòng rộng thênh thang và dừng lại trước một bảng điều khiển khổng lồ bằng điện tử. Giữa phòng có treo một tấm

bản đồ lớn của khối băng Ross Ice Shelf. Chung quanh khối băng là một hệ thống ống tròn trông giống những bóng đèn huỳnh quang để phân biệt khối băng với đất liền. Hệ thống ống tròn trải rộng từ khu khai mỏ quanh khối băng và kết thúc tại mép đối diện cho thấy chiều dài thực tế của khối băng là ba trăm dặm được minh họa bằng màu lục. Khu vực từ nơi màu lục chấm dứt được tiếp tục với màu đỏ đến tận mép biển.

“Vùng màu đỏ chưa được lập trình phải không?” Karl hỏi viên kỹ sư trưởng Jurgen Holtz, ông ta gật đầu.

“Vâng, đúng thế”. Holtz đưa một bàn tay lên chỉ vào bảng kiểm soát, “chúng tôi đang trong quá trình lắp đặt những thiết bị kiểm soát các phân tử và sẽ tiếp tục lập trình bốn trăm dặm cho tới cuối đường hẻm sát biển”.

Karl quan sát dòng chữ và những con số màu đỏ liên tục thay đổi trên bảng báo bằng kỹ thuật số chung quanh bản đồ. “Lúc nào sẽ là thời điểm quyết định?”

“Tiến trình cuối cùng để chế rời khối băng được quyết định trong sáu giờ nữa...” Holtz dừng lại để nhìn lên một dãy số báo hiệu thời gian còn lại cho tới lúc hành động, “Hai mươi hai phút và bốn mươi giây kể từ lúc này”.

“Có bất kỳ vấn đề gì có thể gây chậm trễ không?”

“Theo chỗ chúng tôi biết thì không. Tất cả thủ tục đã được lập trình và hệ thống yểm trợ cũng đã được kiểm tra và đi đầu chỉnh cả chục lần rồi. Chúng tôi chỉ còn phải tìm tòi bất kỳ dấu hiệu nào nhỏ nhất có thể gây ra trục trặc thôi”.

“Đúng là một kỳ công về việc trang bị máy móc”, Karl bình thản nói trong lúc theo dõi tấm bản đồ. “Đáng tiếc là thế giới này sẽ chẳng biết đến sự tồn tại của nó nữa”.

“Thực sự là một kỳ công” Holtz phụ họa, “đục một đường hẻm có đường kính mười bộ dài tới một ngàn bốn trăm dặm qua băng chỉ trong hai tháng”.

“Sự tin cậy dành cho ông và những kỹ sư của ông, những người đã thiết kế và tạo ra bộ máy phân tử để khoan đường hẻm”, Elsie nói và chỉ vào một tấm ảnh lớn trên một bức vách. Tấm ảnh cho thấy một máy khoan dài một trăm bộ với một lưỡi khoan đồ sộ, một máng dẫn băng vụn đủ để chuyển chúng về phía sau máy khoan và đổ ra biển. Khi máy khoan hoạt động hết công suất, mũi khoan có thể xuyên năm mươi dặm qua băng trong

hăm bốn giờ. Sau khi hoàn tất nhiệm vụ của nó, lúc này bộ máy khổng lồ nằm yên một đồng bên ngoài khu vực khai mỏ.

“Có lẽ sau khi băng tan, chúng ta lại sẽ có dịp sử dụng máy khoan để khoan đá ngầm trong đất”, Karl nói với vẻ suy nghĩ.

“Anh nghĩ băng sẽ tan chảy?” Elsie có vẻ bối rối.

“Nếu những tính toán của chúng ta đúng chín mươi lăm phần trăm, vùng này của Nam Cực sẽ kéo dài một ngàn tám trăm dặm về phía bắc sẽ không còn nữa sau khi xảy ra thảm họa khoảng hai tháng”.

“Em không bao giờ hoàn toàn hiểu được bằng cách nào tất cả khối băng này sẽ bị tách rời khỏi lục địa Nam Cực và bị đẩy ra biển”, Elsie nói.

Karl mỉm cười, “anh quên mất em đã là nhân viên thu thập tình báo tại Washington trong ba năm qua, và không được cung cấp những thông tin chi tiết về dự án Vahalla”.

Holtz đưa tay chỉ vào tấm băng khổng lồ “chỉ đơn giản thôi, thưa cô Wolf, máy điện toán siêu nhỏ của chúng ta đã thiết kế rất nhiều những máy phiên bản phân tử. Đến phiên những máy này lại thiết kế nhiều triệu bộ máy siêu nhỏ khác để làm tan băng”.

Elsie có vẻ đã hiểu. “Nói cách khác. Những máy phiên bản này, bằng kỹ thuật siêu nhỏ, có thể tạo ra những máy móc có khả năng sản xuất hầu hết mọi vật”.

“Đó chính là ưu thế của kỹ thuật siêu nhỏ nano”, Holtz trả lời, “Những máy phiên bản này có thể tạo ra chính nó chỉ trong vài phút. Không đầy hăm bốn giờ, hàng tấn bộ máy phiên bản vận chuyển hàng tỉ tỉ nguyên tử đi các nơi để khoan những lỗ vào trong khối băng về phía trên và phía dưới đường hằn đến sáu inch mỗi bên. Một khi những ống băng được khoan tới một độ sâu đã định trước, máy điện toán nano sẽ dừng tất cả mọi sự xâm nhập. Trong mười sáu giờ, các nhà thiên thể học đã tính trước đó là lúc sẽ có một trận gió cực mạnh từ bờ thổi ra, kết hợp với dòng chảy của nước biển, đó là tín hiệu để cho các bộ máy tái hoạt động. Lúc đó chúng sẽ kết thúc công việc tách rời khối băng khỏi địa cực và để mặc nó trôi ra biển”.

“Diễn tiến đó phải mất bao lâu?” Elsie hỏi

“Chưa tới hai tiếng đồng hồ”, Holtz đáp.

“Vậy là mười giờ sau khi khối băng vỡ lần chót”, Karl giải thích, “sức nặng bị đổi chỗ của khối băng Ross Ice Shelf sẽ di chuyển khỏi lục địa đó để làm cho sự thăng bằng xoay tròn của Trái Đất tạo ra sự trôi địa cực

cùng nhịp nhàng với hiện tượng vỏ Trái Đất thay đổi vị trí, và hỗn loạn xảy ra hủy diệt sự sống trên địa cầu”.

“Và một thế giới mới được định hình theo hình ảnh chúng ta tạo ra”, Elsie nói với vẻ đắc thắng.

Một gã trong bộ đồng phục đen của nhân viên an ninh từ một văn phòng lao ra và chạy về phía đám đông, “Thưa ngài, hă nói với Karl và đưa cho anh ta một mảnh giấy.

Gương mặt Karl tối sầm mất một lúc trước khi chuyển sang trạng thái ngĩ ngợi.

“Chuyện gì vậy?” Elsie hỏi.

“Một báo cáo của Hugo”, Karl chậm rãi trả lời. “hình như có một máy bay không rõ xuất xứ từ biển Amundsen đang đến gần và từ chối không trả lời các tín hiệu của chúng ta”.

“Có lẽ đó là một máy bay cung cấp vật tư cho trạm băng tại Little America”, Holtz nói. “Không liên quan tới chúng ta. Cứ mỗi một ngày, nó lại đến rồi đi”.

“Lúc nào nó cũng bay ngang Valhalla chứ?” Karl hỏi.

“Không trực tiếp, nó chỉ đến gần, cách vài dặm trong lúc đáp xuống trạm băng”.

Karl quay sang gã nhân viên an ninh vừa mang thông điệp tới. “Cậu bảo em trai tôi theo dõi thật kỹ chiếc máy bay đang đến gần. Nếu nó bay lệch hướng bay bình thường nó vẫn bay tới trạm Little America thì phải báo tôi ngay”.

“Anh không yên tâm à?” Elsie hỏi.

Karl nhìn cô ta, trên mặt lộ vẻ suy nghĩ, “Không phải không an tâm, chỉ thận trọng thôi. Anh không tin bọn Mỹ”.

“Nước Mỹ cách chúng ta quá xa”, Elsie nói. “Phải mất hơn hăm bốn giờ để tập trung một lực lượng tấn công tại Mỹ và phải bay trên mười ngàn dặm để tới vịnh Okuma”.

“Tuy vậy”, Karl kiên nhẫn giải thích, “vẫn phải cảnh giác”, anh ta nhìn sang Holtz. “Nếu bị trục trặc, liệu tín hiệu để chế ròi khối băng có thể xảy ra sớm không?”

“Không, nếu chúng ta muốn tuyệt đối thành công”, Holtz khẳng định. “Thời khắc giữ vai trò quyết định. Chúng ta phải đợi đúng lúc trước khi đỉnh điểm của thủy triều làm hoạt động những bộ máy phá băng. Sau đó thủy triều sẽ đưa khối băng khổng lồ bị tách rời ra biển”.

“Vậy thì có vẻ như chẳng có gì khiến chúng ta phải lo sợ”, Elsie tỏ ra lạc quan.

Karl hạ thấp giọng, nói thông thả và dịu dàng, “Anh hi vọng em nói đúng, em gái yêu mến”.

Đúng lúc đó, một nhân viên an ninh khác chạy lại và đưa cho Karl một thông điệp của Hugo. Anh ta đọc, nhìn lên và mỉm cười yếu ớt. “Hugo bảo chiếc máy bay chở trang thiết bị đang bay trong hành trình bình thường của nó, cách vành đai của chúng ta mười dặm và ở độ cao ba mươi lăm ngàn bộ”

“Với độ cao đó, không thể thả xuống một toán tấn công”, Holtz nói “Không có quốc gia nào trên Trái Đất dám bắn tên lửa vào khu vực này, nếu các bộ phận tình báo của chúng không nắm rõ chiến dịch của chúng ta. Và không có chuyện đó đâu. Lực lượng an ninh của Hugo đã đánh lạc hướng và khóa hết mọi lối dò la từ bên ngoài nhắm vào Valhalla”.

“Đánh lạc hướng và khóa hết mọi lối dò la”, Karl lặp lại. Nhưng anh ta không hoàn toàn tin tưởng. Anh ta nhớ lại gã đàn ông đã gây rắc rối khủng khiếp cho gia tộc Wolf, và không thể không tự hỏi chuyện đó có lại xảy ra không.

Dưới bầu trời dày đặc những đám mây, một máy bay phản lực hành động của NUMA đáp xuống trên một đường băng rồi chạy về phía một tòa nhà hình vòm và dừng lại. Little America V là trạm thứ năm trong một dãy những trạm băng của Hoa Kỳ mang tên này từ khi Đô đốc Byrd thiết lập trạm thứ nhất năm 1928. Một khi đã được xác định vị trí cách mép khối băng Ross Ice Shelf nhiều dặm, gần vịnh Kaynan, lúc đó nó chỉ cách biển một quãng ngắn. Căn cứ này phục vụ như một trạm cuối trên con đường băng dài sáu trăm ba mươi dặm dẫn tới trại đồn trú Byrd Surface trên Cao nguyên Rockefeller.

Một người đàn ông trong chiếc áo khoác bằng da của người Eskimo màu lục sáng và cái nón trùm đầu bằng lông thú, tháo cái kính râm xuống và mỉm cười lúc Pitt mở cánh cửa dành cho hành khách và bước ra khỏi máy bay.

“Ông là Pitt hay Giordino?” Ông ta hỏi, giọng rộn ràng.

“Tôi là Pitt. Còn ông là Frank Cash, trưởng trạm băng này phải không?”

Ông Cash chỉ gật đầu. “Không ngờ các ông đến sớm đến những hai giờ”.

“Chúng tôi rất vội”.

Pitt quay lại lúc Giordino đóng cửa máy bay và đi về phía họ. Giordino tự giới thiệu rồi nói. “Cám ơn ông phải làm việc với chúng tôi trong một thời gian chuẩn bị rất ngắn, nhưng đây là một vấn đề hết sức khẩn cấp”.

“Tôi không có lý do gì để nghi ngờ các ông”, ông Cash nói. “Thậm chí dù tôi không được nhận bất kỳ chỉ dẫn nào từ cấp thẩm quyền cao hơn”.

Không tham gia vào lực lượng tấn công đặc biệt được thành lập để đột kích vành đai của bọn Wolf để chặn đứng thảm họa chúng sẽ gây ra, Đô đốc Sandecker chỉ ra lệnh họ phải ở lại Buenos Aires để tránh nguy hiểm. Nhưng lý lẽ của Pitt là anh và Giordino phải giữ vai trò chính trong vụ đột kích, vì chính họ đã khám phá sự thật khủng khiếp đằng sau thảm họa nhân tạo, và biết rõ về bọn Wolf và chiến thuật an ninh của chúng hơn bất kỳ ai khác. Và, vì họ đã có mặt tại Buenos Aires, nghĩa là họ chỉ cách nơi sẽ xảy ra đụng độ gần hơn năm ngàn dặm so với Washington, nên họ có thể tới nơi sớm hơn lực lượng tấn công, và dò la vành đai của bọn Wolf.

Lời yêu cầu của Pitt bị bỏ ngoài tai. Cuộc tranh luận giữa cấp cao trong quân đội là Pitt và Giordino không phải là những quân nhân tác chiến chuyên nghiệp được huấn luyện và tạo điều kiện để chiến đấu trong những tình huống nghiêm trọng khác nhau. Trong trường hợp riêng của Đô đốc Sandecker, ông không muốn cho phép những người giỏi nhất của mình tự sát trong vùng hoang vu lạnh lẽo của lục địa băng giá phía nam. Tuy nhiên, Pitt và Giordino đã lấy một chiếc phản lực hành động của NUMA, và thay vì bay về phía Washington theo lệnh, họ lại đổ đầy nhiên liệu và bay tới Nam cực, với hy vọng sẽ xâm nhập vành đai của bọn Wolf bằng ngã sau, dù trong đầu họ thực sự chưa có một kế hoạch nào dù sơ sài nhất để vượt qua sáu mươi dặm băng và tuyết để tới khu vực của chúng, một khi họ đã đáp xuống trạm Little America.

“Chúng ta sẽ nghĩ ra đi đâu gì đó khi tới nơi”, Pitt có vẻ say sưa khi nói như thế.

Và Giordino phụ họa, “Tôi sẽ bám sát cậu, vì chẳng có việc gì hay hơn để làm cả”.

“Xin mời vào trong”, ông Cash nói, “trước khi chúng ta bị biến thành những tượng băng”.

“Nhiệt độ bao nhiêu?” Giordino hỏi.

“Hôm nay khá đẹp trời, lại không có gió. Theo như lúc tôi xem lần cuối là mười lăm độ dưới số không”.

“Ít nhất tôi cũng không phải bỏ đá vào những ly rượu tequila của tôi”, Pitt nói.

Tòa nhà hình vòm, tám mươi phần trăm bị phủ băng, chỉ lộ ra khỏi mặt băng chừng năm bộ. Những khu sinh hoạt và làm việc là một mê cung với vô số phòng và hành lang được đục vào băng. Ông Cash dẫn họ vào phòng ăn gần gian bếp và gọi cho họ một chai vang trắng Gallo nửa gallon, “Không ngon lắm, nhưng nó làm ấm người”, ông ta nói và phì cười.

“Cũng tiện ghi chán”, Giordino nói đùa.

“Tạm thôi”, ông Cash nói với một nụ cười. “Các ông có điên mới bằng lòng cuộc sống ở đây”.

“Vậy sao không tìm một công việc tại một nơi nào đó có khí hậu tốt hơn?” Pitt hỏi - Anh để ý thấy tất cả những người đàn ông anh đã gặp tại trạm đầu để râu ria sẫm soàm và phụ nữ đều không trang điểm và làm tóc.

“Đàn ông và phụ nữ tình nguyện đến làm việc tại những vùng địa cực vì ưa thích chuyện theo đuổi một công việc nguy hiểm là khám phá những điều chưa biết. Một số đến để thoát khỏi những vấn đề tại gia đình, nhưng đa số đều là các nhà khoa học theo đuổi những công trình nghiên cứu về những chuyên môn họ đã chọn mà không quan tâm đến chuyện ăn ở. Sau một năm đã có những người sẵn sàng trở về nhà. Cho tới lúc này, hoặc là họ đã trở nên chán ghét hoặc bắt đầu trải qua ảo giác”.

Pitt nhìn ông Cash. Trong mắt ông ta không có vẻ gì là bị ám ảnh bởi một chuyện gì đó, hoặc ít nhất cũng chưa. “Phải có một sức mạnh tinh thần mới có thể tồn tại lâu dài trong một môi trường buồn tẻ như nơi này”.

“Nó bắt đầu cùng với tuổi tác”, ông Cash giải thích. “Những anh chàng tuổi dưới hăm lăm thì chưa đủ tin cậy, những ông trên bốn mươi lăm lại thiếu khả năng chịu đựng”.

Sau khi kiên nhẫn chờ đợi vài phút, trong lúc Pitt và Giordino ăn gần xong bữa ăn của họ, sau cùng ông Cash hỏi. “Lúc các ông gọi điện cho tôi từ Argentina, có phải tôi đã nghe đúng khi ông nói ông muốn đi ngang qua khối băng dẫn tới Vịnh Okuma?”

Pitt gật đầu, “Điểm đến của chúng tôi là khu khai mỏ của tập đoàn Vận Hội”.

Ông Cash lắc đầu, “Những người này rất kỳ tiếp xúc người lạ. Không một nhà khoa học nào của chúng tôi có thể lọt vào trong vòng mười dặm cách địa điểm của họ trước khi bị những nhân viên an ninh dữ dằn của họ đuổi ra”.

“Chúng tôi chẳng lạ gì bọn đầu gấu ấy”, Giordino nói, có vẻ hả hê sau khi lấp đầy dạ dày.

“Các ông định tới đó bằng cách nào? Ở đây chúng tôi có trục thẳng”.

“Tất cả những gì chúng tôi cần là hai chiếc xe trượt băng vận hành bằng điện”, Pitt nói và nhìn vào mắt ông Cash. Biểu lộ trong mắt người trạm trưởng chẳng khích lệ anh chút nào.

Ông Cash có vẻ không tin tưởng. “Tôi e là các ông đã bay tới đây mà chẳng được gì. Hai trong những chiếc xe trượt băng của chúng tôi đang được sửa chữa, đang đợi phụ tùng được chở tới.

Bốn chiếc còn lại đều được các nhà khoa học sử dụng để khảo sát băng quanh đảo Roosevelt nằm về hướng bắc trạm này”.

“Chùng nào các nhà khoa học của ông trở về?” Pitt hỏi.

“Không trước ba ngày nữa”.

“Ông không còn phương tiện vận chuyển nào khác sao?” Giordino hỏi.

“Một máy ủi và một xe xúc mười tấn”.

“Cái xe xúc thế nào?”

Ông Cash nhún vai. “Một loại xe bánh xích để xúc băng. Chúng tôi đang đợi một bộ phận nữa được chở tới từ Aucland”.

Giordino nhìn bạn mình qua cái bàn. “Thế thì chúng ta chẳng có chọn lựa nào khác ngoài chuyện bay tới đó và hy vọng tìm thấy một chỗ để đáp xuống”.

Pitt lắc đầu. “Chúng tôi không thể liều lĩnh hạ cánh trước họng súng của chúng. Tôi đã hy vọng với cái xe trượt băng chúng ta có thể che giấu tung tích, ta sẽ dừng lại cách khu mỏ của chúng một hoặc hai dặm, sau đó lén vào mà không bị phát hiện”.

“Các ông hành động như thế đây là vấn đề chẳng sống thì chết vậy”, ông Cash nói.

Pitt và Giordino trao đổi ánh mắt với nhau rồi cả hai cùng nhìn người trưởng trạm, trên nét mặt họ lộ rõ cảm giác căng thẳng trầm trọng. “Vâng”, Pitt nghiêm chỉnh nói, “đây là một công việc liên quan tới sự sống chết

không riêng gì của chúng tôi mà còn của rất nhiều người, ông không hình dung nổi đâu”.

“Các ông có thể cho biết tất cả chuyện này là gì không?”

“Không thể”, Giordino bình thản trả lời. “Vả lại, ông không nên biết làm gì. Nó sẽ làm ông hỏng cả ngày hôm nay đấy”.

Ông Cash rút một tách cà phê, nhìn thứ chất lỏng màu tối đó mất một lúc. Rồi ông ta nói “Còn khả năng khác, nhưng có vẻ rất khó khăn”.

Pitt nhìn ông ta chăm chú, “Chúng tôi nghe đây”.

“Chiếc xe thám hiểm băng của Đô đốc Byrd”, ông Cash tiết lộ như thể ông ta đang đọc diễn văn. “Một vật khổng lồ bốn bánh, kèn còi hơn bất kỳ phương tiện vận chuyển nào trong thời đại của nó”.

“Đó là lúc nào”, Giordino tò mò hỏi.

“Năm 1930”, ông ta nín thinh một lúc. “Nó là cảm hứng của Thomas Poulter, một nhà thám hiểm địa cực, đã thiết kế và chế tạo ra một cỗ máy đồ sộ mà ông ta hy vọng nó có thể mang năm người đàn ông và con chó cưng của ông ta đến Nam Cực và trở về. Tôi đoán các ông sẽ gọi nó là một phương tiện vận tải đầu tiên trên thế giới với mục đích giải trí. Chỉ riêng bốn cái vỏ bánh xe cũng đã đạt ba bộ về bề ngang và có đường kính lớn hơn mười bộ, nặng ba mươi bảy tấn khi chất đầy hàng hóa và người. Cứ tin tôi đi, nó là một chiếc xe đúng nghĩa đấy”.

“Nghe thú vị thật”, Pitt nói, “đối với một chiếc xe được thiết kế để đi loanh quanh tại Nam Cực”.

“Nó vậy đấy. Ngoài một cabin đi đầu khiên rộng lớn nhô ra phía trước, nó còn có một phòng làm việc, khu sinh hoạt cho cả năm người và một khoang bếp vừa là phòng tối để rửa phim ảnh. Sau đuôi là một kho chứa hàng với thực phẩm đủ dùng cả năm, vỏ bánh xe dự trữ và đủ nhiên liệu để thực hiện một hành trình dài năm ngàn dặm. Không chỉ thế, nó có thể mang cả một máy bay Beechcraft với những dụng cụ trượt băng trên mũi của nó.

“Một con quỷ cỡ đó chắc phải khỏe lắm?”

“Hai động cơ diesel một trăm năm mươi mã lực kết hợp với bốn mô-tơ kéo bảy mươi lăm mã lực vận hành bằng điện, có thể cung cấp sức mạnh cho cả bốn hoặc chỉ một bánh xe nào đó. Tất cả những bánh xe có thể được chuyển sang nhiệm vụ đeo bám và chuyển hướng đột ngột, thậm chí chúng còn thụt vào khi băng qua một kẽ nứt. Riêng mỗi bánh xe cân nặng đến sáu ngàn cân Anh. Các vỏ xe tới mười hai lớp bố do hãng Goodyear chế tạo”.

“Ông bảo con quỷ khổng lồ này không những còn tồn tại mà còn dùng được ư?” Pitt hỏi, anh có vẻ không tin.

“Ồ, nó vẫn tồn tại mà, nhưng tôi không thể nói nó còn dùng được, hoặc có thể vượt qua sáu mươi dặm trên mặt băng hay không. Sáu mươi dặm có vẻ là một khoảng cách không dài lắm, nhưng sau khi chiếc xe Snow Cruiser đó được chế tạo hoàn chỉnh, nó được đưa lên tàu tới Nam Cực và đổ bộ lên trạm Little America. Tại đây lại xảy ra sự cố. Các động cơ không có vấn đề, nhưng Poulter đã tính toán nhầm về hộp số. Vận tốc tới của chiếc xe

có thể đạt tới ba mươi dặm giờ trên một con đường phẳng nhưng không thể kéo cả cái khối khổng lồ trên băng và tuyết dày, đặc biệt là khi lên dốc. Vì vậy mà nó không dùng được. Vào những năm sau đó, nó bị băng bao phủ rồi bị quên lãng. Người ta luôn nghĩ là một khi khối băng trôi ra biển, chiếc Snow Cruiser cuối cùng sẽ bị mang đi xa và chìm xuống biển sâu khi băng tan”.

“Bây giờ nó đang ở đâu? vẫn bị chôn dưới băng?” Pitt hỏi dồn.

Ông Cash lắc đầu và mỉm cười “Chiếc Snow Cruiser đang ở cách đây chừng hai dặm. Nó nằm sát mép khối băng, hết sức nguy hiểm. Một kỹ sư mỏ, già và giàu có, chợt có ý nghĩ trong đầu là thử tìm và cứu nó xem sao, rồi sau đó đưa nó về Mỹ để triển lãm trong một bảo tàng. Ông ta và toán thủy thủ của mình tìm thấy nó dưới lớp băng dày ba chục bộ, và phải mất ba tuần lễ để đào bới nó ra. Họ làm một cái lều băng chung quanh nó, và tin tức cuối cùng tôi nghe được là nó đã thực sự hoạt động”.

“Tôi tự hỏi liệu họ có cho chúng tôi mượn nó không?”

“Đừng hỏi uống công”, ông Cash nói. “Tôi nghĩ tốt hơn là các ông hãy bán con chó săn chân lùn của mình và chịu khó ăn cải xanh vậy”.

“Chúng tôi sẽ cố thuyết phục”, Pitt nói quả quyết.

“Ông có quần áo Bắc Cực không?”

“Trong máy bay”.

“Tốt nhất hãy mặc chúng vào. Chúng ta phải đi bộ tới nơi có chiếc Snow Cruiser”. Rồi ông Cash có vẻ như bất chợt nhớ ra điều gì. “Trước khi tôi quên, tôi sẽ phái hai nhân viên bảo quản của chúng tôi trùm kín máy bay của các ông và mang lên một máy phát nhiệt để giữ ấm động cơ, nhiên liệu và hệ thống ống nước của nó, và cho quét dọn lớp băng phủ trên thân và cánh của nó. Nếu bỏ mặc một máy bay ở đây suốt tuần, nó sẽ bắt đầu biến mất dưới một đống băng đấy”.

“Ý kiến rất tuyệt”, Giordino tỏ ra biết ơn. “Chúng tôi có thể phải dùng tới nó nếu mọi giải pháp khác đều thất bại”.

“Tôi sẽ đón các ông trở lại đây trong nửa giờ và tôi sẽ đưa các ông tới chỗ chiếc xe”.

“Ai là ông già đã chỉ huy vụ cứu chiếc xe?” Pitt hỏi.

Ông Cash có vẻ thần thờ mất một lúc. “Tôi thực sự cũng không biết. Ông ta là một lão già lập dị đáng nguy hiểm rửa. Toán thủy thủ thường gọi ông ta là Bố già”.

Với ông Cash dẫn đường, họ đi bộ theo một lối đi được đánh dấu bằng những lá cờ màu cam cắm trên băng đã gầy một giờ. Một lúc sau, Pitt đã có thể nhìn thấy những bóng người chuyển động quanh một cái lều màu cam nhỏ hơn dùng cho vùng địa cực. Những bông tuyết đang rơi và tạo thành một tấm chăn mỏng bằng tuyết trên nóc những căn lều. Thật lạ lùng, Nam Cực ít khi có tuyết rơi nặng. Nó là một trong những lục địa khô ráo nhất của Trái Đất và chỉ cách bề mặt chừng vài inch đã là lớp băng cũ.

Hầu như không có gió, nhưng vì không quen với khí hậu lạnh lẽo của vùng cực, Pitt và Giordino cảm thấy cái lạnh khủng khiếp đang thấm qua bộ quần áo chống lạnh của người Eskimo ở Bắc Cực. Mặt trời lấp lánh qua tầng khí ozone, và ánh sáng chói chang vẫn làm lóa mắt họ qua cặp kính râm.

“Quang cảnh thật đẹp và thanh bình”, Pitt nói, vừa đưa mắt nhìn cảnh vật chung quanh. “Không có xe cộ, không sương mù, không tiếng động”.

“Đừng để nó lừa ông”, ông Cash đã trở lại. “Thời tiết có thể thay đổi thành một trận lốc xoáy như trong địa ngục còn nhanh hơn thời gian ông phun một bãi nước bọt. Tôi không thể đếm xuể số ngón tay và ngón chân bị rụng vì tê cóng. Những cái xác đông cứng được tìm thấy trong trạng thái còn nguyên vẹn. Đó là vì bất cứ ai làm việc tại Nam Cực đều được yêu cầu phải chụp ảnh bộ răng bằng tia X và đeo hàm giả để bảo vệ răng. Các ông không bao giờ biết được lúc nào các ông sẽ bỏ xác và được nhận diện đâu”.

“Ghe vậy sao?”

“Những cơn trốt cắt da thịt là những sát thủ khủng khiếp nhất. Nhiều người đang đi bỗng bị trốt từ mọi hướng trên cao chụp xuống và họ chết

cóng trước khi tìm thấy đường trở lại trạm”.

Họ im lặng đi một phần tư dặm cuối cùng, bước trên lớp băng dày. Pitt đã bắt đầu nhận thấy những cảm giác mỗi một hơi bu ồn ngủ và những áp lực của mấy ngày qua. Nhưng ý nghĩ được ngả mình lên giường không hề lãng vãng trong đầu anh. Tuy nhiên, bước chân anh không còn mạnh mẽ như chúng phải thế. Và anh nhận ra Giordino cũng chẳng hơn gì.

Họ đến nơi đóng trại và ngay tức khắc, bước vào căn lều chính. Cái nhìn đầu tiên về phía chiếc xe trượt băng Snow Cruiser làm họ bàng hoàng, chẳng khác gì lúc họ nhìn thấy những chiếc tàu siêu hạng của dòng họ Wolf lần đầu. Những bánh xe và lớp xe xích sù khiến cho những người làm việc quanh đó trông nhỏ hủ đi. Bu ồn lái nằm thẳng hàng với mặt trước bằng phẳng nhô lên chừng mười sáu bộ vào bầu không khí và đung mái lều. Đỉnh cao nhất của chiếc xe phía sau bu ồn lái cao bằng chiếc máy bay Beechcraft. Nó được sơn màu đỏ sáng với một đường vạch ngang màu cam chạy quanh các mép xe.

Âm thanh vang dội họ nghe được lúc đến gần qua khối băng phát ra từ hai cái cửa kéo bằng dây xích do hai công nhân đi đầu khiến xẻ những đường rãnh trên các vỏ bánh xe khổng lồ. Một ông già với mái tóc bạc trắng và bộ râu màu xám đang trông coi những người thợ làm việc. Ông Cash bước thẳng lại phía ông già và vỗ lên vai ông ta để gây chú ý. Ông già quay lại, nhận ra ông Cash và vẫy tay cho mọi người đi theo ông ta. Ông dẫn đường ra khỏi căn lều rồi vào một căn lều khác nhỏ hơn nằm cạnh lều chứa chiếc xe, trong lều có một bếp điện nhỏ. Ông ta mời họ ngồi vào những cái ghế chung quanh cái bàn xếp bằng kim loại.

“Ở đây yên tĩnh hơn”, ông già nói với một nụ cười ấm áp trong lúc đôi mắt màu xanh lục nhìn mọi người.

“Đây là ông Dirk Pitt và Al Giordino của Numa”, ông Cash giới thiệu. “Họ có một nhiệm vụ khẩn cấp và hy vọng ông có thể giúp họ thực hiện nhiệm vụ đó”.

Tên tôi rất kỳ cục, vì vậy, các thủy thủ của tôi-tất cả đều trẻ hơn tôi đến bốn chục tuổi- đều gọi tôi là Bố già”, ông già nói là bắt tay mọi người. “Tôi có thể làm gì cho các ông nào?”

“Chúng ta chưa gặp nhau trước đây chứ?” Pitt hỏi trong lúc quan sát bố già.

“Có thể rồi lắm chứ. Tôi đi hơi nhiều mà”.

“Chiếc xe Snow Cruiser”, Pitt nói, đi thẳng vào yêu cầu của mình, “nó có thể sử dụng trong mọi địa hình ở Nam Cực phải không?”

“Họ tạo nó ra cho mục đích đó mà, nhưng nếu ông nêu câu hỏi này vào sáu chục năm trước, hoặc thậm chí vào tuần lễ trước, tôi sẽ bảo là không. Trên đất khô, nó chứng tỏ là một cỗ máy đáng giá, nhưng trên băng thì nó lại là một thất bại thê thảm. Chỉ do một điều, đó là những lớp xe quá trơn trượt nên chúng quay không có hiệu quả vì không có sự ma sát. Và hộp số bố trí hoàn toàn sai lầm. Lúc lái nó lên một độ dốc không cao lắm cũng chẳng khác gì dùng một chiếc xe tải có rờ moóc chất đầy hàng leo lên dãy núi Rocky Mountains. Động cơ sẽ giật mạnh làm vỡ hộp số. Bằng cách thay đổi hộp số và cắt những đường rãnh trên vỏ bánh xe, chúng tôi cho rằng chúng tôi có thể chứng minh nó có thể đáp ứng sự mong đợi dành cho nó và nó thực sự chinh phục Nam Cực”.

“Chuyện gì sẽ xảy ra nếu nó gặp một kẽ nứt quá lớn để lái nó vượt qua?” Giordino hỏi.

“Thomas Poulter, người đã thiết kế và tạo ra nó, đã có một trí óc sáng tạo phi thường. Những bánh xe và vỏ xe đồ sộ được đặt gần trung tâm chiếc xe, đã tạo ra những khoảng nhô ra rộng về cả hai phía trước và sau xe khoảng mười tám bộ. Những bánh xe có thể thụt vào về phía trên cho tới lúc chúng ngang bằng với mặt dưới thân xe. Khi người lái gặp một khe nứt, anh ta nhấc những bánh xe trước lên. Lúc đó, những bánh xe sau đẩy phần trước chiếc xe vượt qua trên khe nứt. Khi những bánh xe trước đã an toàn ở phía bên kia khe, chúng sẽ được hạ thấp xuống. Cuối cùng, những bánh xe sau lại thụt vào, và những bánh xe trước kéo chiếc xe về mép bên kia. Một hệ thống chuyển động tài tình đã được thực hiện như vậy”.

“Ông tìm thấy ở đâu một hộp số vừa vặn với hộp số cũ?”

“Hộp số, hay bộ phận truyền động, không phải là một cấu trúc duy nhất. Chúng tôi đã phân tích vấn đề và cách thức để gắn nó vào chiếc xe trước khi chúng tôi tới đây. Công ty sản xuất đầu tiên vẫn còn hoạt động kinh doanh, và họ có một kho chứa những phụ tùng cũ của những chiếc tàu bị chìm. Thật may, họ có những hộp số chúng tôi cần”.

“Ông đã chạy thử chiếc xe chưa?” Giordino hỏi.

“Các ông đến vừa đúng lúc”, bố già trả lời. “Trong một giờ nữa, chúng tôi hy vọng sẽ đưa nó ra ngoài chạy thử trên băng lần đầu tiên từ khi nó nằm yên vào năm 1940 để xem nó có thể làm được chuyện gì. Và cũng

thật đúng lúc vì chỉ khoảng hai tuần lễ nữa thôi, tảng băng trôi sẽ vỡ và mang nó ra biển và cuối cùng nó sẽ chìm thôi”.

“Ông dự tính đưa nó về Mỹ bằng cách nào?” Giordino hỏi.

“Tôi đã thuê một chiếc tàu chở hàng nhỏ neo ngoài khơi khối băng. Chúng tôi sẽ lái chiếc xe qua khối băng, lên một cầu thang và lên tàu”.

“Nếu nó đáp ứng sự mong đợi”, Pitt nói, “liệu chúng tôi có thể mượn nó trong hai ngày không?”

Bố già có vẻ sửng sốt. Rồi ông quay lại và nhìn ông Cash, “ông ấy đùa chắc”.

Ông Cash lắc đầu. “Ông ta không đùa đâu. Những vị này đang tuyệt vọng, không biết phải tới khu mỏ của gia đình Wolf bằng cách nào”.

Bố già đưa mắt nhìn Pitt trong lúc anh lại rót đầy ly rượu vang. “Tôi phải nói không. Cho tới lúc tôi hoàn tất công việc, tôi sẽ còn mất hơn ba trăm ngàn đô la để kéo nó ra khỏi khối băng, phục hồi nó để sử dụng được và đưa nó về Viện Bảo tàng Smithsonian tại Washington. Lần đầu tiên, khi tôi nói về giấc mộng cứu chiếc xe, mọi người đều phì cười. Các thủy thủ của tôi và tôi đào bới với những điều kiện thời tiết không thể tưởng tượng được. Đây là một kỳ công, khi đưa được nó trở lại trên mặt băng, và chúng tôi hãnh diện biết chừng nào. Tôi làm sao có thể trao nó cho hai người xa lạ chỉ muốn lái nó dạo chơi trên khối băng chứ?”

“Xin hãy tin tôi”, Pitt khẩn khoản “Chúng tôi không dạo chơi đâu. Nghe có vẻ buồn cười, nhưng chúng tôi đang tìm mọi cách để ngăn chặn một thảm họa rộng khắp địa cầu”.

“Câu trả lời là không!”

Pitt và Giordino trao đổi những ánh mắt lạnh lùng. Rồi Pitt lấy ra một tấm bìa kẹp giấy nhỏ từ túi áo ngực cái áo khoác dùng cho miền Bắc Cực và đẩy nó qua mặt bàn đến chỗ Bố già. “Bên trong, ông sẽ thấy nhiều số điện thoại. Theo thứ tự, chúng kê khai từ Văn phòng Hình Bài Dục của Nhà Trắng, các vị Chủ tịch Quốc hội và Lầu Năm Góc, Giám đốc NUMA và cả ủy ban An ninh của Quốc hội. Ngoài ra còn có những cái tên của những nhân vật quan trọng khác, đầu là những người xác nhận câu chuyện của chúng tôi”.

“Và tôi có thể hỏi câu chuyện của các ông là gì không?”

Vì vậy, Pitt đã kể cho ông già.

Một giờ rưỡi sau, Bố già và toán thủy thủ của ông, cùng với ông Frank Cash đứng và im lặng nhìn chiếc xe khổng lồ màu đỏ phun ra một

đám mây màu đen vào bầu trời trong xanh, rồi nó bò qua mặt băng cứng, hướng về phía đường chân trời.

“Tôi không bao giờ quên được tên của Bố già”, Pitt nói lúc anh ngẩng cái mình trên tay lái, nhìn qua kính chắn gió quan sát khối băng trước mặt trải rộng như một cánh đồng để phát hiện những khe nứt và chướng ngại vật.

Giordino đứng phía sau Pitt trong buồng bản đồ và kiểm soát, đang tham khảo một bản đồ địa hình của vùng băng này. “Cái tên ghi trên một phong bì rơi khỏi túi áo ông ta là <Clive Cussler>”.

“Đúng là một cái tên kỳ cục. Nhưng lại nghe có vẻ thân thiết”.

“Tôi cũng nghĩ thế”, Giordino nói, giọng vô cảm.

“Hy vọng tôi sẽ không lọt vào một bãi mìn khi tôi đã hứa sẽ mang trả Bố già chiếc xe còn nguyên tình trạng như lúc ông già cho chúng ta mượn”.

“Nếu chúng ta tạo ra một vết xước trên chiếc xe, ông ta sẽ gửi hóa đơn cho Đô đốc Sandecker”.

“Cậu tìm ra hướng đi cho tôi chưa?” Pitt hỏi.

“Cái máy định vị của cậu đâu?”

“Vì vội quá tôi quên mất. Và lại nó cũng không có Hệ thống Định vị Địa cầu vào năm 1940”.

“Cứ đi thẳng theo lối này”, Giordino nói và chỉ vu vơ về phía trước mặt.

Pitt nhướn mày, “Đó là chuyện tốt nhất cậu có thể làm à?”

“Chẳng có dụng cụ định hướng nào được chế tạo lại có thể đánh bại mắt người cả”.

“Lý lẽ của cậu hay gớm”.

“Cậu nghĩ phải mất bao lâu để tới đó?” Giordino hỏi.

“Sáu mươi dặm, chúng ta chỉ đi được hai mươi dặm mỗi giờ”, Pitt lầm bầm. “Ba giờ, nếu chúng ta không đâm đầu vào bất kỳ rào cản nào trong băng và phải đi vòng. Tôi chỉ hy vọng chúng ta có thể tới nơi trước đội tấn công. Một vụ tấn công toàn bộ có thể buộc Karl Wolf cho tách rời khối băng trước thời biểu đã định”.

“Tôi có cảm giác dạ dày đau thắt khi nghĩ rằng chưa chắc lần này chúng ta lại may mắn như lúc xâm nhập khu đóng tàu của chúng”.

“Tôi hy vọng cảm giác của cậu sai bét, ông bạn già ơi, vì vô số con người sẽ rất bất hạnh nếu chúng ta thất bại”.

Mặt trời chói chang trên bầu trời trong xanh, cường độ của nó tăng gấp ba lần vì sự phản xạ của mặt băng lúc chiếc xe Snow Cruiser màu đỏ bò qua vùng băng khô ráo như một con bộ ngo ngoe trên một tờ giấy trắng. Bị một màn tuyết che phía trước, nó nhả ra một màn khói màu xanh nhạt từ hai ống thoát khí, uốn éo bay lên cao. Những bánh xe khổng lồ phát ra những âm thanh rào rào khi chúng nghiến nát lớp băng tuyết mỏng trên mặt khối băng, những đường rãnh trên vỏ bánh xe giữ cho nó không bị trượt. Nó di chuyển thật hiệu quả, hầu như hoàn hảo, như người ta muốn nó phải như thế. Chỉ tiếc cho những người đã tạo ra nó nay không còn sống để nhìn thấy nó làm tròn phận sự của mình.

Pitt thoả mái trên ghế ng ồi dành cho người lái, bám chặt tay lái, đưa chiếc Cruiser theo một đường thẳng về phía dãy núi lở mờ hiện ra từ xa nơi đường chân trời. Anh chăm chú nhìn qua cặp kính râm đặc biệt dành cho vùng địa cực. Tuyết làm mờ mắt là một đe dọa đáng sợ nơi khí hậu lạnh lẽo này. Hiện tượng này xảy ra vì màng kết dưới mí mắt bị viêm vì ánh sáng mặt trời và phản ứng lại trước những tia tử ngoại. Bất hạnh cho những người không thể chịu đựng tình trạng này. Họ có cảm giác như có cát rơi vào mắt, tiếp theo là mắt bị mờ đi và kéo dài tình trạng đó từ hai đến bốn ngày.

Tuy nhiên, hiện tượng tê cóng không xảy ra. Những bộ phận sinh nhiệt trong chiếc xe giữ cho ca bin luôn ở nhiệt độ mười sáu, mười bảy độ c. Vấn đề tuy nhỏ nhưng gây bối rối cho Pitt là sương mù không ngớt dày thêm trên những tấm kính chắn gió. Những lỗ thông hơi không đẩy không khí ra ngoài đủ để giữ cho những tấm kính trong trẻo. Trong lúc lái xe, anh chỉ mặc một áo len và đặt cái áo chống lạnh bên cạnh, phòng hờ trường hợp phải đột ngột rời khỏi chiếc xe khi xảy ra tình huống khẩn cấp. Dù thời tiết có vẻ đẹp như thế, nhưng bất kỳ ai đã từng quen với vùng cực đều biết rõ nó có thể bất ngờ thay đổi, làm chết người chỉ trong chốc lát.

Khi thống kê lại, người ta mới biết đã có hơn một trăm năm mươi người chết tại Nam Cực từ khi bắt đầu có việc thám hiểm vùng này. Từ khi một thủy thủ Na Uy trên một chiếc tàu săn cá voi tên là Carstens Borchgrevink trở thành người đầu tiên đặt chân lên bờ lục địa này vào năm 1896, hầu hết những người đến thám hiểm Nam Cực đều đã chết vì lạnh,

như Thuyền trưởng Robert Falcon Scott và toán người của ông ta đã chết công trong lúc trở về sau khi đã đổ bộ Nam Cực. Những người khác bị lạc hoặc đi lung tung không mục đích trước khi chết. Nhiều người chết vì bị rơi máy bay và những tai nạn bất hạnh khác.

Pitt chưa sẵn sàng chết, chắc chắn như thế... nếu anh và Giordino chưa ngăn chặn được bọn Wolf gieo kinh hoàng cho nhân loại. Trong lúc lái chiếc Snow Cruiser, trong đầu anh luôn luôn nghĩ tới chuyện phải đến khu mỏ của chúng càng sớm càng tốt. Thiết bị định vị của anh chẳng có tác dụng gì. Màn ảnh địa hình của nó không hiển thị chính xác vị trí của anh trong phạm vi một ngàn dặm trên địa cực. Vì những vệ tinh nhận và phát những tín hiệu các vị trí địa lý chỉ thuộc về quân đội. Và quân đội lại không có kế hoạch gây chiến tranh tại Nam Cực, nên các vệ tinh không bay theo quỹ đạo bên trên khu vực này của địa cầu.

Anh gọi Giordino lúc đó đang đứng bên dưới, phía sau anh, đang cúi xuống một tấm bản đồ vẽ khu vực Ross Ice Shelf. “Cậu có chỉ dẫn gì cho tôi không?”

“Cứ đi thẳng tới và hướng về phía chóp núi cao nhất trong dãy núi trước mặt. Và phải luôn luôn nhìn thấy biển phía bên trái cậu”.

“Luôn luôn nhìn thấy biển phía bên trái tôi”, Pitt nhắc lại để chọc tức.

“Tốt, chắc chắn chúng ta không muốn chạy ra ngoài và rơi xuống biển, phải không?”

“Vậy chuyện gì sẽ xảy ra nếu sương mù dày thêm và chúng ta không thấy đường?”

“Nếu muốn giữ đúng hướng”, Giordino có vẻ bi quan, “cậu cứ việc sử dụng la bàn. Cậu có những ba trăm sáu mươi cách chọn lựa mà”.

“Tôi chấp nhận cho cậu hành hạ”, Pitt vờ mệt mỏi. “Đầu óc tôi nằm ở nơi khác. Tôi quên mất mọi la bàn đều không hoạt động tại vùng địa cực này, lạ thật”.

“Cậu sẽ không bao giờ gặp hiểm nghèo là cái chắc”.

“Một cách nào đó, hầu hết mọi loại câu hỏi đều vượt quá khả năng nghèo nàn về mặt tinh thần của tôi”. Anh quay sang Giordino và ngoác miệng cười. “Tôi cá là cậu chuyên môn kể những chuyện máu me khủng khiếp cho đám con nít lúc chúng đã lên giường”.

Giordino nhìn Pitt, cố tìm hiểu ý nghĩa câu nói, “Tôi cái gì?”

“Những vách băng dựng tại mép khối băng Ross Ice Shelf cao tới hai trăm bộ trên kia và chìm dưới nước đến chín trăm bộ so với mặt biển. Rơi

từ chóp một vách băng xuống biển sẽ như thế nào nhỉ? Nếu chúng ta lái ra khỏi gờ băng, e rằng ta chẳng đi tới đâu cả”.

“Suy nghĩ hay thật!” Giordino miễn cưỡng nhượng bộ.

“Ngoài chuyện rơi xuống những khe nứt sâu không thấy đáy hoặc bị lạc và chết cồng trong những trận bão tuyết, tình trạng tiến thoái lưỡng nan duy nhất của chúng ta là băng bị vỡ và mang chúng ta ra biển. Lúc đó, tất cả những gì chúng ta có thể làm là ng ồi đợi một đợt sóng thần, do địa cực bị trôi gây ra, quét chúng ta ra khơi”.

“Nói hay quá chừng”, Giordino châm biếm. “Câu chuyện rùng rợn của cậu làm tôi nhớ lại câu chuyện khoa học giả tưởng Mẹ Ngỗng quá chừng”.

“B ầu trời đang tối dần”, Pitt nói, nhìn lên trời qua tấm kính chắn gió.

“Cậu vẫn nghĩ chúng ta sẽ tới nơi đúng giờ chứ?” Giordino hỏi.

Pitt liếc nhìn đồng hồ vận tốc. “Chúng ta đi được hăm một dặm trong giờ vừa qua. Nếu không xảy ra chuyện gì bất thường, chúng ta sẽ tới nơi không đầy hai giờ nữa”.

Họ phải tới nơi đúng giờ. Nếu đội tấn công đặc biệt bị thất bại, thì lúc đó anh và Giordino chính là niềm hy vọng duy nhất, dù có vẻ như chỉ với hai người, họ khó có thể làm nên chuyện gì. Pitt không lạc quan thái quá. Anh biết rõ địa hình trước mặt đầy chướng ngại. Nỗi sợ hãi lớn nhất của anh là băng bị vỡ và những khe nứt bị nhận diện quá trễ. Nếu không liên tục cảnh giác, anh có thể đưa chiếc Snow Cruiser lọt vào một khe nứt sâu và nó sẽ đâm đầu hàng trăm bộ xuống biển Nam cực dưới kia. Cho tới lúc này, mặt băng đông cứng phẳng phiu và hi ền lạnh. Trừ hàng ngàn những chỗ dợn sóng và những chỗ lõm như một cánh đồng vừa mới cày xong, thì đường đi tương đối bằng phẳng. Thỉnh thoảng anh nhận ra một khe nứt nằm ẩn dưới lớp băng trước mặt. Sau khi đột ngột dừng lại để xem xét tình huống, anh cũng tìm ra cách đi vòng để tránh nguy hiểm.

Ý nghĩ đang lái một con quỷ khổng lồ bằng thép nặng ba mươi lăm tấn qua một cánh đồng băng với những khe nứt sâu hoắm và tối tăm không nhìn thấy được từ khắp mọi hướng làm Pitt không thể nhẹ nhõm được. Chẳng có mấy từ trong một cuốn từ điển có thể diễn tả được cảm giác đó. Bất chợt, một khe nứt hiện ra đột ngột, trước khi Pitt có thể dừng chiếc xe lại. Với một cú bẻ ngoặt tay lái hết cỡ, anh đảo ngang chiếc xe và dừng lại khi hông của nó chỉ cách mép vực năm bộ. Sau khi lái chiếc xe chạy song

song với khe nứt khoảng nửa dặm, cuối cùng anh nhìn thấy một mặt bằng phẳng phiu khoảng năm trăm mét phía trước, là nơi khe nứt chấm dứt.

Anh nhìn xuống đồng hồ vận tốc và nhận ra tốc độ đã dần dần tăng lên tới hăm bốn dặm giờ. Trong phòng máy lúc đó, Giordino đang bận rộn với hai động cơ diesel khổng lồ, khéo léo đi đầu chỉnh những van trên những máy bơm để tăng độ chảy của nhiên liệu. Vì không khí trên mặt đất tại những địa cực loãng hơn các nơi khác nên người ta dễ bị chóng mặt, và vì không khí miền địa cực hoàn toàn khô và lạnh, nên nhiên liệu cần được làm ấm, một điều mà Bố già và các thủy thủ của ông chưa liệu tới. Nhiên liệu phải được bơm liên tục để giữ ấm động cơ diesel.

Quang cảnh phía trước thật hoang vắng, trơ trụi và đầy đe dọa, nhưng lại đẹp lộng lẫy. Nó có thể bình yên một lúc rồi ngay sau đó trở nên khủng khiếp. Trong óc Pitt, nó đột ngột trở nên đe dọa. Bàn chân anh đạp mạnh trên bộ phận thắng của chiếc xe khiến nó khựng lại, và Pitt như hóa đá khi nhìn thấy một khe nứt rất rộng, cách đó chừng một trăm mét và kéo dài về cả hai phía không biết kết thúc ở đâu.

Thả cái thang từ cabin kiểm soát xuống, anh mở cửa xe và leo ra khỏi chiếc xe rồi đi về phía mép khe nứt. Cảnh tượng trông thật khủng khiếp. Màu của băng hai bên mép biến mất khỏi tầm mắt, màu trắng chỗ mép vực đổi sang màu xanh lục như bạc. Khoảng cách giữa hai mép rộng khoảng hai mươi bộ. Anh quay lại khi nghe tiếng bước chân của Giordino từ sau lưng.

“Chuyện gì thế này?” Giordino hỏi. “Sao cứ luôn gặp những chuyện bực mình chứ?”

“Ông Frank Cash bảo những bánh xe có thể thụt vào để đi qua những khe nứt. Ta hãy làm theo cách ông ấy bảo xem sao”.

Như những gì Bố già nói thì người thiết kế chiếc Snow Cruiser, Thomas Poulter, đã có cách giải quyết thật tuyệt vời để khắc phục những khe nứt. Mặt dưới chiếc xe bằng phẳng như một tấm ván trượt tuyết với thân trước và thân sau lơ lửng lộ ra mười tám bộ về cả hai phía, tính từ những bánh xe. Theo những hướng dẫn chép trong cuốn sổ tay, Pitt ấn những cần gạt để làm cho những bánh xe phía trước thụt vào theo chiều thẳng đứng cho tới khi chúng nằm ngang với đáy chiếc xe. Sau đó, anh cho những bánh sau đẩy chiếc xe tới. Anh lái chiếc Cruiser thật chậm về phía trước cho tới lúc thân trước của nó trượt qua khe nứt và lộ ra phía bên kia tới một khoảng cách an toàn và ổn định. Tiếp theo, anh đi đầu khiến cho những bánh trước trồi ra những bánh sau thụt vào. Bây giờ anh mới cho

những bánh trước từ từ chạy tới, nửa thân sau chiếc xe được kéo qua khỏi khe nứt. Sau những bánh xe sau ló ra, và họ lại lên đường.

“Tôi thực sự tin mình có thể nói đây là một sáng kiến đáng nể”, Giordino nói với giọng khâm phục.

Pitt đổi số và quay đầu xe trở lại hướng đỉnh núi cao nhất trong dãy núi. “Thật đáng ngạc nhiên khi người thiết kế chiếc xe này tỏ ra có tầm nhìn rất xa về máy móc nhưng lại tính toán rất dở về hộp số và những vỏ bánh xe”.

“Ai mà chẳng có chỗ sơ hở chứ. Tất nhiên, trừ tôi”.

Pitt chấp nhận lời khoác lác của bạn mình với sự kiên nhẫn cố hữu, “Tất nhiên!”

Giordino vẫn giúp Pitt theo dõi trong phòng máy, bất chợt chỉ tay vào đồng hồ nhiệt độ trên bảng điều khiển. “Những động cơ đã nóng hơn bình thường. Tốt hơn, cậu hãy để mắt đến chúng”.

“Làm sao chúng có thể nóng khi nhiệt độ bên ngoài thấp hơn số không chứ?” Pitt vặn.

“Vì những bộ phận làm mát động cơ không hoạt động chứ sao. Chúng nằm ngay phía trước những động cơ bên trong phòng máy. Có vẻ như chúng cũng nóng lắm rồi”.

Pitt đã hy vọng bóng tối sẽ che giấu sự xâm nhập của họ vào khu khai mỏ, nhưng vào thời gian này trong năm tại Nam Cực, cảnh mặt trời lặn chỉ xảy ra một lúc ngắn trước buổi bình minh. Anh không tự gây lo lắng vì nghĩ đến chuyện họ có thể bị phát hiện lúc xâm nhập vào địa phận của chúng, càng không thể che giấu hành tung với chiếc xe khổng lồ màu đỏ này. Anh biết mình nên nghĩ đến một điều gì đó sẽ xảy ra trong khoảng một giờ rưỡi đồng hồ sắp tới. Chẳng bao lâu nữa, những tòa nhà sẽ hiện ra trên đường chân trời ngay dưới chân dãy núi.

Anh bắt đầu cảm thấy có chút hy vọng, nhưng rồi, như thể có một sức mạnh vô hình chống lại anh, bầu khí quyển trở nên nặng nề và đông cứng như một tấm màn bằng ren. Rồi gió từ trong lục địa đột ngột quét qua với sức mạnh của một đợt sóng thần. Chỉ trong một phút, Pitt có thể nhìn suốt sáu mươi dặm. Tiếp theo, như thể anh đang nhìn qua một tấm phim làm bằng nước, nó lay động như một thứ chất dịch, óng ánh như một cầu vồng rồi nhanh chóng biến mất. Chỉ trong nháy mắt, bầu trời lại trong vắt và mặt trời lộ ra rõ mồn một, trong lúc gió xát mạnh trên mặt băng như một con quỷ trong cơn cuồng nộ. Cả thế giới bỗng chốc trở nên trắng xóa.

Anh nhấn hết chân ga và ghì chặt tay lái, không xoay nó, giữ cho chiếc xe khổng lồ chạy theo một đường thẳng. Họ đang vội, và Mẹ Thiên nhiên không bạc đãi họ, không gây trở ngại làm chậm trễ công việc của họ.

Bất kỳ người đàn ông nào cũng đi khắp khiêng, không phải vì anh ta muốn đi như thế, nhưng vì chẳng hiểu sao, hầu như tất cả nhân loại đều có một chân ngắn hơn chân kia một milimét. Chiếc Snow Cruiser cũng vậy. Không một vỏ bánh xe nào được đúc một cách hoàn hảo với một vỏ bánh xe khác. Nếu tay lái bị khóa cứng một chỗ trong lúc chiếc xe vẫn chạy thẳng, thì thế nào dẫu dẫu nó cũng chạy theo một đường vòng cung.

Không một vật gì đứng vững với thực chất của nó. Như thế thế giới không còn tồn tại nữa. Sức mạnh bùng nổ của một trận gió có vẻ sẽ làm đổi màu mọi vật. Một trận bão tuyết xoáy tít và giạt từng cơn với một sức mạnh thổi tung những hạt băng như ném bom vào mặt tấm kính chắn gió chẳng khác gì những móng tay cực nhỏ cào cào. Sự va chạm của chúng vào những tấm kính tạo ra những âm thanh rào rào mỗi lúc một lớn. Pitt vẫn tự hỏi liệu sự tấn công của những hạt băng có thể làm vỡ những tấm kính lâu đời được sản xuất từ trước chiến tranh không. Anh cúi người về phía trước khi chiếc Snow Cruiser nảy lên trên một mô băng bị tuyết che lấp. Anh chờ một cú nảy tiếp theo nhưng nó không xảy ra. Mặt băng lại bằng phẳng.

Câu tục ngữ “Mưa như trút nước” thoáng qua óc Pitt khi Giordino quát lớn qua cửa hầm máy, “chỉnh bộ phận kiểm soát nhiệt độ xem. Các động cơ vẫn nóng kinh khủng. Trong phòng máy không khí như đặc lại, hơi nước từ bộ tản nhiệt bị rò rỉ ở đâu đó”.

Pitt nhìn đồng hồ đo nhiệt độ trên bảng kiểm soát. Anh đã cố tìm mọi cách giữ cho chiếc xe di chuyển an toàn nhất, nhưng lại xao lãng việc kiểm soát các đồng hồ báo hiệu. Sức ép của dẫu đã xuống thấp, nhưng nhiệt độ nước làm mát động cơ lại vượt tới mức báo động. Chẳng mấy chốc nước sẽ có thể luộc chín những quả trứng, các bộ phận tản nhiệt sẽ sôi và tổng nước ra ngoài. Sau đó chẳng ai biết được các động cơ sẽ tiếp tục quay bao lâu cho tới lúc những piston của chúng nóng đỏ và kẹt cứng trong những ống xi lanh. Anh đã có thể nghe các động cơ bắt đầu phát ra âm thanh lạ khi sự đốt trong xảy ra sớm hơn do nhiệt độ quá cao.

“Cho bộ phận làm lạnh bắt đầu hoạt động đi”, Pitt quát. “Khi đã sẵn sàng, hãy mở những cửa ngoài ra. Không khí lạnh bên ngoài tràn vào sẽ làm giảm nhiệt các động cơ”.

“Và chúng ta cũng đông cứng như những xác ướp phải không”.

“Chúng ta phải cố chịu đựng cho tới khi các động cơ hoạt động bình thường trở lại”.

Cả hai đều mặc áo khoác có nón trùm đầu chống lạnh của người Eskimo, và Pitt vừa mặc mớ quần áo dày cộm vừa cố giữ cho chiếc Cruiser di chuyển ổn định trong cơn bão tuyết. Khi họ mặc xong quần áo, Giordino mở cửa xe. Một luồng không khí lạnh buốt tràn vào phòng lái. Gió gào rít lúc quét qua cánh cửa. Pitt cúi rạp người trên tay lái và nhìn qua đôi mắt nhú lại vì những cú quạt khủng khiếp của không khí lạnh tràn vào, mang theo những âm thanh ầm ĩ át cả tiếng động cơ.

Anh không thể nhận ra cú sốc xảy ra đột ngột khi nhiệt độ trong buồng lái bỗng chốc giảm đến ba chục độ chỉ trong ba mươi giây. Khi một người được trang bị đầy đủ quần áo ấm, anh ta có thể chịu đựng được cái lạnh ở bảy mươi độ âm từ hai mươi đến ba mươi phút trong trường hợp không bị thương tích. Nhưng khi những đợt gió giá buốt kèm theo nhiệt độ ở mười độ âm thì anh ta có thể bị giết chết chỉ trong vài phút. Quần áo chống lạnh của Pitt có thể bảo vệ anh trước cái lạnh thuần túy, nhưng những cơn gió lạnh cóng lại nhanh chóng bòn rút nhiệt lượng ra khỏi cơ thể anh.

Trong phòng máy bên dưới, Giordino ngồi giữa hai động cơ và hưởng được chút ít sức nóng từ những cánh quạt tản nhiệt các động cơ. Anh tự hỏi không biết Pitt có thể sống sót cho tới lúc nhiệt độ của các động cơ giảm xuống không. Họ không thể thông tin cho nhau. Những cơn gió gào thét lấn át tất cả mọi tiếng động.

Vài phút sau đó đúng là khoảng thời gian dài nhất đối với Pitt. Anh chưa bao giờ biết đến cái lạnh khủng khiếp như thế. Nó gây cho anh cảm giác như thể nó xuyên qua cơ thể anh, cắt đứt những cơ quan nội tạng của anh khi nó tràn qua. Anh nhìn những cây kim trên dụng cụ đo nhiệt độ động cơ và thấy chúng giảm xuống từ từ. Những tinh thể băng quất vào những tấm kính chắn gió như một bầy ong chia tổ và không bao giờ dứt. Chúng gào thét lao qua cánh cửa và tràn ngập buồng lái, nhanh chóng phủ kín Pitt và băng đi đâu khiển dưới một màn trắng mỏng. Bộ phận sưởi ấm không đủ sức khắc phục cái lạnh khủng khiếp và bề mặt bên trong những tấm kính chắn gió nhanh chóng mờ đục, trong lúc những que gạt nước bên ngoài bất lực và bị kẹt cứng trong lớp băng dày cộm. Không thể nhìn ra ngoài qua kính chắn gió trước tay lái, Pitt ngồi như một tảng đá trong lúc dòng thác

màu trắng quay cu ờng chung quanh anh. Anh có cảm giác như đang bị một con quỷ với hàng ngàn chiếc răng nhỏ xúu nuốt chửng.

Anh cắn chặt hai hàm răng để ngăn chúng va nhau. Những sức mạnh chiến đấu không còn tuân theo sự kiểm soát của anh nữa, và anh nhận ra trách nhiệm phải cứu vớt hàng tỉ sinh linh quả thực chẳng thú vị chút nào, mà nó còn đẩy anh vào hoàn cảnh phải chống chọi với những cơn gió gào thét và những đợt băng châm đốt. Sự đe dọa khủng khiếp nhất đối với anh là hình ảnh anh sẽ chiếc xe rơi xuống một khe nứt anh không thể nhìn thấy trước khi mọi sự trở nên quá trễ. Điều sáng suốt nhất nên làm là cho chiếc Snow Cruiser chạy chậm lại như một con ốc sên đang bò và nhờ Giordino đi trước quan sát mặt băng; nhưng bên cạnh chuyện liều lĩnh tính mạng của mình, điều đó còn phải trả giá bằng việc đánh mất thời gian quý giá, vì vậy anh bỏ rơi ý nghĩ đó.

Tiếp tục lái xe qua cánh đồng băng quỷ quyết táo trở lúc này đã bắt đầu trở thành một cơn ác mộng.

Họ không còn cơ hội rút lui nữa. Hoặc hoàn thành nhiệm vụ hoặc chết. Cơn bão tuyết cu ờng nộ và gào thét này chưa để lộ một dấu hiệu nào là nó sẽ giảm bớt. Sau cùng, Pitt quét lớp băng bắt đầu dày lên khỏi mặt tấm băng đi ầu khiển. Những cây kim của bộ phận báo nhiệt độ hạ xuống rất chậm, nhưng đã thoát khỏi tình trạng báo động. Nhưng nếu anh và Giordino muốn đi tới đích mà không bị trục trặc nào khác thì những cây kim phải giảm thêm mười độ nữa.

Anh là một gã mù trong thế giới mù. Thậm chí anh còn mất cả cảm giác sờ mó. Hai bàn tay và cẳng chân anh đã sớm tê cứng r ỉ và mọi cảm giác đầu không còn nữa. Một phần cơ thể anh đã từ chối không đáp ứng mệnh lệnh của anh. Anh nhận ra tiếp theo đó sẽ là tình trạng khó thở. Cái lạnh khủng khiếp sẽ làm khô hai buồng phổi. Máu sẽ đông lại. Cái lạnh sẽ xuyên qua da thịt. Những cơ đau sẽ xé toạc từng sợi cơ, bất chấp sự ngăn cách của áo quần, và làm khô cạn sức khoẻ của anh. Chưa bao giờ anh biết một người đàn ông có thể chết lạnh nhanh như vậy. Cần phải tập trung hết nỗ lực để đứng vững lúc này và nhờ Giordino đóng cửa lại. Cảm giác cay đắng trước thất bại cũng mạnh chẳng khác gì những cơn gió ghê rợn.

Bao lâu anh vẫn còn thở và còn có thể suy nghĩ đúng thì anh vẫn còn cơ hội. Chỉ cần những cơn gió tắt lịm đi. Anh biết những trận bão có thể tan biến cũng nhanh như khi chúng xuất hiện. Tại sao chúng không chịu tắt lịm chứ? Anh chẳng hỏi ai khác mà chỉ hỏi chính mình. Một cảm giác trống

vắng ghê gồm tràn ngập trong anh. Tầm nhìn trở nên tối tăm chung quanh mép cặp mắt và những cây kim trên người kia vẫn chưa chịu lặn trong phạm vi báo hiệu nhiệt độ bình thường.

Anh không để bị chìm đắm trong ảo ảnh hy vọng phi lý. Anh chỉ tin vào bản thân, vào Giordino và vào sự may mắn. Thượng đế cũng có thể đến với anh, nếu Ngài đồng ý. Pitt không có ước muốn chào đón sự trọng đại vượt quá tầm tay mở rộng của anh.

Anh luôn tin mình có thể bị thần thánh hoặc ma quỷ lôi kéo để không kiên nhẫn tranh đấu tới cùng nên không muốn là kẻ yếu đuối. Chỉ có sự thật không thể chối bỏ lúc này là có thể chỉ trong vài phút nữa, anh sẽ bị đông cứng trong khối băng.

Đầu óc anh vẫn sáng suốt, vẫn còn khả năng cân nhắc những tình huống lợi hại và hậu quả của chúng. Anh xua đuổi cơn ác mộng tối tăm đang xâm chiếm anh. Sức chịu đựng và khả năng tiên liệu không còn dẫn dắt anh nữa. Nhưng anh từ chối không chịu chấp nhận một kết cục không thể tránh. Bất kỳ ý nghĩ chết chóc nào cũng trở nên ghê tởm, và chúng chết yếu trong đầu óc anh.

Hầu như anh có khuynh hướng tự buộc mình phải tiếp tục chịu đựng và chống chọi một lúc nữa. Và anh tin Giordino chắc chắn sẽ cùng anh vượt qua được khoảnh khắc ngắn ngủi đó, và nhất định họ sẽ không hoảng loạn. Cứu những động cơ, rồi tự cứu mình, và sau cùng là cứu cả thế giới. Đó là con đường phải đi trọn.

Anh chùi lớp sương mù trên cặp kính và trông thấy những cây kim trên dụng cụ báo nhiệt độ đang hạ nhanh hơn và mau chóng gần đạt tới nhiệt độ bình thường. Hai mươi giây nữa trôi qua, anh tự nhủ. Rồi hai mươi giây nữa. Bài hát ngắn và giản dị “Chín mươi chín chai bia trên bức tường” như thế nào nhỉ? Rồi sau đó là cảm giác thư giãn, và đặc thắng, khi những bộ phận báo nhiệt độ cho thấy những động cơ đã đạt nhiệt độ bình thường.

Không cần phải quát tháo ồn ào qua miệng hầm dẫn xuống phòng máy, nơi Giordino đang có mặt, vì anh chàng người Ý lùn tịt đã cảm nhận được lúc thời gian chín muồi bằng cách đặt một bàn tay lên nắp một bộ phận tản nhiệt. Anh chàng lao tới đóng cánh cửa lại, chặn đứng sức mạnh kinh hoàng của gió và băng, rồi nhanh chóng bật nút khởi động máy sưởi ở mức độ cao nhất. Cuối cùng anh ta ngoi lên buồng lái và thô bạo kéo áo Pitt từ phía sau tay lái.

“Cậu đã chịu đựng quá đủ rồi”, anh chàng nói và ái ngại nhìn Pitt trông chẳng khác gì một cái xác ướp vì thân nhiệt bị hạ thấp. “Tôi sẽ giúp cậu xuống phòng máy, ở đó cậu có thể ấm lên thật nhanh”.

“Chiếc Snow Cruiser...” Pitt lấp bắp qua cặp môi đông cứng. “Đừng để nó chạy lung tung”.

“Đừng ôm đồm nữa. Tôi có thể lái con voi răng mấu này cũng bảnh như cậu mà”.

Sau khi đặt Pitt trên sàn, giữa những động cơ diesel đồ sộ, ở đây anh có thể sưởi cho ấm lại, Giordino bò lên buồng lái lạnh cóng, ngồi vào sau tay lái và cài số một. Chỉ sáu mươi giây sau, chiếc xe cồng kềnh lại lao qua trận bão với vận tốc hăm bốn dặm mỗi giờ.

Những âm thanh xịch xịch kiên định của động cơ diesel lại phát ra êm ái như những nốt nhạc trong tai Pitt, và đó là biểu tượng của niềm hy vọng mới. Chưa bao giờ trong đời có bất kỳ thứ gì lại tốt đẹp như hơi ấm tỏa ra từ những động cơ này và nó đang ngấm qua thân thể đã đông cứng một nửa của anh. Máu Pitt nhanh chóng loãng ra và tuần hoàn trở lại, và anh tự cho phép mình được hoang phí nửa giờ còn lại để thư giãn trong lúc Giordino đi đầu khiển chiếc xe.

Hầu như thật không bình thường, anh lại bắt đầu thắc mắc không hiểu liệu lực lượng quân đội đặc biệt đã đáp xuống chưa? Hoặc họ đã bị lạc và chết cóng trong trận bão tuyết quỷ quyệt này?

Với màu sơn xám đen và không dấu hiệu nhận diện nào, ngoài một lá cờ Mỹ nhỏ trên bộ phận giữ thăng bằng, chiếc máy bay vận tải Mc Donnell Douglas C-17 gầm rú trên một biển mây màu ngọc trai che phủ mặt băng sáng lóa của Nam Cực như một con thần lằn khổng lồ trên mặt đất vào Thời kỳ Trung sinh.

Đại úy Không quân Lyle Stafford, hoàn toàn thoải mái chẳng khác gì đang ở nhà, trong buồng lái chiếc C-17 đang bay trên lục địa băng giá. Bình thường ông ta vẫn bay đi và về giữa Christchurch, New Zealand và những trạm băng của Hoa Kỳ nằm rải rác trên lục địa Nam Cực để chở những nhà khoa học, các trang thiết bị và những vật dụng tiếp liệu. Chuyến bay này ông lại được lệnh khẩn cấp chở một toán binh sĩ chiến đấu đến vùng Ross Ice Shelf và thả họ xuống khu khai mỏ của Tập đoàn Vận Hội.

Stafford trông giống một giám đốc quan hệ quần chúng hơn là một phi công. Mái tóc màu sáng được cắt tỉa gọn ghẽ, trên môi lúc nào cũng điểm sẵn một nụ cười, ông ta luôn tình nguyện phục vụ cho những công tác của Không lực và các tổ chức từ thiện. Trên h ài hết các chuyến bay, ông ta ng ẫ đọc một cuốn sách, trong lúc viên phi công phụ, Trung uy Robert Brannon, một anh chàng quê California cao k ầu, có hai đ ầu gối g ần đ ụng c ầm lúc anh ta ng ẫ, đang theo dõi bảng kiểm soát và các dụng cụ lái. Có vẻ miễn cưỡng, Staford rời mắt khỏi cuốn sách — cuốn Ghi chép về Einstein do Craiq Dirgo viết - và ngược nhìn lên ra ngoài cửa sổ bên hông và sau đó nhìn vào màn hình Hệ thống Định vị Địa c ầu trên bảng đi ầu khiển.

“Đã đến lúc trở lại công việc”, ông nói và đặt cuốn sách xuống một bên, r ẫ quay sang mỉm cười với Thiếu tá Tom Cleary đang ng ẫ v ắt vào trên một cái ghế đẩu sau lưng các phi công, “H ầu như đã tới lúc bắt đ ầu thở l ấy hơi r ẫ, Thiếu tá, để thích nghi với thứ dưỡng khí ở đây”.

Ông Cleary nhìn qua kính chắn gió trên đ ầu các phi công, nhưng tất cả những gì ông thấy chỉ là mây. Ông nhận ra một góc của khối băng Ross Ice Shelf lơ l ờ ẩn hiện bên dưới, trước mặt chiếc máy bay, “Còn bao lâu?”

Stafford gạt đ ầu về phía bảng đi ầu khiển, “Chúng ta còn cách điểm thả các ông xuống khoảng một giờ nữa. Người của ông đã sẵn sàng và ph ấn ch ấn chứ?”

“Sẵn sàng, có lẽ, nhưng tôi khó có thể nói họ ph ấn ch ấn. Họ vẫn nhảy xuống từ một máy bay phản lực ở độ cao ba mươi lăm ngàn bộ lúc này lúc khác, nhưng chưa h ềnh ảy trong lúc đang bay với vận tốc bốn trăm dặm giờ. Chúng tôi có cảm giác như máy bay chưa xuống thấp trước khi c ầu thang máy bay được hạ xuống”.

“Rất tiếc tôi không thể đưa ông đến g ần hơn, chậm hơn và thấp hơn”, ông Stafford nói với giọng đ ầy thiện cảm. “Thủ đoạn mà ông và người của ông sẽ áp dụng để đổ bộ xuống mặt băng không có dù là làm sao không bị phát hiện từ trên không. Lệnh bảo tôi phải v ờ như bay thường lệ để tiếp tế vật liệu và lương thực đến trạm băng. Tôi sẽ cố bay thật g ần nhưng không để bị nghi ngờ. Vì vậy các ông phải lén lút di chuyển g ần mười dặm mới tới mục tiêu nằm bên ngoài hàng rào an ninh”.

“Gió đang thổi từ biển vào, như thế rất thuận lợi cho các ông”, Brannon nhận xét.

“Cả những đám mây dày đặc nữa chứ”, Thiếu tá Cleary thông thả nói. “Và nếu chúng có một hệ thống radar thì gã theo dõi radar phải có bốn con mắt theo dõi mới nhận ra đúng lúc chúng tôi rời máy bay cho tới lúc chúng tôi dàn quân xong”.

Đại úy Stafford đảo nhẹ máy bay rồi nói, “Tôi không ganh tị với ông đâu, Thiếu tá ạ, khi ông nhảy từ một máy bay ấm áp thế này xuống một cánh đồng băng tuyết bốn mươi độ âm”.

Thiếu tá Cleary mỉm cười, “ít nhất thì ông cũng không bảo tôi như các ông phi công già mỗi một thường nói ‘nhảy từ một máy bay ngon lành hết ý’. Tôi đánh giá cao đi đầu đó”.

Cả bọn họ phì cười một lúc vì sự pha trò giữa những quân nhân chuyên nghiệp. Trong nhiều thập niên, những quân nhân nhảy dù luôn được các phi công đặt câu hỏi “Tại sao bạn nhảy từ một chiếc máy bay hoàn hảo?” Và câu trả lời nổi tiếng của Thiếu tá Cleary là, “Khi nào một chiếc máy bay hoàn hảo ra đời, lúc đó tôi sẽ từ giả việc nhảy”.

“Để đối phó cái lạnh”, ông Cleary nói tiếp, “những bộ quần áo sưởi ấm bằng điện sẽ giữ chúng tôi không biến thành băng khi chúng tôi xuống tới một độ cao ấm hơn”.

“Những đám mây cũng trải rộng ra trong phạm vi một ngàn bộ, vì thế các ông rơi xuống nhưng chẳng nhìn thấy gì, vì những la bàn và dụng cụ định hướng không hoạt động tại vùng địa cực”, Brannon nói.

“Những quân này đã được huấn luyện kỹ về đi đầu đó. Chìa khóa để thành công từ một độ cao nhảy xuống để lén lút xâm nhập là nhảy ra đúng hướng gió để đáp xuống đúng tọa độ và mọi người cùng dàn rộng ra như một tấm thảm và cùng độ cao”.

“Chúng tôi sẽ thả các ông xuống một khu vực an toàn, nhưng không phải để đi cắm trại dã ngoại đâu đấy”.

“Không”, ông Cleary nói nghiêm chỉnh, “Tôi tin chắc chỉ một phút sau khi chúng tôi từ máy bay đáp xuống, tất cả chúng tôi đều muốn rơi ngay vào một địa ngục dữ dội nhất”.

Ông Stafford lại kiểm tra bảng đi đầu khiển, “Sau khi ông và người của ông chuẩn bị xong thể trạng, tôi sẽ làm giảm sức ép trong cabin. Và ngay sau đó, tôi sẽ thông báo cho các ông và người của tôi giờ giấc mỗi mười phút, hai lần như thế. Sau đó tôi sẽ lưu ý các ông qua hệ thống liên lạc vô tuyến khi còn cách địa điểm sáu phút. Sau đó bốn phút, tôi sẽ hạ thấp máy bay xuống”.

“Hiệu”.

“Khi còn một phút”, ông Stafford nói tiếp, “tôi sẽ bấm chuông báo động một lần. Sau đó, khi chúng ta tới đúng điểm thả, tôi sẽ bật đèn xanh. Cả toán các ông sẽ nhanh chóng nhảy ra trong lúc máy bay vẫn giữ nguyên tốc độ”.

“Sẽ làm y như thế”.

“Chúc các ông may mắn”, Stafford nói, xoay người lại và bắt tay ông thiếu tá.

Ông Cleary mỉm cười yếu ớt, “Cám ơn đã đưa chúng tôi đi”.

“Vinh dự của chúng tôi mà”, Stafford trả lời. “Nhưng tôi hy vọng chúng ta sẽ không sớm diễn lại chuyện này”.

“Tôi cũng thế”.

Thiếu tá Cleary đứng lên và duỗi thẳng chân tay, rời khỏi buồng lái và đi vào khoang sau máy bay. Sáu mươi lăm quân nhân đang ngồi trong khoang, trên mặt người nào cũng lộ ra vẻ trầm trọng, lỳ lợm và điềm tĩnh, sẵn sàng đối phó những bất trắc, rủi ro họ có thể sẽ phải đương đầu. Bọn họ đều còn trẻ. Lứa tuổi của họ trong khoảng từ hai mươi đến hăm bốn. Không ai cười lớn tiếng hoặc nói năng huyên thuyên, cũng chẳng ai cầu nhàu hoặc than phiền. Và tất cả đều được chọn lựa kỹ lưỡng. Họ là một tập hợp những người chiến đấu dũng cảm nhất được gom lại trong một thời gian ngắn nhất từ những đơn vị đóng gần Nam Cực nhất của quân lực Mỹ đang thi hành nhiệm vụ tại Nam phi. Đó là một toán Thủy quân Lục chiến, những thành viên tinh hoa của Lực lượng Delta và Lực lượng Trinh sát Hải quân - một kết hợp gồm những chiến binh bí mật trong một nhiệm vụ không giống bất kỳ chiến dịch nào. Sau khi Lầu Năm Góc nhận được lệnh báo động của Nhà Trắng, thì thứ họ được cung cấp ít nhất là thời gian. Một đơn vị khác của các Lực lượng Đặc biệt của Hoa Kỳ đã lên đường và lệnh cho họ phải tới Vịnh Okuma trong ba giờ sau đó, một thời hạn quá ngắn. Lời cảnh báo của Đô đốc Sandecker không được những phụ tá hàng đầu của Tổng thống đón nhận với nhiệt tình, cả những người đứng đầu các Lực lượng vũ trang cũng vậy. Lúc đầu, không ai dám tin câu chuyện có vẻ hoang đường đó. Chỉ tới khi Nữ Dân biểu Loren Smith và những nhà khoa học khác cùng lên tiếng yêu cầu hành động gấp thì Tổng thống mới ra lệnh

cho Lầu Năm Góc gửi một lực lượng đặc biệt để ngăn chặn thảm họa sắp đến gần.

Một kế hoạch tấn công trên không với tên lửa nhanh chóng bị bác bỏ vì thiếu dữ liệu tình báo. Nhà Trắng và Lầu Năm Góc cũng không hoàn toàn tin chắc họ có thể kiểm soát hành động cho tách rời khỏi băng của Karl Wolf nếu áp dụng kế hoạch này. Họ cũng không biết rõ vị trí đặc biệt của trung tâm điều khiển vụ hủy diệt Trái Đất. Tất cả những gì họ biết chỉ là nơi đó được che giấu trong một hẻm băng dưới đất cách khu khai mỏ vài dặm. Các tham mưu trưởng liên quân quyết định một vụ tấn công bằng sức người là dễ tạo cơ hội thành công nhất và không bị quốc tế la ó nếu họ sai lầm.

Những quân nhân trẻ ngỗ trên những túi đeo lưng nặng nề của họ và đầu đeo dù. Tất cả những chiếc dù đều được các chuyên viên kiểm tra kỹ. Những túi đeo lưng chứa đầy các vật dụng và đạn dược đặc biệt dùng cho súng spartan Q99 Eradicator, một loại vũ khí nặng năm cân Anh tự động với băng đạn hai mươi viên, nòng 5,56 ly bắn đạn thường và một nòng đặc biệt để phóng tên lửa cỡ nhỏ nhưng có sức công phá và sát thương dữ dội. Khi gắn cả băng đạn và tên lửa, toàn bộ khẩu súng nặng gần hai mươi cân Anh, đeo lưng lủng lẳng ngang thắt lưng.

Đại úy Dan Sharpsburg chỉ huy Lực lượng Vũ trang Delta, trong lúc Trung úy Warren Gamet chỉ huy đội Trinh sát của Hải quân. Trung úy Miles Jacobs và nhóm Thủy quân Lục chiến của anh ta — đã từng trợ giúp NUMA trên đảo St Paul cũng tham gia chiến dịch tấn công này. Nhóm phối hợp này đặt dưới sự chỉ huy của Thiếu tá Cleary, một chiến binh của Lực lượng Đặc biệt đang có mặt tại Nam Phi để nghỉ phép thì ông nhận được lệnh phải chỉ huy một đơn vị tấn công tạm thời gồm những phần tử tinh hoa đã được chọn. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử quân sự Hoa Kỳ xảy ra sự kiện những đơn vị đặc biệt riêng lẻ cùng hợp tác chiến đấu của một sĩ quan đang nghỉ phép.

Trong nhiệm vụ này, lần đầu tiên mỗi người được trang bị một hệ thống dù nhảy mới có tên là MT-IZ hoặc Zulu. Loại dù này đáp xuống theo tỉ lệ bốn trên một, nghĩa là nó có thể bay ngang bốn mét trong lúc hạ thấp xuống một mét, một ưu thế được đánh giá rất cao trong ngành nhảy dù.

Thiếu tá Cleary nhìn khắp hai hàng những người lính. Viên sĩ quan gần nhất, Đại úy Sharpsburg, nghiêng cái đầu với mái tóc đỏ một cách hài hước và bật cười. Dan là một trong những bạn bè cũ của ông Cleary, một

trong rất ít người thích tham dự những cuộc hành quân hiểm nghèo nhất. Ngoài ra, Dan còn là một phi công lái máy bay xung kích trong nhiều năm rồi rời công việc này để nắm chức vụ huấn luyện viên Nhảy dù của Lực lượng Đặc biệt trong quân lực Hoa Kỳ tại Căn cứ Yuma, bang Arizona. Khi rảnh rang nhiệm vụ huấn luyện, người ta thấy Dan tham dự trò nhảy dù chỉ mở dù vào phút chót với những bạn bè dân sự của mình.

Ông Cleary không có thì giờ để đọc những ghi chép về thành tích của Jacobs và Garnet, nhưng ông biết họ là những người xuất sắc nhất trong những người giỏi nhất của Hải quân và Thủy quân Lục chiến trong những chiến dịch đặc biệt. Dù là một cựu quân nhân, ông vẫn biết rõ những người của hai sĩ quan này là những chiến binh lỗi lạc nhất.

Trong lúc nhìn từng gương mặt họ, ông nghĩ nếu họ sống sót sau khi nhảy xuống và áp sát mục tiêu, lúc đó họ sẽ chạm trán những kẻ được huấn luyện cẩn thận của lực lượng an ninh của bọn Wolf và tranh giành sự sống với chúng, những tên giết mướn lạnh lùng chuyên nghiệp, nhiều tên trong bọn chúng đã từng phục vụ trong những lực lượng của những người đang có mặt trên máy bay. Ông được báo cho biết như vậy. Không, Thiếu tá Cleary tự nhủ đây không phải là một cuộc picnic.

“Còn lâu không?” Đại úy Dah Sharpsburg hỏi, vẻ căng thẳng.

“Không tới một giờ nữa”, ông Cleary trả lời rồi đi dọc theo hàng người và báo động với Jacobs và Garnet. Rồi ông đứng giữa những người sắp chiến đấu và dặn dò họ những hướng dẫn sau cùng. Những tấm không ảnh do vệ tinh cung cấp được phân phát cho mỗi người và họ cất trong túi áo, sẽ nghiên cứu lúc họ nhảy xuống. Nơi họ sẽ đổ bộ là một cánh đồng băng rộng lớn ngay bên ngoài khu khai mỏ, một nơi trống trải nhưng lồi lõm nên mức độ che chắn cho họ không nhiều lúc họ tập trung lại sau khi xuống mặt băng. Phần tiếp theo của kế hoạch là tấn công vào trung tâm căn cứ của địch, ở đó họ sẽ đụng độ lực lượng phòng vệ của chúng. Những bộ óc chuyên gia quân sự phán đoán rằng sẽ có ít thương vong xảy ra nếu họ nhảy xuống và tấn công từ bên ngoài hơn là rơi ngay vào giữa mê cung với những tòa nhà, cột ăng ten, máy móc và những thiết bị điện tử.

Sự phối hợp sẽ được thực hiện khi mỗi đơn vị đầu đã xuống đất và tập trung để tấn công. Bất kỳ người nào bị thương trong lúc nhảy xuống chắc chắn sẽ chết sau đó vì không chống lại nổi cái lạnh khủng khiếp. Nếu họ thất bại hoặc thời gian chiến đấu kéo dài quá lâu trước khi họ thành công thì hậu quả cũng thế.

Hài lòng vì mọi người đều biết rõ những gì họ cần biết, Thiếu tá Cleary bước về phía đuôi máy bay, nơi khoang chứa hàng hóa, để mang dù và túi đeo lưng. Sau đó, một người của Đại úy Sharpsburg

kiểm tra toàn bộ thiết bị nhảy và đưa cho ông Cleary dụng cụ thở dưỡng khí dành cho những chuyến nhảy dù kéo dài.

Sau cùng, ông đứng dựa lưng vào vách khoang chứa hàng và vẫy tay để mọi người chú ý chuẩn bị. Từ giờ phút này trở đi, sự thông tin giữa toàn đội tấn công với nhau đều được ra dấu bằng bàn tay và cánh tay theo thủ tục chuẩn. Những thông tin duy nhất bằng âm thanh cho tới lúc nhảy chỉ xảy ra giữa Cleary, Sharpsburg, Jacobs và Garnet trong buồng lái. Một khi họ đã ra khỏi máy bay và ở dưới mái dù, mỗi người có thể thông tin với nhau bằng máy bộ đàm cá nhân Motorola với tần số an ninh.

“Phi công, đây là nhân viên hướng dẫn nhảy?”

“Tôi nghe rõ, Thiếu tá”, giọng Stafford trả lời. “Đã sẵn sàng chưa?”

“Tất cả đều sẵn sàng”.

Ông Cleary nhìn kỹ mỗi người. Cho tới lúc này, tất cả đều thuận lợi, hầu như rất thuận lợi, ông nghĩ. Đây chính là lúc bắt đầu giờ trò lén lút, và ông không cho phép những hành động điên rồ xảy ra. Sau cùng, ông hài lòng khi thấy mọi người đều tỏ ra cảnh giác và sẵn sàng.

Họ đội những nón trùm đầu có gắn hệ thống phát nhiệt Gentex để tăng cường sự bảo vệ chống lại nhiệt độ âm dưới số không khắc nghiệt. Những kính râm màu vàng Galefore Adidas để cản sương mù và hơi mây bám vào nón trùm đầu. Những dụng cụ phát nhiệt trong bộ quần áo chống lạnh của họ đều hoạt động và mỗi người theo một kỹ thuật đặc biệt để phòng ngừa trường hợp quần áo bị xé toạc do không khí lùa vào khi họ lao ra khỏi máy bay.

Sau khi kiểm tra những máy bộ đàm để biết chắc chắn chúng vẫn hoạt động tốt, ông Cleary đứng thẳng lên và bước lại gần cửa máy bay. Lại đối mặt với lực lượng tấn công của mình, ông nhận ra tất cả những người đàn ông này đang cho ông sự quan tâm cá nhân của họ. Lại một lần nữa, ông bước về phía người quân nhân gần ông nhất phía bên trái, một ngón tay cái xĩa lên trời.

Trong buồng lái, Đại úy Stafford đang thận trọng nghiên cứu hướng đi và điểm thả dù đã được lập trình vào máy điện toán. Ông cố ghi vào óc điểm thả để những quân nhân đang chờ đợi đáp xuống đúng địa điểm để tạo mọi cơ hội sống sót cho họ. Quan tâm hàng đầu của ông không phải là

chuyện thả họ xuống sớm hơn mười giây hoặc trễ năm giây và rải họ đều trên mặt băng, mà là việc giữ đúng hướng bay và điểm thả người. Ông Stafford bật công tắc hệ thống liên lạc với buồng lái và nói qua mặt nạ dưỡng khí cho Brannon, “Nếu lệch một độ thôi, họ sẽ phải trả giá đắt đấy”.

“Tôi sẽ thả họ xuống đúng ngay bên trên mục tiêu”, Brannon nói một cách tự tin. “Nhưng ông phải hướng dẫn họ đáp xuống ngay mục tiêu”.

“Vây cậu không tin vào khả năng xác định vị trí của tôi, phi công trưởng của cậu? Xấu hổ thật”.

“Ngàn lần xin lỗi, Đại úy”.

“Như thế tốt hơn”, Stafford nói, vẻ cởi mở. Ông xoay công tắc để liên lạc với khoang hành khách. “Thiếu tá Cleary, đây là Stafford, ông sẵn sàng rồi chứ?”

“Rồi”, ông Cleary đáp gọn.

“Các quân nhân, các bạn sẵn sàng rồi chứ?”

Những quân nhân đã chuẩn bị xong, đang đứng cách cửa nhảy vài bộ bên phía đối diện.

“Trung sĩ Hendricks đã sẵn sàng, thưa đại úy”.

“Hạ sĩ Jokin đã sẵn sàng, thưa Đại úy”.

“Hai mươi phút để chuẩn bị nhảy, thưa Thiếu tá”, Stafford thông báo. “Áp suất trong máy bay đang giảm”.

Hendricks và Jokin thận trọng đến gần cửa nhảy, giữ cho dây móc dù chạy dọc theo sợi dây mở dù khi người nhảy lao ra ngoài.

Trong lúc áp suất trong khoang máy bay giảm xuống, mọi người có thể cảm thấy nhiệt độ hạ một cách rõ rệt, thậm chí ngay cả bên trong bộ quần áo có máy sưởi chạy bằng điện để chống lạnh của họ. Không khí từ khoang chứa hàng hóa ập tới cho đến khi nó chậm chạp cân bằng với bầu khí quyển bên ngoài.

Thời gian trôi thật nhanh. Rồi giọng của Đại úy phi công Stafford vọng ra từ máy truyền tin.

“Thiếu tá, còn mười phút”.

“Đã sẵn sàng. Im lặng một lúc rồi Thiếu tá Cleary hỏi với giọng châm chọc, “Cậu có thể giữ khoang máy bay ấm hơn một chút được không?”

“Tôi chưa nói với ông à?” Stafford trả lời, “Chúng tôi cần kiểm soát băng để pha rượu cocktail sau khi các ông nhảy xong đấy”.

Hai phút sau, Thiếu tá Cleary đã ghi nhận xong vị trí của khu khai mỏ vào trong đầu. Tất cả những chi tiết gồm các yếu tố như độ cao, khoảng cách để mở dù, giữ hướng sau lúc mở dù, kế hoạch chung là toàn đội sẽ rơi tự do hai mươi lăm ngàn feet, sau đó mở dù, tập trung lại trên không và hướng tới khu vực đáp xuống đất.

Lực lượng Delta của Đại úy Sharpsburg nhảy ra đầu tiên, tiếp theo là Trung úy Jacobs và toán Thủy quân Lục chiến của ông ta và sau cùng là Trung úy Garnet và toán lính Hải quân. Thiếu tá Cleary là người cuối cùng rời máy bay để tiện quan sát tất cả người của ông trong điều kiện thuận lợi nhất và để kịp đi đầu chinh, nếu cần.

Đại úy Sharpsburg giữ vai trò Gà Mẹ, một thuật ngữ để chỉ người đầu tiên đáp xuống đúng mục tiêu. Tất cả gà con bám theo sau đó. Ông Sharpsburg, tới đâu họ sẽ tới đó.

“Sáu phút nữa sẽ nhảy”, giọng Stafford vọng ra, cắt ngang dòng suy nghĩ của Thiếu tá Cleary.

Đôi mắt Đại úy Stafford dán chặt vào màn hình máy vi tính nối với một hệ thống hình ảnh vừa nhận được cho thấy quang cảnh dưới mặt bằng với những chi tiết rõ mồn một qua những lớp mây. Phi công phụ Brannon bầu chặt cần lái như thể nó là một vật để bám. Hướng bay vốn ổn định và đích nhảy đã hiện ra trước mắt.

“Mẹ kiếp lệnh với lạc!” Stafford đột ngột bật ra. “Brannon!”

“Vâng, Đại úy?”

“Đúng một phút trước khi nhảy, cậu cho máy bay đạt vận tốc một trăm ba mươi lăm nút. Tôi sẽ tìm mọi cách thuận tiện và an toàn nhất có thể để tăng cơ hội sống sót cho họ. Lúc nào Trung sĩ Hendricks báo cáo người cuối cùng đã nhảy, hãy thả lỏng những van tiết lưu để vận tốc chỉ tăng lên hai trăm nút”.

“Liệu rada của bọn Wolf có phát hiện chúng ta giảm vận tốc?”

“Máy vô tuyến của Trạm Murdo đang hoạt động. Chúng ta liên lạc với họ và báo động cơ trực trực nên chúng ta phải giảm tốc độ bay và đến trễ”.

“Trò lừa bịp có vẻ không tệ”, Brannon vui vẻ nói, “Nếu chúng đang theo dõi chúng ta từ mặt đất, chúng sẽ chẳng có lý do gì để không mắc bẫy chúng ta”.

Brannon cho máy truyền tin vô tuyến hoạt động và phía câu chuyện như đã dự tính cho trạm Mc Murdo. Sau đó anh ta chỉ vào màn hình máy vi

tính báo họ đang áp sát địa điểm nhảy, “chỉ còn hai phút”

Stafford gạt đầu, “Bắt đầu giảm vận tốc đi, từ từ thôi. Trước lúc nhảy một phút, ngay sau khi tôi bấm chuông, đưa vận tốc vào một trăm ba mươi lăm”.

Brannon uốn các khớp ngón tay như một nghệ sĩ trình diễn piano và mỉm cười, “Tôi sẽ đi đầu khiến những van tiết lưu như trình diễn một bài concerto”.

Stafford nhấn nút máy truyền tin để liên lạc với khoang hành khách, “Hai phút, Thiếu tá. Trung sĩ Hendricks, bắt đầu mở cửa đi”.

“Cửa đã mở”, giọng của Hendricks đáp trả.

Stafford quay sang Brannon, “Tôi sẽ đảm trách việc kiểm soát. Cậu đi đầu khiến những van tiết lưu để tôi có thể tập trung vào việc tính toán lúc thả họ xuống”.

Sau khi theo dõi sự trao đổi của hai sĩ quan phi công, Thiếu tá Cleary đứng lên và bước lại đứng bên cánh cửa, giữ cho lưng quay sang một phía của thân máy bay để có thể nhìn rõ người của mình, việc họ nhảy, đèn tín hiệu và cả cánh cửa. Ông đưa cánh tay phải lên và vẽ thành một hình vòng cung, lòng bàn tay đối diện với một bên thân hình thành một góc vuông. Đó là lệnh đứng lên.

Mọi người đứng thẳng lên từ ghế ngả, kiểm tra lại dây kéo để bung dù lúc nhảy và các trang bị lần cuối, chỉnh lại những túi đeo lưng nặng nề họ mang sau lưng ngay bên dưới cái túi bọc dù. Không cần phải mô tả những gì họ cần thao tác một khi cánh cửa nhảy đã mở và lúc họ rơi vào bầu không khí lạnh buốt da thịt.

Trong buồng lái, Stafford quay sang Brannon “Tôi theo dõi những thiết bị kiểm soát, như thế tôi có thể xác định thời gian. Các van tiết lưu thuộc phần cậu”.

Brannon đưa cả hai tay lên, “ông phải làm tất, Đại úy”.

“Đại úy? Đại úy?” Stafford lặp lại như thể ông ta đang bị tổn thương. “Cậu không thể cho tôi thấy sự kính trọng tối thiểu cậu dành cho tôi sao?” Rồi ông ta bật công tắc truyền tin nội bộ, “Còn đúng một phút, Thiếu tá”.

Thiếu tá Cleary không trả lời, ông không cần phải làm điều đó. Chuông báo động reo một lần. Ông phác một dấu hiệu tiếp theo, cánh tay mặt đưa thẳng về một bên hông cao ngang vai, lòng bàn tay chạm vào cái nón trùm đầu Gentex của ông, đó là lệnh di chuyển về phần thân sau máy bay. Những người đứng phía trước đã tới chỗ phải dừng lại còn cách bản lề

cánh cửa khoảng ba bước chân. Ông hạ thấp cái kính bảo hộ vào đúng vị trí và lặng lẽ đếm lùi những giây cho tới lúc nhảy. Bất chợt ông nhận ra có một hiện tượng bất thường. Chiếc máy bay chậm lại thấy rõ.

“Cửa đã mở và được hãm lại, thưa Đại úy”, Trung sĩ Hendricks thông báo cho ông Stafford.

Giọng nói của viên trung sĩ làm ông Cleary ngạc nhiên. Và ngay lập tức ông nhận ra mình đã quên không nối sợi dây truyền tin với cái ổ cắm của máy bộ đàm.

Ông Cleary dùng cánh tay và bàn tay ra dấu còn mười lăm giây nữa sẽ nhảy. Cặp mắt ông dán chặt vào bóng đèn màu đỏ nhắc nhở mọi người phải thận trọng. Sáu mươi lăm người tạo thành một khối duy nhất và gấn bó, đang đứng chờ với Đại úy Sharpsburg đang vắt vẻo cách cửa nhảy chỉ vài inch.

Cùng lúc đó, khi bóng đèn màu đỏ thắm tắt và bóng đèn màu xanh sống động nháy lên, Thiếu tá Cleary chỉ tay về phía cánh cửa.

Như bị điện giật, Đại úy Sharpsburg lao ra khỏi máy bay, xé gió rơi vào khoảng không đầy những đám mây trắng kết thành một tấm màn. Tay chân duỗi thẳng, ông ta rơi xuống và nhanh chóng thoát khỏi tầm nhìn như thể bị một sợi dây cao su khổng lồ kéo bật xuống. Toán người của ông ta nối tiếp nhau theo sau và cũng bị lớp mây nuốt chửng. Tiếp theo là Trung úy Jacobs và những lính thủy đánh bộ của mình. Sau cùng là Trung úy Garnet và những người lính hải quân. Lúc người lính cuối cùng lao qua khỏi cánh cửa máy bay, Thiếu tá Cleary nhảy ra theo họ.

Một lúc lâu sau đó, Trung sĩ Hendricks và Hạ sĩ Jokin đứng bất động nhìn vào khoảng không gian màu trắng, không thể tin những gì họ vừa chứng kiến. Như bị thôi miên, Hendricks nói vào máy bộ đàm bên trong mặt nạ dưỡng khí của mình, “Đại úy, họ đi cả rồi”.

Chẳng để mất thì giờ, Brannon đẩy vội những van tiết lưu về phía trước cho đến khi kim chỉ vận tốc máy bay chỉ còn số hai trăm nút, đạt một nửa vận tốc của chiếc C-17S. Cánh cửa khoang chứa hành khách đóng lại và hệ thống dưỡng khí bên trong máy bay trở lại bình thường. Hành động tiếp theo của Stafford là bật công tắc tần số an ninh của máy vô tuyến truyền tin và gọi Tổng hành dinh chỉ huy của Hoa Kỳ tại Nam Phi để báo cáo kế hoạch nhảy dù đã đúng lịch trình. Rồi ông ta quay sang Brannon.

“Hy vọng họ gặp thuận lợi”, - ông ta đi đến tận nói.

“Nếu đúng như vậy là do Đại úy đã tính toán vận tốc hợp lý trong tình trạng thời tiết này, tuy có chậm hơn vận tốc bình thường của chúng ta”.

“Tôi hy vọng, nhờ ơn Chúa, họ không bị lệch địa điểm”, Stafford nói tiếp với vẻ an tâm. “Chỉ sợ họ phải đương đầu với một hỏa lực khủng khiếp của đối phương, nếu thế, không biết sẽ có bao nhiêu người chết”.

“Tôi cũng không thể nhận xét gì khác hơn”, Brannon buồn bã nói.

Stafford thở dài nặng nề trong lúc ông ta đi đầu chỉnh máy bay. “Chúng ta đã hết trách nhiệm. Chúng ta đã thả họ xuống đúng lúc, đúng nơi”. Rồi ông ta dừng lại, nhìn vào những đám mây trắng đầy bất trắc đang trượt qua lớp kính chắn gió ngăn chặn mọi tầm nhìn, “Tôi cầu nguyện cho họ đáp xuống bình yên”.

Brannon nhìn ông ta với ánh mắt dò hỏi, “Tôi không ngờ ông là một người hay cầu nguyện”.

“Chỉ trong những lúc hiểm nghèo thôi”.

“Họ sẽ đáp xuống bình yên”, Brannon tỏ ra lạc quan. “Chỉ e sau khi chạm mặt bằng, tình trạng sẽ tồi tệ”.

Stafford lắc đầu, “Tôi không muốn họ gặp chuyện chẳng lành. Tôi cá họ sẽ như đi tản bộ trong công viên thôi”.

Stafford làm sao biết được ông đã nhàn như thế nào.

Gã nhân viên theo dõi radar trong tòa nhà an ninh nằm cạnh trung tâm kiểm soát nhắc ống liên hợp điện thoại lên khi nhận thấy những tín hiệu chung quanh màn hình radar, “Thưa ngài Wolf, ngài có thể dành chút thì giờ?”

Mấy phút sau, Hugo Wolf bước nhanh vào căn phòng nhỏ hơi tối, đầy đặc những dụng cụ điện tử. “Sao, có chuyện gì thế?”

“Thưa ngài, máy bay tiếp liệu của bọn Mỹ đột ngột giảm vận tốc”.

“Đúng, tôi biết đi đầu đó. Máy vô tuyến truyền tin của chúng ta có bắt được một thông tin của chúng thông báo động cơ máy bay bị trục trặc”.

“Ngài có nghĩ đó là một trò bịp bợm không?”.

“Nó có bay khỏi lộ trình bình thường?” Hugo hỏi.

Gã nhân viên radar lắc đầu. “Không, thưa ngài. Máy bay vẫn cách chúng ta mười dặm”.

“Cậu không thấy có điểm gì khác trên màn hình chứ?”

“Chỉ là những dấu hiệu nhiễu sóng bình thường trong thời gian xảy ra bão tuyết và sau khi cơn bão chấm dứt đột ngột.

Hugo đặt một bàn tay lên vai gã nhân viên, “Cứ theo dõi đường bay của nó để an tâm nó không giở trò gì, và luôn luôn đề mắt tới bất kỳ sự xâm nhập nào từ đường biển và hàng không”

“Còn phía sau lưng chúng ta, thưa ngài?”

“Sao. Cậu nghĩ ai có đủ khả năng vượt qua những dãy núi này hoặc băng qua cánh đồng băng trong lúc có bão tuyết chứ?”

Gã nhân viên nhún vai. “Không ai có thể làm chuyện đó. Chắc chắn không ai, nếu đó là con người”.

Hugo phì cười, “Đúng thế”.

Tướng Không lực Hoa Kỳ Jeffrey Coburn đặt ống liên hợp thoại xuống giá đỡ và nhìn qua cái bàn dài trong phòng chiến tranh nằm dưới tầng hầm Lầu Năm Góc, “Thưa Tổng thống, Thiếu tá Cleary và toán quân nhân dưới quyền ông ta đã ra khỏi máy bay”.

Các Tham mưu trưởng liên quân và những phụ tá của họ đang trong một khu giống như trong rạp hát của căn phòng rộng lớn với những bức tường phủ đầy những dụng cụ điểu khiển và những màn hình khổng lồ hiện ra quang cảnh những căn cứ quân sự, những tàu Hải quân và những phi trường của Không lực Hoa Kỳ trên khắp thế giới. Những hải trình của tàu quân sự trên biển và máy may quân sự trên không được liên tục theo dõi, đặc biệt là vụ vận chuyển dành cho những Lực lượng Đặc biệt của Hoa Kỳ vừa được tập trung khẩn cấp.

Một màn ảnh khổng lồ trên bức tường phía xa nhất đang dần trải những tấm ảnh thu hình từ xa về căn cứ khai mỏ của Tập đoàn Vận Hội tại Vịnh Okuma. Những tấm ảnh không phải được thu hình từ trên cao, mà có vẻ như được thu từ những máy thu hình sau khi chúng được ném xuống từ một máy bay tại một bên hông căn cứ. Sở dĩ không có những tấm ảnh thu từ trên cao vì quân đội không có những vệ tinh tình báo bay trên bầu trời Nam Cực. Việc liên lạc bằng thông tin vô tuyến với lực lượng tấn công của Thiếu tá Cleary chỉ được thực hiện nhờ một vệ tinh thông tin dân sự được

những trạm nghiên cứu của Hoa Kỳ sử dụng trên vùng băng Ross Ice Shelf nổi liền với Lầu Năm Góc.

Một màn hình khác cho thấy Tổng thống Dean Cooper Wallace, sáu thành viên trong nội các và một nhóm các cố vấn thân cận của ông đang ngồi quanh một cái bàn trong phòng an ninh dưới tầng hầm của Nhà Trắng. Các ông giám đốc CIA và FBI và các ông Ron Little và Ken Helm cũng có mặt. Ngoài ra còn có Nữ Dân biểu Loren Smith cũng được mời tham dự vì sự am hiểu rộng rãi của cô về Tập đoàn Vận Hội. Trong lúc họ hành động như những cố vấn của Tổng thống về những vấn đề có mật danh là Dự án Tiên tri, thì Đô đốc Sandecker đang ngồi với những Tham mưu trưởng Liên quân tại Lầu Năm Góc và hành động như một nhà tư vấn.

“Còn bao lâu nữa, Đại tướng?” Tổng thống hỏi.

“Một giờ và bốn mươi hai phút, thưa ngài”, Đại tướng Amos South, người đứng đầu các tham mưu trưởng Liên quân, trả lời. “Đó là thời điểm các nhà khoa học cho chúng ta biết những đợt thủy triều cao nhất tách rời khối băng khỏi lục địa và đưa nó ra biển”.

“Tin tức đó chính xác thế nào?”

“Ngài có thể bảo đó là tin do miệng một con ngựa thốt ra, Loren trả lời. “Thời điểm này là do Karl Wolf loan và được xác nhận bởi những nhà băng học của chúng ta và những chuyên gia về kỹ thuật nano”.

“Nhờ người của Đô đốc Sandecker xâm nhập vào tổ chức của bọn Wolf”, ông Ron Little giải thích, “chúng ta tập hợp đáng kể thêm nhiều tin tức về sự kiện mà bọn Wolf gọi là Dự án Valhalla. Rõ ràng bọn chúng đang thực hiện những gì chúng đã dọa là cắt rời khối băng Ross Ice Shelf và làm đảo lộn sự cân bằng cố hữu của Trái Đất bằng cách tạo ra sự trôi địa cực”.

“Khởi động một thảm họa tiêu diệt không thể tưởng tượng được”, Loren nói thêm.

“Chúng tôi cũng kết luận như FBI”, ông Helm lên tiếng ủng hộ ông Little, “Chúng tôi đã hỏi các chuyên gia về phạm trù kỹ thuật nano, nhờ họ nhận xét về những chuyện này, và tất cả bọn họ đều đồng ý là bọn Wolf có đủ các nhà khoa học đủ khả năng để tạo ra một hành động không thể tưởng tượng như vậy”.

Tổng thống nhìn thẳng vào Tướng South trên màn hình, “Tôi vẫn nghĩ nên sử dụng tên lửa để ngăn chặn hành động điên rồ đó trước khi chúng tách rời khỏi băng”.

“Đó chỉ là giải pháp cuối cùng, thưa Tổng thống. Các vị Tham mưu trưởng Liên quân và tôi đều nghĩ kế sách đó là quá liều lĩnh”.

Đô đốc Morton Eldridge, Tham mưu trưởng Hải quân, tham gia tranh luận, “Một trong những máy bay của chúng ta được trang bị hệ thống radar đã tới địa điểm. Họ thông báo trong khu khai thác mỏ của bọn Wolf có trang bị radar cực mạnh có thể khám phá một tên lửa từ một máy bay hoặc một tàu ngầm bắn tới khi hỏa tiễn còn cách mục tiêu ba phút bay. Như thế, chúng có nhiều thì giờ để báo động và khiến chúng hoảng loạn, có thể thực hiện dự định tách rời khỏi băng của chúng sớm. Vả lại, liều lĩnh không phải là một hành động khôn ngoan”.

“Theo như ông bảo”, Tổng thống Wallace nói, “thì thiết bị radar của chúng thuộc loại hiện đại nhất. Vậy, tại sao chúng không phát hiện máy bay của các ông và tín hiệu nó gửi đi”.

Đô đốc Eldridge và Đại tướng Coburn trao đổi ánh mắt bối rối với nhau trước khi ông Eldridge trả lời, “Bởi vì máy bay của chúng ta có hệ thống nhiễu sóng radar và lúc người của chúng ta xâm nhập căn cứ của chúng tại Chi Lê, chúng ta thực sự không thể bị phát hiện. Máy bay ngăn chặn radar của chúng ta hoạt động thấp hơn đường chân trời. Chúng ta có thể bẻ cong tín hiệu để đọc tín hiệu của chúng nhưng chúng không thể phát hiện hoặc đọc được tín hiệu của chúng ta”.

“Nếu lực lượng đổ bộ của chúng ta không thể xâm nhập hệ thống phòng thủ an ninh của bọn Wolf”, Tướng South nói, “lúc đó mới dùng phương kế cuối cùng là sử dụng tên lửa từ tàu ngầm nguyên tử Tucson của ta”.

“Nó đã có mặt tại Nam Cực?” Tổng thống hỏi, ông có vẻ không tin.

“Vâng, thưa ngài”, Đô đốc Eldridge trả lời. “Một trùng hợp may mắn. Nó đang tuần tra để thu thập dữ liệu về băng tại khu vực đúng lúc một tàu ngầm của bọn Wolf tấn công chiếc tàu nghiên cứu Polar Storm của

NUMA, và nó đã đánh đắm chiếc tàu ngầm kia. Đô đốc Sandecker đã báo động tôi đúng lúc để gọi nó tới vịnh Okuma”.

“Còn kế hoạch sử dụng máy bay?”

“Hai máy bay Steath ném bom đang bay trên bầu trời cách căn cứ của chúng chín mươi dặm và sẽ đến nơi trong một giờ mười phút nữa”, Đại tướng Coburn trả lời.

“Vậy là chúng ta đã sẵn sàng cả hai mặt, đường biển và trên không”, Tổng thống nói.

“Đúng vậy ạ”, Tướng South xác nhận.

“Thiếu tá Cleary và lực lượng của ông ta sẽ bắt đầu tấn công lúc nào?” Tổng thống hỏi tiếp.

Ông South liếc nhìn cái đồng hồ kỹ thuật số lớn trên một bức tường, “Tùy thuộc vào gió và điều kiện thời tiết, họ sẽ trượt qua mục tiêu và nhảy xuống trong vài phút nữa”.

“Chúng ta sẽ nhận được tin tức về diễn tiến trận tấn công chứ?”

“Chúng ta có thể liên lạc trực tiếp với Thiếu tá Cleary qua vệ tinh đang phục vụ những trạm băng tại Nam Cực và Hệ thống Truyền tin Mc Murdo. Nhưng vì Cleary và người của ông ta sẽ hoàn toàn bận rộn trong giờ sắp tới và có khả năng bị rơi vào vòng đai hỏa lực của bọn Wolf, nên chúng tôi nghĩ tốt nhất là không nên can thiệp hoặc làm gián đoạn phạm trù thông tin của họ”.

“Vậy là chúng ta chẳng có việc gì để làm ngoài chuyện đợi và chờ tin”, Tổng thống Wallace nói một cách máy móc.

Rồi tất cả rơi vào im lặng. Không ai khác trong phòng chiến tranh trả lời ông.

Sau một lúc lâu, Tổng thống thì thầm, “Lạy Chúa, tại sao chúng con phải sa vào chuyện rác rưởi này?”

Lao xuống với vận tốc lớn hơn một trăm hai mươi dặm—giờ, qua tầng sương mù và mây ở độ cao ba mươi lăm ngàn bộ, Thiếu tá Cleary duỗi thẳng hai cánh tay và đối mặt với thứ mà ông chỉ có thể xác nhận là mặt băng vì mây che phủ tất cả dấu vết đường chân trời. Đầu óc ông cố phớt lờ những cú đập của bầu không khí lạnh lẽo hơn là chấp nhận sự tấn công của nó, và ông tập trung ý nghĩ để giữ vị trí ổn định của cơ thể. Ông

nhớ lại và thần cảm ơn Stafford đã giảm vận tốc máy bay lúc họ nhảy xuống. Hành động này đã giúp toán tấn công những điều kiện gần hoàn hảo để họ có thể qui tụ gần nhau và hoàn tất độ cao ổn định mà không bị phân tán mỏng có thể đến cả ngàn bộ lúc mới lao ra và khi đáp xuống có thể lạc nhau đến vài dặm, và trong trường hợp như vậy, họ không thể nào tập trung và phối hợp chiến đấu được.

Ông cử động cổ tay bên trái để điều chỉnh cặp kính râm bảo vệ đôi mắt, đồng thời để nhìn dụng cụ đo độ cao MA2-30 trên cổ tay. Ông đang nhanh chóng lao xuống ở độ cao ba mươi ba ngàn bộ. Không khí cô đặc ở độ cao này, và ông mong chóng thoát khỏi nó. Ông vượt qua tầng không khí dày đặc sương mù và cảm nhận được sự châm chích của không khí trên cơ thể phía trước ngực, trên mặt nạ và cặp kính bảo hộ. Cách xa về bên phải khoảng bốn mươi bộ, ông chỉ có thể nhìn thấy những ánh chớp của vô số tia sáng như đom đóm trong khoảng không gian màu xám.

Những đốm sáng này phát ra từ chớp những nón trùm đầu Gentex của mọi người và đều hướng về phía sau lưng họ. Chúng được bố trí theo hướng đó để cảnh báo người rơi xuống sau không rơi vào người khác lúc mở dù.

Ông thoáng tự hỏi nếu họ đã lao ra khỏi máy bay theo hướng sai lệch thì chuyện gì sẽ xảy ra? Chắc chắn sự việc đã khác nhiều. Hoặc họ sẽ bị gió đẩy dạt ra khỏi mục tiêu, hoặc cũng có thể không xảy ra chuyện đó. Tỷ lệ sẽ là năm mươi - năm mươi. Nhưng lúc này thì ông hoàn toàn tin tưởng khả năng bay của Stafford, và ông cảm thấy lạc quan.

Trong những giây giữa lúc Đại úy Sharpsburg bắt đầu lao ra khỏi cửa máy bay cho tới lúc ông Cleary theo sau, lúc này hoàn toàn bị mọi người lãng quên. Ông nhìn xuống khoảng không bên dưới mình chẳng thấy ai. Tiếp theo, ông kiểm tra độ cao của mình. Ông đang đến gần độ cao hăm tám ngàn bộ.

Theo kế hoạch, mọi người sẽ rơi tự do cho đến lúc họ ở độ cao hăm lăm ngàn bộ, mở dù và tập trung lại trên không và hướng về khu vực đáp. Khi gần đạt độ cao này, mọi người phải nhớ nằm lòng chuỗi động tác tiếp theo của mình. Đó là nơi quan sát không gian chung quanh và cong người càng hoàn chỉnh càng tốt.

Sau đó, chăm chú theo dõi bằng mắt vào sợi dây kéo để bung dù phía bên phải ngay bên ngoài bộ đai mang dù. Bước tiếp theo là nắm chặt và

giật sợi dây bung dù, rồi kiểm tra qua vai phải để biết chắc chắn dù đã bung và hoạt động tốt.

Sau đó, họ phải tiếp tục quan sát những đốm sáng để tránh vướng vào nhau. Tầng mây mỏng dần và họ có thể thấy nhau rõ dần lên khi càng xuống thấp. Độ cao của Thiếu tá Cleary bây giờ là sáu ngàn bộ. Mọi ý nghĩ dừng lại và những năm tháng huấn luyện bắt đầu tác động. Không chút ngần ngại, ông Cleary phản ứng thật chính xác, im lặng lặp lại những động tác trở nên rất quen thuộc. Cong người, quan sát, duỗi tay, kéo, kiểm tra, kiểm tra và kiểm tra.

Chiếc dù MT-Iz của ông Cleary bung ra hầu như ở độ cao chính xác và trải rộng trên đầu ông, mềm mại, phẳng phiu và ông đang rơi với vận tốc một trăm năm mươi dặm-giờ bỗng chốc như dừng lại gần số không. Lúc này ông bị treo lơ lửng bên dưới cơn gió làm căng phồng chiếc dù, và trôi theo nó như một con rối đang mê man.

Như thể cặp loa khuếch đại âm thanh stereo đột ngột tắt ngấm, những tiếng gào rú của gió trượt qua tai ông chợt ngưng bật. Cặp tai nghe trong cái nón trùm đầu Gentex của ông vang lên những âm thanh lộp bộp như bầu khí quyển bị nhiễu. Và lần đầu tiên từ lúc bước ra khỏi cửa máy bay, ông Cleary mới nghe rõ ràng âm thanh hơi thở của mình qua cái mặt nạ dưỡng khí. Ông bất chợt nhìn lên và đặc biệt quan tâm đến từng inch vuông trên cái dù của mình để xem có lỗ rách nào không, kể cả những nếp gấp đáng ngờ.

“Phù thủy, đây là Người Thiếc, yêu cầu kiểm tra chung, hết”.

Giọng nói của Trung úy Garnet vọng ra từ cặp tai nghe. Mọi người thông tin với nhau qua một microphone nhỏ vô tuyến Motorola gắn trong nón trùm đầu.

Ông Cleary trả lời, khởi đầu cho sự kiểm tra bằng thông tin, “Gọi cả toán, đây là Phù thủy, theo trình tự hãy báo cáo tình trạng của các bạn, hết. Vì không thể nhìn được, ông Cleary không thấy được toàn nhóm. Ông phải nhờ những chỉ huy của từng nhóm nhỏ báo cáo chi tiết.

Đại úy Sharpsburg trả lời đầu tiên, “Phù thủy, đây là Sư tử. Tôi đang ở điểm sáu ngàn bộ. Tôi cũng không nhìn thấy hết người của mình, trừ hai người. Sẽ đứng bên cạnh để hướng dẫn con bộ que vào mục tiêu”.

Con bộ que là tiếng lóng chỉ một nhóm người nhảy xuống cùng một hàng.

“Nghe rõ cậu, Sư tử”, ông Cleary nói.

“Phù thủy, đây là Bù nhìn”, Jacobs của Thủy quân Lục chiến nói. “Đang ở tại hăm bốn ngàn bộ và mọi người của tôi đều thấy nhau rõ. Hết”.

Tiếp theo là Garnet của Lực lượng Hải quân, “Phù thủy, đây là Người Thiếc. Tôi nhìn rõ mọi người của mình, trừ một người”.

“Nghe rõ, Người Thiếc”, ông Cleary trả lời.

Ông Cleary đi đầu chỉnh những dây dù bên trái và bên phải cho chiếc dù căng phồng. Ông cảm thấy nó tăng tốc lướt tới. Cặp tai nghe của ông vo ve những âm thanh của các thành viên đang báo cáo với chỉ huy đáng kính của họ. Ông lại kiểm tra trong đầu những diễn tiến đang chờ đợi trước mắt. Nếu toán tấn công đã thư giãn vì họ phối hợp đúng, họ sẽ đáp xuống giữa một khoảng băng rộng gần bờ rào an ninh của khu khai thác mỏ. Khoảng cách này sẽ che giấu họ, và họ có thể tập trung lại trước khi tấn công.

Ông có thể cảm nhận cơn gió ào ào qua khi chiếc dù của ông đón nhận nó. Ở độ cao mười chín ngàn bộ, những tầng mây đã mở rộng, để lộ ra màu trắng trơ trụi trải rộng của vùng băng Nam Cực. Những chiếc dù bung rộng, uốn éo phía dưới trước mắt ông với những đốm sáng trông như những bóng đèn trên cây giáng sinh khổng lồ bên trên đường chân trời trống rỗng.

Bất chợt, giọng nói của Garnet gọi ông, “Phù thủy, đây là Người Thiếc. Tôi thiếu một người, nhắc lại, nhắc lại, thiếu một người, hết”.

Mẹ kiếp, ông Cleary nghĩ, ông không hỏi tên người bị mất tích. Đi đầu đó không cần thiết. Nếu anh ta có một hành động sai chức năng, hoặc chiếc dù chính của anh ta không bung, anh ta sẽ ở một nơi nào đó bên dưới những chiếc dù dẫn đầu đang hướng về khu vực tập trung và được treo bên dưới cái dù dự phòng. Ông không hề có ý nghĩ anh ta rơi xuống và chết. Đi đầu đó rất hiếm xảy ra. Một khi đã xuống tới mặt đất, người bị lạc sẽ dựa vào những kỹ năng của mình để sống sót cho tới khi một đội tìm kiếm có thể được phái đi, sau khi việc tấn công kết thúc thắng lợi.

Ông Cleary chỉ liên lạc với toán của kẻ bị lạc, “Người Thiếc, đây là Phù thủy. Anh ta mang theo những gì?”

“Phù thủy, chúng tôi mất toàn bộ một trang bị dùng để phá hủy và hai Law, hết”.

Không khá. Law là một vũ khí nhẹ dùng để chống xe bọc thép, một dụng cụ công phá rất mạnh, chỉ bắn một lần rồi ném bỏ. Nó có thể phá hủy hoàn toàn một xe bọc thép. Còn trang bị dùng để phá hủy là một khối chất

nổ C-4 bằng plastic, nặng ba mươi cân Anh, ngòi nổ và đồng hồ định giờ. Họ rất cần loại dụng cụ công phá này khi phải đương đầu với những chướng ngại vật hoặc những công sự.

“Phù thủy gọi tất cả các thành viên. Mục tiêu còn cách tám dặm. Hãy tắt tất cả những đèn sáng và cố duy trì im lặng tối đa các phương tiện thông tin vô tuyến. Áp cận mục tiêu càng gần càng tốt. Hết”.

Trong mười lăm phút nữa, họ sẽ đáp xuống bãi đáp định sẵn. Ông Cleary nhìn đồng hồ đeo tay. Họ vẫn còn chạy đua với thời gian, và thời gian còn lại không nhiều. Ông hy vọng kẻ bị mất tích không phải là một điếm xấu. Vô số chuyện có thể xảy ra trong nửa giờ sắp tới. Họ không thể bị lạc thêm một người nào nữa với những vật dụng của anh ta. Đuôi gió đẩy họ tới thật êm. Ông Cleary nhìn về phía trước và phía dưới, hài lòng vì đội hình rất sát sao và những chiếc dù đúng như mong đợi, chúng rất ổn định. Theo kế hoạch, họ đang cách bãi đáp ở độ cao tám ngàn bộ.

Khu khai mỏ càng trở nên gần hơn. Có thể nhận ra chi tiết những toà nhà qua những chỗ hở của những đám mây. Lúc này, khi đang ở độ cao tám ngàn bộ và trong giai đoạn dễ bị tấn công nhất trước khi họ an toàn đáp xuống mặt bằng.

Ở độ cao bảy ngàn bộ, Thiếu tá Cleary cảm thấy có điều gì đó không ổn. Ông đang lệch với tốc độ gió. Chiếc dù của ông bắt đầu giật và một cơn gió ập tới. Bằng trực giác, ông đưa bàn tay tìm những cái chốt cài nằm bên hông phía sau đai đeo dù. Đó là những dụng cụ để điều chỉnh sự thăng bằng của chiếc dù, làm tăng góc tiếp xúc với gió đổi chiều.

“Phù Thủy, đây là Sư tử. Chúng tôi bị gió xoay chiều tấn công”.

“Hiểu rồi, Sư tử. Tôi cũng bị, dù đang ở độ cao khác các cậu. Mọi người hãy chỉnh những chốt cài và giữ yên hướng lao xuống”.

Ông Cleary nhìn xuống dưới và nhận ra rằng mặt bằng đang lướt qua dưới chân, ở độ cao hai ngàn bộ, đuôi gió lại nâng họ lên và không còn gió đổi chiều nữa. Ông quét đôi mắt khắp khu vực khai mỏ để tìm kiếm những di chuyển và hành động bên dưới. Mọi thứ trên mặt bằng vẫn có vẻ bình thường. Những cuộn hơi nước màu trắng hiện ra tại những nơi không khí ẩm và mệt mỏi thoát ra khỏi những toà nhà. Không một dấu hiệu bình yên lừa đảo nào.

Sau cùng, ông Cleary đã nghe được điều ông vẫn đợi.

“Phù thủy, đây là Sư tử. Tôi đã trông thấy bờ rào an ninh và nhận ra khu vực đáp. Hầu như chúng tôi đã về nhà”.

“Nghe rõ rồi, Sư tử”, ông Cleary trả lời, nhẹ nhõm.

Ông quan sát bộ phận tiên tiêu đang nhẹ nhàng hướng về phía bên phải và chuẩn bị đáp xuống. Những chiếc dù khác ngay tức khắc bám theo sau.

“Phù thủy”, Sư tử báo cáo mà không xưng mật danh, “năm trăm bộ và chuẩn bị đáp”.

Ông Cleary không trả lời. Không cần làm chuyện đó. Ông nắm chiếc dù đầu tiên đáp xuống bãi và tháo dù. Tiếp theo là chiếc dù thứ hai rồi thứ ba. Lúc những người lính chạm mặt băng, họ nhanh chóng tháo bỏ những thứ vướng víu, càng nhiều càng tốt, rồi nhanh chóng tạo một vành đai phòng ngự.

Lúc này, ở độ cao năm trăm bộ, ông Cleary quan sát toán thủy quân Lục chiến trong Lực lượng Delta của Trung úy Jacobs đáp xuống và sau đó là toán lính Hải quân của Trung úy Garnet. Lúc này đã vào đúng điểm đổi hướng, ông kéo mạnh chốt cài bên trái và xoay một góc chín mươi độ lao tới, khoảng một trăm mét, lặp lại động tác cho tới khi ông đối mặt với cơn gió. Ông cảm thấy nó đẩy vào cơ thể, làm chậm lại hướng lao tới của chiếc dù. Sau đó, ông đưa cả hai chốt cài vào điểm giữa rồi nhìn mặt băng và dụng cụ đo độ cao.

Ông nhanh chóng đạt độ cao hai trăm bộ. Mặt băng nhanh chóng trồi lên đón ông. Đến độ cao một trăm bộ, ông thả lỏng những chốt cài, hoàn toàn để rơi tự do. Sau đó, dựa vào sự khéo léo và kinh nghiệm bản thân, ông Cleary kéo những chốt cài xuống cho tới lúc chúng hết tầm, và chân ông chạm mặt băng Nam Cực, nhẹ nhàng như thể ông rời khỏi bàn đạp bộ yên ngựa.

Ông nhanh chóng tháo bỏ bộ dây đai và ném xuống băng toàn bộ hệ thống chiếc dù đã mang ông an toàn tới điểm đến. Rồi ông quỳ xuống, chuẩn bị khâu tiêu liên spartan Q-99 Eradicartor để có thể sử dụng ngay.

Gamet, Sharpsburg, Jacobs đã có mặt bên cạnh ông chỉ trong vòng ba mươi giây. Họ thảo luận thật nhanh, xác định vị trí của mình và chuẩn bị lần cuối cùng cho việc họ sẽ di chuyển về phía trung tâm kiểm soát của khu khai mỏ. Sau khi chỉ thị lần chót cho Đại úy Sharpsburg, người sẽ đảm trách nhiệm vụ chỉ huy tấn công thay thế ông Cleary trong trường hợp ông này chết hoặc bị thương trầm trọng, ông nhìn về hướng khu khai mỏ qua cặp ống dòm. Không thấy bất kỳ dấu hiệu phòng ngự nào, ông Cleary ra

lệnh cho các toán di chuyển không cần theo chiến thuật và ông giữ vị trí trung ương để kiểm soát các mặt.

Không muốn chết, từng cơn gió vùng vẫy để sống sót cho đến khi không còn chút sức lực nào tồn tại bên trong nó. Rồi nó lặng mất, để lại mặt trời làm biến dạng những tinh thể băng bị gió thổi dạt thành những cụm bụi sáng lóng lánh. Ánh sáng màu xám ảm đạm lại biến thành màu xanh và bầu trời trở nên trong vắt lúc chiếc xe trượt băng khổng lồ Snow Cruiser lù lù bò qua cánh đồng băng. Cổ máy đồ sộ này đã chứng tỏ nó là một khách hàng thô lỗ. Những động cơ hoạt động không chút lỗi lầm, những bánh xe càn lướt qua mọi địa hình tuyết và băng. Nó không hề ngưng ngắc hay loạng choạng suốt trên bão tuyết quỷ quyệt, Nhưng những âm thanh bị bóp nghẹt từ ống thoát khí của nó đã phá tan bầu không khí yên tĩnh trên miền băng giá lẻ loi này.

Sau khi được nhiệt lượng từ các động cơ sưởi ấm, Pitt cảm thấy đã sẵn sàng đối mặt trở lại với thực tế. Anh nhận tay lái từ Giordino. Anh này tìm thấy một cây chổi trong phòng máy và dùng nó để quét lớp tuyết đọng trên mặt kính chắn gió. Không còn bị những lớp tuyết ngăn cản, những thanh quạt nước hoạt động trở lại và quét sạch những kính chắn gió. Rặng núi Rockefeller hiện ra từ xa và nhô lên khỏi mũi chiếc xe. Họ đã tới gần đích lắm rồi.

Pitt đưa tay chỉ về phía những đốm đen nổi bật trên nền tuyết trắng của đường chân trời phía bên trái anh, “Những cơ xưởng của bọn Wolf nằm ở đó”.

“Chúng ta đã làm tốt đấy chứ”, Giordino nói. “Chúng ta đã không bị lệch hướng quá một dặm suốt thời gian xảy ra trận bão tuyết”.

“Còn phải vượt một chặng khoảng ba hoặc bốn dặm. Chúng ta sẽ tới nơi trong hai mươi phút nữa”.

“Cậu định phá tan bữa tiệc mà không báo trước à?”

“Thật chẳng khôn ngoan chút nào nếu đâm đầu vào một toán an ninh đã được chuẩn bị của chúng”, Pitt trả lời. “Cậu nhìn thấy chỗ đá nhô ra từ khối băng thẳng góc với chân dãy núi chứ?”

“Tôi thấy”.

“Chúng ta có thể chạy dọc bờ vào mà không bị phát hiện, ta lợi dụng nơi đó để ẩn nấp trong lúc tiến gần lại trong hai dặm cuối cùng”.

“Hoàn toàn có thể làm đi đâu đó”, Giordino nói, “nếu chúng không phát hiện khối xả từ chiếc xe Snow Cruiser”.

“Thì cậu bịt mấy cái ống xả lại”, Pitt ngoác miệng cười.

Họ vượt khỏi mặt băng mênh mông của khối băng Ross Ice Shelf và đi vòng theo chỗ đá nhô ra từ chân rặng núi như một cái lưỡi khổng lồ thè ra, cố ôm sát chân núi để không bị phát hiện khi họ đến gần vòng rào khu khai mỏ. Chẳng mấy chốc, họ đã lái xe chạy dọc dưới những vách đá dựng đứng màu xám như những ngọn tháp với những nhũ băng treo lơ lửng từ những chóp đá trông như những thác nước đã đông cứng, lấp lánh những màu lục và xanh dưới tia nắng mặt trời. Lối đi họ chọn dọc theo chân núi không bằng phẳng mà nhấp nhô dợn sóng.

Pitt đổi sang số hai để cho chiếc Cruiser bò lên một dãy những gò thấp và thung lũng. Chiếc xe khổng lồ ngốn những

bước dài qua mặt băng lồi lõm, những bánh xe rộng lớn của nó lên xuống những gò băng chẳng một chút mệt nhọc. Đôi mắt Pitt quét qua băng kiểm soát hàng chục lần. Những dụng cụ báo nhiệt độ cho thấy nhiệt độ động cơ đã tăng trở lại, nhưng lần này họ có thể để cửa xe mở mà không phải chịu đựng sự hành hạ của trận bão tuyết.

Họ đang băng qua một miệng hẻm núi hẹp thì Pitt đột ngột dừng chiếc xe lại.

“Cái gì thế?” Giordino nhìn Pitt hỏi. “Cậu phát hiện đi đâu gì hả?”

Pitt chỉ xuống qua kính chắn gió, “Có những vết bánh xe dẫn vào hẻm núi. Những dấu vết này chỉ có thể là vết bánh xe trượt băng”.

Đôi mắt Giordino theo dõi ngón tay chỉ của Pitt. “Những dấu vết này còn rõ, chứng tỏ chiếc xe chỉ mới đi qua sau khi trận bão tuyết chấm dứt”.

“Tại sao một chiếc xe trượt băng lại lang thang tới một hẻm núi xa lắc chứ?”

“Một lối vào khác của khu khai mỏ?”

“Có thể lắm”.

“Chúng ta sẽ theo dấu chúng?”

Giordino phì cười, “Tôi chết vì tò mò mất”.

Pitt xoay tay lái cho tới lúc nó hết vòng quay, và chiếc Cruiser bề ngoác về phía dẫn vào hẻm núi. Những vách đá dựng nhô lên một cách nham hiểm bên trên hẻm núi, chiều cao của chúng tăng dần lên cho tới khi

ánh sáng mặt trời trở nên nhợt nhạt khi họ tiến sâu hơn vào trong núi. May mắn là những chỗ ngoằn ngoèo và những khúc quanh không khắc nghiệt lắm, và chiếc Cruiser có thể len lỏi qua được. Mối lo duy nhất của Pitt là họ chẳng thấy gì khác ngoài một vách đá và phải lộn lại qua hẻm núi vì họ không có đủ khoảng trống để trở đầu xe. Khi còn cách miệng hẻm núi chừng một phần tư dặm, Pitt dừng xe lại trước một vách băng vững chắc.

Lối đi kết thúc ở đó, Áo tưởng tan vỡ xâm chiếm đầu óc họ.

Cả hai bước ra khỏi chiếc Snow Cruiser và nhìn lên vách đá dựng đứng. Pitt cúi xuống quan sát những vết bánh xe dẫn vào hẻm núi và chấm dứt tại vách đá. “Lớp tuyết dày lên. Chiếc xe trượt băng không thể quay đầu ở đây”.

“Chắc chắn như thế, vì không có dấu vết bánh xe chứng tỏ đi đầu đó”, Giordino nhận xét.

Pitt bước tới cho tới khi mặt anh chỉ còn cách vách đá phủ băng vài inch, khum hai bàn tay quanh mắt để ngăn ánh sáng làm chói mắt, và chăm chú quan sát. Anh chợt nhìn thấy vài đường nét mờ sau lớp băng. “Có cái gì đó ở đây”, anh nói.

Giordino cũng nhìn vào lớp băng và gật đầu, “Có phải đây là nơi người ta đọc câu thần chú <Vùng ời, mở ra> không nhỉ?”

“Tất nhiên không phải câu thần chú đó rồi”, Pitt nói, giọng thâm trầm.

“Có lẽ nó phải dày tới ba bộ”.

“Cậu cũng suy nghĩ đi đầu tôi suy nghĩ à?”

Giordino gật đầu, “Tôi sẽ ở lại bên ngoài để yểm trợ cho cậu với khẩu Bushmaster của tôi”.

Pitt lại mò vào trong chiếc Cruiser, cài số lui. Chiếc xe lùi lại khoảng năm chục bộ, giữ cho những bánh xe song song với những vết bánh xe do chiếc xe trượt tuyết để lại. Anh dừng xe, hai bàn tay ghì chặt tay lái, dán cứng thân mình vào ghế ng ồi, để phòng trường hợp kính chắn gió bị vỡ và băng va vào. Sau đó, anh cài số một và đạp hết chân ga. Với một tiếng g ầm dội ra từ ống xả khí, cỗ máy khổng lồ ch ồm tới, tăng tốc rồi đâm sầm vào bức tường băng, làm rung chuyển mặt đất dưới chân Giordino.

Băng vỡ toang và văng tung tóe thành hàng ngàn mảnh từ trên cao rơi xuống như một vòi sen phủ chụp lên chiếc Snow Cruiser màu đỏ trông giống một chùm đèn treo bằng thủy tinh đổ ập xuống. Âm thanh của sự va chạm vang lên như tiếng nghiền răng của một con quỷ khổng lồ. Lúc đầu,

Giordino nghĩ có lẽ chiếc xe phải tấn công bức tường băng vững chãi này nhiều lần mới có thể xuyên qua nó, nhưng hầu như anh ta đã bị bỏ lại phía sau khi nó đâm thủng chướng ngại vật chỉ với đợt tấn công đầu tiên và biến mất về phía bên kia. Anh chàng người Ý vội vã chạy theo, khẩu súng trong hai cánh tay, giống như một lính thiết giáp chạy theo một chiếc xe bọc thép lúc tấn công.

Khi đã qua khỏi vách băng, Pitt dừng xe lại và phủi sạch những mảnh kính vỡ trên mặt và trước ngực. Một mảnh băng lớn lọt qua giữa tấm kính chắn gió, trượt qua sát thân mình anh trước khi rơi xuống sàn xe và văng tứ phía. Một gò má và trán Pitt bị kính vỡ cắt rách. Nhưng không có vết thương nào đủ sâu để phải khâu lại, tuy nhiên, máu từ những vết thương chảy ra khiến anh trông như có vẻ bị thương nặng. Anh quệt dòng máu che hai con mắt với ống tay áo rồi nhìn xem tình trạng chiếc xe.

Nó đang dừng lại trong một đường hầm khá rộng, hai bánh xe trước đâm dính vào một vách băng đối diện với lối vào đã bị phá vỡ. Về cả hai hướng ngược nhau của đường hầm hoàn toàn vắng vẻ. Không thấy dấu hiệu thù địch nào. Giordino lao vào chiếc Cruiser và leo lên cái thang dẫn tới buồng lái. Anh nhìn thấy Pitt đang mỉm cười như một con quỷ với gương mặt bê bết máu.

“Trông cậu thảm hại quá”, anh ta nói, cố tìm cách đỡ Pitt ra khỏi chỗ ngồi dành cho người lái.

Pitt nhẹ nhàng đẩy bạn mình ra, “Chỉ trông có vẻ thế thôi. Chúng ta cũng không có thì giờ để băng bó vết thương. Cậu chỉ cần dán lên chỗ rách phía trên mắt với một miếng băng sơ cứu trong tủ thuốc trên xe. Trong lúc đó, tôi quyết định chúng ta sẽ tiếp tục đi về phía trái đường hầm. Trừ phi tôi đoán sai, hướng đó sẽ đưa ta tới vùng rào khu khai mỏ”.

Giordino hiểu việc tranh cãi về giải pháp của Pitt lúc này thật vô nghĩa. Anh lao vội xuống cabin dành cho thủy thủ rồi quay lại với những dụng cụ sơ cứu trong một cái hộp cứu thương chưa được mở ra từ năm 1940. Anh lau sạch vết máu đã đông trên mặt Pitt rồi thuốc sát trùng lên những vết cắt, và sau cùng băng những vết thương lại. “Một sinh mạng được cứu sống bởi hai bàn tay khéo léo của bác sĩ Giordino, chuyên gia phẫu thuật của Nam Cực”.

Pitt nhìn vào gương mặt anh phản chiếu trong tấm gương soi. Dù mọi loại vải băng vết thương quấn chằng chịt quanh hộp sọ của anh.

“Cậu làm cái quái gì thế này?” Anh hỏi với vẻ đau khổ, “Trông tôi chẳng khác gì một xác ướp”.

Giordino vờ lúng túng, “Khoa thẩm mỹ không phải là một trong những điểm mạnh của tôi mà”.

“Về thuốc men thì cậu cũng chẳng hơn gì”.

Pitt lại khởi động động cơ và đi đầu khiển chiếc xe lùi và tới cho đến khi anh có thể cho nó chạy thẳng dọc theo đường hầm. Lần đầu tiên, anh hạ kính cửa sổ xe xuống để quan sát độ rộng của đường hầm. Anh hình dung khoảng cách giữa hai vách đường hầm và hai trục bánh xe không lớn hơn mười tám inch. Rồi anh dồn sự chú ý vào một ống dẫn tròn lớn chạy dọc sát vách đường hầm với những ống dẫn nhỏ hơn thẳng đứng từ lõi cái ống dẫn lớn và mất hút trên trần đường hầm.

“Cậu sẽ làm gì với cái đó?” Anh hỏi, vừa chỉ vào cái ống dẫn.

Giordino bước xuống khỏi chiếc xe, len vào giữa một bánh xe trước và ống dẫn rồi đặt hai bàn tay lên nó, “Không phải là vật dẫn dây điện”, anh nói. “Nó phải được dùng vào một mục đích khác?”

“Nếu đúng như tôi nghĩ thì nó là.”, giọng Pitt bất chợt nghẹn lại.

“Một bộ phận của hệ thống làm tách rời khỏi băng”, Giordino nói, chấm dứt dòng suy nghĩ của bạn mình.

Pitt thò đầu ra ngoài cửa sổ và nhìn lui vào đường hầm kéo dài đến mất tầm mắt, “Nó phải trải dài một ngàn bốn trăm dặm từ vòng rào khu mỏ cho tới đầu mút đối diện của khối băng”.

“Không thể tin được bọn chúng có đủ kỹ thuật đào một đường hầm bằng khoảng cách giữa San Francisco với Phoenix”.

“Dù tưởng tượng được hay không”, Pitt nói, “thì bọn Wolf cũng đã làm chuyện đó. Cậu phải nhớ là đào một đường hầm xuyên qua băng thì dễ hơn qua đá cứng nhều”.

“Chuyện gì sẽ xảy ra nếu chúng ta cắt một lỗ thùng trên tuyến dẫn này và ngăn chặn bất kỳ hệ thống kích hoạt nào chúng đã tạo ra để thực hiện việc tách rời khỏi băng?” Giordino hỏi.

“Một sự rạn nứt có thể làm cho đi đầu đó xảy ra sớm hơn”, Pitt trả lời. “Chúng ta không thể may mắn, trừ phi tìm ra một giải pháp khác. Chỉ tới lúc đó ta mới có thể liêu lĩnh phá vỡ hệ thống ống dẫn này”.

Đường hầm trông giống một cái miệng khổng lồ đen ngòm. Ngoại trừ thứ ánh sáng lờ mờ của mặt trời xuyên qua lớp băng dày, không còn thứ ánh sáng nào khác. Một hệ thống soi sáng với những bóng đèn cao áp

nằm rải rác cách đầu nhau hai mươi bộ chạy dọc suốt trần đường hầm nhưng vẫn không đủ soi sáng mọi nơi. Pitt cài số, chiếc xe bắt đầu tăng tốc chạy dọc theo đường hầm cho tới lúc họ đạt vận tốc hai trăm dặm-giờ. Dù đó mới chỉ là vận tốc của một vận động viên xe đạp, nhưng có vẻ như nó sẽ làm gãy cổ như chơi trong đường hầm chật hẹp này.

Trong lúc Pitt chăm chú giữ cho chiếc Snow Cruiser không va quệt vào vách băng vô tình, Giordino ngẩng trên ghế dành cho hành khách, khẩu súng tiểu liên đặt trên đùi, quan sát phía trước cho đến hết tầm nhìn, cố nhận ra một dấu hiệu di chuyển hoặc bất kỳ sự cố nào khác trên ống dẫn chính và những ống dẫn phụ từ trần đâm xuống và biến mất dưới sàn.

Tình trạng vắng vẻ bất thường trong đường hầm gợi cho Pitt ý nghĩ bọn Wolf và những công nhân của chúng đang rời bỏ khu khai mỏ để chuẩn bị trốn lên những chiếc tàu cứu nạn khổng lồ. Anh lao chiếc xe tới với vận tốc nhanh nhất có thể, thỉnh thoảng, trục các bánh xe va quệt vào hai vách băng hai bên tạo nên những đường rãnh trước khi chạy thẳng lại. Anh bắt đầu cảm thấy lo sợ. Họ đã mất quá nhiều thì giờ trong đường hầm này. Thời biểu gã Karl Wolf báo cho anh biết lúc gặp hấn tại Buenos Aires là bốn ngày và mười giờ.

Đã qua bốn ngày tám giờ và bốn mươi phút, anh chỉ còn một giờ và hai mươi phút là thời khắc Karl Wolf rẽ bấm nút để tách rời khỏi băng.

Pitt phỏng đoán còn khoảng một dặm hoặc một dặm rưỡi nữa mới tới trung tâm khu khai mỏ. Anh và Giordino không có những bản đồ khu vực này do vệ tinh cung cấp, vì vậy, một khi họ đã lọt vào khu trung tâm, có thể họ vẫn không biết và tất cả chỉ là suy đoán. Câu hỏi cứ lảng vảng trong óc anh là có thể toán những Lực lượng đặc biệt đã tới nơi và đã thành công trong việc loại bỏ bọn giết mướn của Karl Wolf. Bọn chúng đã chiến đấu một cách vô ích... vì gia đình Wolf đã hứa chắc chắn sẽ cứu chúng và gia đình thoát khỏi thảm họa diệt vong. Bất cứ suy nghĩ cách nào về điều đó, anh vẫn không sao hình dung được một bức tranh sáng sủa.

Mười tám phút trôi qua sau khi im lặng vượt qua đường hầm, Giordino hất đầu và chỉ tay về phía trước, “Chúng ta sắp tới một giao lộ”.

Pitt cho chiếc Snow Cruiser chậm lại trong lúc họ đến gần một giao điểm có năm đường hầm tỏa ra các hướng khác nhau. Tình trạng tiến thoái lưỡng nan làm họ điên đầu. Thời gian không cho phép họ chọn lựa sai lầm. Anh lại chồm ra ngoài qua cửa sổ bên hông và quan sát mặt sàn đường hầm. Những vết bánh xe dẫn vào cả mọi hướng, nhưng những vết sâu nhất

có vẻ như dẫn vào một đường hầm về phía bên phải. “Đường hầm bên phải có vẻ như được sử dụng nhiều hơn cả”.

Giordino nhảy xuống xe và biến mất trong đường hầm. Vài phút sau, anh quay lại. “Cách nơi này khoảng hai trăm mét, hình như đường hầm mở rộng vào một hang động lớn hơn”.

Pitt khẽ gạt đầu rồi quay đầu xe đi vào đường hầm bên phải. Những kiến trúc lạ lùng bắt đầu hiện ra và gắn liền với những bức tường băng, nửa ẩn nửa hiện nhưng nằm thẳng hàng cho thấy chúng do bàn tay con người tạo thành hơn là những cấu trúc thiên nhiên. Trong lúc Giordino cố nhận xét, đường hầm nhanh chóng mở rộng, dẫn vào một hang động mênh mông có cái mái vòm với vô số nhũ băng treo lơ lửng như cái vôi bạch tuộc. Ánh sáng hắt xuống từ nhiều lỗ trống trên mái vòm soi sáng trong hang. Quang cảnh trông như một nơi nào không thuộc về Trái Đất mà thuộc về một thế giới huyền bí, không có thời gian. Bị cảnh tượng mê hoặc, Pitt chậm rãi cho chiếc Cruiser dừng lại.

Cả hai người đàn ông lặng đi trong ngạc nhiên.

Họ nhận ra mình đang đứng tại một nơi đã từng là một khu vực rộng lớn được vây bọc bởi những toà nhà làm từ băng của một thành phố cổ đại.

Không còn được che giấu bởi tấm màn an toàn của cơn bão tuyết, những cơn gió cũng yếu đi, chỉ còn năm dặm mỗi giờ, Thiếu tá Cleary cảm thấy trần trụi, trong lúc toán quân áo trắng của ông dàn ra và bắt đầu tiến lại gần khu khai mỏ. Họ lợi dụng ưu thế của những chỗ băng lồi lên như những bướu lưng lạc đà để ẩn nấp cho tới khi đến bờ rào cao chạy tư chân núi tới vách băng trên bờ biển và bao quanh vành đai khu khai mỏ chính.

Thiếu tá Cleary không nhận được tin tức tình báo nào về lực lượng của đối phương, những kẻ mà người của ông phải đương đầu. Đơn giản chỉ vì CIA chưa bao giờ xem bọn người này là mối đe dọa cho nền an ninh của Hoa Kỳ. Và khi phát hiện sự thật khủng khiếp vào giờ phút chót thì họ không còn bao nhiêu thời gian để chuẩn bị cho việc xâm nhập, ngay cả trong chiến thuật nấp và chạy lúc này. Đây là một chiến dịch tạm thời, không phức tạp, đòi hỏi kết thúc nhanh chóng. Lệnh bảo họ phải làm tê liệt khu khai mỏ và ngăn cản hành động tách rời khỏi băng trước khi một toán lực lượng Đặc biệt khác gồm hai trăm người sẽ đến chỉ trong một giờ nữa.

Tất cả những gì ông Cleary được thông báo là lực lượng an ninh của bọn Wolf đều là những tên giết mướn chuyên nghiệp được tuyển lựa từ những đơn vị tác chiến tinh nhuệ trên khắp thế giới. Đó là thông tin do cơ quan Hàng hải và Hoạt động Dưới nước của Hoa Kỳ (NUMA) cung cấp và NUMA không phải là một tổ chức tình báo, ông Cleary kết luận. Nhưng ông lại tin tưởng những người lính ưu tú của mình có thể đối phó mọi kẻ thù họ phải đương đầu.

Có đi đâu ông không rõ là nhóm nhỏ của ông sẽ phải chiến đấu với tỉ lệ một chống ba.

Di chuyển theo hai hàng dọc, họ áp sát được điểm lúc đầu trông có vẻ như một bờ rào đơn giản, nhưng nó lại là hai lớp rào với một đường mương nằm giữa. Hình như nó được xây dựng từ nhiều thập niên trước. Một tấm bảng nước sơn đã bay màu nhưng vẫn có thể đọc được hàng chữ “Cấm vượt qua”, viết bằng tiếng Đức. Được treo bằng một sợi xích, bên trên tấm bảng là những hàng dây thép gai và những ngạnh gai đã trở nên vô hại từ lâu vì lớp băng dày bọc kín chúng. Trước kia, đường dây thép gai trên cùng có thể cao hơn mặt băng nhiều bộ, nhưng những lớp băng chồng chất nhau cao dần lên, nên giờ đây người ta có thể dễ dàng bỏ một chân qua nó và vượt qua. Đường mương giữa hai lớp rào cũng đã bị lấp đầy băng, trở nên nhỏ hơn một luống cày, thấp và tròn. Lớp rào thứ nhì cao hơn và vẫn còn nhô lên khoảng bảy bộ trên mặt băng nhưng không phải là một chướng

ngại nghiêm trọng. Họ mất những phút quý giá để cắt đứt những chướng ngại cho đến khi có thể xâm nhập vào bên trong hàng rào. Ông Cleary xem đây là một triệu chứng tốt vì họ đã xâm nhập vào vòng ngoài vành đai mà không bị phát giác.

Khi đã lọt vào bên trong, việc di chuyển của họ bị ngăn chặn bởi một dãy những tòa nhà không có cửa sổ. Ông Cleary ra lệnh dừng lại. Ông nghiên cứu một tấm không ảnh chụp khu vực này cỡ 15 X 18 inch. Dù đã nhớ kỹ từng lối đi, từng cấu trúc trong lúc bay từ Cape Town cũng như Sharpsburg, Jacobs và Gamet, ông vẫn muốn so sánh từng dấu hiệu trên bản đồ với thực tế họ đã trải qua. Và ông vui thích khi thấy chỉ còn năm mươi bộ nữa họ sẽ tới đúng điểm chọn. Lần đầu tiên từ khi đáp xuống, lập lại đội hình và đi tới qua mặt băng, ông mới nói vào máy vô tuyến truyền tin Motorola.

“Người Thiếc?”

“Tôi nghe rõ, Phù thủy”, giọng của Trung úy Warren Gamet trả lời.

“Tới đây chúng ta phải chia nhau ra”, ông Cleary nói. “Cậu đã biết đi đâu gì đang đợi nhóm Hải quân của cậu. Chúc may mắn”.

“Chúng tôi đi ngay, Phù thủy”, Garnet tỏ ra biết phải làm gì. Nhiệm vụ của ông ta - như đã được phân công cho toán Hải quân - là mở đường và tiến vào trung tâm khu khai mỏ.

“Bù nhìn?”.

Trung úy Miles Jacobs của Thủy quân Lục chiến trả lời ngay, “Tôi nghe rõ, Phù thủy”, Jacobs và người của ông ta có nhiệm vụ bao vây và tấn công trung tâm kiểm soát từ phía ngo ra biển.

“Cậu phải di chuyển xa nhất đây, Bù nhìn. Tốt nhất khởi hành ngay đi”.

“Chúng đã đi được nửa đường tới đó”, Jacobs trả lời, giọng tự tin, trong lúc ông ta và toán Thủy quân Lục chiến di chuyển xuống một lối đi bên hông dẫn tới khu trung tâm kiểm soát.

“Sư tử?”

“Sẵn sàng càn quét”, Đại úy Sharpsburg của Lực lượng Delta vui vẻ trả lời.

“Tôi sẽ hộ tống cậu”.

“Rất hân hạnh có một tay lão luyện bên cạnh”.

“Chúng ta đi thôi”.

Không chỉnh đờng hồ đễ thống nhất giờ giấc, không trao đổi gì thêm qua máy bộ đàm, toán tấn công chia nhánh và mở đường tiến về những mục tiêu dành cho họ. Tất cả đều hiểu họ phải làm gì. Bất cứ hành động thừa thải nào làm lãng phí thời gian cũng có thể khiến họ thất bại. Ông Cleary không nghi ngờ gì về việc người của ông sẽ chiến đấu như những kẻ độc ác hoặc sẽ chết không chút ngại ng ần để ngăn cản bọn Wolf trong việc thực hiện tội ác của chúng.

Họ di chuyển nhẹ nhàng như một dòng nước chảy lặng lẽ, đúng theo đội hình tấn công, hai người cách nhau mười mét về mỗi bên, và hai người tiếp theo hướng về phía sau. Cứ mỗi năm chục mét, họ dừng lại, nằm phục xuống mặt băng hoặc nấp vào bất kỳ thứ gì có thể che giấu sự có mặt của họ, trong lúc Thiêu tá Cleary nghiên cứu địa hình và kiểm tra hai toán Hải quân và Thủy quân Lục chiến qua máy bộ đàm.

“Người Thiếc, báo cáo đi”.

“Đường sạch sẽ. Còn cách mục tiêu chưa đầy ba trăm mét.

“Bù nhìn, có khó khăn gì không?”

“Nếu không tin chắc, tôi sẽ bảo nơi này hoàn toàn bị bỏ hoang”, Jacobs trả lời.

Ông Cleary không nói gì, nhồm lên từ chỗ nấp, trong lúc Sharpsburg di chuyển toán Sư tử của ông ta về phía trước.

Trước mặt cánh quân này, khu cơ xưởng có vẻ giống như một nơi hoang phế lâu ngày. Ông Cleary không thấy có dấu hiệu gì đặc biệt ở đó. Cả khu vực hoàn toàn trống trải. Không bóng dáng một công nhân nào. Không có xe cộ qua lại. Tất cả yên tĩnh một cách kỳ lạ. Toàn khu bên trong vòng rào bao trùm một không khí im lặng lạnh lẽo và quái dị.

Karl Wolf chăm chú quan sát những màn hình trong phòng chỉ huy của bộ phận an ninh nằm trong tầng bên dưới trung tâm kiểm soát chính. Hắn thích thú ngắm cảnh ông Cleary và người của ông tìm cách băng qua những lối đi của khu trung tâm.

“Chú có vấn đề gì không, khi ngăn chặn chúng cản trở việc tách rời khối băng của chúng ta?” Hắn hỏi Hugo đang đứng bên cạnh.

“Không ạ”, Hugo trấn an ông anh họ. “Chúng tôi đã tập dượt công việc này nhiều lần rồi. Các cộng sự của chúng ta đều sẵn sàng, những thanh chắn đã nâng lên và những chiếc xe trượt băng của chúng ta chỉ chờ lệnh là tham gia trận đánh”.

Karl gật đầu hài lòng, “Chú làm việc rất tốt. Tuy nhiên đây là những đơn vị thiện chiến của lực lượng chiến đấu Hoa Kỳ”.

“Đừng lo, thưa anh. Người của tôi cũng được huấn luyện tốt không kém bọn Mỹ. Chúng ta lại đông hơn chúng nhiều và có ưu thế là chiến đấu trên địa phận của mình. Yếu tố bất ngờ thuộc về chúng ta, không thuộc về chúng. Chúng hoàn toàn không ngờ là chúng đang bước vào một cái bẫy. Và chúng ta có thể di chuyển qua những đường hầm của những cơ xưởng ngầm dưới đất, rồi trồi lên bên trong những toà nhà và tấn công bên sườn và phía sau lưng chúng trước khi chúng biết chuyện gì xảy ra”.

“Chiến thuật tổng thể của chú thế nào?” Karl hỏi.

“Tuần tự lừa chúng vào một cái túi phía trước trung tâm kiểm soát. Ở đó chúng ta sẽ hủy diệt chúng dễ như bỡn”.

“Tổ tiên chúng ta đã từng chiến đấu bao nhiêu trận trước quân Đồng minh sẽ hãnh diện về chú”.

Rõ ràng thích thú lời khen của gã anh họ, Hugo đập gót giày và cúi đầu thật thấp, “Tôi rất vinh hạnh được phục vụ Đệ tứ Đế quốc”. Rồi hắn ngược lên nhìn những màn hình, quan sát diễn tiến của các cánh quân chiến đấu Hoa Kỳ. “Tôi phải đi ngay bây giờ, thưa anh, để chỉ huy những lực lượng phòng ngự của chúng ta”.

“Chú phỏng định phải mất bao lâu người của chúng ta sẽ làm chúng tê liệt”.

“Ba mươi, phút, chắc chắn không hơn”.

“Nếu vậy, chú và người của chú không còn nhiều thì giờ để lên máy bay. Chớ trễ nữa, Hugo. Tôi thực sự không muốn bỏ chú và người của chú lại sau lưng”.

“Và làm hỏng giấc mơ trở nên những người sáng lập một thế giới hùng mạnh mới”. Hugo say sưa nói. “Tôi không tin có chuyện đó”.

Karl đi về phía chiếc đồng hồ kỹ thuật số treo tường nằm giữa những màn hình, “Còn hai mươi phút nữa kể từ bây giờ, chúng ta sẽ khởi động các hệ thống tự động tách rời khỏi băng. Sau đó, mọi người trong trung tâm kiểm soát sẽ rời khỏi nơi này theo những đường hầm dưới lòng đất dẫn tới khu phòng ngự tập thể an toàn vì cách xa bãi chiến trường. Từ nơi này chúng ta sẽ sử dụng những xe điện để tới nhà chứa máy bay”.

“Chúng ta sẽ không thất bại”, Hugo nói với niềm tin sắt đá.

“VẬY CHÚC CHÚ MAY MẮN”, Karl nói. Hắn nghiêm chỉnh bắt tay Hugo trước khi xoay người bước vào thang máy sẽ đưa hắn tới phòng kiểm soát ở tầng trên.

Thiếu tá Cleary và toán Sư tử chỉ còn cách lối vào trung tâm kiểm soát một trăm năm chục mét thì giọng nói của Garnet vọng ra từ máy bộ đàm, “Phù thủy, đây là Người Thiếc. Ở đây có trục trặc...”

Đúng lúc đó, ông Cleary nhìn thấy phía sau thanh chắn trên lối đi trước mặt trung tâm kiểm soát những họng súng đen ngòm chĩa về phía họ. Ông há miệng để quát lớn nhưng đã quá trễ. Một loạt đạn làm diếc tai từ những khẩu súng của bốn nhân viên an ninh từ mọi hướng đổ dồn về phía Lực lượng Delta. Những đầu đạn từ hai trăm khẩu súng gieo như vãi trấu,

xé rách những bức tường của những tòa nhà, rít qua bầu không khí lạnh buốt với những âm thanh chét chóc.

Gamet và toán lính Hải quân của ông ta bị tấn công lúc họ đang ở giữa một khoảng trống, nhưng họ cũng kịp nằm rạp xuống để tránh tằm đạn và ẩn nấp sau bất cứ vật gì họ nhìn thấy dọc theo dãy nhà. Bất chấp loạt đạn vô tình, họ tiếp tục lao về phía trạm phát điện cho đến khi ông Gamet nhận ra một chướng ngại vật hầu như không thể nhận ra vì nó lẫn lộn với mặt băng trắng xóa mãi đến khi còn cách nó gần một trăm mét ông ta mới phát hiện. Người của Garnet bắt đầu nổ súng chống trả. Những khẩu súng phóng tên lửa Eradicator tống những đầu đạn về phía những tên an ninh nấp sau các chướng ngại vật.

Phía trước trung tâm kiểm soát, hầu như đúng lúc đó, ông Cleary cũng nhận ra mình đang đối mặt với những bức tường băng và những loạt đạn tương tự như hoàn cảnh của Garnet. Trước loạt đạn dày đặc, người dẫn đầu bên sườn trái của Lực lượng Delta nhận mấy viên đạn vào một đầu gối và bắp đùi và ngã xuống. Bò sát mặt đất, Đại úy Sharpsburg chộp bàn chân mang bột của người bị thương và kéo anh ta vào một góc tòa cao ốc.

Ông Cleary chui vào dưới một cầu thang dẫn vào một phòng chứa hàng nhỏ. Những mảnh băng từ những trụ băng trên mái rơi như mưa xuống vai ông. Rồi một đầu đạn đập vào áo giáp trên người ông ngay bên trên trái tim, đẩy ông lão đảo bật ngửa về phía sau, tuy không chết nhưng ngực ông đau buốt như bị nện bằng búa. Trung sĩ Carlos Mendoza, xạ thủ cừ nhất của toán tấn công, nâng khẩu súng Eradicator lên, hướng họng súng về phía gã nhân viên an ninh của bọn Wolf đã bắn ông Cleary và siết cò. Một bóng đen nảy lên khỏi mép chướng ngại vật trước khi rơi xuống lại và biến mất. Viên trung sĩ lại chọn mục tiêu khác và nổ súng.

Thêm vài loạt đạn đập vào mái nhà bên trên ông Cleary làm những mảnh băng văng đủ mọi hướng. Khi ông biết bọn Wolf đã chuẩn bị sẵn và chờ đợi họ thì đã quá trễ. Các công sự đã được bố trí cho một cuộc tấn công như thế. Và ông đau đớn nhận ra sự thiếu thông tin tình báo đang giết chết bọn ông. Ông cũng bắt đầu nhận ra toán tấn công của mình quá ít so với lực lượng phòng thủ quá đông đảo.

Ông Cleary tự nguyện rửa mình vì đã hoàn toàn tin cậy vào những nguồn tin không được kiểm chứng. Ông nguyện rửa Lầu Năm Góc và cơ quan tình báo Trung ương CIA đã ước đoán lực lượng an ninh của bọn Wolf chỉ khoảng từ hai chục đến hai trăm tên và không nhiều hơn. Ông

nguyễn rửa sự phán đoán bằng trực giác thiên cận của mình, và trong thời khắc nóng bỏng này, ông nguyễn rửa mình đã phạm sai lầm trầm trọng nhất trong cuộc đời binh nghiệp của ông. Đó là ông đã đánh giá kẻ thù quá thấp.

“Người Thiếc”, ông hét qua máy bộ đàm, “Báo cáo tình trạng của cậu!”

“Tôi đếm có sáu mươi tên địch đã chốt lối đi phía trước mặt chúng tôi”, giọng Garnet trả lời đầu đạn và ổn định như thể ông ta đang đếm một bầy cừu trên cánh đồng. “Chúng tôi đang chịu áp lực rất nặng”.

“Cậu có thể tháo lui để bảo toàn lực lượng không?”

“Chúng tôi không thể tới lui trong lần đạn chính xác của chúng. Kẻ thù không phải là những tên giữ vườn tầm thường. Chúng biết những gì chúng đang làm. Ông có thể tăng cường cho tôi một toán để giảm bớt sức ép không, phù thủy? Nếu chúng tôi được tiếp viện một bên sườn, tôi nghĩ chúng tôi có thể chiếm được chướng ngại vật trước mặt”.

“Tôi bất lực rồi, Người thiếc”, ông Cleary trả lời. Ông biết rõ lực lượng lính Hải quân của Trung úy Garnet là một đơn vị tinh nhuệ. Nếu họ không thể tiến tới thì không ai có thể. “Chúng tôi cũng bị chặn đứng vì hỏa lực của ít nhất tám mươi tên địch nên không thể gửi viện binh cho cậu. Tôi lặp lại, tôi không thể chia người để yểm trợ cậu. Cố tìm mọi cách để thoát ra và phối hợp với Sư tử”.

“Hiểu, Phù thủy. Chúng tôi rút đây”.

Với toán lính Hải quân đang phơi mình chịu trận giữa một nơi trống trải, Trung úy Garnet tuyệt vọng khi nhận ra ông không thể chờ đợi cứu viện mà ông phải tháo lui và tìm tới toán Lực lượng Delta của các ông Cleary và Sharpsburg qua cái mê cung chằng chịt những lối đi ngang dọc trong khu khai mỏ. Ông không phí phạm thì giờ để tính toán có nên cải lệnh và có nên tiếp tục tấn công hay không. Phải đối phó với một chướng ngại vật được bao vệ bởi một toán những kẻ giết mướn đông gấp ba lần quân số của mình bằng cách xông qua một lối đi trống trải là một hành động tự sát và sẽ chẳng được gì ngoài sự hy sinh vô ích. Ông không còn chọn lựa nào khác ngoài việc bắt đầu một cuộc tháo lui có trật tự, và mang theo những người bị thương.

Đã vượt được hơn nửa chặng đường tới trung tâm kiểm soát, Trung úy Jacobs và toán Thủy quân Lục chiến của ông bị chặn lại đột ngột vì những loạt đạn sấm sét và vì những lời trao đổi giữa các ông Cleary và

Gamet. Ông thúc người của mình lao nhanh tới với hy vọng chiếm được phía sau trung tâm kiểm soát và giảm bớt gánh nặng cho những cánh quân của Người Thiếc và Sư tử. Toán Thủy quân Lục chiến chỉ còn cách tòa nhà trung tâm kiểm soát một trăm mét khi hai chiếc xe trượt băng bọc thép xuất hiện ở góc tòa nhà trước mặt và nổ súng vào họ.

Jacobs tuyệt vọng nhìn hai người của ông đổ xuống. Như một gã điên, ông siết cò khẩu tiểu liên Eradicator cho đến khi viên đạn cuối cùng rời khỏi băng đạn. Đúng lúc đó, viên trung sĩ của ông nắm cổ cái áo chống lạnh và kéo ông vào sau một cái thùng chứa rác trước khi một loạt đạn khác có thể hạ gục ông. Một loạt tên lửa của toán Thủy quân Lục chiến tạm thời chặn đứng hai chiếc xe trượt băng, nhưng chúng lại tiếp tục lao tới.

Toán Thủy quân Lục chiến cặm cụi dai dẳng trong lúc tìm cách thoái lui trên lối đi, lợi dụng bất kỳ chướng ngại vật nào họ có thể nhìn thấy. Nhưng, không hề chờ đợi, hai chiếc xe trượt băng khác xuất hiện đột ngột phía sau họ và ồạt nổ súng. Jacobs cảm thấy dạ dày co thắt mạnh. Ông và toán người của ông không còn nơi nào để bầu vùi, ngoại trừ một lối đi hẹp bên hông. Ông cầu mong họ không bị rơi vào một ổ phục kích, nhưng lối đi trông có vẻ sáng sủa ít nhất khoảng bảy chục mét.

Trong lúc chạy phía sau những người của mình và hy vọng họ có thể tới nơi trú ẩn trước khi những chiếc xe trượt băng vòng qua góc tòa nhà để bắn thẳng vào họ. Ông báo cáo cho thiếu tá Cleary, “Phù thủy, đây là Bù nhìn. Chúng tôi đang bị bốn xe trượt băng của chúng tấn công”.

“Bù nhìn, chúng có mang vũ khí nặng không?”

“Không thấy lộ ra. Trên mọi chiếc xe có bốn kẻ thù và vũ khí tự động. Những tên lửa tấn công của chúng tôi tỏ ra không hiệu quả đối với bọn này”.

Ông Cleary nằm dài dưới một cái thang, lợi dụng nó như một lá chắn, và nghiên cứu tấm bản đồ khu khai mỏ. “Hãy cho tôi biết vị trí của cậu, Bù nhìn”.

“Chúng tôi đang di chuyển xuống một lối đi hẹp về phía biển sau cái gì đó trông rất giống một dãy nhà kho cách trung tâm kiểm soát chừng một trăm năm chục mét”.

“Bù nhìn, tiến thêm năm chục mét nữa, sau đó quẹo phải rồi tiếp tục đi tới giữa một dãy bồn chứa nhiên liệu. Nếu thế, cậu sẽ đến gần trung tâm kiểm soát từ một lối đi bên hông, tại đây cậu có thể tấn công bên sườn những kẻ thù đang ghì cứng chúng tôi”.

“Đã hiểu, Phù thủy. Chúng tôi làm ngay”. Rồi sau khi suy nghĩ, Jacobs hỏi, “Chúng tôi phải làm gì để ngăn chặn những xe trượt băng bọc thép?”

“Người Thiếc có hai tên lửa công phá”.

“Chúng tôi phải cần đến bốn”.

“Người mang hai hỏa tiễn kia đã mất tích lúc nhảy”.

“Người Thiếc đang ở trạm biến điện”, Jacobs nói với vẻ tuyệt vọng. “Anh ta không phải đương đầu với những xe bọc thép mà là chúng tôi”.

“Tôi đã lệnh cho cậu ta tháo lui khỏi đối tượng vì hỏa lực của địch quá mạnh. Cậu ta sẽ nhanh chóng phối hợp với Sư Tử”.

“Xin báo cho anh ta tiếp viện chúng tôi nhanh lên, vì bốn chiếc xe khó ưa này sẽ tấn công thẳng vào sau lưng khi chúng tôi tràn vào khoảng trống trước mặt ông”.

Jacobs và toán thủy quân Lục chiến nhanh chóng bọc quanh những bồn chứa nhiên liệu mà không chạm trán kẻ địch. Sau cùng, khi nhìn vào tấm bản đồ khu khai mỏ, ông ta dẫn cánh quân của mình tiến dọc theo một bức tường dài có vẻ sẽ kết thúc gần mặt tiền trung tâm kiểm soát. Có vẻ như họ được che chắn tốt lúc họ ào vào bên sườn bên an ninh nấp. Sau chướng ngại vật, nơi chúng thoải mái nhả đạn vào Đại úy Sharpsburg và Lực lượng Delta của ông. Đến lúc toán Thủy quân Lục chiến còn cách cuối bức tường chừng năm chục mét thì một loạt đạn vãi vào họ từ phía sau.

Một toán nhân viên an ninh từ một đường hầm dưới lòng đất đã trồi lên trước đó và xuất hiện từ phía sau một tòa nhà. Một chiến thuật mới vừa diễn ra, và lần này chúng đạt hiệu quả cao hơn. Jacobs nhận ra ông không thể tiếp tục tấn công một bên sườn địch, vì vậy ông vẫy tay cho người của mình chạy dọc theo lối đi ít chướng ngại vật nhất và dẫn họ vào một lối đi khác, và thật lạ lùng, tại đây không có bóng dáng kẻ thù.

Chỉ cách đó chừng tám chục mét, ông Cleary đang nằm bẹp và quan sát qua ống nhòm, cố tìm một điểm yếu trong khối chướng ngại vật khóa chặt lối vào trung tâm kiểm soát. Không tìm thấy chỗ yếu nào và nhận thấy, cũng như trường hợp của Gamet, vị trí của ông nhanh chóng trở nên không thể cố thủ được, nên ông quyết định tấn công vào trung tâm kiểm soát càng sớm càng tốt, ngay sau khi ông được tăng cường sức mạnh bởi toán Hải quân và toán Thủy quân Lục chiến đã bắt đầu tấn công bên sườn chướng ngại vật.

Nhưng trong thâm tâm, ông bắt đầu ngờ vực, không biết mình có thể moi được những cục than chiến thắng sau cùng ra khỏi cái lò sưởi không.

Lực lượng an ninh của bọn Wolf chiến đấu với lòng thù hận. Trong đầu chúng, chúng chiến đấu không chỉ vì cuộc sống bản thân mà còn vì cuộc sống của gia đình, những người đang đón chúng trên chiếc tàu Ulrich Wolf. Bản thân Hugo cũng đang có mặt trong nhóm chiến đấu trước trung tâm kiểm soát, chỉ huy những lực lượng của hắn và đang siết cái thông lọng lên cổ toán tấn công của người Mỹ. Thái kiêu ngạo của hắn trong lúc ra lệnh phản ánh lòng tin và sự lạc quan tuyệt đối của hắn. Chiến thuật hắn sử dụng đang diễn ra đúng như hắn đã dự trù. Hugo đang ở vào địa vị một người chỉ huy làm người ta phải ganh tị, một người hoàn toàn tỏ ra chính xác trong mỗi mệnh lệnh ban ra.

Hắn đang dồn kẻ thù của mình vào một khu vực tập trung để hủy diệt, như hắn đã hứa với ông anh họ Karl của hắn.

Hugo nói vào cái máy bộ đàm gắn trên nón trùm đầu, “Anh Karl phải không?”

Mất một lúc rồi giọng trả lời của Karl Wolf vọng ra, “vâng, Hugo?”

“Bọn xâm nhập đã bị bao vây. Anh và Elsie cùng những người khác có thể đến hầm chứa máy bay trước khi các kỹ sư sẽ khởi động hệ thống kỹ thuật nano”.

“Cảm ơn chú, tôi sẽ sớm gặp chú trên máy bay”.

Hai phút sau, lúc Hugo ra lệnh cho hai chiếc xe trượt băng bọc thép còn lại của hắn tấn công những kẻ xâm nhập, một gã an ninh chạy xộc tới chỗ hắn từ phía sau một chướng ngại vật và hét lớn, “Thưa ngài, tôi có một tin khẩn từ hầm chứa máy bay!”

“Chuyện gì thế?” Hugo hét, lấp cả tiếng súng nổ.

Nhưng đúng lúc đó, Trung sĩ Mendoza trồi đầu lên từ sau một chướng ngại vật đưa khẩu Eradicator lên ngắm và siết nhẹ có súng. Tên an ninh đổ xuống ngay dưới chân Hugo, không nghe mà cũng chẳng kịp nhận ra viên đạn đã xuyên qua thái dương bên phải và thoát ra thái dương bên trái hắn. Tin tức khẩn cấp hắn muốn thông báo — về việc hầm chứa máy bay bị một chiếc xe lạ phá hủy - cũng chết theo hắn.

Toán lính hải quân của Trung úy Gamet đã phối hợp được với Lực lượng Delta của Đại úy Sharpsburg và đã tìm ra vị trí ẩn nấp khi bốn chiếc xe trượt băng không thể tiếp tục săn đuổi nhóm Trung úy Jacobs để quay sang tấn công họ thành hai hàng từ phía sau. Chúng tiến lại mà chẳng biết gì về hai khẩu súng chống xe bọc thép của toán lính Hải quân đang nhắm vào chúng. Và chắc chắn họ không thể bắn trượt với một khoảng cách không đầy một trăm mét. Chiếc xe dẫn đầu nhận nguyên một trái đạn. Những lưỡi lửa và những mảnh vỡ vụn, những xác người văng khắp nơi, tạo thành một vật chướng ngại mới ngăn cản không cho những chiếc xe còn lại tấn công những cánh quân Mỹ đã bị bao vây.

Nhưng Thiếu tá Cleary nhanh chóng nhận ra đây chỉ là một lợi thế tạm thời. Nó có thể chỉ là vấn đề thời gian trước khi bọn nhân viên an ninh nhận ra đối phương không thể tiếp tục bắn đạn chống chiến xa vì đã cạn nguồn tiếp liệu cung cấp. Sau đó, những chiếc xe trượt băng sẽ tiếp tục tấn công, và người của ông không thể chặn đứng chúng một lần nữa. Chừng nào cánh quân của Jacobs chọc thủng bên hông chúng, lúc đó mới có thể hy vọng ưu thế nghiêng về phía họ.

Tại Washington, những trao đổi giữa những người đang tham gia trận đánh cho thấy lực lượng tấn công đang gặp khó khăn trầm trọng. Điều đó càng trở nên rõ ràng hơn khi ông Cleary và người của ông ta bị bắn tơi tã. Tổng thống và các Tham mưu trưởng liên quân không thể tin những gì họ nghe được. Những gì đã xảy ra lúc đầu có vẻ thuận lợi đã trở thành sự tàn sát và thảm họa. Họ bị sốc khi nhận ra chiến dịch đã thất bại, và toàn bộ cư dân trên thế giới đang trong tình cảnh sẽ bị tiêu diệt, một cơn ác mộng họ không thể chấp nhận.

“Máy bay chở lực lượng chính”, Tổng thống nói, suy nghĩ của ông bắt đầu mất định hướng, “Lúc nào...”

“Họ không thể tới trước bốn mươi phút nữa”, Tướng South đáp.

“Thời gian đếm ngược?”

“Còn hăm hai phút nữa là lúc dòng chảy thích hợp để tách rời khỏi băng”.

“Vây phải phóng tên lửa thôi”.

“Và người của chúng ta cũng bị giết hết”, Tướng South gợi ý.

“Chúng ta chẳng còn giải pháp nào khác sao?” Tổng thống đặt vấn đề.

Ông South nhìn xuống hai bàn tay mở rộng của mình và chậm chạp lắc đầu. “Không, thưa Tổng thống, chúng tôi không còn giải pháp nào”.

Đô đốc Eldridge hỏi, “Tôi báo động cho Hạm trưởng tàu ngầm nguyên tử Tucson bắn tên lửa chứ?”

“Nếu tôi có thể đề nghị”, Thiếu tướng Coburn, Tham mưu trưởng Không lực nói, “tôi nghĩ tốt nhất chúng ta nên sử dụng máy bay ném bom. Phi hành đoàn của họ sẽ hướng dẫn tên lửa tới mục tiêu chính xác hơn những tên lửa không có người hướng dẫn được phóng ra từ một tàu ngầm”.

Tổng thống nhanh chóng quyết định, “Đúng, báo động cho các phi công ném bom, nhưng bảo họ không được bắn khi chưa có lệnh. Chúng ta không thể biết lúc nào phép lạ có thể xảy ra, và Thiếu tá Cleary có thể tìm được cách xâm nhập trung tâm kiểm soát và ngăn chặn hành động của chúng.

Trong lúc Thiếu tướng Coburn ra lệnh, Đại tướng South thì thào dưới hơi thở của ông, “Một phép lạ liệu có xảy ra không?”

Nhiều lối đi từ trong băng dẫn ra chạy ngang dọc giữa những tòa nhà. Chúng không phải là sản phẩm của những nền văn minh lâu đời, nhưng đặc tính kiến trúc của chúng không giống bất kỳ dạng kiến trúc nào Pitt và Giordino từng trông thấy trong những chuyến đi của họ. Không thể nói thành phố băng này chiếm một diện tích bao nhiêu mẫu Anh hoặc bao nhiêu dặm vuông. Những gì họ thấy chỉ là một phần nhỏ trong công trình của người Amenes.

Nhô lên từ đoạn cuối của khu vực rộng lớn là một cấu trúc không lờ với cách trang trí lộng lẫy bởi những hàng cột hình trụ tam giác chống đỡ những trần nhà chạm khắc những đội tàu thuyền cổ xưa, ngay bên trên những đường trang trí trên tường gần trần là những đường chạm khắc phức tạp hình ảnh các loài thú lẫn lộn với những người mặc trang phục giống như những xác ướp tìm thấy trên đảo St. Paul. Thiết kế cơ bản của tòa nhà đồ sộ không giống bất kỳ kiến trúc nào trên thế giới thời cổ đại. Đây là công trình của một kiến trúc sư đã sống từ nhiều ngàn năm trước và

được sao chép bởi các nhà xây dựng sau đó để tạo nên những cung điện, đền đài tại Luxor, Athens và La Mã. Tuy những hàng cột lại có hình tam giác và trông có vẻ xa lạ khi đem so sánh với những cột trụ tròn và xẻ rãnh ra đời rất lâu sau đó như những cột trụ của người Doric, Ionic và Corinth.

Một lối vào mở rộng nằm xa hơn những hàng trụ cột. Không có cầu thang. Muốn lên những tầng trên, người ta phải theo những đoạn dốc cao dần lên. Như bị mê hoặc, Pitt và Giordino ra khỏi chiếc Snow Cruiser và đi bộ qua những hàng cột. Trong gian phòng chính, một cái mái hình tam giác được những trụ đá nâng lên khỏi một nền nhà lát đá phủ đầy băng. Trong những hốc tường dọc theo những bức vách có đặt những pho tượng đá, có lẽ là những vị vua của người Amenes xưa kia, trông uy nghi với những đôi mắt tròn và gương mặt gầy gò được tạc từ đá hoa cương có nhiều thạch anh sáng lấp lánh lúc họ bước ngang qua. Những tượng đầu người, đa số là đàn ông, còn lại là phụ nữ được đặt trên sàn ngược nhìn lên tường qua lớp băng mỏng, nơi có những chữ khắc của người Amenes. Ngay giữa gian phòng rộng lớn, một chiếc tàu thời cổ đại trông rất sống động với những hàng mái chèo và người chèo, buồm được kéo căng và các thủy thủ được đặt trên một bệ đá. Sự trưng bày chỉ với mục đích lôi kéo sự chú ý. Tính nghệ thuật thuần túy, sự tinh xảo và kỹ thuật điêu khắc đá bậc thầy tạo cho chiếc tàu một vẻ huyền bí kỳ lạ, như nhạo báng nghệ thuật điêu khắc hiện đại.

“Cậu nghĩ thứ này?” Giordino hỏi, giọng kính trọng như thể đang trong một giáo đường “Một đền đài để thờ những vị thần của họ chẳng?”

“Giống một lăng tẩm hoặc nơi chứa hài cốt hơn”, Pitt nói và chỉ về phía những đầu người đặt trên sàn. “Những thứ này trông giống những vật kỷ niệm, có lẽ để sùng bái những người - cả đàn ông lẫn phụ nữ - đã khai phá thế giới cổ đại và những người đã bỏ mạng trên biển”.

“Lạ lùng là mái nhà không sụp đổ sau khi xảy ra vụ va đụng, hoặc lớp băng trên mái ngày càng dày thêm”.

“Những nhà xây dựng phải làm việc dưới những tiêu chuẩn đặc biệt của một văn hóa kiến trúc rất cao”.

Hoàn toàn bị mê hoặc, họ nhìn xuống cái mạng lưới như một mê cung gồm những hành lang không có cửa sổ và trên vách tường được vẽ những bức tranh rất đẹp lúc biển bắt đầu yên tĩnh và cảnh sóng biển tiếp tục giận dữ tàn phá những bờ biển lởm chởm đá. Nếu ngày nay nhân loại ngược nhìn lên bầu trời để cầu nguyện Thượng đế của họ thì người

Amenes đã nhìn ra biển. Những pho tượng của họ đầu là đàn ông và phụ nữ, mà không phải là những hình tượng của thần thánh.

“Một chủng người xiêu lạc đã tái tạo ra thế giới”, Giordino nói như một triết gia, “tuy nhiên không thấy có những cổ vật lưu lại, cũng không có dấu hiệu của người sống”.

Pitt gật đầu về phía những hành lang được đục trong băng, “Rõ ràng những thứ này đã được Đế Tam Quốc xã Đức phục hồi sau khi phát hiện ra nơi này, và sau đó bọn Wolf tiếp tục sở hữu nó”.

“Có vẻ như chúng chỉ khai quật khoảng một phần mười thành phố băng này”.

“Trong đầu chúng còn nhiều vấn đề phàm tục hơn phải làm”, Pitt nói với giọng chua chát, “chẳng hạn như là cất giấu những kho tàng và những vật thiêng của Đế Tam Quốc xã, lấy vàng từ nước biển và sắp đặt kế hoạch hủy diệt thế giới và tái tạo nó theo hình ảnh của chúng”.

“Rất tiếc là chúng ta không có thì giờ để khám phá nơi đó”.

“Không gì tốt hơn là chúng ta tìm kiếm một vòng”, Pitt nói, cố giữ bỏ ý nghĩ quyền rũ đó, “nhưng chúng ta chỉ có hăm lăm phút hoặc có thể ít hơn để tìm ra trung tâm kiểm soát của chúng”.

Không thể nấn ná lâu hơn, Pitt và Giordino vội vàng trở lại chỗ cũ và leo lên chiếc Snow Cruiser. Vẫn tiếp tục bám theo vết bánh xe trượt băng, Pitt lái chiếc xe khổng lồ qua trung tâm thành phố băng rồi theo một đường hầm khác xa hơn khu lăng tẩm của người Amenes. Pitt lái thận trọng hơn khi họ đến gần vòng rào khu khai mỏ, trong lúc Giordino thu mình lại dưới tấm bảng kiểm soát với khẩu Bushmaster tự động chĩa ra ngoài qua tấm kính chắn gió chính giữa bị vỡ.

Khi vào sâu trong đường hầm khoảng một dặm, họ quành theo một khúc cua và nhận ra họ đang đối diện với một chiếc xe điện từ hướng trước mặt chạy tới. Trong chiếc xe điện có ba gã nhân viên an ninh, dễ nhận ra nhờ bộ đồng phục đen của chúng, đang trợn trừng mắt nhìn con quái vật khổng lồ đang xông tới. Tên lái xe hoảng hốt đạp thắng, chiếc xe điện không giảm tốc độ trên mặt băng trơn láng, vẫn trượt tới trong đường hầm. Hai gã còn lại phản ứng nhanh hơn để tự cứu, chúng nhảy ra khỏi chiếc xe trong một nỗ lực vô ích nhằm kéo dài cuộc sống của mình.

Một chuỗi âm thanh của kim loại và kính vỡ nối tiếp nhau khi chiếc Snow Cruiser đâm vào chiếc xe điện và cán qua nó như một chiếc xe ba bánh bị một xe tải chở hàng leo qua. Gã lái xe biến mất cùng với chiếc

xe nhàu nát của hắn dưới chiếc Cruiser khổng lồ, trong lúc hai tên kia bị những bánh xe xích sù đề bẹp nát vào những vách băng. Lúc Pitt nhìn vào kính chiếu hậu gắn bên hông xe, anh chỉ còn thấy một đồng đồ nát vụn vẹo nằm bẹp dí trên thân sàn đường hầm.

Giordino xoay người nhìn lui qua cửa sổ sau xe, “Tôi hy vọng cậu đã đóng đủ lệ phí bảo hiểm của mình rồi”.

“Tôi chỉ đóng bảo hiểm về những kẻ quấy rầy và những thiệt hại tài sản. Tôi chưa bao giờ mua bảo hiểm va đụng xe cộ cả”.

“Cậu phải xem lại chuyện đó thôi”.

Đi thêm hai trăm mét dọc theo đường hầm, họ bắt gặp một toán công nhân trong những bộ quần áo bảo hộ lao động màu đỏ đang chuyển những thùng gỗ lên một xe rờ moóc không mui do một xe trượt băng kéo. Những xe nâng hàng đang chở những thùng gỗ đi qua một cánh cửa thép dày màu trắng dẫn sâu vào trong. Cánh cửa đồ sộ trông giống loại cửa được dùng trong những ngân hàng để bảo đảm an toàn cho những thứ cất giữ trong hầm chứa. Một lối đi ngắn khoét qua băng dẫn vào một hang động rộng lớn.

Hai tên nhân viên an ninh đứng như trời trồng trước con quái vật khổng lồ Snow Cruiser đang lao tới từ một đường hầm bỏ hoang từ lâu. Chúng đứng chết khiếp trong chùm ánh sáng phát ra từ hai ngọn đèn chiếu của chiếc Cruiser. Chỉ tới lúc Giordino nhả một loạt đạn từ khẩu Bushmaster của anh qua tấm kính chắn gió bị vỡ vào một chiếc xe nâng hàng thì các công nhân và bọn an ninh mới thức tỉnh và tháo lui vào hầm băng để tránh bị nghiền nát bởi con quái vật khổng lồ đang xông tới.

“Cánh cửa!” Pitt quát và đạp thắng.

Giordino không tỏ ra đã nghe thấy và cũng chẳng hỏi gì. Như đọc được ý nghĩ của Pitt, anh lao ra khỏi chiếc xe và chạy về phía cánh cửa thép, trong lúc Pitt nhả nhiều phát đạn từ khẩu Colt 45 của anh qua cánh cửa vào hầm băng để bắn che cho Giordino.

Giordino ngạc nhiên khi anh chỉ cần đẩy nhẹ là cánh cửa đóng lại. Anh những tưởng phải dùng tất cả sức lực, nhưng cánh cửa nặng nề lại xoay chuyển dễ dàng như thể nó được treo lơ lửng trong không khí. Khi cánh cửa đóng lại với một tiếng “click”, anh quay bánh xe khóa nó lại cho tới lúc những then cài trượt vào những khớp của chúng và chèn chặt cánh cửa lại. Sau đó anh tìm thấy một sợi xích trên chiếc xe nâng và quấn sợi xích quanh cái bánh xe. Sau cùng, anh đẩy cái rờ moóc chất đầy những

thùng gỗ tới chặn cái bánh xe lại cho tới khi anh an tâm cánh cửa không thể mở được từ bên trong căn hầm. Như thế là đám công nhân và nhân viên an ninh của bọn Wolf đều bị giam cứng trong căn hầm, khó lòng có thể nhanh chóng thoát ra.

“Tôi tự hỏi thứ hàng hoá bên trong những thùng gỗ đó là gì?” Giordino nói lúc anh bò trở lại vào trong xe.

“Tôi đoán đó là những cỗ vật chúng lấy từ thành phố băng của người Amenes”, Pitt nói, vừa đổi số chiếc Snow Cruiser cho tới lúc nó lại đạt vận tốc cao nhất. Họ đã đi được một chặng đường dài mới tới nơi này, nhưng trước mắt, họ còn phải vượt qua một chặng đường dài nữa. Và thật đáng ngạc nhiên là sau một chặng dài như thế mà họ không hề bị tấn công. Nhưng Pitt biết rõ tình trạng này rồi sẽ nhanh chóng thay đổi. Một khi chiếc Snow

Cruiser lọt ra ngoài khoảng trống, nó sẽ rơi vào một hoàn cảnh khác. Mọi khẩu súng bên trong vòng rào sẽ ảnh hưởng vào nó.

Tại một khúc quanh rộng trong đường hầm, họ đột ngột lọt vào một nhà chứa máy bay rộng không đáy, nơi những máy bay phản lực của Tập đoàn Vận Hội được bảo quản. Không nhắc bàn chân khỏi chân ga, Pitt nhanh chóng nhận ra hai chiếc Airbus A340-300 để chở hành khách và hàng hóa đậu ngay chính giữa hầm. Một chiếc xe trượt băng và những rơ moóc không mui nằm thành một dãy bên dưới cánh cửa nhận hàng hóa của chiếc máy bay thứ nhất, những thùng gỗ quen thuộc được đưa vào ngăn chứa hàng của nó. Những kỹ sư và công nhân của Tập đoàn Vận Hội đang leo lên cầu thang chiếc máy bay thứ hai để được đưa tới những chiếc tàu siêu hạng. Nằm cạnh chiếc máy bay vận tải này là một chiếc phản lực hành động đang được tiếp nhiên liệu.

Pitt nhẹ nhõm phần nào khi anh không thấy có bóng dáng bọn an ninh ở đây. “Chúng ta đang thấy cái gì thế này?”

“Hà hà!” Giordino căng thẳng khi thấy chân Pitt ấn mạnh xuống như thể anh muốn đẩy chân ga chiếc xe xuyên thủng qua sàn xe. Giordino ngược mắt nhìn bảng đi đầu khiến rồi nói, “Cậu tính làm chuyện tôi nghĩ cậu sẽ làm?”

“Một khi cậu lái xe trong một cuộc đua giữa sự sống và cái chết”, Pitt trả lời, trong mắt lóe lên một tia sáng độc ác, cậu sẽ biết phải làm gì?”

Phản ứng của mọi người trong nhà chứa máy bay khi trông thấy chiếc Snow Cruiser đột ngột xuất hiện cũng giống hệt phản ứng những kẻ

đã thấy nó trước đó trong đường hầm. Tất cả như đông cứng vì kinh ngạc, những biểu cảm trên gương mặt chúng nhanh chóng trở nên thờ ơ rồi sợ hãi.

Pitt mất không tới ba giây để đánh giá công việc phá hoại của anh. Nó cũng mất chừng đó thời gian cho những kẻ có mặt kia nhận ra ý đồ của anh. Anh đánh một vòng qua sàn nhà chứa máy bay rồi đâm thẳng tới chiếc Airbus đầu tiên. Chiếc máy bay đứng cao cách mặt đất, nhưng vẫn không đủ cao để thoát khỏi những thanh chắn bên hông của chiếc Snow Cruiser. Mặt trước bên phải bằng điều khiển ngay dưới những cửa sổ bên hông buồng lái đâm vào phần đuôi bên mạn trái chiếc máy bay sâu đến tám feet, đập vỡ cánh phụ để giữ thăng bằng và chóp cánh chiếc Airbus.

Những công nhân đang chất hàng và toán công nhân bảo quản máy bay bị ném văng tứ phía khi chiếc xe màu đỏ đâm vào chiếc máy bay vận tải, đẩy nó xoay một góc chín mươi độ trên những bánh xe đạp. Bọn chúng ngã sóng soài trên mặt băng quờ quạng, bò lết, tìm mọi cách tránh càng xa càng tốt con quái vật đang lên cơn điên, chúng chỉ nhận ra những âm thanh của động cơ gầm rú đuổi theo. Không một thứ gì trên cổ máy khổng lồ trông có vẻ quen thuộc, mà chúng chỉ thoáng thấy bộ mặt băng bó chằng chịt của Pitt, kẻ đang bẻ tới bẻ lui tay lái chiếc xe, và anh chàng Giordino đang chĩa họng súng khẩu Bushmaster một cách đe dọa qua cửa sổ bên hông xe. Chúng la hét gọi bọn nhân viên an ninh, nhưng đã quá trễ.

Chiếc Snow Cruiser tiếp tục xé rách cánh chiếc Airbus thứ nhì. Lần này Pitt cắt thật sâu vào cánh máy bay. Cùng với một âm thanh khủng khiếp, phần cánh rách toang của chiếc máy bay dính vào mái chiếc cruiser và treo lủng lẳng ở đó. Pitt cài số lui và nhấn ga. Chiếc xe lùi lại, kéo chiếc máy bay theo nó. Anh bẻ ngoặc tay lái hết tần, cố tìm cách tách rời khỏi chiếc Airbus, nhưng anh bất lực, và những bánh xe khổng lồ của chiếc Cruiser bắt đầu trượt trên mặt băng và xoay quanh trục.

Pitt lại cho chiếc xe lao tới rồi tháo lui, như thể anh đang tìm cách quay chiếc xe vào một vũng bùn. Cuối cùng, sau một loạt động tác lui và tới, cánh máy bay đứt lìa và rơi xuống, phần chóp cánh cắm vào mặt băng trông như một bông hoa lấp lánh. Tiếp theo, không để lộ một biểu cảm nào qua đôi mắt, Pitt chĩa mũi chiếc Cruiser về phía chiếc phản lực hành động.

“Cậu không tiếp tục tìm kiếm à?” Giordino hỏi, không giấu được vẻ khoái trá.

“Nghe đây”, Pitt quát. “Nếu bọn cặn bã này gắn bó với niềm tin về thảm họa của Trái Đất thì chúng sẽ tới đây và chúng phải chịu đựng như bọn này”.

Câu nói vừa thoát khỏi miệng Pitt thì chiếc Snow Cruiser tả tơi đã đập nát thân sau chiếc phản lực hành động. Không chút nỗ lực, lần này chiếc xe xé toạc những bộ phận giữ thăng bằng thăng đứng và nằm ngang của chiếc phản lực như thể chúng là cái đuôi của một máy bay vô hình làm bằng loại gỗ nhẹ balsa. Thân máy bay đứt đôi và chiếc phản lực hành động đổ xuống,

hai cánh và mũi nó chống ngược lên trời như thể nó muốn cất cánh một cách lạ đời.

Giordino lắc đầu bối rối và nói với giọng khâm phục, “Cậu sẽ không bao giờ được mời quay lại nếu cậu cứ tạo ra sự hỗn loạn tại bất cứ nơi nào cậu đến”.

Pitt quay sang Giordino, một nụ cười dần rộng cả chiêng ngang gương mặt anh. “Chắc chắn thời gian vẫn trôi khi cậu vui đùa”.

Pitt nhìn lên và trông thấy một chiếc xe trượt băng đột ngột xuất hiện trong kính chiếu hậu bị vỡ. Anh không quan tâm, ít ra cũng chưa quan tâm. Anh đánh giá chiếc Snow Cruiser có thể đạt vận tốc năm dặm - giờ hoặc hơn trong hành lang này.

Anh lao chiếc xe khổng lồ qua đường hầm, tông vào và trượt khỏi những vách băng trong nỗ lực mạo hiểm thoát khỏi tầm đạn của bọn an ninh trong chiếc xe trượt băng. Anh vòng qua một khúc cua, tạm thời tránh được tầm đạn, tiếp tục phóng tới cho đến khi thoát khỏi tầm nhìn của chúng.

“Cậu thoát chúng rồi”, Giordino nói vừa thản nhiên phủi những mảnh kính vỡ của cửa sổ sau xe khỏi hai vai như người ta phủi gàu trên tóc.

“Không lâu đâu”, Pitt nói với vẻ kiên nhẫn, “Một khi chúng ta lộ ra chỗ trống, chúng ta sẽ chơi trò sòng phẳng với chúng”.

Bốn phút sau, họ bọc qua khúc quanh cuối cùng trong đường hầm, chạy qua những nơi bị bỏ phế và những cánh cửa dẫn vào những kho chứa hàng bỏ trống, và sau đó hai phút, chiếc xe gầm rú tự do dưới bầu trời trong xanh, các trung tâm vòng rào gầm nửa dặm.

Đến lúc này, khi đã tới nơi phải tới, và lần đầu tiên họ nhìn thấy cơ sở khai thác mỏ của bọn Wolf. Họ đã ra khỏi đường hầm tại một điểm cuối của vòng rào. Không như phần lớn các trạm băng hầu như bị chôn vùi dưới

tuyết và băng, bọn Wolf vẫn giữ cho những tòa nhà và đường sá nổi chúng với nhau luôn được dọn sạch và sáng sủa. Những tòa nhà nhỏ hơn đứng thành một hình vòng tròn quanh hai kiến trúc chính gồm khu khai thác và trung tâm kiểm soát.

Âm thanh như tiếng sấm đột ngột xé toang bầu không khí giá buốt, trong lúc những vật lửa bốc cao lên từ nhiều tòa nhà với những luồng khói đen cuộn cuộn làm tối cả một góc trời trước khi lan rộng ra dưới những lớp mây. Những tiếng nổ làm những mảnh vụn đủ loại bay khắp nơi trong không khí cùng với những đầu đạn thoát ra từ những khẩu súng tự động. Những xác người nằm vương vãi trên những lối đi, những dòng máu nhuộm đỏ và chảy ngoằn ngoèo thành những hình ảnh quái dị trên mặt băng.

“Chuyện đó đã xảy ra”, Pitt nói, vẻ u ám, “bữa tiệc đã bắt đầu, và không có chúng ta”.

Dù được huấn luyện căng thẳng và lâu dài, dù lòng can đảm và tinh thần cống hiến cao độ với nỗ lực nhằm ngăn chặn thảm họa sắp xảy ra, toán hành động của Thiếu tá Cleary vẫn rơi vào tình trạng sẵn sàng bị tiêu diệt. Họ ngã xuống, vừa chết vừa bị thương, thật vô ích. Họ không có được một chút ưu thế. Thảm họa vẫn sẽ xảy ra, ông Cleary thấy rõ điều đó. Toán Thủy quân Lục chiến của Trung úy Jacobs không thể chọc thủng cạnh sườn chướng ngại vật. Không những thế, họ còn bị dấn vào tình trạng nguy ngập như những cánh quân khác. Cái bẫy đã sắp xuống. Mọi kẻ hở đã bị bịt kín. Toàn bộ lực lượng tấn công đều bị nhốt trong một cái hộp không có lối ra.

Một mảnh lựu đạn xé một đường trên cằm và một đầu đạn xuyên qua bàn tay Thiếu tá Cleary. Về phần các sĩ quan của ông, Đại úy Sharpsburg đổ xuống với những vết thương trên cánh tay và vai. Trung úy Garnet ho ra máu vì một vết thương ngay yết hầu. Chỉ có Trung úy Jacobs vẫn còn nguyên vẹn, ông ta hò hét cổ vũ mọi người và chỉ huy trận đánh.

Sau đó, trong lúc không ai chờ đợi, bất chợt bọn nhân viên an ninh ngưng nổ súng. Những Lực lượng Đặc biệt vẫn tiếp tục bắn trả cho tới khi ông Cleary ra lệnh cho họ ngưng tất cả mọi hành động, và ông tự hỏi bọn Wolf lại sắp giở trò gì.

Một giọng nói, rõ ràng và tinh tế, vọng ra từ những cái loa trên những tòa nhà quanh trung tâm kiểm soát, dội qua những lối đi, một giọng nói sẽ được những máy vi âm của Lực lượng Đặc biệt nhận thông điệp của nó và chuyển tải về Washington.

“Xin vui lòng lưu ý những gì tôi nói. Đây là Karl Wolf. Tôi xin gửi lời chào hỏi đến những toán tấn công của quân lực Hoa Kỳ đang nỗ lực xâm nhập khu khai thác mỏ của Tập đoàn Vận Hội. Các bạn phải biết rằng cho tới lúc này các bạn đang bị tràn ngập, đang bị bao vây và đang sa bẫy, và không có cơ hội thoát khỏi. Đổ máu thêm chỉ vô ích. Tôi khuyên các bạn buông vũ khí và lui lại đến chỗ khối băng, tại đây các bạn có thể được người của các bạn sơ tán. Các bạn sẽ được phép mang theo những người đã chết và bị thương. Nếu trong sáu mươi giây nữa, các bạn không thực hiện yêu cầu đó, tất cả các bạn sẽ phải chết. Sự chọn lựa thuộc về các bạn”.

Thông điệp đến như một cú đấm.

Ông Cleary không cam tâm chấp nhận sự thất bại không thể tránh. Ông tuyệt vọng đưa mắt nhìn những thi thể bị đạn xé rách của những người đã chết và những thi thể rỉ máu của những người bị thương. Đôi mắt của những người đã sẵn sàng và có thể tiếp tục chiến đấu vẫn cho thấy họ chẳng hề sợ hãi và vẫn bền bỉ. Họ đã chiến đấu dũng cảm, đã bị thương, đã chết. Họ đã dâng hiến tất cả những gì nhân loại có thể dâng hiến. Nhưng họ không thể làm gì được nữa, không chiến đấu, không chịu đựng, không vui, không buồn nữa.

Cho tới lúc này ông Cleary chỉ còn hăm sáu người trong điều kiện có thể tiếp tục chiến đấu trong số sáu mươi làm người đã nhảy dù xuống từ chiếc máy bay vận tải C-17. Họ bị tấn công từ cả hai phía, trước mặt và sau lưng bởi những chiếc xe trượt băng bọc thép được vũ trang còn lại. Ông đã chiến đấu trong tình trạng thật bi quan và cay đắng thê thảm mà ông chưa hề trải qua trước đó. Có vẻ như ông không còn chút hy vọng nào để vực dậy một cuộc chiến khác, nhưng ông vẫn quyết định phải thử một lần nữa. Tiếp tục lao tới phía trước sẽ chẳng mang lại kết quả gì ngoài chuyện tự sát. Tuy nhiên ông không hề có ý nghĩ đầu hàng. Mọi người đều hiểu nếu họ không chết ở đây và lúc này, chắc chắn họ cũng sẽ chết khi Trái Đất nổi điên. Với nỗi lo âu sâu sắc, Thiếu tá Cleary tái bố trí đội ngũ những người còn lại dưới quyền chỉ huy của ông để tấn công lần chót vào trung tâm kiểm soát.

Rồi, trong sự yên lặng của giai đoạn tạm ngưng nổ súng, ông nghe có những âm thanh giống như tiếng còi xe từ phía xa vọng tới. Và nó nhanh chóng vang dội hơn. Và mọi cái đầu trong bãi chiến trường đều quay lại và chờ đợi nhìn.

Con quái vật đó lúc nào cũng hiện ra.

“Chuyện gì đang xảy ra thế?” Giọng của Loren bật ra lấp cả những trao đổi thì thầm của cánh đàn ông khi cô nghe những âm thanh hỗn độn phát ra từ những cái loa.

Mọi người trong phòng chiến tranh tại Lầu Năm Góc và tại Nhà Trắng đều tự động ngược nhìn lên những màn hình chiếu cảnh chiến trường tại khu khai mỏ. Rất lâu sau đó, lâu đến nghẹt thở, mọi người ngẩn ngơ lặng thinh vì sửng sốt, lắng nghe như bị mê hoặc - những âm thanh vọng ra từ những cái loa truyền tin.

“Lạy Chúa!” Đô đốc Eldridge thều thào trong trạng thái bàng hoàng.

“Chuyện quái gì đang xảy ra ở đó thế?” Tổng thống hỏi.

“Tôi không có ý kiến, thưa Tổng thống”, Đại tướng South khẽ trả lời, ông không thể phân biệt những âm thanh hỗn độn thoát ra từ những cái miệng của những toán Lực lượng Đặc biệt hầu như thốt ra cùng một lúc. “Tôi không có ý kiến”, ông mơ hồ nhắc lại.

Một thứ gì đó thật khủng khiếp đang xảy ra bên hông bãi chiến trường của khu khai mỏ. Những người trong các toán Lực lượng Đặc biệt, kể cả bọn nhân viên an ninh, tất cả đều sửng sốt. Thiếu tá Cleary chợt nhận ra ông đang nhìn không chớp mắt với một cảm giác hoang vắng, hoàn toàn thả lỏng vì bối rối về phía con quái vật màu đỏ đang lăn mình trên những bánh xe khổng lồ tiến về phía họ như một tên điên hiện ra trong cơn ác mộng. Ông nhìn như bị thôi miên khi chiếc xe như một trái núi lao vào hai chiếc xe trượt băng bọc thép, đánh bật chúng lật nghiêng bên hông rồi đè bẹp chúng, trong lúc sức mạnh của sự va đập hất tung những gã an ninh lên cao trước khi chúng rơi xuống thành những đồng bẫy nhầy trên mặt băng. Những ngọn lửa bốc lên như những cây nấm méo mó. Những cửa xe vỡ vụn, những bánh xe, những mảnh thép vỡ và những thứ đồ nát khác

khắp mọi hướng. Con quái vật vẫn không chịu dừng lại, người lái nó cương quyết không giảm chân ga, trong lúc nó tiếp tục quật ngã và say sưa hủy diệt.

Trung úy Jacobs quát gọi người của ông ta nhảy tránh sang hai bên trong lúc Đại úy Sharpsburg, hầu như quên băng vết thương của mình, bò ra khỏi lối đi tới của con quái đang nhanh chóng đến gần. Trung úy Garnet và toán của ông ngơ ngác nhìn và không tin vào đôi mắt mình, trước khi họ bừng tỉnh và lao vào sát những bức tường để tự cứu.

Rồi con quái vật vượt qua chỗ họ với những tiếng gầm rú chói tai thoát ra từ những ống thoát khí đã bị xé rách khi nó đâm vào những chiếc xe trượt băng bọc thép. Đó là một thứ âm thanh mà không một chiến binh nào, những người đang nằm co rút vừa bàng hoàng, vừa choáng váng trên lớp tuyết, có thể quên được. Rồi chiếc xe thịnh nộ lao vào chướng ngại vật như một mũi dùi đâm qua một tờ giấy bìa.

Những tên an ninh đông cứng vì kinh ngạc và sợ hãi, mọi thành viên của các Lực lượng Đặc biệt cũng chẳng hơn gì, người bị thương cũng như người còn lành lặn, tất cả đều không thể tự chủ, đầu đưa mắt nhìn lúc con quỷ khổng lồ hủy diệt chướng ngại vật cản đường nó rồi hùng hổ xông về phía lối vào hình vòm dẫn tới trung tâm kiểm soát như một đoàn tàu hỏa mất kiểm soát, không chút xót thương trước sự đổ nát nó đang gây ra.

Hỗn loạn ! Những tên an ninh còn sống chạy đủ hướng, cố tìm những chỗ an toàn. Trong khoảnh khắc ngắn ngủi đó, ông Cleary chợt có cảm giác như thể kẻ cứu rỗi những người của ông là do thần thánh hoặc ma quỷ gửi tới. Bức màn đó nhanh chóng rời khỏi tâm trí ông và ông nhận ra rằng, nhờ cỗ máy kích sù kia mà chiến thắng đột ngột ngai lên từ đồng tro tàn.

Ông Cleary sẽ nhớ mãi hình ảnh chiếc xe khổng lồ đỏ và màu sơn đỏ của nó chói chang, lấp lánh dưới ánh mặt trời, hình ảnh kẻ đi đầu khiến nó ghi chặt tay lái với một bàn tay, trong lúc bàn tay còn lại nắm chặt một khẩu Colt 45 tự động đời 1911 cỡ lỗ sĩa thò ra ngoài qua cửa sổ bên hông xe và nhả đạn nhanh như chớp vào những gã an ninh, hình ảnh một người nữa cũng trên chiếc xe đó, đón ngã bất kỳ bộ đồng phục đen nào lọt vào tầm nhìn của anh ta với khẩu tiểu liên Bushmaster. Đó là cảnh tượng ông không hề chờ đợi, không có tiền lệ, một cảnh tượng làm người ta nghi ngờ đầu óc sáng suốt của mình.

Khoảng ba chục, hoặc ít hơn một chút, những gã an ninh không bị các toán Lực lượng Đặc biệt bắn chết hoặc bị thương, hoặc còn sống sót sau vụ tấn công ác liệt nhanh chóng đứng lên và bắt đầu nổ súng vào chiếc xe gây chết chóc. Những khẩu súng của chúng liên tục vãi những loạt đạn nối tiếp nhau. Những đầu đạn rơi như phun nước vào chiếc xe vào bánh xe của nó, xé rách từng mảnh kim loại và cao su, nhưng con quái vật vẫn không dừng lại. Đạn tiếp tục bay tới cho đến khi mái của nó lổ chỗ như tổ ong. Những mảnh thủy tinh vỡ bay tứ phía ra khỏi buồng lái, nhưng người lái xe và ông khách của ông ta vẫn ổn định lao tới.

Trong cơn giận dữ thô bạo và man rợ, chiếc Snow Cruiser đâm bổ vào trung tâm kiểm soát bằng cả cái thân hình cồng kềnh trên ba chục tấn của nó với vận tốc hai mươi dặm/giờ qua những bức tường bằng kim loại bao quanh lối vào như một quả đấm khổng lồ nện vào cánh cửa nhà của búp bê. Sự va đập khủng khiếp xé toang mái buồng lái của chiếc Cruiser gọn gàng như nó bị chém bởi một cái rìu đồ sộ. Mặt trước của con quỷ điên

nhàu nát khi nó đâm sâu vào phòng kiểm soát cũng nhàu nát bừa bãi với những mảnh kim loại bị xé toạc và những tiếng nổ phát ra từ các thiết bị điện tử, những dây điện, những vật gia dụng và những hệ thống máy điện toán.

Cái thân hình độ sộ của nó nứt nẻ vì trận bão đạn vừa rồi, buồng lái gần như rã rệu, những vỏ bánh xe độ sộ rách từng mảnh và bẹp gí. Chiếc Snow Cruiser mất đà, bị chặn lại trước bức tường ở cuối phòng và sau cùng, dừng lại.

Trong thời gian đó, không cần suy tính hoặc lý luận, người ta tự động đứng dậy, tiếp tục hành động, quát tháo, chửi thề, nguy hiểm rủa và không cần lệnh lạc, những người lính Hải quân, Lực lượng Delta, Thủy quân Lục chiến nhảy ra từ những chỗ ẩn nấp trong băng và lao tới. Họ băng qua chỗ rách do chiếc Cruiser tạo ra, tràn lên chướng ngại vật, tập trung hỏa lực dồn ngã hầu hết bọn nhân viên an ninh vẫn đang ngờ ngác trước sự tấn công của chiếc xe khổng lồ và đang dồn mọi chú ý của chúng vào con quái vật.

Hugo Wolf đứng lìm người vì kinh hoàng. Con quái khổng lồ màu đỏ không biết từ đâu hiện ra, và chỉ trong hai phút ngắn ngủi, đã làm thay đổi cục diện bãi chiến trường, quét gọn hai chiếc xe trượt băng bọc thép và những xạ thủ của chúng, nghiền nát gần hai chục người của hắn. Giống như một hậu vệ trên sân bóng đá, vào phút chót trận đấu, đã xông lên chặn đứng đường banh tấn công của đối phương rồi lui về vị trí của mình. Hugo không thể tin đi đâu đó vừa xảy ra. Bị cơn điên đột ngột xâm chiếm, hắn nhảy lên một xe mô tô chạy trên băng, khởi động động cơ, rú ga rời khỏi nơi hỗn loạn để tới nhà chứa máy bay.

Bị bỏ lại và không có người chỉ huy, bọn nhân viên an ninh có vẻ không còn hy vọng thoát chết, nên từng tên một, chúng đặt vũ khí xuống và đưa hai tay lên khỏi đầu. Người của Thiếu tá Cleary cũng cố chạy về phía nhà chứa máy bay trước khi những máy bay của bọn Wolf cất cánh. Và, chỉ trong chốc lát, quang cảnh tàn sát nhau bỗng trở nên yên tĩnh lạ lùng. Cuộc chiến đẫm máu và đầy thù hận kết thúc.

Phòng kiểm soát hỗn loạn không thể tả. Những thiết bị đi đâu khiến vương vãi khắp nơi. Những thứ vật dụng như bàn làm việc, những giá đỡ và những tủ nhỏ nằm ngổn ngang trên sàn nhà. Giấy má, hồ sơ chôn lên

nhau như một tấm thảm. Bàn ghế vụn vẹo và vỡ nát. Những màn hình kiểm tra nằm vắt vẻo trong những khung của chúng thành những góc dị dạng. Chiếc Snow Cruiser cỡi lên đồng đồ nát như một con khủng long bị thương nặng, phơi ra hàng trăm vết đạn lỗ chỗ. Nhưng thật lạ lùng, nó vẫn không chết. Bất chấp mọi nguyên tắc cơ học, những động cơ diesel của nó vẫn hoạt động trong tình trạng không tải, phát ra những âm thanh nhỏ qua những ống xả khí đã vỡ toác của nó.

Pitt đẩy cánh cửa rách tả tơi của chiếc Snow Cruiser sang một bên và thận trọng để nó rời khỏi bản lề và rơi xuống đất. Và cũng thật lạ lùng, anh và Giordino đã không bị giết chết. Những đầu đạn xé rách quần áo họ, Pitt bị một viên đạn cắt một vết nhỏ ở cánh tay trước bên trái, và Giordino đang chảy máu từ một vết thương trên da đầu, nhưng họ đã thoát chết, một đi đâu vượt xa sự mong mỏi của họ.

Pitt lục lọi căn phòng kiểm soát rách nát để tìm người, nhưng những gã Wolf, các kỹ sư và những nhà khoa học của chúng đã rời khỏi tòa nhà để tới nhà chứa máy bay. Giordino đưa cặp mắt nửa vui nửa buồn nhìn quang cảnh đồ nát.

“Cái đồng hồ vẫn còn chạy chứ?” Anh hỏi, giọng trầm trọng.

“Tôi không tin”, Pitt gạt đầu về chiếc đồng hồ kỹ thuật số nằm giữa đồng đồ nát, và chỉ vào những con số. Nó dừng lại ở con số mười phút hai mươi giây. “Bằng cách phá hỏng tất cả những máy điện toán và mọi hệ thống điện tử, chúng ta sẽ ngăn chặn được hậu quả việc đếm lùi”.

“Nghĩa là sẽ không có chuyện khối băng bị cắt rời và trôi ra biển?”

Pitt chỉ đơn giản gạt đầu.

“Không có chuyện Trái Đất kết thúc”, Pitt nhái lại.

“Vậy là yên ả rồi”, Giordino lầm bầm, anh không sao tin được sự việc đã bắt đầu từ một căn hầm tại khu mỏ ở Colorado sau cùng lại kết thúc trong một căn phòng đồ nát tại Nam Cực.

“Hầu như thế”, Pitt mệt mỏi dựa vào chiếc Cruiser méo mó, cảm nhận cơn giận dành cho bọn Wolf đang trào lên trong anh. “Vẫn còn vài việc chúng ta phải giải quyết”.

Giordino đưa mắt nhìn Pitt, như thể anh đang ở trên một hành tinh khác. “Mười phút và mười hai giây”, anh chậm rãi nói. “Có lẽ nào thế giới sẽ thực sự bị lãng quên chẳng?”

“Nếu dự án Valhalla của chúng tiến triển thuận lợi? Có thể. Nó có thể làm biến đổi Trái Đất trong nhiều ngàn năm. May thay, chúng ta sẽ chẳng

bao giờ biết đi đâu đó”.

“Chớ động đây, một ngón tay hoặc một cái liếc mắt”, một giọng nói lạnh như đá cắm thạch dội lại.

Pitt nhìn lên và nhận ra anh đang đối mặt với một bóng người trong bộ đồ trắng với đôi mắt mệt mỏi đang chĩa một khẩu súng lục vào anh. Người lạ đang chảy máu dưới cằm và một vết thương trên bàn tay.

Pitt nhìn người mới xuất hiện, cố đánh giá - một cách vô ích - đôi mắt ẩn sau cặp kính bảo hộ dùng tại vùng địa cực.

“Tôi có thể lúc lắc hai vành tai chứ?” Pitt hoàn toàn bình tĩnh.

Về phần mình, Thiếu tá Cleary không tin là ông có thể biết được thằng cha dị hóm đang đứng trước mặt ông là bạn hay thù. Còn gã lùn hơn đang đứng trước mặt ông là bạn hay thù. Mà gã lại trông mới giống một con bò rừng chứ. Gã cao hơn trong hai gã trông thật nhếch nhác với những miếng vải băng che kín nửa khuôn mặt. Cả hai trông chẳng khác gì những cái xác chết đứng, những cặp mắt trên những gò má và quai hàm đầy râu ria của họ trông càng gớm ghiếc. “Anh là ai và từ đâu đến, anh bạn lém liếng kia?”

“Tên tôi là Dirk Pitt. Bạn tôi là Al Giordino. Chúng tôi là người của NUMA”.

“NUMA”, ông Cleary lặp lại, cố tìm câu trả lời cho một hành động điên rồ “Thật chứ?”

“Thật mà”, Pitt trả lời, rồi thản nhiên hỏi lại, “Còn anh là ai?”

“Thiếu tá Tom Cleary, Lực lượng đặc biệt của Quân lực Hoa Kỳ. Tôi chỉ huy toán tấn công khu khai thác mỏ”.

“Tôi rất tiếc vì chúng tôi đã không thể đến sớm hơn, như thế sẽ cứu được nhiều người của ông hơn”, Pitt thành thật nói.

Đôi vai ông Cleary động đậy và ông hạ khẩu súng xuống.

“Không có cái chết nào đẹp hơn những cái chết hôm nay”.

Pitt và Giordino không nói gì. Có gì đáng để họ nói chứ.

Sau cùng, ông Cleary nói thẳng, “Tôi không thể tin hai nhà hải dương học của NUMA, không được huấn luyện chiến đấu với kẻ thù, lại có thể làm được lắm việc hay ho như thế này.” Ông Cleary vẫn cố hình dung ra những gã đàn ông đang đứng trước mặt.

“Cứu ông và người của ông là một hành động chẳng đáng dừng”, Pitt nói. “Ngăn chặn bọn Wolf gây thảm họa mới là mục tiêu hàng đầu của chúng tôi”.

“Và các ông đã hoàn thành đi ầu đó?” Ông Cleary hỏi và nhìn quanh đồng đồ nát trước đó là một trung tâm kiểm soát với những thiết bị kỹ thuật cao, “Hay là cái đ ồng hồ vẫn còn phải chạy tiếp?”

“Như ông có thể thấy đây”, Pitt trả lời, “mọi hoạt động điện tử đều mất tác dụng. Mọi lệnh lạc đi ầu khiến những máy móc cắt đứt khối bằng đ ầu ngưng hoạt động”.

“Tạ ơn Chúa”, ông Cleary nói, cảm giác căng thẳng và đau đớn phút chốc tan biến. Ông mệt mỏi nhấc cái nón trùm đ ầu xuống, đẩy cái kính bảo hộ lên quá trán, bước tới và đưa bàn tay không bị thương ra. “Quý ông. Những người này của chúng tôi vẫn còn đứng vững đ ầu mang ơn các ông. Chỉ Chúa mới biết có bao nhiêu sinh mạng được gìn giữ vì sự can thiệp đúng lúc này...” Trong lúc bắt tay họ, ông dừng lại để ngắm cái hình thù méo mó tàn tạ của chiếc Snow Cruiser - hẳn rất lộng lẫy trước đó - những động cơ êm ả của nó vẫn thông thả hoạt động như hai trái tim đang đập nhẹ nhàng, “Cái này ở đâu ra thế?”

“Quà tặng của Đô đốc Byrd đây”, Giordino nói.

“Ai?”

Pitt mỉm cười yếu ớt, “Đó là một câu chuyện dài”.

Đ ầu óc ông Cleary chợt thay đổi, “Tôi chẳng thấy ai ở đây cả”.

“Tất cả bọn chúng đã rời khỏi trung tâm lúc trận chiến đang diễn ra để tới nhà chứa máy bay và bỏ trốn”, Giordino giải thích.

“Bản đồ của tôi về khu khai mỏ này có cho thấy một đường băng nhưng tôi chẳng thấy chiếc máy bay nào cả, từ lúc chúng tôi nhảy xuống”.

“Không nhìn thấy nhà chứa máy bay của chúng từ trên cao. Nó được khoét sâu vào trong băng”.

Ông Cleary bưng giận, “Các ông muốn nói là các ông bạn phải trách nhiệm về sự hủy hoại đáng xấu hổ này đ ầu đã trốn thoát?”

“Bình tĩnh, Thiếu tá”, Giordino nói với một nụ cười ranh mãnh. “Chúng chưa rời khỏi khu khai mỏ đâu”.

Ông Cleary nhìn thấy vẻ hài lòng trong mắt Pitt, “Các ông cũng đã thu xếp cả rồi ư?”

“Thực tình mà nói, đúng thế”, Pitt thực thà trả lời. “Trên đường tìm tới đây, chúng tôi tình cờ lọt vào nhà chứa máy bay của chúng. Tôi sung sướng thông báo rằng tất cả mọi sự chống đối từ bọn chúng đ ầu chấm dứt”.

Những tiếng reo hò bùng nổ ầm ỉ trong các phòng chiến tranh tại Lầu Năm Góc và Nhà Trắng khi nghe giọng nói của Thiếu tá Cleary thông báo sự kết thúc của hệ thống tách rời khối băng, theo sau là báo cáo của Trung úy Jacobs về việc những kẻ sống sót của lực lượng an ninh của bọn Wolf đầu đã buông súng đầu hàng. Sự phấn chấn lan khắp cả hai căn phòng khi biết được sự khủng hoảng chết chóc tồi tệ nhất đã kết liễu. Họ nghe giọng nói của ông Cleary đang tường thuật cuộc nói chuyện với những kẻ đã cứu vãn chiến dịch tấn công, vì hai người này không mang theo máy vô tuyến truyền tin nên những gì họ nói không thể lọt vào cái micro nhỏ xíu gắn trên cổ họng ông Cleary.

Không thể kìm giữ niềm vui của mình, Tổng thống Wallace chộp một micro truyền tin và nói nhanh, “Thiếu tá Cleary, đây là Tổng thống. Cậu nghe tôi rõ chứ?”

Một thoáng yên lặng. Rồi giọng ông Cleary trả lời, “Vâng, thưa Tổng thống, tôi nghe ngài rất rõ ạ”.

“Cho tới lúc này, tôi được khuyên không nên xen vào cuộc nói chuyện của các bạn, nhưng tôi tin mọi người ở đây đều muốn nghe một báo cáo mạch lạc”.

“Tôi hiểu, thưa ngài”, ông Cleary nói, nhận ra ông không sao tin nổi ông đang thực sự hầu chuyện với tổng tư lệnh của mình. Tôi sẽ báo cáo chính xác ngay, thưa Tổng thống. Nhưng chúng tôi còn phải săn lùng bọn Wolf, những kỹ sư và những tên an ninh cuối cùng của chúng”.

“Tôi hiểu, nhưng cậu hãy vui lòng nói vắn tắt về chiếc xe khủng khiếp vừa mới xuất hiện trên màn hình. Nó của ai, và ai đang điều khiển nó?”

Ông Cleary tường thuật cho Tổng thống, nhưng ông ta thất bại thảm hại vì không sao mô tả cảnh con quái vật, một cách chính xác, từ trong băng chui ra vào phút chót và chộp lấy chiến thắng thật sự trong sự thất bại.

Mọi người ngẩn lắng nghe, bối rối, nhưng không ai bối rối bằng Đô đốc Sandecker khi được thông tin có hai người trong đơn vị dưới quyền lãnh đạo của ông đã vượt qua sáu mươi dặm trên mặt băng hoang vu không bóng dáng một sinh vật trên chiếc xe cổ quái ra đời từ năm 1940 và đã cứu thoát một bộ phận quân đội khỏi sự tàn sát của bọn giết mướn. Ông càng

bàng hoàng hơn khi nghe những cái tên Dirk Pitt và Al Giordino, mà, theo lệnh ông, họ phải có mặt tại Washington trong một giờ nữa.

“Pitt và Giordino”, ông nói, lắc đầu vì ngạc nhiên, “là những người tôi hiểu rõ. Nếu ai đó có thể thực hiện những hành động mà người khác bỏ tay, thì họ chính là những kẻ đó”.

“Tôi không hề ngạc nhiên”, Loren nói, một nụ cười thoáng qua trên gương mặt khả ái của cô. “Chẳng đi đâu gì làm Dirk và Al chùn bước và thụ động chờ Trái Đất ngừng quay”.

“Những người này là ai chứ?” Tướng South giận dữ lên tiếng. “Làm gì có chỗ cho NUMA xen vào một chiến dịch quân sự? Ai chịu trách nhiệm sự có mặt của họ?”

“Tôi rất hãnh diện nói rằng người đó là tôi”, ông Sandecker nói, nhìn thẳng vào mặt Tướng South không nhân nhượng, “dù thực ra thì tôi không cho phép họ. Họ đúng là người của tôi, nhưng họ đã tự ý hành động. Và với tôi, đó là một hành động đáng trách tuyệt vời”.

Sự tranh cãi kết thúc trước khi nó bắt đầu. Nó không bao giờ lưu lại trong ý nghĩ của những người có mặt tại các phòng chiến tranh của Ngũ Giác Đài và Tòa Bạch Ốc. Họ đều biết, nếu không có sự can thiệp của Pitt và Giordino, thì không ai dám dự đoán hậu quả sẽ khủng khiếp như thế nào.

Tại Pitt và Giordino đổ bưng, nhưng nếu không có sự kết nối với máy vô tuyến gắn trên đầu ông Cleary thì họ không thể nghe được những lời nói cách họ nửa vòng Trái Đất. Pitt ngẩng lên bậc thang của chiếc Snow Cruiser và tháo những mảnh vải băng khỏi gương mặt của anh, để lộ nhiều vết cắt đòi hỏi cần được khâu lại.

Ông Cleary nhìn anh, “Ông chắc bọn Wolf vẫn còn ở đây chứ?”

Pitt gật đầu, “Karl, tên đầu sỏ của gia đình, và một em gái, Elsie, chắc hẳn phải khóc ròng khi thấy những máy bay chúng dự trù sẽ dùng để chạy trốn khỏi khu khai thác mỏ trở nên vô dụng”

“Ông và ông Giordino có thể đưa tôi tới nhà chứa máy bay đó?”

Pitt mỉm cười, “Tôi xem đó là một vinh dự và là một đặc ân đấy”.

Giọng nói của Tướng South cắt đứt cuộc đàm thoại ngắn, “Thiếu tá Cleary, tôi đang chỉ đạo anh. Hãy củng cố đội ngũ lại, làm những gì anh có

thể đối với những người của anh bị thương, và giữ gìn an ninh phần còn lại của khu khai thác. Sau đó hãy chờ đơn vị chính của Lực lượng Đặc biệt, họ sẽ tới trong nửa giờ nữa”.

“Vâng, thưa Tướng quân”, ông Cleary trả lời. “Nhưng trước hết, còn vài chuyện phải giải quyết ạ”. Ông kéo cần nói giữa cái máy vi âm và máy nhận tin rồi quay sang Pitt, “Nhà chứa máy bay ở đâu?”

“Khoảng nửa dặm”, Pitt trả lời. “ông nghĩ tới chuyện chơi nhau với một trăm tên an ninh chỉ bằng nhúm người ít ỏi còn lại của ông à?”

Môi ông Cleary bết ra thành một nụ cười, “Còn ông không nghĩ những kẻ vừa mới đi qua cửa địa ngục lại còn ý chí chiến đấu sao?”

“Ông đừng mong tôi sẽ cãi nhau với ông nhé”.

“Hai ông làm hướng đạo chứ?”

“Ông đã được Washington cho phép chưa?”

“Tôi quên không nghĩ đến chuyện đó”.

Đôi mắt màu xanh ô liu của Pitt lóe lên một tia sáng quyết liệt. Vậy thì anh sẽ nói, hoặc không? “Al và tôi không bao giờ trôn tru trong một kế hoạch ma quỷ cả”.

Đã giảm bớt nhiều khi nói rằng Karl Wolf thực sự kinh hoàng và giận dữ khi hắn dán mắt vào đồng hồ nát của những chiếc máy bay của hắn. Kế hoạch qui mô mà hắn ấp ủ đã tiêu tan, trong lúc hắn, các nhà khoa học và các kỹ sư của hắn đi loanh quanh nhà chứa máy bay trong sợ hãi và hoảng loạn, theo chỗ hắn biết, những thiết bị dùng để tách rời khối băng vẫn còn chờ được sử dụng trong bốn phút nữa.

Do Hugo hướng dẫn sai khi y bảo những gã an ninh của y tại trung tâm kiểm soát vẫn còn dừng mãnh chiến đấu với những toán Lực lượng Đặc biệt, Karl không hề có ý niệm Đế Tứ Đế quốc lại giã chết trước khi nó được sinh ra, hoặc Dự án Valhalla lại chết yểu.

Những tên Wolf dựng thành một nhóm, kiêu hãnh, riêng biệt. Chúng không cam tâm chấp nhận tai họa vừa xảy ra, không thể tin lại xảy ra câu chuyện chiếc xe khổng lồ hoang đường đã phá hủy máy bay của chúng trước khi lao thẳng về phía trận đánh điên cuồng đang diễn ra trước trung tâm kiểm soát. Chúng bàng hoàng vì tình thế đột ngột đảo ngược. Hugo là thành viên duy nhất trong gia tộc còn vắng mặt lúc này. Phạm sai lầm vào giờ phút chót, y bất chấp tình huống khó khăn của bọn chúng, vội vã tổ

chức những phần tử còn lại trong lực lượng an ninh của y để chống trả lần cuối với những gã người Mỹ mà y biết vừa rời khỏi sau khi tấn công nhà chứa máy bay.

Vì vậy, Karl nói, “Được, cứ làm như thế”. Hắn quay sang Blondi, “Em gửi một thông điệp cho chú Bruno trên tàu Ulrich Wolf. Giải thích hoàn cảnh và bảo chú ấy cho máy bay đến đây ngay tức khắc. Chúng ta không còn bao nhiêu thời gian nữa đâu”.

Blondi không hỏi gì thêm. Cô ta chạy vội vào phòng truyền tin nằm bên cạnh đường băng.

“Liệu máy bay có thể đáp xuống chiếc tàu Ulrich Wolf trong thời gian đầu lúc vừa xảy ra biến động của Trái Đất không?” Elsie Wolf hỏi anh trai. Mặt cô tái xanh vì đau khổ.

Karl nhìn Jurgen Holtz, viên kỹ sư trưởng của hắn, “Cậu có câu trả lời cho cô em tôi chứ?”

Holtz nhìn xuống mặt băng trong nhà chứa máy bay và vụng về trả lời, “tôi không thể tính toán chính xác thời khắc những trận gió giật và những đợt sóng thủy triều kéo tới. Tôi cũng không thể tiên liệu sức mạnh khởi điểm của chúng. Nhưng nếu chúng xảy ra với chiếc tàu Ulrich Wolf trước khi máy bay của chúng ta đáp xuống, tôi sợ kết quả có thể đưa tới thảm kịch”.

“Ông muốn nói tất cả chúng ta sẽ chết?” Elsie hỏi dè dặt.

“Tôi muốn nói chúng ta sẽ không biết gì trước khi sự việc xảy ra”. Holtz đi đến tận cuối phòng trả lời.

“Chúng ta sẽ không có thì giờ để chuyển những cỗ vật của người Amenes từ những máy bay vô dụng này, sau khi Bruno đến”. Karl nói và tuyệt vọng nhìn chiếc phản lực hành động của gia đình chỉ còn là một đồng phế thải như một thứ đồ chơi của trẻ con. “Chúng ta chỉ mang đi những vật thiêng của Đệ Tam Đế chế”.

“Tôi cần bất cứ ai, kể cả phụ nữ, có thể cầm súng chiến đấu”. Giọng nói của Hugo đến từ sau lưng Karl. Bộ đồng phục đen của y lộ chỗ những vết máu của những xác chết trong lúc hỗn loạn xảy ra tại khu trung tâm kiểm soát. “Tôi nhận thấy nhiều người của chúng ta đã tỏ ra quá sợ hãi và mất định hướng. Nhưng nếu chúng ta còn muốn sống sót cho tới khi được những anh chị em của chúng ta từ khu đóng tàu đến cứu thì chúng ta phải chiến đấu chống lại bọn Mỹ”.

“Bao nhiêu tay súng của chú còn sống sót?” Karl hỏi.

“Khoảng một tá. Vì vậy tôi cần tất cả những ai có thể cầm súng”.

“Chú có đủ vũ khí cho tất cả chúng ta chứ?”

Hugo gật đầu, “súng và đạn dược có thể tìm thấy trong kho vũ khí tại lối vào nhà chứa máy bay”.

“Vậy tôi cho phép chú tuyển dụng bất kỳ ai muốn nhìn thấy lại những người thân của mình”.

Hugo nhìn vào mắt anh trai, “Địa vị của tôi, thưa anh, không cho phép tôi đòi hỏi họ chiến đấu và chết. Anh mới là lãnh đạo mới trong Vận Hội của chúng ta. Anh mới là người họ kính trọng và phục tùng. Khi anh yêu cầu, họ sẽ nghe theo”.

Karl nhìn vào mặt chú em trai và hai cô em gái, cố tìm một biểu lộ trong mắt họ. Với một đầu óc lạnh lùng như băng giá và một trái tim của đá, hắn không chút nghi ngại trong việc ra lệnh cho người của mình đem tính mạng của họ để trả giá cho sự sống của hắn và anh chị em hắn.

“Tập trung họ lại”, hắn nói với Elsie, “và anh sẽ bảo họ những gì họ phải làm”.

Để lại bốn người của mình - những người không bị thương trầm trọng - để săn sóc những người bị thương và canh chừng bốn nhân viên an ninh còn sống, ông Cleary và hai mươi hai người còn khả năng chiến đấu trong toán người của ông, do Pitt và Giordino - là những người biết rõ địa hình đến nhà chứa máy bay - hướng dẫn, họ tiến vào đường hầm chính theo đội hình chiến thuật, với hai người trong Lực lượng Delta của Trung úy Garnet hoạt động như những trinh sát hai bên sườn.

Trung úy Jacobs thật sự ngạc nhiên khi ông ta thấy sự có mặt của Pitt và Giordino, thậm chí còn ngạc nhiên hơn khi biết họ là những gã điên đã lái con quái vật xông vào trận đánh chỉ vài phút trước khi ông Cleary và người của ông ta bị tiêu diệt.

Thận trọng di chuyển, toán tấn công bọc qua khúc quanh đầu tiên trong đường hầm và vượt qua những kiến trúc vắng vẻ và những cánh cửa dẫn vào các nhà kho trống trơn. Đi bộ qua đường hầm đóng băng, Pitt và Giordino có cảm giác khác hẳn lúc lái chiếc xe và không thể dừng lại được nữa?”

Karl hỏi khẽ, “tới lúc đó chúng ta có thể thoát đi được không?”

Hugo nhìn về phía đường hầm dẫn tới khu khai mỏ như thể hắn đang chờ đợi một đoàn quân ma. “Chúng ta không có gì khác ngoài số người ít ỏi còn lại. Nếu người của tôi có thể loại bỏ chúng trong đường hầm hoặc ít nhất cũng gây thiệt hại nặng cho chúng, đến lúc đó tất cả mọi người chúng ta sẽ đủ hỏa lực để tiêu diệt chúng”.

Karl nhìn vào mặt Hugo và đặt một bàn tay lên vai hắn, “Đừng quan tâm đến chuyện rời khỏi nơi này, chú em. Tôi biết chú sẽ hành động với lòng can đảm và danh dự”.

Hugo ôm hôn gã anh họ, rồi bước đi để nhập bầy với những gã còn sót lại của hắn và dẫn chúng đi vào đường hầm. Theo sau chúng là một chiếc xe kéo với rơ moóc chở một thùng nhiên liệu có dung tích hai trăm lít và một cái quạt lớn đường kính hai mét.

Toán Lực lượng Đặc biệt tạm dừng tại khúc quanh cuối cùng trước khi tiến thẳng tới và chạy qua năm mươi mét để vào nhà chứa máy bay. Một màn sương mù mỏng hiện ra phía trước và trông có vẻ dày hơn khi nó tràn vào đường hầm và bắt đầu phủ kín mọi người.

“Ông sẽ làm gì với thứ đó?” Ông Cleary hỏi Pitt.

“Chẳng có gì khả quan cả. Chúng tôi chưa đụng độ với thứ gì giống như thế khi chúng tôi qua đây với chiếc Snow Cruiser”, Pitt đưa một ngón tay lên như để kiểm tra gió. “Đây không phải là một hiện tượng tự nhiên. Nó không chỉ mang theo một mùi lạ mà hình như nó do máy móc thổi tới, có lẽ do một cây quạt rất lớn”.

“Không phải hơi độc”, ông Cleary đánh hơi không khí và nói. “Một phần trong chương trình huấn luyện dành cho chúng tôi là nhận ra mùi khí độc. Tôi đoán là chúng định thải một loại hóa chất vô hại để che lấp hành vi của chúng”.

“Có thể đây chỉ là một hành động tuyệt vọng của bọn Woir, Jacobs gợi ý, ông ta vừa bước lại bên cạnh ông Thiếu tá.

“Hãy ở gần nhau”, ông Cleary ra lệnh cho người của mình qua cái máy vô tuyến gắn trên nón trùm đầu. “Chúng ta tiếp tục đi tới. Sẵn sàng dùng bất kỳ thứ gì tìm được để che chắn. Bọn chúng có thể xông tới từ màn sương mù bất cứ lúc nào”.

“Tôi không tán thành hành động này”, Pitt cảnh báo ông ta.

Ông Cleary chỉ đơn giản hỏi, “Tại sao?”

Pitt ngoác miệng cười với Giordino, “Tôi nghĩ chúng ta đã ở đây lúc này phải không?”

“Và đã làm chuyện đó”, Giordino nói thêm.

Pitt nhìn và đánh giá màn sương mù rồi đặt bàn tay lên cánh tay Giordino, “Al, cậu đem theo một người của Thiếu tá, chạy trở lại chỗ chiếc xe kéo rơ moóc và mang về cái bánh xe dự phòng”.

Cặp mắt ông Cleary lộ vẻ tò mò, “Dùng lốp xe để làm gì?”

“Một trò trốn bắt nhỏ của chúng tôi”.

Mấy phút sau, một tiếng nổ khủng khiếp như muốn xé rách đường hầm. Không có những tia lửa hoặc những cuộn khói, mà chỉ có ánh chớp lóa mắt dẫn theo một đợt sóng sức đẩy xô giạt bầu không khí bị giam hãm trước khi nó thoát ra ngoài như một tên lửa lao qua một ống khí nén. Âm thanh của tiếng nổ ào đến như một tiếng sấm dữ dội trước khi nó giãn dãn thoát đi và tiếng dội của nó giảm dần.

Sửng sốt vì cơn sốc và hai lỗ tai lùng bùng như âm thanh tiếng chuông giáo đường, Hugo Wolf và tám gã nhân viên an ninh còn sót lại của hấn bước loạng choạng trên những bàn chân tê cóng và bắt đầu tiến tới, qua những mảng băng rơi xuống lả tả với hy vọng nhìn thấy những cái xác bất động của những người Mỹ. Cơn chấn động vừa xảy ra vượt quá sự mong đợi của chúng, nhưng chúng hy vọng những kẻ thù đầu bị loại trừ.

Vòng qua một khúc quanh và dùng đèn chiếu để xuyên thủng tấm màn sương mù và hơi nước từ vụ nổ, chúng chậm chạp di chuyển tới trước cho đến khi có thể phân biệt những cái xác nằm rải rác trong và dưới những mảnh băng từ nóc hầm rơi xuống. Hugo đưa mắt nhìn từng cái xác. Sự hài lòng và phấn chấn trào lên trong người hấn trước những cái xác lính Mỹ. Không một kẻ nào sống sót. Hấn nhìn xuống hai gã mặc quần áo dân sự và tự hỏi họ là ai và từ đâu đến. Họ nằm úp mặt xuống đất nên hấn không thể nhận ra đó là hai kẻ đã lái chiếc xe ma quỷ gây ra bao nhiêu cái chết và đổ vỡ tại trung tâm kiểm soát.

“Xin chúc mừng ngài đã chiến thắng oanh liệt, thưa ngài Wolf”, một trong những gã an ninh ngời khen hấn.

Hugo chậm rãi gật đầu, “Ừ, nhưng là một chiến thắng phải trả giá quá đắt”. Rồi, thật máy móc, Hugo và người của hấn quay lưng lại với cảnh tàn sát và bắt đầu đi trở lại nhà chứa máy bay.

“Nổ súng!” ông Cleary quát lớn.

Hugo và người của hắn quay lại nhìn, kinh hãi khi thấy những xác chết đột ngột bật đứng lên với những khẩu súng chĩa ra, nhắm vào bọn chúng. Hugo có thể đủ thời gian để đầu hàng. Bất kỳ người sáng suốt nào cũng biết chống đối chỉ có thể dẫn tới cái chết không sao tránh khỏi. Nhưng Hugo - do phản xạ hơn là do ý thức - đã nâng súng lên để bắn, những thủ hạ cũng làm theo hắn.

Vũ khí của các Lực lượng Đặc biệt nhả đạn cùng lúc. Những tên an ninh chưa kịp nổ súng thì đã bị đốn ngã. Hugo dội ngược về phía sau, đứng bất động, mặt hắn méo mó lúc hắn buông rơi khẩu súng xuống và trừng trừng nhìn qua cặp mắt hoảng loạn những lỗ đạn xuyên thủng bộ đồ đen của hắn, vắt ngang dạ dày từ ngực xuống tới hông. Sau cùng, với nỗi đau của kẻ biết mình đã thua cuộc và chỉ còn sống vài giây nữa, hắn đổ sập xuống sàn đường hầm.

Tiếng súng đã dừng bật, và Trung úy Jacobs, với những người của ông ta thận trọng làm theo, bắt đầu kiểm tra những xác chết và tước cả vũ khí ra khỏi những bàn tay đã cứng đờ. Pitt, khẩu Colt 45 nằm lỏng lẻo trong lòng bàn tay phải, bước tới quì bên cạnh Hugo. Gã thanh viên của gia tộc Wolf lãnh đạo lực lượng an ninh còn nhận ra sự có mặt của người lạ, hắn nhìn lên và không biểu lộ cảm giác gì.

“Sao ông biết?” hắn thều thào.

“Người của ông đã giở trò này với tôi trong khu vực mỏ tại Colorado”.

“Nhưng vụ nổ...?”

Pitt biết Hugo sắp chết, và anh phải nhanh chóng cho hắn biết. “Chúng tôi lặn cái bánh xe dự phòng của chiếc xe kéo rơi moóc vào đường hầm, rồi xả hơi từ bánh xe vào bộ phận gây nổ của các ông. Hơi nén sẽ khởi động nút bấm gây nổ. Sau đó chúng tôi nấp vào một nhà kho. Ngay sau khi có tiếng nổ, chúng tôi ra và nằm rải rác giữa những mảnh băng vụn do vụ nổ gây ra và giả chết”.

“Ông là ai?” Hắn thều thào.

“Tên tôi là Dirk Pitt”.

Cặp mắt nhướng lên, “Không phải mày”, hắn lầm bầm. Rồi cặp mắt mở lớn và đầu hắn ngoẹo về một bên.

Tiếng nổ dẫn theo một trận bão của tiếng đạn réo, dội lại trong đường hầm đến tận nhà chứa máy bay như một loạt những tiếng sấm thoát ra từ một miệng cống, rồi những âm thanh đồ võ đột ngột tắt ngấm cho đến lúc sự yên lặng khác thường lan khắp nhà chứa máy bay, như một điếu bất thường. Nhiều phút trôi qua, mọi người đứng tê liệt nhìn vào bóng tối trong đường hầm, chờ đợi với tâm trạng nặng nề. Rồi sự yên lặng ma quái bị phá vỡ bởi tiếng bước chân chạy rầm rập dội trên sàn băng trong đường hầm.

Một bóng người chậm chạp hiện ra, bước vào thứ ánh sáng khúc xạ từ trên mái nhà chứa máy bay hắt xuống. Một người cao lớn trong bộ quần áo màu trắng rách tả tơi, tiến về phía đám đông gần một trăm người vừa đàn ông và phụ nữ, đứng thành nửa vòng tròn, tay cầm súng với họng súng hướng về phía người lạ. Một cái khăn quàng quấn quanh nửa khuôn mặt anh ta. Người đàn ông bước thẳng tới Karl Wolf và các em gái hắn, dừng lại và kéo cái khăn quàng xuống, để lộ một gương mặt đen đúa loang lổ vết máu, râu ria tua tủa, và hốc hác vì mệt mỏi.

“Hugo gửi lời xin lỗi của anh ta, nhưng anh ta không thể tiếp tục tham gia chuyến du lịch nhỏ của các người”.

Về bối rối khó hiểu lan khắp nhà chứa máy bay. Blondi không giấu được vẻ bàng hoàng gần như mê muội. Nét mặt Elsie để lộ tâm trạng vừa phẫn uất vừa căm giận. Có vẻ như đã tiên liệu sự việc, Karl là kẻ đầu tiên lấy lại bình tĩnh và trở nên sắc bén. “Lại là ông, ông Pitt”, hắn nói và nhìn Pitt với đôi mắt khó hiểu. “Ông đúng là một tai họa”.

“Xin lỗi vì quần áo bèo nhèo”, Pitt nói, thân thiện, “nhưng dạ phục của tôi đang nằm trong hiệu giặt ủi”.

Đôi mắt màu xanh giận dữ nhìn Pitt trừng trừng, Elsie bước tới và thọc khẩu súng lục tự động vào dạ dày Pitt. Anh thốt ra - một tiếng rên đau đớn, ôm bụng bước lùi lại, nhưng nụ cười vẫn đọng trên gương mặt.

“Cô phải thấy”, Pitt hòa nhã nói, “là tôi không có vũ khí và đang đóng vai trò sứ giả hòa bình chứ”.

Karl đẩy bàn tay cầm súng của Elsie sang một bên. “Để em giết hắn”, cô ta rít qua kẽ răng.

“Phải hành động đúng lúc”, Karl nói như lúc đàm thoại bình thường. Hắn nhìn vào mắt Pitt, “Hugo chết rồi phải không?”

“Theo cách nói của chúng tôi là về nhà. Hugo đã về nhà”.

“Còn người của chú ấy?”

“Cũng tình trạng như thế”.

“Ông nhận trách nhiệm về việc những máy bay của tôi bị phá hủy chứ?”

Pitt nhìn quanh, những chiếc máy bay méo mó, dị dạng, r ồi nhún vai, “Tôi lái hơi bất cẩn, tôi phải thú nhận đi ầu đó”.

“Ông từ đâu đến?” Karl hỏi nhát gừng.

Pitt mỉm cười, hoàn toàn không quan tâm đến h ắn, và nói, “Đề nghị ông ra lệnh cho người của ông buông vũ khí xuống trước khi họ gánh những hậu quả t ồi tệ. Hôm nay máu đã chảy quá đủ ở đây r ồi. Thật ngốc nghếch khi tạo thêm thảm kịch”.

“Người của ông, ông Pitt, còn bao nhiêu?”

“Ông cứ xem thì r õ”, Pitt quay lại và phác một cử chỉ. Giordino, Thiếu tá Cleary và hai chục người còn lại của ông từ đường h ầm bước vào nhà chứa máy bay và dàn thành một hàng ngang cách đó g ần một bước chân, súng trong tư thế sẵn sàng.

“Hai mươi chống lại một trăm”, l ần đầu tiên Karl nhếch mép cười.

“Chúng tôi đang chờ lực lượng tiếp viện sẽ tới ngay”.

“Quá trễ”, Karl nói, tuyệt đối tin tưởng Pitt đang tuyệt vọng, cố tìm cách tự cứu mình qua sự thất bại. “Lúc này, hệ thống kỹ thuật siêu nhỏ nano đã khởi động để tách rời khỏi băng. Thế giới đang bắt đầu xảy ra tai biến như chúng tôi đã loan báo. Không một quy ền lực nào có thể ngăn chặn đi ầu đó”.

“Tôi cá sự việc hoàn toàn khác”, Pitt nói, giọng hoàn toàn dửng dưng. “Tất cả mọi hệ thống đầu đã bị phá hủy mười phút trước khi chúng được bấm nút hoạt động. Tôi rất tiếc đã làm hỏng mọi kế hoạch của ông, Karl. Và sẽ không có thảm họa nào cả. Sẽ không có Vận Hội Mới. Không có Đế Tư Đế quốc. Trái Đất vẫn tiếp tục quay quanh mặt trời như trước, vẫn có những bất trắc với những công cụ nhân tạo kém cỏi và khiếm khuyết của con người. Mùa hạ và mùa đông, bầu trời xanh và những đám mây, mưa và tuyết vẫn sẽ tiếp tục không bị gián đoạn rất lâu sau khi nhân loại không còn t ồn tại nữa. Nếu chúng ta trở nên tuyệt chủng, đi ầu đó sẽ đến từ thiên nhiên, không phải vì những mưu đồ đen tối do một đ ầu óc hoang tưởng muốn thống trị thế giới”.

“Ông đang nói gì thế?” Elsie lấp bắp vì đã bắt đầu hoang mang.

“Không cần phải hoảng loạn, em gái thân mến”, Karl nói, giọng h ắn yếu đi, không đúng giọng bẩm sinh, “gã này nói dối”.

Pitt chán nản lắc đầu, “Tất cả đã chấm dứt với dòng họ Wolf. Nếu có ai đáng bị truy tố trước một tòa án quốc tế vì đã mưu đồ những tội ác chống lại nhân loại thì kẻ đó chính là ông. Đến lúc bảy tử sinh linh nhận ra ông và cái gia tộc ma cà rồng hút máu người của ông cố tìm mọi cách để hủy diệt tất cả đàn ông, phụ nữ và trẻ con trên hành tinh này. Các người sẽ không được ai ủng hộ đâu. Nhưng chiếc tàu khổng lồ, những cửa cải và kho tàng của các người sẽ bị niêm phong. Và nếu có ai đó trong các người thoát khỏi nhà tù thì mỗi hành động của họ đều sẽ bị giám sát chặt chẽ bởi các tổ chức tình báo và cảnh sát quốc tế để bảo đảm họ không thể manh tâm tái tạo cái gọi là Đệ Ngũ Đế quốc”.

“Nếu những gì ông nói đầu đúng”, Karl nói với một tiếng cười nhạo báng, “vậy ông định làm gì với các cô em tôi và tôi?”

“Không phải do tôi quyết định”, Pitt thở ra. “Một lúc nào đó, một nơi nào đó, ông sẽ bị treo cổ vì tội ác của mình, vì tất cả những cái chết ông đã ra lệnh cho thuộc hạ gây ra. Và tôi sẽ hài lòng khi đứng vào hàng đầu tiên của những người chứng kiến cảnh ông bị treo cổ”.

“Đúng là một ảo tưởng điên rồ nhằm trêu tức tôi, ông Pitt, và nghe cũng hấp dẫn đấy. Chỉ có điều là nó quá ngây ngô”.

“Ông đúng là một kẻ bướng bỉnh”.

“Anh ra lệnh bắn hắn đi, Karl”, Elsie thúc giục. “Bắn thẳng sâu một này đi. Nếu anh không làm, em sẽ”.

Karl Wolf đưa mắt nhìn những chiến binh mệt mỏi, kiệt sức của Thiếu tá Cleary, “Cô em tôi có lý. Trừ phi người của ông đầu hàng trong mười giây nữa, nếu không, người của tôi sẽ bắn”.

“Không có chuyện đó đâu”, Pitt nói, giọng anh cứng rắn và khô khan.

“Một trăm khẩu súng chống lại hai mươi? Cuộc chiến sẽ không lâu đâu, và sẽ chỉ có một kết thúc duy nhất. Ông thấy đấy, ông Pitt. Và nếu những em gái tôi và tôi có hy sinh, chúng tôi cũng rất vui vì được hy sinh nhân danh Đệ Tứ Đế quốc”.

“Thật ngốc nghếch khi phí phạm sự sống cho một giấc mộng đã chết và đã bị chôn vùi”, Pitt nói với giọng bình thản.

“Đó là quan điểm rỗng tuếch của những kẻ bất lực. Ít nhất thì tôi cũng hài lòng khi biết rằng ông sẽ là người chết đầu tiên”.

Pitt nhìn Karl một lúc lâu rồi nhìn xuống khẩu tiểu liên tự động trên tay gã điên rồ. Và anh nhún vai. “Tùy ông vậy. Nhưng trước khi ông bị

mang đi cùng với tham vọng điên rồ của mình, đề nghị ông quay nhìn sau lưng xem”.

Karl lắc đầu, “Tôi không rời mắt khỏi ông đâu”.

Pitt khẽ quay đầu sang Elsie và Blondi, “Tại sao các cô không chịu giải thích tình thế cho anh mình nhỉ?”

Hai chị em Wolf quay lại nhìn.

Mọi cái cổ trong nhà chứa máy bay cùng quay lại, và mọi đôi mắt đều đổ dồn về phía bức tường xa nhất và lối vào của đường hầm xa nhất. Nếu có thứ gì đó còn thiếu trong nhà chứa máy bay thì đó là một kho vũ khí tự động. Có thêm hai trăm người nữa tham gia vào vở kịch đang diễn ra quanh những chiếc máy bay vỡ nát. Hai trăm khẩu tiểu liên Eradicator trông thật khó chịu đang nhắm vào lưng những kỹ sư và những nhà khoa học của Tập đoàn Vận Hội, từ những bàn tay nắm chặt của những người lạ bị che kín mặt mũi trong những cái nón trùm đầu và sau những cặp kính bảo hộ của họ. Họ đứng thành một nửa vòng tròn, hàng đầu quì gối, hàng sau đứng thẳng, tất cả đầu mặt quân phục chiến đấu dùng cho vùng địa cực, tương tự bộ quân phục của ông Cleary và người của ông.

Một trong những người lạ có vẻ là chỉ huy bước tới và nói lớn, “Bỏ vũ khí xuống thật thông thả và quay mặt lại! Nếu có một dấu hiệu thù địch, tôi sẽ ra lệnh cho người của tôi nổ súng! Hãy vui lòng hợp tác và sẽ không ai bị tổn thương”.

Không một dấu hiệu chần chừ hoặc phản kháng. Những nhà khoa học của Tập đoàn Vận Hội, cả đàn ông lẫn phụ nữ, hầu hết đều tỏ ra sung sướng buông bỏ vũ khí, một số ít miễn cưỡng làm đi đầu đó. Hầu hết đều thở ra nhẹ nhõm khi quay mặt lại và đưa tay lên khỏi đầu.

Trông Elsie như thể bị một lưỡi dao đâm qua tim. Cô ta đứng với nét mặt đờ đẫn ngơ ngác. Cặp mắt Blondi lơ đãng và hoang dại, trông như sắp ngã bệnh. Gương mặt Karl căng thẳng và trở như đá, phần nộ hơn là sợ hãi khi biết chắc chắn kế hoạch lớn lao của mình là tạo ra một trật tự thế giới mới giờ đây đã bốc hơi.

“Ai trong các ông là Dirk Pitt”, người chỉ huy Lực lượng Đặc biệt mới đến hỏi.

Pitt chậm rãi đưa cánh tay lên, “Tôi”.

Người sĩ quan bước thẳng tới Pitt và gật nhẹ đầu, “Đại tá Robert Wittenberg, chỉ huy chiến dịch của những Lực lượng Đặc biệt. Tình trạng vụ tách rời khỏi băng Ross Ice Shelf thế nào?” “Đã kết thúc”, Pitt trả lời

dứt khoát. “Dự án Valhalla đã bị triệt hạ mười phút trước thời điểm dự tính khởi động hệ thống tách rời khỏi băng”.

Ông Wittenberg nhẹ nhõm thấy rõ, “Tạ ơn Trời”, ông thở ra.

“Sự tính toán thời gian của ông không thể chính xác hơn, thưa Đại tá”.

“Sau khi liên lạc vô tuyến với Thiếu tá Cleary, chúng tôi theo hướng của ông, băng qua cánh đồng băng các ông đã đi qua trên chiếc xe đó”. Ông ta dừng lại và hỏi như có vẻ kinh sợ, “Các ông đã nhìn thấy thành phố cổ đại chứ?”

Pitt mỉm cười, “Vâng, chúng tôi đã thấy nó”.

“Từ nơi đó chúng tôi chạy thẳng một mạch tới đây”, Đại tá Wittenberg nói tiếp, “Cho tới khi chúng tôi tới nhà chứa máy bay và tập trung lại trước khi bất kỳ kẻ nào trong bọn chúng quay lại và nhận ra chúng tôi”.

“Thiếu tá Cleary và tôi đã tìm cách gây chú ý để bọn chúng không quan tâm đến đường hầm cho tới khi ông dàn quân xong”.

“Tất cả bọn chúng đều có mặt ở đây?” ông Wittenberg hỏi.

Pitt gật đầu, “Trừ những kẻ bị thương chúng bỏ lại trung tâm kiểm soát”.

Thiếu tá Cleary đến gần, và hai người chiến binh chào nhau trước khi nòng nhiệt bắt tay. Nụ cười của ông Cleary đầy mệt mỏi, nhưng hai hàm răng vẫn phớt ra đủ, “Bob, cậu không hiểu tôi hạnh phúc thế nào khi nhìn thấy lại khuôn mặt xấu xí già nua của cậu đâu”.

“Tôi đã cứu cái đuôi của cậu mấy lần rồi nhỉ?” Ông Wittenberg nói, vẻ hài hước lấp lánh trong mắt ông.

“Hai, và tôi chẳng hề xấu hổ khi thừa nhận điều đó”.

“Lần này cậu chẳng để lại cái gì đáng giá cho tôi làm cả”.

“Đúng, nhưng nếu cậu và người của cậu không xuất hiện đúng lúc thì cậu đã phải chứng kiến một bãi chiến trường đầy những xác chết, chứ làm sao thấy chúng tôi lành lặn như thế này”.

Ông Wittenberg nhìn những người của ông Cleary, trông họ phờ phạc và mệt mỏi nhưng vẫn trật tự theo dõi mọi động tác của bọn Wolf khi chúng hạ vũ khí trên mặt băng và tập trung lại thành những nhóm gần những chiếc máy bay móp méo. “Có vẻ như chúng đã làm các cậu choáng váng phải không?”

“Tôi mất quá nhiều người dũng cảm”, ông Cleary ủ rũ nói.

Pitt chỉ về phía bọn Wolf, “Đại tá Wittenberg, cho phép tôi giới thiệu Karl Wolf và các em gái anh ta, Elsie và ...” không biết tên Blondi, anh dừng lại.

“Em gái tôi Blondi”, Karl xen vào. “ông định làm gì chúng tôi, Đại tá?”

“Nếu được phép”, ông Cleary gằn gừ, “tao sẽ bắn hết bọn mày”.

“Ông được lệnh phải làm gì với bọn Wolf sau khi bắt giữ chúng?” Pitt hỏi Đại tá Wittenberg.

Ông Đại tá lắc đầu, “Tôi không có dịp thảo luận về chính sách chính trị dành cho chúng”.

“Trong trường hợp này, tôi có thể yêu cầu một đặc ân chứ?”

“Sau tất cả những gì ông và bạn ông đã làm”, Thiếu tá Cleary trả lời, “ông có quyền đề nghị yêu cầu của mình”.

“Tôi muốn tạm thời giam giữ bọn Wolf”.

Ông Wittenberg nhìn vào mắt Pitt như cố đọc ý nghĩ của anh, “Tôi hoàn toàn không hiểu”.

Nhưng ông Cleary hiểu, “Vì cậu không nhận được lệnh có liên quan tới việc bố trí các tù nhân”, ông nói với ông Đại tá, “tôi nghĩ đi đâu thích đáng và hợp lý nhất là phải tôn trọng lời yêu cầu của người đã cứu chúng tôi thoát khỏi sự khủng khiếp không thể tưởng tượng vừa qua”.

Ông Wittenberg suy nghĩ một lúc trước khi gật đầu, “Tôi hoàn toàn đồng ý. Đó là những chiến lợi phẩm trong chiến tranh. Các ông sẽ tạm giữ bọn Wolf cho tới khi chúng được đưa về quản thúc tại Washington”.

“Chẳng có chính phủ nào có quyền hợp pháp về bất kỳ cá nhân nào tại Nam Cực”, Karl nói một cách ngạo mạn. “Ông đã phạm luật khi giữ chúng tôi như những con tin”.

“Tôi chỉ đơn giản là một quân nhân”, ông Wittenberg nói với một cái nhún vai. Tôi sẽ để việc đó cho các luật sư và các chính trị gia quyết định số phận của các người sau khi các người rơi vào trong tay họ”.

Trong lúc những toán Lực lượng Đặc biệt mới tập hợp có mặt an toàn tại khu khai thác mỏ và sau cùng quản thúc các tù nhân trong một phòng ngủ tập thể dành cho công nhân, Pitt và Giordino kín đáo đưa Karl, Elsie và Blondi Wolf đi dọc theo những cánh cửa đồ sộ trên một bức tường của nhà chứa máy bay. Có vẻ như họ không bị chú ý. Họ đột ngột buộc ba anh em nhà Wolf đi vào một cánh cửa dẫn ra đường băng dành cho máy bay bên

ngoài. Luồng không khí lạnh buốt bất chợt xâm nhập họ như một cú đâm, khi họ từ nhà chứa máy bay ở nhiệt độ 26 độ bước ra.

Karl Wolf quay lại, mỉm cười yếu ớt với Pitt và Giordino, “Đây là nơi các ông xử lý chúng tôi phải không?”

Blondi có vẻ như đang trong trạng thái hôn mê. Nhưng Elsie lại cay độc nhìn Pitt, “Bắn chúng tao đi, nếu mày dám!” Cô ta hét lớn với vẻ khiêu khích.

Gương mặt Pitt lộ vẻ kinh tởm, “Với mọi tình cảm thiêng liêng cao cả của thế giới này, tất cả các người đều đáng chết. Nhưng , tôi hoặc bạn tôi đây không được vinh dự làm điếu đó. Tôi sẽ để thiên nhiên quyết định sự trừng phạt”.

Karl bất chợt hiểu ra, “Các ông để chúng tôi tự tìm con đường sống?”

Pitt gật đầu, “Đúng”.

“Vậy các ông không muốn nhìn thấy các em gái tôi và tôi đứng trước vành móng ngựa và vào tù sao?”

“Một dòng họ giàu sụ và đầy quyền lực như các người sẽ không bao giờ bước vào một tòa án. Các người sẽ dùng mọi thủ đoạn trong tay các người để tránh khỏi những cái giá treo cổ hoặc sau những chấn song sắt và cuối cùng được tự do”.

“Những gì ông nói đều đúng”, Karl nói với giọng khinh bỉ, “Không một lãnh tụ của bất kỳ chính phủ nào dám liêu lĩnh thò tay vào gia tộc Wolf”.

“Không ai dám làm chúng tao phẫn nộ”, Elsie góp thêm. “Không một viên chức cao cấp hoặc nguyên thủ quốc gia nào dám mắc nợ gia tộc chúng tao. Vạch trần tội ác của chúng tao là chúng đã chán sống”.

“Chúng tao sẽ không bị tù như những kẻ thấp hèn bình thường”, Blondi nói, giọng cô ta đã lấy lại vẻ bướng bỉnh. “Gia đình chúng tao rất mạnh, rất kiên cường. Chúng tao sẽ lại đứng lên, và lần sau chúng tao sẽ không thất bại đâu”.

“Tôi là một trong những người”, Giordino nói, cặp mắt màu đen của anh đầy vẻ khinh bỉ, “cho rằng đó là một ý nghĩ quá t ử”.

“Tất cả chúng tôi cảm thấy dễ chịu hơn khi biết rõ các người sẽ chẳng bao giờ có cơ hội thực hiện điếu đó”, Pitt lạnh lùng nói.

Đôi mắt Karl Wolf nhú lại, r ấ hấn nhìn ra cánh cửa bằng giá trước mặt, “Tôi tin tôi đã biết ý đồ của ông”, hấn nói khẽ, giọng nói có vẻ dịu lại.

“Các ông tính thả chúng tôi để chúng tôi chết còng trong cảnh băng giá này”.

“Đúng”, Pitt gật nhẹ.

“Không có quần áo chống rét, chúng tôi sẽ không chịu đựng nổi trong một giờ nữa”.

“Theo tôi thì chỉ hai mươi phút”.

“Có vẻ tôi đã đánh giá ông quá thấp trong cương vị một kinh địch, ông Pitt”.

“Tôi luôn cho rằng thế giới vẫn diễn ra trôi chảy nếu không có sự can thiệp của Tập đoàn Vận Hội và đế chế gia đình trị của ông”.

“Tại sao ông không chọn giải pháp đơn giản là bắn chúng tôi để kết thúc sự việc?”

Pitt nhìn Wolf một thoáng thú vị hiện ra trong cặp mắt màu xanh của anh, “Như thế chẳng hóa ra quá nhanh sao. Với cách này, các người sẽ có đủ thì giờ để nếm mùi khủng khiếp mà các người đã tìm cách buộc hàng tỉ người vô tội phải gánh chịu”.

Một co giật nhẹ hiện ra trên hai thái dương Karl Wolf. Với một cử chỉ che chở, hắn đặt hai bàn tay quanh vai hai cô em gái. “Bài thuyết giảng của ông làm tôi chán ngấy, ông Pitt. Tôi thích bị chết còng hơn nghe thêm mớ triết lý ngớ ngẩn của ông”.

Pitt nhìn Wolf và hai em gái hắn với vẻ nghi ngại. Anh tự hỏi tại sao cái gia tộc này lại bướng bỉnh như thế. Sự mất mát quyền lực làm chúng bị sốc, nhưng cái chết lại chẳng hề làm chúng mảy may chột dạ. Một cái gì đó đã khiến chúng trở nên điên rồ. Anh nhìn nét mặt từng người trong bọn chúng, “Đây là một lời cảnh báo. Đừng nhọc công tìm cách quay lại những đường hầm hoặc khu khai mỏ. Mọi lối vào ra đều bị canh giữ”. Rồi anh làm một động tác với khẩu Colt 45 cũ kỹ của mình, “Bắt đầu bước tới đi”.

Blondi có vẻ như cam chịu số phận của mình. Karl cũng vậy. Cô ta đã bắt đầu run lẩy bẩy trong cái lạnh cắt da thịt. Nhưng Elsie thì không. Cô ta đột ngột tấn công Pitt, nhưng chỉ để nhận một cú tát trái của Giordino làm cô ta khụy xuống. Lúc cô ta gượng đứng lên với sự giúp đỡ của Karl, Pitt hiếm khi nhìn thấy một ánh mắt độc ác như vậy trên một gương mặt phụ nữ. “Tao thèm, tao sẽ giết mày”, cô ta phun ra qua cặp môi rỉ máu. Pitt lạnh lùng mỉm cười.

“Tạm biệt, Elsie, chúc một ngày tốt đẹp”.

“Nếu bước nhanh”, Giordino thò thà nói, “các người sẽ ấm hơn”.

R ồi anh đóng mạnh cửa.

Suốt tám giờ sau đó, khu khai thác mỏ bị tràn ngập bởi những nhà khoa học và kỹ sư. Họ bắt đầu nghiên cứu các hệ thống kỹ thuật siêu nhỏ nano của bọn Wolf, trong lúc họ tin chắc mạng lưới tách rời khỏi băng không thể phục h ồi chức năng hoạt động của chúng. Theo sau họ là một toán những nhà nhân loại học và khảo cổ học được thả xuống trên thành phố cổ của người Amenes. Hầu hết những người theo chủ nghĩa hoài nghi trước kia không tin vào sự hiện hữu của một nền văn hóa đa dạng Atlantis vào bốn ngàn năm trước Công nguyên, lúc này họ đứng và đi lại giữa những đổ nát của thời cổ đại với lòng cung kính và sợ hãi, chăm chú nhìn hình dáng đồ sộ của những cột trụ chống đỡ khối băng bên trên, không thể tin được những gì họ đang thực sự chứng kiến. Họ nhanh chóng liệt kê các cổ vật được tìm thấy trong chiếc máy bay rách nát và trong các nhà kho trong những đường hầm trải dài ra từ nhà chứa máy bay. Sau khi được thận trọng đóng thùng, những cổ vật được đưa về Hoa Kỳ để thảo luận và nghiên cứu kỹ trước khi được đem trưng bày cho công chúng xem.

Mọi đại học trong mỗi quốc gia với một bộ phận các nhà khảo cổ học lỗi lạc được gọi tới nghiên cứu thành phố cổ và bắt đầu dời đi lớp băng đã phủ che nó kéo dài trong gần năm mươi năm và có thể dẫn tới sự phát hiện những thành phố cổ khác của người Amenes còn ẩn giấu. Tầm quan trọng không thể lường được của các cổ vật là cuối cùng, chúng sẽ choán đầy những viện bảo tàng trong các thành phố lớn trên thế giới.

Gương mặt được khâu vá, do một toán thầy thuốc bay đến để chăm sóc và di tản những người bị thương, Pitt cùng với Giordino chào đón Bồ già Cussler khi ông và các thủy thủ của ông tới để thu nhặt những gì còn lại của chiếc Snow Cruiser để đưa lên tàu chở về khu phục h ồi tại Hoa Kỳ. Họ hộ tống ông đến trung tâm kiểm soát và sau đó đứng lùi lại với mặc cảm tội phạm, trong lúc Bồ già chiêm ngưỡng chiếc xe lần đầu tiên từ khi nó rời khỏi trạm Little America VI.

Ông già vừa nghiêm trang vừa buồn rầu nhìn chiếc xe khổng lồ màu đỏ nhàu nát như một cục bột, lỗ chỗ những vết đạn, lớp xe rách toạc và bẹp dí, những cửa sổ buồng lái rách tả tơi, mái bay mất. Gần ba phút trôi qua trong lúc ông đi quanh đồng đồ nát, chiêm ngưỡng vẻ tàn tạ của nó. Sau cùng, ông ngược lên và nở một nụ cười méo xệch.

“Chẳng có một thứ gì là không thể”, ông nói, vừa vuốt bộ râu bạc.

Pitt nhìn ông với ánh mắt xa vắng, “Ông thực sự tin có thể tái tạo nó chứ?”

“Tôi biết đi đâu đó. Có lẽ phải mất hai năm, nhưng tôi nghĩ chúng tôi có thể làm cho nó trông như hoàn toàn mới trở lại.

“Không thể có chuyện đó”, Giordino nói và lắc đầu.

“Các cậu và tôi đang không xem xét cùng một vấn đề”, ông Cussler nói. “Các cậu chỉ chú ý tới những đồ nát, còn tôi chỉ quan tâm tới động cơ tuyệt vời của nó, mà một ngày nào đó hàng triệu người có thể ngưỡng mộ”. Đôi mắt màu xanh của ông già lóng lánh lúc ông nói. “Những gì các cậu không nhận thấy là các cậu đã sử dụng một cỗ máy bỏ phế để tạo nên một thành công làm kinh ngạc mọi người. Trước đó, điểm khác biệt duy nhất của chiếc Snow Cruiser chỉ là sự thất bại nhục nhã và đã không hoàn thành nhiệm vụ người ta trông cậy vào nó. Đó là chở một toán thủy thủ an toàn vượt qua năm ngàn dặm trên mặt băng Nam Cực. Hầu như ngay lập tức nó loạng choạng sau khi rời khỏi chiếc tàu năm 1930 và bị chôn vùi suốt bảy chục năm. Cả hai cậu không chỉ chứng tỏ nó là một bộ máy vô địch của đầu thế kỉ hai mươi, khi lái nó vượt sáu mươi dặm qua cánh đồng băng giá giữa một trận bão tuyết, mà mấy cậu còn lợi dụng kích thước và sức mạnh cục súc của nó để ngăn chặn một thảm họa cho toàn thế giới. Bây giờ, nhờ các cậu, nó trở nên một mẫu lịch sử vô giá và một kho báu của nhân loại”.

Pitt nhìn chiếc xe khổng lồ méo mó như thế nó là một con thú bị thương, “Nhưng, đối với nó, niềm vui lớn nhất của nó là tất cả chúng ta còn có thể đứng ở đây”.

“Tôi hy vọng một ngày nào đó, các cậu sẽ kể cho tôi toàn bộ chuyện này”.

Giordino nhìn ông già với ánh mắt kì cục, “Bằng cách nào đó, tôi nghĩ ông đã biết cả rồi”.

“Khi nó được đem trưng bày”, Bõ già nói, vừa vỗ lưng Pitt, “tôi sẽ gọi cho cả hai cậu lời mời tham dự lễ hội”.

“Al và tôi rất nóng lòng chờ đợi ngày đó”.

“Tôi sẽ nhớ. Cậu có thể chỉ cho tôi ai là người trách nhiệm ở đây không? Trong lúc từ trạm băng tới đây, người của tôi và tôi bắt gặp ba xác chết đông cứng cách đường băng khoảng nửa dặm. Hình như họ đang cố tìm cách vượt qua hàng rào an ninh trước khi cái lạnh giết chết họ. Tốt hơn tôi nên báo cho người có trách nhiệm ở đây biết để họ liệu”.

“Một đàn ông và hai phụ nữ phải không?” Pitt dừng dừng hỏi.

Bố già gật đầu. “Thật buồn cười. Họ ăn mặc giống như sắp đi xem bóng đá tại Philadelphia hơn là để sinh tồn tại Nam Cực”.

“Có một ít người hình như chẳng biết kính trọng thói đồng đánh của khí hậu khắc nghiệt ở đây”.

Bố già nhướn một con mắt, rồi ông lục túi và lấy ra một cái khăn tay lớn màu đỏ và xỉ mũi, “Vâng, đúng thế”.

Những chiếc máy bay đáp xuống liên tục; sau khi những nhà khoa học và các viên chức quân đội rời khỏi máy bay, chúng lại nhận những người bị thương của ông Cleary và của bọn Wolf, rồi đưa họ vào những bệnh viện tại Hoa Kỳ. Chiếc tàu ngầm nguyên tử Tucson cũng được giao nhiệm vụ, nó vượt biển qua những thang băng vào trong cảng, chung quanh là băng, và neo gần những tàu ngầm của Đế Tam Quốc xã Đức.

Hạm trưởng Evan Cunningham là một người hung hăng, thấp lùn nhưng dẻo dai, chân tay hoạt động liên tục như những con rối. Ông ta có một gương mặt trơn bóng với cái cằm nhọn và cặp mắt màu xanh đậm của người Phổ có vẻ như lúc nào cũng lay động. Ông ta gặp Đại tá Wittenberg và Tướng Bill Guerro, người từ Washington được phái tới vịnh Okuma để nhận quyền chỉ huy từ ông Wittenberg và giám thị tình trạng phức tạp có vẻ tăng lên trong việc khám phá. Ông Cunningham có vẻ ưa thích những công việc phục vụ của chiếc tàu và toán thủy thủ của mình hơn là bị điểu khiển bởi ông bộ trưởng Hải quân.

Đại tá Wittenberg mô tả Pitt với ông Cunningham, và ông Hạm trưởng muốn gặp nhân vật đó của NUMA ngay, ông ta đến gần và tự giới thiệu.

“Chào ông Pitt, chúng ta đã tiếp xúc nhau qua máy vô tuyến truyền tin, nhưng chưa thực sự gặp nhau lần nào. Tôi là Evan Cunningham, Hạm trưởng chiếc Tucson”.

“Được gặp ông là một đặc ân, thưa Hạm trưởng. Bây giờ thì tôi đã có thể chính thức cảm ơn ông vì đã kịp thời cứu chiếc Polar Storm và mọi người có mặt trên tàu”.

“Chỉ là một trường hợp may mắn vì tôi có mặt đúng nơi đúng lúc”, ông ta cười cợt mở. “Không có nhiều Hạm trưởng tàu ngầm ngày nay trong hải quân có dịp nói mình đánh đắm một tàu ngầm đâu”.

“Chắc chắn là không trừ phi họ đã về hưu tại một nhà dưỡng lão”.

“Nhân nói về những tàu ngầm, ông có biết còn bốn chiếc nữa được neo trong cảng bằng không?”

Pitt gật đầu, “Tôi đã thoáng thấy chúng sáng nay. Chúng vẫn nguyên vẹn như ngày xuất xưởng”.

“Toán thủy thủ buồng máy của tôi đã lên tàu để nghiên cứu chúng. Họ thật sự ấn tượng với phẩm chất kỹ thuật cơ khí người Đức đã đạt tới vào lúc mà những ông nội ông ngoại của chúng ta còn ngồi ở trường trung học”.

Pitt cáo lỗi khi anh trông thấy những hành khách đang bước xuống thang chiếc Boeing 737 vừa chạy vào nhà chứa máy bay. Một phụ nữ, đội cái nón lưỡi trai với mái tóc màu đỏ chảy xuống từ dưới cái nón như một thác nước kiêu hãnh, dừng lại một lúc và ngó quanh nhà chứa máy bay, kinh ngạc vì sự hoạt động náo nhiệt. Rồi cô nhìn về phía anh và gương mặt cô sáng lên.

Pitt bắt đầu rào bước về phía cô, nhưng đã bị Giordino chặn lại, và anh ta chạy ngang mặt Pitt, ôm choàng Pat O’Connell trong hai cánh tay chắc nịch của anh ta, nâng bổng cô lên khỏi mặt băng dễ dàng như thể cô là một chiếc gối, rồi quay cô thành một vòng tròn. Rồi họ hôn nhau say đắm.

Pitt đứng ngẩn ngơ, ngạc nhiên. Khi Giordino đặt Pat trên đôi chân cô, cô nhìn quanh rồi vẫy tay. Pitt hôn nhẹ cô lên một bên má, lùi lại và nói, “Có phải tôi đã bỏ sót cái gì đó hoặc hai người đã có một cái gì đó cho nhau nhỉ?”

Pat bật cười vui vẻ, “Al và tôi đã nhìn vào mắt nhau lúc chúng tôi còn ở Buenos Aires và một điếu gì đó tuyệt vời đã xảy ra giữa bọn này”.

Anh lạnh lùng nhìn Giordino, “Giống cái gì vậy?”

“Giống như bọn này đã mê nhau”.

Pitt không ngạc nhiên nữa. Bây giờ thì anh sửng sốt, “Cậu mà cũng biết yêu sao?”

Giordino nhún vai và mỉm cười, “Tôi không thể giải thích điếu đó. Tôi chưa bao giờ có cảm giác như thế trước đây”.

“Như vậy có nghĩa là cậu phá vỡ lời thề?”

“Ông bạn của tôi ơi, cậu và tôi đã có biết bao nhiêu điếu với nhau, có quá nhiều vụ phiêu lưu mà tôi không sao đếm xuể. Và thật kỳ diệu khi chúng ta vẫn cứ sống nhàn và chúng ta có quá nhiều vết sẹo chứng tỏ điếu đó. Nhưng chúng ta phải đối mặt với sự thật. Chúng ta không còn trẻ nữa.

Những khớp xương của tôi đã bắt đầu kêu lách cách khi tôi thức dậy vào buổi sáng. Chúng ta phải nghĩ tới lúc tuổi già chứ”. Anh chàng dừng lại và ngoác miệng cười, “Còn nữa, tất nhiên, Mama Giordino lại quan tâm nữa chứ!”

“Anh còn mẹ ư?” Pat hỏi, giọng trêu chọc.

“Em và Mamase rất hợp nhau đấy”, Giordino nói chắc nịch. “Mama anh không thể độc thân mãi được nếu anh muốn cho bà một Giordino nhóc con”.

“Vây tốt hơn chúng ta nên làm gấp đi”, Pat phì cười. “Ở cái tuổi ba mươi lăm, em không còn thì giờ để sản xuất một chú nhóc đâu”.

“Cô có Megan rồi ư còn gì?” Pitt nói.

“Vâng, và con bé rất tôn sùng Al”.

Pitt lắc đầu không tin, “Megan ủng hộ anh chàng ngoại quốc này ư?”

“Tại sao không?” Pat nói. “Anh ấy đã cứu sống con bé”.

Pitt không nói anh cũng đã góp một bàn tay trong việc giải cứu hai mẹ con. Anh cũng không để lộ lòng yêu mến dành cho Pat vượt khỏi tình bạn thu ần túy. “Tốt thôi, tôi cho rằng chẳng còn gì dành cho tôi ngoài lời chúc lành và yêu cầu được đóng vai phù rể trong đám cưới hai bạn”.

Giordino choàng cánh tay quanh cổ Pitt và nói với giọng tiếc nuối, “Tôi không thể nghĩ ra một người nào khác xứng đáng hơn cậu đứng cạnh tôi”.

“Định ngày chưa?”

“Không trước sáu tháng”, Pat trả lời. “Đô đốc Sandecker đã thu xếp cho tôi đi điều khiển dự án giải mã và phiên dịch những chữ khắc của người Amenes được tìm thấy trong thành phố cổ. Thực ra, công việc đó đòi hỏi nhiều năm, nhưng tôi nghĩ ông ấy sẽ không ràng buộc nếu tôi về nhà sớm để kết hôn với Al.

“Không đâu”, Pitt nói, cố tìm cách lôi cuốn Giordino sớm thực hiện hôn lễ. “Tôi nghĩ ông ấy không cản trở đâu”.

Trung úy Miles Jacobs bước lại và đưa tay chào, “ông Pitt? Đại tá Wittenberg muốn được trao đổi với ông”.

“Tôi có thể tìm ông ấy ở đâu?”

“Ông ấy và Tướng Guerro vừa đặt một trạm chỉ huy trong một văn phòng, nơi bảo quản máy bay nằm tại cuối nhà chứa máy bay”.

“Tôi sẽ đến đó ngay, cảm ơn ông”. Pitt quay lại nhìn Giordino, “Tốt hơn cậu hãy đưa Pat vào một nhà kho trống nào đó. Cô ấy có thể sử dụng

nơi đó làm khu sinh hoạt vừa là nơi để thực hiện dự án giải mã chữ khắc của cô ấy”. Rồi anh rảo bước qua khu hoạt động nhộn nhịp, đi về phía trạm chỉ huy quân sự.

Ông Wittenberg ngồi tại bàn giấy của mình và phác một cử chỉ về phía cái ghế lúc Pitt bước vào một trong những văn phòng mà những người Nga nô lệ đã đục vào khối băng gần sáu chục năm trước. Một trung tâm thông tin đã được dựng lên, do hai nhân viên truyền tin đi đầu hành. Nơi đây là một bệnh viện tạm thời với những nhân viên vừa quân sự vừa dân sự ra vào liên tục. Tướng Guerro ngồi sau một cái bàn làm việc lớn bằng kim loại đặt tại một góc bao quanh bởi các nhà khoa học đang đòi hỏi giới quân sự cung cấp những phương tiện đào bới đặc biệt để họ có thể bắt đầu dọn sạch những lớp băng che phủ thành phố cổ. Ông ta có vẻ khở sở khi Sandecker nài nỉ họ chờ đợi.

"Ông đã tìm thấy những di vật thiêng liêng của Đệ Tam Quốc xã chưa?"

"Chúng tôi quá bận rộn nên chưa làm chuyện đó", ông Wittenberg trả lời. "Tôi nghĩ đến việc trút trách nhiệm đó cho ông. Nếu ông thành công, xin báo tôi biết ngay và tôi sẽ bố trí phương tiện vận tải quân sự để đưa ông về Hoa Kỳ".

"Tôi sẽ sớm báo kết quả cho ông", Pitt nói và đứng lên. "Tôi cho rằng tôi sẽ biết nơi bọn Wolf cất giấu những thứ đó".

"Còn một đi đầu nữa, ông Pitt", ông Wittenberg có vẻ nghiêm trọng. "Xin chớ tiết lộ đi đầu gì với bất cứ ai. Tốt nhất nên chuyển những vật thiêng đó một cách kín đáo, trước khi có hàng đông những kẻ điên đánh hơi sự xuất hiện của chúng và thò tay chân vào quấy rối".

"Tại sao không phá hủy những di vật đó để tránh phiền nhiễu?"

"Không phải việc của chúng tôi. Đích thân Tổng thống ra lệnh đưa chúng về Nhà Trắng".

"Tôi hiểu rồi", Pitt trấn an ông ta.

Lúc anh đi ngang nhà chứa máy bay, Pitt cảm thấy trách nhiệm trút xuống anh như một đám mây đen. Với cảm giác nặng nề, Pitt bước về phía chiếc máy bay phản lực hành động của Karl Wolf và quan sát cái đuôi máy bay anh đã phá nát với chiếc Snow Cruiser, trước khi đi vòng qua nó về phía cánh cửa rồi chui vào trong bụng máy bay tối lơ mơ. Một ít ánh sáng xuyên qua những chỗ rách và những cửa sổ đủ để anh nhận ra sự xa hoa với những ghế đệm và trường kỷ bọc da. Anh lấy cây đèn bấm từ túi áo và

quét chùm ánh sáng của nó quanh khoang máy bay. Có một quầy rượu và một cái kệ, bên trên đặt một TV lớn. Phía đuôi khoang máy bay đặt một cái giường để chủ nhân của nó có thể ngủ vài giờ khi máy bay đang cất cánh. Những vật cố định trong phòng tắm đều được mạ vàng, kể cả cái vòi sen. Phía trước, ngay sau buồng lái, anh có thể nhìn thấy một hành lang nhỏ với những lò nướng, lò hấp dùng sóng cực ngắn, chậu rửa chén, và những tủ nhỏ chất đầy ly thủy tinh và đồ sứ.

Tia mắt anh bắt gặp một cái hộp dài được buộc dính vào sàn máy bay bên cạnh cái giường. Pitt quì xuống và rà hai bàn tay trên nắp hộp. Anh tìm cách nâng một mép nắp hộp lên và nhận ra cái hộp được làm bằng đồng đỏ và rất nặng. Một miếng lắc bằng đồng thau gắn trên nắp hộp. Anh chiếu ngọn đèn trên hàng chữ và cúi xuống gần hơn. Những chữ khắc viết bằng tiếng Đức, nhưng dựa vào số từ ngữ có hạn anh đã học được, anh có thể hiểu lỏm bẻm dòng chữ như sau. “Đây là những báu vật của các thời đại chờ được phục hưng”.

Pitt xoay những cái chốt khỏi cái yếm khóa, rồi hít vào một hơi thật sâu, anh dùng cả hai bàn tay nâng cái nắp hộp lên.

Có bốn đồ vật bên trong cái hộp bằng đồng, tất cả đều được đặt trong những hộp nhỏ bằng da được lót những miếng vải lanh dày. Anh thận trọng mở cái hộp thứ nhất và tháo lớp vải bọc món đồ vật. Một tấm lắc bằng đồng đỏ với một vết nứt chạy xuyên qua nó. Mặt trước tấm lắc chạm khắc hình một hiệp sĩ giết một con quái vật trông giống một con rồng. Sau này, Pitt mới biết tấm lắc đó được quan niệm như một vật thiêng của Quốc xã Đức vì Hitler đã gắn nó trên túi áo trước ngực bộ đồng phục của ông ta trong lúc xảy ra vụ tàn sát, khi những toán quân Đức không qui phục nhà thờ chính thống cho nổ bom phá hủy tổng hành dinh của ông ta.

Cái hộp tiếp theo chứa lá cờ thiêng của Đế Tam Quốc xã, mà Đô đốc Sandecker đã mô tả trước đây không lâu, với những dấu máu của một vệ sĩ của Hitler bị giết khi bọn cảnh sát Bavaria nổ súng vào các đảng viên Quốc xã Đức trong cuộc cách mạng Munich Tháng Mười một năm 1923. Những vết máu có thể dễ dàng nhận ra dưới chùm ánh sáng cây đèn bấm. Anh bọc lá cờ vào lại trong lớp vải lanh và đặt nó vào cái hộp da.

Sau đó, anh mở một cái hộp dài bằng gỗ dái ngựa và nhìn như bị mê hoặc vào Ngọn giáo Thiêng. Ngọn giáo được xem là do một người bách phu trưởng La Mã đã dùng để đâm vào thân thể Chúa Giêsu, ngọn giáo mà Hitler tin là sẽ cho ông ta quyền lực để định đoạt vận mệnh của thế giới.

Hình tượng ngọn giáo đã được dùng để giết Chúa trên cây Thánh giá đã vượt sức chịu đựng của Pitt. Anh nhẹ nhàng đặt vật thiêng tối thượng của người Cơ đốc giáo vào lại cái hộp gỗ, và quay sang cái hộp bằng da lớn nhất.

Sau khi tháo lớp vải lanh, anh nhận ra mình đang cầm một cái bình đựng tro hỏa táng nặng làm bằng bạc cao khoảng năm mươi xăngtimét. Trên chóp cái nắp bình được trang trí với một con chim ó màu đen đứng trên một vòng hoa bằng vàng bao quanh một hình chữ vạn tạc bằng mã não. Ngay dưới cái nắp đây là những chữ khắc *Der Fuhrer (lãnh tụ - tiếng Đức, chỉ Hitler-ND)*. Phía dưới là những con số chỉ năm 1889 và 1945. Ngay bên trên là những biểu tượng của cảnh sát Quốc xã Đức SS. Dưới cùng, trên một chiếc nhẫn bằng mã não là những cái tên Adolf Hitler và Eva Hitler.

Sự khủng khiếp khiến Pitt như bị đâm vào mặt. Một cảm giác trống vắng xâm nhập anh khi anh nhìn những vật đó. Cảm giác này lan khắp sống lưng anh, rồi anh cảm thấy dạ dày nhộn nhạo, trong lúc gương mặt anh trở nên trắng bệch. Có vẻ như trong hai bàn tay anh không phải là cái hũ đựng tro hài cốt của Adolf Hitler và nhân tình và vợ ông ta, Eva Braun.

TRO TAN, TRO TÀN, TẤT CẢ ĐỀU RƠI XUỐNG

Ngày 15 Tháng Tư, 2001
Thủ đô Washington D.C

Lúc chiếc máy bay quân sự dùng để chở hành khách được phái tới để đưa Pitt, Giordino và những vật thiêng từ vịnh Okuma đến Washington hạ cánh tại phi trường thành phố Veracruz, Mexico, Pitt hỏi viên phi công và được trả lời Đô đốc Sandecker đã phái một máy bay phản lực hành động của NUMA đến để đưa họ đi nốt quãng đường còn lại. Mồ hôi đầm đìa vì nóng và ẩm thấp, họ chuyển cái hộp bằng đồng sang chiếc máy bay màu ngọc lam với hàng chữ NUMA to tướng trên thân máy bay, đậu cách đó khoảng chừng một trăm mét.

Ngoài hai người là viên phi công chính và phụ, trong máy bay trống trơn. Sau khi đưa cái hộp lên máy bay và buộc nó xuống sàn, Pitt cố mở cánh cửa buồng lái, nhưng nó khóa chặt. Anh gõ cửa và đợi cho tới lúc một giọng nói vọng ra từ cái loa buồng lái.

“Tôi rất tiếc, ông Pitt, nhưng lệnh buộc tôi phải khóa cửa buồng lái và không cho phép ai vào buồng lái cho tới khi các vật thiêng được an toàn đưa lên chiếc xe tải bọc thép tại căn cứ không lực Andrews.

Một biện pháp an ninh quá đáng, Pitt nghĩ. Anh quay sang Giordino đang đưa một bàn tay dính sơn màu xanh lục lên. “Bàn tay cậu dính sơn ở đâu thế?”

“Từ cánh cửa máy bay. Tôi bám vào bản lề của nó lúc chúng ta đưa cái hộp lên máy bay”. Anh quẹt một ngón tay trên chỗ vết sơn, “Không phải màu lục mà màu ngọc lam. Nước sơn của chiếc máy bay này chưa khô”.

“Có vẻ như lớp sơn màu ngọc lam vừa được phun chưa được tám giờ trước đây”, Pitt nhận xét.

“Có thể nào chúng ta đang bị không tặc bắt cóc không?” Giordino hỏi.

“Có thể, nhưng chúng ta cứ tham dự trò chơi này, nếu đúng như vậy, cho tới lúc chúng ta có thể xác định mình đang bay đúng hướng tới Washington”.

Chiếc phản lực chạy trên đường băng vài phút trước khi cất cánh bên trên mặt biển dưới bầu trời trong xanh không gợn mây. Suốt vài giờ sau đó, Pitt và Giordino thư giãn và thay phiên nhau nhìn qua cửa sổ mặt nước bên dưới. Chiếc phản lực bay qua Vịnh Mexico và hướng về phía đất liền của Hoa Kỳ tại vùng Pensacola, bang Florida. Từ đây, có vẻ như họ hướng thẳng tới Washington. Khi Giordino nhận ra những thành phố của quốc gia hiện ra từ xa, anh quay sang Pitt.

“Có lẽ chúng ta đã quá đa nghi chẳng khác gì hai bà già”.

“Tôi chỉ đổi ý kiến chừng nào tôi nhìn thấy một tấm thảm đỏ đón chúng ta tới một chiếc xe bọc thép”.

Mười lăm phút sau, viên phi công nghiêng cánh máy bay và quay đầu trên đường băng được chiếu sáng của căn cứ Không lực Andrews. Chỉ tới khi còn cách đầu đường băng chừng hai dặm, chiếc máy bay hơi đổi lệch hướng. Pitt và Giordino lập tức nhận ra sự thay đổi này.

“Hắn không đáp xuống căn cứ Andrews”, Giordino thản nhiên nói.

“Không, hắn đang hướng tới một phi trường tư nhân nhỏ nằm về hướng bắc căn cứ Andrews trong một khu dân cư tên là Gordons Comer”.

“Tôi có cảm giác kỳ cục là chúng ta không được trải thảm đỏ đón tiếp đâu”.

“Chứ còn gì nữa”.

Giordino nhìn Pitt qua khóe mắt, “Bọn Wolf?”

“Còn ai khác chứ?”

“Chúng muốn có những vật thiêng đó, chúng lấy gì để huênh hoang với những kẻ cả tin?”

“Có vẻ như không phải chúng đang giở trò. Chúng không thể đáp xuống bất kỳ nơi nào giữa Mexico và Virginia”.

“Nếu không có Karl và Hugo đứng mũi chịu sào”, Pitt nói, “thì bọn chúng hoặc sẽ lang thang rày đây mai đó, hoặc chúng biết sẽ bị theo dõi bằng mọi cách từ Veracruz và bị máy bay chiến đấu của không lực săn đuổi nếu chúng tìm mọi cách làm lệch hướng bay đã được lên kế hoạch”.

“Chúng ta có nên giành quyền kiểm soát và hướng tới căn cứ Andrews không?” Giordino hỏi.

“Tốt nhất cứ nên đợi đến khi xuống đất đã”, Pitt nói. “Xông vào buồng lái trong lúc phi công tìm cách hạ cánh có thể gây ra hậu quả không hay”.

“Cậu muốn nói đến một vụ rơi máy bay?”

“Một cái gì đó tượng tự như thế”.

Mấy giây sau, những bánh xe chạm nhẹ đường băng, phát ra những tiếng rít r ồ máy bay đáp xuống và chạy thẳng tới. Nhìn qua một cửa sổ, Pitt trông thấy một chiếc xe tải bọc sắt và hai chiếc Mercedes-Benz ML 430 từ hai hướng khác nhau chạy lại và bám theo sau đuôi máy bay. Với những động cơ V-8 tới 268 mã lực, chúng là những chiếc xe thể thao có mui kiểu mẫu của châu Âu lúc này.

“Tới lúc r ồ đây”, Pitt nói nhanh và moi từ cái túi đeo lưng khẩu Colt 45, trong lúc Giordino chuẩn bị khẩu P-10. Tiếp theo, chẳng chút cố gắng, Giordino đá cánh cửa buồng lái mở ra, và họ xông vào bên trong. Viên phi công và phi công phụ tự động đưa hai tay lên mà không quay lại.

“Chúng tôi đang đợi các ông đây, thưa các ông”, viên phi công nói, như thể anh ta đang đọc một bản tin. “Xin vui lòng đừng sử dụng bảng kiểm soát của máy bay. Chúng tôi đã cắt những dây cáp kiểm soát ngay sau khi hạ cánh. Máy bay này không thể sửa chữa được nữa, tất nhiên nó không thể bay được”.

Pitt nhìn bảng điều khiển nằm giữa hai viên phi công và trông thấy những dây cáp nối liền các bộ phận kiểm soát và các bàn đạp đều bị giật đứt.

“Cả hai người bước ra!” Anh quát và nắm cổ áo kéo chúng ra khỏi ghế ng ồi. “À, ném mấy cái bị này ra khỏi máy bay!”

Chiếc phản lực vẫn tiếp tục chạy tới với vận tốc hai trăm dặm/giờ lúc Giordino ném hai gã phi công qua cửa hành khách rơi xuống lớp nhựa đường, khoái trá nhìn chúng nảy lên và lăn tròn như những con rối. “Bây giờ làm gì?” anh hỏi và trở lại buồng lái. “Mấy chiếc Mercedes SUVs k ềnh càng này chỉ cách đuôi chúng ta chừng một trăm mét và đang lao nhanh tới”.

“Chúng ta không thể sử dụng những thiết bị kiểm soát bay”, Pitt trả lời, “nhưng vẫn còn bộ thắng và những động cơ”.

Giordino có vẻ chưa hiểu, “cậu không định lái thứ này theo đại lộ Pennsylvania thẳng tới Nhà Trắng đấy chứ?”

“Tại sao không?” Pitt nói và đẩy những van tiết lưu về phía trước. Chiếc máy bay băng qua lối đi dành cho xe taxi r ồ lên con đường nối liền với phi trường. “Chúng ta sẽ cố chạy càng xa càng tốt, hy vọng khi ra tới đường phố nhiều xe cộ, chúng sẽ không dám tấn công”.

“Con người cậu cho thấy tại sao những gã lạc quan lại sống lâu hơn những kẻ hoài nghi”, Giordino nói. “Bọn Wolf sẽ liều lĩnh đến tuyệt vọng vì những vật thiêng, chúng sẵn sàng dội bom xuống một sân vận động đầy những phụ nữ và trẻ con để thu hồi lại những thứ này vào những bàn tay dơ bẩn của chúng”.

“Tôi sẵn sàng đề nghị...”

Pitt dứt ngang câu nói khi một loạt đạn đập vào lớp vỏ bóng loáng của thân máy bay như một chuỗi tiếng sấm dội tới tận buồng lái. Anh bắt đầu đập thẳng bên phải rồi bên trái, khiến chiếc máy bay chạy zic zắc trên đường để tránh đường nhắm của những tay súng trong hai chiếc Mercedes.

“Đã tới lúc tôi chơi trò tung hứng rồi đây,” Giordino nói.

Pitt trao cho Giordino khẩu Colt 45 của anh, “Cậu sẽ cần tất cả mọi hỏa lực mà cậu có thể tìm được. Còn mấy băng đạn trong túi đeo lưng của tôi”.

Giordino nằm xuống bên cánh cửa dành cho hành khách, quay đầu về phía sau và nhìn qua đuôi máy bay về hướng hai chiếc Mercedes đang bám theo. Qua khe mắt, anh thấy những đầu đạn đâm qua cánh máy bay bên phải và xuyên thủng bình chứa nhiên liệu. May mà không có ngọn lửa bùng lên, nhưng đây cũng chỉ là vấn đề thời gian trước khi một động cơ bị trúng đạn và bốc cháy. Anh thận trọng nhắm và bắn trong lúc Pitt đảo chiếc máy bay sang trái rồi sang phải.

Pitt lái máy bay lên một đường nhánh để vào đường cao tốc Branch dẫn vào thành phố. Với hai động cơ phản lực gầm rú anh nhanh chóng lao chiếc máy bay gần một trăm dặm/giờ trên đường cao tốc. Những người lái xe há hốc miệng khi chiếc máy bay lướt qua họ, rồi họ nhìn và kinh hoàng vì cuộc đấu súng giữa một người bắn qua cửa máy bay và hai chiếc Mercedes-Benz SUVs từ phía sau.

Pitt biết rõ chiếc máy bay sẽ dễ dàng bỏ rơi hai chiếc Mercedes, nhưng anh lại bị động vì cặp cánh rộng tới bốn mươi hai bộ của nó. Chẳng sớm thì muộn, anh sẽ đâm vào một chiếc xe hoặc một trụ đèn. Ưu thế duy nhất của anh là những động cơ cao hơn thân máy bay. Nhưng chúng sẽ không hoạt động lâu dài nếu một hoặc hai cánh máy bay chứa nhiên liệu bị xé rách. Lúc này anh đã thấy bình nhiên liệu bên cánh phải đã có những giọt nhiên liệu rơi xuống ở mức báo động. Anh liếc nhanh ra cửa sổ bên hông máy bay và thấy cánh của nó lỗ chỗ vết đạn và nhiên liệu phun ra dưới cơn gió.

Anh chỉ lái bằng bộ thắng, lách qua lách lại giữa dòng xe cộ thừa thớt mà anh biết nó sẽ trở nên dày đặc hơn khi anh đến gần thành phố. Khi có thể, anh cố vượt qua rồi chạy trước đầu những xe tải, lợi dụng chúng như những lá chắn để ngăn chặn những đầu đạn từ những tay súng trong hai chiếc SUVs. Anh có thể nghe tiếng súng của Giordino vọng tới từ cabin chính, nhưng lại không trông thấy kết quả, cũng không biết được những kẻ săn đuổi phía sau còn cách xa hay gần.

Với hai bàn chân đặt trên những bộ phận thắng và bàn tay phải trên những van tiết lưu, anh dùng bàn tay trái để phát tín hiệu báo nguy trên máy truyền tin vô tuyến. Người chuyên viên truyền tin tại căn cứ Không lực Andrews trả lời và hỏi vị trí của anh, vì họ không thấy anh trên màn hình radar. Khi báo cho biết anh đang ở trên đại lộ Branch gần bãi đậu xe Suitland, những nhân viên kiểm soát nghĩ anh là một gã điên và họ khất khe ra lệnh cho anh phải tắt sóng radio ngay. Nhưng Pitt cố thuyết phục và yêu cầu họ gọi đơn vị cảnh sát gần nhất, một đề nghị mà họ thích đáp ứng hơn.

Trong khoang máy bay, với phương pháp bắn thông thả từng phát một, Giordino tỏ ra hành động có hiệu quả. Anh nhắm bắn bánh trước chiếc Mercedes dẫn đầu khiến nó lâm vào tình trạng không kiểm soát được trên đường cao tốc rồi lao xuống một đường mương, lật ba vòng trước khi nằm chổng bốn bánh lên trời trong một đám bụi mù mịt. Chiếc Mercedes còn lại vẫn tiếp tục phóng tới, lợi dụng xe cộ đã trở nên dày đặc hơn làm cản trở Pitt. Anh cần phải qua hai giao lộ và qua mặt nhiều xe nhỏ và xe tải ngáng trước mặt.

Có tiếng còi báo động của xe cảnh sát vọng tới, và ngay sau đó xuất hiện những ánh sáng đỏ và xanh chớp tắt từ hướng ngược chiều chạy lại. Những xe cảnh sát cắt ngang bãi cỏ phân cách giữa xa lộ và bám đuổi theo ngay phía sau chiếc Mercedes, vượt qua nó rồi đuổi theo chiếc máy bay mà các sĩ quan cảnh sát nghĩ là nó được điều khiển bởi một kẻ tâm thần hoặc một gã say rượu.

Có lẽ mất khoảng mười giây, các sĩ quan cảnh sát vẫn chưa nhận ra những viên đạn đến từ những khẩu tiểu liên tự động được bắn ra từ hai gã đàn ông trong chiếc Mercedes, nhưng khi những đầu đạn xuyên thủng ca pô những chiếc xe cảnh sát làm hỏng động cơ khiến chúng ngừng hoạt động, các sĩ quan cảnh sát ngạc nhiên và bối rối, lái xe của họ ra khỏi đường cao tốc để vào đường nhánh trong lúc khói bốc lên khỏi những nắp ca pô xe của họ.

“Chúng đã chặn đứng những anh cớm!” Giordino hét lớn qua cửa buồng lái.

Họ không còn hy vọng bảo vệ được những vật thiêng, Pitt nghĩ, trong lúc chiếc Mercedes lao tới và những tay súng vãi một loạt đạn ngay mũi máy bay. Nhưng chiếc Mercedes đến gần chiếc máy bay là một nhàn lẩn. Giordino nắm cả hai khẩu súng tự động trong hai bàn tay, trút hết hai băng đạn vào chiếc Mercedes, và gã lái xe gục xuống trên tay lái. Chiếc SUVs lao đảo lao ra khỏi lối đi của nó, đâm vào hông một chiếc xe tải lớn chở sữa. Những bánh xe sau của chiếc xe tải trèo lên chiếc Mercedes, cán bẹp những kẻ ngỗ trong xe rồi chồm qua nó trước khi bỏ lại một đồng đồ nát méo mó vụn vẹo.

“Cậu có thể chậm lại được rồi”, Giordino bình thản nói. “Bọn phá binh đã bị hạ”.

“Không ngờ cậu lại bắn khá hơn tôi tưởng”, Pitt nói và kéo những van tiết lưu về phía sau nhưng vẫn để máy bay tiếp tục chạy trên đường cao tốc. Khi đã an tâm không còn bị đuổi theo, anh lái máy bay vào một bãi cỏ lớn trong công viên Fort Davis rồi tắt động cơ.

Chỉ trong vài phút, họ đã bị bao vây bởi những chiếc xe cảnh sát Quận Columbia, có đến cả chục chiếc, và bị buộc nằm úp mặt trên bãi cỏ với hai cánh tay bị còng sau lưng. Tiếp theo, sau khi họ được đưa tới trạm gần nhất và được hai thanh tra thẩm vấn, câu chuyện bị săn đuổi vì cố bảo vệ những vật thiêng của Quốc xã Đức vẫn bị nghi ngờ, Pitt yêu cầu được gọi điện.

“Các ông được quyền gọi”, Trung úy Thanh tra Richard Scott, một cựu chiến binh có mái tóc màu xám trắng nói.

“Tôi rất mang ơn nếu ông gọi giúp”, Pitt nói.

Viên thanh tra nhắc cái ống liên hợp lên khỏi giá điện thoại trong phòng thẩm vấn, “Số?”

“Tôi không bao giờ nhớ được con số, nhưng tổng đài có thể cho ông số điện thoại của Nhà Trắng”.

“Tôi chán ba cái thứ rác rưởi của anh lắm rồi, Scott có vẻ mệt mỏi. “Anh muốn gọi số nào?”

Pitt nhìn viên thanh tra với cặp mắt lạnh lùng, “Tôi hoàn toàn nghiêm chỉnh đấy. Vui lòng gọi Nhà trắng và xin gặp Chánh văn phòng của Tổng thống. Bảo ông ta là chúng tôi cùng những vật thiêng đang mòn mỏi trong một trạm cảnh sát trên đại lộ Potomac”.

“Ông đùa”.

“Các ông phải kiểm tra chúng tôi và sẽ biết chúng tôi là người của NUMA, và không phải là những tội phạm bị truy nã”.

“Vây thì các ông giải thích thế nào về chuyện bắn nhau trên đường cao tốc với những khẩu súng không được đăng ký?”

“Xin vui lòng gọi giúp đi”, Pitt nài.

Sau khi bấm những con số của Nhà Trắng, Scott làm theo mọi hướng dẫn của Pitt. Dần dần nét mặt ông ta thay đổi như một diễn viên sân khấu. Từ ngò vức chuyển sang tò mò rồi khiếp phục. Sau khi đặt cái ống liên hợp xuống, ông ta nhìn họ với sự kính trọng mới mẻ .

“Sao?” Giordino hỏi.

“Đích thân Tổng thống nói chuyện, và ông ra lệnh cho tôi hộ tống các ông và những vật thiêng của các ông đến Nhà Trắng trong mười phút nữa hoặc ông ấy sẽ lột huy hiệu của tôi”.

“Đừng lo, Trung úy”, Giordino đặc ý nói. “Chúng tôi không làm ông bị trễ giờ đâu”.

Với những tiếng còi hú và những ngọn đèn chớp tắt, Pitt và Giordino với cái hộp bằng đồng vượt nhanh qua cổng phía tây bắc Nhà Trắng. Khi đã vào trong tòa nhà, cái hộp được mở ra và được mọi đôi mắt sắc bén của Mật vụ rà soát để tìm vũ khí hoặc những thiết bị gây nổ. Những vật thiêng của Đệ Tam Quốc xã Đức được lấy ra khỏi những cái hộp da và những lớp vải lanh bị tháo ra, sau cùng chúng được phơi bày. Tiếp theo, thay vì làm cái công việc phiền hà là gói chúng lại, Giordino chỉ đơn giản lấy Ngọn giáo thiêng lên và nắm nó trong một bàn tay. Pitt đưa tấm lắc nhỏ bằng đồng và lá cờ vấy máu cho một nhân viên Mật vụ. Còn anh ôm cái bình tro hài cốt trong hai bàn tay.

Bà thư ký của Tổng thống, được bảo vệ ít nhất bốn nhân viên mật vụ, đứng im khi trông thấy họ bước lại gần. Bà mỉm cười chào Pitt và Giordino. “Ngài Tổng thống và mấy vị viên chức cao cấp đang sốt ruột chờ đợi quí ông trong văn phòng ông ấy”.

“Chúng tôi trông thật lồi thoi lếch thếch, rất không xứng một vụ đón tiếp”, Giordino nói, vừa nhìn quần áo xộc xệch của mình.

“Nếu tôi có thể rồi rồi một lúc nhỉ”, Pitt nói. “bà có thể chỉ cho tôi phòng vệ sinh gần nhất chứ?”

“Sao, được thôi”, bà nói, giọng ngọt ngào. “Phòng dành cho quí ông ngay phía sau, bên phải”.

Mấy phút sau, Pitt và Giordino bước vào văn phòng Bầu dục. Họ ngạc nhiên khi thấy rất đông người trong phòng - các Tham mưu trưởng liên quân, các cố vấn và viên chức chính phủ của Tổng thống, Đô đốc Sandecker cùng Hiram Yaeger và ông Rudi Gunn, nhiều lãnh đạo trong quốc hội và Loren Smith, cô không hề sợ sệt hoặc bối rối khi bước lại và hôn lên môi Pitt. Và một tràng pháo tay vang dội khi Pitt và Giordino đứng ngạc nhiên nhìn mọi người.

Khi những tiếng vỗ tay và những giọng nói lắng xuống, Pitt không thể ngăn mình thốt ra, “Chắc chắn đây là một sự đón tiếp tốt hơn sự đón tiếp dành cho chúng tôi tại phi trường Gordons Comer nhỉ?”.

“Gordons Corner?” ông Sandecker bật ra. “Các cậu được lệnh đáp xuống Căn cứ Không lực Andrews kia mà, phái đoàn đón tiếp vẫn đang đợi các cậu ở đó”.

“Vâng”, Ngoại trưởng Paul Reed nói. “Vì sao các ông lại bị cảnh sát chặn lại và bắt giữ?”

“Bọn Wolf cố tìm cách đoạt lại các vật thiêng”, Pitt trả lời.

“Chúng định cướp máy bay để đoạt lại những vật thiêng phải không?” Đại tướng Amos South hỏi. “Tôi thực sự hy vọng chúng thất bại”.

“Chúng đã thất bại”, Pitt trấn an ông ta. “Chúng tôi vẫn giữ những vật đó”.

Tổng thống Dean Cooper Wallace bước lại chỗ họ. “Quý ông, tổ quốc, không, cả thế giới mang nợ quý ông. Một món nợ không bao giờ trả được. Đáng tiếc, chỉ có một số quá ít người biết thế giới này đã nằm kề một bên thảm họa như thế nào và những gì quý ông đã làm để ngăn chặn thảm họa đó”.

Phó Tổng thống Brian Kingman đứng cạnh Tổng thống, “Thật bất công đối với quý ông vì không nhận sự đón tiếp xứng đáng với công lao to tát của quý ông. Nhưng nếu câu chuyện nhân loại trên thế giới có thể bị xóa sổ trong giây lát được mọi người biết rõ, chắc chắn cả thế giới sẽ xảy ra hỗn loạn. Mọi thứ sẽ đảo lộn, và khi sự nguy hiểm dù không còn nữa, thì sự sợ hãi và khủng khiếp có thể vẫn kéo dài trong nhiều năm sắp tới”.

“Brian có lý”, Tổng thống nói. “khi biết Trái Đất sẽ bị một sao chổi hoặc tiểu hành tinh, hoặc chỉ là một trận động đất cũng vẫn là một sự kiện khó chấp nhận đối với công chúng, vì họ vẫn phải sống mỗi ngày. Và có thể người ta không bao giờ trút bỏ được ý nghĩ về một gã điên khủng khiếp, giống như Karl Wolf, và gia đình hắn lại tìm cách tổ chức những lễ hội để

hàng năm tưởng niệm hàng tỉ người đã bị hủy diệt vì tham vọng thống trị thế giới của chúng. Sự sợ hãi sẽ lan rộng không kiểm soát được, một tình trạng chúng ta không thể cho phép xảy ra”.

“Tôi không quan tâm, thưa Tổng thống”, Giordino nói, vui vẻ một cách trơ tráo. “Bao giờ tôi cũng chán ghét cái ý nghĩ người ta chạy tới và xin chữ ký trong lúc tôi đang ăn tối trong một nhà hàng”.

Pitt quay mặt đi để nín cười. Ông Sandecker đảo cặp mắt lên trần nhà. Tổng thống bối ngỡ, không hiểu gã người Ý lùn tịt này đang bốn cọt hoặc nghiêm chỉnh.

“Tôi nghĩ những gì bạn tôi vừa nói”, Pitt gỡ rối, “là anh ấy và tôi hoàn toàn mong muốn danh tính chúng tôi được giữ kín”.

Tới lúc này, mọi người trong phòng bắt đầu đặt câu hỏi. Phần lớn đều muốn biết chuyện họ đã vượt qua khối băng trong chiếc Snow Cruiser và cứu những toán Lực lượng Đặc biệt như thế nào. Rồi Tổng thống nhìn xuống và trông thấy ngọn giáo trong bàn tay Giordino.

“Đó là Ngọn giáo Thiên đàng tôi đã nghe nói quá nhiều về nó phải không?” Ông hỏi.

Giordino lãnh đạm đặt ngọn giáo vào hai bàn tay Tổng thống, “Vâng thưa ngài, nó đây”.

Tổng thống Wallace đưa ngọn giáo lên khỏi đầu, trong lúc mọi người nhìn nó với vẻ hoảng sợ.

“Đây là vật tối thiêng đối với toàn thể tín đồ Cơ đốc giáo”, Pitt nói. “Theo truyền thuyết, ai sở hữu nó sẽ nắm cả vận mệnh thế giới, mặt tốt lẫn mặt xấu”.

“Rõ ràng Hitler đã chọn khía cạnh thứ nhì”, Đô đốc Sandecker nói.

“Có đúng là ngọn giáo này đã đâm vào thân thể của Chúa trên thập tự giá không?” Ông Wallace cung kính hỏi, nhìn ngọn giáo như muốn tìm thấy một dấu máu khô.

“Cũng chỉ là truyền thuyết thôi”.

Tổng thống đưa ngọn giáo cho ông ngoại trưởng Reed, “Tốt hơn cậu nên giữ nó, Paul”.

“Ngài định làm gì với thứ đó, thưa Tổng thống?” Tướng South hỏi.

Ông Wallace vuốt nhẹ mũi ngọn giáo, “Tôi được biết ngọn giáo thuộc về kho tàng lưu trữ của Cung điện Hoàng gia Áo tại Vienna, và Hitler đã cướp nó năm 1938 tại nơi đó”.

Bộ trưởng Ngoại giao Reed lắc đầu, “Không đời nào”, ông ta nói. “Tôi rất tiếc, thưa Tổng thống, nhưng nó phải được cất giữ ở một nơi khác. Không bao giờ được để nó lại rơi vào những bàn tay độc ác, vì nó sẽ bị lợi dụng như một biểu tượng cho những chế độ bạo ngược”.

Sau khi mọi người đã xem xét lá cờ máu và tấm lắc nhỏ bằng đồng được xem đã có lần cứu sống Hitler, Pitt bước ra bàn giấy của bà thư ký của Tổng Thống, nơi anh gởi cái bình đựng tro hài cốt, và mang nó vào Phòng Bầu Dục. Anh đặt nó lên cái bàn trước lò sưởi, “Tro hài cốt của Hitler và Eva Braun”.

Rồi anh bước lùi lại trong lúc đám đông trong Phòng Bầu Dục bước đến gần để đọc những chữ khắc trên cái bình bằng bạc. Những giọng nói nhanh chóng trở nên những lời thì thầm khi họ quan sát cái hũ đựng những di vật gớm ghiếc của kẻ bạo ngược kinh tởm nhất trong lịch sử loài người.

“Nó làm em lạnh toát cả người khi nhìn nó”, Loren nói và nắm chặt cánh tay Pitt.

Anh ôm ngang hông cô, “Anh tin chắc không chỉ một mình em có cảm giác đó”.

“Càng nhìn nó càng thấy tởm”, Tổng thống nói khẽ.

Tướng South nhìn Tổng thống và nói, “Thưa ngài, tôi nghĩ chúng ta nên xem bên trong cái bình này có thật là tro không?”

Tổng thống Wallace nhìn khắp căn phòng, “Có ai phản đối không?”

“Tôi cũng nghĩ rằng”, Ngoại trưởng Reed nói, “nên để phòng thí nghiệm của FBI phân tích xem có phải đó là tro hài cốt người hay không?”

“Ông vui lòng giở cái nắp bình chứ, Tướng quân?” Tổng thống hỏi Tướng South.

Thậm chí người quân nhân già và cứng cỏi cũng cảm thấy ghê tởm khi phải đụng đến cái hũ. Rất miễn cưỡng, ông nhẹ nhàng đặt mấy ngón tay quanh con ó màu đen trên chóp nắp bình, cẩn thận xoay và nhấc nó lên. Ông ta đặt cái nắp lên mặt bàn như thể nó bị nhiễm trùng.

Mọi người im lặng lùi lại khi Tổng thống thận trọng nhìn vào bên trong bình. Nét mặt ông lộ vẻ ngạc nhiên, rồi ông ngược lên, nhìn những gương mặt căng thẳng vì chờ đợi.

“Trống trơn”, ông nói, “không có tro trong bình”.

Từ ngữ “trống trơn”, được lặp lại khắp căn phòng. “Chắc chắn đây là một trò lừa gạt không ai nghĩ tới”, Phó Tổng thống Kingman nói, có vẻ hoang mang.

“Có thể bọn Wolf đã lấy tro đem giấu nơi khác?” Tướng South nói, phản ánh ý nghĩ của mọi người có mặt.

Chỉ Giordino là tỏ ra lặng lẽ một cách kỳ lạ. Rồi gương mặt anh chàng sáng lên như vừa bất chợt nghĩ ra điều gì. Anh quay lại và nhìn Pitt, đầy vẻ nghi ngờ, “Ồ, không!” Anh nói thật khẽ. “Cậu không làm chuyện đó chứ?”

“Có đấy”, Pitt thực thà thú nhận.

“Các anh nói chuyện gì vậy?” Loren hỏi. “Bộ các anh biết ai lấy tro à?”

“Tôi biết”.

“Ai thế?”

“Anh”, Pitt trả lời, đôi mắt màu ô liu của anh lấp lánh những tia sáng vui thích độc ác. “Anh đã tống hết mớ tro vào bồn cầu trong toilet dành cho đàn ông tại Nhà Trắng”.

PHÚC LÀNH SAU CÙNG

*Ngày 10 Tháng Chín, 2001
Thủ đô Washington D.c.*

Một ngày điển hình tại thủ đô quốc gia. Khí hậu nóng và ngột ngạt, lá xanh đung đưa trên cành và không khí mát mẻ do cơn mưa mang lại không còn nữa. Những đám đông đứng thành những hàng dài để chờ vào xem khu mới khai trương của Viện Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên, nơi trưng bày hơn ba ngàn cổ vật của người Amenes được tìm thấy từ đảo St.Paul, trên tàu Ulrich Wolf và được khai quật từ thành phố băng cổ tại Nam Cực.

Các thành viên của dòng họ Wolf, như người ta đã biết trước, được tự do sau khi các toà án xét xử. Nhưng một Lực lượng điều tra quốc tế được thành lập không có mục đích gì khác ngoài việc giám sát chặt chẽ toàn bộ những thành viên này. Dòng họ Wolf không có cách nào để có thể tái diễn một mưu đồ khác nhằm thống trị thế giới mà không bị phát giác và ngăn chặn ngay từ trứng nước. Tập đoàn Vận Hội không còn nữa. Và cùng với cái chết của Karl, cả gia tộc trở nên mất phương hướng. Và khi không còn tiền bạc và những tài sản khổng lồ, hầu hết đều không thể duy trì một cuộc sống xa hoa như trước.

Chính phủ Chi Lê lập tức chiếm đoạt bốn chiếc tàu khổng lồ của Tập đoàn Vận Hội. Sau khi vịnh Chi Lê được nạo vét mở rộng đủ cho bốn chiếc tàu khổng lồ có đường ra biển, những chiếc tàu siêu hạng này bắt đầu thông thương khắp bảy đại dương lớn nhỏ, chở một lượng khách sù những hành khách và hàng hóa mà trước đó vài năm, người ta không bao giờ hình dung được. Chiếc tàu Ulrich Wolf được bán cho một công ty tàu biển với giá ba tỷ

đô la. Khi dư luận bớt gay gắt, nó được sử dụng như một thành phố nổi, du hành khắp thế giới với những phòng khách tiết, những căn hộ chung cư cho tư nhân sở hữu. Nó được mang tên mới là Thiên đường Đại dương và rất nổi tiếng vì những chuyến bay quốc tế đầu có thể hạ cánh và cất cánh trên đường băng dài trên boong của nó trong lúc nó đi khắp nơi ngoài khơi.

Ba chiếc tàu khổng lồ kia được bán cho các công ty vận tải biển và công ty dầu mỏ, và nhanh chóng trở thành những vật quen thuộc tại các cảng lớn có thể tiếp nhận chúng. Vì những chiếc tàu này chứng tỏ những

con tàu siêu hạng khổng lồ có thể sử dụng được, nên chẳng bao lâu sau, sáu chiếc tàu khác có kích cỡ tương tự cũng được sản xuất.

Đô đốc Sandecker, cùng với Pitt, Loren Smith, Giordino, Pat đã bay tới để giúp việc trưng bày những chữ khắc của người Amenes — đều là thành viên của một nhóm gồm những nhân vật quan trọng được mời để duyệt trước những nơi triển lãm trước khi chúng được mở cửa đón tiếp công chúng. Dù đã nhiều lần nhìn thấy những thứ đó, Pitt và Giordino vẫn không khỏi ngạc nhiên vì sự phong phú của những vật được trưng bày. Không ai trong số những người đến xem triển lãm có thể tin những vật đó là một di sản của một chủng người đã tuyệt tích từ chín ngàn năm trước, xuất hiện rất lâu trước những nền văn minh tiền sử đã có mặt từ thời kỳ đồ đá.

Những thứ trang trí đặt ở chính giữa, dưới một mái vòm bằng kính màu rộng lớn là một số những xác ướp được bảo quản thật hoàn hảo của các lãnh tụ Amenes được Giordino và ông Rudi Gunn phát hiện trên đảo St. Paul. Không ai không đứng bàng hoàng trước những người đã sống và chết từ rất lâu trong quá khứ. Pitt nhận ra anh đang tự hỏi liệu một trong những nhân vật thời cổ đại này có thể là tổ tiên trực tiếp của mình không.

Gần năm giờ sau, họ ra khỏi nơi triển lãm, qua một cửa hông do một nhân viên bảo vệ canh gác và bắt đầu đi qua đại lộ dẫn tới Viện Bảo tàng Vận tải Smithsonian. Trông Loren thật lộng lẫy, mái tóc màu vàng nâu của cô buông xõa xuống hai vai và sáng rực dưới ánh nắng mặt trời. Cô gọn gàng và giản dị trong chiếc áo li len váy không tay bằng lụa màu xanh sáng cắt ngắn phoi cặp chân thon thả rậm nắng. Pitt mặc một sơ mi đánh golf màu xanh lục và một cái quần màu đồng sáng. Al và Pat, cả hai đơn giản với những áo thun ngắn tay và quần soóc. Như một cặp tình nhân trẻ, tay trong tay, họ đi qua khu Madison Drive và theo lối đi nhỏ cắt ngang viện bảo tàng. Ông Sandecker đi đầu, phì phèo điếu xì gà to tướng.

“Chùng nào chị quay lại Vịnh Okuma?” Loren hỏi Pat.

“Tuần sau”.

Loren mỉm cười với Giordino, “Vây là vắng bóng người yêu nhé!”

“Cô không biết sao? Ông Đô đốc phái tôi trở lại thành phố cổ để nghiên cứu. Ông ấy bắt tôi phải tìm hiểu và báo cáo về những hoạt động đi biển của người Amenes để cung cấp cho những máy tính lưu trữ hồ sơ của Hiram Yaeger. Pat và tôi sẽ cùng làm việc với nhau trong suốt sáu tháng sắp tới.

“VẬY chỉ còn lại anh và em”, Loren nói và siết bàn tay Pitt.

“KHÔNG lâu đâu”, Pitt hôn nhẹ lên tóc cô. “Hai tuần nữa, anh sẽ đi vắng để chỉ đạo một dự án tìm kiếm tại một núi lửa nằm sâu dưới biển đang nhô lên về phía mặt nước tại vùng đông nam quần đảo Hawaii”.

“Anh sẽ ở đó bao lâu?”

“Không lâu hơn ba tuần lễ”.

“Em nghĩ em có thể chịu đựng ba tuần lễ vắng anh”, Loren nói với một nụ cười yếu ớt.

Họ băng qua khu Jefferson Drive giữa dòng xe cộ và đi dọc theo lối vào dẫn tới Viện Bảo tàng Vận tải. Bên trong, trên một khu đất rộng bốn mẫu Anh, nơi trưng bày hàng trăm chiếc xe hơi, từ những chiếc xe đời mới nhất đến những chiếc xe ra đời trong những năm 1890. Chúng được sắp xếp theo thứ tự niên đại, từ những chiếc xe bằng đồng thau đến những chiếc xe theo quan điểm cuối cùng của những nhà chế tạo xe hơi. Ngoài những chiếc xe nhà bốn bánh, mọi loại xe cộ mà người ta có thể tưởng tượng ra cũng được trưng bày. Từ những chiếc xe tải, những xe kéo dùng trong các trang trại, xe mô tô, đến cả những chiếc xe đạp.

Viên ngọc quý trong bộ sưu tập này là chiếc Snow Cruiser khổng lồ của Đô đốc Byrd. Nó ngổn ngang bệ trong một gian trưng bày thấp hơn mặt đất năm bộ để công chúng có thể ngắm nghía qua những cửa sổ và cửa ra vào được mở rộng ngang tầm mắt. Màu sơn đỏ và những sọc màu cam mới toanh sáng lấp lánh dưới những bóng đèn trên cao chiếu xuống.

“CHẮC CHẮN họ phải mất rất nhiều công sức để bảo quản nó”, Pitt bình thản nói.

“THẬT khó tin”, Giordino thì thầm, “cậu hãy nghĩ chúng ta đã phá hủy nó như thế nào”.

Ánh mắt ông Sandecker lướt dọc theo chiếc Snow Cruiser từ đầu này đến đầu kia, “Đúng là một loại cơ giới đường bộ. Nó quá đặc biệt đối với một thiết kế xe cộ gần sáu mươi bốn năm trước”.

“Tôi không thể không tự hỏi nó có thể làm chuyện gì với hai động cơ diesel sáu trăm mã lực trong lòng nó”, Giordino thắc mắc.

“Tôi muốn có nó trong bộ sưu tập của tôi biết chừng nào”, Pitt âm ỉ.

Loren nhìn anh, “Chuyện này làm em nhớ có một lần anh không thể mang về nhà một vật kỷ niệm chỉ còn bốn cái bánh xe từ một vụ phiêu lưu của anh”.

Anh nhún vai bất lực, “Lần này cũng vậy. Nó được dành cho công chúng mà”.

Họ đứng đó khoảng năm phút để ngắm nghía chiếc Snow Cruiser, trong lúc Pitt và Giordino đắm mình trong hũ tưởng vào lúc điên khùng lái nó qua cánh đồng băng tại Nam Cực. Rồi, rất miễn cưỡng, họ rời khỏi chiếc xe khổng lồ và đi về phía hai cánh, ngắm nhìn những vật triển lãm khác cho đến khi họ trở lại lối vào chính.

Ông Sandecker đưa cổ tay lên xem giờ, “Đã tới lúc tôi phải đi rồi”.

“Một vụ hò hẹn nóng bỏng?” Giordino hỏi. Người ta biết rõ từ vụ ly hôn nhiều năm trước, ông Đô đốc là một trong những kẻ độc thân được các quý bà cần kết hôn sẵn lòng nhiều nhất trong thành phố. Không gây một ràng buộc nào, ông tìm cách khéo léo làm vui lòng những bạn gái của mình, không bao giờ chọc giận hoặc làm họ vỡ mộng.

“Tôi sắp ăn tối với Thượng nghị sĩ Mary Conrow, và tôi khó lòng xem đây là một vụ hẹn hò nóng bỏng với cô ấy”.

“Ông là con chó săn già mà”, Loren nói. “Mary là một thành viên của hội đồng ngân sách. Ông đang săn đuổi để dỗ ngọt cô ấy bỏ phiếu tăng ngân sách cho NUMA phải không?”

“Nếu vậy thì pha trộn công việc với niềm vui rồi còn gì”, ông hôn má hai người phụ nữ nhưng không bắt tay hai gã đàn ông. Vì thấy mặt họ hăng ngày nên ông không cần có những cử chỉ thân mật nhưng ai cũng thấy ông xem Pitt và Giordino như những con trai mình.

“Chúng ta cũng đi thôi”, Pat nói. “Chúng ta đã hứa với Megan là sẽ đưa con bé đi ăn hamburger và xem phim mà”.

“Tối Thứ Sáu ăn cơm tại nhà tôi chứ?” Loren nói, cánh tay ôm ngang hông Pat.

“Rất vui lòng”, Pat trả lời Loren, rồi quay sang Giordino. “Đi với em chứ, anh yêu?”

Giordino gật đầu, “Loren làm món xú mại thật hết ý”.

“Sẽ có xú mại mà”, Loren phì cười.

Mặt trời đang lặn ở đường chân trời, từ một quả bóng màu vàng nhỏ chuyển sang một khối cầu lớn màu cam, lúc Pitt và Loren ngẩng trong căn hộ tại nhà chứa máy bay của anh, vừa thưởng thức một ly tequila Don Judia

màu bạc vừa nghe nhạc. Cô thoải mái trên chiếc trường kỷ, dựa người vào anh, hai chân khoanh lại.

“Anh không bao giờ hiểu được vì sao phụ nữ lại làm được chuyện đó”, anh nói giữa hai ngụm rượu.

“Làm chuyện gì?”

“Ngồi xếp bằng. Anh còn không thể gấp chân lại được nữa là, và nếu anh có thể thì hai chân cũng chỉ tạo được một vòng cung và tê rần”.

“Đàn ông rất giống những con chó, phụ nữ thì giống mèo. Những khớp của bọn em mềm dẻo hơn bọn anh”.

Pitt uể oải đưa hai bàn tay lên cao và xòe ra, “Quá nhiều cho một ngày Chủ Nhật. Ngày mai anh phải quay lại việc nghiên cứu những báo cáo về dự án hải dương học, và em lại phải vật lộn với những diễn văn lĩnh kinh tại Quốc hội”.

“Nhiệm kỳ của em sẽ chấm dứt vào năm sau”, cô chậm rãi nói. “Em đang nghĩ tới chuyện sẽ không ứng cử trong nhiệm kỳ tới”

Anh nhìn cô, vẻ tò mò, “Anh nghĩ là em muốn nói em đã trở nên già tại Quốc hội?”

“Em chỉ thay đổi quan điểm thôi. Sau khi thấy những gì xảy ra giữa Pat và Al, em nhận ra rằng khi em muốn có những đứa con kháu khỉnh lúc em còn có thể, thì tốt hơn em nên tìm một người đàn ông tốt để kết hôn”.

“Anh không thể tin chính anh đang nghe chuyện này?”

Cô ném cho anh một nụ cười vừa nhạo báng vừa dò hỏi. “anh không muốn cưới em à?”

Phải mất một lúc để Pitt tiêu hóa những gì cô nói, “Nếu anh nhớ không lầm thì anh định tổ chức một hôn lễ trong sa mạc Sonoran sau vụ kinh doanh vàng của người Inca và sau khi anh bị em chinh phục.

“Sau đó thì sao?” Cô hỏi với vẻ khiêu khích.

“Sau đó anh chẳng bao giờ hỏi em lại. Làm sao em biết anh không thay đổi ý kiến chứ?”

Cô nhìn vào mắt anh, không hiểu anh nói nghiêm chỉnh hay chỉ đùa cợt cho vui, “Anh run rẩy phải không?”

“Cả hai chúng ta có thể thay đổi cách sống không?” Anh hỏi với vẻ mặt nghiêm chỉnh. “Em vẫn có một chỗ ngồi trong Hạ viện và một ngôi nhà sang trọng trong khu vực Alexandria. Còn anh với căn hộ của mình và những chiếc xe sưu tập trong nhà chứa máy bay cũ kỹ rỉ rết với những

tiếng động cơ ồn ã của máy bay cất cánh và hạ cánh ngay trên đầu. Làm sao chúng ta có thể giải quyết chuyện đó?”

Cô quàng hai cánh tay quanh mình anh và nhìn anh qua đôi mắt đầy yêu thương, “Em đã sống những ngày tự do của một phụ nữ độc thân không bị gò bó. Em đã vui hưởng cuộc sống đó. Nhưng nay đã đến lúc phải sống thực tế. Có những dự án khác mà em muốn thực hiện”.

“Chẳng hạn?”

“Em đã được đề nghị đảm nhận chức vụ giám đốc của Tổ chức Bảo vệ Trẻ em bị Ngược đãi Quốc gia”.

“Một công việc đòi hỏi nhiều công sức. Chúng ta sẽ sống như thế nào?”

“Sẽ sống luân phiên... Một tuần ở đây, một tuần tại nhà em dưới phố”.

“Em gọi đó là thực tế à?”

Cô đột ngột trở nên suồng sã, “Em không hiểu vấn đề của anh là gì. Dù sao chúng ta cũng đã dành hầu hết thời gian tự do của mình với nhau?”

Anh kéo cô lại gần và hôn cô. “Okay, vì em nài nỉ dễ thương quá, nên anh quyết định cưới em”.

Cô đẩy anh ra và hành động như thể cô đang giận dỗi vì biết anh toàn chọc ghẹo cô, “Mặt khác, em hoàn toàn có thể nhìn quanh chứ. Chắc chắn có hàng trăm đàn ông ngoài kia biết rõ giá trị của em. Và chắc chắn em sẽ làm bánh hơn Quý ông Cao cả Dirk Pitt nhiều”.

Pitt ôm cô thật chặt, nhìn vào đôi mắt màu tím của cô và dịu dàng nói, “Tại sao phung phí thời giờ của em chứ? Em biết không thể làm như thế mà”.

“Anh thì lúc nào cũng thế”.

“Vô số chuyện sẽ xảy ra vào năm sau”.

Loren quấn hai cánh tay quanh cổ anh, “Đúng, nhưng đi đâu thú vị là làm cho chúng xảy ra”.

TÁI BÚT

Năm 1960, các nhà khảo cổ học khám phá những mẫu xương thời cổ đại của một bộ xương phụ nữ tại Santa Rosa, một trong những hòn đảo tại eo biển California. Sau khi bộ xương được đặt nằm trong Nhà Bảo tàng Santa Barbara suốt bốn mươi năm, một toán các nhà khoa học xét nghiệm DNA và dùng phương pháp radiocarbon để định tuổi những mẫu xương đó. Kết quả cho thấy những xương này đã có từ mười ba ngàn năm, và bộ xương người phụ nữ đó là bộ xương cổ nhất được tìm thấy tại Bắc Mỹ.

Trong suốt kỷ nguyên bà ta sống, người phụ nữ chắc đã nhìn thấy băng trôi ở châu Úc, những con voi ma mút có lông dày như len và những con cọp răng kiếm, và bà ta có thể đã đi từ đảo này sang đảo khác vì nước biển thấp hơn ngày nay đến ba trăm sáu chục bộ. Khám phá của bà ta khiêu khích những lý thuyết cổ truyền cho rằng những người đầu tiên sống ở châu Mỹ đã tới đó bằng cách đi bộ qua cây cầu là mặt đất, ngày nay là biển Bering nằm giữa Siberia và Alaska.

Người ở Hang Thông Minh, một tên gọi dành cho một bộ xương khác được tìm thấy, sống trên chín ngàn bốn trăm năm tại Tây Nevada và có một bộ xương sọ nhìn nghiêng cho thấy nguồn gốc của nó là người Nhật Bản hoặc người Đông Á. Hộp sọ của người Wizard sống Lang Thang Trên Biển cũng được tìm thấy tại Nevada, gần giống với hai chủng người Na uy và người Polynesians. Những xương sọ khác được tìm thấy ở Nebraska và Minnesota đều ít nhất đã sống tám ngàn năm, gần giống người châu Âu và Nam Á.

Những bằng chứng mới cho thấy những người sống định cư đầu tiên có thể là người Polynesians và người châu Á đã sống tại miền cực tây của Bắc và Nam Mỹ trong khi bờ biển phía đông được những người châu Âu đến sống định cư bằng đường thủy, họ đi dọc theo vùng đây những khối băng trôi rải rác khắp Bắc Băng dương trong thời kỳ băng hà, và họ đi theo những đàn chim di trú bay về phía tây.

Người ta biết rằng những Người lang thang băng thuyền bè từ vùng nam Á châu tới úc châu đã thực hiện những chuyến đi của họ từ hơn bốn chục ngàn năm trước, như thế chuyện vượt biển có lẽ đã hình thành từ những nền văn minh quanh biển Địa Trung hải. Biển cả vậy gọi những nhà

hàng hải cổ đại và họ đi thám hiểm và khám phá những miền xa hơn nơi họ sống yên ổn trên đó. Thế giới, và câu chuyện của họ được viết lại ngày nay.

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
A2-261 Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP Hà Nội
ĐT: (04)38474830 - Fax: (04)38474831

Nguyên tác: Clive Cussler
Bản dịch: Phạm Đăng Phụng
Chịu trách nhiệm xuất bản: BÙI VIỆT BẮC
Biên tập: THÁI HÀ
Bìa: HÁN MINH
Sửa bản in: KIM NGỌC
Liên kết và giữ bản quyền:
THOIDAIBOOKSLTD

In 1.000 cuốn khổ 16x24 cm, tại Cty CP In Phan Văn Mảng.
Số đăng ký Kế hoạch Xuất bản: 647/2011 /CXB/03-03/HĐ
QĐXB số: 13/2011 /HĐ-QĐ.
In xong và nộp lưu chiểu: 3/2012.